

T. úy

BÌNH THUẬN
30 NĂM KHÁNG CHIẾN
(1945-1975)

Mã số: 9(V.228)
CTQG-2006

TỈNH BÌNH THUẬN

BÌNH THUẬN
30 NĂM KHÁNG CHIẾN
(1945-1975)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI-2006

Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

Tổ chức thực hiện:

BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH BÌNH THUẬN

Ban biên soạn:

- Đại tá NGUYỄN THANH PHƯƠNG
- TRẦN MẠNH TƯỜNG
- ĐẶNG MỸ NGỌC

Hoàn chỉnh bản thảo:

Đại tá NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Với sự cung cấp tư liệu của các đồng chí:

- Thiếu tướng Nguyễn Thế Lâm
- Thiếu tướng Phạm Hoài Chương
- Đại tá Trần Quốc Thái
- Đại tá Nguyễn Linh
- Đại tá Võ Thọ Sơn
- Đại tá Trần Việt Tân
- Đại tá Đoàn An
- Đại tá Đoàn Tử Bấy
- Trung tá Phạm Văn Được
- Trung tá Phạm Tự Đức
- Lê Văn Hiến

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Bình Thuận nằm ở khu vực cực Nam Trung Bộ, với điều kiện tự nhiên rất khắc nghiệt, nhưng đây là vùng đất giàu truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm. Ngay từ khi Đảng ra đời, nhân dân các dân tộc tỉnh Bình Thuận đã một lòng, một dạ theo Đảng, đoàn kết đấu tranh, kiên cường chống kẻ thù xâm lược. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân dân tỉnh Bình Thuận đã dũng cảm vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, hy sinh, lập nên nhiều chiến công vẻ vang, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, giải phóng quê hương, thống nhất đất nước. Vùng đất Bình Thuận đã trở thành niềm tự hào của quân và dân cực Nam Trung Bộ.

Nhằm ghi lại những năm tháng kiên cường đấu tranh chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược và rút ra những bài học kinh nghiệm, để tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ và quân dân tỉnh Bình Thuận, nhân dịp kỷ niệm 31 năm ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Đảng ủy - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận cùng với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách *Bình Thuận - 30 năm kháng chiến (1945-1975)*. Đây là cuốn sách được biên soạn công phu và sẽ

là tài liệu bổ ích về quá trình xây dựng và phát triển của quân dân tỉnh Bình Thuận, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong giai đoạn 1945-1975.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do các sự kiện lịch sử diễn ra đã lâu, trong điều kiện chiến tranh ác liệt, tư liệu thành văn thiếu thốn, nhiều nhân chứng lịch sử đã qua đời... nên cuốn sách khó tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau được hoàn chỉnh hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2006
NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI NÓI ĐẦU

Thời kỳ 1945-1975 là thời kỳ đấu tranh oanh liệt của dân tộc Việt Nam với nhiều chiến công hiển hách, những chiến thắng chấn động địa cầu mang lại độc lập, tự do cho đất nước.

Bình Thuận, trong 30 năm vừa chiến đấu, vừa xây dựng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng bộ, chính quyền địa phương, quân và dân Bình Thuận đã cùng cả nước Tổng khởi nghĩa vũ trang giành được chính quyền (tháng 8-1945), tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975), tiếp tục góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay.

Trong suốt chặng đường đấu tranh hào hùng của cách mạng Việt Nam, quân và dân Bình Thuận đã khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, kiên cường, bất khuất, bền bỉ lập nên nhiều chiến công xuất sắc góp phần giải phóng quê hương, thống nhất đất nước. Ngày nay, quân và dân Bình Thuận đang đoàn kết phấn đấu, thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Với những thành tích

đạt được trong chiến đấu và xây dựng, Bình Thuận được Nhà nước trao tặng danh hiệu “Đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

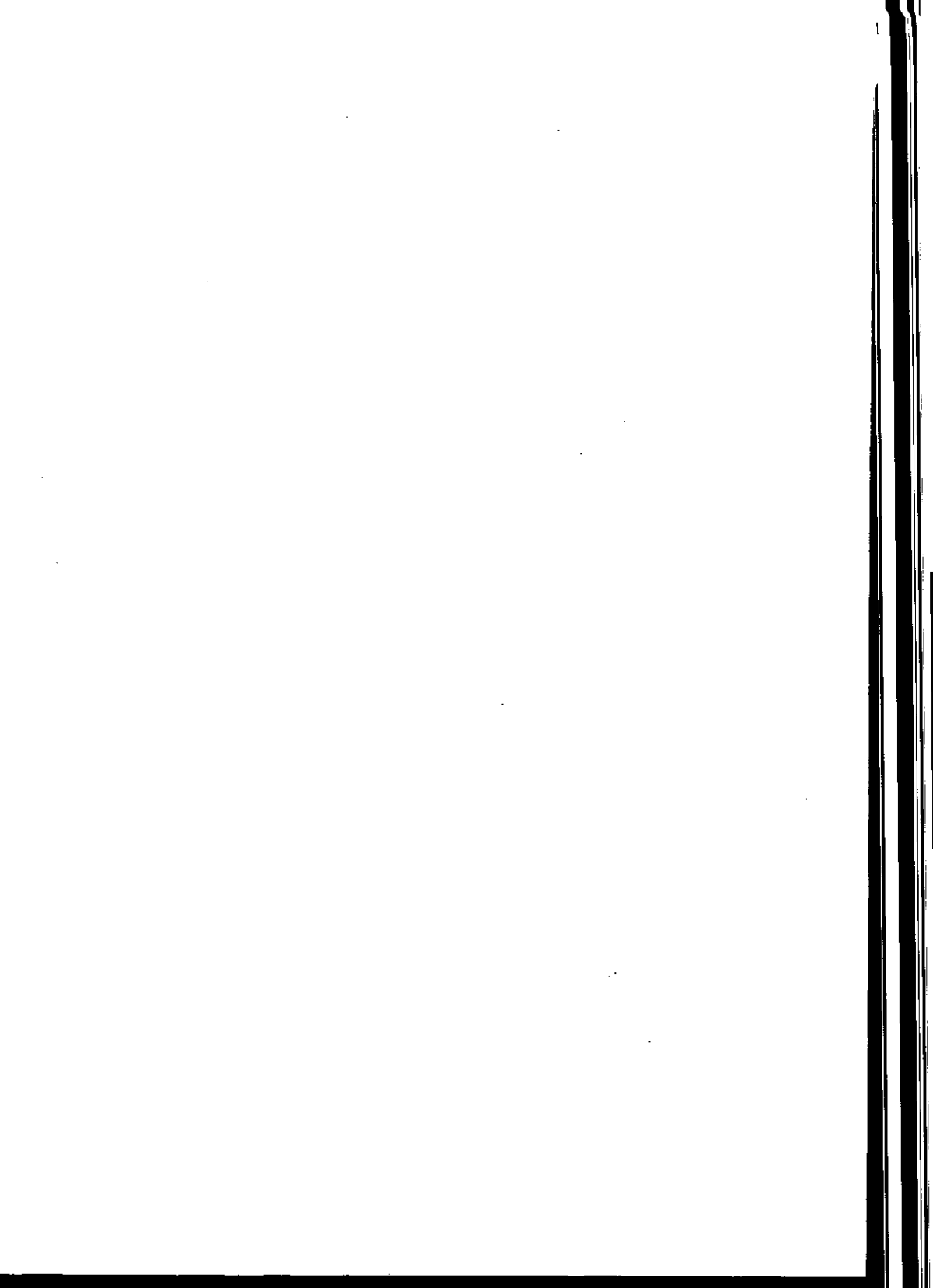
Những thắng lợi hết sức to lớn ấy trong 30 năm qua của quân và dân Bình Thuận đã để lại cho các thế hệ sau một di sản vô cùng quý giá. Đó chính là nghị lực, mồ hôi, xương máu của biết bao cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta đã ngã xuống mà thế hệ hôm nay phải luôn trân trọng giữ gìn, kế thừa và tiếp tục phát huy truyền thống: “Tự lực, tự cường, chiến đấu oanh liệt, thắng lợi vẻ vang”.

Nhằm phục vụ việc nghiên cứu, tìm hiểu của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ trong tỉnh và bạn đọc về những sự kiện lịch sử của thời kỳ đấu tranh sôi động từ năm 1945 – 1975, tỉnh đã xuất bản tập sách *Thuận Hải-30 năm chiến tranh giải phóng (1945-1954)* in năm 1991 và tập sách *Bình Thuận-30 năm chiến tranh giải phóng (1954-1975)* in năm 1992. Lần này, thực hiện chủ trương sửa chữa, bổ sung, hoàn chỉnh tập sách, Tỉnh ủy và Đảng ủy-Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiến hành biên soạn 2 tập sách trên thành 1 tập, lấy tên là *Bình Thuận-30 năm kháng chiến (1945-1975)* để phục vụ bạn đọc và chào mừng kỷ niệm 31 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30-4-1975 – 30-4-2006).

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Viện lịch sử Quân sự Việt Nam, Phòng Khoa học Công nghệ-Môi trường Quân khu 7, các đồng chí cán bộ cách mạng lão thành đã từng sống và chiến đấu ở địa phương qua các thời kỳ đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu cho công trình lịch sử này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc bổ sung, sửa chữa, song tập sách cũng còn một số mặt hạn chế vì nhiều tư liệu thất lạc trong chiến tranh, hơn nữa việc sưu tầm khai thác cũng chưa thật đầy đủ nên không thể tránh khỏi thiếu sót nhất định. Đảng ủy-Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh rất mong các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các cấp, các ngành và bạn đọc gần xa tham gia góp ý kiến để cuốn sách được đầy đủ, phong phú hơn trong lần xuất bản sau.

ĐẢNG ỦY-BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ
TỈNH BÌNH THUẬN



Mở đầu

**ĐẶC ĐIỂM VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI
VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC
CỦA NHÂN DÂN BÌNH THUẬN**

I. Vùng đất, con người Bình Thuận

Bình Thuận là tỉnh cuối cùng của cực nam duyên hải miền Trung, nối liền giữa miền Trung với miền Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên, có tọa độ địa lý $10^{\circ}34'11''$ - $11^{\circ}33'25''$ vĩ độ bắc, $107^{\circ}23'05''$ - $108^{\circ}23'24''$ kinh độ đông. Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, đông bắc giáp tỉnh Ninh Thuận, tây giáp tỉnh Đồng Nai, tây nam giáp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đông và đông nam giáp biển Đông.

Tỉnh có diện tích tự nhiên 7.849 km^2 , trong đó đất nông-lâm nghiệp chiếm 6.158 km^2 ; là vùng đất chuyển tiếp cuối cùng của cao nguyên Di Linh nên địa hình phong phú, đa dạng: có rừng núi, trung du, đồng bằng ven biển và biển đảo.

Ngay từ khi khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã xây dựng một số tuyến đường giao thông tương đối thuận lợi, nhằm phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược; khi đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam Việt Nam, chúng đã củng cố, nâng cấp và xây dựng thêm nhiều tuyến đường khác thành một hệ thống giao thông tương đối hoàn chỉnh như: Quốc lộ 1A từ Hà Nội vào Sài Gòn (nay là thành phố Hồ Chí Minh) đi qua

Bình Thuận dài gần 200km và liên tỉnh lộ số 8 (nay là quốc lộ 28) từ Phan Thiết đi Di Linh (DjRing) dài 90km. Đường tỉnh lộ 03 từ La Gi đến Tánh Linh, đường từ Lương Sơn đi Bàu Trắng, đường từ La Gi đi Bà Rịa-Vũng Tàu, đường từ ngã ba Ông Đồn đi Đức Linh, đường từ Phan Thiết đi Mũi Né... Đối với ta, ngoài hệ thống đường giao thông nói trên, trong kháng chiến chống Pháp, ta thiết lập đường hành lang chiến lược nối từ khu V qua Bình Thuận vào đến Nam Bộ. Trong kháng chiến chống Mỹ, đường hành lang không những được giữ và còn phát triển nhiều trục vào đến miền Đông Nam Bộ và nhiều đường nối từ biên giới Campuchia cắt qua 2 quốc lộ 14, 20 (Lâm Đồng) về đến căn cứ kháng chiến của tỉnh.

Hệ thống đường giao thông không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn có tác dụng lớn về mặt quân sự, tạo thuận lợi cho việc triển khai hoạt động của các lực lượng cơ giới của ta và của địch, nhưng cũng gây khó khăn không ít trong thế chiến lược liên hoàn của chiến tranh nhân dân địa phương, có nơi dễ bị chia cắt như đoạn đá chẹt Vĩnh Hảo. Cùng với hệ thống giao thông, đế quốc Mỹ đã thiết lập một hệ thống căn cứ vận chuyển khá quan trọng để phục vụ chiến tranh như sân bay nhẹ cảng Ésépic (Phan Thiết) sân bay Láng Gòn (Bình Tuy).

Bình Thuận có 7 con sông chính là: sông Lòng Sông chảy ra Liên Hương, sông Lũy chảy ra Phan Rí Cửa, sông Cái (sông Quao) chảy ra biển Phú Hải, sông Cà Ty chảy qua Phan Thiết và sông Dinh, sông Phan chảy qua Hàm Tân, sông La Ngà chảy qua Tánh Linh, Đức Linh

đổ về Đồng Nai. Sông, suối Bình Thuận hầu hết đều ngắn, có độ dốc cao, nước chảy xiết trong mùa mưa có tác dụng đáng kể trong việc giảm sức cơ động của binh, hỏa lực đối phương.

Rừng núi Bình Thuận tương đối hiểm trở, chiếm 51, 19% diện tích toàn tỉnh, là nhánh núi cuối cùng của dãy Trường Sơn, độ cao trung bình từ 800 đến 1000m, chủ yếu chạy dọc theo ranh giới tỉnh Lâm Đồng, có nhiều ngọn núi độc lập ở đồng bằng, hang động tự nhiên trong những dãy núi, rừng cần và nhiều động cát bao bọc. Phía đông và tây có nhiều mỏm núi nhô ra biển tạo thành hình vòng cung, có giá trị cao trong việc xây dựng thế trận phòng thủ, căn cứ kháng chiến để bám trụ đánh địch lâu dài.

Bờ biển Bình Thuận dài khoảng 192 km. Dọc bờ biển có nhiều cảng nhỏ như: Phan Rí Cửa, Mũi Né, Phú Hải, Phan Thiết, La Gi và nhiều bãi ngang thuận tiện cho việc dùng thuyền nhỏ để xâm nhập vào đất liền. Gần bờ có các đảo như: Cù Lao Câu, Hòn Nghê, Hòn Lao, Hòn Bà. Đặc biệt, cách đảo Phú Quý về phía nam khoảng từ 50 đến 65 km có Hòn Hải (Hòn Khám), Hòn Đồ (Hòn Bó) và cách Hòn Hải 5 km về phía tây có Hòn Tý (Hòn Vung). Hòn Hải là điểm mốc A6, là đường cơ sở để tính lãnh hải Việt Nam, là đường viền nội thủy của nước ta ở hướng đông nam biển Đông, đây cũng là hậu phương của Trường Sa và cơ sở khai thác Dầu khí 1. Địa hình ven biển và đảo của tỉnh có ý nghĩa hết sức quan trọng: vừa có giá trị kinh tế cao, vừa là thế trận quốc phòng-an ninh của tỉnh và cấp trên.

Bình Thuận có vùng đồng bằng ở các huyện Tuy Phong, Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh, Đức Linh... nên có thể tự trang trải được lương thực và phát triển các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế như: cao su, cà phê, điều và các loại cây ăn quả khác.

Do ảnh hưởng bởi vị trí địa lý, địa hình và chế độ gió mùa nên Bình Thuận là một trong những vùng có khí hậu nóng nhất nhì của cả nước. Lượng mưa trung bình hàng năm dưới 600 mm, có 2 mùa mưa, nắng rõ rệt. Ở đồng bằng mùa nắng kéo dài từ tháng 10 năm trước đến tháng 5 năm sau. Vùng rừng núi thường mưa trước đồng bằng 1 tháng. Vùng Đức Linh, Tánh Linh mưa sớm và mưa nhiều hơn các nơi khác. Vùng có lượng mưa ít nhất là vùng phía bắc tỉnh.

Nhìn chung địa hình, địa thế của tỉnh Bình Thuận có thể liên hoàn chặt chẽ với Lâm Đồng, thuận lợi cho tỉnh không những trong việc lập căn cứ, giữ gìn, phát triển lực lượng mà cả khi tiến công quân địch. Bình Thuận cùng với Lâm Đồng, Ninh Thuận gắn liền với miền Đông Nam Bộ, hợp thành một khu vực có tầm chiến lược quan trọng.

Bình Thuận được hình thành từ năm 1697 gồm cả Phan Rang (một phần đất của Ninh Thuận). Năm 1832, đổi thành tỉnh Bình Thuận và từ năm 1991 tách phần Ninh Thuận, ranh giới từ Đá Chẹt (Tuy Phong) đến Hàm Tân như ngày nay.

Cư dân Bình Thuận, ngoài các dân tộc sinh sống lâu đời ở đây, còn có người từ nhiều địa phương trong cả

nước đến lập nghiệp. Họ là những người trốn tránh sự truy nã của chế độ thực dân, phong kiến, là những người đi tìm cuộc sống trên vùng đất mới hoặc một số là những người đi “gieo mầm” đấu tranh cách mạng... Họ đã trở thành một cộng đồng cư dân, đoàn kết, gắn bó ngày càng bền chặt trên vùng đất này.

Dân số Bình Thuận trước kháng chiến chống Pháp có khoảng 120.000 người, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (cả tỉnh Bình Tuy) có 275.000 người, gồm các dân tộc: Việt, Chăm, Raglai, Hoa, K'Ho, Châu Ro, XRê, Chill, Mường, Mạ, Ba Na, Sán Diu... Đến năm 1999, dân số Bình Thuận lên đến 1.070.053 người, gồm có 27 dân tộc anh em cùng sinh sống.

Vào khoảng giữ thế kỷ 17, dân ở đây có mặt đông đúc chủ yếu ở đồng bằng ven biển. Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã đưa một số đồng bào theo đạo Thiên Chúa từ miền Bắc vào ở những nơi xung yếu dọc theo các trục lộ giao thông, một số đồng bào dân tộc Nùng, Hoa, Thái từ miền Bắc di cư vào năm 1954 ở khu vực sông Mao, sông Khiêng...

Năm 1957-1961, Mỹ-Diệm đưa khoảng 50.000 dân ở vùng tự do Liên khu 5 vào thành lập các khu dinh điền ở vùng Tánh Linh-Hoài Đức (nay là Đức Linh, Tánh Linh). Năm 1972, dịch chuyển thêm một số dân từ Quảng Trị, Quảng Ngãi và một số nơi khác vào ở theo các trục lộ giao thông, hình thành các khu dân cư mới như: Km 46 Quốc lộ 1A đến thị xã La Gi, từ La Gi đi Tân Thắng và trên trục Quốc lộ 1A từ Km 30 đến giáp huyện Xuân Lộc (Đồng Nai).

Các dân tộc thiểu số như Rắc Lay, K'ho... sống ở vùng rừng núi, thành những buôn làng. Họ tin tưởng vào thần linh, thờ cúng Giàng và phục tùng già làng, kính trọng các thầy cúng. Họ theo chế độ mẫu hệ, địa vị người phụ nữ chi phối và quyết định mọi công việc của gia đình, còn đồng bào Chăm sống ở vùng đồng bằng ven biển, tập trung nhiều nhất ở huyện Phan Lý (nay thuộc huyện Bắc Bình) cũng theo chế độ mẫu hệ.

Trong quá trình chiến tranh, địch lại thường xuyên kìm kẹp, làm cho đời sống của họ vô cùng cơ cực, nhưng đồng bào các dân tộc Bình Thuận vẫn luôn hướng về Đảng, Bác Hồ để đoàn kết, chiến đấu. Tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của toàn thể các dân tộc Việt Nam ở Bình Thuận đã cùng với cả nước luôn luôn được bồi đắp, phát triển qua bao thế hệ dựng nước và giữ nước, lập nên những chiến công hiển hách, đánh thắng các thế lực xâm lược và bè lũ tay sai, giành lại độc lập và thống nhất nước nhà.

Bình Thuận là vùng đất có nhiều tài nguyên phong phú, đa dạng với nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc. Đồng bào các dân tộc miền núi dựa vào nương rẫy, lệ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên, canh tác thô sơ nên năng suất đạt rất thấp. Khi thực dân Pháp khai thác thuộc địa, chúng đã lợi dụng tập quán của đồng bào, mua chuộc một số tầng lớp trên làm tay sai phục vụ cho sự thống trị của chúng. Chế độ phu phen, tạp dịch nặng nề chồng chất khiến đời sống đồng bào càng thêm cơ cực. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong thời kỳ chống Mỹ, đồng bào các dân tộc Bình Thuận

sống trong vùng căn cứ giải phóng có những bước thay đổi đáng kể. Mặc dù địch ra sức đánh phá ác liệt, chúng dùng bom đạn, chất độc hóa học phá hoại mùa màng, nhưng nhờ sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng, sự giúp đỡ của chính quyền cách mạng đã chia cấp một số ruộng đất và thực hiện giảm tô cho nông dân, đời sống nhân dân ổn định và phát triển. Với truyền thống chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, đoàn kết, tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, tích cực tăng gia sản xuất, nên ở nhiều vùng, sản xuất lương thực chẳng những có đủ ăn mà còn có dự trữ và đóng góp để nuôi quân đánh giặc.

Đồng bào dân tộc Chăm sống bằng nghề nông, chủ yếu làm ruộng lúa nước, các nghề thủ công cổ truyền như kiến trúc, điêu khắc, làm vàng bạc khá tinh xảo, nghề dệt tụy còn thô sơ nhưng khá phổ biến trong mỗi gia đình. Tổ chức sản xuất của người Chăm theo kinh tế gia đình, họ có tập quán tương trợ lẫn nhau, nhất là trong các công trình lớn như xây dựng các đập nước cần nhiều người tham gia.

Người Kinh đến vùng đất này từ lâu, họ làm nghề nông, đánh bắt, chế biến hải sản và các nghề thủ công khác phục vụ trong gia đình như dệt vải, đan lát... Cuộc sống bình dị đã tạo cho họ đức tính cần cù, chất phát đoàn kết tương trợ lẫn nhau.

Công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, về mặt khách quan đã tạo ra một giai cấp mới chưa hề có trước đó ở Bình Thuận: giai cấp công nhân. Cùng với hệ thống đường giao thông, các xí nghiệp, công nghiệp lần

lượt ra đời như nhà máy điện, xưởng sửa chữa cơ khí, nhà máy xay xát, sở muối của bọn thực dân đã làm tăng lên số lượng và chất lượng giai cấp công nhân trong tỉnh.

Ngoài giai cấp công nhân trong ngành công nghiệp, tầng lớp bán sức lao động cho tư sản và tiểu chủ là nước mắm “Hàm hộ”. Tầng lớp này bị bóc lột theo lối làm công ăn lương rẻ mạt, kèm theo hình thức như cho vay tiền trước với tỷ lệ lãi khá cao.

Đi đôi với việc bóc lột công nhân, thực dân Pháp còn bóc lột nông dân rất nặng nề, với những giấy phép “độc quyền lãnh thổ”, thực dân Pháp đã cướp hàng chục nghìn mẫu ruộng của nông dân; đã vậy, người nông dân còn phải chịu nhiều thứ thuế như đi làm xâu, phu phen, tạp dịch, luôn luôn bị đe dọa, bắt bớ, đời sống vô cùng cơ cực. Ngoài việc bóc lột bằng sưu thuế, nhất là thuế thân, cướp ruộng đất, bóc lột tô đất, tô nước, nông dân các dân tộc ở Bình Thuận còn bị giai cấp địa chủ áp bức, cướp đoạt tài sản.

Cùng với đà phát triển của chủ nghĩa thực dân, tầng lớp tư sản dân tộc, tiểu tư sản từng bước được hình thành, họ luôn luôn bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, nhưng do họ sản xuất và kinh doanh trong những nghề cổ truyền, điều kiện nguyên vật liệu không hoàn toàn phụ thuộc vào các thế lực cầm quyền nên họ đã đứng vững, biểu thị ý thức tự cường dân tộc. Điển hình là Liên Thành Thương quán (nay là công ty Liên Thành) đấu tranh và tồn tại hơn 70 năm, cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Từ khi Mỹ xâm lược nước ta

dưới chế độ thực dân mới, ở các thị xã, thị trấn và những vùng nông thôn tạm chiếm ở Bình Thuận, Mỹ-ngụy đã cố sức tạo ra một bộ mặt giả tạo phồn vinh về kinh tế, xã hội để lôi cuốn, khống chế và kiểm soát nhân dân. Chúng triển khai kế hoạch gom dân lập ấp chiến lược, tổ chức bầu cử, đưa bọn ác ôn, phản động vào nắm chính quyền ở cấp xã, huyện, tỉnh, chúng lập các đảng phái phản động như: “Cần lao nhân vị, cách mạng quốc gia”, “Dân chủ Đảng”... làm chỗ dựa cho bọn thống trị.

Ở vùng rừng núi, vùng nông thôn giải phóng, chúng tăng cường hành quân càn quét, đánh phá ác liệt, cào nhà, gom dân, lập ấp chiến lược... hồng làm vô hiệu hóa hạ tầng cơ sở cách mạng, triệt phá kinh tế của ta.

Hành động càn quét, khủng bố của giặc đã gây cho ta những khó khăn, tổn thất nhất định về người và của. Những thủ đoạn kinh tế-xã hội xảo quyệt của bọn thống trị, bóc lột không chừa một giai cấp nào, một dân tộc nào, đã làm bùng lên tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của các dân tộc Bình Thuận. Với truyền thống chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, quân dân Bình Thuận đã chắt chiu từng hạt gạo, từng lon nước, tiết kiệm từng viên đạn, đồng thời với việc xây dựng vùng căn cứ giải phóng để làm cơ sở hậu phương tại chỗ, phục vụ trực tiếp cho chiến trường.

Do tình hình kinh tế khó khăn, địch ra sức khống chế kìm kẹp, ảnh hưởng đến việc phát triển và tổ chức lực lượng. Mặc dù vậy, quân dân Bình Thuận đã có

những cố gắng hết sức mình làm tròn nhiệm vụ trên giao trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, góp phần làm nên những chiến thắng vĩ đại của dân tộc.

Dưới thời Pháp thuộc, với chính sách ngu dân, trường học rất ít và cũng chỉ mở đến bậc tiểu học¹. Dưới thời đế quốc Mỹ xâm lược, chúng ra sức mê hoặc thanh niên bằng văn hóa đồi trụy, phản động, xuyên tạc tinh thần độc lập dân tộc, kích động tư tưởng chống phá cách mạng, đẩy một bộ phận thanh niên vào con đường phản dân, hại nước, gây chia rẽ các dân tộc. Nhưng Bình Thuận là đất tụ nghĩa, tụ trí, những kinh nghiệm sản xuất, vốn sống được truyền lại cho nhau làm cho nền văn hóa phát triển phong phú, đa dạng.

Qua đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh xã hội, tình cảm, đạo lý, tư duy càng phát triển theo bản sắc tốt đẹp của người Việt Nam, làm đậm nét những phẩm chất đặc thù của người dân Bình Thuận: “Đùm bọc, yêu thương, giản dị, bộc trực, hào phóng và mến khách”.

II. Truyền thống yêu nước của nhân dân Bình Thuận

1. Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược theo khuynh hướng dân tộc

Khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam Kỳ (1859), Bình

1. Năm 1927, tỉnh Bình Thuận chỉ có 93 giáo viên và 2.900 học sinh tiểu học.

Thuận là vùng đất “biên thành”¹ nơi nghĩa quân của Trương Quyền lập căn cứ, phối hợp cùng nghĩa quân Phan Chính (người Ninh Thuận) để tiếp tục chống Pháp². Năm 1867, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ, nhân dân và các sĩ phu yêu nước vẫn ngoan cường chống giặc. Một số người vượt biển ra Bình Thuận lập căn cứ chuẩn bị kháng chiến: Nguyễn Thông-người sĩ phu, là nhà thơ yêu nước đã đưa gia đình ra Bình Thuận lập làng Đồng Châu để ổn định ăn ở và mưu tính việc nước. Ông đã lên vùng Tánh Linh xem địa thế, vẽ bản đồ, với ý định xây dựng căn cứ lâu dài để chống giặc giành lại giang sơn.

Năm 1885, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương, nghĩa quân Mai Xuân Thưởng từ Phú Yên vào Ninh Thuận, lấy E Lâm Hạ (Đông Bắc Ái) làm căn cứ, sau đó kéo vào Bình Thuận phối hợp với nghĩa quân của Phạm Đoan ở La Gàn đánh chiếm Tuy Phong, sau đó phối hợp với nghĩa quân của Phùng Hàn, Phùng Tố ở Hà Thủy (Đuồng) tiến đánh Xuân An (chợ Lầu) tỉnh lỵ Bình Thuận lúc bấy giờ, bắt hầu hết bọn quan lại. Tại vùng Hàm Thuận, nghĩa quân của ông Ung Chiếm hoạt động suốt mấy năm liền, nhiều lần tấn công quân Pháp. Năm 1887, thực dân Pháp phải tăng viện từ Nam Kỳ ra mới phá được nghĩa quân. Sau đó không bao lâu, phong trào

1. Nguyễn Xuân Ôn, đỗ tiến sĩ khoa Tân Vi (1871) là nhà thơ lớn, là người chống Pháp tích cực trong phong trào Cần Vương. Ông làm thơ tiễn bạn Hồ Đăng Phong đi nhận chức Tổng đốc Bình Phú có câu: Ba Phan này thật chốn biên thành (Phan Thiết, Phan Rí, Phan Rang).

2. Năm 1864, sau khi lãnh tụ nghĩa quân Trương Định mất, con trai ông là Trương Quyền lên thay, đưa nghĩa quân ra Bình Thuận phối hợp với nghĩa quân Phan Chính để tiếp tục chống Pháp.

Thiên Địa Hội lan tới, dựa vào địa thế núi xã Tô (Hồng Sơn) để tập hợp lực lượng, chuẩn bị hoạt động lâu dài. Tuy phong trào “Cần Vương” không tồn tại được bao lâu nhưng đã khơi dậy tinh thần yêu nước trong nhân dân Bình Thuận.

Trong cuộc vận động Duy Tân năm 1905, các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đã đến Phan Thiết gặp hai người con của cụ Nguyễn Thông và những người yêu nước khác tính việc thành lập các tổ chức nhằm chấn hưng nền công-thương nghiệp bản xứ và mở mang dân trí. Từ năm 1906 đến năm 1908, Liên Thành Thương quán (công ty Liên Thành sau này), Liên Thành thư xã, Dục Thanh học hiệu (trường Dục Thanh) được thành lập tại Phan Thiết.

Tại làng Bình Thạnh (Tuy Phong) cũng có phong trào hoạt động theo hướng Duy Tân, các thương quán Phong Thạnh, Đông Thạnh lần lượt ra đời... Ở Duồng, cụ Trương Gia Mô, một trí thức quan lại tiến bộ, đã giúp đỡ Nguyễn Tất Thành (Bác Hồ) vào dạy học ở Dục Thanh học hiệu và đưa tiền anh vào Sài Gòn để chuẩn bị đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước, cứu dân.

Năm 1908, các tỉnh miền Trung nổ ra phong trào chống thuế. Hưởng ứng phong trào chung trong vùng, nhân dân thị xã Phan Thiết có “một bộ phận ngỗ ngược xông vào thành Bình Thuận toan bắt trói các viên quan lại¹. Năm 1909, nhân dân Phan Thiết lại đón đường gặp Toàn quyền Đông Dương, khi hắn đi qua, đưa yêu

1. Báo cáo của tên Công sứ Bình Thuận.

sách đòi giảm thuế và bỏ thuế, đòi sở đoan (Services des douanes) chấm dứt gian lận trong khi mua bán muối cho nhân dân.

Từ khi Pháp xâm lược, dưới ách thống trị của bọn thực dân phong kiến, các dân tộc miền núi cũng nổi lên chống lại. Năm 1890, đồng bào Tánh Linh dưới sự lãnh đạo của Phù Tỏa đã đấu tranh quyết liệt với bọn đương quyền.

Cuối năm 1925, nhiều nơi ở Bình Thuận đã diễn ra phong trào đòi Pháp hủy bỏ bản án tử hình đối với nhà yêu nước Phan Bội Châu. Năm 1926, phong trào để tang và truy điệu cụ Phan Chu Trinh cũng diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Cũng như cả nước, từ phong trào Cần Vương đến cuộc vận động Đông Du, Duy Tân chống thực dân Pháp xâm lược, đồng bào các dân tộc Bình Thuận rất kiên cường bất khuất, nhưng do thiếu một đường lối lãnh đạo đúng đắn nên không tránh khỏi sự thất bại. Tuy vậy, lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là nhân dân lao động đã được khơi dậy mạnh mẽ và chuẩn bị sẵn sàng cho một cuộc đấu tranh mới.

2. Các cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do dưới ngọn cờ của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-1945)

Trên cuộc hành trình tìm đường cứu nước, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã dừng chân tại Phan Thiết, dạy học ở Dục Thanh học hiệu (1910-1911)-một trường tư thực tiến bộ lúc bấy giờ. Người không những truyền thụ kiến thức văn hóa mà còn rất quan tâm giáo dục

tinh thần yêu nước thương nòi. Người đã để lại biết bao chuyện cảm động và sự gắn gũi thương yêu đối với học sinh và những người lao động nơi đây.

Sau đó, từ Bến Nhà Rồng (Sài Gòn), Người đã ra đi để tìm con đường giải phóng cho dân tộc, Người đã tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin và trở thành người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.

Lòng tự hào, thành kính và niềm tin sâu sắc đối với người thầy vĩ đại của dân tộc Việt Nam như chấp thêm đôi cánh thần kỳ để nhân dân Bình Thuận nâng bước trên con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Ngày 3-2-1930, đồng chí Nguyễn Ái Quốc thay mặt Quốc tế Cộng sản đã triệu tập các tổ chức cộng sản ở Việt Nam để hợp nhất thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây là một bước ngoặt lịch sử của dân tộc ta, mở ra một kỷ nguyên mới, giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo cách mạng.

Năm 1930, Bình Thuận đã hình thành các nhóm cộng sản ở Đại Nấm, Phú Hội và chi bộ Đảng Cộng sản tại Tam Tân. Các tổ chức quần chúng của Đảng phát triển ở Bình Hưng, Rạng; nhiều tổ nông hội được thành lập ở làng Bình An, Tuy Hòa và các làng lân cận khác ở Hàm Thuận.

Để đánh dấu sự ra đời của Đảng, nhân kỷ niệm ngày thế giới đấu tranh chống chiến tranh đế quốc (ngày 1-8), đêm 14, rạng ngày 15-8-1931, ta tổ chức rải truyền đơn ở nhiều nơi tại các làng Đại Nấm, Khánh Thiện, Thiện Khánh, Bình An, Bình Lâm, An Phú, Vĩnh Hòa,

Dân Thạnh, Long Thạnh; trên các đường phố, chợ, nhà ga trong thị xã Phan Thiết đến các vùng biển như: Rạng, Mũi Né, dọc đường sắt Phan Thiết-Phú Hội, dọc đường 8 (Phan Thiết-Ma Lâm), theo quốc lộ số 1 ra tận phía bắc tỉnh và cờ đỏ búa liềm được treo tung bay trên cây cổ thụ trước cổng đồn lính khố xanh Phan Thiết và ở làng Dân Thạnh, đình làng Khánh Thiện. Khi phát hiện có truyền đơn và cờ của cộng sản, bọn hương lý các làng hoảng hốt, nổi trống mõ liên hồi báo động. Công sứ Bình Thuận điện báo khẩn cấp ra Huế. Sau đó mật thám Trung Kỳ điện cho các sở mật thám Hà Nội, Sài Gòn về tình hình hoạt động treo cờ, rải truyền đơn của cộng sản. Đồng thời, bọn chúng chuẩn bị làm “một cuộc điều tra đang được tiến hành cương quyết”¹.

Tuần vũ Ngô Đình Diệm ra lệnh cho lý trưởng các làng lập các “Trường tra”, bắt bớ bừa bãi và tra tấn hết sức dã man những người yêu nước ở Bình Thuận. Chúng đã xử 360 người, có 36 người bị kết án tù 2 đến 3 năm tù khổ sai, trong đó hầu hết các đồng chí là đảng viên².

Mặc dù địch dùng mọi thủ đoạn tàn bạo, dã man, tra tấn, tù đày nhưng chúng không thể ngăn cản được bước tiến của cách mạng. Từ năm 1935, phong trào ngày một phát triển rộng rãi, mạnh mẽ, được khôi phục dần và từng bước tiếp thu phương hướng đấu tranh theo mục tiêu dân sinh, dân chủ.

Hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội, phong

1. Báo cáo của tên công sứ Bình Thuận ngày 15-8-1931.

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận*, tr. 65.

trào thu thập “Dân nguyện” không chỉ đã diễn ra sôi nổi tại thị xã, thị trấn mà còn lan đến các thôn xóm. Các cuộc đấu tranh bãi thị trong dịp Tết Thanh Minh (tháng 4-1937) diễn ra trong 3 ngày liền ở chợ Phan Thiết. Tiếp đến là các cuộc đấu tranh của anh em công nhân nhà máy đèn, của các hộ làm muối ở Trinh Tường-Phan Thiết giành thắng lợi.

Đầu năm 1938, phong trào cách mạng của nông dân tiếp tục phát triển đã thôi thúc hơn 200 nông dân Ngã Hai phá đập Đồng Đế do tên chủ đồn điền Cát-xê (Casset) chiếm hữu; nông dân người Việt, người Chăm ở Phan Lý, Hòa Đa chống tên chủ đồn điền Lăng-lê (Langlet); nông dân vùng Tam Tân, Phong Điền, Hiệp Nghĩa đấu tranh đòi địa chủ Thông Kỳ giảm tô. Trước sự đấu tranh mãnh liệt của quần chúng, bọn chủ đồn điền, địa chủ phải nhượng bộ.

Từ khi có Đảng lãnh đạo, nhiều cơ sở quần chúng cách mạng ở Bình Thuận từng bước tiếp thu và đấu tranh theo đường lối của Đảng, làm cho đội ngũ cách mạng ngày càng phát triển đông đảo và trưởng thành.

3. Tiến tới khởi nghĩa, giành chính quyền, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương

Trước những biến chuyển mới của tình hình trên thế giới và trong nước, Nghị quyết của Trung ương Đảng tháng 11-1939 nhấn mạnh: Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Đông Dương.

Tháng 7-1940, Xứ ủy Trung Kỳ cử đồng chí Trần Hữu Dực-Xứ ủy viên phụ trách các tỉnh miền Nam Trung

Kỳ (từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên). Được ít lâu sau đồng chí Trần Hữu Dục vào Bình Thuận bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Tương, truyền đạt đường lối của Đảng với chủ trương thành lập Mặt trận phản đế. Nhưng ngày 09-9-1941, đồng chí Trần Hữu Dục chuẩn bị đi ra Bắc-Trung Kỳ để gặp Xứ ủy thì bị bọn mật thám ở Phan Thiết bắt tại rẫy Sông Quao (Ninh Thuận). Tiếp theo đó các đảng viên trung kiên ở Bình Thuận đều bị bắt giam, trong đó những cán bộ chủ chốt như Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú... Các đồng chí bị kẻ thù tra khảo bằng đủ mọi cực hình hết sức tàn nhẫn nhưng những người cộng sản không hề khuất phục và bị địch đày đi giam giữ ở Buôn Ma Thuột, Ly Hy...

Tháng 4-1945, đồng chí Nguyễn Gia Tú, từ trại tập trung Ly Hy trở về Bình Thuận tiếp tục hoạt động. Tháng 5-1945, một nhóm tù chính trị gồm các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương, Nguyễn Chúc và Thái Hựu từ nhà lao Buôn Ma Thuột về Bình Thuận, bàn bạc phân công phụ trách các nơi, chuẩn bị cho phương án hành động trong thời gian sắp tới, do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách. Tiếp theo các đồng chí Đặng Soa, Cổ Văn An, Nguyễn Đức Dương cũng từ nhà lao Buôn Ma Thuột trở về. Mặc dù chưa liên lạc được với các đồng chí về trước nhưng các đồng chí đã gây dựng được một số cơ sở trong vùng Phan Thiết, đồng chí Đặng Soa đã tổ chức móc nối được cơ sở trong lính bảo an (GI).

Đầu tháng 6-1945, các đồng chí họp tại khu rừng Gò Bồi, cách Trường Cao đẳng thể dục thể thao Đông Dương

(Camp Ésépíc) 4 km về phía nam, quyết định thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận, đồng chí Nguyễn Sắc Kim được phân công phụ trách chung.

Tình hình có nhiều biến chuyển nhanh chóng, đòi hỏi các đồng chí ở Bình Thuận phải thống nhất tổ chức và hành động. Cuộc họp tại làng Bình Lâm của hai nhóm 8 đồng chí (5 đồng chí về trước 3 đồng chí về sau) quyết định: “Thống nhất hành động”, coi đây là một tập thể lãnh đạo, tiến hành vận động đấu tranh cách mạng theo Nghị quyết của Trung ương Đảng lần thứ 8, dưới danh nghĩa Việt Minh phát động quần chúng, có thời cơ là nổi dậy giành chính quyền.

Sau cuộc họp thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh, các cơ sở đều nhận được sự chỉ đạo thống nhất, tiếp tục phát triển lực lượng. Tại Phan Thiết, Ban Chấp hành Việt Minh lâm thời của thị xã được thành lập, đồng thời thành lập các tổ chức công nhân cứu quốc trong thợ thủ công, tổ viên chức cứu quốc trong công sở của địch, một số cơ sở lẻ trong lính bảo an, trong các tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ, còn ở các huyện Hàm Thuận, Hòa Đa, Tuy Phong, Hàm Tân cũng có cơ sở Việt Minh trong nông dân, ngư dân, thanh niên và viên chức.

Cùng với việc xây dựng cơ sở cách mạng, ta cũng đã xây dựng được một số tự vệ và du kích trong một số vùng ở Tuy Hòa, Kim Ngọc, Bình Lâm, v.v..

Tháng 8-1945, Quốc dân Đại hội họp tại Tân Trào

(Tuyên Quang) được tin Nhật đầu hàng Đồng Minh không điều kiện, đã nhận định: Tổng khởi nghĩa đã chín muồi, kịp thời lãnh đạo toàn dân khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật và tay sai trước khi quân đồng minh vào Đông Dương. Đêm 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh: “Tổng khởi nghĩa trong cả nước”.

Ở Bình Thuận, tối 17-8-1945, Việt Minh tổ chức lãnh đạo treo cờ đỏ sao vàng trước tòa sứ và trại lính bảo an, biểu ngữ căng ngang cầu Phan Thiết kêu gọi:

- Đả đảo chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim!
- Tước vũ khí quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương!¹
- Dựng chính phủ cách mạng lâm thời!
- Việt Nam hoàn toàn độc lập!

Tình hình diễn ra hết sức khẩn trương, sôi động, bọn tay sai ở các tổ chức thân Nhật hoang mang và bắt đầu phân hóa, tan rã. Quần chúng phấn khởi tin tưởng, sẵn sàng đứng vào hàng ngũ Việt Minh.

Để chuẩn bị giành chính quyền, ta đưa tự vệ và sử dụng một số cơ sở trong lính bảo an để làm một số việc cần thiết và giao cho ông Đoàn Tử Báy (đội lính bảo an)² đứng ra vận động binh lính và tập hợp lực lượng tham gia khi ta giành chính quyền. Bọn Nhật vừa tức

1. Khẩu hiệu “Tước vũ khí quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương” về sau thay bằng khẩu hiệu “Tước vũ khí của những phần tử phát xít trong quân đội Nhật”.

2. Đồng chí Đoàn Tử Báy, sau này là Trung đoàn phó Trung đoàn 812, Tỉnh đội phó Bình Thuận.

tối, vừa lo sợ trước khẩu hiệu: “Tước vũ khí quân đội phát xít Nhật ở Đông Dương”, trong các doanh trại bọn chúng nhốn nháo, thu xếp đồ đạc, đốt các giấy tờ... tình hình này càng làm cho khí thế của quần chúng bùng lên, sẵn sàng hành động theo cách mạng.

Tỉnh trưởng Huỳnh Dư hoang mang, các đồng chí trong Ban Việt Minh lâm thời tỉnh nhận thấy có thể giành chính quyền ở cấp tỉnh (Phan Thiết và cả huyện Hàm Thuận) khi chưa kịp tổ chức cuộc biểu tình tuần hành thị uy của quần chúng.

Được sự phân công của Việt Minh lâm thời tỉnh, ngày 23-8, đồng chí Nguyễn Nhơn cùng với Nguyễn Chúc và một số anh em tự vệ vào dinh tỉnh trưởng gặp Huỳnh Dư. Đồng chí Nhơn đã thuyết phục và buộc Huỳnh Dư trao chính quyền cho cách mạng, trước tình thế bất buộc, Huỳnh Dư đành phải chấp nhận. Ngay tối hôm đó, Ban Việt Minh tỉnh họp (có Việt Minh thị xã Phan Thiết tham gia) tại trụ sở bí mật ở Lò Bún (phường Đức Nghĩa, thị xã Phan Thiết). Sau khi đánh giá tình hình, hội nghị bàn ngay vào việc giành chính quyền trong ngày hôm sau và phân công người đi tiếp quản các công sở. Đồng chí Đặng Soa và Nguyễn Chúc được phân công phụ trách chỉ huy lực lượng bảo an ở Phan Thiết.

Sáng ngày 24-8-1945, tại dinh tỉnh trưởng, đại diện của Việt Minh là đồng chí Nguyễn Nhơn, Nguyễn Tương gặp Huỳnh Dư tiến hành nhận bàn giao và tiếp quản các công sở. Tại đồn bảo an, do có cơ sở sẵn và ông Đoàn Tử Bấy đã vận động tập hợp được anh em binh lính, khi đoàn đại diện Việt Minh đến thì hàng ngũ

binh lính đã chính tề. Lập tức cờ quẻ ly hạ xuống và lá cờ đỏ sao vàng được kéo lên, đồng chí Nguyễn Tương đại diện Việt Minh nói vấn tắt tình hình và kêu gọi, động viên anh em từ nay đứng trong hàng ngũ cách mạng bảo vệ Tổ quốc. Toàn thể binh lính bảo an bỗng sùng chào lá cờ thiêng liêng biểu thị cảm phục và tin tưởng¹. Sau đó tiếp nhận kho bạc, bưu điện, nhà máy đèn... và giải quyết nhà lao. Cùng ngày với Phan Thiết, huyện Hàm Thuận cũng giành được chính quyền. Như vậy, đến ngày 24-8-1945, chính quyền tỉnh Bình Thuận và huyện Hàm Thuận đã về tay nhân dân.

Sáng ngày 25-8, bằng mọi phương tiện, xe lửa, xe ô tô, xe ngựa, đi bộ, đồng bào từ các nơi đổ về cùng với nhân dân Phan Thiết mang biểu ngữ, cờ đỏ sao vàng, mái chèo, gậy gộc, dao, mõ gậy, cuốc, rựa... vừa đi vừa hô to khẩu hiệu “Việt Nam độc lập muôn năm!”, “Đả đảo bọn Việt gian bán nước!”. Cả Phan Thiết, các ngã đường nào cũng có từng đoàn, từng đoàn người rầm rập tiến về sân vận động diễu hành biểu dương lực lượng.

Bọn Nhật giở trò khiêu khích, chúng cho 3 xe chở lính tới đổ trước đồn bảo an, đào công sự, chĩa súng máy vào đồn và khăng khăng đòi trả lại “Tòa sứ” cho chúng. Một lực lượng khác ngăn chặn ở nam cầu Quang Phan Thiết, không cho đoàn biểu tình ở hữu ngạn kéo về sân vận động. Trước tình hình đó, anh em lính trong đồn bảo an được lệnh bố trí sẵn sàng đối phó, quần chúng được lệnh tránh khiêu khích nhưng không nhượng bộ, tình

1. Tại đồn bảo an ta thu được khoảng 100 súng, một số được trang bị ngay cho lực lượng tự vệ.

hình lúc này thật căng thẳng. Ta huy động thêm lực lượng quân chúng các nơi kéo vào thị xã để hỗ trợ, mặt khác ta cử đại diện gặp hiến binh Nhật nói chuyện. Do được tổ chức và bảo vệ chu đáo, đội ngũ và khí thế quân chúng vẫn được giữ vững, các khẩu hiệu được hô vang.

- Kiên quyết bảo vệ chính quyền cách mạng!

- Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm!

- Việt Minh muôn năm!

Cuộc gặp giữa ta và Nhật qua 2 lần không đạt kết quả, trong khi đó công nhân vũ trang của đề pô Mương Mán kéo xuống, thanh, thiếu niên từ các vùng Rạng, Mũi Né, Phú Long, Tam Giác... liên tục kéo về Phan Thiết. Hàng trăm ngư dân được trang bị cột chèo, dầm chèo, mỏ neo, dòn khiêng lưới tổ chức vượt sông Cà Ty. Một số cụ già cũng vác gậy, chĩa dầm cá đi theo đoàn biểu tình. Dòng người cứ dài ra bất tận, từ khắp các nơi, các ngả kéo về sân vận động Phan Thiết. Trước khí thế mạnh mẽ của quần chúng và sự kiên quyết của ta, lần gặp thứ ba bọn Nhật phải nhượng bộ, không đòi lại tòa sứ và hứa không phá rối cuộc mít tinh của ta.

Lính Nhật rút, đoàn biểu tình từ hữu ngạn vượt qua cầu, đi ngang qua chỗ Nhật đóng¹ hô khẩu hiệu với khí thế thắng lợi. Khoảng 14 giờ 30 phút, hàng vạn quần chúng diễu hành qua trước Tòa sứ (lúc đó gọi là Vũ viên đường)² rồi tiến về sân vận động.

1. Lúc này, Nhật còn đóng tại nhà hàng Ranô, hiện nay là nơi Tỉnh ủy làm việc.

2. Nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Sân vận động Phan Thiết chật ních biển người, rừng cờ và biểu ngữ, Ủy ban lãnh đạo khởi nghĩa ra mắt đồng bào. Trên diễn đàn đồng chí đại diện Việt Minh tỉnh nêu bật ý nghĩa trọng đại về thắng lợi của cách mạng hôm nay. Đây là cuộc mít tinh lịch sử chưa từng có của nhân dân Bình Thuận.

Sau ngày khởi nghĩa, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Bình Thuận được thành lập, do đồng chí Nguyễn Nhơn làm Chủ tịch, Nguyễn Tương làm Phó Chủ tịch.

Cùng với việc giành chính quyền cấp tỉnh, ngày 24-8-1945, Ủy ban Việt Minh cũng đã phái đồng chí Cố Văn An ra tổ chức giành chính quyền ở các huyện phía bắc tỉnh.

Khi biết được tin chính quyền ở thị xã Phan Thiết và huyện Hàm Thuận đã thuộc về tay nhân dân, những tên cầm đầu chính quyền bù nhìn ở các huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý cũng nhanh chóng đầu hàng, chính quyền nhân dân lần lượt được thành lập.

15 giờ ngày 28-8-1945, một máy bay Pháp thả lính biệt kích xuống phía rừng dương vùng Tân Lý (Hàm Tân). Thanh niên yêu nước ở La Gi (Hàm Tân) lập tức bao vây khu rừng. Biết bị lộ, bọn địch tìm đường lẩn trốn nhưng thanh niên các làng Tam Tân, Phong Điền, Hiệp Nghĩa kéo đến hợp sức truy lùng đến khuya, bắt được 2 tên Pháp, 2 tên Việt gian cùng với toàn bộ điện đài và súng đạn. Tối ngày 28-8, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh mới nhận được tin Pháp nhảy dù và đã cấp tốc

cử một tiểu đội vào Hàm Tân hỗ trợ, nhưng đến nơi thì nhân dân địa phương đã giải quyết xong. Sau đợt bắt gọn bọn Pháp nhảy dù, chính quyền tay sai sụp đổ. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện Hàm Tân được thành lập.

Tại Tánh Linh, ngày 28-8, cán bộ Việt Minh đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy giành chính quyền và bầu Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện.

Đảo Phú Quý tuy ở xa, nhưng khi nghe các nơi trong đất liền đã giành được chính quyền, anh em thanh niên đã cùng nhau tụ họp lại, đứng đầu là ông Tổng Hoàng, tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, lập chính quyền mới.

Ngày 2-9-1945, trên sân vận động Phan Thiết, hàng vạn nhân dân Bình Thuận long trọng mít tinh. Tất cả đều chăm chú lắng nghe đồng chí đại diện Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh đọc diễn văn chào mừng ngày độc lập.

Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do tiến lên xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Nhân dân đã trải qua những chặng đường đấu tranh gian khổ, vẻ vang và trở thành người chủ của đất nước, càng tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hăng hái góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững lời thề: “Quyết đem tất cả tinh thần tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Ngay từ sau ngày khởi nghĩa, chính quyền cách mạng tuyên bố trừng trị bọn gian ác có nợ máu với nhân dân, bãi bỏ các thứ thuế bất công vô lý, tịch thu đồn điền, sở muối, kho gạo và các tài sản khác của thực dân. Kêu gọi đồng bào ủng hộ thóc gạo để giúp cho nhân dân miền Bắc đang thiếu đói, vận động nhân dân khai khẩn đất hoang, tăng gia sản xuất. Phong trào xóa nạn mù chữ phát triển mạnh, các tệ nạn xã hội được bài trừ. Hưởng ứng “Tuần lễ vàng”, đồng bào đã quyên góp từ đôi hoa tai, nhẫn cưới là những vật kỷ niệm thiêng liêng, là của cải dành dụm từ bao nhiêu năm. Đặc biệt gia đình bà Dụng Thị Thềm ở Tĩnh Mỹ, dòng dõi vua Chăm đã góp một đĩa trầu cau bằng vàng.

Để bảo vệ nền độc lập của đất nước, đòi hỏi chúng ta phải có sức mạnh cả về chính trị, kinh tế, quân sự. Một vấn đề quan trọng và cấp bách đặt ra là phải có một lực lượng vũ trang để bảo vệ đất nước, làm nòng cốt cho toàn dân chống xâm lược.

Trước khởi nghĩa giành chính quyền, ở Bình Thuận chỉ có một số ít các đội tự vệ, trong khởi nghĩa bổ sung thêm một số lính bảo an theo cách mạng. Các lực lượng ấy đã làm được một số nhiệm vụ nhất định khi tham gia giành chính quyền, nhưng trước yêu cầu của tình hình, lực lượng ấy quá nhỏ bé, không đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn lịch sử mới. Các cấp lãnh đạo ở Bình Thuận sớm thấy được vấn đề cần phải khẩn trương, tích cực xây dựng lực lượng vũ trang và tăng cường tổ chức bộ máy chỉ huy quân đội ở cấp tỉnh.

Khi thành lập chính quyền cách mạng, ở các cấp

đều có một ủy viên phụ trách quân sự. Riêng cấp tỉnh có Ủy ban quân sự 5 người gồm Đinh Trọng Nữ, Nguyễn Đức Tuyền, Nguyễn Chúc, Trần nghĩa, Đoàn Tử Bấy, do Đinh Trọng Nữ làm ủy viên trưởng, sau đó chuyển qua làm công tác thanh niên cứu quốc tỉnh, đồng chí Nguyễn Đức Tuyền thay làm ủy viên trưởng. Tiếp theo đó, các đơn vị giải phóng quân được thành lập từ các đội tự vệ, du kích và tuyển mộ thanh niên tình nguyện, chọn lọc trong anh em binh lính bảo an theo cách mạng. Bình Thuận tổ chức được hai đại đội thực binh do đồng chí Đoàn Tử Bấy chỉ huy chung. Ngoài ra, còn có một đại đội cảnh sát do đồng chí Tống Viêt Khánh làm Đại đội trưởng. Cán bộ chỉ huy các đơn vị nói trên phần đông là cai, đội trong lính bảo an. Vũ khí trang bị gồm một ít súng thu được của Pháp trong khởi nghĩa giành chính quyền, một số mua và lấy của Nhật, còn hầu hết là dao, mác. Huấn luyện chủ yếu là học đội ngũ và kỹ thuật bắn súng, đâm lê, ném lựu đạn. Cùng với việc tổ chức các đơn vị tập trung của tỉnh, các xã, thôn đều có tổ chức tự vệ chiến đấu.

Phong trào tòng quân được phát động sôi nổi, thanh niên hăng hái nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc, chị em cũng xung phong tình nguyện, nhiều người thiếu sức khỏe cũng nằng nặc đòi đi, chị em tìm đủ mọi cách, mọi lời thuyết phục để được chấp nhận.

Để giải quyết vấn đề có cán bộ nòng cốt cho xây dựng lực lượng vũ trang, từ tháng 9 đến tháng 12-1945, Bình Thuận mở lớp huấn luyện cho dân quân du kích tại Bình Lâm. Những lớp học trên tuy thời gian ngắn,

nội dung còn đơn giản nhưng cũng đã giúp cho anh em có những hiểu biết nhất định về quân sự, chính trị đáp ứng được phần nào cho việc xây dựng lực lượng. Tỉnh Bình Thuận còn cử một số cán bộ đi học Trường Quân chính ở Hà Nội¹.

Cùng với việc ra đời của các lực lượng vũ trang chiến đấu, ta đã tổ chức binh công xưởng, tổ chức ban sưu tầm vật liệu và cử cán bộ đi các nơi tìm kiếm và huy động sự đóng góp trong nhân dân. Mặt khác, ta còn cho người lặn xuống biển, chỗ các tàu thủy của Nhật bị đánh chìm để thu nhặt vũ khí và các thứ cần thiết cho binh công xưởng.

Sau ngày thành lập chính quyền, tình hình trong nước diễn biến hết sức phức tạp. Cuối tháng 8-1945, ở phía Bắc, 20.000 quân Tưởng tràn sang dưới danh nghĩa để tước khí giới quân Nhật nhưng thực chất là phá hoại cách mạng Việt Nam. Lợi dụng thời cơ Nhật đầu hàng, bọn thực dân Pháp đặt ngay kế hoạch chiếm lại Đông Dương, chúng mưu toan dựa vào sự có mặt của quân Anh để đánh chiếm các tỉnh, thành phía Nam vĩ tuyến 16.

Đứng trước thử thách nghiêm trọng của đất nước, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết, khôn khéo lãnh đạo nhân dân, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bão táp, giữ vững độc lập của Tổ quốc. Thực hiện lời hiệu triệu trong Tuyên ngôn Độc lập: “..Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do

1. Bình Thuận cử 2 người Tổng Viết Khánh và Huỳnh Thiên Lộc.

và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”¹. Vâng lời dạy của Người, nhân dân và lực lượng vũ trang ta đã sẵn sàng hiến dâng tất cả để bảo vệ đất nước.

Dựa vào thế lực của quân Anh và trên 5.000 lính Nhật, đêm 22 rạng 23-9-1945, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Ngày 26-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi “Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”. Tuân theo lời kêu gọi, quân và dân Nam Bộ, trước hết là quân dân Sài Gòn-Gia Định nhất tề đứng lên đánh giặc, mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Những ngày cuối tháng 9-1945, Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ thành lập để chỉ đạo công cuộc chuẩn bị chiến đấu ở các địa phương. Đồng chí Nguyễn Chánh, Ủy viên quốc phòng trong Ủy ban nhân dân Trung Bộ chủ trì hội nghị quân sự bàn kế hoạch đối phó với âm mưu của Anh, Pháp mở rộng chiến tranh, dùng quân Nhật đánh chiếm các tỉnh Nam Trung Bộ. Hội nghị quyết định nhiều vấn đề quan trọng và cấp bách, trong đó có:

- Đảm bảo giao thông để chi viện cho Nam Bộ kháng chiến.

- Điều động lực lượng quân sự ở Bắc Trung Bộ vào

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 4, tr.4.

tăng cường cho Nam Trung Bộ.

- Lập Bộ Chỉ huy Mặt trận Nam Trung Bộ đóng ở Khánh Hòa để chỉ huy cuộc kháng chiến ở cực Nam Trung Bộ và cử đồng chí Phạm Kiệt làm Trưởng ban.

Các tỉnh Nam Trung Bộ chia thành 2 chiến khu 5 và 6. Bình Thuận thuộc chiến Khu 6 gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng và Đắk Lắk.

Cả nước hướng về tiền tuyến, sẵn sàng làm hết sức mình vì miền Nam thân yêu. Từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung, nhiều chi đội "Nam Tiến" chi viện cho Nam Bộ. Bình Thuận trở thành hậu phương trực tiếp của Nam Bộ, đã tích cực góp phần giải quyết tiếp tế cho mặt trận.

Các đơn vị Nam Tiến đến Bình Thuận, được lãnh đạo, nhân dân địa phương lo nơi ăn ở, doanh trại đóng tạm tại trại lính bảo an, nhà phó sứ, giám hình cũ trong một thời gian ngắn lại lên đường hành quân vào mặt trận Sài Gòn. Tuy thời gian các đơn vị dừng chân ngắn ngủi nhưng ngày lên đường nhân dân Bình Thuận, mà chủ yếu là nhân dân Phan Thiết, Hàm Thuận lo tàu, xe và lương thực mang theo. Dọc đường hành quân, các chiến sĩ Nam Tiến nhận được cả những lời chúc tốt đẹp của bà con tiễn đưa.

Bình Thuận cố gắng theo khả năng của mình, đưa hai phân đội chủ lực và một phân đội người miền núi, trang bị tên, nỏ có tẩm thuốc độc vào chi viện cho mặt trận Sài Gòn do đồng chí Nguyễn Đức Tuyên trực tiếp

chỉ huy. Việc bố phòng cũng được chú ý, tăng cường hơn. Tỉnh đã đưa một số đơn vị vũ trang vào bố trí ở vùng rừng Lá, sông Ôi (Hàm Tân), chặt cây, phá cầu trên quốc lộ I: Tỉnh còn cử cán bộ đến Cà Tót (Hàm Thuận), núi Kênh Kênh (Tuy Phong) nghiên cứu địa hình, chuẩn bị cho việc lập chiến khu.

Ngày 22-10-1945, Pháp chiếm Thủ Dầu Một, Biên Hòa và ngày 30-10-1945, chúng đánh chiếm Xuân Lộc thì lực lượng bộ đội Nam Tiến ở phía Bắc vào, bộ đội ở Nam Bộ ra đã dừng lại tại Bình Thuận. Trong tháng 10 và tháng 11, Bình Thuận có hàng chục đơn vị khác nhau¹ đã dừng chân và đóng quân nhiều nơi. Những ngày này tình hình rất lộn xộn, một số đơn vị không được tiếp tế kịp đã gây áp lực với chính quyền địa phương. Khi đó, tàu giặc từ ngoài biển bắn vào La Gi. Mũi Né, Long Hương và quân Nhật bắt đầu đổ bộ vào cửa biển Thương Chánh. Ở trong bối cảnh này, lãnh đạo tỉnh và các ngành, các đoàn thể không ngại khó khăn vất vả đã huy động nhân dân tìm mọi biện pháp tiếp tế, giúp đỡ bộ đội về mọi mặt và chuẩn bị kháng chiến.

Vấn đề cấp bách lúc này được đặt ra là phải sớm tổ chức thống nhất các lực lượng, thống nhất chỉ huy, tổ chức bố phòng để tiếp tục cuộc kháng chiến trên vùng đất cực Nam Trung Bộ. Trước yêu cầu đó, các đồng chí lãnh đạo địa phương cùng với lãnh đạo các đơn vị có

1. Các đơn vị có nhiều tên gọi khác nhau: Quốc gia tự vệ Cuộc, Quốc vệ đội, Cộng hòa vệ binh, Bộ đội Đại ca, Chi đội Nam Long, Bộ đội Quảng Ngãi, Bộ đội Thừa Thiên, Bộ đội Quảng Bình, Bộ đội Anh Hạnh, Bộ đội Năm Châu, Sư đoàn Thanh niên tiên phong, Đệ nhất sư đoàn, Đệ nhị sư đoàn, Bộ đội Nam Tiến...

mặt ở Bình Thuận đã tổ chức một cuộc họp vào ngày 10-11-1945 tại Bình An (huyện Hàm Thuận) để giải quyết các vấn đề trên¹. Ủy ban kháng chiến đặc biệt khu (Đông Bắc Nam Bộ) được thành lập. Hội nghị này đã thống nhất hình thành ba chi đội Giải phóng quân (sau này gọi là Vệ quốc đoàn). Chi đội 1 phụ trách tỉnh Bình Thuận, chi đội 2 phụ trách tỉnh Ninh Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng; Chi đội 3 tiếp tục hành quân ra hoạt động ở Khánh Hòa. Chi đội 1 do đồng chí Lương Văn Khâm làm Chi đội trưởng, đồng chí Đào Mạnh Vi làm Chi đội phó, Nguyễn Sắc Kim làm Ủy viên chính trị. Chi đội có 2 đại đội (đại đội tương đương với tiểu đoàn sau này).

Việc sắp xếp lại các đơn vị và các tổ chức chỉ huy đã có ý nghĩa quan trọng trong việc thống nhất lực lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ đội. Lực lượng vũ trang Bình Thuận được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Cán bộ, chiến sĩ Chi đội 1 là những người con thân yêu trên nhiều địa phương Bắc, Trung, Nam, nhiều đồng chí trong quá trình chiến đấu, công tác đã anh dũng hy sinh, nhiều đồng chí đã gắn bó suốt cuộc đời chiến đấu của mình trên chiến trường Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp, cũng như chống Mỹ sau này.

Tình hình trong nước cũng như trên từng địa phương ngày càng diễn biến phức tạp. Quân Anh đổ bộ lên Nha

1. Cuộc họp có các đồng chí: Hà Huy Giáp, Đào Duy Kỳ, Nam Long, Cao Thanh Trà và các đồng chí Nguyễn Tương, Đoàn Tử Bấy, Nguyễn Đức Dương và Nguyễn Đức Tuyển đại diện địa phương tham dự.

Trang, việc tiến hành đánh chiếm Bình Thuận có thể xảy ra trong thời gian tới. Âm mưu của quân Anh sử dụng binh lính Nhật tiếp tay cho Pháp chiếm đóng các tỉnh Nam Trung Bộ đã rõ.

Sau ngày khởi nghĩa ở Bình Thuận, toàn bộ quân Nhật đã rút đi nhưng ngày 9-11-1945, theo lệnh của quân Anh, một tàu biển chở 1 tiểu đoàn quân Nhật đổ bộ lên cửa Phan Thiết (bãi Thương Chánh, nay là phía bắc cảng Phan Thiết). Ta cử đồng chí Nguyễn Chúc và một số cán bộ đại diện đến đàm phán với chúng, cuộc đàm phán thất bại, quân Nhật một mực đòi tước vũ khí của ta “theo lệnh của Bộ Chỉ huy Đồng Minh”.

Trước tình hình đó, lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh ra lệnh cho bộ đội chuẩn bị sẵn sàng tiến công. Các cơ quan tỉnh rút về Hàm Thuận và nhân dân tản cư ra các vùng nông thôn xung quanh Phan Thiết.

Sáng ngày 11-11-1945, quân Nhật từ Thương Chánh bung ra đánh chiếm các công sở như nhà hàng Xêranô (trụ sở Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh), đồn GI, Bưu điện... Lực lượng tỉnh phối hợp với một số bộ phận của Chi đội 3 Nam Tiến do đồng chí Nam Long chỉ huy chặn đánh quân Nhật quyết liệt trước đồn GI, ngã ba nhà thương, trường Nữ, nhà máy xay... diệt một số tên sau đó rút ra ngoài, hình thành thế bao vây thị xã, từ cầu 40 (đường Quốc lộ 1), dọc bờ sông An Hải vòng xuống Phú Hải. Kết hợp bắn tỉa với thường xuyên quấy rối, tiêu hao sinh lực địch. Ta phá trạm bơm và hệ thống dẫn nước vào thị xã, làm dơ bẩn các nguồn nước...

Chiến sự diễn ra gần một tháng trời, quân Nhật sống trong tình trạng nơm nớp lo sợ và thiếu thốn mọi thứ, lại có nguy cơ bị tiêu diệt nên ngày 12-12-1945, chúng xuống tàu biển rút vào Sài Gòn¹. Cuộc sống của nhân dân thị xã Phan Thiết trở lại bình thường.

Những trận đánh quân Nhật của quân dân Bình Thuận lúc này còn nhiều nhược điểm, song cũng đã thể hiện tinh thần dũng cảm, quyết chiến, quyết thắng với quân thù rất cao, quân dân đoàn kết gắn bó chặt chẽ, quét sạch quân Nhật ra khỏi địa phương, làm thất bại âm mưu của quân Anh sử dụng binh lính Nhật tiếp tay cho Pháp chiếm đóng trở lại các tỉnh Nam Trung Bộ. Sau trận đánh Nhật, ta chuẩn bị kháng chiến chống Pháp.

Ngày 6-1-1946, cùng nhân dân cả nước, nhân dân Bình Thuận lần đầu tiên thực hiện quyền làm chủ của mình, đi bầu đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí Nguyễn Tương và ông Huỳnh Tấn Đối đã trúng cử đại biểu Quốc hội, đơn vị Bình Thuận.

Tuy trình độ mọi mặt còn hạn chế, nhưng các lực lượng vũ trang và bán vũ trang của tỉnh có tinh thần chiến đấu rất cao để bảo vệ quê hương, bảo vệ đất nước. Trong trận chiến đấu chống Nhật, các lực lượng vũ trang đã xứng đáng với vai trò nòng cốt trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

1. Có tài liệu ghi ngày 28-11-1945 quân Nhật rút khỏi Phan Thiết.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và những trận chiến đấu quét sạch tàn quân Nhật ra khỏi địa phương, quân dân Bình Thuận đã góp phần cùng quân dân cả nước bước đầu đã đẩy lùi âm mưu xâm lược của các thế lực phản động quốc tế bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, xây dựng lực lượng vũ trang, tạo tiền đề thuận lợi cho cuộc kháng chiến chống thực dân và đế quốc lâu dài.

Phần thứ nhất
**QUÂN VÀ DÂN BÌNH THUẬN
KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
XÂM LƯỢC (1946-1954)**

Chương Một
**NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN
CHỐNG PHÁP CỦA QUÂN
VÀ DÂN BÌNH THUẬN
(1946-1948)**

**I. Pháp đánh chiếm Bình Thuận, ta chuyển về
nông thôn, bảo toàn lực lượng để kháng chiến
lâu dài**

Những ngày cuối năm 1945 và đầu năm 1946, tình hình cả nước rất sôi động và khẩn trương. Ở miền Bắc, quân Tưởng Giới Thạch vẫn tiếp tục âm mưu lật đổ chính quyền ta. Ở Nam Bộ, quân Pháp tiếp tục đánh rộng ra các tỉnh, đồng thời xúc tiến việc đánh chiếm miền Nam Trung Bộ và chuẩn bị âm mưu đưa quân ra miền Bắc, thay thế quân Tưởng, chiếm đóng hoàn toàn nước ta.

Trước tình hình đó, ngày 25-12-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc". Chỉ thị đã phân tích tình hình một cách sâu sắc và nêu khẩu hiệu: "Dân tộc trên hết. Tổ quốc trên hết", chỉ rõ kẻ thù chính lúc này là thực dân Pháp xâm lược, đề ra các mặt kháng chiến và xây dựng. Về quân sự, Chỉ thị nêu rõ: "Động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến lâu dài; phối hợp

chiến thuật du kích với phương pháp bất hợp tác triệt để¹. Chỉ thị là cương lĩnh hành động của toàn Đảng, toàn dân trước tình hình đất nước lúc bấy giờ.

Chấp hành Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” của Trung ương Đảng, quân và dân cả nước đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở phía Nam, mặt khác ra sức xây dựng thực lực chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược có thể diễn ra trong cả nước.

Trở lại xâm lược nước ta sau khi đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh ở Nam Bộ, Bộ Chỉ huy Pháp quyết định hướng tiến công quan trọng là Nam Trung Bộ, trước hết là các tỉnh cực Nam Trung Bộ và miền Tây Cao Nguyên.

Vùng Nam Trung Bộ có địa thế thiên nhiên hiểm trở, là “đòn gánh” hai đầu đất nước đã trở thành địa bàn chiến lược quan trọng. Để lãnh đạo kháng chiến Ủy ban Quân chính Nam Trung Bộ được thành lập để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu. Hội nghị do đồng chí Nguyễn Chánh, Ủy viên quốc phòng (trong Ủy ban nhân dân Trung Bộ) chủ trì bàn kế hoạch đối phó với âm mưu của quân Anh, Pháp mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam Trung Bộ². Các tỉnh từ Quảng Ngãi trở ra gấp rút chuyển

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.26-27.

2. Từ cuối năm 1945, Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam và có Khu 5, Khu 6 chỉ huy các tỉnh Nam Trung Bộ. Đầu năm 1946, tổ chức các Đại đoàn 23, 27, 31 (các tỉnh cực Nam Trung Bộ thuộc Đại đoàn 27). Cuối năm 1946, giải tán các đại đoàn và Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam, lập lại Khu 5 và Khu 6, các tỉnh cực Nam Trung Bộ thuộc Khu 6 cuối năm 1947 thành lập quân khu 15 (địa bàn Tây Nguyên). Tháng 10-1948, sát nhập hai khu 15 và 6 thành Liên khu 5.

lực lượng chi viện đến các tỉnh Nam Trung Bộ. Ban chỉ huy mặt trận được thành lập đóng tại Ninh Hòa, khẩn trương động viên, tổ chức lực lượng và nghiên cứu cách đối phó với địch.

Ngày 13-1-1946 tại Phan Rang, Hội nghị đại biểu hành chính Việt Minh của các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Viên cùng ban chỉ huy các chi đội 1, 2, 3 dưới sự chủ trì của đồng chí Lê Văn Hiến, đặc phái viên của Chính phủ và đồng chí Đàm Minh Viễn, đặc phái viên của Bộ Tổng tư lệnh quân đội quốc gia Việt Nam tham dự. Hội nghị nhằm mục đích: để các cơ quan hành chính và quân sự trao đổi ý kiến về mục đích liên lạc giữa hai cơ quan, tìm phương pháp gây tình mật thiết giữa quân đội với dân chúng và chỉnh đốn việc kháng chiến. Hội nghị đã làm cho các ngành của các tỉnh hiểu được tình hình của nhau, giải quyết mối quan hệ giữa hành chính và quân sự, xúc tiến việc chuẩn bị đánh Pháp trong những ngày sắp tới¹.

Đối với kẻ thù, sau khi đánh chiếm Nha Trang, tháng 11-1945, quân Pháp từ Bù Đốp (Bình Phước) đánh ra, chiếm Buôn Ma Thuột. Ở hướng Xuân Lộc, tháng 11-1945, địch cho 60 xe chở lính theo đường quốc lộ số 1 đánh ra Bình Thuận. Nhưng quân dân Bình Thuận phá và chặt đổ cây ở nhiều đoạn đường nên buộc chúng phải rút về Xuân Lộc. Tuy vậy, địch cũng đã hình thành thế áp sát các tỉnh cực Nam Trung Bộ trên cả 3 hướng đông, nam và tây.

1. Trích sao biên bản Hội nghị hiện còn lưu giữ tại Bảo tàng Lâm Đồng.

Để đối phó với tình hình trên, thời gian đầu ở Bình Thuận ta bố trí một lực lượng chặn địch ở hướng từ Nam Bộ ra, sau đó bố trí lại: Đại đội 1 ở thị xã Phan Thiết và Căng Esépíc, Đại đội 4 ở hướng Rạng-Mũi Né (Đại đội 4 có 1 trung đội bố trí ở Phú Long) và Đại đội 3 bố trí hướng Hòa Đa-Tuy Phong, nhưng khi quân Pháp sắp đến thì cả đại đội được bố trí ở Vĩnh Hảo (chùa Vĩnh Cố), ở Hàm Tân Đại đội 2 bố trí sát với tỉnh Biên Hòa (nay là Đồng Nai)¹. Với sự bố trí lực lượng như trên, rõ ràng ở Bình Thuận tập trung lực lượng chú trọng bảo vệ hướng biển.

Ngoài việc bố trí lực lượng phòng thủ, Ủy ban hành chính tỉnh và Ban chỉ huy Chi đội 1 đã có kế hoạch phá các cầu Vĩnh Hảo, Đại Hòa và đào hầm, chặt cây, cản đường trên một số đoạn đường quốc lộ số 1 từ Vĩnh Hảo, dốc Hồi Long, Phan Rí, Chợ Lầu. Kêu gọi nhân dân sẵn sàng tản cư, thực hiện vườn không nhà trống. Các cơ quan lãnh đạo Việt Minh, Ủy ban hành chính tỉnh và các đoàn thể rút về vùng Tam Giác và Xa Ra-Tùy Hòa (Hàm Thuận). Dân quân, du kích các địa phương được bố trí bảo vệ các cơ quan và nhân dân. Các cơ quan thị xã Phan Thiết rút về vùng núi Ba Hòn, tổ chức lãnh đạo kháng chiến.

Đối với địch, ngoài cuộc hành quân do Valuy chỉ huy ở Trung Bộ, chúng còn đưa lực lượng đánh chiếm các tỉnh còn lại ở miền Tây Nam Bộ. Những ngày cuối tháng

1. Tổ chức quân sự tỉnh có các cấp chi đội, đại đội, trung đội (tương đương với các cấp trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội, trung đội hiện nay).

1-1946, Pháp mở cuộc hành quân Gô (Gaur) đánh ra các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Khánh Hòa. Cuộc hành quân do tướng Lơ Cờlét (Le Clecre) trực tiếp chỉ huy. Chúng đã sử dụng 15.000 quân gồm: Binh đoàn thiết giáp Mátxuy, Trung đoàn bộ binh thuộc địa Ma Rốc (RICM), hai tiểu đoàn của Trung đoàn bộ binh thuộc địa số 21, 23, một tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn BMEO¹ phối hợp với hải quân và không quân tiến công. Trên bộ, địch chia làm 2 cánh:

- Cánh quân từ Biên Hòa đánh lên Di Linh, Đà Lạt và đánh xuống Phan Rang. Sau khi chiếm Phan Rang tiến ra Nha Trang và đánh vào Phan Thiết.

- Cánh quân từ Buôn Ma Thuột, dọc theo đường 21 tiến đánh xuống Ninh Hòa. Từ Ninh Hòa phối hợp với cánh quân Phan Rang ra phá vòng vây của ta ở Nha Trang, tiếp theo chúng chiếm Vạn Giã và Đèo Cả.

Ngày 25-1-1946, cánh thứ nhất với 140 xe, đến ngày 26-1, chúng đánh chiếm được Di Linh và phát triển đánh chiếm Đà Lạt ngày 27-1 (hai nơi này đã bị quân Nhật chiếm trước theo kế hoạch của quân Pháp). Ngày 28-1-1946, địch chia làm 3 cánh tiến đánh các hướng km 42 trên đường 8 giáp với Bình Thuận, Phi Nôm-D'ran và hướng Trại Mát.

Ở mặt biển, từ ngày 25-1-1946, địch cho một số tàu biển, trong đó có chiến hạm Risliơ chạy dọc ven biển Phan Thiết, Cà Ná bắn phá một số nơi để nghi binh,

1. BMEO: Batallion de Marche Extrême orient (tiểu đoàn viễn động chuyên đánh rừng núi).

thu hút lực lượng ta.

Khi địch theo đường 8 từ Di Linh tiến xuống km 42 bị ta chặn đánh, chúng lui về rồi cùng cánh quân ở Đà Lạt tiến đánh xuống Phan Rang. Được tin của công nhân ở ga Sông Mao thông báo, Ủy ban Hành chính tỉnh và Ban chỉ huy Chi đội 1 ra lệnh thực hiện vườn không nhà trống, đào đường, chuẩn bị phá cầu Vĩnh Hảo, Đại Hòa. Các đơn vị báo động trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu. Toàn bộ Đại đội 3 tập trung ở Vĩnh Hảo khẩn trương làm công sự, lập tuyến chiến đấu gần chùa Vĩnh Cố.

Ngày 30-1-1946, quân Pháp từ Phan Rang tiến đánh Bình Thuận và sử dụng pháo từ tàu biển bắn vào chi viện cho bộ binh tiến công. Tại phòng tuyến chùa Vĩnh Cố, các chiến sĩ Đại đội 3 đã lợi dụng công sự đào ở sườn núi, đường xe lửa, đường ô tô sát bờ biển chặn đánh quyết liệt, cầm chân địch 1 ngày đêm. Cầu Vĩnh Hảo, ta cho nổ mìn nhưng lượng chất nổ không đủ nên không phá được cầu. Sáng 31-1-1946, địch củng cố lực lượng tràn qua phòng tuyến của ta, Đại đội 3 phát hiện và rút vào khu rừng Vĩnh Hảo.

Đoàn xe hành quân của địch có xe tăng, xe thiết giáp dẫn đầu, trên xe cắm cờ đỏ sao vàng để lừa ta vượt qua hầm hào ở dốc núi Vĩnh Hảo, cầu Đại Hòa (ta chưa kịp phá) tiến qua dốc Bàu Đá đến dốc Hội Long thì bị các chướng ngại vật của dân quân tự vệ xã Chí Công ngăn chặn. Hơn một trung đội dân quân tự vệ xã Chí Công với vài khẩu súng trường, phần nhiều là giáo mác, tầm vông vạt nhọn đã chiến đấu anh dũng với địch hơn

3 giờ. Đây là trận đánh Pháp đầu tiên của ta ở
kịch Bình Thuận, lực lượng dân quân tự vệ đã
11 đồng chí.

Khi đến phủ Hòa Đa (nay là xã Phan Rí Thành),
địch chiếm đóng tại đây khoảng một đại đội, số còn lại
tiến thẳng vào Phan Thiết. Khoảng 12 giờ trưa, địch
đến xóm Lụa (Phú Long) nhưng bị một trung đội của
Đại đội 4 cùng với anh em tự vệ của xóm Lụa chặn
đánh, phá hủy một xe, diệt một số tên; ta hy sinh khoảng
1 tiểu đội, trong đó có đồng chí Nộ-Chính trị viên Đại
đội 4. Để trả thù, địch đã bắn giết dã man 30 đồng bào
ta, hầu hết là người già, phụ nữ và trẻ em. Đến khoảng
13 giờ ngày 31-1-1946 (tức ngày 30 Tết năm Bính Tuất),
địch vượt qua Kim Ngọc đánh chiếm Phan Thiết.

Sau khi địch chiếm thị xã Phan Thiết, tuần đầu tháng
2-1946, chúng đưa quân chiếm đóng Ma Lâm và La Gi,
đồng thời tung quân ra thăm dò ta ở các vùng ven thị xã
như: Phú Tài, Phú Hội, Ngã Hai, Phước Môn, Dương
Xuân, Phú Hải... Ở những nơi này, lực lượng ta đánh
một số trận tiêu hao địch rồi rút về vùng nông thôn, do
có điệp báo nên địch biết được tình hình lực lượng ta
phần lớn về đóng quân tại xóm Mía (Tân Xuân Thượng
nay là xã Hàm Liêm). Ngày 8-2-1946 (mùng 7 Tết),
địch đã tung một lực lượng lớn, chia làm 3 cánh tiến
công vào nơi lực lượng ta đóng quân. Bộ đội ở đây gồm
có Đại đội 1, Đại đội 2 (Chi đội 1) và dân quân du kích
nhưng một số bị thương, đau ốm. Vì chưa chuẩn bị kế
hoạch đánh địch nên khi bị địch tập kích bất ngờ, ta bị
động đối phó và đã hy sinh 2 tiểu đội. Đơn vị rút theo

n tại Dân Thạnh, Triềng. Trong Phan Thị Diệu-nữ cứu thương đã an lộn trong lửa đạn, băng bó cứu thương và đồng chí đã anh dũng hy sinh mình vì đồng đội của đồng chí nữ Diệu của bộ đội Bình Thuận đã đến và chiến sĩ biết bao thương tiếc anh trong trận này, quân địch đã

gây ra một tội ác vô cùng man rợ, chúng đã xả súng bắn giết trên 70 đồng bào ta, là trẻ em, người già và phụ nữ ở thôn Xuân Đài và Tân Xuân Thượng. Hàng năm, đồng bào ở đây lấy ngày mùng 7 Tết làm ngày giỗ chung, ngày mà nhân dân Tam Giác ghi nhớ mối thù không đội trời chung với giặc Pháp xâm lược.

Từ tháng 1-1946, địch đã chiếm thị xã, thị trấn và một số điểm quan trọng khác của Bình Thuận, từng bước chúng đánh chiếm các vùng nông thôn và ven biển. Quân địch đã đưa những tên thực dân cũ như tên công sứ Môn, tên Lui Đophốt ở Tánh Linh nắm các vị trí cũ. Những tên này đã tìm cách tập hợp tay chân, tổ chức bộ máy chống kháng chiến và để uy hiếp tinh thần của nhân dân, đi đến đâu chúng cũng đốt phá, bắn giết rất dã man.

Các cơ quan Việt Minh, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang của ta rút về các vùng nông thôn, vùng ven rừng, một bộ phận lên rừng Tam Giác, còn hầu hết về vùng Tuy Hòa, Dân Thạnh, Triềng. Cơ quan thị xã Phan Thiết về vùng Ba Hòn, cơ quan chỉ huy Chi đội 1 đóng ở Triềng. Riêng Đại đội 3 sau khi đánh địch ở chùa Vĩnh Cố đã rút lên núi Kênh

Kênh rồi khoảng 1 tuần sau chuyển về Long Hương, La Gàn. Nhìn chung các lực lượng đã có một bước củng cố, sắp xếp, bố trí lại lực lượng để tạo thế tiếp tục đánh địch.

Nhân dân ở một số thị trấn, thị xã khi địch đến đều tản cư, nơi ít vài mươi ngày, có nơi vài ba tháng và cũng có một số nơi phá hết nhà cửa vào rừng tham gia kháng chiến, không trở về nơi cũ. Nhiều địa phương đã chỉnh đốn lại lực lượng tự vệ, đã tự mình hoặc phối hợp với bộ đội đánh địch, diệt trừ những tên gian ác, bảo vệ nhân dân. Những ngày này việc tiếp tế cho bộ đội, nuôi dưỡng thương binh, bệnh binh, di chuyển các dụng cụ, máy móc... đều dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân. Trong nhân dân, phong trào “hũ gạo nuôi quân”, “hũ gạo kháng chiến” diễn ra rầm rộ ủng hộ cho các lực lượng chiến đấu.

Phân đội của đồng chí Ngô thuộc Đại đội 3, chi đội 1, thời gian đầu gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp tế nên đồng chí Mai Nhấn trực tiếp về vận động nhân dân Phan Rí (quê của đồng chí) ủng hộ đủ các thứ cần thiết. Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, tình nghĩa quân dân đã rất gắn bó. Chính nhờ sự giúp đỡ, đùm bọc nuôi dưỡng của nhân dân và cán bộ các ngành, các cấp nên lực lượng bộ đội và dân quân tự vệ có đủ điều kiện để tổ chức những trận phục kích, quấy rối, đánh tiêu hao địch. Ngoài những trận đánh địch ở vùng Phú Tài, Phú Hội, Tam Giác, ta còn phục kích địch đi lòng sục ở các thôn Long Thạnh, Long Phước, Phú Điền diệt 2 xe địch ở Long Hương (đầu tháng 3-1946)... Những trận đánh này tuy kết quả diệt địch còn ít, nhưng đó là những tín hiệu rất quan trọng báo cho nhân dân biết là tiếng

súng kháng chiến vẫn tiếp tục chứ không phải như những lời tuyên truyền xuyên tạc của địch là chúng đã tiêu diệt và làm tan rã lực lượng vũ trang của ta.

Nhìn chung, những ngày đầu kháng chiến, kẻ địch với những ưu thế nhất định về vũ khí, trang bị kỹ thuật nên chúng đã đánh chiếm khá nhanh những vị trí trọng yếu. Ngược lại, bộ đội ta tinh thần chiến đấu rất cao, nhưng trang bị kỹ thuật thiếu và yếu; tổ chức chỉ huy, kinh nghiệm chiến đấu nặng về đánh trận địa, bố trí lại quá đơn giản; chưa biết đánh du kích và xem nhẹ công tác phá hoại, nhất là phá hoại giao thông để cản trở bước tiến của địch. Với tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục những khó khăn yếu kém ban đầu, ta đã nhanh chóng chỉnh đốn, củng cố các mặt, tạo chỗ đứng, bảo tồn lực lượng để bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Cán bộ, bộ đội đã có tinh thần bám dân, bám đất, bám địa bàn hoạt động, nhờ đó mà các lực lượng luôn tồn tại và phát triển.

II. Vượt khó khăn, củng cố và phát triển lực lượng, tạo bước chuyển biến mới

Chính phủ Pháp đã ký với Chính phủ ta Hiệp định sơ bộ ngày 06-3-1946. Với Hiệp định này, chúng ta đã giành được hai thắng lợi: gạt bỏ được Tưởng Giới Thạch và buộc chính phủ Pháp phải thừa nhận Việt Nam là nước tự do và từ đó ta có thời gian tổ chức lại kháng chiến với kẻ thù chính là thực dân Pháp.

Theo tinh thần Chỉ thị “Hòa để tiến” ngày 09-3-1946 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, nhiệm vụ

của toàn Đảng lúc này: giải thích cho nhân dân rõ chủ trương hòa để tiến là đúng đắn; kiên quyết chống lại các biểu hiện bi quan, dao động hoặc tả khuynh, chủ quan mất cảnh giác. Trong khi thi hành Hiệp định, ráo riết và kín đáo chuẩn bị để kháng chiến lâu dài, duy trì và phát triển thế lực về quân sự, cảnh giác đề phòng thực dân Pháp phản bội Hiệp định...¹. Ở đây, ta đã không làm đúng tinh thần Chỉ thị trên nên dẫn đến những khuyết điểm, sai lầm đã đưa lại những tổn thất đau xót. Nguyên nhân có phần do xa chỉ đạo của cấp trên, không nắm được đầy đủ và đúng đắn chủ trương của Đảng. Nhưng phải thấy rõ, sự mơ hồ về lập trường quan điểm đấu tranh giai cấp, mơ hồ về bản chất của kẻ thù, đó là nguyên nhân chính gây ra những hậu quả tai hại. Hành động trá trở, phản trắc của kẻ thù đã tự vạch trần thêm bộ mặt phản động của chúng, càng làm bùng lên ngọn lửa căm thù và quyết tâm chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta.

Tuy nhiều đồng chí lãnh đạo tỉnh không đồng ý nhưng cuối tháng 3-1946, đồng chí Lương Văn Khâm, Chi đội trưởng Chi đội 1 và Trương Văn Thu-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tự động ký hiệp định địa phương với Pháp. Trong các điều khoản đã ký có những điều bất lợi cho ta, để địch nắm được một số vị trí đóng quân, thu hẹp vị trí đóng quân và làm đình trệ việc củng cố, phát triển lực lượng. Việc ký kết hiệp định địa phương với Pháp đã gây sự bất bình trong lãnh đạo tỉnh và nhiều cán bộ, chiến sĩ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, 2000, t.8, tr.48-56.

Sau ngày ký hiệp định địa phương, quân Pháp xúc tiến các mưu đồ có sẵn. Chúng mở cuộc càn quét vào La Gàn. Tại đây, chúng đã bị Đại đội 3 diệt 9 tên, thu 1 xe Jeep. Khi ta phản đối cuộc càn quét thì tên quan tư Êcolét (Dese Clailes) ở Bình Thuận, tên quan ba Canvê (Calvet) ở Hòa Đa đã có những lời đe dọa, thách thức.

Đầu tháng 5-1946, các đồng chí Nguyễn Tương, Chủ nhiệm Việt Minh và Nguyễn Đức Dương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh từ Huế về đã tổ chức hội nghị để củng cố lại tổ chức kháng chiến và quyết định hủy bỏ hiệp định đã ký kết với thực dân Pháp ở địa phương. Ngày 08-5-1946, Bình Thuận tuyên bố xóa bỏ hiệp định địa phương thì ngay đêm đó địch đột kích vào cơ quan bộ của Chi đội 1 đóng ở Triềng, bắt đồng chí Lương Văn Khâm, Chi đội trưởng. Sau khi mua chuộc, dụ dỗ không được, chúng đã bắn đồng chí ở Phan Thiết. Tiếp đó, chúng bắt đồng chí Đoàn Ân, Đại đội trưởng Đại đội 3 tại Phan Rí Cửa, khi đồng chí phản đối Pháp không thực hiện những điều khoản đã ký trước đây với đơn vị.

Tình hình ở Bình Thuận lúc này đã làm cho một số cán bộ và bộ đội hoang mang, dao động trốn ra vùng tự do. Từ đó việc xác định ở lại bám địa phương chiến đấu hay rút ra vùng tự do đã thành vấn đề đấu tranh trong một số anh em cán bộ, chiến sĩ. Trước tình hình đó, các đồng chí chỉ huy các đơn vị và lãnh đạo các ngành trong tỉnh đặt vấn đề phải củng cố lại các đơn vị. Đại đội 1, 2 và 4 thống nhất thành một đơn vị. Đại đội 3 vẫn đóng ở phía bắc tỉnh, phân đội của đồng chí Nguyễn Minh Châu đóng ở Hàm Tân. Nhờ sắp xếp, ổn định kịp thời nên các đơn vị

đã đứng vững trên các địa bàn và tiếp tục hoạt động.

Qua bài học cảnh giác cách mạng, ta còn thấy bài học về ý chí chiến đấu, vai trò cán bộ chỉ huy lãnh đạo các cấp. Trước tình hình khó khăn của đất nước, của địa phương, người chỉ huy càng phải sáng suốt, vững vàng, nêu cao tinh thần trách nhiệm, sống chết cùng anh em chiến đấu, biết tin và dựa vào dân sẽ có hướng giải quyết đúng đắn.

Để tăng cường cán bộ cho các tỉnh, cấp trên đã điều một số đồng chí chính trị, quân sự vào cho Bình Thuận. Những ngày cuối tháng 4-1946, các đồng chí Nguyễn Văn Giáo, Nguyễn Sắc Kim và một số đồng chí ở các ngành cũng được bổ sung thêm vào Bình Thuận.

Giữa tháng 5-1946, một số đồng chí lãnh đạo của tỉnh như đồng chí Nguyễn Tương, Nguyễn Đức Dương đi công tác ở vùng tự do trở về Bình Thuận. Sau cuộc họp cán bộ chủ chốt tỉnh ở Rẫy Thơm (làng Tuy Hòa, xã hàm Đức), các mặt công tác đều được chấn chỉnh, quân đội đã có bước phát triển, xây dựng thành 3 đại đội, lực lượng dân quân du kích cũng được chú trọng xây dựng khá đều khắp. Ngày 25-6-1946, Trung đoàn 82 được thành lập¹ do

1. Ngày 22-5-1946, Chính phủ ra Sắc lệnh số 71/SL đổi tên Vệ Quốc đoàn thành Quân đội Quốc gia Việt Nam. Căn cứ Sắc lệnh này, các chi đội ở Bắc Bộ và Trung Bộ cải tổ thành các trung đoàn, tiểu đoàn độc lập. Khi có chủ trương thành lập Trung đoàn 82, không đầy một tháng, ta đã tập hợp thành lập đội ngũ cán bộ tiểu đoàn, đại đội và hầu hết anh em chiến sĩ Chi đội 1 trước đây. Trên đường về đơn vị cũng lắm gian nan, thậm chí có người đã hy sinh khi qua vùng địch. Nhưng hạnh phúc nào lớn hơn khi người chiến sĩ được trở lại đội ngũ, cầm vũ khí bảo vệ độc lập tự do cho Tổ quốc.

đồng chí Nguyễn Văn Giáo làm Trung đoàn trưởng, Nguyễn Sắc Kim làm Chính trị viên, Nguyễn Đức Tuyển làm Trung đoàn phó, Phan Hạo làm Tham mưu trưởng, Vương Gia Khương làm Trưởng ban chính trị. Trung đoàn có 3 đại đội: Đại đội Phan Đình Phùng hoạt động ở Hàm Thuận, Đại đội Hoàng Hoa Thám hoạt động ở Hàm Tân và Đại đội Quang Trung hoạt động ở 3 huyện phía bắc tỉnh. Cơ quan chỉ huy Trung đoàn đóng tại Hồ Đất (sau này là căn cứ Lê Hồng Phong). Đến tháng 9-1946, Trung đoàn điều Đại đội Phan Đình Phùng vào hoạt động ở Hàm Tân thay cho Đại đội Hoàng Hoa Thám về hoạt động ở Hàm Thuận.

Du kích và lực lượng dân quân tự vệ đều được chấn chỉnh và phát triển. Mỗi xã đều thành lập một trung đội dân quân, nhiều nơi có du kích tập trung, có xã từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội. Lực lượng tự vệ chiến đấu tỉnh (nhân dân gọi là tự vệ ông Tương) có 3 trung đội, do đồng chí Nguyễn Tương (chiến sĩ cách mạng từ năm 1931, đại biểu Quốc hội khóa I), Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh đứng ra tổ chức, thành lập. Tự vệ chiến đấu đã đánh nhiều trận có tiếng vang trong nhân dân, đã làm cho kẻ thù khiếp sợ. Đến tháng 12-1946, đơn vị giải thể, bổ sung cho Đại đội Hoàng Hoa Thám và một số tăng cường cho các huyện, xã ở Hàm Thuận làm nòng cốt để xây dựng dân quân du kích.

Nhìn chung, Bình Thuận những ngày đầu kháng chiến còn gặp nhiều khó khăn. Nhưng nhờ sự lãnh đạo và tăng cường cán bộ của cấp trên, sự lãnh đạo của tỉnh, sự nỗ lực và ý chí của cán bộ, chiến sĩ, nhờ tinh thần

yêu nước và sự giúp đỡ to lớn của nhân dân nên đã tạo được thế và lực mới để đứng vững, đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Việc thành lập Trung đoàn 82, củng cố phát triển lực lượng dân quân tự vệ, du kích xã, thôn hoạt động đều khắp trên các vùng, đánh dấu một bước tiến bộ lớn trong việc giữ vững phong trào cách mạng của quần chúng.

III. Bình Thuận đánh mạnh thắng lớn

Sau khi chiếm xong các thị xã, thị trấn, những điểm quan trọng trên các đường giao thông, đến tháng 6-1946, thực dân Pháp tiếp tục từng bước đánh chiếm vào các vùng nông thôn và vùng ven biển, chặn đường tiếp tế của ta từ vùng tự do vào. Địch liên tục mở các cuộc càn quét, đột kích hòng đánh bật ta ra khỏi các vùng dân cư đông đúc, lừa dân đi tản cư trở về quê cũ. Mặt khác, chúng tiếp tục khủng bố, giết hại nhân dân rất dã man như chặt đầu, treo cổ, mổ bụng, chôn sống... hòng làm cho nhân dân phải khiếp sợ, khuất phục. Chúng tiếp tục lôi kéo một số tay sai trước năm 1945 ra làm việc và tổ chức tề điệt để nắm dân, phát triển lính nguy. Chúng cho rằng, trước những khó khăn và tổn thất trong thời gian qua, lực lượng của ta còn lại là không đáng kể.

Trước tình hình trên, Đảng ta chủ trương lãnh đạo nhân dân tích cực tiến công địch, chống các cuộc càn quét, bảo vệ nhân dân, bảo vệ bàn đạp đứng chân, tích cực trừ gian, diệt tề và đấu tranh chống địch cướp bóc khủng bố, vận động phong trào quần chúng tham gia kháng chiến. Mặt khác, ta tiếp tục xây dựng, phát triển

lực lượng, kiên quyết giữ bộ máy chính quyền ở khắp các thôn, xã và phát triển các tổ chức Đảng trong và ngoài quân đội.

Do củng cố và phát triển sớm lực lượng dân quân, du kích và bộ đội nên phong trào kháng chiến tháng 5, tháng 6-1946 đã có nhiều tiến bộ. Chiến tranh du kích và phong trào đấu tranh của quần chúng đã nổ ra ở nhiều nơi. Phía bắc tỉnh, dân quân du kích cùng với bộ đội đánh trả các cuộc càn quét của địch ở Phan Rí, Duồng, La Gàn. Ngày 9-5-1946, dân quân du kích phối hợp với bộ đội Quang Trung chặn đánh 2 đại đội địch càn vào La Gàn, tiêu diệt 20 tên, trong đó có tên quan hai Pháp, thu 4 súng. Dự đoán thế nào địch cũng đánh vào La Gàn lần nữa nên bộ đội, dân quân du kích cùng cán bộ địa phương bàn cách đánh địch, đồng thời chuẩn bị mọi mặt cho nhân dân chống địch càn quét.

Sáng 11-5-1946, địch cho hơn 200 quân, có xe thiết giáp đi cùng và phía biển có tàu chiến, máy bay yểm hộ tiến công La Gàn. Tại đây đồi sau Trại Lưới, dân quân du kích và Đại đội Quang Trung đã phục kích đánh trả địch quyết liệt suốt cả buổi. Trong khi đó các mẹ, các chị đã vượt qua lửa đạn tiếp tế, cứu thương, tiếng trống, tiếng mõ nổi lên khắp thôn xóm áp đảo tinh thần quân địch. Đến 15 giờ chiều, địch phá vỡ phòng tuyến của ta, tràn được vào xóm sau khi tên quan hai và một số lính bỏ mạng. Quân địch đã man đã bắn chết 45 đồng bào và bắt đi 55 người, đốt nhiều nhà cửa và thùng lều nước mắm. Đây là trận địch tàn sát lớn thứ ba trong tỉnh và cũng là trận đấu tranh quyết liệt, biểu hiện tinh thần

chiến đấu anh dũng, ý chí kiên cường vì độc lập, tự do cho Tổ quốc của quân dân La Gàn-Bình Thạnh.

Cùng với La Gàn, nhân dân Phan Rí, Duồng cũng diễn ra các cuộc đấu tranh chống địch tàn quét, khủng bố. Sau khi tản cư trở về, nhân dân đã tích cực đấu tranh đòi đi biển đánh cá, chống địch cướp giạt ở các chợ, bắt đồng bào, giết cán bộ... Mặc dù sống trong vùng địch kiểm soát, đồng bào vẫn tiêu tiền Việt Nam, vẫn đóng các thứ thuế cho chính quyền cách mạng, trừng trị một số tên Việt gian chỉ điểm¹. Đồng bào còn tiếp tế lương thực, thuốc men cho các cơ quan và bộ đội. Chính nhờ sự dùm bọc, giúp đỡ của đồng bào, Đại đội Quang Trung đã vượt qua những khó khăn trong những ngày đầu kháng chiến. Sau một thời gian, cùng với các địa phương chống địch tàn quét, Đại đội Quang Trung có một số tổn thất về cán bộ² nhưng kinh nghiệm và khả năng tác chiến không ngừng trưởng thành.

Ngày 17 và 18-6-1946, Đại đội Quang Trung đưa quân về Bình Nhơn (Bàu Trắng) xây dựng nơi đứng chân và củng cố lực lượng để đánh địch. Trong thời gian này, quân địch thường lùng sục các vùng quanh căn cứ Dân Thạnh, Bình Thiện, Thái An... Ngày 26-6-1946, địch từ Mũi Né lên Bình Thiện lùng sục, trên đường quay về chúng đã lọt vào trận địa phục kích của Đại đội Quang Trung. Ta tiêu diệt gần hết trung đội địch, thu 1

1. Ngày 1-5-1946, đồng chí Nguyễn Văn Sót bắn chết tên chỉ điểm người Chăm ở Phan Rí.

2. Từ ngày 12 đến ngày 15-6-1946, Đại đội trưởng Đoàn Ân bị địch bắt, Đại đội phó Nguyễn Thanh Tân hy sinh tại khu vực Trại Lưới.

trung liên, 17 súng trường, 1 súng Motta và rất nhiều đạn dược, trang bị, nhân dân đi đánh cá cũng vớt được 2 súng trường và 1 súng phóng lựu về giao cho bộ đội. Trận đánh có tiếng vang lớn, lấy được trung liên của địch. Đây là khẩu trung liên chiến lợi phẩm đầu tiên của bộ đội Bình Thuận và giao cho đồng chí Mai Tứ phụ trách. Nhưng một lần đi kiểm tra trận địa, bị lính Pháp mai phục bắn đồng chí Mai Tứ và chúng lấy lại khẩu trung liên. Tiếp đến, Đại đội Quang Trung phối hợp cùng dân quân du kích tập kích vào đồn Xóm Lụa đêm 27-7, diệt 40 tên địch, thu 1 đại liên Hockít, 8 súng trường và nhiều chiến lợi phẩm khác¹. Trận đánh đồn đầu tiên của Đại đội Quang Trung giành thắng lợi. Để chào mừng Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9, ngày 18-8-1946, Đại đội Quang Trung tổ chức đánh địch ở Thái An, diệt 18 tên, thu 1 khẩu súng trung liên và một số súng trường.

Tại trung đoàn bộ, đơn vị tổ chức lễ Quốc khánh và mừng chiến thắng, nhiều đồng bào từ vùng tạm bị chiếm cũng ra tham dự. Buổi lễ có tổ chức các cuộc thi tháo lắp súng, ca hát và diễn kịch... đã gieo vào lòng người niềm vui và tin tưởng.

Ngày 16-10-1946, tự vệ chiến đấu tỉnh phối hợp cùng Đại đội Quang Trung chặn đánh địch càn quét vùng Rẫy Thơm (Hàm Đức). 10 giờ 30 phút, địch lọt vào trận địa phục kích, ta nổ súng tiêu diệt 10 tên, số còn lại

1. Khẩu đại liên Hockít ta thu được trong trận này cũng chính là khẩu đại liên của ta chôn cất ở Vĩnh Giang, bị địch phát hiện lấy ngày 12-6-1946.

tháo chạy tán loạn về hướng nam chân núi Tà Zôn. Tuy nhiên, 3 đồng chí ta hy sinh, 1 đồng chí bị thương. Khoảng 15 giờ, địch cho 5 xe chạy từ Phú Long lên Tuy Hòa tiếp viện để lấy xác đồng bọn. 17 giờ, đoàn xe địch quay về đến dốc động Bà Hòe thì bị tự vệ chiến đấu tinh chặn đánh, làm hỏng 1 xe, chết và bị thương thêm một số địch nữa. Cũng trong khoảng thời gian này ta còn đánh một số trận khác ở vùng Dân Thạnh, Rạng, Tuy Hòa, Sông Lũy, Rẫy Điều... đã làm hạn chế các cuộc càn quét của địch. Những trận đánh trên tuy nhỏ nhưng diệt được địch, thu được súng, bảo vệ được vùng căn cứ kháng chiến, có ảnh hưởng tốt trong nội bộ và nhân dân.

Trong thời gian này trên địa bàn huyện Hàm Thuận, phong trào chiến tranh du kích cũng phát triển mạnh ở nhiều nơi. Ngay từ tháng 4-1946, bất bình với việc ký hiệp định địa phương, một số thanh niên và dân quân đã đào súng lên tham gia đánh địch, nhiều trận đánh đã diễn ra ở Hầm Đá, bót Bình Lâm, cầu An Phú trên Đường 8. Du kích các xã Đông Tiến, Xuân Bình, Ma Lâm, Xóm Lụa, Dân Thạnh... cũng trừ gian, diệt tề và đánh địch lùng sục, càn quét. Nhân dân Hàm Thuận đã hết lòng ủng hộ bộ đội về các mặt, tạo thuận lợi cho bộ đội có đủ điều kiện để hoạt động và xây dựng. Có nhiều má như má Dĩ, má Năm quê ở Mũi Né (nay thuộc thành phố Phan Thiết) vừa ủng hộ tiền của, vừa trực tiếp đi theo bộ đội để tiếp tế và nuôi dưỡng thương binh từ những ngày đầu kháng chiến và những năm sau này. Chính sách ruộng đất cũng được huyện tổ chức thực hiện sớm và đồng tiền Việt Nam được tiêu dùng khắp

các vùng, kể cả vùng tạm bị chiếm.

Ở Hàm Tân, xung quanh các vùng La Gi, Tân Lý, Tam Tân, Rừng Lá, dân quân du kích cũng phối hợp với bộ đội Phan Đình Phùng chống càn, trừ gian diệt tề. Tháng 7-1946, địch đóng đồn ở Cây Khô (Thạnh Mỹ thuộc xã Minh Thành). Nhân dân Văn Kê, Thạnh Mỹ đốt phá nhà cửa, tản cư ra rừng; bất hợp tác với địch, dân quân du kích cũng phối hợp với bộ đội bao vây, uy hiếp và đánh tiêu hao địch nên chỉ mấy tháng sau địch phải bỏ đồn rút chạy. Vùng này trở thành căn cứ suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp của địa phương. Đây là nơi cung cấp nhân tài, vật lực rất quan trọng cho lực lượng kháng chiến nói chung và lực lượng vũ trang tỉnh nói riêng.

Nhìn chung, trên chiến trường Bình Thuận, qua hơn nửa năm kháng chiến (1946), ta đã củng cố, xây dựng và phát triển mọi mặt, tạo cơ sở cho những năm sau bước vào cuộc đấu tranh quyết liệt hơn, gay go hơn.

Trước tình hình địch đánh chiếm ngày càng lan rộng ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, Trung ương Đảng tổ chức Hội nghị quân sự toàn quốc ngày 19-10-1946. Hội nghị đã nhận định: “không sớm thì muộn, Pháp sẽ đánh mình và mình cũng nhất định phải đánh Pháp”¹. Hội nghị đã quyết định đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng lực lượng vũ trang, chú trọng nhất là chất lượng sẵn sàng chiến đấu với quân thù. Tiếp đó, ngày 5-11-

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr.133.

1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị “Công việc khẩn cấp bây giờ”. Người chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ra sức đẩy mạnh công cuộc kháng chiến, Người nêu rõ nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc lúc này và khẳng định cuộc kháng chiến sẽ gay go, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi. Người cổ vũ quân và dân cả nước “Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo thì ta sẽ gặp mùa xuân”¹.

Đúng như Trung ương Đảng nhận định, tình hình ngày càng căng thẳng, cả nước bước vào cuộc kháng chiến. Ngày 19-12-1946, Kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Tiếng súng của Hà Nội là hiệu lệnh chung cho toàn quốc kháng chiến. Quân dân ta ở tất cả các thành phố, thị xã có quân Pháp chiếm đóng đều nhất tề nổ súng. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”². Lời kêu gọi của Bác là tiếng gọi non sông, cả nước hưởng ứng mạnh mẽ, từ vùng tự do đến vùng tạm bị chiếm đều nỗ lực đóng góp và làm hết sức mình để đẩy mạnh cuộc kháng chiến.

Ở miền Bắc sau khi bao vây, đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch trong các thành phố, thị xã, ta rút quân ra vùng nông thôn tạo thế đứng để tiếp tục chiến đấu. Những tháng đầu năm 1947, địch liên tiếp tăng quân và đánh rộng ra một số vùng đồng bằng Bắc Bộ và trung du, đánh lên Việt Bắc với ý đồ tiêu diệt cơ quan

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.4, tr.434.

2. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.480.

đầu não kháng chiến của ta để kết thúc chiến tranh. Cuộc tiến công Việt Bắc-Thu Đông năm 1947 của chúng bị thất bại thảm hại buộc phải quay về củng cố các vùng tạm chiếm, thực hiện âm mưu “dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”.

Cùng lúc này ở chiến trường Bình Thuận, địch ra sức củng cố vùng tạm chiếm, phát triển nguy quân, nguy quyền, kiểm soát và tổ chức nắm dân, hòng đẩy lực lượng ta ra ngoài. Mặt khác, chúng đẩy mạnh các cuộc càn quét, dồn dân liên tục từ vùng này sang vùng khác, tàn sát, khủng bố dã man hơn, dùng biệt kích đánh vào các cơ quan dân chính đảng và một số đơn vị nhỏ. Chúng rút bớt một số đồn ở những nơi chúng cho là chưa cần thiết hoặc bị ta uy hiếp và đóng thêm một số đồn khác sâu vào vùng ta.

Đầu năm 1947, lãnh đạo tỉnh đề ra chủ trương chung cho thời gian này là:

- Tích cực xây dựng, phát triển lực lượng, mở rộng các mặt công tác kháng chiến, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích.

- Tiến công tiêu hao, tiêu diệt địch; chống càn quét, dồn dân; chống biệt kích đánh vào các vùng căn cứ kháng chiến, trừ gian, diệt tề và phá chính sách kiểm soát phong tỏa của địch.

- Giữ vững giao thông liên lạc với vùng tự do, củng cố các địa bàn đứng chân và các chiến khu.

Đối với địch, trên chiến trường Bình Thuận, từ những

năm đầu kháng chiến cho đến năm 1948, địch vẫn giữ một tiểu đoàn lính Pháp và khoảng 700 quân nguy. Quân số chung các loại của chúng khoảng 2.000 tên, chúng thường tăng cường thêm một tiểu đoàn cơ động đến càn quét, đánh phá. Chỉ huy quân sự trong toàn tỉnh do tên quan tư Söcken phụ trách.

Lực lượng ta, từ cuối năm 1946, Trung đoàn 82 Bình Thuận mới có 3 đại đội và một đơn vị hoạt động ở thị xã Phan Thiết. Tháng 8-1947, Trung đoàn thành lập thêm Đại đội Cảm tử Phan Thiết¹. Đến cuối năm 1947, Trung đoàn biên chế thành 2 tiểu đoàn và một số đơn vị lẻ. Tiểu đoàn 89 hoạt động ở phía bắc tỉnh, Tiểu đoàn 86 hoạt động ở phía nam từ Hàm Thuận trở vào Hàm Tân². Đầu năm 1948, ta xây dựng thêm một đại đội hoạt động trên địa bàn Hàm Thuận, là tiền thân của Đại đội 216 sau này.

Dân quân du kích trong tỉnh cũng phát triển khá, mỗi huyện có từ 2 tiểu đội đến 2 trung đội du kích tập trung. Trong thời gian này, đi đôi với việc tổ chức lực lượng, hệ thống chỉ huy cũng được hình thành. Trong năm 1947 tỉnh tổ chức Ban Chỉ huy Tỉnh đội và đến đầu năm 1948 tổ chức Ban Chỉ huy các huyện, xã đội. Các

1. Đơn vị hoạt động ở Phan Thiết. Cuối năm 1946, đơn vị lấy tên là "Danh dự đội" và đến đầu năm 1947, đổi tên thành "Ban Phòng Địch". Tháng 8-1947, thành lập Đại đội Cảm tử lấy tên là "Cảm tử đội Nguyễn Thái Học" có 4 trung đội. Đến tháng 10-1947, Trung đoàn điều một trung đội tăng cường cho Tiểu đoàn 89.

2. Đầu năm 1948, Trung đoàn 82 có quân số 1.400 người; Tiểu đoàn 89 thành lập tháng 10-1947 có 2 đại đội: Phan Đình Phùng, Quang Trung; Tiểu đoàn 86 thành lập tháng 9-1947 có 3 đại đội: Hoàng Hoa Thám, Trần Quốc Tuấn, Phạm Hồng Thái.

vùng căn cứ, các chiến khu, các vùng du kích cũng được xây dựng như các xã trong căn cứ ở Hàm Tân, Chiến khu Ô rô, Chiến khu Ba Hòn, khu Tây Bắc Hàm Thạnh, khu du kích Tam Giác (Hàm Thuận)...

Hoạt động của ta trong suốt thời gian này chủ yếu là chống địch càn quét, bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ và từng bước tiến công địch bằng các trận phục kích, đánh giao thông, kỳ tập, đột kích vào các vùng tạm bị chiếm, đẩy mạnh trừ gian, diệt tề.

Cuối năm 1946, lần lượt các Đại đội Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng và tiếp theo là Tiểu đoàn 86 đã cùng dân quân du kích Hàm Tân tích cực bao vây, quấy rối, tiêu hao, uy hiếp các đồn địch, buộc chúng phải rút bỏ một số đồn như Tam Tân, Cù Mi Hạ, Km30... Các cuộc càn quét của địch đều bị ta chặn đánh, tiêu hao như ở Mã Thánh (Tân Lý), nhiều trận đánh địch kéo dài suốt cả tuần lễ, ta vừa chống càn, vừa phục kích ở cầu Cui, sở Bộ Ngay, Láng Sáo, Cây Khô, Thạnh Mỹ và trận chống càn vào dịp Tết năm 1948 ở Thắng Hải (Thắng Bình)... cùng với những trận đột nhập vào La Gi, Tân Lý để trừ gian, diệt tề có kết quả. Nhờ đó mà ta đã bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng, tạo điều kiện để tiến lên giải phóng toàn huyện.

Trên địa bàn Hàm Thuận, chiến tranh du kích phát triển mạnh. Tại thị trấn Ma Lâm, mặc dù địch đóng quân canh phòng nghiêm ngặt, ta vẫn đột nhập giữa ban ngày tiêu diệt tên cảnh sát Đàng gian ác; ở Mũi Né ta diệt 2 lính nguy, thu 2 súng; trận Ba Cây (Hàm Nhơn) du kích và bộ đội diệt cả 1 trung đội địch và tên đồn

trưởng người Pháp (nhân dân thường gọi “Tây cặc bò”); ở Bình An, một tổ du kích nhờ đồng bào giúp đỡ, đã diệt gọn một toán lính ngụy người Chăm, những tên chỉ huy Pháp tàn ác khét tiếng như “Tây đầu đỏ”, “Tây mắm ruốc” lần lượt phải đền tội¹.

Ở trạm hải đăng Kê Gà thuộc xã Minh Thành, huyện Hàm Tân, lực lượng Pháp đóng khoảng 1 tiểu đội, vừa bảo vệ hải đăng, vừa khống chế nhân dân vùng giải phóng. Tại đây, chúng xây dựng một bể chứa nước mưa dưới nền nhà để phục vụ cho bọn lính sinh hoạt, anh em dân quân du kích bàn nhau giết chó đem xác bí mật bỏ vào bể nước, quân Pháp không còn nước sinh hoạt. Do điều kiện cung cấp nước tại đây, vào mùa khô việc vận chuyển tiếp tế của chúng gặp rất nhiều khó khăn nên chúng buộc phải rút quân về Phan Thiết, từ đó nơi đây ta làm chủ hoàn toàn.

Địch thường dùng chiến thuật sử dụng ngựa đột kích, bao vây làm cho ta gặp nhiều khó khăn trong một thời gian dài. Sau đó, ông Hai Ổn, chị Mười Nguyên là những người dân bình thường đã cùng anh em du kích và thiếu nhi làng Kim Ngọc bí mật vào chuồng ngựa cắt dây đánh tháo hoặc đổ lúa vào tai ngựa, đã làm cho bầy ngựa bỏ chạy. Cách đánh đơn giản mà rất sáng tạo, hiệu quả cao.

Hưởng ứng đợt trừ gian diệt tề của tỉnh trong tháng

1. Dựa vào đặc điểm, đồng bào đặt tên riêng cho từng tên đồn trưởng Pháp gian ác như: Tây cặc bò lúc nào cũng mang roi cặc bò bên mình để đánh đập đồng bào; Tây đầu đỏ là đội ca lô đỏ, Tây mắm ruốc là mặt đỏ bầm như màu mắm ruốc.

4-1947, Hàm Thuận đã diệt nhiều tên gian ác và bắt sống 60 tên khác để xử tội, làm cho bọn tề điệp hoang mang lo sợ. Có nơi suốt 9 năm kháng chiến, địch không lập được tề như: Tân Xuân, An Phú, Bình Lâm, Tuy Hòa... Khi lòng căm thù giặc lên cao, những người dân bình thường như ông Đào Bá Quyền, Năm Mẹo, Mười Lai ở Hàm Nhơn đã dũng cảm chặt đầu lính Pháp ở Chợ Dinh, lấy súng cho du kích; chị em phụ nữ và thiếu nhi ở Rạng, Phong Nấm đã dùng dao, đòn gánh xông vào diệt địch hoặc 2 vợ chồng ông Lý Cự Cang dùng liềm, cuốc giết chết tên lính Pháp để giải thoát đồng chí Nguyễn Hoài Chương (ông bị địch giết tại chỗ).

Một số cán bộ, nhân dân và du kích nhiều nơi trong tỉnh không may sa vào tay giặc, đã bị bọn chúng tra tấn rất dã man nhưng vẫn một lòng kiên trung với cách mạng, bất khuất với quân thù như: anh Trần Sậu du kích làng An Phú (Hàm Thuận) bị địch bắt tra tấn không nói một lời, trước khi chết anh còn hô to: "Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn năm!"; ở xã Long Phước (Tuy Phong), địch bắt một số cán bộ và thanh niên địa phương, trong đó có một đồng chí là Chủ tịch xã, nhưng khi địch tra khảo từng người thì ai cũng nhận "Tao là Chủ tịch xã". Bất lực và tức tối, địch bắn chết cả 7 người. Tội ác quân cướp nước không chỉ khơi thêm lòng căm thù giặc ngày càng sâu sắc hơn mà còn làm cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta càng quyết chí đấu tranh. Những tấm gương đánh giặc cứu nước mãi mãi còn in đậm trong lòng nhân dân địa phương.

Trong vùng tạm chiếm, đồng bào cũng hằng hái tham

gia kháng chiến, làm công tác địch vận, đóng đảm phụ, tiếp tế thực phẩm, thuốc men, quần áo ủng hộ bộ đội, ủng hộ kháng chiến. Nhân dân còn tích cực đấu tranh chống địch bắt lính, hãm hiếp phụ nữ, xé giấy thông hành, đòi tự do đi lại. Ở những vùng giáp ranh giữa vùng ta và vùng địch tạm chiếm, nhiều nơi nhân dân đã phá nhà, rút vào rừng kháng chiến như ở Tuy Hòa, An Long, Phú Trường, Bà Giá (Hàm Thuận). Ở Tam Giác, địch sử dụng từ 1 đại đội đến tiểu đoàn càn quét mỗi tháng 2, 3 lần, một bộ phận nhân dân rút vào rừng, còn đa số vẫn bám trụ lại. Để tồn tại trong vùng bản lẻ (vùng tranh chấp), công tác bố phòng, canh gác dần dần thành nếp, một số nơi xuất hiện treo bù, đánh mõ làm hiệu, báo động mỗi khi có địch càn quét¹.

Hỗ trợ cho phong trào kháng chiến của nhân dân, Đại đội Hoàng Hoa Thám, Tiểu đoàn 86 đã tích cực tấn công địch liên tục, có một số trận đánh đạt được kết quả cao.

Tháng 5-1947, Đại đội Hoàng Hoa Thám diệt 2 tiểu đội địch từ Phú Bình đi Phan Thiết tại suối Cát-cầu Cháy-xóm Phú Thọ.

Ngày 14-6-1947, ta cải trang thành lính Pháp đánh kỳ tập đồn Lầu Ông Hoàng, một vị trí quân sự án ngữ phía đông bắc thị xã Phan Thiết. Ngay từ mờ sáng một

1. Bù là một hình thức làm hiệu báo động. Nhân dân Tam Giác dùng lá cây buộc thành chùm vào đầu cây rồi cắm lên ngọn cây cao nào đó, có thể cắm ở nhiều điểm khác nhau để báo cho bộ đôi, du kích và đồng bào biết. Khi có địch đi càn thì hạ bù, bình thường thì để bù trên ngọn cây.

tiểu đội có 3 người nguyên là lính Pháp theo cách mạng, cải trang thành lính và sĩ quan Pháp do đồng chí Ngọc chỉ huy bất ngờ xuất hiện trước cổng đồn. Tên lính gác tưởng bọn tuấn tiểu ở đồn Kim Ngọc đến kiểm tra vội bồng súng chào. Tên đồn trưởng còn ngủ được gọi dậy, chạy ra tiếp đón. “Quan hai” là người của ta đưa thư và nói thư của viên chỉ huy quan binh Bình Thuận gửi đến. Tên đồn trưởng đọc thư, hiểu ra, định chống cự thì một mũi khác của ta nổ súng tiêu diệt hắn tại chỗ. Sau đó tất cả các chiến sĩ cùng nổ súng và chiếm các vị trí quan trọng. Tình thế hoàn toàn bất ngờ, địch không kịp đối phó, số chết, số bị thương còn vài tên chui qua rào chạy thoát. Trận đánh diễn ra trong vòng 10 phút, ta đã giành thắng lợi mà không bị một tổn thất nào. Trong trận này, ta tiêu diệt 20 tên địch, thu được 1 đại liên Vicker, 1 trung liên Brenn, 2 tiểu liên, 10 thùng đạn, 11 thùng lựu đạn, nhiều súng trường và tất cả quân trang quân dụng... Chiến thắng Lầu Ông Hoàng, một trận đánh kỳ tập xuất sắc, mở đầu cho cách đánh có tính truyền thống của bộ đội cụ Nam Trung Bộ, nhân dân và bộ đội rất phấn khởi, tin tưởng. Năm tháng đã trôi qua nhưng chiến thắng Lầu Ông Hoàng vẫn mãi mãi in sâu trong lòng người dân Bình Thuận.

Ngày 15-7-1947, ta đánh trận phục kích giao thông ở An Lâm, tại Cầu Trại, đường lộ 8. Đại đội Trần Quốc Tuấn được tăng cường thêm lực lượng của Đại đội Quang Trung ở Tuy Phong, gồm có 6 trung đội, trang bị súng trường, súng máy (trong đó có khẩu Vicker thu được ở trận Lầu Ông Hoàng được sử dụng trong trận này). Đoàn xe địch có 3 chiếc chở 80 tên lính đi từ Phan Thiết đến

tiếp tế cho Sông Quao, khi về đã lọt vào trận địa phục kích của ta. Ta nổ súng phá hủy 3 xe, diệt 40 tên (có 1 quan ba và 3 hạ sĩ quan), làm bị thương 15 tên, bắt sống 5 tên; thu 5 trung liên, 6 tiểu liên, 18 súng trường, 3 súng lục, một số đạn, lựu đạn, quân trang quân dụng. Trận đánh đạt hiệu suất chiến đấu cao, thu nhiều vũ khí, diệt nhiều địch, bắt tù binh. Trong trận này, đồng chí Phạm Xuân Ngô-Đại đội trưởng – người đã có nhiều đóng góp xây dựng đơn vị từ những ngày đầu kháng chiến đã hy sinh, để lại trong anh em niềm thương tiếc vô hạn.

Cùng với thời gian này, ở vùng Tam Giác vào ngày 09-11-1947, trên tuyến đường sắt Phan Thiết-Mương Mán, Tiểu đoàn 86 phục kích đoàn tàu lửa của địch chở 40 tên, đi hộ tống tại cầu suối Dầu. Trận đánh được điều tra, bố trí cụ thể, chu đáo nên chỉ sau khoảng nửa giờ chiến đấu, ta đã diệt 25 tên (có 1 thiếu úy), bắt 15 tên, thu 2 trung liên, 5 tiểu liên và nhiều quân trang, quân dụng khác. Trận đánh đã đem lại niềm tin tưởng sâu sắc của đồng bào Tam Giác, ngoài ra số chiến lợi phẩm thu được còn góp phần trang bị, xây dựng, phát triển đơn vị.

Ngày 8-12-1947, ta sử dụng 2 tiểu đội Cẩm tử đội cải trang thành hành khách đi trên ô tô chạy thẳng đến trước cổng đồn Xóm Lụa bất ngờ nổ súng bắn chết tên lính gác rồi đánh thẳng vào đồn. Địch bị đánh bất ngờ, chống trả yếu ớt rồi tháo chạy tán loạn; bọn tù đồn Kim Ngọc sang chi viện bị ta chặn đánh diệt một số nên chúng phải rút lui. Liên sau đó, địch ở Phan Thiết tăng viện lên, chúng đuổi theo định bao vây ta nhưng

lực lượng ta vừa chặn đánh, vừa đưa thương binh về căn cứ. Kết quả: Địch chết 10 tên, bị thương 4 tên. Ta bị thương 4 đồng chí, thu 1 đại liên Hóckit và 1 súng trường Anh. Trận này tuy không thắng lợi hoàn toàn, nhưng là một trận đánh táo bạo, dũng cảm, bình tĩnh xử trí các tình huống khó khăn. Trận đánh diễn ra giữa ban ngày ở một thị trấn đông dân đã làm náo động dân khắp vùng, được nhân dân khen ngợi.

Để cô lập đồn Tân Nông, phá âm mưu địch lấn sâu vào vùng Tam Giác, hỗ trợ cho phong trào chiến tranh du kích phát triển. Tiểu đoàn 86 phối hợp với dân quân du kích xã Xuân Bình (nay là xã Hàm Liêm) chặn đánh địch tiếp tế cho đồn Tân Nông. Kết quả diệt 30 tên, ta không bị tổn thất, thu 1 trung liên, 2 tiểu liên, 15 súng trường. Trận đánh này đã làm cho quân dân vùng Tam Giác phấn khởi, tin tưởng đẩy mạnh phong trào chống giặc giữ làng.

Những trận chiến đấu trên với nhiều cách đánh khác nhau, nhưng đều rất mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên cường, đạt hiệu suất chiến đấu cao đã thúc đẩy phong trào kháng chiến của địa phương phát triển. “Bộ đội anh Năm Châu”¹, cái tên chung mà nhân dân thương yêu, mến phục thường gọi đã làm cho quân địch lo âu, khiếp sợ.

Thị xã Phan Thiết, nơi đóng quân các cơ quan đầu não của địch cũng bị ta hoạt động đánh phá liên tục, có nhiều trận đánh táo bạo làm cho quân địch kinh hoàng,

1. Sau này là Thượng tướng Nguyễn Minh Châu.

gây ảnh hưởng tốt đối với phong trào cách mạng quần chúng. Từ đó nhân dân ở địa phương tích cực tham gia ủng hộ hoạt động kháng chiến. Ngay từ tháng 2-1947, lần đầu tiên tại chợ Phan Thiết, anh em trong Ban phòng điệp đã làm trọng thương tên Ghết¹, một tên chỉ điểm lợi hại, đã làm náo động toàn bộ tề điệp ở đây. Tiếp theo, tháng 3-1947, anh Lê Văn Phấn cùng với anh em Trung đội 1 của Ban phòng điệp đã giật khẩu tiểu liên Thompson của tên lính nhảy dù lê dương ở phường Hưng Long.

Tháng 6-1947, một tổn thất lớn xảy ra, đồng chí Nguyễn Hữu Xoàng, Trưởng ban phòng điệp², đồng chí Huỳnh Sanh Nam, cán bộ văn phòng và Nguyễn Nhân, Trung đội trưởng Trung đội 1 Ban phòng điệp bị địch bắt. Sau khi dụ dỗ, mua chuộc không được, chúng đem 3 đồng chí ra xử bắn tại ngã 6, trước nhà hàng Xêrani (nay là Trung tâm Bưu điện Bình Thuận). Trước giờ xử bắn, bọn địch hỏi các anh có yêu cầu gì không? Các anh vẫn bình tĩnh hiên ngang không để địch bịt mắt trước khi bắn và còn đồng thanh hô to 3 lần: "Việt Nam muôn năm! Hồ Chí Minh muôn năm". Đồng bào Phan Thiết kéo đến rất đông, đã chứng kiến những tấm gương anh dũng sáng ngời, chiến đấu đến hơi thở cuối cùng của người chiến sĩ cách mạng.

Ngày 14-7, lễ Quốc khánh của Pháp, truyền đơn rải khắp thị xã, tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ vang trên

1. Ghết là con gái lai Pháp dưới lốt thu tiền chỗ chợ Phan Thiết nhưng thực chất là tên chỉ điểm trung thành của Pháp.
2. Ban phòng điệp là lực lượng diệt ác, trừ gian hoạt động trong nội thành, sau này là Đại đội Cảm tử Nguyễn Thái Học.

đường phố. Hoạt động trừ gian, diệt tề của ta đã gây náo động ở Phan Thiết. Anh em phòng điệp đã diệt tên Vũ Thị An, một tên phản bội chỉ điểm cho giặc bắt đồng chí Xoàng và đồng chí Nam. Ta còn đóng giả lính Pactidăng của Pháp, vào diệt tên mật thám Châu ngay đầu chợ Phan Thiết (tháng 8-1947). Tháng 3-1948, ta diệt tên mật thám Ngọc trên đường Đồng Khánh (đường Trần Phú ngày nay). Tháng 6-1948, ta diệt tên cảnh sát gian ác Sáu Cầm trước tiệm tạp hóa Lê Nam Hưng (khu vực nhà số 36 Lý Thường Kiệt ngày nay).

Tiểu đội đồng chí Quy, thuộc Trung đội 3 Cẩm tử đội đã dùng mưu tổ chức đánh cờ, rủ 5 tên ngụy làm nhiệm vụ khám xét bến dò Văn Thánh vào chơi. Lúc chúng đã say mê, anh Quy ra ám hiệu cho tiểu đội đang ngồi xem, đồng loạt xông vào bắt trói cả 5 tên, thu 5 khẩu súng. Nhắc đến trận đánh, đồng bào cảm phục mưu trí dũng cảm của anh em Cẩm tử đội.

Các hoạt động trên đã làm cho bọn tề điệp trong thị xã hoang mang lo sợ, bỏ việc tránh lánh, ban đêm không dám ngủ ở nhà. Thời gian này, ta gần như làm chủ một số con đường và 2 phường Bình Hưng, Đức Nghĩa trong thị xã (nay là thành phố Phan Thiết). Cơ sở quần chúng, chính quyền của ta được củng cố và phát triển.

Tháng 6-1948, trong lực lượng Cẩm tử đội có một số kẻ phản bội đầu hàng giặc làm cho cơ sở bị tổn thất, quần chúng vừa hoang mang vừa tức giận¹. Để củng cố lại phong trào và diệt địch, Ban chỉ huy Trung đội 1

1. Tên Bảy Vân, Tám Ủ của Trung đội 3 và tên Xuân của Trung đội 1 thuộc lực lượng Cẩm tử đội.

Cảm tử đội¹ tổ chức các đợt hoạt động. Ngày 14-6-1948, 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Nhơn và Hồ Ngọc Lâu chỉ huy, cải trang làm công nhân vệ sinh, dùng chiếc xe thùng (xe chở rác) chạy từ sở Thùng rùng dương vào thị xã Phan Thiết. Suốt một dãy từ đồn lính khố xanh qua nhà tên quan hai, đồn kho bạc, đồn nhà thương, lính gác cổng xe lửa... xe chạy đến đâu súng, lựu đạn nổ rền đến đấy, truyền đơn rải khắp mặt đường. Bị đánh bất ngờ, bọn lính Pháp hoang mang chạy tán loạn. Xe chạy lên đường 8, gần đến Trinh Tường, bọn địch mới hoàn hồn dùng xe đuổi theo. 5 đồng chí phía sau nhảy xuống đường chạy vào xóm Động Giá, Phú Trinh rút về căn cứ. Đồng chí Hữu lái xe và đồng chí Lý bảo vệ tiếp tục cho xe chạy để đánh lạc hướng địch. Đến làng Trinh Tường, xe địch đuổi kịp và 2 đồng chí hy sinh, địch kéo xác 2 đồng chí về vườn hoa Phan Thiết. Một lần nữa, đồng bào Phan Thiết lại chứng kiến những người con của quê hương hy sinh anh dũng vì nước. Trận cải trang tập kích vào thị xã Phan Thiết của lực lượng Cảm tử đội đã bắn chết 12 tên địch (có 4 mật thám, 3 cảnh sát, 3 lính Pháp và 2 lính ngụy). Trận đánh có ảnh hưởng tốt và gây tiếng vang lớn vào tận thành phố Sài Gòn, báo chí Sài Gòn đăng tin, đồng bào Sài Gòn bàn tán sôi nổi. Tình thương yêu đồng bào, đồng chí, lòng tin vào cách mạng và lòng căm thù giặc của đồng bào Phan Thiết càng được nhân lên gấp bội².

1. Lúc đó tổ chức trung đội có Ban Chỉ huy, có thư ký trung đội.
2. Theo kế hoạch tác chiến có 1 tiểu đội phục kích tại Trinh Tường để chặn địch. Nhưng vì kế hoạch đình lại 1 ngày, không liên lạc được nên khi hành động thì không có lực lượng chặn địch đến, nên xảy ra tổn thất.

Nhân dân Phan Thiết đã hết lòng che chở, nuôi nấng cán bộ và chiến sĩ của mình từ việc ăn ở, đi lại hoạt động và đã ủng hộ kháng chiến rất nhiều tiền của, khi cần thì đồng bào sẵn sàng hy sinh cả đến tính mạng của mình. Đối với chiến sĩ Cẩm tử đội Nguyễn Thái Học, nhân dân rất quý mến, yêu thương như con ruột. Nhiều bà má đã lập bàn thờ để tưởng nhớ những đứa con hy sinh vì Tổ quốc. Tấm lòng của nhân dân Phan Thiết đối với kháng chiến, đối với bộ đội thật cao quý vô cùng.

Ở bắc Bình Thuận, La Gàn, Bình Thạnh (Tuy Phong hiện nay) là một trọng điểm đánh phá của địch. Suốt những năm 1946, 1947, địch đã càn quét liên tục từ cấp đại đội đến tiểu đoàn, trận nào cũng bắn giết 5, 10 người, đốt nhà, cướp của. Trên con đường Hòa Đa-Long Hương, chúng bắt đồng bào làm đường, có lúc chúng đã giết hàng chục người chôn chung vào một hố¹.

Sau trận càn quét dã man hồi tháng 5-1946, nhân dân La Gàn vẫn không khuất phục. Cuộc đấu tranh chống địch trên các mặt vẫn diễn ra liên tục. Địch cố lập cho được hội tề, nhưng từ năm 1946 đến năm 1948 không có ban tề nào tồn tại được quá vài tháng. Địch khống chế nhân dân đi làm biển không quá 1 cây số, ta lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi đi làm biển 3 cây số, địch buộc phải nhượng bộ. Các bà mẹ, các chị dẫn đầu trong phong trào đấu tranh chống càn quét, níu kéo, giành giật, giữ chồng con, cứu nữ thanh niên không cho

1. Tại Dốc Cúng, đồng bào La Gàn đã lập miếu thờ những người bị địch sát hại và chôn sống một hố. Miếu hiện nay vẫn còn.

địch làm nhục.

Mặc dù địch kiểm soát gát gạo, đồng bào vẫn tiêu tiền Việt Nam, tiền tín phiếu trong lưu thông. Tiền Việt Nam bị rách chỉ cần còn râu Cự Hồ nhân dân cũng dùng mua bán trao đổi hàng hóa. Để bảo vệ nhân dân tốt hơn, ta đã tổ chức canh gác ở các hướng địch có thể vào và dùng “bù” để báo động, lực lượng thiếu niên báo tin “bà ngũ” (tức bù ngũ), “ta quây” (tức Tây qua) mỗi khi quân địch đến. Đồng bào đào hầm bí mật đủ các loại, dưới gầm giường, giữa lòng bếp, dưới thùng nước mắm, dưới cối giã, bên hông giếng, giữa lùm cây, làm vách đôi... nhờ đó mà nhiều lần đã cứu thoát nhiều cán bộ.

Phong trào ủng hộ kháng chiến ở đây cũng rất mạnh, mỗi bà mẹ đều nhận nuôi một con của các chiến sĩ. Mọi cán bộ, chiến sĩ chiến đấu ở cực Nam Trung Bộ đều có một gia đình thứ hai như ruột thịt của mình. Những câu nói đầy tình nghĩa, tiêu biểu cho tấm lòng yêu thương cao cả của các mẹ:

- Bữa nay đánh được ít cá ngon, ăn đi con, ăn mạnh để đủ sức đánh giặc!

- Xuống hầm nhanh đi con, để mẹ gác cho!

- Đi đường phải coi trước ngó sau cho cẩn thận nghe con...

Những tình cảm nồng thắm ấy đã làm ấm lòng bao cán bộ, chiến sĩ và sức mạnh chiến đấu cũng không ngừng nâng lên.

Đồng bào đã ủng hộ cho kháng chiến hàng chục tấn

cá khô, hàng chục nghìn lít nước mắm và tham gia đi dân công phục vụ chiến đấu trong các trận đánh và chiến dịch lớn của tỉnh, đưa hàng trăm con, em đi bộ đội. Trong những năm này, La Gàn là nơi tiếp tế và nhận tiếp tế đường biển từ trong ra, từ ngoài vào, là nơi nghỉ chân trên đường dài Nam Bắc của nhiều đoàn cán bộ. Tháng 4-1947, đồng chí Lê Duẩn đã nghỉ tại nhà bà Phạm Thị Nường nửa tháng chờ đường dây thông suốt để tiếp tục lên đường vào Nam Bộ.

Phong trào cách mạng ở La Gàn như một cái gai trước mắt của quân địch ở Tuy Phong, Hòa Đa. Trong bản đồ quân sự, địch đã khoanh vùng này và gạch chéo 2 gạch đỏ dưới viết hai chữ "terre rouge" (Đất lửa). Ngày 2 và 3-10-1947, địch mở cuộc càn lớn vào La Gàn và tàn sát 148 người dân tại chùa Phật học. Cuộc tàn sát lần thứ 2 ở đây của quân thù đã gây không biết bao đau thương tang tóc, nhân dân càng căm thù, uất hận, nhất định không khuất phục. Cuộc chiến đấu càng mạnh mẽ và quyết liệt hơn.

Đối với Đại đội Quang Trung, hưởng ứng Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngay từ tháng 12-1946 đến tháng 1-1947, trong vòng 10 ngày đã đánh liên tiếp 4 trận: Trận đánh đồn Phan Rí Cửa, đốt 1 xe thu 6 súng, diệt gần hết địch trong đồn nhưng chưa chiếm được đồn; trận đánh đồn Sông Lòng Sông tiêu hao một số quân địch và trận phục kích đêm ở Bàu Đá (trên đường số 1) diệt một số tên địch, đốt 3 xe chở lính và thu 6 súng. Tên Đại úy Cavé (Calvet) phải cởi bỏ binh phục, chạy tháo thân về Hòa Đa trong ngày 20-

1-1947. Sau 2 ngày, địch ở Hòa Đa-Tuy Phong đưa 2 tiểu đoàn lính Âu-Phi kéo ra phản kích, bị ta đánh trả dữ dội diệt một số tên. Địch quay sang tàn sát xóm Nha Mé và sau đó đánh phá Thuận Long, giết sạch trâu bò, đốt sạch nhà cửa. Từ đó Thuận Long và Nha Mé không còn xóm làng nữa.

Trong tháng 4-1947, tiếp tục thực hiện đợt trừ gian, diệt tề, bãi thị, bãi khóa, dân không đi lại làm ăn, xé giấy thông hành của địch và Đại đội Quang Trung liên tiếp nổ súng quấy rối, tiêu hao địch ở nhiều nơi để phối hợp với đấu tranh của nhân dân. Tháng 1-1948, Đại đội Quang Trung phục kích diệt 1 xe địch, thu 1 trung liên ở núi Nặng (trên Quốc lộ 1).

Từ những tháng cuối năm 1947 sang đầu năm 1948 ở vùng Tuy Phong, địch thường dùng đội kỵ binh do tên Đờ Cốc chỉ huy ở Long Hương, đột kích và đuổi bắt nhân dân, cán bộ gây cho ta rất nhiều khó khăn, tổn thất. Để phá tan âm mưu, thủ đoạn này của địch, ta đã tổ chức một đội "chống lính ngựa". Chỉ hơn một tháng sau bầy ngựa của giặc bị ta bắt, một số ngựa tốt dùng để chuyên chở, còn lại ta làm thực phẩm, số xương ngựa bỏ ở động Bà Tỳ, nên động này còn có tên là "Đồi xương ngựa".

Bộ đội, dân quân du kích giết giặc để bảo vệ nhân dân, thiếu niên Tuy Phong cũng quyết lập công để trả thù cho đồng bào bị địch sát hại. Ngày 2-3-1948, ba thiếu niên Nguyễn Phước, Đinh Ngọc Hoàng và Nguyễn Mao đã dũng cảm, mưu trí đột nhập vào sân bay Long Hương đốt cháy 1 máy bay trinh sát loại CALA TINA

của địch. Từ Chiến khu Việt Bắc xa xôi, nhận được tin này, Bác Hồ đã gửi 3 bằng khen và 3.000 đồng Đông Dương, ủy nhiệm cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch trên đường từ Việt Bắc vào Nam trao tặng cho 3 em.

Phan Rí Cửa là một vùng bị tạm chiếm, có phong trào đấu tranh chống địch cao. Sáng ngày 12-7-1947 tại đồn Phan Rí, lính địch đang chào cờ, Đại đội Quang Trung đã đột kích diệt gọn 1 tiểu đội. Phản ứng lại, chúng cho 1 đại đội lê dương và 1 trung đội lính ngự càn quét và giết hơn 100 đồng bào. Trong khi đang lo chôn cất người thân, dọn dẹp nhà cửa bị đốt cháy, Đại đội Quang Trung hành quân qua chợ Xéo (Hải Tân), đồng bào hỏi ngay “Anh em mình có sao không?”. Trong đau thương, mất mát đồng bào vẫn lo cho bộ đội. Thời gian này, Đại đội Quang Trung luôn đi sát nhân dân, tích cực tham gia công tác vận động, tổ chức quần chúng đấu tranh, được nhân dân tin yêu, giúp đỡ như những người ruột thịt. Tấm lòng cao quý ấy thật khó quên được.

Sau trận tàn sát, nhân dân đã lập bia “Căm thù” (nay vẫn còn tại chợ cũ Phan Rí Cửa) và hàng năm cúng giỗ để tưởng nhớ những người đã mất. Dù cho địch tàn sát dã man nhưng nhân dân Phan Rí Cửa không hề nhụt chí đấu tranh. Một số tên gian ác phải đền tội, địch càng điên cuồng, cấm họp chợ, cấm đi biển... Ta đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh trực diện với địch. Đoàn ghe Sông Thanh vẫn ra khơi, ghe ông Tám đi đầu, cả đoàn ghe rùng rùng lướt sóng tiến theo. Địch xả súng bắn vào đoàn ghe, anh Nguyễn Bảy hy sinh, chị Nguyễn

Thị Lữ bị thương. Tổ chức phụ nữ đưa chị Lữ đến nhà thương Hòa Đa và buộc địch phải đưa đi nhà thương Phan Thiết để cứu chữa. Ngày hôm sau lại tiếp tục tổ chức đi biển, chị Mao lại bị địch bắn chết ngay trên ghe. Ta vẫn tiếp tục tổ chức đấu tranh và đi biển, sau đó địch phải nhượng bộ.

Anh du kích Trần Mỡ bị địch giết đem về chôn ở Hòa Đa, phụ nữ tổ chức đấu tranh đòi địch phải chỉ mộ anh, các mẹ các chị kéo nhau ra làm lễ truy điệu anh trước mặt quân thù.

Một số anh em trong tù ở Hòa Đa còn liên lạc ra bên ngoài mua mật cá nóc, bỏ vào thức ăn của bọn địch, giết chết 7 tên (tháng 9-1947). Những tên mật thám, chỉ điểm khác bị phát hiện là ta lấy mật cá nóc đầu độc tiêu diệt.

Địch kiểm soát rất gắt gao, tiền Việt Nam, tiền tín phiếu vẫn được giấu trong rổ hai đáy, trong đầu tóc của chị em phụ nữ, trong mấu đòn gánh, trong mang cá để mua bán với nhau trong các chợ.

Để bảo vệ cán bộ, nhiều nhà làm hầm bí mật, vách đôi làm nơi trú ẩn. Đội thiếu nhi "Cờ lau" canh gác, báo tin khi có địch đến và công việc của các em được các phụ lão giúp sức rất đắc lực. Nhờ thế mà cơ quan chính quyền của ta ở Phan Rí Cửa suốt mấy năm liền đóng trong nhà má Kệ ở Côn Hai, Chùa Thanh Vân, Chùa Xóm Rừng, nhà thờ Phú Hải được nhân dân che chở an toàn, cán bộ đi về hoạt động thường xuyên.

Nhân dân Phan Rí Cửa còn tham gia nhiều mặt

công tác khác như địch vận, quân báo... có kết quả tốt. Dù bị địch kiểm soát chặt chẽ đến đâu, nhân dân vẫn tổ chức tiếp tế cho chiến khu đều đặn. Hàng trăm con em của quê hương Phan Rí lên đường vào chiến khu tham gia bộ đội, làm công tác. Trong những năm tiếp theo nhân dân Phan Rí vẫn đấu tranh kiên cường bất khuất, mưu trí sáng tạo, mặc dù có người phải hy sinh, nhưng không bao giờ lùi bước.

Ở chiến trường Bắc Bình Thuận còn diễn ra các cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch ở hai bên Quốc lộ 1 và đông bắc khu căn cứ Lê Hồng Phong¹ mà trọng điểm tranh chấp là các thôn Ngọc Sơn, Thái An, An Hòa, Thanh Sơn.

Sang năm 1948, tình hình các huyện ở Bắc Bình Thuận diễn ra càng quyết liệt hơn. Địch tăng quân cho các cứ điểm từ 1 trung đội lên hai trung đội, từ 2 trung đội lên 1 đại đội. Ở Hòa Đa, địch tăng cường thêm 1 tiểu đoàn Lê Dương để tập trung đánh phá vùng này. Trong khi đó, Đại đội Quang Trung và tiếp sau là Tiểu đoàn 89 của ta đã cùng nhân dân, cán bộ và dân quân du kích tích cực chống địch, tổ chức bố phòng và đánh những trận có tính thổi động, làm thất bại âm mưu bình định của địch.

Về mặt bố phòng, ta tổ chức khá chu đáo. Với số dân còn trong căn cứ, ta đưa vào ven rừng sắp xếp ăn ở, tổ

1. Cuối năm 1950, Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định mở rộng Ô Rô thành lập khu căn cứ Lê Hồng Phong gồm 4 xã Hồng Sơn, Hồng Hải, Hồng Lâm, Hồng Thắng. Đến tháng 4-1951, đổi thành huyện căn cứ Lê Hồng Phong có 11 xã.

chức sản xuất. Để bảo vệ nhân dân mỗi khi địch càn đến, ta tổ chức báo động dây chuyền bằng tiếng mõ. Từ Ngọc Sơn qua Thái An đến An Hòa, Thanh Sơn, mỗi nơi đều có tín hiệu mõ báo động khác nhau. Địch rất căm ghét tiếng mõ, chúng tìm mọi cách để bắt, giết những người đánh mõ. Một đêm chúng đột kích vào trạm “đánh mõ” ở Thái An, bắt được anh Chung Ngọ; chúng giết anh, nhưng một dân quân khác chạy thoát và tiếng mõ báo động lại vang lên. Có lần một dân quân đang đánh mõ, bị địch bắn chết, dùi mõ vẫn còn nắm chặt trong tay.

Quân địch rất dã man khi bắt được người đánh mõ, chúng kê đầu trên mõ dùng dao để chặt. Chuyện của 5 anh em dân quân gác mõ hy sinh thật đáng kính phục. Quân địch tưởng rằng sự tàn ác của chúng sẽ làm cho anh em dân quân không dám gác mõ, nhưng địch đi đến đâu, tiếng mõ lại vang lên đến đó. Tiếng mõ báo cho nhân dân biết để tránh lánh, an tâm sản xuất, dân quân du kích, bộ đội chủ động bố trí đánh địch. Biểu tượng chung là tiếng mõ Thái An, tiếng mõ của lòng dũng cảm, tiếng mõ bảo vệ nhân dân, tiếng mõ của chiến tranh du kích đánh giặc giữ làng. Nhiều bài thơ ca ngợi tiếng mõ Thái An, có bài được đăng trong tờ báo “Chiến đấu” của Trung đoàn 82, có bài đăng trong tờ thông tin của huyện Hòa Đa... Năm tháng trôi qua mà tiếng mõ Thái An như còn lan truyền, vang vọng mãi mãi.

Cùng hòa nhịp với tiếng mõ Thái An, Đại đội Quang Trung rồi Tiểu đoàn 89 đã chủ động đánh địch nhiều

trận đạt kết quả khá. Tháng 1-1948, ta tập kích vào nhà lao Hòa Đa bắt một số Việt gian và giải phóng nhà lao, làm cho địch bị động phải bố trí lại lực lượng đối phó. Tháng 2-1948, Tiểu đoàn 89 phục kích đoạn Lương Sơn-Sông Lũy diệt 1 xe bọc thép địch. Ngày 15 và 16-3-1948 tại Thái An, 2 đại đội của Tiểu đoàn 89 và Đại đội độc lập 214 đã đánh bại 1 tiểu đoàn lính Lê Dương đi càn, diệt hơn 80 tên, ta hy sinh và bị thương 6 đồng chí. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Địch đưa 2 đại đội đánh vào Thái An, ta lui lên bìa rừng, tổ chức đánh bật địch ra khỏi nương nước Lãng Lê (nay gọi là nương Cầu Vĩ Sắt). Tối đến, địch cụm lại và tăng viện thêm 1 đại đội. Ngày thứ hai ta tổ chức tiến công, địch phải rút lui.

Tiểu đoàn lính Lê Dương bị đánh thiệt hại khá nặng nên chúng gọi vùng đất này là “đất máu” (terre rouge). Anh em bộ đội rất phấn khởi thấy mình tiến bộ lên một bước về cách đánh vận động, đánh tập trung tiểu đoàn. Trận đánh có tiếng vang lớn, nhiều bà con ở các vùng tạm bị chiếm Hòa Đa đem quà ra tận nơi đóng quân để ủy lạo và mừng bộ đội chiến thắng.

Ngày 15-4-1948, ở phía nam rừng Thái An (trên đường số 1 đoạn Bàu Sen-Núi Rễ), Trung đoàn 82 tổ chức một trận phục kích lớn có 2 Tiểu đoàn 86 và 89 cùng tham gia đánh đoàn xe địch từ Phan Thiết đi Nha Trang. Ta phục kích đến ngày thứ 2, địch bất ngờ từ phía sau Sở chỉ huy Tiểu đoàn 89 đánh thẳng vào Đại đội Phan Đình Phùng, đại đội lập tức đánh trả. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, nhiều chiến sĩ ta xông lên đánh giáp lá cà với quân địch. Đại đội trưởng Nguyễn

Minh Khương, mặc dù bị thương nặng nhưng vẫn bình tĩnh chỉ huy, động viên anh em chiến đấu. Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 89 lệnh cho Đại đội Quang Trung đánh chi viện cho Đại đội Phan Đình Phùng. Quân địch bị đẩy lui, lúc này áp lực của địch đã giảm. Ban chỉ huy Tiểu đoàn 89 hai lần đề nghị Ban chỉ huy Trung đoàn cho Tiểu đoàn 86 chi viện hiệp sức cùng Tiểu đoàn 89 tiêu diệt địch nhưng chỉ huy Trung đoàn không đồng ý. Thật đáng tiếc, trận đánh có thể từ bị động chuyển sang chủ động và thắng lớn. Mặc dù vậy, nhờ cán bộ, chiến sĩ bình tĩnh dũng cảm đánh trả địch đã hạn chế được tổn thất. Trong trận này, khoảng 100 tên địch bị giết và bị thương, ta hy sinh 22 đồng chí (có 1 Đại đội trưởng, 1 Đại đội phó và 1 Trung đội trưởng). Tám gương dũng cảm và trách nhiệm của Đại đội trưởng Nguyễn Minh Khương được mọi người kính phục, vô cùng thương tiếc¹.

Ngày 2-4-1948, Tiểu đoàn 89 lại đánh phản kích một trận tập kích của địch vào chỗ đơn vị đóng quân. Đại đội Phan Đình Phùng đang tập thể dục thì bị địch bất ngờ tiến vào nổ súng. Các chiến sĩ ta bình tĩnh, dũng cảm bám công sự, gốc cây chống trả quyết liệt. Địch xông vào cướp khẩu trung liên của đồng chí Mèo, nhờ sự giúp đỡ của đồng đội, đồng chí đã giành lại được khẩu trung liên, nhưng sau đó đồng chí đã hy sinh. Nghe súng nổ, Đại đội Quang Trung đã kịp thời chi viện. Trận đánh diễn ra suốt 2 giờ, ta tiêu diệt hơn 60

1. Có ý kiến trận địa phục kích bị lộ trước đó 1 ngày là do địch bắt được 1 chiến sĩ nuôi quân đi mượn nồi nấu cơm của dân tại Rẫy Điều-Núi Rễ.

tên địch. Cuộc tập kích bất ngờ của địch bị thất bại. Đất Thái An lại một lần nữa nhuộm máu quân thù, đúng như địch đã gọi đây là “đất máu”.

Vùng đất Thái An qua hơn hai năm kháng chiến đã có biết bao hy sinh, xương máu, bao nhiêu tấm gương sáng ngời dũng khí đấu tranh. Tình đoàn kết keo sơn gắn bó của các lực lượng bộ đội, dân quân du kích với nhân dân vùng tạm bị chiếm như Chợ Lầu, Hòa Đa, Phan Lý. Người Kinh cũng như người Chăm luôn đoàn kết góp của, góp sức chống địch, xứng đáng là tấm lá chắn cửa ngõ phía bắc của vùng căn cứ kháng chiến.

Năm 1947, đồng bào Chăm đã cho con em mình tham gia cách mạng thành lập một trung đội vũ trang dưới sự chỉ huy của đồng chí Bồ Xuân Hội và đồng chí Nam Tiến¹. Trung đội đã phối hợp với các đơn vị bạn chiến đấu diệt địch bảo vệ đồng bào và còn tích cực vận động tuyên truyền, tổ chức đồng bào tham gia kháng chiến. Qua tờ báo “Chiến hữu”, đồng bào Tịnh Mỹ đã ủng hộ kháng chiến 5 lạng vàng, má Bộ ở thôn Thanh Khiết, xã Phan Thanh đã bảo vệ được nhiều cán bộ người Kinh bằng cách cho mặc quần áo thầy Chang giả làm tu sĩ Hồi giáo, Bà Ni để che mắt địch. Cuộc chiến đấu chống kẻ thù chung đã làm cho tình đoàn kết dân tộc Kinh-Chăm càng thêm gắn bó.

Trái qua những năm đầu kháng chiến, nhân dân và các lực lượng bộ đội, dân quân du kích của Hòa Đa,

1. Đồng chí Nam Tiến là Tiểu đội trưởng cùng vào với đồng chí Nam Long và lực lượng Nam Tiến, sau ở lại Đại đội Quang Trung rồi về lại Trung đoàn.

Phan Lý, Tuy Phong đã vượt qua những bước đường đấu tranh gian khổ, chiến đấu kiên cường; La Gòn, Phan Lý, Thái An xứng đáng là vùng đất tiêu biểu cho cuộc đấu tranh của nhân dân Bắc Bình Thuận. Đại đội Quang Trung, đại đội Phan Đình Phùng với những trận đánh quyết liệt làm cho kẻ địch kinh hoàng, khiếp sợ, nhân dân tin tưởng, yêu mến và hết lòng giúp đỡ. Lực lượng vũ trang từ đó mà trưởng thành không ngừng.

Việc đánh phá giao thông địch cũng giành được thắng lợi lớn. Trên Quốc lộ số 1, đoạn qua Bình Thuận khoảng 130 km địch không sử dụng được. Trên đường sắt Bắc - Nam ta cũng thường xuyên phá hoại, làm cản trở giao thông và có những trận đánh diệt hàng trăm tên địch. Trận ngày 21-12-1946, ta đánh lật nhào một đoàn tàu ở Sông Phan, diệt 200 tên địch (có 30 sĩ quan), phá 1 đầu máy và 20 toa xe. Sang năm 1947, Trung đoàn 82 do đồng chí Trung đoàn trưởng Nguyễn Đức Tuyến chỉ huy, đã phối hợp với bộ đội Khu 7, phục kích tại Bàu Cá, đánh đoàn xe quân sự, diệt 200 tên, thu 60 súng, trong đó có tên đại tá Đờ Xerinhê (De Serigné). Việc đánh phá giao thông của ta đã gây cho địch những tổn thất lớn về sinh lực và phương tiện. Đặc biệt, địch không sử dụng được hệ thống giao thông hòng chia cắt chiến trường, tạo điều kiện thuận lợi cho ta xây dựng và phát triển vùng căn cứ kháng chiến ở Hàm Tân và Lê Hồng Phong.

Theo thống kê chưa đầy đủ, năm 1947 và 6 tháng đầu năm 1948, ta đã đánh địch 84 trận, thu 3 đại liên, 19 trung liên, 24 tiểu liên, 95 súng trường. Số súng thu

được chiếm tỷ lệ khá cao so với toàn Khu 6 thời gian này¹. Nhờ đó ta đã bồi dưỡng và phát triển lực lượng, đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cho những năm tiếp sau.

Về phong trào chiến tranh du kích, Bình Thuận tuy chưa phát triển đều khắp, nhưng tương đối tốt và có những vùng khá mạnh. Ngoài những trận phối hợp với bộ đội, dân quân du kích còn có thể độc lập tác chiến tiêu diệt địch, nhất là những trận chống càn bảo vệ nhân dân, bảo vệ vùng căn cứ có kết quả. Về tác chiến của bộ đội tập trung, tuy còn một số đơn vị, có trận đánh kém hiệu quả, nhưng nhìn chung là hoạt động tốt, đánh địch liên tục. Có những trận đạt hiệu suất chiến đấu cao, diệt hàng trăm tên địch, ta ít thương vong, có ảnh hưởng tốt, thực hiện được phương châm “tiêu diệt địch bồi dưỡng lực lượng ta”.

Cùng với việc phát triển phong trào chiến tranh du kích, Bình Thuận chú ý đẩy mạnh các mặt công tác khác khá toàn diện. Công tác thông tin tuyên truyền từ tỉnh xuống huyện, xã hoạt động đều. Tỉnh có tờ báo, huyện có bản tin đã góp phần thiết thực phục vụ kháng chiến. Đoàn văn nghệ “Sao Vàng” của tỉnh đến nhiều nơi đem lời ca tiếng hát động viên kịp thời, nhân dân và bộ đội thêm phấn khởi, tin tưởng vào chiến thắng. Một số xã cũng tổ chức đội văn nghệ hoạt động trong thôn xóm của mình như đội “Chim Việt” của Hàm Chính, đội “Sao Việt” của Hàm Liêm... là những đội mạnh, có chương trình, nội dung biểu diễn tốt được quần chúng

1. Khu 6 thu được: 40 trung liên, 58 tiểu liên và 346 súng trường.

khen ngợi.

Phong trào bình dân học vụ nhiều nơi khá tốt, Minh Thành là lá cờ đầu xóa nạn mù chữ của tỉnh tiếp đến là xã Hòa Bình (Hàm Tân). Trong đó, huyện Hàm Thuận đến cuối năm 1948, đã có hơn 60% đồng bào biết chữ. Tỉnh còn tổ chức mở trường tiểu học ở Dân Thạnh cho con em đồng bào đi học. Song song với việc học văn hóa, tỉnh, huyện còn tổ chức các lớp đào tạo y tá, hộ sinh cho các địa phương, nhờ đó mà mạng lưới y tế đã đủ khả năng phục vụ cho nhân dân và bộ đội.

Một số chính sách về ruộng đất của Đảng được thực hiện như giảm tô, giải quyết ruộng công điền, ruộng vắng chủ giao cho nông dân cày cấy. Ngoài việc trồng lúa, khoai lang, mì, nơi có điều kiện như ở Hàm Tân còn tổ chức làm muối, dệt vải, làm giấy, làm nón phục vụ đồng bào. Nhiều chợ kháng chiến được mở để nhân dân mua bán, trao đổi. Những hoạt động trên đã thiết thực góp phần quan trọng vào việc đẩy mạnh cuộc kháng chiến tiến lên.

Lực lượng vũ trang, đi đôi với tác chiến, việc xây dựng các cơ quan, công tác hậu cần, công tác đào tạo cán bộ... cũng có nhiều tiến bộ.

Những năm đầu kháng chiến, việc ăn mặc của bộ đội chưa có chế độ, tiêu chuẩn, hệ thống cung cấp từ trên xuống chưa hoàn chỉnh. Việc ăn mặc hoàn toàn do ban tiếp tế các xã vận động nhân dân đóng góp. Bộ đội đóng quân ở đâu, dân ở đó nuôi, ở đâu cũng có "hũ gạo nuôi quân". Từ giữa năm 1947, thành lập cơ quan cung

cấp của trung đoàn có nhiệm vụ nhận vật phẩm và tiền bạc từ Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh để cung cấp cho bộ đội¹. Việc tăng gia sản xuất được phát động và thực hiện tích cực, nhiều đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn có trại sản xuất lương thực, có bộ phận đánh cá, làm mắm để cải thiện đời sống. Tỉnh còn tổ chức một cơ sở ở Hàm Tân để vào Nam Bộ tìm cách mua lương thực và các vật phẩm đưa về, tăng nguồn tiếp tế, phục vụ cho cả các đơn vị cực Nam Trung Bộ.

Bình Thuận còn tổ chức Bình công xưởng để sửa chữa và sản xuất vũ khí. Từ những năm đầu kháng chiến, Bình Thuận có 3 xưởng nhỏ (1 của Trung đoàn 82, 1 của Tự vệ chiến đấu tỉnh và 1 của dân quân huyện Hàm Thuận. Các xưởng đều trải qua khó khăn thiếu thốn, tìm thợ, kiếm máy móc, lấy vật liệu, hóa chất... Anh em sống vô cùng khổ sở, ốm đau trong rừng sâu, nhiều anh em hy sinh, bị thương trong khi pha chế và thử nghiệm thuốc đạn. Mồ hôi và xương máu của những chiến sĩ quân giới đã đổ xuống để các xưởng từng bước trưởng thành và đã sửa chữa được các loại vũ khí hư hỏng, dần dần làm được lựu đạn, mìn và các loại trái nỏ lớn như Bazomine, phóng bom... Từ thủ công, gò bằng tay với dụng cụ thô sơ, dần dần cải tiến được nửa cơ khí như quạt lò, nấu gang đúc lựu đạn... Về sau nhờ anh em ở thị xã, ở các Đê pô xe lửa cung cấp máy tiện, máy dập và Liên khu 5 tăng cường cán bộ và thợ kỹ thuật. Bình công xưởng ngày một phát triển khá quy mô, sản xuất

1. Tổ chức hậu cần hồi đó gọi là Ban Quân nhu-Tài chính có các bộ phận quân lương, quân trang, tài chính, kế toán, quân y.

đáp ứng được yêu cầu chiến đấu của bộ đội. Đồng chí Đặng Sĩ Mai, người chiến sĩ quân giới đã có công tập hợp anh em từ những ngày đầu để tổ chức xưởng, được anh em tin tưởng quý mến. Đồng chí đã hy sinh năm 1949 vì bị cọp vồ.

Ngành Quân y cũng được xây dựng từng bước. Từ chỗ chỉ có 3 y sĩ, một ít y tá và cứu thương, dần dần ta mở các lớp đào tạo đủ người để bố trí cho các đơn vị. Ngoài các bệnh xá của các tiểu đoàn và một số địa phương, ta đã tổ chức được một bệnh viện có đầy đủ các bộ phận cần thiết để phục vụ cho chiến trường. Nhờ sự giúp đỡ của các cơ sở vùng tạm bị chiếm ta đã mua được nhiều thuốc men, bông băng để dùng. Đặc biệt việc mổ xẻ, cứu chữa các vết thương chiến tranh, mặc dù thiếu thốn dụng cụ, phương tiện, bệnh viện đã khắc phục khó khăn, những ca bị thương nặng đều được cứu sống. Anh em cán bộ rất tin tưởng những người thầy thuốc của mình. Bệnh viện còn cứu chữa cho cán bộ các ngành và cả nhân dân. Y sĩ Vũ Trọng, y sĩ Thuật tuổi cao, sức yếu nhưng đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức bệnh viện và cứu chữa bệnh nhân. Anh em bị thương, bị bệnh đến bệnh viện đều tin tưởng là mình sẽ được chữa khỏi. Với lòng tin yêu và kính phục, anh em thường gọi y sĩ Vũ Trọng là “Bác sĩ Chí”¹.

Ngoài các bệnh viện, bệnh xá ta còn tổ chức các trại an dưỡng để đón anh em đau ốm đến nghỉ ngơi, an dưỡng và chữa bệnh.

1. Lúc này ta chưa có bác sĩ, chỉ có y sĩ, nhưng đội ngũ y sĩ có tay nghề khá, phẫu thuật giỏi.

Công tác đào tạo cán bộ quân sự cũng rất được chú trọng, các lớp quân chính, các lớp đào tạo cán bộ, tiểu đội trưởng được mở ở Hưng Nhơn (Bình Thiện) tiếp theo là các khóa bổ túc, đào tạo ở căn cứ Ô rô và Hàm Tân. Nhờ đó ta đã giải quyết được một phần yêu cầu cán bộ cho chiến trường. Cùng với việc đào tạo cán bộ, ta còn mở trường huấn luyện tân binh tại Hưng Long (Nhơn Thiện), Thắng Bình (Hàm Tân) tạo điều tốt việc bổ sung quân số cho các đơn vị.

Đường giao thông liên lạc vào Nam ra Bắc được Trung ương quan tâm chỉ đạo. Địch ra sức ngăn chặn, đánh phá nên có thời gian đường bị tắc. Đồng chí Đặng Quang Cầm, cùng một trung đội từ Ninh Thuận “xoi” đường núi liên lạc với tỉnh Khánh Hòa để tổ chức thông ra Phú Yên, vào Bình Thuận và Nam Bộ. Sau một thời gian ngắn, biết bao gian khổ, đường đã được mở thông. Con đường đã được Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam đặt tên là “Con đường Hồ Chí Minh”. Cùng với đường bộ, ta còn mở đường biển để nhận tiếp tế từ vùng tự do vào và đưa cán bộ đi công tác. Đường được mở, mạch máu giao thông liên lạc được nối liền, góp phần rất quan trọng vào công cuộc kháng chiến.

Công tác Đảng, công tác chính trị lúc này chủ yếu là hoạt động công tác chính trị, công tác Đảng còn rất hạn chế, kết nạp đảng viên mới, sinh hoạt đảng đôi lúc phải giữ bí mật. Riêng hoạt động chính trị, tuy chưa có kinh nghiệm nhiều nhưng một số mặt đã tổ chức và hoạt động tốt. Công tác thông tin báo chí được chú trọng. Các tờ báo của trung đoàn đã ra đời. Tờ “Chiến đấu” của

Trung đoàn 82 ra đời từ tháng 8-1946, đều đặn mỗi tháng một số phục vụ chiến sĩ và nhân dân, phổ biến tin tức và tuyên truyền các đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ khá sôi nổi, nhiều buổi biểu diễn, ca hát “Lửa trại” được tổ chức ở các đại đội, tiểu đoàn và cơ quan. Ở các địa phương, những ngày kỷ niệm như kỷ niệm đệ nhất chu niên Trung đoàn 82, đệ nhất chu niên các Tiểu đoàn 86, 89 cũng tổ chức biểu diễn văn nghệ, vui chơi, giải trí, đồng bào ở các vùng tạm bị chiếm cũng tìm cách ra tham dự rất đông.

Các đơn vị còn tổ chức học văn hóa cho anh em cán bộ, chiến sĩ. Những buổi đi học thường gọi buổi học “giờ Hồ Chí Minh”.

Khoảng cuối năm 1947, bài hát “Trung đoàn 82 hành khúc” do Vương Gia Khương và Dương Minh Đẩu sáng tác ra đời. Bài hát trầm hùng đã vang khắp cực Nam Trung Bộ, đã đi vào lòng người, gọi lên niềm tự hào và vinh dự, thúc giục bước chân chiến sĩ vững bước trên các nẻo đường chiến đấu giải phóng quê hương. Bài hát có đoạn:

*“...Vượt ngàn trùng chông gai, tiếc chi dòng máu nóng.
Hận thù sục sôi chi sá chân bước trên gập ghềnh.
Xua hết quân thù ra khỏi trời Nam...”¹.*

Công tác Đảng, công tác chính trị lúc bấy giờ chưa

1. Bài hát “Trung đoàn 82 hành khúc” về sau thành bài hát chung của Trung đoàn 812. Được Quốc hội công nhận là một trong những bài hát truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam. Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đài phát thanh Thuận Hải nay là Bình Thuận lấy làm nhạc hiệu.

có nhiều sách báo, tài liệu hướng dẫn nên hạn chế về lý luận nhưng đội ngũ đảng viên, cán bộ gương mẫu làm theo những lời dạy của Bác Hồ và vận động, tuyên truyền cho mọi người làm theo, nên có kết quả. Hệ thống tổ chức Đảng cũng được thường xuyên củng cố. Tháng 10-1946, các trung đoàn ủy đã được cấp trên chỉ định, sau đó hình thành các chi bộ cơ quan, chi bộ các đại đội và đến cuối năm 1947, các tiểu đoàn ủy ra đời¹.

Đảng lãnh đạo chủ yếu thông qua cấp ủy và chi bộ ra quyết nghị về một số mặt công tác chính. Những chủ trương của Đảng đều được chấp hành nghiêm chỉnh, gương mẫu của đảng viên có ảnh hưởng rất lớn đối với quần chúng, được quần chúng tin tưởng.

Từ những ngày đầu chống thực dân Pháp xâm lược, Bình Thuận với lực lượng còn non yếu, chưa có kinh nghiệm đối phó với chiến thuật đánh nhanh thắng nhanh của địch, nên gặp một số khó khăn, tổn thất. Nhưng nhờ có sự lãnh đạo của trên và của Tỉnh ủy, đã kịp thời củng cố, phát huy tinh thần trách nhiệm của cán bộ, lòng yêu nước và căm thù giặc của chiến sĩ và nhân dân, tự lực, tự cường vươn lên, khắc phục khó khăn để xây dựng và phát triển mọi mặt.

Bình Thuận củng cố và phát triển các mặt công tác tương đối nhanh và toàn diện. Phong trào chiến tranh du kích, phong trào đấu tranh của quần chúng nhiều vùng khá mạnh, đánh nhiều trận tốt, bồi dưỡng được

1. Đầu năm 1948, Trung đoàn 82 có 60 đảng viên (50 chính thức, 10 dự bị).

lực lượng ta, giữ được nhiều vùng căn cứ rộng lớn tạo thuận lợi cho cuộc kháng chiến trong những năm sau.

Tuy vậy, Bình Thuận cũng còn nhiều mặt yếu kém và nhiều khó khăn. Việc xây dựng chưa theo kịp phong trào đấu tranh, tác chiến còn nặng về tác chiến lực lượng tập trung, chưa coi trọng đúng mức việc xây dựng cơ sở du kích chiến tranh ở địa phương và cơ sở quần chúng. Địch tập trung đối phó, đẩy lực lượng ta ra xa dân, bước đầu đã kiểm soát được các vùng tạm chiếm, gây rất nhiều khó khăn về tiếp tế cho ta.

Cuộc chiến đấu còn lâu dài, gian khổ, ác liệt, nhưng quân và dân Bình Thuận vững tin vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết tâm khắc phục những thiếu sót, những trở ngại để vươn lên giành thắng lợi mới.

Chương hai

**THỐNG NHẤT CHỈ HUY TOÀN CHIẾN TRƯỜNG,
ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH,
XÂY DỰNG THỰC LỰC CHÍNH TRỊ
Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(1948 đến đầu năm 1951)**

**I. Thành lập Liên Trung đoàn 81-82, tăng cường
cán bộ cho các Tỉnh đội**

Vào Xuân-Hè năm 1948, thực dân Pháp càng lệ thuộc sâu vào đế quốc Mỹ. Quân viễn chinh Pháp tiếp tục kéo dài chiến tranh thuộc địa bằng chính sách “siết chặt” và “vết dầu loang”. Chúng càn quét, đánh phá ác liệt các vùng tạm chiếm, nhằm phá hoại các tổ chức chính trị và vũ trang, nhằm phá hoại, ngăn chặn nơi cung cấp sức người, sức của của ta, củng cố hậu phương của chúng. Địch phân tán quân cơ động, lập hệ thống cứ điểm nhỏ và những đội quân ứng cứu nhỏ, xúc tiến việc chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, tuyển mộ xây dựng nguy quân, củng cố nguy quyền. Mặc dù vậy, tình hình của địch trên chiến trường liên tiếp thất bại. Đế quốc Mỹ quyết định can thiệp sâu vào chiến tranh Đông Dương.

Ngày 15-1-1948, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị mở rộng và khẳng định sau chiến thắng Việt Bắc, so sánh lực lượng giữa ta và địch đã có chuyển

biến có lợi cho ta. Hội nghị cũng nhận định: Năm 1948 là năm chiến tranh thực sự sẽ diễn ra khắp cả nước. Quân thù sẽ càn quét dữ dội hơn ở đồng bằng Bắc Bộ, Nam Bộ. Chúng sẽ tìm mọi cách củng cố hội tề lập ngay chính quyền toàn quốc, thành lập các đội thân binh... Hội nghị đề ra nhiệm vụ chiến lược quân sự năm 1948 là phá tan cuộc tiến công mùa đông của địch ở Bắc Bộ, phá các cuộc càn quét ở Nam Bộ, phát triển chiến tranh nhân dân ở khắp nơi, nhất là ở vùng địch kiểm soát. Tích cực diệt những đồn bót lẻ, buộc địch phải thu hẹp địa bàn chiếm đóng. Mục tiêu chiến lược là phát triển mạnh mẽ chiến tranh nhân dân trên khắp chiến trường, biến hậu phương địch thành tiền phương ta. Qua đó, ta sẽ mạnh dần lên, địch sẽ suy yếu đi, so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của kháng chiến, ngày 27-1-1948, Trung ương Đảng ra Chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi:

“Cùng toàn thể đồng bào yêu quý,

Nước ta kinh tế lạc hậu, nhưng lòng yêu nước và chí quật cường chẳng kém ai.

Nay muốn tự cấp, tự túc, đi kịp người ta, thì chúng ta phải *đi mau*.

Vì vậy, sĩ, nông, công, thương, binh, gái trai già trẻ, toàn thể quốc dân ta, vô luận ở địa vị nào, làm công việc gì, phải ra sức tham gia cuộc *Thi đua yêu nước*, tức là tăng gia sản xuất.

Như thế thì:

Kháng chiến nhất định thắng lợi,

Kiến quốc nhất định thành công”¹.

Thực hiện mục tiêu chiến lược năm 1948, ta đẩy mạnh chiến tranh du kích trong các vùng tạm bị chiếm, mở các chiến dịch nhỏ nhằm đánh vào các lực lượng yếu nhất của địch, mặt khác ra sức chống các cuộc càn quét lớn của địch. Từ Thu-Đông năm 1948, quân dân ta đã giành lại quyền chủ động ở từng bộ phận, tiếp tục mở các chiến dịch ngày càng lớn hơn, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Phong trào thi đua được đẩy mạnh, tất cả xoay quanh khẩu hiệu: “Tất cả để chiến thắng”. Trong lực lượng vũ trang còn có phong trào “Luyện quân lập công”, “Rèn cán, chỉnh quân” các cuộc thi đua đã góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến và xây dựng lực lượng vũ trang tiến lên những bước mới.

Trên chiến trường Nam Trung Bộ², quân địch cũng chuyển từ mở rộng vùng kiểm soát sang củng cố và chiếm đóng. Chúng ra sức đánh phá cơ sở chính trị, cơ sở du kích chiến tranh của ta, củng cố ngụy quyền, phát triển ngụy quân. Tổ chức nhiều cuộc càn quét với quy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.5, tr. 419.

2. Liên khu 5 được thành lập ngày 20-10-1948 trên cơ sở hợp nhất khu 5, Khu 6 và khu 15. Đồng chí Nguyễn Thế Lâm-Quyền Tư lệnh, đồng chí Nguyễn Chánh-Chính ủy (*Khu 5-30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 1, tr.150).

mô đại đội, tiểu đoàn, đánh phá liên tục, dai dẳng, bắn giết, cướp bóc bữa bãi ngay trong các khu đồn dân chung quanh các đồn bót. Biện pháp cơ bản của địch để bình định là dùng đội ứng cứu nhỏ với hệ thống cứ điểm nhỏ.

Vùng miền núi chúng tìm mọi cách để ngăn chặn việc thâm nhập và hoạt động của ta. Chúng tổ chức, mua chuộc để nắm các tù trưởng phản động, gây chia rẽ Kinh-Thượng. Tổ chức lực lượng lập các ổ Gum¹ ở nhiều địa phương.

Từ năm 1948, địch tiếp tục tăng quân, đánh phá mạnh, phát triển hệ thống cứ điểm dày đặc, từng bước dồn dân vào các khu tập trung, càn quét lòng sục bên ngoài, kiểm soát gặt gao bên trong, đẩy mạnh việc phát triển nguy quân, củng cố nguy quyền và phong trào “quốc gia” giả hiệu, phong tỏa tiếp tế, liên lạc của ta... Từ nửa cuối năm 1948, địch đã căn bản thực hiện được kế hoạch của chúng, gây cho ta rất nhiều khó khăn.

Đối phó với âm mưu của địch, ta đã tích cực chống càn quét, dồn dân. Thực hiện việc chỉ đạo, chỉ huy quân sự thống nhất trên toàn cực Nam Trung Bộ, củng cố, chấn chỉnh các đơn vị theo phương thức “Đội vũ trang tuyên truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung”. Tổ chức thực hiện cuộc vận động “luyện quân lập công 5/1949 và rèn cán chỉnh quân đến 1950” để nâng cao trình độ cho cán bộ, chiến sĩ. Đi đôi với việc củng cố tổ chức, ta đẩy mạnh tiến công địch, đột nhập vào đô thị,

1. Gum là một tổ chức vũ trang do Pháp tổ chức và nuôi dưỡng để đánh thuê cho Pháp ở vùng rừng núi.

đánh phá giao thông, phục kích bộ binh, bao vây uy hiếp, bức rút và diệt cứ điểm lẻ, phá hoại kinh tế địch, trừ gian, diệt tề... Động viên nhân dân ủng hộ và tham gia, đẩy mạnh cuộc kháng chiến, mở các đợt hoạt động quân sự tập trung ở Bắc Bình Thuận nhằm hỗ trợ cho phong trào gây dựng cơ sở, phát triển chiến tranh du kích tiêu hao, tiêu diệt địch.

Mở rộng việc xây dựng căn cứ Hàm Tân và các vùng căn cứ quan trọng khác làm cơ sở cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Cùng với hoạt động quân sự, các mặt tăng gia sản xuất, thực hiện một số chính sách, ruộng đất như giảm tô, cấp ruộng đất, tiếp tục mở bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ, tổ chức bầu cử hội đồng nhân dân. Đây cũng là thời kỳ có nhiều biến động về các mặt và đấu tranh quyết liệt với địch để giữ vững lực lượng, giữ vững vùng căn cứ, quyết tâm bám dân, giành dân để đưa cuộc kháng chiến ở địa phương tiến lên. Đặc biệt là qua thực tế đấu tranh, ta đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm, đứng vững và tiến lên trong những năm sau.

Từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Bình Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng tuy có sự quan hệ giúp đỡ nhau, nhưng chưa có sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất với yêu cầu nhiệm vụ của một chiến trường vùng sâu, vùng tạm bị chiếm. Quân số và các đơn vị lực lượng vũ trang nhiều, nhưng có nơi lại thiếu quân, tổ chức và bố trí chưa hợp lý, chất lượng yếu, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng cơ sở phát triển du kích chiến tranh. Giữa năm 1948, Bộ Chỉ huy Khu 6 chỉ

thị chuyển hướng tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị cho phù hợp với tình hình. Tháng 10-1948, Liên khu 5 được thành lập và chỉ thị: "Tổ chức sắp xếp và bố trí lại các đơn vị, nhằm thực hiện phương châm chiến lược, chiến thuật của chiến tranh du kích, đẩy mạnh sự hỗ trợ và phối hợp giữa các tỉnh, tăng cường lực lượng cho Lâm Viên, Đồng Nai Thượng và Ninh Thuận, thống nhất chỉ đạo và chỉ huy quân sự trong 4 tỉnh cực Nam Trung Bộ. Sáp nhập Trung đoàn 81 và Trung đoàn 82 thành Liên Trung đoàn 81-82 chịu trách nhiệm về quân sự trên toàn chiến trường cực Nam Trung Bộ".

Tháng 12-1948, Liên Trung đoàn 81-82 thành lập Ban Chỉ huy trung đoàn gồm các đồng chí:

- Nguyễn Đức Tuyền, Quyền Liên Trung đoàn trưởng.
- Nguyễn Chí Diễm, Liên Trung đoàn phó.
- Nguyễn Minh Châu, Liên Trung đoàn phó.
- Nguyễn Thạnh, Liên Trung đoàn phó.
- Đoàn Tử Bấy, Tham mưu trưởng.
- Nguyễn Sắc Kim, Ủy viên chính trị (Chính ủy).
- Trần Quốc Thái, Chủ nhiệm chính trị.
- Vương Gia Khương, Trưởng Ban cán bộ.
- Mai Nhẫn, Trưởng Ban cung cấp.

Sau khi thành lập, Liên Trung đoàn 81-82 có sự thay đổi về tổ chức và bố trí lực lượng:

Tiểu đoàn 86 gồm 3 đại đội: Đại đội A, Đại đội B và Đại đội Xung kích đứng chân hoạt động ở nam Bình Thuận.

Tiểu đoàn 89 gồm 2 đại đội, đứng chân hoạt động ở

phía bắc Bình Thuận. Các Tiểu đoàn 92-95 (Trung đoàn 81 cũ) tổ chức và bố trí lực lượng hoạt động ở Ninh Thuận.

Thành lập cho Lâm Viên, Đồng Nai Thượng đại đội Như Hồ, Trung đội Châu Ro và 6 đại đội vũ trang tuyên truyền.

Cùng với việc thành lập Liên trung đoàn, các cơ quan cũng được kiện toàn tương đối đầy đủ. Tháng 8-1949, Ban địch vận cũng được thành lập và hoạt động độc lập, sau đó sáp nhập vào Ban Chính trị Liên trung đoàn, có hệ thống tổ chức từ trên xuống các xã¹.

Trong năm 1949, tỉnh Bình Thuận tiến hành Đại hội đại biểu của Đảng bộ, đánh dấu bước chuyển biến quan trọng về xây dựng và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Công tác phát triển Đảng và xây dựng Đảng trong các vùng tạm chiếm cũng được chú ý. Tháng 3-1949, Liên khu ủy 5 đã thành lập Ban Cán sự Đảng ở cực Nam Trung Bộ do đồng chí Nguyễn Đức Dương làm Bí thư. Sự kiện quan trọng này nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, của cấp trên đối với chiến trường cực Nam Trung Bộ.

Tháng 6-1949, Hội nghị Quân chính của Liên trung đoàn, có đại diện của các Tỉnh ủy cực Nam Trung Bộ tham dự, để giải quyết các vấn đề: “Đội Vũ trang tuyên

1. Sau khi thành lập Liên Trung đoàn 81-81. Bộ máy các cơ quan cũng phình ra quá lớn. Ví dụ: Ban Quân báo có thời gian lên đến 400 người (kể cả cán bộ ở các cơ sở), Ban Quân lương trên 1000 người bố trí kéo dài từ Ninh Thuận giáp Khánh Hòa đến Hàm Tân giáp Xuyên Mộc.

truyền, đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung, tăng cường cán bộ cho các Tỉnh đội, phát triển chiến tranh du kích, giải quyết chiến trường để hoạt động.

Đến cuối năm 1949, Ban cán sự cục Nam Trung Bộ quyết định giải thể Tiểu đoàn 89 (Trung đoàn 82 cũ) và thành lập Tiểu đoàn 90 gồm 2 đại đội và 1 trung đội cảm tử hoạt động trên địa bàn Ninh Thuận. Đại đội 210 hoạt động phía bắc, Đại đội 212 hoạt động phía nam Ninh Thuận, Trung đội cảm tử hoạt động ở thị xã Phan Rang-Tháp Chàm.

Ngoài các tiểu đoàn, Bình Thuận còn thành lập 3 đại đội độc lập (Đại đội 214 hoạt động phía bắc Bình Thuận, Đại đội 216 hoạt động ở Hàm Thuận, Đại đội cảm tử hoạt động trong thị xã Phan Thiết).

Thực hiện chủ trương của trên giữa năm 1950, Tỉnh đội Bình Thuận được thành lập. Để tăng cường sự lãnh đạo Đảng trong lực lượng vũ trang địa phương, các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy phụ trách Chính trị viên Tỉnh đội¹. Ở Bình Thuận, từ năm 1948 do đồng chí Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú phụ trách. Từ năm 1949, đồng chí Đoàn Tử Bấy, Huỳnh Thiện Lộc, Đoàn An ở Ninh Thuận vào, cùng được bổ sung vào Ban chỉ huy Tỉnh đội làm Tỉnh đội trưởng và Liên Trung đoàn 81-82 lúc này cũng đổi thành Trung đoàn 812.

Đầu năm 1950, ta tiến hành cuộc vận động “rèn cán, chỉnh quân”, khắc phục tư tưởng tách rời việc xây dựng chủ lực và địa phương. Đẩy mạnh phong trào thi

1. Ban Chỉ huy Tỉnh đội khi mới thành lập.

đua lập công thể hiện rõ bằng tinh thần hăng hái, phấn khởi, chịu đựng gian khổ, tích cực chống càn quét và tiến công địch. Qua đó ý thức tổ chức kỷ luật được nâng cao, kỹ thuật, chiến thuật cũng có nhiều tiến bộ như kỹ tập phục kích, đánh giao thông... Các cơ quan cũng được quy định nhiệm vụ và phân công rõ ràng hơn, hiệu suất công tác tăng lên rõ rệt.

Công tác chính trị cũng được xây dựng có nề nếp, đi sâu hơn vào nhiệm vụ hoạt động của các đơn vị. Giải quyết được một số vấn đề cụ thể về tư tưởng và kỷ luật, dân chủ nội bộ, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, xây dựng cơ sở quần chúng, phát triển chiến tranh du kích... Các hoạt động thông tin, văn hóa, văn nghệ cũng khá tốt. Tờ báo "Vệ Quốc quân cực Nam Trung Bộ" có nội dung tốt, in đẹp đã đăng nhiều bài thơ, bản nhạc mới sáng tác, kịp thời động viên tinh thần chiến đấu, khuyếch trương kết quả chiến đấu. Công tác xây dựng Đảng bước đầu đi vào nề nếp, phát triển đảng viên đều khắp trong các đơn vị và cơ quan. Các đại đội đều có chi bộ Đảng, ra nghị quyết lãnh đạo cụ thể về các mặt chiến đấu và xây dựng¹. Tuyệt đại đa số đảng viên đều gương mẫu trong công tác, chiến đấu sáng ngời đạo đức cách mạng.

Trong công tác hậu cần đã có rất nhiều cố gắng khắc phục để vượt qua những thiếu thốn, nhất là về mặt lương thực. Trong năm 1948-1949, ở Bình Thuận đã giải quyết được tiêu chuẩn cho chiến sĩ từ 300 đến 400gr gạo/ngày và độn thêm nhiều khoai, đậu. Sang

1. Lúc bấy giờ theo sự chỉ đạo xây dựng Đảng của Liên khu 5, trong quân đội có phong trào xây dựng "Chi bộ tự động công tác".

năm 1950 – 1951, đạt 500gr gạo/ngày và tiền ăn 1 hào/ngày cho một chiến sĩ (tính theo tiền Đông Dương).

Tuy có nhiều nỗ lực để giải quyết, nhưng tình hình ngày càng khó khăn, quân số ngày càng tăng, do đó năm 1950, Trung đoàn bộ thiếu 5 tháng lương thực và bộ đội nợ gạo của dân khá nhiều. Cuối năm 1950 đầu năm 1951, các cơ quan và Trung đoàn bộ phải ăn độn một nửa, các tiểu đoàn, đại đội độn lập độn 1/4.

Ở Bình Thuận năm 1948, tiền phụ cấp tiêu vật mỗi người được 10 đồng tiền Việt Nam mỗi tháng. Anh em bị thương còn được cấp thêm mỗi tháng từ 30 đồng đến 100 đồng.

Việc sản xuất tự túc lương thực tuy có nhiều cố gắng, cơ quan, đơn vị đều có tổ chức bộ phận sản xuất góp phần giải quyết lương thực chung của địa phương, nhưng mỗi năm cũng chỉ đạt từ 1/5 đến 1/4 số lương thực, chủ yếu là khoai, bắp, đậu..

Về quần áo, trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, chủ yếu là nhờ vào sự giúp đỡ của gia đình, anh em và của nhân dân. Số quân nhu nhận được của Liên khu cũng chỉ để cấp phát cho số anh em xa gia đình (cuối năm 1948 đến năm 1950 Liên khu 5 cũng có chi viện khoảng 5.000 bộ quân trang).

Về quân y có tiến bộ hơn. Ta dùng tiền Đông Dương mua thuốc và các dược liệu để chế biến và sản xuất được một số loại thuốc, căn bản đủ dùng cho các nhu cầu thiết yếu. Các chế độ ăn uống ở bệnh viện, bệnh xá tuy trong hoàn cảnh thiếu thốn cũng giải quyết được khá

hơn. Về an dưỡng thương bệnh binh lúc đầu gửi vào dân, có nhiều nơi do các mẹ chiến sĩ giúp đỡ, dần dần tổ chức được nơi an dưỡng, thường gắn vào các đơn vị sản xuất tự túc. Các đơn vị sau thời gian hoạt động, có điều kiện thì đưa về vùng biển để nghỉ ngơi. Quân y trong các đợt hoạt động lớn được tổ chức chu đáo, do trung đoàn trực tiếp phụ trách, có tuyến sơ cứu, có đội dân công vận chuyển tuyến 1, tuyến 2 nhờ đó việc giải quyết cứu chữa thương binh được kịp thời hơn, nhiều trường hợp cứu sống được anh em bị thương nặng.

Các xưởng sửa chữa và sản xuất vũ khí cũng có nhiều tiến bộ. Sau khi thành lập Liên trung đoàn, đã sáp nhập 2 xưởng Ninh Thuận, Bình Thuận lại làm một và chuyển về Hàm Tân để ổn định sản xuất. Tổ chức một bộ phận sửa chữa nhỏ lưu động đến các chiến trường để phục vụ kịp thời cho chiến đấu. Từ chỗ sản xuất hoàn toàn thủ công, dần dần ta trang bị được máy, đỡ được nhiều công sức và thời gian. Khối lượng sửa chữa và sản xuất vũ khí ngày càng tăng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu. Cán bộ công binh xưởng còn nghiên cứu cải tiến được nòng súng SKZ, các súng phóng bom, một số súng Badôca, vừa bắn bằng đạn mã tử vừa bắn bằng điện (Pin). Các loại đạn SKZ, Badôca, AT, lựu đạn phóng cũng được sản xuất với số lượng lớn, phục vụ yêu cầu của chiến trường ngày càng tốt hơn.

Để phục vụ cho đợt hoạt động đông-xuân 1950 - 1951, ta đã sản xuất được: 1.300 quả lựu đạn cần, 550 quả lựu đạn phóng, 90 quả mìn (địa lôi), 1.000 quả Bazômine, 6.000 viên đạn...

Nhìn chung công tác hậu cần kỹ thuật trong thời gian qua đã có rất nhiều cố gắng và tiến bộ do có được sự đóng góp to lớn của nhân dân, sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp các ngành, sự nỗ lực vươn lên của anh em ngành hậu cần kỹ thuật và sự tham gia khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ của tất cả cán bộ, chiến sĩ. Tuy nhiên công tác hậu cần cũng có nhiều thiếu sót, nhất là khi giải quyết những khó khăn, có thời gian làm quá mức và có phần mệnh lệnh, cưỡng ép sự đóng góp của nhân dân.

Việc thống nhất chỉ huy, chỉ đạo toàn chiến trường, đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng địch, tạo được cơ sở cho việc phối hợp và tương trợ giữa các địa phương. Mặt khác, đã có nhiều cố gắng nâng cao trình độ chính trị, quân sự cho bộ đội và cũng bắt đầu chú ý xây dựng cơ sở quần chúng, cơ sở dân quân du kích, để phối hợp hoạt động. Tuy nhiên, tổ chức còn nặng về hình thức, nặng về lực lượng tập trung, về hoạt động quân sự, chưa chú ý đúng mức đến chất lượng, chưa thấu suốt quan điểm “chiến tranh nhân dân”, còn chủ quan, nóng vội, chưa đánh giá đúng tình hình thực tế của chiến trường. Những thiếu sót đó đã làm cho ta thêm khó khăn, phức tạp ở những năm sau.

II. Đẩy mạnh chiến tranh du kích chống càn quét, dồn dân xây dựng khu căn cứ du kích Hàm Tân

Ở Bình Thuận, địch không ngừng tăng quân số. Tháng 02-1949, có 2.344 tên, tháng 6-1949 tăng lên 2.737 tên, tháng 3-1950, tăng lên 3.313 tên và tháng 5-1950 tăng đến 3.800 tên. Về đơn vị, tháng 7-1949, địch

vẫn để Tiểu đoàn 5 BMEO (bataillon de marche extrême orient) ở Nam Bình Thuận, Tiểu đoàn 3 BMEO thiếu ở Hòa Đa. Về cứ điểm nhỏ và tháp canh, tháng 6-1949 có 60, tháng 11-1950 tăng đến 293 cái. Về tổ chức chỉ huy, chúng cố xây dựng phân khu Bình Thuận thành hậu phương an toàn. Chúng tích cực dồn dân vào các khu tập trung, tăng cường lực lượng để kiểm soát và đánh bật lực lượng ta ra ngoài. Địch cũng rút bỏ một số nơi bị ta cô lập, uy hiếp để ra sức đánh phá các khu đông dân nhiều cửa, đặc biệt là tập trung sức để dứt điểm một số khu vực có lợi cho chúng. Ngày 1-5-1949, rút bỏ La Gi (Hàm Tân), đầu tháng 5-1949, chúng lại rút bỏ Tân Nông (Tam Giác) và Lương Sơn (trên Quốc lộ 1).

Chúng tập trung lực lượng đánh phá dữ dội khu Tam Giác, kết hợp với bảo vệ giao thông và xây dựng hệ thống tháp canh trên tỉnh lộ 8 (nay là Quốc lộ 28), đường sắt Mường Mán-Ma Lâm. Tháng 3-1950, dồn hết dân ở 3 huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong vào các khu tập trung. Địch tăng cường các hoạt động càn quét đánh phá vùng Hàm Tân, căn cứ Ô Rô để ngăn chặn các hoạt động của ta.

Các vùng tạm bị chiếm như: Mũi Né, Kim Ngọc, Ma Lâm, Tầm Hưng, Mường Mán, Phú Hội, địch ra sức củng cố. Các vùng miền núi như Tánh Linh, địch tiếp tục phát triển tề và củng cố các ổ vũ trang (Gum).

Tháng 8-1949, Đảng bộ Bình Thuận mở Đại hội đại biểu, đề ra nhiệm vụ và phương hướng các mặt công tác đưa cuộc kháng chiến của địa phương tiến lên.

Ngày 15 đến ngày 17-2-1949, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng, cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội, đề ra các nhiệm vụ, công tác phá âm mưu kế hoạch của địch, tổ chức lực lượng bán vũ trang và các tổ chức quần chúng, tích cực xây dựng và phát triển đảng viên, thực hiện khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, trên chiến trường Bình Thuận sau khi địch rút bỏ các đồn Thạnh Mỹ, Cù My Hạ, km 30 trên Quốc lộ 1, Hàm Tân chỉ còn 2 cứ điểm Tân Lý và La Gi. Ta tiếp tục bao vây uy hiếp, tiến tới tiêu diệt buộc địch phải rút khỏi Hàm Tân. Ngày 12-8-1948, Tiểu đoàn 86 và dân quân du kích phối hợp tiêu diệt đồn Tân Lý. Địch phản ứng bằng cách cho 1 tiểu đoàn lên càn vùng Cây Khô, Minh Thành, Cầu Cui, Tam Tân và xung quanh Tân Lý từ 18 đến 25-8-1948, nhưng không đánh bật được lực lượng ta ra khỏi vùng này mà còn bị Tiểu đoàn 86 và dân quân du kích chặn đánh diệt thêm một số. Hàm Tân chỉ còn khu La Gi với 2 cứ điểm gần nhau, bộ đội và dân quân du kích tiếp tục bao vây, làm cho việc tiếp tế của địch gặp rất nhiều khó khăn. Quân địch lâm vào tình trạng thiếu thốn và hoang mang, dao động, cuối cùng phải rút bỏ La Gi tháng 5-1949¹. Sau hơn 3 năm bị chiếm, huyện Hàm Tân được hoàn toàn giải phóng với 1 vạn dân. Ta đã xây dựng Hàm Tân thành một căn cứ kháng chiến vững mạnh, nối liền vùng giải phóng Bà Rịa, Tánh Linh và vùng

1. Theo tư liệu của Ban Lịch sử Đảng bộ Hàm Tân, địch rút tháng 7-1949 nhưng theo sách *Khu 5-30 năm chiến tranh giải phóng* (tập 1, trang 157) thì ngày 1-5-1949 địch rút bỏ La Gi, huyện Hàm Tân với trên 1 vạn dân được hoàn toàn giải phóng.

căn cứ của thị xã Phan Thiết. Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được thường xuyên củng cố, đủ sức lãnh đạo. Một số chính sách của Đảng như chính sách ruộng đất được thi hành. Thực hiện giảm tô 25%, tạm cấp ruộng đất vắng chủ của Việt gian cho nông dân. Chia 288 mẫu ruộng công điền cho người nghèo. Cấm cho vay nặng lãi, cấm chế độ quá điền, chống tăng tô, đi đôi với xóa nợ cũ bảo đảm cho người lĩnh canh...

Các tổ chức tương trợ như vận công, đổi công cũng được thực hiện, giúp nhau tăng gia sản xuất. Nhờ đó mà hàng năm đã đóng góp cho kháng chiến từ 100 đến 200 xe lúa¹. Ta còn tổ chức làm giấy, dệt vải xita, làm muối mỗi năm sản xuất hàng trăm tấn đủ cung cấp cho các địa phương trong tỉnh và một phần cho Nam Bộ.

Học văn hóa cũng được tổ chức khá tích cực, đồng bào Chăm, đồng bào Raglai (Rắc Lây) cũng tham gia học tập, xã Minh Thành đã được nhận lá cờ đầu của tỉnh về thanh toán nạn mù chữ². Các hoạt động văn nghệ "cây nhà lá vườn" phát triển nhanh chóng, những buổi biểu diễn văn nghệ ở xã, thôn làm cho cuộc sống vùng căn cứ kháng chiến ngày một vui tươi lành mạnh.

Đồng bào Chăm ở Nghĩa Hiệp bị địch dồn lên khu tập trung ở km 30 nay về lại làng cũ làm ăn. Đồng bào Chăm ở Phò Trì ổn định được đời sống, một lòng một dạ ủng hộ kháng chiến. Tình đoàn kết các dân tộc trong huyện ngày càng gắn bó.

1. 1 xe lúa có 100 gia lúa, mỗi gia bằng 7kg.

2. Sơ thảo lịch sử Đảng bộ huyện Hàm Tân, 1986, tr.45.

Để bảo vệ sản xuất, kinh tế vùng căn cứ, Ủy ban Kháng chiến Hành chính huyện, tổ chức 2 trạm thuế ở Tam Tân và Cù My, kiểm soát từ các vùng tạm bị chiếm vào, hạn chế các thứ hàng hóa xa xỉ phẩm, chỉ nhập những thứ thiết yếu. Dân quân du kích ở thôn, xã được củng cố và phát triển. Xã có trung đội dân quân và 1 trung đội du kích nửa thoát ly. Bộ đội địa phương huyện từ 1 trung đội lên 2 trung đội bộ binh và 1 trung đội công binh. Công tác bố phòng chống địch đột kích, càn quét, chống đổ bộ, nhảy dù, chống ném bom cũng được bố trí suốt một dải từ Thắng Bình đến La Gi, từ Tân Thuận ra phía bắc... Nhờ thế mà dân quân du kích, bộ đội địa phương cùng Tiểu đoàn 86 chặn đánh địch có kết quả như trận chống càn ở Động Đò tháng 8-1949, trận chống đổ bộ ở La Gi (1950).

Dân quân du kích và bộ đội địa phương Hàm Tân còn tham gia đánh phá giao thông địch trên đường sắt Suối Kiết-Sông Phan (1950), đã làm lật nhào một đoàn tàu lửa quân sự của địch. Hàm Tân còn đưa 1 trung đội ra hoạt động ở Hàm Kiệm (Hàm Thuận) và tham gia đi dân công vận chuyển phục vụ cho các hoạt động lớn của tỉnh. Nhân dân Hàm Tân còn đóng góp nhiều ngày công, phục vụ dài hạn ở chiến trường.

Nhiều cơ quan, trường học, xưởng giấy, xưởng dệt của tỉnh, các cơ sở của cục Nam Trung Bộ, binh công xưởng tỉnh, trường đào tạo cán bộ tiểu đội, khu an dưỡng, bệnh xá của trung đoàn cũng đặt tại đây. Hàm Tân đã trở thành căn cứ kháng chiến quan trọng của tỉnh Bình Thuận và cho cả cục Nam Trung Bộ suốt trong cuộc

kháng chiến chống Pháp.

Ở phía bắc Bình Thuận, La Gàn một vùng căn cứ du kích nhỏ. Sau 2 lần tàn sát lớn (1946 và 1947) địch vẫn không dồn được dân. Ngày 10-10-1948, địch mở các cuộc càn quét lớn vào La Gàn, kiên quyết dồn hết dân ở đây về Long Hương. Ta chủ trương giảm bớt dân đi các nơi rồi dần dần tạo điều kiện sơ tán trở về, mặt khác lãnh đạo đồng bào bị dồn về Long Hương, tranh chấp cãi cọ với dân tại chỗ về chỗ ăn ở, tạo cơ cấu tranh với địch để giãn dần ra, đi làm biển, làm vườn rồi ở luôn. Tháng 2-1949, huyện lập chợ kháng chiến Long Thạnh, nhân dân đi lại mua bán khá đông. La Gàn trở thành nơi nghỉ chân của bộ đội và các đoàn cán bộ từ Bắc vào, từ Nam ra. Nơi nhận tiếp tế từ vùng tự do và cũng là nơi tiếp tế cho các địa phương trong tỉnh. Ninh Thuận có thời gian khó khăn cũng vào La Gàn để giải quyết lương thực và các nhu cầu cần thiết khác cho cuộc kháng chiến.

Để có nơi trú ẩn, tránh lánh cho nhân dân, cán bộ, huyện Tuy Phong đã tổ chức đào các đường hầm sâu 3-4 mét, ăn thông với các hầm trú ẩn, sinh hoạt dưới lòng đất. Hệ thống hầm có 10 cửa xuống và 7 ngách lên với tổng chiều dài trên vài cây số. Hoàn thành công trình này tốn trên 16.000 đồng (tiền Đông Dương) và 10 tháng công. Nhân dân Bình Thạnh đã góp 5.000 đồng và toàn bộ vật liệu. Nhưng vì là một khu cô lập và bị địch lại đánh phá liên tục nên sau trận càn ngày 19-1-1951, đường hầm này cũng không dùng được nữa.

Địch thực hiện càn quét đánh phá ở các vùng phía bắc Bình Thuận, kiên quyết dồn dân vào các khu tập

trung. Dân quân du kích và bộ đội liên tục bám đánh địch: ngày 1-7-1949, chống càn ở vùng gần Chợ Lầu diệt 5 tên, bắn bị thương 2 tên thu 1 trung liên; ngày 10-7-1949, chống càn ở Xóm Lụa diệt 25 tên, làm bị thương 2 tên, thu 1 trung liên, 25 súng trường; ngày 10-7-1949, địch tổ chức càn lớn vào Bình Nhơn, dân quân du kích, bộ đội chặn đánh diệt và làm bị thương gần 100 tên; ngày 12-10-1949, địch nhảy dù xuống Bình Nhơn bị ta chặn đánh diệt một số tên. Dân quân du kích, bộ đội còn tổ chức bao vây đồn Lương Sơn, buộc bọn địch ở đây phải rút bỏ đồn tháo chạy vào giữa năm 1949.

Ở Duồng, địch tăng cường càn quét đánh phá và làm nhiều tháp canh bao vây chung quanh, kiểm soát chặt chẽ hơn việc ra vào của nhân dân. Tình hình ngày một khó khăn, cán bộ không bám được cơ sở phải dạt ra chiến khu, một vài người đầu hàng giặc. Nhân dân thực hiện chủ trương tiêu thổ kháng chiến, một số chạy vào Phan Rí Cửa, một số chạy ra vùng Bàu Vua, Bàu Khoai. Tình hình khó khăn kéo dài trong 2 năm (1949-1950), thêm vào đó nạn cọp bắt người lại thường xuyên xảy ra. Nhiều người dân và cán bộ hy sinh. Vì thế có câu:

*Thằng Tây, con cọp hai mối họa
Đánh Tây, diệt cọp cứu dân lành¹.*

Ở Phan Rí Cửa, địch gọi là: “Vùng xung yếu đáng gờm”. Chúng tăng cường lực lượng đến đây gần một tiểu đoàn và đưa thêm 1 đại đội của Ninh Thuận vào

1. Hai câu thơ trên không rõ tác giả, nhưng được truyền miệng trong nhân dân, cán bộ nói lên tình cảnh ở bắc Bình Thuận lúc bấy giờ.

giúp sức, giúp kinh nghiệm kìm dân. Phan Rí Cửa có 2 đồn và 11 tháp canh. Địch tổ chức kìm dân rất chặt, bộ máy tay sai được củng cố đầy đủ. Mặc dù vậy, Phan Rí vẫn là điểm sáng trong phong trào đấu tranh vùng sau lưng địch. Nhiều tấm gương hy sinh anh dũng, nhiều hành động mưu trí khôn khéo của nhân dân đã cứu thoát được nhiều cán bộ, những việc làm đầy tình nghĩa của đồng bào thật khó quên:

Chị Vũ Thị Tập cứu thoát anh Nguyễn Mạnh Thường bằng cách để anh ngồi vào giỏ rồi đổ cá khô lên và khiêng đi nơi khác, “hầm di động” có từ đó.

Anh Lũy mang tài liệu liên lạc bị địch bắt. Chúng giết anh, mổ bụng lấy phủ tạng đem vào bắt má Tuồng xào cho chúng ăn. Má đã kêu gọi đồng bào đấu tranh đòi xác và bỏ phủ tạng vào rồi chôn cất tử tế.

Anh Hội bị địch bắt. Chúng đánh đập tra khảo, chẳng những anh không khai báo, mà còn chống lại và bị chúng bắn chết.

Chị Nguyễn Thị Hoàng ở Song Thanh vận động được tên cai Chì, sau tên này phản lại, chị bị địch bắt. Chẳng những địch không khai thác được gì mà còn bị chị chửi bới thậm tệ nên chúng đã bắn chị.

Địch thường đưa cán bộ, du kích về ở gần chợ cũ để giết hại. Ông Hiến đã thuyết phục được bọn địch để cho ông tổ chức chôn cất anh em tử tế. Nhiều chị em còn tổ chức thăm nuôi anh em bị địch cầm tù không gia đình, thân nhân ở gần, chẳng khác gì ruột thịt.

Tình nghĩa rất là thủy chung, rất là sâu nặng đối với cách mạng nhưng cũng rất kiên quyết đối với kẻ thù. Nhiều tên gian ác, ngoan cố làm tay sai cho giặc phải đền tội. Tên Hường bị diệt trước nhà thờ; tên Lê Điệp, Đội Ba bị diệt tại nhà anh Lạc; tên Thơ, tên Cai Giác là gián điệp, gian ác khét tiếng trong vùng cũng bị trừng trị lúc 12 giờ trưa tại nhà chị Nhanh. Công tác địch vận được đẩy mạnh và có kết quả tốt. Anh Bảy Khanh, cán bộ xã, đã vận động binh lính địch ở bót Lò Vôi, kêu gọi được 6 lính ra hàng, thu 6 súng không tốn một viên đạn. Chị Nở, cán bộ huyện, đã vận động 2 lính địch ở Hòa Đa mang theo 2 trung liên và 1 súng trường ra căn cứ tham gia kháng chiến đầu năm 1949. Bọn tề do địch lập ra, chỉ trừ một vài tên gian ác ngoan cố làm tay sai, còn đại bộ phận ta đều nắm được và sử dụng. Ban cán sự, đoàn thể vẫn bám địa bàn hoạt động. Đầu năm 1950, địch kiểm soát gắt gao nhưng ta vẫn tổ chức được các đoàn công tác bám theo thuyền đánh cá để vận động quần chúng. Các tổ chức thiếu nhi, phụ nữ, phụ lão hoạt động rất tích cực, kể cả việc trừ gian, diệt ác, vận động ủng hộ kháng chiến, ra vào chiến khu làm nhiệm vụ liên lạc, tiếp tế và thăm hỏi, động viên anh em bộ đội.

Đồng bào Chăm thuộc huyện Phan Lý bị địch dồn vào các khu tập trung, việc liên lạc, tổ chức cơ sở gặp nhiều khó khăn. Nhiều đảng viên người Chăm đã lẫn lộn trong quần chúng để bắt mối, lãnh đạo đấu tranh, chống bắt lính bằng cách cử làm các chức sắc trong tôn giáo hoặc chuyển vùng đi làm ăn... Nhờ đó mà hàng trăm thanh niên tránh được việc bắt lính của địch, cơ sở vẫn được giữ vững.

Từ cuối năm 1949 sang đầu năm 1950, phong trào ở Hòa Đa, Tuy Phong có nhiều khó khăn. Địch quyết liệt dồn dân nhưng ta chưa chủ động đối phó, thiếu kế hoạch cụ thể và sự phối hợp chặt chẽ giữa chính trị, quân sự nên nhiều cán bộ hy sinh.

Trong năm 1949, Hòa Đa mất 2/3 cán bộ. Cuối năm 1949, trên 20.000 dân trong tổng số 25.000 dân bị dồn vào các khu tập trung, hội viên hội Liên Việt trước có 15.000 người nay chỉ còn 3.400 người.

Tình hình đó càng làm cho phong trào kháng chiến ở các huyện phía bắc tỉnh thêm khó khăn kéo dài, ảnh hưởng đến sự chi viện cho Ninh Thuận, địch cũng rảnh tay hơn để tập trung đánh phá huyện Hàm Thuận.

Ở các vùng tạm bị chiếm như Mũi Né, Phú Hải, Kim Ngọc, Ma Lâm, Mương Mán, Phú Hội và thị xã Phan Thiết, địch tiếp tục củng cố, đặt hệ thống tháp canh dọc đường sắt Ma Lâm-Mương Mán và đường số 8, vừa bảo vệ giao thông, vừa bao vây, chặn đường giao liên của ta từ phía đông và phía bắc vào khu Tam Giác. Địch tăng cường càn quét, đánh phá mạnh vùng giáp ranh giữa Hàm Thuận, Hàm Tân, vùng Dân Thạnh ven căn cứ Ô rô, ác liệt nhất là khu Tam Giác. Địch cấm chốt lại đồn Xuân Nông làm bàn đạp và liên tục mở nhiều cuộc càn quét đánh phá, cướp của, đốt nhà, giết người rất dã man.

Nhân dân các xã Hàm Liêm, Hàm Chính¹ liên tục

1. Hàm Liêm, Hàm Chính là tên các xã được đặt từ giữa năm 1950.

đấu tranh chống địch, phối hợp với bộ đội tiến công, bao vây uy hiếp đồn Xuân Nông.

Trên chiến trường Tam Giác, địch càn đi quét lại có tháng đến 10 lần, với lực lượng từ 1 đại đội đến 2 tiểu đoàn. Trong tháng 5-1949, chúng mở ra 2 cuộc càn lớn, mỗi lần có đến 1.000 quân. Liên Trung đoàn 81-82 đã phái một bộ phận của Tiểu đoàn 86 và Đại đội độc lập 216 cùng quân dân du kích chống càn quét, bảo vệ nhân dân, bao vây, uy hiếp địch ở đồn Xuân Nông. Tổ chức canh gác, báo động, hướng dẫn nhân dân tránh lánh và làm hầm cất giấu lúa gạo. Đầu năm 1949, từ Suối Tam Bảo qua Suối Cát, địch bị ta đánh thiệt hại nặng. Ta tiếp tục bao vây, uy hiếp đồn Xuân Nông làm cho địch càng thêm khó khăn.

Đầu năm 1948, địch đưa 1 đại đội đóng đồn Xuân Nông. Tuy nhiên, chung quanh đồn, nhân dân sống hợp pháp, bọn tề do ta nắm và điều khiển. Mùa gặt chúng bắt dân gửi lúa vào đồn, dân chỉ gửi một ít lấy lệ, còn phần lớn tổ chức cất giấu ngoài đồng, hạn chế sự cướp bóc của địch. Vấn đề đặt ra cho cán bộ, bộ đội, du kích cùng nhân dân là phải tổ chức diệt đồn này, phá vỡ cái ung nhọt giữa lòng Tam Giác. Tiểu đội đồng chí Huỳnh Lương Ngân (Đại đội 216) nổi tiếng bắn tỉa, được giao nhiệm vụ bao vây, bắn tỉa địch tại đồn. Ban đêm tổ chức quấy rối liên tục làm cho chúng mất ăn, mất ngủ. Mặt khác, ta triệt phá và làm dơ bẩn các nguồn nước, buộc địch phải chở nước từ Phan Thiết lên. Cuộc sống của bọn địch luôn bị đe dọa.

Trong thời gian này, chị Tư Viêng (Lương Thị Viêng)

là một phụ nữ góa chồng, nhà ở cách đồn 300 mét. Trong đồn có tên Bang Tá Độ vừa mị dân, vừa nát rượu và dâm ô. Hắn thường ra các nhà dân chung quanh để chiêu an, nắm tình hình, thường lui tới nhà chị Tư tán tỉnh. Lãnh đạo xã Xuân Bình và cán bộ Đại đội 216 đến gặp chị để lập kế hoạch diệt tên này.

Ba chiến sĩ của Đại đội 216 đã phục sẵn trong nhà. Chị Tư sai đứa con gái 10 tuổi đem cho tên Độ một chai rượu ngon và mời nó ra nhà chơi. 9 giờ sáng, tên Độ mò vào nhà, anh em ta xông ra bắt. Tên Độ chống cự quyết liệt, chị Tư lấy dao đưa cho anh em kết liễu đời hắn rồi đưa ra suối chôn, xóa dấu vết trong nhà. Bọn địch ở đồn không hay biết gì, đêm đó ta đưa xác tên Độ chôn xa hơn. Để đánh lừa địch, ta tung tin tên Bang Tá Độ đầu hàng cách mạng. Hôm sau chị Tư bị địch bắt đưa về Phan Thiết đánh đập, tra khảo nhưng chị không khai báo nửa lời.

Bọn giặc mất tên Bang Tá Độ càng hoang mang, dao động. Tiểu đội và du kích tiếp tục bao vây, bắn tỉa diệt nhiều tên, chúng phải rút bỏ đồn. Hệ thống tháp canh trên đường 8 cũng bị ta bao vây, uy hiếp và dùng công tác địch vận làm vô hiệu hóa. Nhiều tên mang súng ra đầu hàng và có bớt trở thành nơi canh gác báo hiệu cho cán bộ và lực lượng ta qua lại.

Phong trào du kích chiến tranh ở Hàm Nhơn phát triển mạnh, bọn Việt gian khét tiếng như tên Phòng bị trừng trị giữa ban ngày ngay tại thị trấn Phú Long, bọn Tây mê gái cũng bị nữ du kích diệt ngay tại chợ. Các vùng tạm bị chiếm như Kim Ngọc, Phú Hải, Phú Long,

truyền đơn, cờ Việt Minh thường xuất hiện ở nhiều nơi, giấy thông hành của địch bị xé bỏ và thay bằng giấy phép của cách mạng. Du kích và Cẩm tử đội còn bắt sống tên Chín Vịt gian ác chỉ cách đồn Kim Ngọc không đầy một trăm mét.

Các vùng tự do phía Đông Hàm Thuận được bố phòng khá chặt chẽ. Suốt từ vùng Rẫy Thơm chạy xuống Tuy Hòa, Râm tre Mồ Côi, Láng Cổ Rùa, Cây Cày, Láng Găng đều có bố trí chông tre, chông sắt và được tổ chức canh gác báo động, bố trí lực lượng sẵn sàng đánh địch. Có đợt bọn địch đi càn chỉ dám đi ở ven ngoài, không dám vào sâu trong căn cứ.

Phong trào nhân dân du kích chiến tranh ở Hàm Thuận phát triển tương đối toàn diện. Ngoài việc đánh địch bảo vệ nhân dân, bảo vệ căn cứ, các chính sách ruộng đất đều được thực hiện như: Giảm tô, cấp ruộng vắng chủ và công điền cho nông dân nghèo. Nhiều nơi tổ chức tổ vận công, đổi công, đắp các đập nước để đẩy mạnh sản xuất. Vùng Tam Giác còn tổ chức dệt vải để dùng và phục vụ cho chiến đấu. Chợ kháng chiến được mở ở nhiều nơi như: Chợ Cây Xay, Dân Thạnh, Rạng, Sò Đo, Cây Sung. Tiền Việt Nam và tín phiếu tuy sụt giá so với đồng Đông Dương nhưng vẫn được tiêu dùng kể cả ở một số nơi gần vùng địch. Các Hội đồng nhân dân xã, huyện đều được bầu cử. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ cũng phát triển tốt. Trong hoàn cảnh kháng chiến khó khăn, nhân dân Tam Giác, Dân Thạnh, Hàm Nhơn, Triền cũng thỉnh thoảng được xem văn công biểu diễn, nhân dân vùng gần địch cũng được tổ chức đưa

vào xem văn nghệ rất phấn khởi và càng tin tưởng cách mạng.

Việc thanh toán nạn mù chữ cũng được quan tâm, đến cuối năm 1949, ta đã giải quyết xóa mù chữ cho 60-65% dân số, mở trường cho 200 con em nhân dân lao động học tập. Huyện còn tổ chức ban Dân y và có một bệnh xá 20 giường để chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho nhân dân.

Bộ đội địa phương và dân quân du kích ở Hàm Thuận phát triển mạnh, huyện có 3 trung đội, xã có đại đội dân quân và một số du kích bán thoát ly, thôn có trung đội. Tuy vậy, chất lượng dân quân du kích còn yếu, tổ chức chưa chặt chẽ, trang bị kém, trình độ tác chiến hiệu suất còn thấp. Một số vùng tạm bị chiếm như Ma Lâm, Mường Mán, Mũi Né, cơ sở chính trị và phong trào đấu tranh của quần chúng chưa phát triển được bao nhiêu.

Ở thị xã Phan Thiết, Cẩm tử đội hoạt động đều và khá mạnh. Ngày 28-2-1949, Cẩm tử đội phối hợp với một bộ phận của Tiểu đoàn 86 phá tề, trừ gian, đánh tiêu hao địch. Kết quả diệt và làm bị thương 26, tên thu 3 súng. Gần 80% tề hoang mang, 20% tan rã. Suốt một thời gian dài, địch không lập lại được tề tại các phường trong thị xã. Ngày 6-8-1949, lực lượng Cẩm tử đội lại phối hợp với Tiểu đoàn 86 đánh vào thị xã Phan Thiết diệt 20 tên, bắn bị thương 10 tên, bắt 24 tên, phá hủy 3 xe.

Hoạt động táo bạo của ta vào thị xã Phan Thiết làm

cho bộ máy tay sai của địch gần như tê liệt một thời gian dài, nhân dân phấn khởi, tin tưởng, đẩy mạnh đấu tranh chống địch, ủng hộ kháng chiến. Mặt khác hạn chế được một phần sự đánh phá của địch vào khu Tam Giác.

Tiểu đoàn 86 ngoài việc phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích Hàm Thuận chống càn ở Tam Giác, còn phối hợp với lực lượng Cẩm tử đội đánh vào thị xã Phan Thiết và một số nơi đạt kết quả khá. Ngày 14-9-1949, Tiểu đoàn phục kích trên đường Suối Kiết-Tánh Linh, đánh tiêu hao nặng 1 Đại đội Âu-Phi, diệt 20 tên, bị thương 10 tên, bắt sống 10 tên, thu 2 trung liên, 1 cối 60 và 1 súng trường, nhiều đạn dược và quân trang quân dụng (ta hy sinh 2, bị thương 1). Mấy ngày sau, Tiểu đoàn lại đánh chống càn ở Động Đò, Hàm Tân diệt 40 tên địch. Ngày 9-10-1949, Đại đội B Tiểu đoàn 86 phối hợp với lực lượng Đồng Nai Thượng diệt đồn Lutxe ở đường 20, nam Di Linh (Đồng Nai Thượng) thu 1 máy VTĐ 15 W và một số súng đạn. Cuối năm 1949, kết hợp với binh vận, Tiểu đoàn diệt đồn Sông Dinh, thu 1 đại liên (bơốtnin) và nhiều súng đạn khác. Ngày 6-1-1950, Tiểu đoàn đánh giao thông diệt 1 xe thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng, bắt 1 tù binh Pháp trên đường số 8 đoạn Gia Bát-Di Linh. Tiểu đoàn 86 chẳng những tích cực tấn công tiêu diệt địch mà còn phối hợp với dân quân du kích chống càn bảo vệ nhân dân ở Tam Giác, Dân Thạnh... nhiều trận đánh kết quả tốt.

Công tác trừ gian diệt tề ở Bình Thuận khá mạnh,

tính chung trong năm 1949, ta phá 80% tề. Đánh phá giao thông đường sắt, đường bộ đạt kết quả lớn, điển hình là phá hoại nặng đường số 1 từ Dân Thạnh đi Hòa Đa.

Phong trào du kích chiến tranh ở Bình Thuận phát triển tương đối toàn diện. Trong các vùng căn cứ, vùng du kích có khoảng 60.000 dân, vùng ven, vùng tạm bị chiếm có khoảng 90.000 dân, trong đó cơ sở có khoảng 15.000. Riêng thị xã Phan Thiết có 1.500 cơ sở trên 30.000 dân. Đảng bộ Bình Thuận phát triển nhanh. Đầu năm 1949, Đảng bộ có trên 400 đảng viên, cuối năm tăng lên 2.000 đảng viên. Chính quyền và các đoàn thể trong các vùng của ta hoạt động đều. Việc xây dựng dân quân du kích, bộ đội địa phương có nhiều tiến bộ. Các đơn vị chủ lực tích cực tấn công địch, một số trận đạt kết quả khá. Công tác văn hóa, xã hội, tăng gia sản xuất phát triển, góp phần đáng kể cho công cuộc kháng chiến và cải thiện đời sống nhân dân¹.

Tuy vậy, Bình Thuận cũng có những khó khăn mới và những mặt yếu. Ở các huyện phía bắc địch dồn dân tương đối nhanh, ta mất một phần nhân tài vật lực quan trọng. Hàm Thuận bước vào cuộc tranh chấp quyết liệt, cơ sở quần chúng, cơ sở dân quân du kích, phong trào chiến tranh du kích chất lượng còn yếu. Việc kết

1. Bình Thuận năm 1949, vùng ta có 170 khung dệt, dệt được 24.000 mét vải, năm 1950 có 225 khung, dệt được 35.000 mét. Xưởng dệt của tỉnh dệt được 7.145 m/năm. Có 6 bông ép dầu, 1 màu ép được 20.000 lít. 3 lò nấu đường, 1 xưởng giấy, 38 hợp tác xã, 21 tiểu nông đoàn, 4 trường học cơ bản (mỗi trường có 3 lớp), 12 chợ kháng chiến.

hợp giữa hoạt động quân sự, chính trị chưa thật chặt chẽ. Công tác vùng tạm bị chiếm phát triển chậm một số nơi gặp khó khăn. Trong mùa lúa năm 1949, địch cướp mất 50% sản lượng lương thực, làm cho một số vùng bị thiếu, đói.

Về tổ chức Đảng, phát triển nhanh về số lượng nhưng công tác củng cố, nâng cao chất lượng chưa theo kịp.

Bình Thuận tuy có những thuận lợi nhất định, nhưng cuộc đấu tranh sẽ quyết liệt hơn. Đảng bộ chính quyền và nhân dân Bình Thuận phải nhanh chóng khắc phục những mặt yếu kém để đưa cuộc kháng chiến tiến lên.

III. Mở các đợt hoạt động trên chiến trường trọng điểm Bắc Bình Thuận

Đầu năm 1950, Bộ Tư lệnh Liên khu 5 đề ra các nhiệm vụ và chủ trương: “Phối hợp với chiến trường chính và chiến trường có liên quan, thu hẹp phạm vi kiểm soát của địch, đi đến thu hồi đất đai, chú trọng chiến trường Tây Nguyên, Hạ Lào. Tích cực tiêu diệt lực lượng địch, tăng cường lực lượng ta, sẵn sàng lợi dụng thời cơ”.

Kế hoạch thực hiện là: “Gấp rút gây cơ sở và phát triển chiến tranh du kích ở Tây Nguyên, Hạ Lào, Đông Bắc Campuchia, phối hợp với bạn đẩy mạnh chiến tranh du kích trong vùng tạm bị chiếm, chú trọng đô thị và cửa biển”.

Trên chiến trường cực Nam Trung Bộ, địch kiểm soát chặt chẽ các vùng tạm bị chiếm, lực lượng ta hao

hụt khá nhiều, cơ sở trong vùng địch hậu ta mới
gây dựng lại còn ít, chất lượng hoạt động thấp.

Ở Bình Thuận, địch dồn dân phía bắc và đang ra sức
củng cố ở phía nam. Mặc dù địch rút bỏ Hàm Tân nhưng
tập trung đánh mạnh vào các khu du kích của ta, tiếp
tục thực hiện âm mưu dồn dân vào các khu tập trung,
gây cho ta một số khó khăn mới.

Yêu cầu cấp bách là ta cần phải đưa các tiểu đoàn
tập trung hoạt động mạnh hơn với các lực lượng địa
phương tạo thuận lợi cho xây dựng cơ sở, duy trì và phát
triển chiến tranh du kích ở những nơi khó khăn như
Bắc Bình và Ninh Thuận.

Đầu tháng 3-1950, Tỉnh ủy Bình Thuận mở Hội nghị,
quyết định mở đợt hoạt động bắc Bình Thuận, gọi là
Chiến dịch Hè với mật danh là BTN. Về mục đích, Tỉnh
ủy thống nhất chủ trương của Ban cán sự cục Nam Trung
Bộ, nhưng có nhấn mạnh phá khu an toàn của giặc,
giành lại quần chúng, đẩy mạnh chiến tranh nhân dân,
tiêu diệt một bộ phận sinh lực của địch, bồi dưỡng lực
lượng ta. Ngày 23-3-1950, Hội nghị quân dân chính còn
đề ra nhiệm vụ cho các ngành chuẩn bị các mặt cơ sở
vật chất, động viên tuyên truyền, giáo dục giác ngộ
quần chúng, chuẩn bị chiến trường. Kết hợp hoạt động
và xây dựng, thực hiện việc tổng động viên, tổng bao
vây, phá hoại kinh tế địch, trừ gian, diệt tề, quét gián
diệp.

Lực lượng sử dụng gồm: Tiểu đoàn 86, Đại đội 214,
bộ đội địa phương và dân quân du kích Hòa Đa, Tuy

Phong. Ban Chỉ huy Chiến dịch gồm: Nguyễn Minh Châu-Trung đoàn phó làm Chỉ huy trưởng, Trần Quốc Thái làm Chính trị viên, Đoàn Tử Bấy làm Chỉ huy phó. Thời gian chuẩn bị từ tháng 4 đến tháng 6, hoạt động tháng 7, tháng 8. Tiếp đó là khuyếch trương và bảo vệ kết quả chiến đấu. Công tác tuyên truyền cổ động như in truyền đơn, khẩu hiệu, sáng tác thơ ca, sinh hoạt văn nghệ... Công tác Đảng, công tác chính trị, cũng được tổ chức chặt chẽ từ trên xuống tận cơ sở. Các mặt tuyên truyền, giáo dục, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, các bộ phận làm công tác dịch vận, tù hàng binh... đều được giao nhiệm vụ cụ thể. Công tác hậu cần tổ chức chu đáo, Ban tiếp tế được thành lập gồm các ngành dân chính đảng và quân đội để bảo đảm giải quyết lương thực, thực phẩm, thuốc men và các nhu cầu khác. Quân y tổ chức các trạm sơ cứu và các đội chuyển thương binh về phía sau. Quân khí giải quyết các nhu cầu về súng đạn và thu nhận chiến lợi phẩm. Trước và trong thời gian chuẩn bị, các hoạt động chống càn, tổ chức đột kích vào vùng tạm bị chiếm quá rối, tiêu hao địch đồng thời kết hợp nghi binh, gây cơ sở quần chúng cũng được thực hiện tốt. Trong tháng 4, tháng 5, Cẩm tử đội đã 19 lần đột nhập vào Phan Thiết diệt tề, trừ gian, tiêu hao địch. Đại đội 214 và cán bộ chính trị vào Phan Rí, Hòa Đa, Chợ Lầu củng cố và phát triển cơ sở quần chúng, diệt tề trừ gian. Đến tháng 6-1950, huyện Hòa Đa đã củng cố và phát triển từ 3.400 lên 7.000 cơ sở. Phan Rí Cửa là nơi cơ sở và phong trào đấu tranh của quần chúng sôi nổi, mạnh mẽ nhất ở bắc Bình Thuận.

Theo chủ trương của Trung ương, tháng 5-1950, Tỉnh

ủy Bình Thuận tiến hành tổng động viên, sau đó nhận chỉ thị của Liên khu ủy tiếp tục thực hiện kế hoạch. Kết quả thu được 3, 5 triệu đồng, 1.300 mẫu ruộng hiến, 300 xe lúa, 150 trâu bò. Khi hoạt động Hè mở ra, ta tiếp tục động viên đợt 2 và thu được 5 triệu đồng tín phiếu, 200.000 đồng Đông Dương, 1.100 mẫu ruộng, 450 xe lúa, 30 tấn đậu. Có 500 thanh niên thoát ly vào bộ đội, chưa kể số dân công huy động phục vụ chiến dịch¹.

Để chuẩn bị cho đợt hoạt động, Trung đoàn 812 phái Đại đội B của Tiểu đoàn 86 do đồng chí Tạ Viết Quý làm Đại đội trưởng, Võ Khắc Kế làm Đại đội phó, Phạm Hoài Chương làm Chính trị viên đứng chân tại rừng Thái An để chuẩn bị chiến trường và cơ sở hoạt động. Do bị lộ, sáng ngày 2-4-1950, địch huy động 1 tiểu đoàn Âu-Phi chia làm 2 mũi đánh vào chỗ đóng quân của Đại đội. Đại đội B đang tập thể dục tại chiến hào thì bị mũi đột kích chính của địch đánh chính diện vào Trung đội 2. Đồng chí Hùng-xạ thủ trung liên-chưa kịp bắn đã bị hy sinh, ta mất ngay khẩu Bren. Mũi vu hồi của địch đánh vào sườn của Đại đội. Tuy bị bất ngờ nhưng các chiến sĩ chiến đấu hết sức dũng cảm và được sự chi viện kịp thời của Đại đội 214 đã ngăn chặn được mũi chính diện. Trận địa của Trung đội 2 và Trung đội 1 giữ vững, trung đội 3 xung phong đánh gãy được vu hồi phía tây, đoạt lại được khẩu trung liên FM 24. Đến 10 giờ thì ta đẩy được địch ra khỏi trận địa, diệt gần 100 tên địch, nhưng ta cũng bị tổn thất khá nặng.

1. Kế hoạch tổng động viên đề ra quá lớn. Chỉ tiêu phải đạt kế cả tiền và lúa là 300 triệu tín phiếu.

Đến trưa trình sát đi kiểm tra trận địa về báo cáo cho Ban Chỉ huy Đại đội 214, nhưng do sơ xuất nên khi đổ đồng vò đạn trong đó có đạn AT đã gây nổ, đồng chí Trung đội trưởng và cả tổ trình sát hy sinh, Đại đội trưởng Lê Quan Dự, Chính trị viên Lê Văn Bé bị thương nặng. Liên Trung đoàn phải điều các đồng chí Tạ Việt Quý, Nguyễn Thanh Thuần, Nguyễn Văn Lộc về thay chỉ huy Đại đội 214.

Địch bị thiệt hại nặng nên không dám đi lùng rùng, càn quét đánh phá, nhờ đó ta vẫn tiến hành công tác chuẩn bị thuận lợi và đợt hoạt động được mở ra đúng kế hoạch.

Để đẩy mạnh tác chiến tập trung hơn nữa, ngày 25-6-1950, Trung đoàn 812 được bố trí lại, đồng chí Nguyễn Chí Diễm làm Trung đoàn trưởng, Nguyễn Linh làm Chính ủy. Trung đoàn có 2 tiểu đoàn tập trung, 4 đại đội độc lập, 2 đội cảm tử phụ trách 2 thị xã Phan Thiết, Phan Rang-Tháp Chàm, 10 đội vũ trang tuyên truyền đặc trách 4 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng.

Mở đầu đợt hoạt động, ngày 25-7-1950, ta tấn công đồn Quân vụ Duồng.

Duồng là một vùng nằm sát biển, có khoảng 2.500 dân, địch đóng 2 đồn và 10 tháp canh xung quanh, có khoảng 1 đại đội chiếm giữ. Địch đồn dân lập khu tập trung và kiểm soát chặt chẽ.

Tối 24, ta đưa 13 chiến sĩ do Trung đội trưởng xung kích Trần Bích Cam chỉ huy vào ẩn nấp trong một gia

đình cơ sở ở xóm Thanh Lương. Sáng hôm sau các chiến sĩ cải trang, đóng giả phụ nữ đi chợ, quấy gánh trên để trái cây dưới giấu vũ khí. Đến trước cổng đồn, các chiến sĩ nhanh chóng diệt tên lính gác và xông thẳng vào đồn, quân địch hoàn toàn bất ngờ. Chưa đầy 20 phút ta đã làm chủ hoàn toàn, diệt và bắt sống gần 2 trung đội (hơn 30 tên chết, 10 tên bị bắt) thu trên 30 súng các loại và rất nhiều đạn dược, quân trang, quân dụng.

Sau hơn 4 năm địch chiếm vùng này, đây là trận kỳ tập diệt gọn một đồn ở bắc Bình Thuận và cũng là trận xuất sắc thứ hai sau trận Lầu Ông Hoàng.

Quân địch chưa kịp hoàn hồn thì ngày 28-7-1950, dưới sự chỉ huy của Đại đội trưởng Nguyễn Cang, Đại đội A đã tiêu diệt hoàn toàn đồn Bang Tá Duồng bằng cường tập, bắt và diệt gọn 1 trung đội, thu toàn bộ vũ khí và đạn dược. Đoàn xe cứu viện bị lực lượng chặn viện diệt 1 xe thiết giáp và tiêu diệt một số tên, buộc chúng rút lui. Toàn bộ khu đồn Duồng chỉ trong vòng 4 ngày đã bị quét sạch. Nhạc sĩ Minh Quốc đã sáng tác kịp thời bài hát “Nghe chiến công Duồng” ca ngợi chiến thắng, bài hát có đoạn:

“...Còn đang say sưa nghe vui chiến công thì lại nghe vang chiến công, chiến công đồn Duồng...”

Chiến công đồn Duồng được kịp thời truyền đi khắp chiến trường, bộ đội và nhân dân rất phấn khởi. Những hoạt động trừ gian, diệt tề, đột kích, quấy rối phá hoại giao thông địch diễn ra khắp nơi trong tỉnh.

Ngày 25-8, ta phục kích trên đường Sông Lòng Sông-

Long Hương thu 1 xe và bắt 1 tên Pháp. Phối hợp với hoạt động ở Duồng, tháng 8-1950, Cẩm tử đội dùng FT1 đánh sập lô cốt Kiểm Lâm và lô cốt Lò Heo, diệt một số địch đi tuần trên đường Côn Cỏ-Đức Nghĩa thị xã Phan Thiết.

Khi Chiến dịch Hà bắc Bình Thuận mở ra, địch tập trung đánh phá mạnh khu Tam Giác, ta kết thúc đợt hoạt động ở bắc Bình Thuận, giao lại cho Đại đội 214 và các lực lượng địa phương tiếp tục hoạt động nhỏ gây cơ sở, xây dựng phong trào. Tiểu đoàn 86 rút về Hàm Thuận tiếp tục đánh địch, chống càn quét. Trong hoạt động Thu, Tiểu đoàn phối hợp với lực lượng địa phương diệt đồn Xóm Lụa, phá hệ thống tháp canh ở vùng này và một số tháp canh trên đường 8. Điển hình là trận một đơn vị của Tiểu đoàn 86 chặn đánh địch càn vào Xóm Mía (Tam Giác). Bọn địch phải chúi đầu vào bờ ruộng bậc thang để tránh tầm đạn của ta. Các chiến sĩ ta đưa súng máy lên nóc nhà ngói bắn găm xuống, tiêu diệt một số, bọn còn lại tháo chạy, ta tiếp tục truy kích diệt thêm một số tên nữa. Địch phải bỏ lại nhiều xác chết. Nhân dân Tam Giác vui mừng, khen ngợi bộ đội dũng cảm đánh hay.

Đợt hoạt động tập trung Hà năm 1950, ta diệt 3 đồn, 20 tháp canh, bắt và diệt hơn 100 tên địch, thu gần 100 súng các loại. Dân quân du kích, bộ đội địa phương diệt 4 tháp canh, 102 tên địch, bắn bị thương gần 100 tên khác. Thu 17 súng trường, 1 cối 60 ly, 15 xe, bắt và diệt gần 100 tên địch, phá sập 2 nhà máy nước, 1 nhà máy điện, 1 xe thiết giáp và 1 kho lúa 2000

già, phá 3 km đường ray, cào đá trên 47 km đường xe lửa, phá sập 46 cầu, đánh lật nhào 5 toa xe. Trên quốc lộ 1, đào đắp 4 ụ trên 17.000m³ đất, rào rập 9km đường. Ngoài ra, dân quân còn tham gia vận chuyển phục vụ hoạt động Hè, bảo vệ mùa màng... hơn 60.000 ngày công.

Kết quả đạt được tuy chưa cao nhưng có các trận đánh gọn, đạt hiệu xuất chiến đấu tốt, gây được ảnh hưởng chính trị, thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động khác, gây cho địch nhiều thiệt hại, góp phần thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở ở bắc Bình Thuận và làm chậm kế hoạch lấn chiếm của địch ở Hàm Thuận. Tuy nhiên, tổ chức hoạt động Hè còn quy mô về hình thức, còn nặng về hoạt động quân sự, chưa chú ý đúng mức về xây dựng cơ sở chính trị. Phương thức hoạt động còn ô ạt, nặng bề nổi, chưa đi vào bề sâu. Tổng động viên nhân tài vật lực không phù hợp với khả năng của chiến trường, làm hao tổn nhiều lực lượng dự trữ lâu dài cho kháng chiến.

Bình Thuận đã huy động trên 1.000 dân công để vận chuyển lương thực, thực phẩm, thuốc men cho đợt hoạt động trên suốt quãng đường rừng núi dài hơn 100 km, nên bị ốm đau nhiều, có lúc bị địch đánh phá, thương vong.

Tình hình chuẩn bị gặp nhiều khó khăn, nhất là lương thực và nắm tình hình địch ở trọng điểm, đến tháng 3-1951, ta mở đầu đợt hoạt động đông-xuân đánh vào đồn Phú Quý, Ninh Thuận nhưng trận đánh không diệt gọn, ta chỉ chiếm phần lớn, diệt 2/3 đại đội địch, thu 1 súng cối 60 ly, 3 trung liên, một số tiểu liên và

súng trường, giải thoát được 70 người bị bắt giam. Sau đó, đánh tiếp đồn Mộng Đức, diệt và bắt sống toàn bộ 30 tên địch, thu 40 súng các loại¹.

Bình Thuận đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, tích cực đánh địch càn quét, dồn dân, đột nhập vào vùng tạm bị chiếm đánh tiêu hao sinh lực địch, quấy rối, diệt tề, trừ gian và xây dựng cơ sở.

Từ tháng 10 đến tháng 12-1950, quân dân du kích, bộ đội địa phương phối hợp với bộ đội chủ lực đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, diệt và bắt sống hàng trăm tên địch và bọn Việt gian, đốt phá 6 tháp canh, 1 xe quân sự, 1 nhà máy nước. Một số trận đánh tốt, diệt nhiều địch như trận Xóm Mía ngày 7-10-1950, diệt và làm bị thương và bắt hơn 60 tên địch. Trận Dân Thạnh ngày 29-10-1950, diệt hơn 70 tên địch, thu một số súng và một máy vô tuyến điện.

Trong thời gian này có nhiều tấm gương hy sinh dũng cảm như đồng chí Nguyễn Diu, một chiến sĩ người Chăm ở thôn Mai Lãnh, xã Phan Thanh, Phan Lý. Nguyễn Diu cùng tiểu đội đang trên đường đi công tác thì bị địch phục kích ở sông Khiêng. Anh đã bình tĩnh một mình ở lại chặn địch để cho đồng đội rút lui an toàn. Anh chiến đấu cho đến khi hết đạn và hy sinh.

Đồng chí Nguyễn Tập, một chiến sĩ trẻ người Chăm ở thôn Tịnh Mỹ, xã Phan Thanh, trên đường đi công tác

1. Trong trận Phú Quý và 2 trận Mộng Đức ta hy sinh 5 đồng chí, bị thương nhẹ 6 đồng chí.

thì bị địch phục bắt ở gần bót ở Cầu Trại đường 8. Địch dụ dỗ, tra tấn rất dã man nhưng đồng chí không hề khuất phục. Đồng chí hy sinh khi vừa tròn 18 tuổi.

Từ đầu năm 1950, địch cũng ráo riết dồn hàng ngàn dân ở các xã Thanh Hòa, Mỹ Hòa, Bình Hòa về khu tập trung Đồng Kho-Tánh Linh. Phối hợp với hoạt động đông-xuân, Huyện ủy chỉ đạo phá khu tập trung Đồng Kho, kết quả đã giành lại được hết số dân bị dồn và đưa về đất cũ sản xuất sinh sống.

Địch càn quét La Gàn, Cát Bay, đánh phá việc tiếp tế của ta cho chiến trường Ninh Thuận. Ngày 19-1-1951, địch đưa 2 tiểu đoàn bao vây La Gàn, dùng mìn, lựu đạn đánh phá hầm và chặn các cửa lên xuống. Lúc này dưới đường hầm có một số dân công, cán bộ và chiến sĩ ốm đau đang điều trị. Tuy cuộc chiến đấu không cân sức, nhưng các đồng chí ta đã tích cực chống trả và mở được một số ngách thoát ra. Ta hy sinh và bị bắt hơn 30 người. Sáng 20-1, địch lại tiếp tục càn quét bao vây vùng Long Thạnh, Gộp ra đến Cát Bay (đồng bào ở đây chủ yếu là người La Gàn).

Từ sáng, sớm cả bảy quý dữ xông vào đồng bào ta và thẳng tay bắn giết, chặt đầu, mổ bụng, hãm hiếp phụ nữ, số còn lại chúng lừa vào nhà rồi thiêu sống. Nhiều trẻ em bị chúng nắm hai chân xé đôi rồi quẳng vào lửa... Chúng đã giết 170 người và làm bị thương nhiều người có nhà chết cả 16 người. Chúng đốt hơn 200 căn nhà, giết hàng trăm trâu bò và bắt tất cả đồng bào còn lại về Long Hương. Đây là trận tàn sát thứ 3 và cũng là trận tàn sát lớn nhất, dã man nhất của địch ở cực Nam

Trung Bộ. Nó biểu hiện đầy đủ nhất thú tính của bọn thực dân xâm lược.

Trong đau thương tan tóc, trong vòng vây của quân giặc, với lòng căm thù chông chất, nhân dân La Gàn càng tích cực tham gia kháng chiến, tiếp tục đưa con em mình đi cứu nước. Mảnh đất La Gàn vẫn là nơi đứng chân, là bàn đạp để ta hoạt động và nhân dân La Gàn vẫn tìm mọi cách để tiếp tế cho cán bộ, bộ đội suốt cuộc kháng chiến. La Gàn xứng đáng là vùng đất anh hùng, kiên cường, bất khuất, mãi mãi là niềm tự hào của chúng ta.

Tính chung trong đợt hoạt động đông-xuân 1950 – 1951, Bình Thuận đã đánh hàng trăm trận diệt 114 tên, làm bị thương 97 tên và bắt sống 36 tên (không kể số Việt gian, tề điệp bị bắt, bị diệt), thu một trung liên, 3 tiểu liên, 30 súng bắn AT, 25 súng trường. Huy động hàng chục ngàn ngày công để phục vụ chiến trường. Trong bảo vệ mùa màng, Hàm Thuận đã đóng góp 48.186 công (3.000 công của cán bộ), thu hoạch được 3.285 xe lúa. Đợt tổng động viên thứ 2 Bình Thuận đã đạt và vượt mức 20% chỉ tiêu về tiền và thóc¹.

Công tác xây dựng và củng cố cơ sở trong vùng địch tạm chiếm được tiến hành chu đáo và thận trọng. Khoảng 5.000 cơ sở được chỉnh đốn lại, tuy số lượng không tăng nhưng chất lượng khá. Ba tháng đầu năm 1951, một số cơ sở gặp khó khăn, tiếp tục giảm xuống nhưng bộ đội địa

1. Theo bản kiểm điểm hoạt động đông - xuân của Tỉnh ủy Bình Thuận, huy động cho tất cả các mặt là 398.569 công. Tư liệu về tình hình tổng phân công ở cực Nam Trung Bộ thì huy động được 150.000 công.

phương và dân quân du kích phát triển mạnh. Các huyện đều có 1 trung đội đến 1 đại đội quân số đầy đủ. Dân quân các vùng tự do phát triển rộng rãi, du kích tập trung hoặc nửa thoát ly các xã đều có từ 1 đến 2 tiểu đội. Trong các vùng tạm chiếm, ta cũng phát triển được dân quân và du kích mật tương đối tốt, nơi nào khó khăn nhất cũng có vài ba tổ hoạt động. Tỉnh cũng có những cố gắng trang bị cho dân quân, du kích khá hơn trước.

Trong năm 1950, công tác Đảng phát triển mạnh, tất cả các xã, phường đều có chi bộ với số lượng đảng viên khá đông. Các vùng tạm bị chiếm đều có cơ sở đảng. Đến cuối năm 1950, Đảng bộ tỉnh đã có hơn 9.000 đảng viên, tăng gấp 8 lần so với năm 1949. Nhưng trong công tác phát triển còn nhiều thiếu sót, thiếu thận trọng, làm bừa bãi, chất lượng kém gây nhiều ảnh hưởng không tốt cho những năm sau.

Để phối hợp với chiến trường Ninh Thuận, Bình Thuận đã có nhiều cố gắng vượt qua những quãng đường đấu tranh gian khổ, quyết liệt với quân thù để đứng vững và vươn lên trong cuộc kháng chiến lâu dài. Trước hết là sự thống nhất chỉ huy, chỉ đạo toàn chiến trường, chấn chỉnh, củng cố các lực lượng và phương pháp hoạt động theo quan điểm chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích. Tăng cường sự giúp đỡ lẫn nhau, phối hợp hoạt động ngày càng chặt chẽ. Việc xây dựng cơ sở quần chúng, xây dựng dân quân du kích có những tiến bộ đáng kể.

Bình Thuận tích cực đánh địch, nhất là chống càn quét, bảo vệ nhân dân, bao vây, uy hiếp, bức rút nhiều

đồn bót của địch, phá hệ thống tháp canh, giữ vững khu du kích Tam Giác. Đặc biệt là giải phóng Hàm Tân và nhanh chóng xây dựng thành khu căn cứ quan trọng của tỉnh cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trung đoàn 812 đã tích cực tiến công địch và đánh nhiều trận tốt, có hiệu suất chiến đấu cao, bồi dưỡng được sức mình. Phối hợp với các lực lượng địa phương chống càn quét, bao vây, uy hiếp, bức địch rút khỏi đồn, mở rộng vùng căn cứ, giữ vững khu du kích. Đánh mạnh vào các vùng tạm bị chiếm gây cho địch nhiều thiệt hại, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển cơ sở quần chúng, đồng thời nâng cao về trình độ tổ chức chỉ huy, công tác bảo đảm hậu cần, công tác Đảng, công tác chính trị cho đơn vị.

Công tác Đảng trong các lực lượng vũ trang có tiến bộ khá. Các cấp ủy, các chi bộ, đi đôi với việc phát triển Đảng, chất lượng cũng được nâng lên, thể hiện sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất và tập trung, nhất là lãnh đạo chiến đấu.

Đảng bộ Bình Thuận đã tiếp thu được sự chỉ đạo chặt chẽ của Liên khu 5, Ban cán sự cực Nam Trung Bộ và những ý kiến chỉ đạo, những kinh nghiệm của đoàn cán bộ đi qua chiến trường¹. Bản thân các đảng bộ với tinh thần tự lực, tự cường, xây dựng, phát triển và củng cố, tăng cường sức chiến đấu của Đảng để lãnh đạo

1. Tháng 4-1949, đoàn cán bộ của Trung ương Đảng có đồng chí Lê Đức Thọ, Lê Hiến Mai trên đường vào Nam Bộ đã ghé qua Bình Thuận và giúp nhiều ý kiến chỉ đạo và những kinh nghiệm quý báu.

chiến tranh, lãnh đạo quân sự. Đó là những yếu tố cơ bản nhất trong thời gian qua, nhất là trong đợt hoạt động tập trung mang tính chất chiến dịch tổng hợp Hè năm 1950 và đông-xuân 1950 – 1951, đã gây cho địch nhiều tổn thất đáng kể, đồng thời cũng tạo được những thuận lợi nhất định cho việc xây dựng, phát triển cơ sở quần chúng, củng cố phong trào chiến tranh du kích ở địa phương.

Tuy nhiên, thời gian này cũng bộc lộ những khuyết nhược điểm lớn, gây khó khăn và tổn thất cho ta. Việc mở đợt hoạt động tập trung ở Ninh Thuận không phù hợp với khả năng, đánh giá về địch chưa thật khách quan và chính xác. Trong chấp hành các chủ trương của trên còn chủ quan, nóng vội, máy móc, đã động viên quá mức về sức người, sức của, gây ảnh hưởng không tốt về chính trị và đời sống nhân dân, ảnh hưởng đến dự trữ và sức chiến đấu của cả chiến trường Bình Thuận.

Hoạt động còn nặng nề về quy mô hình thức, thiếu sự chủ động phối hợp với giữa các lực lượng, các ngành nên để địch dồn dân ở bắc Bình Thuận nhanh và tương đối dễ dàng, ta mất một phần khá lớn về nhân tài vật lực cho kháng chiến.

Việc xây dựng cơ sở chính trị trong vùng địch tạm chiếm chưa được chú trọng đúng mức do chưa thật sự quán triệt tư tưởng chiến tranh nhân dân, chưa chuyển biến mạnh, nặng về hoạt động quân sự, về lực lượng tập trung. Các tổ chức và phương thức hoạt động chưa phù hợp, nên chưa phát huy sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù.

Đảng bộ phát triển nhanh và mạnh, nhưng có nơi làm không kỹ, số lượng đông, chất lượng kém, hiệu lực lãnh đạo giảm sút. Một bộ phận đảng viên gặp khó khăn thì dao động, xa rời hàng ngũ.

Thêm vào đó, bộ máy các ngành phình ra quá to, hiệu suất công tác thấp, việc tiếp tế gặp nhiều khó khăn. Quan điểm, tác phong công tác còn biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh, cưỡng ép, làm giảm lòng tin và mất lòng dân gây ảnh hưởng không ít đến công tác vận động, tổ chức quần chúng.

Cuộc chiến tranh của nhân dân Bình Thuận còn nhiều khó khăn phức tạp, nhưng với kinh nghiệm đã tích lũy được, Đảng bộ kiên quyết khắc phục những thiếu sót vừa qua. Với tinh thần tự lực, tự cường, Đảng bộ Bình Thuận sẽ vượt qua mọi thử thách mới, đưa cuộc kháng chiến tiến lên.

Chương ba
**CHUYỂN MẠNH PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG
VÙNG TẠM BỊ CHIẾM, GIỮ VỮNG
KHU DU KÍCH HÀM THUẬN VÀ XÂY DỰNG
KHU CĂN CỨ LÊ HỒNG PHONG
(1951-1952)**

**I. Chuyển mạnh hoạt động vùng tạm chiếm,
khôi phục và phát triển cơ sở**

Sau khi thất bại nặng nề trong Chiến dịch biên giới 1950, cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ngày càng bộc lộ sự bế tắc về chính trị, quân sự. Nhưng với bản chất ngoan cố, lại được đế quốc Mỹ tiếp sức, thực dân Pháp vẫn tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh, hòng giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất. Chính phủ Plêven quyết định:

- Tăng viện cho Đông Dương đến mức tối đa¹.

- Lấy Việt Bắc làm chiến trường chính, rút quân về phòng ngự chiến lược, cố giữ những khu vực còn lại nhất là vùng “đồng bằng có ích” làm bàn đạp để phản công đánh chiếm toàn bộ Việt Nam.

- Không thể không nhận viện trợ của Mỹ, nhưng cố

1. Tăng bằng 1/3 quân số và 35% tổng số sĩ quan của nước Pháp. Ngân sách chiến tranh tăng gấp đôi.

gắng ngăn chặn ảnh hưởng của Mỹ.

Ngày 6-12-1950, Chính phủ Pháp đã cử viên tướng năm sao Đờ Lát Đờ Tátxinhi¹ sang làm Tổng chỉ huy kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương. Đờ Lát Đờ Tátxinhi đã đề ra kế hoạch chiến lược gồm 4 điểm:

1. Gấp rút tập trung quân Âu-Phi tinh nhuệ, xây dựng thành một lực lượng cơ động chiến lược mạnh, đồng thời phát triển ngụy quân với quy mô lớn, xây dựng thành “Quân đội quốc gia” để bổ sung và hỗ trợ cho quân đội viễn chinh.

2. Xây dựng phòng tuyến boongke, thiết lập vành đai trắng bao quanh trung du và đồng bằng Bắc Bộ để đối phó với chủ lực của ta, xâm nhập và ngăn chặn nhân lực, vật lực từ vùng chiếm đóng đưa ra ngoài.

3. Tiến hành chiến tranh tổng lực, bình định vùng đã chiếm và đánh phá vùng du kích, huy động sức người, sức của, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, chuẩn bị phản công.

4. Đánh phá hậu phương của Việt Minh bằng nhiều mặt: biệt kích, thổ phỉ, gián điệp, không quân oanh tạc, chiến tranh tâm lý, bao vây phá hoại kinh tế...

Thực dân Pháp đã nhanh chóng xây dựng các binh đoàn cơ động, ra sức phát triển ngụy quân. Đồng thời xây dựng phòng tuyến Đờ Lát từ Hồng Gai, Đông Triều qua Bắc Giang, Bắc Ninh, Vĩnh Yên sang Sơn Tây rồi

1. De Lattre de Tassigny – Tư lệnh lực lượng quân khối Tây Âu.

ngoặt xuống Ninh Bình. Thực hiện chiến tranh tổng lực, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, tiến hành những cuộc hành quân bình định với quy mô ngày càng lớn nhằm tàn sát nhân dân, triệt phá kinh tế và bắt thanh niên đi lính.

Với những âm mưu và hành động dã man đó tuy có gây cho ta những khó khăn, nhưng chủ trương chiến lược của Đờ Lát cũng không cứu vãn nổi tình hình suy sụp của đội quân viễn chinh Pháp.

Ở miền Nam Trung Bộ (Liên khu 5), quân Pháp ráo riết bắt lính, phát triển mạnh ngụy quân, tổ chức "Việt binh đoàn", rút bớt quân Âu-Phi đưa ra chiến trường Bắc Bộ, một số nơi giao quyền chỉ huy và hành chính lại cho bọn ngụy.

Tháng 3-1951, Pháp tách riêng Tây Nguyên thành lập Quân khu tự trị trực thuộc Bộ Tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp, tổ chức Sư đoàn 4 miền núi, thành lập Mặt trận liên kết vùng cao nguyên (U.L.P)¹. Chúng còn tổ chức nhiều toán vũ trang Tây Nguyên và vùng núi giáp ranh các tỉnh ven biển, nuôi dưỡng loạn quân dân tộc Rê ở tây Quảng Ngãi.

Trong các vùng bị tạm chiếm, chúng phát triển hệ thống tháp canh, rào làng vây chặt các khu tập trung, đánh phá cơ sở bên trong, ngăn chặn bên ngoài, phong tỏa tiếp tế nhằm đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi thôn, xóm. Chúng tổ chức ngụy đoàn thể, phát triển

1. U.L.P Union Législative des hauts plateaux (Mặt trận liên kết vùng cao nguyên).

mạnh các tôn giáo, ra sức chiêu an, chiêu hồi để lừa bịp dân chúng, mặt khác dùng mọi thủ đoạn để vơ vét bóc lột nhân dân. Vùng du kích và căn cứ, chúng mở nhiều cuộc càn quét, biệt kích, phá hoại mùa màng, bắn giết trâu bò, cướp thóc gạo, lừa dân vào các khu tập trung. Vùng tự do liên khu 5, chúng tìm mọi cách bao vây, phong tỏa về nhiều mặt, nhất là phá hoại kinh tế, các công trình thủy lợi quan trọng như đập nước Đồng Cam. Hành quân càn quét đánh phá miền Tây Quảng Ngãi, uy hiếp mạnh vùng tự do.

Sau chiến thắng biên giới, Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương nhanh chóng chấn chỉnh bộ đội, tranh thủ mở nhiều chiến dịch nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giữ vững quyền chủ động chiến lược trên chiến trường Bắc Bộ phá kế hoạch củng cố lực lượng, rút về phòng ngự và bình định của địch phát triển du kích chiến tranh trên cả nước.

Thực hiện các chủ trương trên, từ đầu năm 1951, ta liên tiếp mở nhiều chiến dịch lớn như: Chiến dịch Trần Hưng Đạo (trung du), Chiến dịch Hoàng Hoa Thám (đường 18), Chiến dịch Lý Thường Kiệt (Nghĩa Lộ), Chiến dịch Tây Bắc... Qua các chiến dịch, ta thu được nhiều thắng lợi, lực lượng của ta ngày càng phát triển và lớn mạnh, hậu phương càng được củng cố vững chắc.

Cùng với chiến trường Bắc Bộ, các chiến trường Bình Trị Thiên, Liên khu 5 và Nam Bộ cũng ngày càng tiến bộ. Ta đã củng cố và phát triển cơ sở, phát triển du kích chiến tranh trong nhiều vùng bị tạm chiếm, có nơi ta thu hẹp vùng kiểm soát của địch và mở rộng vùng du

kích của ta. Chống trả nhiều cuộc càn quét có hiệu quả và mở nhiều đợt hoạt động đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của chúng. Các vùng tự do rộng lớn, các căn cứ đều được giữ vững và đã cung ứng nhiều sức người, sức của cho kháng chiến.

Ngày 11-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng khai mạc. Đây là một sự kiện đặc biệt quan trọng có ý nghĩa lịch sử. Một lần nữa Đại hội khẳng định: “Cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân. Đặc điểm của nó là toàn dân, toàn diện, trường kỳ”.

Để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi, phải nắm vững phương châm chiến lược của chiến tranh nhân dân là:

- Các mặt công tác chính trị, kinh tế, văn hóa đều nhằm mục đích làm cho quân sự thắng lợi. Đồng thời đấu tranh quân sự phải kết hợp đấu tranh chính trị, kinh tế...

- Phối hợp việc tác chiến trước mắt với việc xây dựng lực lượng đánh du kích sau lưng địch lâu dài.

Đại hội đã khẳng định và phát triển hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, đường lối toàn dân kháng chiến của Đảng.

Để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II, từ ngày 16-7 đến ngày 02-8-1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 5 họp, nghiên cứu và thảo luận báo cáo “Về rèn luyện tư tưởng

đảm bảo cho nhiệm vụ sắp tới” do đồng chí Nguyễn Duy Trinh trình bày và báo cáo “Gắn chặt với quần chúng để củng cố Đảng” do đồng chí Bùi San trình bày.

Đại hội đã tập trung thảo luận vấn đề nâng cao giác ngộ giai cấp, nâng cao lập trường chính trị và khẳng định phải đặt việc “rèn luyện tư tưởng (tư tưởng chiến tranh nhân dân, quan điểm quần chúng và tư tưởng trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh), thành nhiệm vụ máu chốt để bảo đảm cho toàn bộ công tác sắp đến và trở thành trọng tâm để củng cố Đảng”.

Đại hội khẳng định: “Nhiệm vụ quan trọng số một là vấn đề mở rộng và xây dựng cơ sở địch hậu, phá chính sách “bình định”, phá âm mưu củng cố Tây Nguyên của địch và đề ra 6 nhiệm vụ bao quát:

1. Tích cực tranh thủ nhân dân vùng địch hậu. Chú trọng kiên trì xây dựng cơ sở, giáo dục nhân dân, nuôi dưỡng lực lượng, tạo điều kiện phát triển du kích chiến tranh, phá hoại chính sách “bình định” của địch.

2. Ra sức phát triển du kích chiến tranh, đồng thời học tập đánh vận động trong điều kiện thuận lợi ở các vùng ta đã nắm được dân.

3. Ra sức xây dựng, bảo vệ căn cứ địa (kể cả căn cứ địa ở vùng tự do và vùng bị chiếm), đồng thời tổng động viên nhân tài, vật lực phục vụ tiền tuyến.

4. Phát triển kinh tế, chú trọng sản xuất và bảo vệ sản xuất lương thực, đồng thời nắm vững chính sách tài chính để đảm bảo cung cấp cho kháng chiến và cải thiện

dân sinh.

5. Củng cố khối đoàn kết toàn dân, xây dựng các ngành quân dân chính; biên chế lại tổ chức và sửa đổi lề lối làm việc cho thích hợp.

6. Ra sức rèn luyện tư tưởng cho toàn thể đảng viên và cán bộ đúng với tư tưởng nhân dân và lập trường cách mạng của Đảng, xây dựng Đảng bộ mạnh, thuần khiết, gắn chặt với quần chúng.

Quán triệt và vận dụng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ Liên khu 5, từ ngày 5 đến ngày 10-9-1951, Ban cán sự cục Nam Trung Bộ đã họp với các Tỉnh ủy để kiểm điểm tình hình và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong đông-xuân 1951-1952:

1. Tích cực xây dựng Lâm Đồng, xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của Ban cán sự. Trung đoàn 812 và các tỉnh Ninh Thuận-Bình Thuận có nhiệm vụ đóng góp, san sẻ cán bộ để xây dựng bàn đạp tiến lên.

2. Ra sức chống địch đồn dân, tăng cường cơ sở địch hậu, kịp thời xây dựng Bình Thuận thành căn cứ địa cục Nam Trung Bộ.

3. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bảo vệ mùa màng và tiết kiệm để thực hiện tiếp tế tại chỗ.

4. Đề cao Mặt trận dân tộc thống nhất, đề cao công tác dân vận.

5. Xây dựng chính quyền nhân dân, đặc biệt là chính

quyền ở địch hậu và thượng du.

6. Ra sức củng cố Đảng¹.

Từ tháng 8-1952, Đảng bộ Bình Thuận tiến hành họp Đại hội để kiểm điểm tình hình và đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung và từng mặt công tác. Đặc biệt, Đại hội đã nhấn mạnh vấn đề củng cố tổ chức Đảng, giáo dục đảng viên, cán bộ về phẩm chất đạo đức, tăng cường lãnh đạo quân sự và chiến tranh. Làm chuyển biến tình hình mọi mặt, tạo tiền đề cho việc phát triển, giành thắng lợi trong các năm sau.

Từ khi có chủ trương của Ban cán sự cực Nam Trung Bộ, phương hướng nhiệm vụ công tác của các Tỉnh ủy, tình hình chiến trường Bình Thuận có những chuyển biến quan trọng, nhất là đã chuyển mạnh về nhận thức, quan điểm và phương thức xây dựng cơ sở, kiên quyết giữ vững và phát triển cơ sở quần chúng trong các vùng tạm bị chiếm. Tích cực chống càn quét dồn dân, giữ vững các vùng du kích, xây dựng các khu căn cứ, tạo chân đứng thật vững chắc cho cuộc kháng chiến. Tác chiến gắn chặt với xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng, tìm sơ hở của địch để tiến công tiêu diệt địch, bồi dưỡng lực lượng ta. Tổ chức học tập cách đánh đặc công để tạo cách đánh mới có hiệu quả cao. Cùng với các hoạt động, ta cũng đã kiên quyết tổ chức lại các lực lượng, giảm nhẹ biên chế, tăng cường cán bộ cho cơ sở và bố trí trên các địa bàn phù

1. Biên bản Hội nghị kiểm điểm chủ trương công tác của Ban cán sự cực Nam Trung Bộ và các Tỉnh ủy (từ ngày 5 đến ngày 10-9-1951). Lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Lâm Đồng.

hợp với yêu cầu từng nơi, đảm bảo sức tiến công và tiến công liên tục.

Ở Bình Thuận, trong các vùng tạm bị chiếm, địch tăng cường bộ máy kìm kẹp ở thôn, xóm, liên tục hành quân càn quét, “bình định”, truy tróc cơ sở ta. Vùng Tuy Phong, chúng cố sức dồn hết số dân còn lại vào các khu tập trung ở phía nam, vùng Hàm Thuận và vùng Phan Thiết chúng đang tranh chấp quyết liệt, cố phá các khu du kích và vùng ven căn cứ. Chúng cố tạo ra một không khí chiến tranh chết chóc bên ngoài và một không khí thái bình bên trong để lừa mị dân chúng.

Qua nhiều năm thực hiện chính sách đoàn kết toàn dân của Đảng ở Bình Thuận, tuy cũng còn có những thiếu sót nhưng về cơ bản, nhiều mặt làm tốt, có ảnh hưởng quan trọng đến đời sống nhân dân. Nhân dân Bình Thuận đã có điều kiện tiếp xúc với cách mạng lâu dài, mặt khác do nhu cầu của nhân dân hai vùng trong việc đi lại trao đổi mua bán và một phần do địa hình, nên địch không thể nào ngăn chặn được sự phát triển của phong trào cách mạng. Tuy phong trào còn nhiều khó khăn, nhưng nhờ sự nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ Bình Thuận, phong trào vẫn từng bước tiến lên.

Trong thời gian lực lượng chủ lực ra hoạt động ở Ninh Thuận, địch tập trung đánh mạnh ở Hàm Thuận và một số nơi ven căn cứ Lê Hồng Phong, đồng thời chúng ra sức củng cố vùng tạm chiếm.

Khi ta đưa Đại đội 214 ở bắc Bình Thuận tăng cường cho Ninh Thuận, Trung đoàn 812 điều Đại đội Cẩm tử

ra phụ trách phía bắc, lấy phiên hiệu là Đại đội 216¹.

Do chưa quen chiến trường, Đại đội 216 hoạt động kém hiệu quả, nhân đó địch siết chặt các vùng tạm chiếm thêm bước nữa. Phong trào các vùng phía bắc tỉnh có lúc lắng xuống, vùng du kích bị đánh phá và dồn mất dân, vùng tạm bị chiếm mất nhiều cơ sở, có nơi ta không vào được.

Tháng 3-1951, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng đề ra các chủ trương để giải quyết, nhiều cán bộ được đưa về xã để hoạt động. Tỉnh ủy quyết định sáp nhập ba huyện: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý thành một huyện lấy tên là huyện Bắc Bình. Ở Phan Thiết thành lập thêm hai xã Tiến Thành, Tiến Lợi để làm bàn đạp cho việc hoạt động.

Tháng 4-1951, Hội nghị Tỉnh ủy đề ra chủ trương kiên trì vận động quần chúng với phương châm “dân vận trước hết” để tiến vào địch hậu. Toàn tỉnh thực hiện theo phương thức vũ trang tuyên truyền.

Nhiều nơi cán bộ tìm cách bắt liên lạc với cơ sở cũ, rồi vào nằm trong vùng địch từng thời gian để hoạt động. Kết hợp với xây dựng cơ sở, ta đột nhập vào vùng địch để trừ gian, diệt tề, phục kích đánh bọn đi tuần tiểu. Bên ngoài, ta tích cực chống địch càn quét, đánh địch bảo vệ mùa màng, bảo vệ bàn đạp để tiến công tiêu diệt địch. Nhiều trận đánh tốt như trận chống càn ở Bá

1. Đại đội Cẩm tử hoạt động ở thị xã Phan Thiết điều ra phía bắc thay cho Đại đội 214. Ở Phan Thiết thành lập một đại đội bộ đội địa phương thay nhiệm vụ của Cẩm tử đội.

Ghe, trận phục kích ở Hàm Thuận diệt 20 tên, trận đột nhập vào Bình Lâm giữa ban ngày bắt tên Bang Tá...

Tình hình cơ sở các vùng tạm chiếm dần dần được khôi phục. Tính đến cuối năm 1951, Bắc Bình có khoảng 4.000 cơ sở, chiếm 10% dân số. Cơ sở và phong trào đấu tranh khá nhất là ở Phan Rí Cửa (tức xã Bình Phong)¹. Trên 50% số dân có tổ chức, có 100 dân quân nòng cốt và 13 du kích mật. Cơ sở đã trải qua nhiều thử thách, các tổ chức đều có sinh hoạt, có cán bộ dự bị thay thế, dân quân nòng cốt làm nhiệm vụ canh gác, nắm tình hình, phục vụ liên lạc, du kích mật hoạt động đều và có thể tác chiến được. Ta còn đưa cán bộ bên ngoài vào nằm trong dân để chỉ đạo, do đó phong trào đấu tranh của quần chúng được giữ vững. Nhiều cuộc đấu tranh của đồng bào Phan Rí Cửa, Hòa Đa chống địch cướp cá, chống bắt lính, kéo dài thời gian làm giấy cư trú... đều giành được thắng lợi.

Một số người ở vùng tự do, không chịu đựng được gian khổ đã bỏ chạy về Phan Rí Cửa làm ăn, chịu ảnh hưởng của phong trào quần chúng đấu tranh chống địch, nên khi bị bắt vào lính, anh em rất hối hận. Họ đã tự động dùng lựu đạn giết chết hai tên Bùi Xuân Diễm và Lê Bá (Đại đội trưởng, Đại đội phó) khi chúng đưa quân đi càn quét đánh phá các vùng căn cứ du kích. Một tháng sau anh em lại trừng trị tên Nguyễn Văn Miên (Trung đội trưởng), một tên phản bội đầu hàng rất nguy hiểm. Anh em còn giết tên Đại đội trưởng Chăm gian

1. Sau khi sáp nhập thành huyện Bắc Bình, các xã của Hòa Đa, Tuy Phong đều thay tên mới lấy chữ Bình đứng đầu.

ác và tên Trưởng sở công an Nha Trang, thu 1 súng lục tặng cho Ủy ban xã Bình Phong.

Ở Hàm Thuận và thị xã Phan Thiết, ta tiếp tục củng cố và phát triển cơ sở trong các vùng tạm bị chiếm. Tại thị xã Phan Thiết, ta đã củng cố lại được 700 người, có gần 80 du kích mật. Hàm Thuận có 3.500 cơ sở, các vùng Phú Hội, Mương Mán có phong trào khá; vùng Kim Ngọc, Phú Long nhân dân rất tốt, ta thường xuyên liên lạc nhưng công tác tổ chức còn kém. Công đoàn Phú Hải đấu tranh chống làm xấu, buộc địch chấp nhận 3 ngày thay cho 15 ngày trong tháng. Hàm Hộ đấu tranh đòi hạ mức thuế và không chịu nộp tiền cho địch. Nhân dân Phan Thiết còn đấu tranh không đi dự lễ “Gia Long phục quốc”, nhiều nơi tự động đấu tranh chống bắt lính, chống cướp bóc, hãm hiếp, đòi ra đồng làm ăn... và đã giành được thắng lợi. Phong trào đấu tranh của quần chúng có nhiều tiến bộ, đã thực sự chuyển biến về chất. Tính đến cuối năm 1951, toàn tỉnh Bình Thuận đã khôi phục gần 10.000 cơ sở trong các vùng tạm chiếm. Trong năm 1952, tình hình xây dựng cơ sở về mặt số lượng phát triển không đáng kể, nhưng chất lượng tiếp tục nâng cao. Nhiều nơi nhân dân chưa được tổ chức nhưng phần lớn đều hướng về kháng chiến, tích cực đấu tranh chống địch khủng bố, cướp bóc.

Công tác vùng tạm chiếm rất quan trọng, nhưng việc cấp bách nhất vẫn là tích cực chống càn quét, chống dồn dân, giữ vững khu du kích Hàm Thuận và các vùng căn cứ giải phóng.

Nhiều công sức phải dồn vào đó, do vậy có ảnh hưởng

nhất định đến việc chỉ đạo công tác vùng tạm bị chiếm.

Qua gần 2 năm thực hiện chuyển phương thức hoạt động vùng tạm bị chiếm, khôi phục và phát triển, cơ sở ở Bình Thuận đã có nhiều tiến bộ, chất lượng của cơ sở và phong trào đấu tranh của quần chúng có khá hơn, có thể nói ta đã đứng vững và tiếp tục đi lên.

Tuy vậy, cơ sở quần chúng chưa thật sâu rộng, phong trào đấu tranh chưa đều và mạnh, những khuyết điểm về tư tưởng và vận dụng chính sách của Đảng cũng như phương thức hoạt động còn nhiều vấn đề phải tiếp tục giải quyết mới có thể đưa cơ sở và phong trào đấu tranh của quần chúng lên mạnh hơn, đáp ứng yêu cầu tình hình mới trong thời gian tới.

II. Xây dựng khu căn cứ Lê Hồng Phong

Với một nửa dân số của tỉnh và vùng căn cứ du kích là nguồn nhân tài vật lực hết sức quan trọng không chỉ cho Bình Thuận mà cả cực Nam Trung Bộ. Nếu mất vùng này ta sẽ vô cùng khó khăn. Trong âm mưu “bình định”, địch muốn xóa cho được vùng này, biến Bình Thuận thành vùng bị chiếm hoàn toàn để nắm thêm được nhiều người, nhiều cửa và rảnh tay đối phó với các chiến trường khác. Vùng du kích Hàm Thuận là một trong những nơi tập trung nhiều người, nhiều cửa, là nơi địch bị thiệt hại nhiều về quân số và vật chất, bị uy hiếp mạnh. Địch luôn luôn tìm mọi cách xóa cho được khu du kích Hàm Thuận để triệt phá nguồn tiếp tế của ta và giải tỏa áp lực đang đè nặng lên thị xã Phan Thiết. Do đó cuộc đấu tranh giữa ta và địch ở vùng du

kích Hàm Thuận hết sức căng thẳng và quyết liệt.

Để đối phó với tình hình, địch đưa Bình Thuận từ một phân khu lên phân khu tự trị, rồi Quân khu và chia Bình Thuận thành 2 phân khu Phan Thiết và Phan Rí. Tháng 6-1951, địch điều 3 đại đội lính Xênegan từ Nam Bộ ra và 600 lính Ma Rốc, Angiêri bại trận từ Bắc Bộ vào. Tháng 7, chúng rút 3 đại đội Xênegan và một tiểu đoàn Âu-Phi ra Bắc. Như vậy, lực lượng địch giảm 1.645 tên lê dương, quân ngụy tăng 1.373 tên. Đầu năm 1952, chúng đưa vào lại 1 tiểu đoàn Âu-Phi. Đến giữa năm 1952, lính Âu-Phi chiếm từ 20% đến 25% tổng số quân ở Bình Thuận.

Các cứ điểm ở Hàm Thuận đều do Pháp chỉ huy, những điểm ở xa và quan trọng thì chúng bố trí các sĩ quan Pháp có kinh nghiệm chiến đấu và chỉ huy chiến đấu như ở đồn Mũi Né, Sông Quao...

Quân ngụy có 3 tiểu đoàn, trong đó có 1 tiểu đoàn Việt binh đoàn. Nha Trang đưa vào 1 liên đội và 1 đại đội biệt kích, đưa tổng số quân ngụy ở Bình Thuận lên đến 4.000 tên.

Để kịp thời ứng chiến, đối phó với tình hình, chúng bố trí lại lực lượng. Quân khu và Phân khu đều có 1 đại đội cơ động, tiểu khu có 4 trung đội. Riêng Phan Thiết chúng bố trí 2 đại đội Âu-Phi làm nhiệm vụ bảo vệ trung tâm chỉ huy và cơ động đánh phá vùng căn cứ du kích Hàm Thuận.

Trong năm 1951, địch tăng thêm 65 tháp canh và 4 cứ điểm, riêng Hàm Thuận và Phan Thiết tăng 1 cứ

điểm và 42 tháp canh. Tính chung toàn tỉnh, đến cuối năm 1951 có 91 cứ điểm và 270 tháp canh. Tháng 10-1951, địch dồn hơn 1.000 dân và đóng tại tiểu khu Lương Sơn để trực tiếp đánh phá vùng căn cứ Lê Hồng Phong. Ngày 2-4-1952, chúng đóng đồn Xóm Bàu. Khoảng giữa năm 1952, chúng đóng đồn Bàu Gia để bao vây và đánh phá khu du kích Tam Giác (Hàm Thuận).

Cùng với việc bố trí lại lực lượng, xây dựng thêm đồn bót, tháp canh, địch ráo riết thực hiện âm mưu dồn dân. Từ tháng 1 đến tháng 4-1951, chúng cho 2 đại đội Âu-Phi cùng với quân ngụy càn quét, dồn hết dân về Long Hương và một số ở Đá Ghe, Lệ Nghi về Chợ Lầu, củng cố Hòa Đa, Tuy Phong, phía nam. Chúng dùng lực lượng ứng chiến của Quân khu và Phân khu ở Phan Thiết càn quét, đánh phá mạnh khu du kích Hàm Thuận với lực lượng từ 2 đại đội đến 1 tiểu đoàn. Phối hợp với bộ binh, địch dùng pháo ở Ma Lâm, Bình Lâm, Mương Mán, Căng Esépíc, Kim Ngọc ngày đêm bắn phá vùng Tam Giác. Sau những đợt càn quét quy mô lớn, chúng tăng cường biệt kích, có gián điệp hướng dẫn đột kích vào vùng du kích. Những đội mà chúng ta gọi là "Cảm tử" này dưới sự chỉ huy của Phòng nhì Pháp (Phú Long có 1 tiểu đội, Bình Lâm có 1 tiểu đội, Mương Mán có 2 tiểu đội, Phan Thiết có 1 trung đội). Chúng thực hiện các hoạt động biệt kích sâu vào một số vùng, tàn sát đồng bào ta một cách dã man, điển hình có tên Lu Y ở Phan Thiết, hấn giết người, cắt cổ, mổ bụng không hề run tay. Người người oán thù hấn, nhiều đơn vị tổ chức trừ khử nhưng chưa thành công. Trong thời gian khó khăn này, trong lực lượng dân quân và bộ đội ta có một

số đào ngũ, địch đưa vào các đội biệt kích hoạt động, chúng khai báo cơ sở làm cho nhân dân rất hoang mang.

Những tháng đầu năm 1952, địch tiếp tục dồn dân, nhưng không làm ào ạt như trước, dồn lẻ tẻ những nơi gần, những nơi ta yếu như Xóm Vườn, Gò Dưa, Bà Giá... những nơi xa, chúng đánh phá hù dọa. Có nơi chúng lờ đi để làm cái bẫy cho nhân dân chạy dồn về đó rồi bất ngờ đóng đồn vây dân lại làm khu tập trung như ở xóm Bàu (Tam Giác).

Ở miền núi, địch tăng cường phát triển tề và các ổ vũ trang như ở Hàm Cần, đánh phá mạnh vùng Ru Săn Tà Mâu, Oantalíp, dồn 300 dân về M'Lon-Lâm Đồng và 150 dân ở Bình Sơn về sông Lòng Sông.

Trong những đợt càn quét, không những địch bắt, giết dân mà còn giết hàng trăm trâu bò, đốt phá nhà cửa, tạo ra cảnh đổ nát, hoang tàn khủng khiếp. Đi đôi với chiêu an, dụ hàng, chúng cố tạo ra không khí thái bình trong vùng tạm bị chiếm để lôi kéo nhân dân. Suốt gần 2 năm củng cố vùng tạm chiếm, địch tập trung đánh phá vùng du kích Hàm Thuận, gây cho ta một số khó khăn nhất định. Tuy nhiên, lực lượng ta chống trả quyết liệt, gây cho chúng nhiều tổn thất nặng nề, làm cho nội bộ địch mâu thuẫn gay gắt, bắn giết lẫn nhau, tinh thần hoang mang, dao động. Nhân dân càng căm thù giặc sâu sắc, vùng du kích Hàm Thuận vẫn giữ vững. Những cố gắng của chúng không thể cứu vãn được tình hình ngày càng suy sụp nghiêm trọng hơn.

Giữ vững khu du kích Hàm Thuận không chỉ là vấn

đề của địa phương mà là vấn đề của tỉnh Bình Thuận và cả cực Nam Trung Bộ. Do vậy, Liên khu ủy, Ban cán sự cực Nam Trung Bộ, Tỉnh ủy chỉ đạo phải tập trung sức giữ khu du kích Hàm Thuận, đồng thời phải quan tâm hơn nữa đến việc tăng cường xây dựng các khu căn cứ. Trước mắt tăng cường lực lượng cho Hàm Thuận, thực hiện việc giản chính cơ quan, tổ chức và bố trí lại lực lượng cho phù hợp.

Trong năm 1951, Hàm Thuận được tăng cường 2 đại đội, nhiều cán bộ cơ quan cũng được tăng cường cho cơ sở và tổ chức đội vũ trang công tác. Sang năm 1952, tiếp tục tinh giản biên chế, giải thể Trung đoàn 812, đưa hết Ban chỉ huy và bộ máy của Trung đoàn sang Tỉnh đội Bình Thuận, chỉ để lại bộ phận đại diện Bộ Tư lệnh Liên khu (10 người) nhưng sau đó cũng sát nhập vào Tỉnh đội. Đồng chí đại diện Bộ Tư lệnh Liên khu kiêm Chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận¹. Cơ quan Tỉnh đội cũng giảm dần còn 137 người, chưa kể binh công xưởng và quân y. Tháng 9-1952, tiếp tục giảm còn 100 người và sau đó còn 50 người. Tiểu đoàn 86 cũng giải thể, 2 Đại đội A và B trước biệt phái cho Hàm Thuận nay được kiện toàn, bổ sung quân số và giao hẳn cho địa phương.

Tăng cường cho khu căn cứ Lê Hồng Phong 1 trung đội, Lâm Đồng 1 trung đội và một số cán bộ cho Hàm Tân để tổ chức bộ đội địa phương với phiên hiệu 222,

1. Đồng chí Nguyễn Linh, Chính ủy Trung đoàn 812, ủy viên Ban cán sự cực Nam Trung Bộ, làm đại diện Bộ Tư lệnh Liên khu 5 ở cực Nam Trung Bộ, sau kiêm Chính trị viên Tỉnh đội Bình Thuận.

đứng chân ở vùng giáp ranh Hàm Thuận và Hàm Tân. Trực thuộc Tỉnh đội, còn 1 đại đội tăng cường gọi là Đại đội xung kích, gồm 5 trung đội bộ binh, 1 trung đội chỉ huy, 1 trung đội hỏa lực Đại liên, cối SKZ, 1 trung đội Công binh¹. Tháng 10-1952, giải thể bộ đội địa phương thị xã Phan Thiết để tăng cường cho Đại đội A, Đại đội B mới thành lập lại, giải tán Ban chỉ huy Thị đội, tổ chức thành 2 ban cán sự và 2 đội vũ trang công tác đứng chân ở xã Tiến Thành và Tiến Lợi dưới sự chỉ huy thống nhất của Thị ủy Phan Thiết.

Ở phía bắc, sau khi sát nhập 3 huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý thành huyện Bắc Bình, đến cuối 1952 tách Phan Lý khỏi huyện Bắc Bình. Đại đội địa phương 216 được biên chế thành 4 trung đội, số còn lại tăng cường cho các xã để xây dựng các đội vũ trang công tác và các đội du kích vùng căn cứ Bình An.

Đội vũ trang Bình Phú Hải phụ trách thị trấn Long Hương, đội vũ trang Bình Minh phụ trách thị trấn Duồng, đội vũ trang Bình Phong phụ trách Phan Rí Cửa, đội vũ trang Bình Thanh phụ trách Chợ Lầu, đội vũ trang Bình Tân phụ trách Lương Sơn, đội vũ trang Bình Tiến phụ trách Phan Rí Thành.

Mỗi đội có một tiểu đội chiến đấu và một số cán bộ dân vận làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, trừ gian diệt ác.

Cơ quan các ngành dân chính đảng cũng tiến hành

1. Đại đội xung kích này do đồng chí Quách Tử Hấp, Nguyễn Phương và Phạm Hoài Chương chỉ huy.

Các đại đội đứng trên các địa bàn, vừa chống càn, vừa tổ chức huấn luyện và xây dựng dân quân du kích. Lực lượng dân quân du kích cũng được tổ chức lại, mỗi xã có hàng trăm dân quân và từ 2 đến 4 tiểu đội dân quân gương mẫu và 1 đến 3 tiểu đội du kích tập trung.

Việc tổ chức chống càn, chống biệt kích, chống pháo, máy bay trong nhân dân được tiến hành chu đáo. Nhà nào cũng có hầm để cất giấu tài sản và ẩn nấp, nhiều nhà bà con làm hầm bí mật, đây là nơi ém quân của ta, bất thành lính quân ta chui lên nổ súng vào địch từ giữa hoặc bên sườn hoặc phía sau đội hình hành quân của địch. Cách đánh này đã làm cho địch rất khiếp sợ, chúng càng điên cuồng đốt phá, nhà nào cũng làm đi làm lại 5-7 lần. Đến giữa năm 1951 thì xuất hiện nhà đất, hầm đất và đến đầu năm 1952 thì phổ biến rộng rãi ra toàn vùng Tam Giác. Sáng kiến này bắt đầu từ ông Ba Mọi người Hàm Chính, đó là kiểu nhà làm khung gỗ bên trong rồi trét đất bao kín cốt đốt không cháy và rất khó phá. Nhà không chỉ dùng để ở mà còn là ụ chiến đấu khi cần thiết.

Việc tổ chức canh gác, báo động rất chu đáo, các vọng gác trên cây cao quan sát khắp các ngã đường vào làng, báo động bằng bù và tiếng mõ. Để nắm tình hình địch kịp thời, quân dân du kích và bộ đội còn phân công nhau bám sát các đồn để theo dõi hành động của địch. Hàng ngày có các quy định tuần tra trinh sát và thường xuyên tuyên báo cáo tình hình cho cấp trên.

Trên các ngã tư đường, nơi địch có thể đi qua, nhân dân cùng dân quân, du kích bố trí chông, mìn, lựu đạn

để đánh địch. Phong trào làm chông rất sôi nổi, người người làm chông, nhà nhà vót chông; chông tre, chông sắt, chông bàn, chông hầm được bố trí khắp nơi. Để động viên nhau làm nhiều chông đánh Tây, lúc bấy giờ có câu hát rằng:

“...Nơi nào cũng có hầm chông

Thằng Tây đi bố chẳng mong trở về...”

Những nơi có điều kiện thì rào làng chiến đấu như ven căn cứ Lê Hồng Phong, quanh vùng Tam Giác (Phú Minh, Phú Điền) làm hàng rào gai, cắm chông dày 15 đến 20 mét, dài hàng chục cây số. Lực lượng dân quân du kích, bộ đội bố trí phối hợp chiến đấu trong từng khu vực, có dự kiến các tình huống và phương án tác chiến cụ thể.

Khi có địch càn quét thì dân quân hướng dẫn nhân dân tránh lánh, giúp dân cất giấu tài sản, cùng du kích và bộ đội phối hợp chiến đấu. Khi địch rút có trinh sát bám nắm tình hình và giải quyết các hậu quả do địch gây ra. Công tác chống biệt kích cũng được tổ chức chu đáo, ngoài lực lượng bộ đội và dân quân du kích, nhân dân còn thay phiên nhau canh gác phát hiện địch. Dân quân luôn có mặt khắp các thôn xã, có tinh thần bám trụ và chiến đấu cao nên đồng bào rất tin tưởng.

Công việc tiếp tế, tải lương đến việc xay lúa, giã gạo cho bộ đội đều do nhân dân giúp đỡ và còn chỉ cho bộ đội biết nơi cất giấu lúa gạo của mình để khi cần thiết có thể lấy để sử dụng.

Thế trận chiến tranh nhân dân, chiến tranh du kích được bố trí chu đáo, chặt chẽ, toàn diện nhất là khu Tam Giác. Nhờ thế trận đó mà tất cả các cuộc càn quét của địch ta đều đánh được, có những trận tiêu diệt khá nhiều sinh lực địch. Tại Tam Giác, các ngày 23, 29-5 và ngày 17, 26-6-1951, ta diệt hàng trăm tên địch, có 1 quan ba và nhiều tên mật thám lợi hại. Ba tháng đầu năm 1952, ta đánh 21 trận, tiêu diệt 179 tên, có một quan hai, làm bị thương 80 tên, bắt sống 8 tên, phá hỏng nặng 7 xe quân sự, thu 3 đại liên, nhiều trung liên, tiểu liên và súng trường. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 1952, ta đánh 91 trận, diệt 732 tên địch, bắn bị thương 178 tên, bắt sống 12 tên; phá hỏng 11 ô tô, thiết giáp, 1 đầu máy xe lửa và một số pháo cối; thu hàng trăm vũ khí các loại, đủ trang bị cho một đại đội tăng cường.

Việc chống biệt kích ngày càng khá hơn, trong tháng 8 và tháng 10-1951, ta hoàn toàn chủ động đánh 2 trận tiêu diệt được nhiều địch, làm chúng rất hoảng sợ. Công tác bố phòng chặt chẽ cùng với tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu của dân quân du kích đã hạn chế rất nhiều hoạt động của địch.

Đại đội A đã gắn bó với chiến trường Tam Giác, hoạt động liên tục suốt mấy năm liền, được bà con yêu mến, tin tưởng. Địch vào Tam Giác thì rất sợ. Trong lực lượng dân quân du kích có tay súng bắn tỉa Lê Ba, người chiến sĩ "trăm phát trăm trúng". Bọn địch, nhiều tên tuần tiểu quanh đồn, trên tháp canh hoặc càn quét, đột kích, đã bỏ mạng với cây súng trường của anh. Địch ở

Bình Lâm treo giải thưởng 3.000 đồng, tên Lu I La Valé, chỉ huy biệt kích treo giá 5.000 đồng ai bắt được hoặc giết được anh Lê Ba.

Cùng với việc chống càn quét đồn dân, các lực lượng bộ đội, dân quân du kích tích cực giúp đỡ nhân dân bảo vệ mùa màng. Từ năm 1951 trở đi, ta đã hạn chế được phần lớn sự cướp phá của địch, nhân dân càng tin tưởng và tích cực ủng hộ kháng chiến. Tháng 10-1952, Hàm Thuận có trận lụt lớn. Để bảo vệ mùa gặt và chuyển lúa ra vùng ta, chiến sĩ du kích Nguyễn Canh đã ngã xuống trên cánh đồng Ba Thôn (Kim Ngọc), chị Vân (cán bộ Ty kinh tế) và một số người dân Hàm Chính đã bị dòng nước lũ Hội Nhơn cuốn đi. Chiến sĩ Phạm Ty không quản ngại hy sinh, dũng cảm lao mình xuống giữa dòng nước lũ cứu dân, cứu đồng đội. Tám gương quên mình vì dân phục vụ của anh đã khiến nhân dân vô cùng kính phục. Anh trở thành Chiến sĩ thi đua Liên khu 5 và được chọn là đại biểu đi dự Đại hội liên hoan thanh niên quốc tế ở Budapét.

Trong năm 1951 và 3 tháng đầu năm 1952, địch không càn quét đánh phá Xóm Bàu (Tam Giác) để cho dân quy tụ lại đó. Ngày 2-4-1952, bất ngờ chúng đưa quân lên đóng đồn Xóm Bàu (thôn Thuận Thành, phía tây Bàu Gia, xã Hàm Liêm). Nhân dân và cán bộ lầm tưởng là địch càn rồi rút nên chỉ có số người lớn tuổi ở lại, thanh niên trốn dưới hầm bí mật nhưng không ngờ địch ở lại luôn. Suốt mấy ngày đêm liền, ta bí mật chuyển người và tài sản ra, một số người trốn dưới hầm trong vòng địch kiểm soát, phải 3-4 hôm sau mới ra

được, có người hy sinh. Dân đi hết, ta tổ chức lực lượng bao vây bắn tỉa, kìm chế địch không cho chúng ra khỏi đồn. Trong tiểu đội dân quân gương mẫu của thôn Thuận Thành có đồng chí Tô Phụ nổi tiếng gan lì. Một mình với một chiếc kèn và khẩu súng trường, anh đã làm cho bọn địch vô cùng khiếp sợ và nhiều tên phải đền tội. Đồn Xóm Bàu không có dân và cũng không lén ra xung quanh được, chỉ trong mấy tháng chúng đã bị diệt gần 500 tên¹. Đồng chí Tô Phụ đã trở thành Chiến sĩ thi đua Liên khu 5. Ở Bàu Gia, ta tổ chức nhân dân bám sát chung quanh đồn làm ăn, đấu tranh hợp pháp để hạn chế hoạt động của chúng.

Để giãn bớt dân ở vùng ta và phát triển sản xuất, tháng 3-1952, Tỉnh ủy quyết định lập thêm 3 xã mới. Phía bắc, tây bắc Hàm Thuận tách xã Hàm Trí để lập thêm xã Hàm Phú, cắt bớt xã Hàm Liêm thành lập các xã Hàm Thạnh và Hàm Cần. Nhân dân vùng Tam Giác và một số vùng khác đã ra các xã này làm ăn ngày một đông. Mặt khác, ta vận động khoảng 20.000 người bị địch dồn trở về đất cũ làm ăn.

Về căn bản ta đã giữ vững vùng du kích Hàm Thuận và có mở rộng thêm một số xã giáp vùng căn cứ của ta. Công tác bảo vệ mùa màng có kết quả, giữ được một khối lượng lương thực lớn. Trong công tác chống càn quét, tiêu hao, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch. Lực lượng cơ sở mạnh lên, học tập được nhiều kinh nghiệm trong chiến đấu chống địch. Sự đoàn kết gắn bó giữa

1. Theo Báo cáo của Đại hội đại biểu Bình Thuận họp tháng 8-1952. Lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Thuận Hải.

các ngành dân, quân, chính có nhiều tiến bộ, chung sức chung lòng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ chung.

Ở Bắc Bình, Bộ đội địa phương 216 cùng với du kích xã Bình An tích cực chống càn quét, bảo vệ vùng căn cứ Bá Ghe. Ngày 3, 4-3-1952, 2 tiểu đội của 216 phối hợp cùng du kích đánh 2 đại đội địch xuyên rừng từ đường 20 (Lâm Đồng) xuống vùng Mút-xara, qua Cà Lon thọc vào Bá Ghe, gây cho chúng nhiều tổn thất, buộc chúng phải cắt rừng chạy về Sông Mao. Đơn vị bảo vệ được hơn 600 đồng bào vùng căn cứ.

Ở vùng núi Bắc Bình còn lại được khoảng 100 đồng bào dân tộc kiên quyết không về vùng địch. Không đồn được số này, địch tung tin hù dọa: "Việt Minh sẽ bắn giết hết số đồng bào này". Vì có họ hàng với số đồng bào chạy về vùng địch, nên số người này biết được tin đó. Vì vậy, đồng bào không những trốn địch mà trốn luôn cả ta. Huyện ủy Bắc Bình đã cử đồng chí Sơn (tức Hồ Việt Hách), Huyện ủy viên cùng 1 tiểu đội Bộ đội địa phương 210 do đồng chí Đặng Quang Linh chỉ huy, suốt mấy tháng trời đi tìm và gặp đồng bào để tuyên truyền, vạch rõ thủ đoạn lừa mị của địch nhằm chia rẽ đồng bào và đưa hết số bà con này về lại buôn làng cũ. Xây dựng chính quyền tổ chức lực lượng du kích canh gác bố phòng bảo vệ để đồng bào an tâm sản xuất. Thành tích dân vận của tiểu đội Đặng Quang Linh được Tư lệnh Liên khu 5 tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng 3.

Tháng 6-1952, đồng chí Lê Duẩn-Bí thư Trung ương Cục miền Nam trên đường ra Bắc đã ghé lại Bình Thuận

và góp nhiều ý kiến về xây dựng các căn cứ đã có, còn các căn cứ lớn thì làm từng bước.

Tháng 8-1952, Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Thuận họp, tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng và Liên khu 5 về công tác vùng bị tạm chiếm và vùng căn cứ. Đại hội đã đề ra những nhiệm vụ mới:

- Tích cực xây dựng căn cứ địa, xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang, đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, cải thiện đời sống cho bộ đội và nhân dân.

- Gắn chặt với quần chúng để xây dựng Đảng, rèn luyện tư tưởng đạo đức cách mạng, đào tạo cán bộ địch hậu, chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc. Đặc biệt là Đại hội đã nhấn mạnh 4 vấn đề cốt tử trước mắt là:

+ Rèn luyện tinh thần cách mạng, trau dồi đạo đức, phẩm chất cách mạng.

+ Đẩy mạnh chỉ đạo quân sự.

+ Bám sát địch, phát triển du kích chiến tranh.

+ Đoàn kết nhân dân¹.

Sau Đại hội, Tỉnh ủy đã cụ thể hóa các mặt công tác, tình hình phát triển tốt hơn.

Sau khi phá khu tập trung Đồng Kho (Tánh Linh), diệt tề và các ổ vũ trang của địch, ta tiến hành xây dựng cơ sở 3 xã Thuận Hòa, Chí Hòa, Đại Hòa. Tiếp tục

1. Theo Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Thuận họp tháng 8-1952. Tư liệu lưu trữ tại Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Bình Thuận.

vận động đưa đồng bào Ruxântâmâu, Oantalíp về lại buôn làng cũ, giúp đỡ đồng bào sắp xếp nơi ăn chốn ở và tổ chức sản xuất, bố phòng chống địch.

Để tiếp tục giữ vững khu du kích Hàm Thuận và xã Hàm Phú, tách 4 xã Hàm Nghĩa, Hàm Thắng, Hàm Nhơn, Hàm Đức thành khu vực trực thuộc Tỉnh ủy. Một số cán bộ tiểu đoàn, Tỉnh ủy viên được tăng cường cho Hàm Thuận¹. Sáp nhập 3 cơ quan huyện Bắc Bình (Huyện đội, Huyện ủy, Liên Việt) thành cơ quan quân dân chính đảng thống nhất và chuyển từ khu Lê Hồng Phong về đóng ở căn cứ Bình An. Ban cán sự cực Nam Trung Bộ và các Tỉnh ủy còn đặt vấn đề phải tích cực củng cố căn cứ địa miền núi, tăng cường cán bộ và lực lượng cho các căn cứ lớn như: Hàm Tân, Lê Hồng Phong (Bình Thuận), Bác Ái (Ninh Thuận). Ban cán sự cực Nam Trung Bộ và Tỉnh ủy Bình Thuận còn đặt vấn đề phải tích cực xây dựng căn cứ Hàm Thuận cả vùng Tánh Linh giáp Lâm Đồng nối liền với căn cứ Nam Bộ thành căn cứ lớn, lâu dài của tỉnh và cả cực Nam Trung Bộ.

Căn cứ Lê Hồng Phong được thành lập từ cuối 1950, đến tháng 4-1951, thành bộ phận căn cứ là một trong hai căn cứ lớn của tỉnh Bình Thuận, có diện tích toàn vùng khoảng 600 km², là vùng có địa thế khá đặc biệt, có những động cát cao và những thung lũng với những rừng cây thấp cần, dây gai chằng chịt rất khó đi và dễ bị lạc đường. Khí hậu ban ngày nắng nóng, ban đêm

1. Đồng chí Hồ Liên, nguyên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy xuống làm Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận, đồng chí Phan Văn Hược, Chính trị viên Tiểu đoàn 86 xuống làm Huyện đội trưởng Hàm Thuận.

mát dịu. Dân số khoảng 10.000 người, phần lớn là dân tại chỗ, một số ít dân ở các vùng chung quanh tránh giặc chạy về. Kinh tế chủ yếu là làm rẫy, trồng các loại khoai, sắn, đậu và dưa lấy hạt. Có một ít ruộng lúa nước chạy dọc theo quốc lộ 1. Vùng ven biển có đánh cá nhưng rất hạn chế vì địch thường xuyên đánh phá. Đặc biệt, ở đây có con Đông, là nguồn thực phẩm quan trọng và cũng là một thứ hàng hóa. Mỗi năm có thể bắt hàng vạn con để làm thức ăn cho nhân dân vùng bị tạm chiếm¹.

Căn cứ Lê Hồng Phong là vùng đất thiếu nước, ngoài 2 bàu nước lớn ở phía đông (Bàu Trên, Bàu Dưới thuộc Bàu Trắng) và vùng hai bên Triền, còn lại là vùng không có nước. Các cơ quan và nhân dân thường phải ở xa nguồn nước từ 5-7 km để đề phòng địch tập kích. Nước uống có khi phải phân phát từng ca, tắm giặt phải hết sức tiết kiệm. Thường hàng tuần lễ tổ chức mang gạo theo nấu ăn ở nguồn nước để tắm giặt. Nhiều lúc địch càn ta phải tắm nắng, tắm lửa² hoặc phải tổ chức bộ đội bảo vệ cho nhân dân đi lấy nước. Nước với đời sống nhân dân, bộ đội ở vùng căn cứ đã trở thành vấn đề sống còn.

Tuy có nhiều gian khổ, đặc biệt là ở đây cũng lại là một vùng Đứng chân ở đây rất tiện c núi xuống biển, kể cả việc

1. Đông, nhiều nơi còn gọi là Kỳ N loại động vật bò sát ở hang, thịt rất
2. Phơi nắng, hơ lửa cho đồ mổ hôi

trong các vùng bị tạm chiếm. Hoạt động của địch đối với vùng này cũng bị rất nhiều hạn chế, nên ta tương đối an toàn và là nơi để nhận tiếp tế của ta theo đường biển.

Địch cũng đã chú trọng đánh phá khu căn cứ này, chúng đóng đồn ven quốc lộ để uy hiếp như đồn Lương Sơn, Gộp, Xa Ra, Tuy Hòa... thường xuyên mở những đợt càn quét, biệt kích đánh phá vùng Dân Thạnh, Thái An, Bàu Trắng, có những cuộc càn sâu vào Hố Đất, Bàu Thiêu, Triền... kết hợp bộ binh, xe tăng thiết giáp và cả quân nhảy dù. Địch còn cho máy bay ném bom, hải thuyền bắn kiểm soát dọc ven biển. Kết hợp chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý, hù dọa và chiêu an để kéo đồng bào vào vùng bị tạm chiếm.

Từ khi có chủ trương phải tích cực xây dựng căn cứ địa cách mạng, Tỉnh ủy đã điều động nhiều cán bộ chủ trì cho khu căn cứ và các xã. Công tác dân vận cũng được đẩy mạnh, các đoàn thể và chính quyền các cấp được củng cố, dân quân du kích phát triển khắp các thôn xã, dân quân gương mẫu và du kích tập trung mỗi xã ít nhất có 2 tiểu đội làm nòng cốt trong chống càn quét, chống biệt kích.

Đầu năm 1952, sau khi giải thể Trung đoàn 812, trung đội vệ binh được đưa về làm lực lượng tập trung và phát triển thêm 2 trung đội, lấy phiên hiệu là Đại đội 818. Tăng cường một số cán bộ quân sự, lập Ban chỉ huy đơn vị (tương đương Huyện đội), dưới có xã đội và thôn đội trưởng. Công tác bố phòng thành tuyến, phân khu, phân vùng, lựu đạn và hầm chiến đấu. Các vùng gần

đồn thì bố trí dân quân, du kích thay phiên nhau canh gác, theo dõi để kịp thời đối phó. Lực lượng bộ đội bố trí từng vùng để có thể hỗ trợ, chi viện đánh địch. Phía giáp Bắc Bình có Đại đội 216, phía giáp Hàm Thuận có Đại đội C (Đại đội 225). Các đơn vị chủ lực đứng chân ở vùng Dân Thạnh, Rẫy Thơm, Triền.

Công tác tổ chức, xây dựng và bố trí hợp lý nên các cuộc càn lớn của địch như trận càn tháng 3-1951 từ Lương Sơn xuống Bàu Trắng, Hồ Đất bị ta đánh bại, bảo vệ được tính mạng và tài sản của nhân dân. Phong trào tăng gia sản xuất được đẩy mạnh, cơ quan, bộ đội nhân dân đều hăng hái sản xuất. Khoai lang, khoai mì, bắp, đậu chẳng những đủ ăn mà còn có thể đem bán để mua gạo và các thứ cần dùng khác. Ngoài ra, nhân dân còn tổ chức đánh cá nên đời sống cũng được cải thiện.

Cuộc sống của người dân vùng căn cứ kháng chiến tuy còn nhiều khó khăn, gian khổ, thiếu thốn, nhà cửa chật hẹp, nhưng tình yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ bộ đội thật là bao la. Má Mực, má Trợ, má Năm, má Dĩ... là những bà má gần như cả quãng đời còn lại đều tập trung cho các chiến sĩ, những đứa con đến từ mọi miền đất nước. Nhiều má đã bán hết những tài sản còn lại của mình để lấy tiền nuôi bộ đội. Những tấm lòng vàng của những bà mẹ thật không làm sao kể hết.

Những bà mẹ, những người cha, người anh, người chị ở căn cứ Lê Hồng Phong còn đưa hàng trăm con em mình đi bộ đội giết giặc cứu nước và còn đóng góp hàng vạn ngày công để vận tải, tiếp tế, chuyển thương tải đạn...

Căn cứ khu Lê Hồng Phong thật sự trở thành “Vùng đất thánh”. Nhiều cán bộ trên đường vào Nam, ra Bắc ghé lại “Khu Lê” đều bày tỏ lòng ưu ái và mang theo những kỷ niệm khó quên. Nhân dân trong các vùng bị tạm chiếm có dịp ra chiến khu để mừng chiến thắng, xem biểu diễn văn nghệ đều có chung cảm tưởng như được về lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Dân số khu căn cứ Lê Hồng Phong tăng nhanh từ khoảng 10.000 người tăng lên 15.000 – 16.000 người, phần lớn là dân trong các vùng bị tạm chiếm trở về. Nhờ công tác bố phòng tốt, sản xuất phát triển, đời sống từng bước được cải thiện, căn cứ Lê Hồng Phong đã đứng vững suốt cuộc kháng chiến chống Pháp. Mãi mãi về sau này, nhiều người vẫn còn nhắc đến “Khu Lê” với niềm tự hào và kính phục.

Cùng với việc xây dựng căn cứ khu Lê Hồng Phong vững mạnh, Tỉnh ủy Bình Thuận còn thường xuyên chỉ đạo củng cố khu căn cứ Hàm Tân và quan tâm xây dựng khu căn cứ Bá Ghe nối liền với miền núi tây huyện Bắc Bình và một số xã miền đông thuộc vùng tự do của huyện Tánh Linh. Các ngành tích cực xây dựng các khu dân sinh về mọi mặt, góp phần bảo vệ các chiến khu.

Nhìn lại quá trình xây dựng và phát triển các khu căn cứ một cách toàn diện, quân và dân Bình Thuận đã đổi biết bao công sức, mồ hôi và xương máu để xây dựng nên những khu căn cứ như Lê Hồng Phong, Tam Giác, Hàm Tân và một số căn cứ du kích ở sát nách địch, đã góp phần xứng đáng trong cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi.

III. Giữ vững khu du kích Hàm Thuận, Bình chủng đặc công được thành lập và giành thắng lợi lớn

Sau khi củng cố hệ thống cứ điểm và tháp canh tương đối hoàn chỉnh trên khắp chiến trường. Địch tung quân đánh phá mạnh vào các vùng du kích, vùng căn cứ kháng chiến của ta nhằm yểm trợ cho kế hoạch bình định bên trong của chúng.

Khu du kích Hàm Thuận là trọng điểm đánh phá của địch trên chiến trường Bình Thuận. Chúng quyết lừa hết dân vào các khu tập trung Kim Ngọc, Ma Lâm, Ngã Hai, Trinh Tường, lập vành đai trắng ở vùng Tam Giác. Thực hiện giết sạch, đốt sạch, phá sạch bằng những trận càn quét lớn, dài ngày. Với hệ thống cứ điểm hiện có, chúng phát triển một hệ thống lô cốt thấp (boongke) kiên cố thay cho hệ thống tháp canh cao không còn tác dụng.

Trước tình hình đó Ban cán sự cực Nam Trung Bộ và Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận chỉ đạo cho Trung đoàn 812 tìm sơ hở của địch, tích cực tiến công địch phối hợp với chống càn quét đồn dân. Huyện ủy Hàm Thuận cũng đề ra phương hướng nhiệm vụ: “Quyết bám địa bàn, giành và giữ dân, giữ vững và mở rộng vùng du kích, khu căn cứ, đẩy mạnh hoạt động vùng sau lưng địch...”.

Sau chiến dịch đông-xuân và chống càn Tam Giác bộ đội ta rất thiếu đạn và cũng đang gặp khó khăn về cách đánh do địch bố phòng các cứ điểm khá chặt chẽ, đặc biệt là hệ thống lô cốt thấp.

Sau một thời gian tìm tòi nghiên cứu cách đánh được nhân dân địa phương cung cấp tình hình. Tiểu đoàn 86, đại đội xung kích do các đồng chí Quách Tự Hấp, Phạm Hoài Chương chỉ huy tổ chức phục kích độn thổ ngay trên bãi tập ở đầu sân bay Căng Esépíc. Sáng ngày 9-12-1951, như thường lệ địch đưa 2 trung đội ra bãi tập để bắn bia. Tổ tuần tra của địch kiểm tra sân bay tập không thấy gì khả nghi, chiếc xe Jeép chở đạn thùng chạy ra đứng ngay chỗ tập, 2 trung đội tân binh đến tiếp và tổ chức giá súng lại từng cụm để tập hợp nghe tên chỉ huy hạ khoa mục. Chớp thời cơ, một loạt đại liên nổ giòn phát lệnh tiến công, toàn trận địa hô xung phong, đồng loạt lao lên cả súng và tre vót nhọn xông vào bọn địch. Bọn tân binh hoảng hồn, xô nhau chạy tán loạn, không kịp lấy súng, tên chỉ huy nhảy vội lên xe tháo chạy, các chiến sĩ ta truy đuổi theo hơn 100 mét mới quay trở lại thu chiến lợi phẩm. Ta thu một trung liên, 39 súng trường, 15 AT, 3 thùng đạn, 1 thùng lựu đạn, diệt 2 tên và bắt một số tên. Ta hoàn toàn vô sự. Tuy nhiên, vì địa thế hạn chế phục kích xa, nên hỏa lực không sát thương nhiều địch và xung phong chậm nên địch chạy thoát.

Phát huy thắng lợi, với số súng đạn thu được của địch khá nhiều ở trận vừa rồi Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận quyết tâm tiêu diệt cụm cứ điểm Căng Esépíc, tiêu diệt bọn học viên hạ sĩ quan, phá vỡ kế hoạch đào tạo hạ sĩ quan chỉ huy để phát triển nguy quân, phục vụ cho âm mưu xâm lược lâu dài của thực dân Pháp. Đồng thời với mục đích là tiêu diệt địch và tích cực thu nhiều chiến lợi phẩm để bồi dưỡng lực lượng

ta, góp phần giữ vững khu du kích Tam Giác.

Cụm cứ điểm Căng Esépic¹ cách trung tâm thị xã Phan Thiết khoảng 4 km về phía tây nam, trên dãy đồi có bình độ 80 mét, đông giáp biển, tây nam và nam giáp lán trống, rừng thưa chạy dài đến vùng căn cứ của ta. Bắc và tây bắc giáp với khu nghĩa địa, có đường nhựa giáp với quốc lộ 1 từ cổng chữ Y chạy lên Căng Esépic, là đường bộ duy nhất để tiếp tế chi viện từ trung tâm thị xã lên khu căn cứ quân sự.

Căng Esépic chia làm 3 khu vực. Khu I là đồn lính GI (garde indigère) do 1 đại đội lính Âu-Phi đóng giữ. Cách đồn GI về hướng đông nam 200 mét là khu vực II (trường huấn luyện hạ sĩ quan) có một nhà 2 tầng và một số nhà trệt dành cho bốn sĩ quan và học viên. Cách đồn GI về phía Nam 250 mét là khu vực III (trận địa pháo) có 2 khẩu pháo 75 ly, do một trung đội đóng giữ. Ngoài các điểm quân sự trên, Căng Esépic còn có một sân bay dân dụng nằm về phía nam, cách đồn GI 400 mét, máy bay Đa Cô Ta, L19 lên xuống được.

Địa hình chung quanh là gò đồi mấp mô, phần nhiều là lán trống, rừng thưa, sát bờ rào phía đông là biển, dốc thẳng đứng cao đến 200 mét. Xung quanh có hàng rào dây thép gai, địch đổ vỏ đồ hộp và treo vỏ đồ hộp dày đặc rất khó vượt qua.

1. Căng Esépic: Ecole supérieure (Trường Cao đẳng thể dục thể thao Đông Dương) do Pháp xây dựng năm 1940. Tháng 3-1945 Nhật đảo chánh bắt hết huấn luyện viên, trường đóng cửa. Tháng 2-1946 Pháp tái chiếm Đông Dương, chiếm Bình Thuận đưa quân lên lập khu căn cứ quân sự tại Căng Esépic.

Do địa hình, địa thế khó thâm nhập, thêm vào đó lâu nay ta chỉ đánh một vài điểm nhỏ ở xa khu vực trung tâm, còn ở đây lực lượng lớn lại gần thị xã, chúng có thể chi viện nhanh. Do đó địch có nhiều chủ quan sơ hở. Nắm được nhược điểm này ta quyết định tiến công tiêu diệt địch. Mục tiêu tiến công chủ yếu là nhà sĩ quan và trường hạ sĩ quan, sau đó có điều kiện thì phát triển thắng lợi đánh tiếp khu GI và thu pháo đưa về căn cứ.

Tiểu đoàn 86 và 1 bộ phận của thị đội Phan Thiết cùng 500 dân công để phục vụ, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Minh Châu và Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm các đồng chí Nguyễn Sơn Diệp, Quách Tử Hấp, Phan Văn Hược, Phạm Hoài Chương thực hiện làm nhiệm vụ chỉ huy trận đánh này. Nhiệm vụ được phân công như sau:

- Đại đội xung kích là lực lượng chính tiến công tiêu diệt địch ở mục tiêu chủ yếu là khu nhà 2 tầng. Lực lượng xung kích chia làm 2 bộ phận. Bộ phận thứ nhất là "Đội quyết tử" có 14 đồng chí, do đồng chí Võ Hòa Tương làm đội trưởng, đồng chí Nguyễn Hữu Phương làm đội phó, cải trang giả làm lính ngự đi tuần theo bờ biển, bất ngờ đột nhập từ hướng đông vào tiêu diệt địch trên tầng 2. Bộ phận thứ 2 do đồng chí Trần Văn Diệp và Nguyễn Ngọc Châu chỉ huy có 24 đồng chí làm đội tiếp chiến 1 theo sau đội quyết tử đánh địch ở tầng trệt. Chỉ huy xung kích là đồng chí Trương Văn Ly, Đại đội trưởng và đồng chí Đức Hữu, Chính trị viên.

- Đại đội B và đại đội trợ chiến do đồng chí Quách Tử Hấp và Phạm Hoài Chương chỉ huy làm nhiệm vụ

tiếp chiến 2, theo sau đội tiếp chiến 1 tiến công khu nhà sĩ quan, đồng thời khống chế địch ở đồn GI.

- Riêng đại đội trợ chiến, sử dụng 1 trung đội đánh chiếm ngay trận địa pháo 75 ly dùng pháo bắn kìm chế đồn GI và có điều kiện thì cùng bộ binh tiêu diệt khu vực 1. Chỉ huy chung trận nội là Tiểu đoàn trưởng Sơn Diệp, Tiểu đoàn Phó Quách Tử Hấp và Phó Chính trị viên tiểu đoàn Phạm Hoàn Chương. Đại đội A và bộ phận của Thị đội Phan Thiết do đồng chí Võ Khắc Kế chỉ huy bố trí chặn viện ở khu vực "Mả lính", đường từ cổng chữ Y lên Cảng có bố trí mìn để đánh xe cơ giới từ Phan Thiết tiếp viện lên.

23 giờ đêm 28-12-1951, toàn đội hình tới chân dốc và bắt đầu tiến nhập vào đồn. Dốc đứng, gai rậm vô đồ hộp ngổn ngang nên rất khó vượt qua. Hơn nửa giờ mà chỉ lên được 2/3 dốc, có đồng chí vô ý làm rơi vô đồ hộp phát ra tiếng động. Địch tập trung bắn về hướng tiếng động, đất cát tung tóe vào đầu vào lưng, toàn đội phải bấu víu vào bờ đất, áp sát mình để chịu đựng, tưởng chừng như bị lộ. Hơn 10 phút sau tiếng súng im bật, tiếng chuông điện thoại réo và tiếng chuông báo cáo về tiểu khu là nghe động chứ không có gì. Biết là chưa bị lộ, toàn đội tiếp tục vượt lên. Khi vừa lên đến mặt bằng dốc, thì một tiểu đội tuần tiểu vừa đi qua. Toàn đội đứng dậy, thẳng hướng ngôi nhà 2 tầng xông tới, bọn gác thấy lạ gọi đứng lại, ta trả lời là vừa đi tuần về và chạy thật nhanh đến mục tiêu. Các bộ phận khác cũng lên khỏi dốc, nhanh chóng bám theo đội quyết tử.

Một tình huống bất ngờ, trong đêm nổ súng lại có

thêm một số lính Pạtidăng, Commando khoảng 2 trung đội vừa đi càn ở Tam Giác về một nên ngủ say dọc suốt cả hành lang, trước cầu thang lên gác hai, súng đạn, ba lô để ngổn ngang.

Vừa đến chân cầu thang, đội quyết tử phải nổ súng diệt bọn này. Tiểu liên, lựu đạn, mã tấu, dao găm, búa đánh tới tấp vào bọn địch. Chúng hoàn toàn bất ngờ không kịp chống trả thì đã trúng đạn, có đứa vừa thức giấc thì bị súng đập vào đầu chết ngay. Đội tiếp chiến 1 cũng đã nhanh chóng hợp sức tiêu diệt địch. Đội quyết tử lao lên gác 2, ập vào các phòng. Địch trên gác 2 chạy ra, chạy vào nhưng không có đường thoát. Cuộc chiến đấu tại đây rất quyết liệt, nhiều tên liều chết nhảy đại xuống đất để thoát thân, nhưng đã bị bộ phận tiếp chiến 2 vào kịp diệt gọn, nhiều tên xông vào vật lộn với chiến sĩ ta để cuối cùng nhận một nhát búa vào đầu chịu chết.

Đại đội B vừa đánh chiếm tầng dưới, vừa nhanh chóng tiêu diệt địch ở khu nhà trệt, bọn địch ở đây cũng hoàn toàn bị động chống trả yếu ớt, ta hoàn toàn làm chủ khu vực này và nổ súng áp đảo bọn lính đồn GI.

Bộ phận đánh chiếm trận địa pháo ngay từ phút đầu cũng đã tiêu diệt một số địch, số còn lại bỏ chạy tán loạn, ta làm chủ trận địa pháo. Đồng chí Mai Hữu Đồng, trung đội trưởng hỏa lực, cùng hai khẩu pháo 75 ly bắn liền 3 phát vào đồn lính GI, nhưng đạn không có ngòi nổ, không phá được đồn. Tuy vậy bọn lính trong đồn khiếp sợ không dám phản ứng gì.

Trận địa im tiếng súng, ta cho dân công vào thu dọn chiến trường. Hai khẩu pháo 75 ly không kéo đi được, ta phá hỏng. Trong lúc ta thu dọn chiến trường thì địch ở Phan Thiết cho hàng chục xe chở đầy lính tiếp viện lên, khi chúng tới khu vực “Mả lính” lọt vào trận địa phục kích của Đại đội A, ta đồng loạt nổ súng áp đảo địch, diệt 27 tên. Do bị tổn thất, bọn lính đi sau không dám lên, 2 giờ sáng chúng mới đến nơi thì cũng là lúc ta thu dọn chiến trường xong và rút lui an toàn.

Hơn 40 phút chiến đấu, ta đã giết và làm bị thương hơn 150 tên địch¹, có 64 sĩ quan trong đó có 1 quan 5 từ Nha Trang mới vào, số còn lại hầu hết là hạ sĩ quan. Thu 150 súng trường, 20 tiểu liên, 5 trung liên, 1 máy thông tin, rất nhiều đạn, lựu đạn và các loại quân trang quân dụng khác. Chiến lợi phẩm chất đầy 5 xe trâu và trên 500 dân công vận chuyển đưa về căn cứ. Ta hy sinh 2 đồng chí và bị thương 17 đồng chí, đồng chí Nguyễn Hữu Phương, Nguyễn Sơn Diệp, Phạm Hoài Chương hầu hết là do mảnh lựu đạn

Ngày 31-12, ta tiếp tục tổ chức phục kích tại đầu đường băng sân bay Căng Esépíc bắn rơi một máy bay Đacôta khi nó mới vừa cất cánh. Chỉ trong vòng 20 ngày, ta đã đánh thắng 3 trận liên tại khu vực Căng. Riêng trận tiêu diệt khu sĩ quan, hạ sĩ quan đêm 28 là trận thắng lớn nhất từ trước tới nay ở chiến trường Bình Thuận cũng như cả cực Nam Trung Bộ. Theo đánh giá lúc bấy

1. Có tài liệu nói địch chết và bị thương 120 tên. Theo hồi ký của Nguyễn Hữu Phương đội phó Quyết tử thì địch chết và bị thương 150 tên.

giờ thì đây là trận đánh “kiểu mẫu nhất” về mặt tiêu diệt địch và thu chiến lược phẩm để bồi dưỡng lực lượng ta, đây cũng là cách đánh mới nhất, độc đáo nhất.

Chiến thắng Căng Esépíc đã làm cho tinh thần kẻ địch hoang mang dao động, không những chúng mất nhiều sĩ quan, hạ sĩ quan và vũ khí đạn dược. Trận đánh ngay sát nách thị xã Phan Thiết mà chúng không đối phó được, có ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch xây dựng phát triển quân nguy. Trận đánh còn phá tan âm mưu càn quét đồn dân ở khu vực Tam Giác.

Nhân dân vui mừng, phấn khởi càng tin tưởng bộ đội đánh giỏi, thắng to. Chiến thắng Căng Esépíc, được Đại tướng Võ Nguyên Giáp-Tổng Tư lệnh quân đội gửi điện biểu dương khen ngợi. Để kỷ niệm trận thắng lớn, Tỉnh ủy Bình Thuận và Ban chỉ huy Trung đoàn 812 tặng mỗi đồng chí tham gia trận đánh tấm ảnh có dòng chữ:

KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG

Căng Esépíc

ĐÊM 28/12/1951

THÀNH TÍCH VĨ ĐẠI

Kính dâng CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Chào mừng ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Mến tặng đồng chí:

Đã xung phong diệt địch.

(Góc trái có ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Trường Chinh)¹

1. Chiến thắng Căng Esépíc nhiều đồng chí được tặng thưởng Huân chương như: Phạm Hoài Chương, Trương Văn Ly, Nguyễn Hữu Phương, Võ Hoài Tương, v.v..

Tiếp theo ngày 4-2-1952, ta đánh 1 trung đội địch đi lùng sục vùng cầu cháy cách đồn Ngã Hai hơn 1 km. Trong trận này ta chỉ diệt được một số địch và bắt 3 tên, thu 3 tiểu liên, 5 súng trường nhưng ta hy sinh một Đại đội trưởng và một trung đội trưởng. Đồng chí Trương Văn Ly, người cán bộ tận tụy gương mẫu, người chỉ huy dũng cảm kiên quyết vừa lập chiến công suất sắc trong trận đánh Căng Esépi không còn nữa, đã để lại trong cán bộ, chiến sĩ và nhân dân niềm thương xót khôn nguôi¹.

Sau trận đánh này ta tổ chức rút kinh nghiệm, học tập tác phong quân sự mới. Để thử nghiệm giữa lý luận và thực tiễn, ngày 15-3-1952, ta tổ chức trận độn thổ phục kích từ cầu Đồi đến Bình Lâm, đánh bọn tuần tiểu trên đường 8 và bọn tiếp viện từ Phan Thiết lên. Kết quả ta diệt 45 tên, bắn bị thương 8 tên, bắt sống 6 tên (số bị bắt có 1 tên Pháp phó đồn Bình Lâm). Ta thu 1 trung liên, 1 tiểu liên, 3 súng Mas PM, 6 súng trường và một máy dò mìn.

Ta hy sinh 4 đồng chí, bị thương 8 đồng chí, 2 đồng chí bị địch bắt. Trận đánh tuy có tổn thất nhưng thắng lợi đạt được đã góp phần đáng kể cho việc giữ vững khu du kích, khu căn cứ.

Những trận đánh trên buộc địch phải bổ sung để giữ những cứ điểm quan trọng, hạn chế việc đánh phá khu du kích Hàm Thuận. Lực lượng ta còn được bồi dưỡng về

1. Đồng chí Trương Văn Ly-Đại đội trưởng xung kích, được Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa truy tặng "Anh hùng Quân đội" lần 1 năm 1955.

vật chất khá nhiều. Nhân dân Tam Giác (Hàm Thuận), Phan Thiết và các vùng chung quanh tuy còn nhiều khó khăn trong việc chống càn quét đồn dân. Nhưng những chiến thắng đó thật sự cổ vũ đồng bào thêm tin tưởng, phấn khởi đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống địch trên nhiều mặt.

Để giữ vững khu du kích Hàm Thuận, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục tiến công địch, giáng cho chúng những đòn thật đau hơn nữa. Ngày 20-5-1952, Đại đội B dưới sự chỉ huy của các đồng chí Quách Tử Hấp, Nguyễn Phương, Phạm Hoài Chương đã vận động đánh chống càn tại km 21 đường 8 giành thắng lợi lớn, diệt gần hết đại đội Ma rốc, đánh thiệt hại nặng đại đội lính nguy, giải thoát cho toàn bộ số lao công chiến trường mà địch bắt đi phục dịch, thu một trung liên, một số súng trường. Trận đánh đã bẻ gãy cuộc càn miền Tây Hàm Thuận, gây ảnh hưởng lớn cho địch ở Phan Thiết.

Bộ phận chuẩn bị chiến trường, sau thời gian điều tra ta phát hiện tiểu khu Mương Mán tuy địch đông nhưng có nhiều sơ hở. Mương Mán nằm trên ngã ba đường sắt Bắc - Nam và đường sắt Mương Mán - Phan Thiết, có đường bộ chạy về ngã Hai khoảng 7 km. Tiểu khu Mương Mán trấn thủ một góc của Tam Giác, chặn các hoạt động của ta từ phía Bắc xuống, phía Nam, phía Tây sang. Địch dùng địa bàn này tung lực lượng càn quét đánh phá các vùng chung quanh và hai bên sườn của khu Tam Giác. Lực lượng của chúng có khoảng 3 đại đội gồm lính bảo vệ đường sắt GVF lính "Bảo vệ quốc gia" bọn biệt kích và một số lính Âu-Phi, đóng trong 2

đồn chính: Đồn lính quốc gia, đồn lính GVF và một hệ thống tháp canh bao bọc chung quanh. Chiếc Rafano¹ (tàu lửa bọc thép) thường dừng lại ở ga này để hỗ trợ tinh thần cho bọn lính. Với lực lượng đông, trang bị mạnh, đồn bót kiên cố, các nơi có thể chi viện nhanh, địch rất chủ quan cho rằng đối phương không có khả năng đánh tiểu khu này. Tuy vậy, phạm vi đóng quân tương đối rộng, lại nhiều thứ lính qua lại tạm trú khó kiểm soát chặt chẽ, địa hình xung quanh còn nhiều bụi cây, bờ đất che khuất nối liền vào hướng rừng rất tiện cho việc triển khai đội hình tiếp cận với thời gian thích hợp.

Ta chủ trương tiến công tiểu khu Mường Mán nhằm tiêu diệt địch, phối hợp với chống càn quét đồn dân bảo vệ khu du kích Hàm Thuận.

Ngày 22-6-1952, Đại đội xung kích, Đại đội B hành quân từ Tam Giác về tập kết tại núi Cu Nhí cách Mường Mán 4 km về hướng tây bắc để nắm thêm tình hình và bổ sung phương án tác chiến. Nhiệm vụ được phân công như sau: Đại đội xung kích đánh đồn GVF, chia thành 2 bộ phận, bộ phận đi đầu gồm 15 đồng chí có 3 chiến sĩ quốc tế làm sĩ quan địch², do đồng chí Nguyễn Phương đại đội phó và Trần Văn Ngư trung đội trưởng chỉ huy cũng đều cải trang lính địch. Bộ phận thứ hai có 1 trung đội làm nhiệm vụ tiếp chiến do đồng chí Đào trung đội

1. Rafano: Tàu lửa bọc thép, có trang bị hỏa lực mạnh cơ động trên đường sắt để hộ tống và chi viện cho các đoàn tàu quân sự.
2. Ba chiến sĩ quốc tế: Anh Lê đóng giả quan hai, Spéc đóng giả quan ba và Caridông đóng thượng sĩ (Lê và Spéc người Đức, Caridông người Tây Ban Nha).

trưởng chỉ huy. Đánh vào đồn lính quốc gia cũng chia làm 2 bộ phận thứ nhất có 18 đồng chí của đại đội xung kích do đồng chí Võ Đức Nhi trung đội trưởng chỉ huy, bộ phận thứ hai một trung đội của Đại đội B làm nhiệm vụ tiếp chiến. Đại đội A làm nhiệm vụ chặn viện từ Phú Hội và Ngã Hai lên, 500 dân công bố trí ở phía Nam. Ban chỉ huy trận đánh gồm các đồng chí Nguyễn Minh Châu, Phan Văn Hược, Quách Tự Hấp và Phạm Hoài Chương.

16 giờ ngày 23-6-1952, đội hình xuất phát đến vị trí xuất phát tiến công, đồng chí Nguyễn Minh Châu-Tĩnh đội phó đi cùng, đến 18 giờ ta nắm được bọn địch càn Tam Giác chưa về, tình hình như cũ. Lực lượng ta tiến qua sông tiếp cận, cách đồn địch về phía bắc chừng 500 mét sắp xếp lại đội hình chuẩn bị tiến công. Trên đường sắt chiếc xe lửa bọc sắt đậu, án ngữ trước đồn GVF, một số lính Âu-Phi và ngụy đang đứng ở sân ga (bộ phận đi càn ở Tam Giác vừa mới về). Tình huống có thay đổi, buộc 2 lực lượng đánh đồn GVF đi đầu là một "tốp lính tuần tiểu", bọn lính ở sân ga, lính trên xe lửa. Hai tên gác cổng lại bồng súng chào. Anh Lê và toàn đội phớt lờ đi thẳng vào nhà chỉ huy. Tên thiếu úy đồn trưởng đang ngồi, vội đứng dậy chào liền bị anh Lê nổ súng vào mặt gục chết ngay. Đây là phát súng mở màn trận đánh. Các tổ nhanh chóng đánh dọc theo tường, chiếm từng căn phòng, nhiều tên địch bị diệt ngay từ phút đầu, một số ở ngoài sân ga chạy vào cũng bị ta bắn chết. Địch hoang mang chạy tán loạn. Chiến đấu khoảng 5 phút thì tiểu liên hết đạn, các chiến sĩ ta phải đánh bằng lựu đạn, dao găm, cuộc vật lộn với địch cũng hết sức ác liệt.

Đồng chí Mạnh dùng dao đâm chết 2 tên, đến tên thứ 3, tên này biết võ nên có bắt được tay dao và đâm lại bắp chân của Mạnh. Anh cố hết sức dùng hai đầu gối thúc ngược lên ngực, tên địch ngã bật ra, một đồng chí khác vừa đến tiếp sức kết liễu đời nó. Trận đánh diễn ra đã gần 10 phút, ta đánh chiếm được các lô cốt, hầm đại liên và nhà chỉ huy, nhưng bộ phận tiếp chiến vẫn chưa vào được vì chiếc xe lửa bọc thép cứ bắn rà theo đường sắt. Đồng chí Ngư liền ra lệnh cho Mai dùng AT bắn hai phát, một toa xe bốc cháy, xe lửa vội chạy tránh về hướng Suối Dầu cách Mương Mán khoảng 2 km thì dừng lại, dùng cối 81 bắn vào khu vực đồn. Lợi dụng thời cơ, bộ phận tiếp chiến nhanh chóng vượt qua đường sắt vào tiếp sức, quét sạch quân địch ở đồn GVF.

Lực lượng đánh đồn “Quốc gia”, khi nghe phía trước có súng nổ, anh em nhanh chóng chạy vào, nhưng lại chạy luôn vào đồn GVF, chiến đấu được vài phút mới biết bị lạc bèn chuyển sang đồn “Quốc gia”. Địch ở đồn này đã phòng bị, nên chống trả rất mạnh. Đồng chí Tư bị thương ngay trước cổng đồn. Anh em ta đánh mạnh và xông vào đồn giết rất nhiều địch, đồng chí Võ Đức Nhi trung đội trưởng bị thương nặng, đồng chí Phạm Minh, thay đồng chí Võ Đức Nhi tiếp tục chỉ huy chiến đấu, đồng chí Nhi vẫn ở lại trận địa đi cùng anh em đến kết thúc trận đánh. Khi chiếc xe lửa bọc thép chạy đi, bộ phận tiếp chiến mới vào được và hơn 15 phút sau ta phá được cổng, đánh mạnh vào đồn và sau hơn 30 phút ta giải quyết xong đồn này.

Chỉ trong vòng 2 giờ đồng hồ, ta đánh chiếm hoàn

toàn 2 đồn GVF và “Quốc gia”, làm chủ tiểu khu Mường Mán, đưa hết vũ khí, đạn dược ra trước sân ga, cho công binh thiêu hủy đồn và các lô cốt. Bộ phận dân công, do tình huống chiến đấu ác liệt, địch bắn cối xung quanh làm một số chạy lạc. Nên ta chỉ thu được một nửa số đạn và phải phá khẩu sơn pháo 75 tại đồn GVF.

Kết quả ta đã diệt hơn 300 tên địch, bắt một số tù binh (có 2 tên Pháp và tên Chút, phó mật thám). Thu hơn 100 súng, có 2 cối 60 ly và cối 81 ly, 5 súng ngắn, 25 tiểu liên P.M và có nhiều trung liên, rất nhiều đạn và lựu đạn. Ta bị thương 5, dân công hy sinh 2, bị thương 7.

Chiến thắng Mường Mán không những biểu hiện tinh thần tích cực tiến công, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm diệt địch, phát huy cách đánh sở trường mang tính truyền thống từ trận thắng Lầu Ông Hoàng (6-1947), trận tiêu diệt cứ điểm Căng Esépíc (28-12-1951) mà còn tiến một bước dài về sử dụng lực lượng lớn hơn, tiến công mục tiêu lớn hơn, sử trí các tình huống phức tạp hơn. Bản lĩnh của người chỉ huy và hành động chiến đấu của đơn vị được nâng lên rõ nét.

Quân địch thì bàng hoàng, choáng váng thua đau ở trận Căng Esépíc, lại bị mất cả tiểu khu Mường Mán càng làm cho chúng khiếp sợ. Không phải như chúng khoác lác “đối phương gặp may”¹ mà rõ ràng ta đã có khả năng hiện thực, đủ sức giáng cho chúng những đòn sấm sét.

1. Sau chiến thắng Căng Esépíc đêm 28-12-1951. Địch tung tin là “đối phương gặp may” chứ chẳng phải tài giỏi gì cả.

Tháng 6-1952, trên đường ra Việt Bắc, ghé lại Bình Thuận, đồng chí Lê Duẩn bí thư Trung ương Cục miền Nam đã giúp nhiều ý kiến về các mặt công tác, nhất là việc xây dựng căn cứ lâu dài, đặc biệt đồng chí nói nhiều về cách đánh đặc công ở Nam Bộ và để lại 3 đồng chí cán bộ đặc công giúp cho Bình Thuận, cục Nam Trung Bộ xây dựng lực lượng.

43 chiến sĩ, cán bộ được lựa chọn thành lập một trung đội đặc công do đồng chí Lê Văn Luyến làm trung đội trưởng. 3 cán bộ đặc công do đồng chí Liêm Đại đội trưởng, đồng chí Nê, Đối là cán bộ tiểu đội bắt tay ngay vào công tác tổ chức và huấn luyện. Vốn có sở trường về cách đánh của chiến trường và có nhiều kinh nghiệm chiến đấu, được các đồng chí trên chỉ bảo rất tận tình nên tất cả trung đội tiếp thu kỹ thuật, chiến thuật khá nhanh và tốt. Chỉ trong vòng tháng 7, tháng 8 việc huấn luyện và thực tập cơ bản xong, anh em khẳng định có thể đánh được. Để thử nghiệm cách đánh mới và thực hiện chủ trương phá khu tập trung dân, tạo thuận lợi cho công tác dân vận, địch vận, ta tổ chức tiến công tiêu diệt đồn Ngã Hai.

Đồn Ngã Hai nằm trên ngã ba đường đi Phan Thiết – Sài Gòn và Phan Thiết – Mương Mán, cách thị xã 7 km. Vị trí này không chỉ án ngữ đường vào Phan Thiết mà còn khống chế tập trung dân ở vùng tự do vào và uy hiếp các xã hàm Kiệm, Tiến Lợi. Đồn Ngã Hai xây dựng khá kiên cố, có nhiều lô cốt và nhiều lớp rào bao bọc xung quanh. Lực lượng địch có trên 1 đại đội do một quan tư Pháp chỉ huy.

Lực lượng ta có 1 trung đội đặc công làm nhiệm vụ chủ yếu, đại đội xung kích làm nhiệm vụ tiếp chiến, 1 trung đội bộ đội địa phương thị xã làm nhiệm vụ chặn viện. Ngoài ra còn có 1 tổ đặc công diệt tháp canh cầu 40 và một bộ phận đánh các tháp canh ở khu tập trung.

Trung đội đặc công bố trí 7 mũi trên hướng chủ yếu, bí mật luồn sâu, ém sát vào các lô cốt và các nhà trong đồn. Chỉ huy trận đánh là đồng chí Nguyễn Minh Châu.

Đêm 18-9-1952, đến giờ quy định, bất ngờ bộc phá đồng loạt nổ, phá sập các lô cốt, xung kích nhanh chóng diệt các ụ súng và các nhà lính, lực lượng tiếp chiến tràn vào tiếp tục quét sạch bọn địch còn lại. Chỉ trong vòng 20 phút ta làm chủ hoàn toàn đồn Ngã Hai và khu tập trung dân. Tổ đặc công ở hướng chặn viện cũng diệt xong tháp canh cầu 40. Viên binh ở Phan Thiết lên tới cổng chữ Y, thấy chướng ngại đặt trên đường, chúng dừng lại nằm bắn mãi đến sáng.

Kết quả ta diệt 60 tên địch, bắt sống hơn 60 tên thu toàn bộ vũ khí đạn dược, quân trang quân dụng, phá khu tập trung và đưa phần lớn dân làng về xóm cũ.

Chiến thắng Ngã Hai, chiến thắng đầu tiên của chiến thuật đặc công trên chiến trường Bình Thuận, cực Nam Trung Bộ và cả chiến trường Liên khu 5. Cùng với tiêu diệt địch, công tác dân vận, tổ chức tù hàng binh ta làm chu đáo, chuẩn bị tốt cho đồng bào đối phó với địch, phân loại và giáo dục từng đối tượng từ hàng binh, thực hiện chính sách khoan hồng một cách đúng mức đã làm cho nhiều lính ngụy cảm phục, tạo thuận lợi cho công

tác địch vận sau này.

Để ca ngợi chiến thắng, đồng chí Minh Quốc đã sáng tác bài “chiến thắng Ngã Hai” có câu “...18 tháng chín, mùa lên sức sống, Ngã Hai chiến thắng vinh quang...”.

Sau các trận Căng Esépic, Mường Mán tuy địch đề phòng cẩn mật hơn nhưng chúng lại bị giáng một đòn chí mạng ở sát nách thị xã Phan Thiết bằng cách đánh “rất kỳ lạ” như địch thú nhận. Sáng hôm sau tên quan năm từ Sài Gòn tức tốc bay ra nghiên cứu cách đánh của ta để đối phó.

Chiến thắng Ngã Hai, chiến thuật đặc công xuất hiện, góp phần tích cực đánh bại chiến thuật tháp canh và cứ điểm của địch trong điều kiện trang bị kỹ thuật còn rất hạn chế.

Trong gần 2 năm, Ban cán sự cục Nam Trung Bộ và Tỉnh ủy Bình Thuận đã chỉ đạo chặt chẽ, qua những chiến thắng lớn đã biểu hiện tinh thần tích cực, chủ động tiến công địch. Học tập cách đánh mới một cách nhanh chóng và có hiệu quả. Tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ được nâng cao. Việc sử dụng lực lượng lúc phân tán lúc tập trung cũng linh hoạt hơn, đã gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề và bồi dưỡng sức ta được nhiều, tác dụng rất lớn trong việc giữ vững khu du kích Hàm Thuận.

Nhìn chung từ những tháng cuối năm 1951 và năm 1952 ta đã có nhiều cố gắng và những tiến bộ quan trọng. Đã chuyển được nhận thức, quan điểm, tổ chức và phương hướng hoạt động nên dần dần đã khôi phục

và phát triển được cơ sở, số lượng tuy không đông nhưng chất lượng được nâng cao, vững vàng hơn và tiếp tục đi lên. Bình Thuận căn bản giữ vững khu du kích Hàm Thuận và mở rộng thêm một số xã, giành lại phần lớn số dân bị địch dồn, phát triển mạnh phong trào du kích chiến tranh trên khắp vùng.

Sự phối hợp các lực lượng trong chống càn quét dồn dân, bảo vệ mùa màng thu được kết quả lớn. Việc đẩy mạnh xây dựng các khu căn cứ đạt nhiều tiến bộ quan trọng. Căn cứ miền núi ngày càng được củng cố vững chắc, đã hạn chế, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, làm bàn đạp và là nơi đứng chân tốt cho cuộc kháng chiến.

Ta cũng đã kiên quyết giảm chính cơ quan, giảm mạnh biên chế tăng cường lực lượng, cán bộ cho cơ sở, cải tiến tác phong công tác lãnh đạo sâu sát kịp thời hơn. Các lực lượng vũ trang được chấn chỉnh về tổ chức, nâng cao chất lượng chính trị, quân sự đánh thắng nhiều trận lớn, độc đáo và xuất sắc, thu được một lượng lớn vũ khí đạn dược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của chiến trường. Nhiều cán bộ đã lăn lộn với phong trào, bám sát dân, sát địch xây dựng cơ sở quần chúng. Những cán bộ, chiến sĩ của Bình Thuận đã không quản khó khăn, không nề hy sinh gian khổ, hoạt động và chiến đấu để trưởng thành.

Tháng 10-1952, Ban cán sự cục Nam Trung Bộ đã cử một đoàn cán bộ, chiến sĩ gồm những đồng chí tiêu biểu của lực lượng vũ trang Bình Thuận đi dự đại hội liên hoan chiến sĩ thi đua Liên khu 5¹, đã nói lên thành tích

1. Các đồng chí đó là: Võ Hòa Tương, Lê Hạnh Phúc, Tô Phụ, Nguyễn Văn Lợi, Thanh Phong, Phạm Ty.

hoạt động toàn diện của chiến trường.

Tuy vật chất còn nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng nhờ đẩy mạnh tăng gia sản xuất tự túc của tất cả các đơn vị, các ngành và công tác bảo vệ mùa màng tốt, được sự ủng hộ tận tình của nhân dân nên đời sống có khá hơn trước và đảm bảo được các mặt hoạt động. Có thể nói đến cuối năm 1952, mặt dầu cuộc đấu tranh giữa ta và địch còn quyết liệt, địch có thể đánh phá mạnh ở một số nơi gây cho ta những khó khăn mới, nhưng nhìn toàn cục, phong trào đã có chuyển biến tốt, tạo được thế trận vững chắc để tiến lên. Nguyên nhân của những tiến bộ và thành tích đã đạt được là sự chuyển mạnh về nhận thức quan điểm nhất là quan điểm quần chúng, về tinh thần phục vụ nhân dân, nắm vững chính sách đoàn kết toàn dân của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cán bộ, bộ đội công khai tự phê bình trước nhân dân, sửa chữa được nhiều sai lầm, khuyết điểm trước đây, làm cho nhân dân càng thêm tin tưởng gắn bó với bộ đội kháng chiến.

Đi đôi với sửa chữa khuyết điểm, công tác vận động quần chúng, xây dựng cơ sở cũng được đẩy mạnh, việc giáo dục và rèn luyện đảng viên, xây dựng chi bộ chủ động công tác, sửa đổi phong cách lãnh đạo ở các cấp cũng được tiến hành kịp thời. Đặc biệt là qua cuộc chỉnh huấn hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang cũng như cán bộ các ngành dân chính đảng đã có chuyển biến mạnh về nhận thức, quan điểm tư tưởng và tinh thần trách nhiệm đạo đức cách mạng. Nhiều cán bộ trong học tập

đã tự phê bình một cách thành khẩn và sau đó có nhiều tiến bộ. Đây là cuộc chỉnh huấn đầu tiên ở chiến trường cực Nam Trung Bộ đã đạt được kết quả tốt.

Hai năm qua tuy có sự chuyển biến lớn trong cán bộ, chiến sĩ, đã lập được nhiều thành tích suất sắc trong chiến đấu và công tác những đó cũng chỉ là bước đầu. Cuộc đấu tranh còn nhiều gian khổ phức tạp đòi hỏi quân dân Bình Thuận càng phải nỗ lực hơn theo đà tiến triển chung của cả nước.

Chương bốn

**PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG LIÊN KHU V,
CÙNG CẢ NƯỚC KẾT THÚC THẮNG LỢI
CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN
PHÁP XÂM LƯỢC
(1953-1954)**

I. Tiếp tục tăng cường lực lượng, củng cố phát triển bộ đội địa phương, dân quân du kích, hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn quyết định

Chiến thắng Hòa Bình, Tây Bắc và thắng lợi của nhân dân Lào đã làm thay đổi to lớn trong so sánh lực lượng giữa ta và địch. Sau 7 năm chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp đã bị tiêu diệt, thiệt hại trên 30 vạn binh lính và sĩ quan. Các kế hoạch Đácgiăngliơ, Bôla, Pinhông, Rove, Đờtátxinhi theo nhau phá sản. Chính phủ Pháp dựng lên đổ xuống 17 lần. Năm viên cao ủy và sáu viên tổng chỉ huy Pháp ở Đông Dương lần lượt bị triệu hồi.

Nhưng với chính sách phản động và bảo thủ, thực dân Pháp chủ trương tranh thủ thêm viện trợ Mỹ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh, hòng tìm ra một "lối thoát danh dự" bằng thắng lợi quân sự. Ngày 7-5-1953, với sự thỏa thuận của Mỹ, chính phủ Pháp cử tướng Nava (Navare) làm Tổng chỉ huy quân viễn chinh

ở Đông Dương và hy vọng với kế hoạch “Nava” trong vòng 18 tháng sẽ đảo ngược được tình hình. Kế hoạch “Nava” chủ trương: không chấp nhận một sự rút lui nào hết. Điều kiện cho một giải pháp chính trị vĩnh cửu là giữ vững các trận địa và cải thiện các trận địa ấy¹.

Pháp sẽ thực hành phản công chiến lược gồm 2 bước. Trong thu đông 1953 và mùa xuân năm 1954 giữ vững thế phòng ngự ở miền Bắc để tập trung lực lượng tiến công chiến lược ở miền Nam, bình định và chiếm đóng tất cả vùng tự do của ta nhất là vùng tự do Liên khu 5 và vùng Hậu Giang, Nam Bộ. Sau khi giành được ưu thế tuyệt đối và bình định được miền Nam, từ mùa thu năm 1954 sẽ tập trung lực lượng thực hành quyết chiến chiến lược với chủ lực ta trên chiến trường Bắc Bộ, giành thắng lợi quyết định để kết thúc chiến tranh. Đây là nỗ lực cao nhất, là cố gắng cuối cùng của thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương.

Tháng 1-1953, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 4. Trong Báo cáo chính trị đọc tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vạch rõ: Để duy trì kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, cần tập trung thực hiện tốt hai vấn đề: *Một là* lãnh đạo kháng chiến và chính sách quân sự; *Hai là* phát động quần chúng, giảm tô tiến hành cải cách ruộng đất.

Tháng 9-1953, sau khi phân tích cụ thể cục diện chiến tranh Đông Dương và âm mưu mới của Pháp-Mỹ,

1. Hăngri Nava: *Đông Dương hấp hối* (bản tiếng Pháp), Nxb Plông, Pari, 1958, tr.73.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng kết luận: Kế hoạch Nava tuy có gây cho ta những khó khăn mới, nhưng bản chất nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và có nhiều nhược điểm lớn. Vấn đề đặt ra cho ta là phải biết khoét sâu những mâu thuẫn của địch, buộc chúng phải phân tán lực lượng, tạo thời cơ để ta tiêu diệt sinh lực chúng. Ta phải vừa tác chiến trên chiến trường chính diện, vừa đẩy mạnh hoạt động trong các vùng sau lưng địch, phối hợp với các chiến trường Đông Dương buộc địch phải bị động đối phó. Bộ Chính trị chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược đông-xuân 1953 - 1954.

Từ cuối năm 1953 sang đầu năm 1954, những đòn tiến công chiến lược của ta lần lượt giáng xuống đầu quân Pháp trên toàn chiến trường Đông Dương giành thắng lợi lớn, quân địch đã bị động đối phó và thất bại nặng nề.

Ở Liên khu 5, để thực hiện một bước kế hoạch Nava, từ mùa hè đến cuối tháng 12-1953, địch đã đưa lực lượng cơ động lên đến 40 tiểu đoàn, trong có binh đoàn cơ động số 10 từ Pháp sang và binh đoàn 100 từ Nam Triều Tiên về. Nava chủ trương mở cuộc hành quân Átlăng (Atlante) bất ngờ tiến công vào vùng tự do của ta theo dự kiến 3 bước đánh chiếm hoàn toàn 4 tỉnh của Liên khu 5.

Căn cứ vào sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Tổng quân ủy về chủ trương chiến lược. Tháng 12-1953, Hội nghị Liên khu ủy đã quyết định: Lấy nhiệm vụ tiến công phát triển vùng Tây Nguyên là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất, nhiệm vụ củng cố vùng tự do là quan

trọng thứ hai. Lấy tiến công làm nhiệm vụ quan trọng thứ chính nhưng không được coi nhẹ nhiệm vụ phòng thủ. Các chiến trường vùng sau lưng địch phải tích cực đẩy mạnh hoạt động để phối hợp với hướng chính và vùng tự do Liên khu¹.

Để tiến lên vùng Tây Nguyên ta mở chiến dịch Bắc Kon Tum làm hướng chính, thứ hai là đường 19 Gia Lai.

Ngày 20-1-1954, với 22 tiểu đoàn quân Pháp gồm 4 binh đoàn cơ động 10, 100, 41, 42 và 10 tiểu đoàn có 2 tiểu đoàn dù, địch mở cuộc hành quân Átlăng do tướng Đờbôpho (Debeaufort) Tư lệnh hành quân Tây Nguyên trực tiếp chỉ huy đánh ra Tuy Hòa (Phú Yên). Sau 10 ngày địch bị tiêu diệt trên 800 tên và càng tiến sâu càng bị thất bại nặng. Địch vừa tiến công ra Phú Yên 2 ngày thì ngày 22-1, Bộ Chỉ huy chiến dịch Bắc Kon Tum hạ lệnh tiêu diệt các cứ điểm Cà Tung, Ba Bả, Cà Tu, ngày 27-1, diệt Mang Đen, Cam Rẫy, Mang Bút. Sau 7 ngày diệt Đắc Lây, hệ thống đồn bót Bắc Kon Tum bị quét sạch, thị xã Kon Tum bị uy hiếp nặng. Địch phải vội vã điều binh đoàn 100 bỏ Kon Tum, tạm đình cuộc hành quân Átlăng, rút bớt một số đơn vị về phòng thủ đường 19 và phía Nam Tây Nguyên.

Ngày 7-2-1954, thị xã Kon Tum và tỉnh Kon Tum rộng hơn 14.000 km với 200.000 dân hoàn toàn giải phóng. Một cục diện mới đã xuất hiện trên chiến trường

1. Báo cáo của Tổng Quân ủy trình lên Bộ Chính trị ngày 27-11-1953 về tình hình địch, ta trên chiến trường Liên khu 5. Chủ trương chiến lược và kế hoạch công tác quân sự sắp tới được Bộ Chính trị thông qua.

Nam Trung Bộ.

Ta khẩn trương tổ chức một đợt tiến công ngăn nhưng thật mạnh vào cụm phòng thủ Pleiku và đường 19 để đánh lạc hướng quân địch. Lực lượng chủ lực hình thành 2 khối đánh cả sau lưng và trước mặt địch, vượt qua đường 10 phát triển vào phía Nam Tây Nguyên, luồn sâu vào Phú Yên diệt địch và kềm chế chúng, nếu địch đổ bộ lên Quy Nhơn thì kiên quyết đánh chặn không cho chúng hợp điểm. Trong lúc đó địch lại chú quan cho rằng cuộc tiến công đông-xuân 1953 - 1954 của ta đã kết thúc, nên cuối tháng 2-1954, Nava đã ra lệnh đưa binh đoàn cơ động, đơn vị dự bị tình nhuệ của chúng từ Hà Nội vào tiếp tục bước 2 cuộc hành quân Átlăng.

Ngày 10-3, chúng đổ bộ lên Quy Nhơn, phía tây 4 binh đoàn (10, 21, 100, dù) từ An Khê kéo ra chiếm Thuận An chuẩn bị đánh chiếm Bình Định.

Ngày 13-3, chủ lực ta trên chiến trường chính Bắc Bộ tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 16 tháng 3, địch rút binh đoàn cơ động dù ở An Khê ra Hà Nội.

Trong lúc 40 tiểu đoàn cơ động của địch đang bị đánh tới tấp trên đường 19, Quy Nhơn, Tuy Hòa, Nam Tây Nguyên thì quân và dân các tỉnh vùng sau lưng địch tranh thủ thời cơ vùng lên tiến công địch quyết liệt và đều khắp.

Trước tình hình khó khăn ở vùng núi phía Bắc, Nava phải rút tiếp một số đơn vị để cứu nguy. Ta tiếp tục tiến công địch trên đường 19, bao vây uy hiếp An Khê, Pleiku và liên tục đánh địch ở Phú Yên, địch chỉ còn con đường

biển rút chạy. Ngày 24-6, Trung đoàn 96 đánh một trận phục kích tiêu diệt binh đoàn 100 rút chạy tại Đắc Pơ. Sau một giờ chiến đấu, đại bộ phận binh đoàn 100, 1 tiểu đoàn bộ binh nguy số 520, 1 tiểu đôn pháo 105 ly gồm 700 tên đã bị ta tiêu diệt và làm bị thương, 1.200 tên bị bắt làm tù binh, trong đó có tên đại tá Baru (Baroux), ta thu được 229 xe cơ giới, 20 khẩu pháo, toàn bộ súng đạn và quân trang quân dụng khác. Đây là trận thắng mẫu mực về mưu trí, dũng cảm, về tiêu diệt gọn địch trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Sau chiến thắng Đắc Pơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư khen.

Cuộc tiến công chiến lược đầy tham vọng của Nava trên chiến trường Nam Đông Dương, mà điểm trung tâm là cuộc hành quân Átlăng đã thất bại hoàn toàn. Sau 7 tháng chiến đấu, quân và dân Liên khu 5 đã tiêu diệt 28.000 quân địch, thu 7.500 súng các loại giải phóng tỉnh Kon Tum và Gia Lai (trừ thị xã Pleiku) cùng nhiều vùng đất đai rộng lớn ở Tây Nguyên và các tỉnh vùng ven biển, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của cả nước.

Để thực hiện chiến lược của Nava, địch tập trung đánh phá mạnh vùng tự do Liên khu 5 và vùng bị tạm chiếm ở cực Nam Trung Bộ nhằm biến vùng này thành hậu phương an toàn của chúng để rảnh tay đối phó với các chiến trường khác. Mặt khác để thực hiện chính sách "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Địch đã tập trung một lực lượng lớn đánh phá vùng du kích Hàm Thuận và căn cứ Lê Hồng Phong nhằm xóa bỏ vùng du kích và phá vỡ căn

cứ quan trọng của ta. Trong các vùng bị chiếm, địch tăng cường bắt lính, vơ vét, bóc lột về kinh tế. Trên các vùng miền núi, địch tiếp tục phát triển tề, điệp, lập các ổ vũ trang để chống phá ta.

Nhằm phá âm mưu của địch, giữa vùng khu du kích và căn cứ, đưa cuộc kháng chiến đi lên theo yêu cầu phối hợp chiến trường của Liên khu. Từ cuối năm 1952, Ban cán sự cục Nam Trung Bộ và các Tỉnh ủy đã có chủ trương tiếp tục giản chỉnh cơ quan, tăng cường cán bộ cho cơ sở, củng cố và phát triển bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Bố trí lại lực lượng cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới.

Đầu năm 1953, các cơ quan của tỉnh và các cấp tiếp tục giản chỉnh, cải tiến lề lối làm việc. Cơ quan Tỉnh đội Bình Thuận chỉ còn 50 người. Các cấp chỉ huy từ huyện đội, đại đội đều được bố trí đầy đủ, hầu hết là các cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm gắn bó với chiến trường. Các cán bộ chỉ huy và cơ quan tỉnh, huyện thường xuyên đi sát chiến trường nhất là những nơi có nhiều khó khăn. Những trận đánh quan trọng đều do tỉnh trực tiếp chỉ huy. Nhờ vậy việc nắm tình hình và giải quyết những công việc kịp thời, mối quan hệ trên, dưới, cán bộ, chiến sĩ ngày càng đoàn kết gắn bó hơn.

Ở Bình Thuận, lực lượng bộ đội địa phương được củng cố và phát triển mạnh. Đại đội 216 Bắc Bình tổ chức tại 3 trung đội, chất lượng khá, hoạt động tốt phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng cơ sở và giữ vững khu căn cứ Bình An (Bá Ghe), xây dựng vùng núi Rusan Tamâu, Oan Tàlip và Bình Sơn. Đại đội 225, đứng ở miền Đông

Hàm Thuận cũng đã trưởng thành và càng gắn bó với địa phương. Đại đội A ở Tam giác, liên tục chiến đấu giữ vững khu căn cứ du kích quan trọng này và đã 3 năm bám trụ gắn bó với địa phương.

Để giữ vững miền Tây Bắc Hàm Thuận, ta điều Đại đội B đang đứng ở Hàm Thuận. (Hàm Cường, Hàm Kiệt) về phụ trách Tây Hàm Thuận (Hàm Phú, Hàm Trí, Hàm Thanh) và đổi phiên hiệu là Đại đội 653 (tháng 6-1953), địa bàn Nam Hàm Thuận đưa bộ đội Hàm Tân ra thay. Đại đội 218 phụ trách căn cứ Lê Hồng Phong. Tính đến đầu năm 1953 Bình Thuận đã có 6 đại đội địa phương (chưa kể Tánh Linh) với tổng số trên 1.000 quân được bố trí hợp lý trên địa bàn của tỉnh.

Lực lượng chủ lực có đại đội xung kích, quân số và trang bị đầy đủ, đã tham gia nhiều trận chống càn quét khắp vùng Hàm Thuận và phục kích nhiều trận táo bạo ở Bình lâm. An Lâm, đã tập kích nhiều trận vang dội như Căng Esépíc, Mương Mán, Ngã Hai, Sông Quao, v.v.. Càng đánh lực lượng xung kích càng trưởng thành và đến tháng 6-1954 đã khôi phục lại thành Tiểu đoàn 86 với chất lượng cao. Mặc dầu tiểu đoàn vẫn là đơn vị chung của cực Nam Trung Bộ nhưng được giao cho Bình Thuận trực tiếp lãnh đạo và chỉ huy.

Lực lượng đặc công từ 1 trung đội cuối năm 1952, nay phát triển thành đại đội và đã tham gia chủ công đánh nhiều trận xuất sắc, đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Ngoài việc tổ chức và xây dựng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương Bình Thuận còn chú ý kiện toàn các ban chỉ

huy xã đội, các khu căn cứ, khu du kích và các đơn vị công binh. Nhiều năm các đơn vị này đã phối hợp hoạt động bám đánh giao thông, nhất là giao thông đường sắt, phá hàng trăm cầu, lật đổ hàng chục đoàn tàu lửa quân sự, diệt hàng nghìn tên địch.

Binh công xưởng cũng được chấn chỉnh và đẩy mạnh sản xuất, đáp ứng được yêu cầu của chiến trường trong điều kiện ở xa vùng tự do Liên khu. Trong quá trình học tập, nghiên cứu và thử nghiệm, có đồng chí hy sinh hoặc bị thương như đồng chí Văn Công Sung, Việt, Mẹo, Minh Thái, v.v.. Ban chỉ huy cũng được kiện toàn, đồng chí Phan Học làm Giám đốc, Nguyễn Thành Tâm, Trần Sáu phụ trách Phó giám đốc, đồng chí Long Ba làm Chính trị viên. Từ nửa cuối năm 1952. Binh công xưởng sản xuất được một số lớn đạn, lựu đạn, mìn và phụ tùng thay thế cho các loại vũ khí hỏng hóc. Xưởng còn cử một số bộ phận cán bộ theo các trận đánh lớn để phục vụ kịp thời về công tác sửa chữa và nắm hiệu quả sát thương các loại vũ khí do xưởng sản xuất. Đặc biệt khi chiến thuật đặc công xuất hiện trên chiến trường Bình Thuận, binh công xưởng đã đáp ứng tốt bộc phá, thủ pháo cho yêu cầu chiến đấu, góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung trên chiến trường cực Nam Trung Bộ.

Các mặt công tác bảo đảm như củng cố các bệnh viện, bệnh xá, tổ chức quân y, quân lương cũng được quan tâm đúng mức. Việc tăng gia sản xuất cải thiện đời sống tiếp tục phát triển tốt, hầu hết các đơn vị đều tự túc lương thực được vài tháng, nhờ đó mà đời sống bộ đội có khá hơn.

Ban cán sự cục Nam Trung Bộ và Tỉnh ủy Bình Thuận còn kiên quyết tổ chức học tập chính trị, huấn luyện quân sự cho tất cả các đơn vị.

Từ nửa năm 1953 cho đến đầu năm 1954, lần lượt các đơn vị thay nhau bước vào huấn luyện quân sự, học tập chính trị. Nội dung và chương trình học tập lần này cao hơn, toàn diện hơn và thời gian cũng dài hơn.

Cán bộ, chiến sĩ ở chiến trường lâu nay ít được học, nhất là học chính trị. Lần này được học những vấn đề cơ bản, đã làm cho các chiến sĩ nhận thức sâu sắc thêm tình hình và nhiệm vụ trong thời gian tới. Về quân sự cũng được nâng lên nhất là trình độ kỹ thuật. Riêng cách đánh đặc công, từ những kinh nghiệm của các trận Ngã Hai, Sông Quao, Mũi Né, ta rút ra được nhiều điều bổ ích để vận dụng như sử dụng lượng bộc phá vừa đủ sức tiêu diệt địch và thu được vũ khí, đặc công hóa bộ binh để chuẩn bị chiến trường nhanh, chủ động thời gian và địa điểm để tiến công địch và nhất là giải quyết kịp thời phát triển cách đánh đặc công trước đối phó của địch.

Cùng với việc củng cố tổ chức, phát triển lực lượng, bố trí lại địa bàn hoạt động, công tác xây dựng Đảng cũng được quan tâm. Hầu hết các đại đội đều có chi bộ và số lượng đảng viên chiếm khá đông, có đại đội chiếm từ một phần ba đến hai phần ba quân số. Tuy nhiên trong thực tế trình độ của đảng viên chưa đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ, nên các chi bộ có khó khăn trong công tác lãnh đạo. Do đó chủ trương chung của các Tỉnh ủy là tổ chức học tập cho đảng viên và chi ủy viên. Nội dung học tập, tập trung vào nhiệm vụ của người đảng viên, kinh nghiệm

lãnh đạo quân chúng nhất là lãnh đạo trong chiến đấu, qua các đợt học tập, trình độ đảng viên được nâng lên, sự lãnh đạo của các chi bộ có nhiều tiến bộ, đã tỏ ra vững vàng trong các trận chiến đấu và làm nhiệm vụ trên các địa bàn có nhiều khó khăn ác liệt.

Nhìn chung việc chấn chỉnh tổ chức, củng cố phát triển và bố trí lực lượng, học tập nâng cao chất lượng bộ đội trong năm 1953 và những tháng đầu năm 1954 có nhiều cố gắng và hiệu quả. Lực lượng ta không những tăng về số lượng mà còn nâng cao được chất lượng, nhất là chất lượng chính trị. Kết quả đó có thể hiện trong việc thực hiện nhiệm vụ để giữ vững các khu du kích, các khu căn cứ và vươn lên tiến công địch liên tục, giành được nhiều thắng lợi to lớn, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của Liên khu và toàn quốc.

II. Giữ vững vùng căn cứ, khu du kích, tăng cường hoạt động quân sự phối hợp chiến trường liên khu, vươn lên giành thắng lợi lớn, góp phần kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược

Từ đầu năm 1953, quân địch ở Bình Thuận có 4.289 tên, trong đó có 2 tiểu đoàn Âu-Phi chiếm từ 30% đến 35% quân số. Sau đó địch tăng dần lên 5.000 tên, rồi 6.000 tên, có 3 tiểu đoàn Âu-Phi. Khi tổ chức những cuộc càn quét lớn, lực lượng Âu-Phi tăng cao, chiếm từ 45% đến 47% quân số toàn tỉnh. Đến cuối năm 1953, lính Âu-Phi giảm dần còn lại 1 tiểu đoàn, quân ngụy có 2 tiểu đoàn và 24 đại đội. Đầu năm 1954, địch rút hẳn 5 đại đội, 3 tiểu đoàn ngụy và tiểu đoàn Âu-Phi, nhưng

lại điều đến 4 tiểu đoàn nguy khác, tỷ lệ Âu-Phi chỉ còn khoảng 1% so với tổng số quân¹.

Quân khu Bình Thuận trước đây chỉ huy chung toàn tỉnh, sang đầu năm 1953, chúng tạm giao Bắc Bình cho Ninh Thuận và Tánh Linh cho Đồng Nai Thượng để chúng tập trung xóa bỏ khu du kích Hàm Thuận. Điều tên Giắc Kin (Jac Quin) có kinh nghiệm đánh phá phong trào du kích ở Ninh Thuận vào Bình Thuận và thăng cấp từ thiếu tá lên trung tá.

Địch tập trung càn quét đánh phá các vùng du kích, vùng căn cứ, kết hợp đóng thêm đồn bót để bao vây uy hiếp ta. Từ tháng 2 đến cuối tháng 4-1953 địch càn quét, đánh phá mạnh ở Nam Hàm Thuận và ven căn cứ Lê Hồng Phong. Ngày 12-2, ba tiểu đoàn bộ binh phối hợp với quân nhảy dù đánh phá vùng Dân Thạnh. Ngày 23-4 là cuộc càn của 8 tiểu đoàn bộ binh có xe tăng, thiết giáp, máy bay yểm trợ đánh phá vùng phía Nam và thọc vào trung tâm căn cứ Lê Hồng Phong, sau cuộc càn địch đóng đồn ở Bà Hòe và Xa Ra. Từ cuối tháng 5 đến tháng 8, địch liên tiếp mở nhiều cuộc càn ở vùng Tam Giác, đánh phá ác liệt vùng này. Trong vòng 3 tháng (6, 7, 8) chúng đã mở cuộc càn vào Tam Giác với lực lượng từ 2-3 đại đội đến 2-3 tiểu đoàn. Sau các trận càn địch đóng đồn Bàu Gia, tháng 8, 9, địch mở một số cuộc càn quét vào Hàm Đức, Hàm Thắng, đóng đồn Hiệp Thạnh (8-1953), đồn Gộp (Dân Thạnh) 9-1953.

1. Cuối năm 1953 quân nguy có 2 tiểu đoàn và 24 đại đội. Trong 24 đại đội này có tổ chức 1 tiểu đoàn nữa để sang năm 1954 - rút đi 3 tiểu đoàn và 5 đại đội.

Đặc biệt, trong hai ngày 15 và ngày 16-8, địch đã sử dụng 13 tiểu đoàn tập trung đánh phá khu Tam Giác. Vùng Hàm Trí, Hàm Phú địch cũng thường xuyên càn quét. Trong tháng 8, quân của Bình Thuận phối hợp với Lâm Đồng, tổ chức một lực lượng 5.000 tên nhằm quét sạch vùng này phá khu căn cứ du kích và chặn đường tiến lên Lâm Đồng. Những hoạt động trên đều nhằm đánh phá mạnh và bao vây khu Lê Hồng Phong, khống chế vùng Hàm Đức, Hàm Thắng, cô lập khu du kích Tam Giác (Hàm Thuận).

Kết hợp với càn quét đánh phá là những hoạt động biệt kích đánh sâu vào vùng ta. Lực lượng từ 1-2 tiểu đội cao nhất là 1 đại đội.

Tháng 4-1953, chúng đột kích vào Suối Chình thôn Dân Hòa, xã Hàm Thạnh đốt nhà, giết người rất dã man. Mật độ đánh phá của máy bay và pháo cũng ác liệt hơn. Các vùng phía nam, bắc Hàm Thuận, Nam căn cứ Lê Hồng Phong và vùng biển Hàm Tân là những mục tiêu bắn phá thường xuyên. Vùng núi Tánh Linh, Bắc Bình, địch đẩy mạnh các hoạt động của bọn tề và các ổ vũ trang (Gum) đóng đồn Lò Ổ (Tánh Linh), Tà Lộ (Bắc Bình) để khống chế vùng núi và ngăn chặn ta tiến lên Lâm Đồng.

Trong vùng bị tạm chiếm, địch chú trọng nhiều về hoạt động chính trị, kinh tế. Tổ chức bầu cử hội đồng hương chính chịu trách nhiệm bắt xâu, bắt lính và thu thuế. Nhân việc các tiểu đoàn Âu-Phi rút đi, chúng tổ chức trao trả chủ quyền cho bọn nguỵ, việc này có tác dụng đánh lừa nhất định của một số người. Chúng nắm

các tổ chức Hoa Kiều, lôi kéo tư sản, địa chủ, tổ chức thanh niên và các nghiệp đoàn, v.v.. Hạ giá đồng bạc Đông Dương, tăng các thứ thuế từ 100% lên 300%. Trong năm, chúng bắt được 1.500 lính tăng tăng 30% so với năm 1952. Ở Bắc Bình tổ chức được 350 bảo vệ hương. Phan Thiết tổ chức lực lượng thường trực cơ động để đối phó với ta. Chúng ráo riết truy phá cơ sở ở Mũi Né – Phan Thiết.

Toàn bộ những hoạt động của địch trong năm 1953, nhất là từ đầu năm cho đến cuối tháng 8-1953, chủ yếu là tập trung lực lượng nhằm xóa bỏ khu du kích Hàm Thuận, trọng điểm là Tam Giác, đánh mạnh và bao vây khu Lê Hồng Phong. Chúng đã gây cho ta một số khó khăn và tổn thất nhưng chúng đã vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân và dân ta. Những âm mưu của chúng cơ bản không thực hiện được và bị nhiều thiệt hại.

Sang đầu năm 1954, hoạt động của ta mạnh hẳn lên, trên các chiến trường chính địch buộc phải tập trung quân đối phó, nên các hoạt động của chúng yếu đi và bị động. Thời cơ thuận lợi để quân và dân Bình Thuận vươn lên quét sạch quân địch, phối hợp với Liên khu, cùng cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Thực hiện Nghị Quyết của Ban cán sự cục Nam Trung Bộ và Tỉnh ủy Bình Thuận quyết định giữ vững các khu du kích và căn cứ, đưa cuộc kháng chiến đi lên theo yêu cầu phối hợp chiến trường của Liên khu.

Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận

quyết tâm tiêu diệt tiểu khu Sông Quao, một cứ điểm nằm sâu trong vùng giải phóng, trong hệ thống cứ điểm trên đường 8, cách trung tâm Phan Thiết 27 km. Từ năm 1948 địch đóng cứ điểm này, suốt một thời gian dài ta chưa đánh được nên địch có điều kiện củng cố vững chắc. Tiểu khu Sông Quao, chung quanh có 5 lớp rào kẽm gai và tường thành cao 2, 5 m, bên trong có tường ngăn cách cao 1, 5m. Hệ thống tháp canh được bố trí xung quanh do bọn lính người thiểu số canh gác. Chỉ huy tiểu khu là quan ba Bec Non¹ một sĩ quan đã tốt nghiệp trường võ bị của Pháp và đã tham gia 18 năm trong đảng Đờ Gôn (De Gaulle). Lực lượng canh giữ đồn có một đại đội tăng cường lính người Chăm và dân tộc thiểu số. Địch còn nuôi nhiều chó Bécgiê (Berger) và ngỗng để chống đặc công ta đột nhập.

Sau gần 3 tháng chuẩn bị chiến trường, đêm 19-1-1953, ta tổ chức tiến công tiêu diệt đồn Sông Quao dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Chí Diễm-Tỉnh đội trưởng và đồng chí Nguyễn Lịnh-Chính trị viên Tỉnh đội. Thường vụ Tỉnh ủy cử đồng chí Võ Quang Ba-Tỉnh ủy viên cùng tham gia chỉ đạo.

20 giờ ngày 19-1-1953, các mũi đặc công vượt rào tiếp cận mục tiêu đặt bộc phá, lô cốt đầu cầu gặp khó khăn chưa vào được. Mãi đến 4 giờ 30 phút mới tiếp cận xong, đồng chí Phúc mũi trưởng mũi chủ yếu cử người ra báo cáo với chỉ huy và xin lệnh phát hỏa. Đồng chí liên lạc quay ra chưa đến nơi thì tên đốc gác đi kiểm tra,

1. Ta lấy được chứng minh thư của tên quan ba Bec Non, trong đó có ghi "Officier" tức sĩ quan chiến đấu.

phát hiện dây mìn bố trí ở phía nhà lính, nó hoảng hồn la ú ớ. Biết đã lộ, đồng chí Phúc ra lệnh cho đồng chí Chương điểm hỏa. Quả bộc phá ở lô cốt cố thủ nổ, tiếp theo là hàng loạt tiếng nổ dữ dội, gạch đá đổ rào rào, khói mù mịt. Kèn xung trận của đồng chí Huy Sô vang lên giục giã. Các bộ phận tiếp chiến nhanh chóng tiến vào phối hợp với lực lượng đặc công tiêu diệt địch. Lúc này ở gần lô cốt cố thủ, một ổ đề kháng ngoan cố chống cự, các đồng chí Bình, Phúc cùng bộ phận đặc công tiêu diệt ngay. Phối hợp với lực lượng tiếp chiến, tập trung hỏa lực tiêu diệt địch ở đồn chính và đánh nhà tên đồn trưởng. Ta bắt gần 20 tù binh, nhưng tên đồn trưởng đã theo đường hầm chạy ra lô cốt đầu cầu tổ chức chống cự lại. Khu vực hầm ngầm và lô cốt đầu cầu súng nổ dữ dội. Ta và địch giành giật nhau quyết liệt trước cửa hầm. Khẩu đại liên Vicker ở lô cốt đầu cầu nhả đạn như mưa, gây cho ta một số khó khăn. Hai tổ đặc công của đồng chí Phúc và Nhung tập trung cả số bộc phá và lựu đạn còn lại đánh mạnh vào cửa hầm và tiến công cả 4 mặt vào lô cốt. Lúc này trời cũng vừa hừng sáng, trận đánh kết thúc thắng lợi.

Tiểu khu Sông Quao bị tiêu diệt hoàn toàn ta bắt 30 tên, thu toàn bộ vũ khí, đạn dược, điện đài và quân trang quân dụng. Đồn Sông Quao bị san bằng¹, ta đưa số đồng bào bị địch bắt ở đây trở về làng cũ làm ăn.

1. Tiêu diệt tiểu khu Sông Quao: Giết và bắt hơn 1 đại đội địch (bắt 30 tên có 3 tên Pháp) thu 1 khẩu đại liên Vicker, 9 trung liên, 18 tiểu liên, 120 súng trường, 1 khẩu cối 81, 5 máy điện đàm và toàn bộ quân trang quân dụng. Ta đánh sập luôn cầu Sông Quao.

Bằng tinh thần chiến đấu dũng cảm, mưu trí, các chiến sĩ đặc công và bộ binh đã phối hợp chặt chẽ tiêu diệt gọn tiểu khu Sông Quao, một cứ điểm khá kiên cố của địch. Đây là trận đánh thứ hai bằng chiến thuật đặc công kết hợp với xung lực giành thắng lợi lớn.

Sông Quao bị tiêu diệt, cái đình cắm sâu trong vùng ta bị nhỏ, xã Hàm Trí hoàn toàn giải phóng nối liền vùng căn cứ từ Bắc Bình vào Hàm Thuận. Bàn đạp tiến công lên Lâm Đồng được mở rộng, đồn Gia Bát bị cô lập, cứ điểm Ma Lâm bị uy hiếp. Đồng chí Trương Quang Mỹ (y tá của đơn vị) sáng tác bài chòi “Chiến thắng Sông Quao”, có đoạn:

*“...Đêm nay vui cuộc liên hoan
Đông bào bộ đội ca vang hát liền.*

...

*Hát rằng mười chín tháng giêng
Sông Quao chiến thắng khắp miền vui say...”.*

Phản ứng trận tiêu diệt đồn Sông Quao, địch cho quân càn quét đánh phá vùng Bình An, Bình Lâm thuộc xã Hàm Chính, dân quân du kích phối hợp với bộ đội liên tục bám đánh địch, đánh lui nhiều mũi tiến công của chúng, tiêu hao tiêu diệt nhiều tên, bẻ gãy cuộc càn. Ngày 12-2-1953, mặc dù chỉ cách Phan Thiết dưới 20 km, có thể sử dụng xe cơ giới được nhưng địch không dám hành quân bộ mà phải dùng 39 máy bay Đacôta thả 200 quân dù xuống Dân Thạnh (xã Hồng Sơn) và 3 tiểu đoàn bộ binh từ Tuy Hòa theo trục đường số 1 tiến lên hợp điểm ở Dân Thạnh để càn quét đánh phá vùng này. Yểm trợ cho cuộc hành quân địch còn sử dụng 8

máy bay khu trục liên tục ném bom, bắn phá sâu trong vùng căn cứ ta. Với ý định có thể kéo dài cuộc càn 3 đến 7 ngày.

Dân quân du kích phối hợp với bộ đội bám đánh địch suốt từ động Bà Hòe trở lên. Nhiều trận ta phục kích chặn đánh quyết liệt, địch không tiến được, trên 100 tên bị diệt, đến đêm ta tổ chức tập kích vào Bộ Chỉ huy quân dù, giết chết một quan tư, hai quan hai, bắn bị thương một quan ba và hai quan hai nữa, tổng số chết và bị thương lên đến 40 tên, ta thu 20 dù. Sáng hôm sau quân dù rút chạy, cánh quân bộ từ Tuy Hòa đến Sa Ra cũng quay lại. Cuộc càn quét của địch bị thất bại và kết thúc sớm hơn kế hoạch.

Ngày 20-3, 1 tiểu đoàn Âu-Phi tiếp tục càn quét dọc đường 8 với ý định thăm dò lại tình hình khu vực Sông Quao, bị bộ đội chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương và dân quân du kích, tại km 21 (An Lâm) diệt 1 đại đội và đánh thiệt hại nặng đại đội khác, ta chỉ bị thương 5 đồng chí. Sau trận này, địch bỏ hẳn ý định chiếm đóng tại đôn Sông Quao, nhưng địch vẫn chủ trương tiếp tục đẩy mạnh tăng quân càn quét đánh phá các vùng căn cứ, du kích của ta. Theo báo cáo của thị xã Phan Thiết, trong tháng 3-1953, địch tăng quân đến Phan Thiết khá đông để chuẩn bị cho cuộc càn vùng Tam Giác và khu căn cứ Lê Hồng Phong vào đầu tháng 4 tới.

Nhằm tiêu diệt địch, bẻ gãy kế hoạch càn quét của chúng ngay từ đầu. Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận, mà trực tiếp là đồng chí Nguyễn Minh Châu-Tỉnh đội phó giao trách nhiệm cho Ban chỉ huy Đại đội xung kích

và Đại đội B, mỗi đại đội chọn từ 4-5 chiến sĩ có kinh nghiệm chiến đấu đặc công, biệt động, tổ chức một phân đội cải trang thành lính địch tập kích vào khách sạn Liên Thành, nơi bọn sĩ quan, hạ sĩ quan tụ tập ăn chơi, tiêu diệt ngay khi chúng mới đến.

Phân đội gồm 12 đồng chí do Lê Văn Luyện chỉ huy chung, đồng chí Trần Việt Khải và Hai Tiên (Đội trưởng Đội vũ trang hữu ngạn) làm Chỉ huy phó. Ngày 6-4-1953, khi thành phố lên đèn, toàn đơn vị theo ngõ sau dinh Vạn Đức Thắng qua nhà cơ sở đi ra đường chính (Phan Chu Trinh) băng qua đường Nguyễn Thái Học trong tư thế nghênh ngang, hống hách của những tên lính Commando đang đi làm phận sự.

Đi đầu là chị Hai Tiên gánh chè (vợ anh Hai Tiên, nhân dân quen gọi là chị Hai Tiên)¹, tiếp theo là tổ đánh phòng ăn phía trước, cuối cùng là tổ đánh phòng chơi giải trí.

Đến khách sạn, chị Hai Tiên vừa để gánh xuống, anh em nhanh chóng nhận bộc phá và tiến công luôn. Bọn địch đang ăn chơi bị tấn công bất ngờ không kịp đối phó. Tiểu liên, lựu đạn nổ dồn dập vào các phòng, bọn địch đổ gục, chồng chất lên nhau. Trước khi rút, đồng chí Luyện cho đánh tiếp 2 quả bộc phá, phá sập căn phòng phía trước. Chỉ sau năm phút chiến đấu, ta giết và bắn bị thương 57 tên địch (42 tên chết, 15 bị

1. Chị Hai Tiên tên thật là Nguyễn Thị Quyên. Đồng chí Tiên đã đưa toàn bộ lực lượng vào ém lốt tại dinh Vạn Đức Thắng, anh bố trí vợ giả bán chè để gánh bộc phá dẫn đường, anh cảnh giới đường lui quân. Cuối năm 1953, anh Tiên hy sinh, chị vào sinh sống ở Bà Rịa, rồi Tây Ninh. Chị mất năm 1987.

thương) toàn bộ là sĩ quan, hạ sĩ quan người Pháp (có 2 quan ba, 2 quan hai, 1 quan một). Đánh sập căn phòng ăn của khách sạn, ta vô sự.

Bị tổn thất nặng, địch hủy bỏ cuộc càn dã dụ tính.

Từ khi có chủ trương chuyển phương châm hoạt động, địa bàn thị xã hầu như an toàn đối với địch. Chúng tỏ ra lơ là mất cảnh giác, khoác lác tuyên truyền “Việt Minh hết hơi rồi” cái “thanh bình” giả tạo của địch đã bị một đòn sét đánh Liên Thành làm cho chúng bàng hoàng, kinh sợ.

Trận cải trang tập kích khách sạn Liên Thành, một chiến công xuất sắc, gây được tiếng vang lớn, cổ vũ phong trào chính trị trong toàn tỉnh phát triển mạnh mẽ. Qua trận đánh càng thể hiện bản lĩnh chiến đấu của lực lượng vũ trang ta và khẳng định khả năng tiến công một số mục tiêu nằm sâu trong vùng địch và giành thắng lợi.

Để giữ vững khu du kích Hàm Thuận, Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận chủ trương kéo địch ra khỏi khu vực, tập trung lực lượng đánh một đòn thật đau, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Tiểu khu Mũi Né được chọn làm mục tiêu tiến công để tiêu diệt địch. Mũi Né là một cứ điểm mạnh nhưng địch khá chủ quan cho rằng ta không có khả năng đánh được. Với vị trí có lợi thế về mặt quân sự, 3 mặt (đông, nam và tây) giáp biển, chỉ có hướng bắc (cả đông bắc, tây bắc) là động cát liền với rừng, gần tiếp giáp với căn cứ Lê Hồng Phong. Ở hướng này địch đã đề phòng cẩn

mật. Đường ô tô Phan Thiết – Mũi Né dài 22 km nhưng lâu nay địch không sử dụng được.

Tiểu khu Mũi Né nằm trên đồi đất nhô ra biển, có độ cao 30 mét, chiều dài khoảng 3.000 mét. Dân chuyên sống về nghề làm biển, đời sống tương đối khá so với một số nơi khác. Nhân dân có cảm tình với kháng chiến, nhưng do địch khống chế chặt nên cơ sở rất ít. Nhân dân vùng địch và vùng căn cứ Lê Hồng Phong vốn có mối quan hệ trao đổi mua bán những thứ cần thiết mà địch không thể nào cấm đoán được.

Địch chiếm đóng Mũi Né từ tháng 5-1946, xây dựng thành 2 cứ điểm đồn chính và đồn Bang Tá, hai đồn cách nhau khoảng 1 km, mỗi đồn đều có hàng rào kẽm gai và tường bao quanh. Cả khu vực Mũi Né có 11 tháp canh và 4 lớp rào bảo vệ. Lực lượng có 2 đại đội lính người dân tộc, bố trí ở đồn chính 1 đại đội tăng cường, đồn Bang Tá 1 đại đội thiếu. Tên đại úy Mécđolây, 1 sĩ quan chiến đấu chỉ huy cả khu vực và cũng là chỉ huy trực tiếp ở đồn chính. Ngụy quyền có tên Bang Tá Phan Lý Ngự gian ác khét tiếng.

Ta sử dụng đại đội đặc công và đại đội xung kích (thiếu) làm lực lượng tiến công tiêu diệt đồn chính và 2 trung đội đánh vào đồn Bang Tá.

Chỉ huy chung là 2 đồng chí trong Ban chỉ huy Tỉnh đội, đồng chí Nguyễn Chí Điền-Tỉnh đội trưởng-trực tiếp chỉ huy đồn chính, đồng chí Nguyễn Linh, Chính trị viên, chỉ huy bộ phận đánh đồn Bang Tá.

18 giờ ngày 13-4-1953, từ vị trí tập kết, bộ đội hành

quân tiếp cận mục tiêu, vượt qua bãi cát rộng có 1 lớp rào và tháp canh ngoại vi, vào bên trong phải vượt tiếp rào, tường để triển khai các mũi, mãi đến gần 4 giờ sáng mới áp sát được mục tiêu. Đúng 4 giờ sáng (14-4), bộc phá nổ phát lệnh tiến công cho toàn trận đánh. Bộc phá, lựu đạn, tiểu liên ở các mũi đòn đã nổ, cả khu đồn chính như chìm ngập trong lửa đạn. Bọn địch hoàn toàn bị bất ngờ không chống trả gì được, một số bị tiêu diệt ngay từ đầu, số còn lại đầu hàng. Tên đại úy Mécđolây ngoan cố chống cự bị ta tiêu diệt. Chỉ trong 30 phút, đồn chính hoàn toàn bị tiêu diệt.

Nghe bộc phá lệnh nổ, bộ phận đánh đồn Bang Tá dùng SKZ bắn vào tháp canh để mở đường, SKZ không diệt được, đồng chí Linh cho vượt qua tháp canh, đập rào tiến vào, mìn nổ làm một đồng chí hy sinh. Không thể chần chừ, toàn bộ bộ đội lao nhanh vào đồn, áp sát vào tường nổ súng đánh địch. Bọn địch ở đây đã đề phòng nên chống trả quyết liệt, trời sắp sáng chúng hy vọng ta sẽ rút. Gần 20 phút ta vẫn chưa giải quyết xong, trời đã sáng rõ, ta và địch nhìn thấy nhau. Ta vừa nổ súng vừa gọi loa kêu hàng. Đồng chí Linh tìm gặp đồng chí Diêm trao đổi tình hình và quyết tâm tiêu diệt đồn bằng cách dùng khẩu pháo vừa thu được bắn áp đảo địch và kêu gọi chúng đầu hàng. Ta đẩy khẩu lựu pháo 94 ly thu ở đồn chính lên đồi để bắn vào đồn và cho người đi vận động đồng bào cùng cha, mẹ, vợ, con binh lính đến đồn kêu khóc gọi chúng hàng.

Đồng chí cán bộ pháo binh không bắn được do chưa quen sử dụng loại pháo này nên các đồng chí chỉ huy

bèn gọi anh Lê¹ nhưng cũng phải mò mẫm một lúc mới bắn được. Phát pháo bắn thẳng trực tiếp phá vỡ 1 góc đồn, trước đồn cha mẹ, vợ con ngụy binh kêu khóc thảm thiết. Không thể chống cự được, bọn địch trong đồn đã giương cờ trắng đầu hàng, ta bắt sống toàn bộ.

Diệt xong 2 đồn, nhưng còn 11 tháp canh chung quanh, có cái địch bỏ chạy, có cái địch chưa biết đồn bị tiêu diệt nên vẫn chờ, mãi đến 11 giờ trưa ta mới giải quyết xong.

Địch cho ca nô từ Phan Thiết chạy ra Mũi Né, bị trung liên ta bố trí ven bờ bắn diệt, 1 tên lính Pháp ngã nhào xuống nước, hoảng sợ ca nô bỏ chạy, ta cho thuyền ra bắt sống thêm một tên Pháp. 10 giờ sáng, ta mới thu dọn chiến lợi phẩm xong ở cả 2 đồn, cũng là lúc địch cho máy bay đến bắn phá khu vực này.

Tiêu diệt tiểu khu Mũi Né với 2 đồn, 11 tháp canh, diệt và bắt sống toàn bộ 2 đại đội địch (đa số là bắt sống). Thu 1 lựu pháo 94 mm, 3 súng cối, 3 đại liên, 19 trung liên và tiểu liên, 126 súng trường, 6 súng ngắn, hơn 1.000 đạn pháo cối, 400 lựu đạn, 45.000 đạn các loại, rất nhiều quân trang, quân dụng khác. Tất cả số chiến lợi phẩm chở hơn 10 xe trâu đưa về căn cứ an toàn, ta làm chủ Mũi Né 10 ngày sau mới rút².

1. Anh Lê, một hàng binh người Đức theo ta từ trước đã từng cải trang đánh các trận Lầu Ông Hoàng, Mương Mán, anh là đảng viên cộng sản, tập kết ra Bắc làm ở nhà máy in Tiến bộ, sau về Cộng hòa Dân chủ Đức.

2. Khẩu lựu pháo 94 mm thu ở tận Mũi Né, được đưa ra trưng bày tại Bảo tàng Quân đội, Hà Nội.

Chiến thắng Mũi Né, tiêu diệt hoàn toàn một tiểu khu lớn, diệt nhiều địch, thu nhiều chiến lợi phẩm, tác động mạnh đến tinh thần binh lính địch. nhiều lính ngụy hoang mang chống lệnh đi càn, chống lệnh đi tái chiếm Mũi Né.

Đây là một thắng lợi không chỉ của quân dân Bình Thuận mà còn là thắng lợi của cả cực Nam Trung Bộ. Sau chiến thắng ta đẩy mạnh công tác dân vận, chuẩn bị các mặt đấu tranh để chống địch, ta còn mở Tòa án quân sự để xử tội những tên cam tâm làm tay sai cho giặc; đồng bào vùng căn cứ, vùng tạm chiếm tham dự khá đông. Lễ chiến thắng cũng được tổ chức, trưng bày nhiều chiến lợi phẩm đã thu hút rất nhiều người đến xem. Tin chiến thắng lại càng vang xa, xa mãi, nhiều đồng bào nay mới được tận mắt thấy bộ đội mình tươi trẻ và rất dũng cảm nhưng dũng cảm san bằng đồn bót, bắt hàng trăm tên địch, đồng bào hết lòng ngợi khen và cảm phục.

Không thể bỏ trống Mũi Né, ngày 23-4, địch dùng 8 tiểu đoàn có xe tăng, xe lội nước (Crabe) càn vào căn cứ Lê Hồng Phong. Cánh thứ nhất từ hướng biển đánh lên, cánh thứ 2 từ Kim Ngọc, Phú Long, núi Tà Dôn đánh vào, càn quét vùng Bàu Me, Bàu Tàng, Dân Thạnh, Triêng, Bàu Thiêu.

Bộ đội, phối hợp với quân dân du kích chặn đánh địch suốt dọc đường hành quân, tiêu hao một số và tập kích vào động Bàu Hòe diệt hơn chục tên. Một bộ phận lực lượng hướng dẫn đồng bào tránh lánh và bảo vệ kho tàng. Sau trận càn, địch đóng lại đồn Mũi Né và chốt

thêm đồn ở động Bà Hòe, Xa Ra.

Địch tập trung đánh phá mạnh phía bắc Hàm Thuận Nam, căn cứ Lê Hồng Phong chốt thêm đồn bót nhằm khống chế vùng căn cứ. Ta tập trung lực lượng diệt địch giải phóng vùng Hàm Trí, củng cố và phát triển phong trào du kích chiến tranh ở Hàm Nhơn và các xã ven quốc lộ 1 giữ vững căn cứ Lê Hồng Phong và khu du kích Tam Giác. Đại đội 225 suốt thời gian dài gắn bó với chiến trường, cùng địa phương xây dựng và phát triển phong trào đấu tranh chống địch đạt nhiều kết quả tốt.

Từ đầu năm 1953, khu du kích Tam Giác được chia thành 2 khu vực hoạt động. Vùng trên gồm các xã hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Phong được tăng cường lực lượng, đẩy mạnh công tác bố phòng và tăng gia sản xuất. Vùng dưới ven thị xã, củng cố, xây dựng và phát triển cơ sở chính trị, tổ chức dân quân du kích bí mật, tăng cường vận động quần chúng bị địch dồn đấu tranh bung về đất cũ làm ăn. Hướng đi lên của vùng dưới là tạo đà cơ sở và lực lượng khi có điều kiện phát triển du kích chiến tranh.

Đại đội A được bổ sung quân số và tiếp tục trụ bám ở vùng trên, phối hợp chặt chẽ với quân dân du kích đánh địch, canh gác bố phòng giữ vững địa bàn hoạt động. Các chiến sĩ của đại đội đã lăn lộn với chiến trường làm tất cả mọi việc để giúp đỡ nhân dân ổn định cuộc sống. Hướng dẫn nhân dân tránh lánh khi địch càn, cất giấu và bảo vệ tài sản của nhân dân, tình cảm quân dân ngày càng gắn bó, mật thiết. Nhiều bà má chiến sĩ đã hết lòng yêu thương chăm sóc bộ đội như má Bảy ở Xuân Điền, má Bộ ở Phú Thọ, má Cụt ở Xuân

Nông... Đặc biệt, căn cứ ở Tam Giác còn có ông Nguyễn Hình ở xóm chôi (Hàm Liêm)¹ nhà ông là nơi bộ đội thường xuyên qua lại, bất kể chỉ huy hay chiến sĩ cũng đều được ông chăm sóc giúp đỡ hết lòng. Suốt những năm gian khổ khó khăn nhất ông vẫn kiên trì bám đất sản xuất, ông đã ủng hộ hàng chục xe lúa để nuôi quân đánh giặc.

Trong đợt cao điểm tháng 3-1954, đang lúc đi trinh sát tại Hàm Liêm, chị Lê Thị Hải bị địch bắn trọng thương; đồng đội quyết đưa chị về bệnh xá, biết mình không thể sống được, chị tha thiết yêu cầu được ở lại: “Các anh hãy để cho tôi được chết ngay trên mảnh đất thấm máu thịt nghĩa tình này”². Tấm gương của chị Lê Thị Hải, người con gái đẹp nết, đẹp người, người quân dân gương mẫu đã hy sinh giữa tuổi thanh xuân với lời kêu gọi “Hãy xứng đáng với quê hương”, chị đã để lại trong lòng mọi người niềm thương tiếc mền phục.

Nhân dân, quân dân du kích và bộ đội ở Tam Giác cũng thấy rõ trách nhiệm nặng nề trong việc giữ khu du kích, quyết tâm hy sinh chiến đấu đến cùng. Địch mở nhiều trận càn vào Tam Giác đã bị quân du kích và bộ đội chặn đánh quyết liệt, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch như trận tháng 5-1953, 1 tiểu đoàn địch càn vào vùng Hội Nhơn, Xoài Quỳ bị bộ đội chặn đánh diệt 1 đại đội, thu một trung liên, 15 súng trường. Tháng 7-

1. Ông Nguyễn Hình còn có tên là “ông già ống rơm” vì nhà ông có đồng rơm to. Nhân dân, bộ đội quen gọi cái tên trêu mền ấy với tấm lòng kính phục.

2. Chị Lê Thị Hải hy sinh tháng 3-1954 trong lúc làm nhiệm vụ, vì một tên chỉ điểm dẫn bọn biệt kích phục bắn.

1953, địch chia làm 2 cánh đánh vào xóm Mía, ta nổ súng, rồi bí mật rút về phía sau lên đường sắt. Hai cánh quân địch giáp chiến với nhau rồi bắn chết và bị thương 70 tên, cuộc càn bị bỏ dở.

Địch tăng cường càn quét đánh phá, đóng đồn bót để khống chế đồng bào, thì phong trào chiến đấu, bao vây bắn tỉa của bộ đội, dân quân du kích ngày càng phát triển. Làng chiến đấu có chông mìn, cạm bẫy từ Mỹ Thạnh, Ninh Thuận, xóm Chồi, Bà Chơn, Bà Hải, nối liền Bàu Sẻ, Hàm Cần (Hàm Thuận) càng được củng cố. Nhiều tay súng bắn tỉa của Đại đội A, ngoài anh Lê Ba du kích Hàm Chính, anh Tô Phụ tiểu đội trưởng dân quân gương mẫu Hàm Liêm... là những tay súng xuất sắc nhất, bọn địch rất nể sợ.

Nhiều nông dân ở trên mảnh đất này cũng đã trở thành chiến sĩ, điển hình có ông Tám Tiên, một nông dân đã ngoài 50 tuổi ở Hàm Liêm kiên quyết không vào vùng địch, bám trụ lại nơi chôn nhau cắt rốn của mình để sản xuất, nuôi quân, gác bù, nắm tình hình địch phục vụ chiến đấu, nhiều lần ông đã cùng bộ đội xung trận diệt thù. Địch từ Bà Chơn, Bà Hải càn vào xóm Mía, chiến sĩ mang đạn trung liên bị thương, ông Tám ở dưới hầm nhảy lên xin thế người mang đạn. Thấy đồng chí bắn súng máy còn do dự, ông Tám nói như ra lệnh "Mày không tin tao à, tụi mày đến đâu tao đến đó". Sau trận ấy, ông Tám càng được anh em bộ đội khâm phục, tin tưởng. Trong một trận khác, Lương Văn Năm (Năm Lao) đang truy kích địch ở Bà Chơn, địa hình thấp không đặt được súng máy để bắn, ông Tám tình nguyện làm

giá súng, khẩu súng trung liên đặt trên vai ông Tám nhả đạn để tiêu diệt kẻ thù. Trận chống càn thắng lợi, Ban chỉ huy Đại đội A tặng cho ông Tám một chiếc mền chiến lợi phẩm để làm kỷ niệm.

Trận càn lớn nhất vào Tam Giác trong hai ngày 15 và ngày 16-8-1953, với lực lượng 13 tiểu đoàn (có 8 tiểu đoàn lính Âu-Phi, 24 xe bọc thép) phối hợp với quân ngụy địa phương hình thành 3 mũi: đường sắt Mường Mán-Ma Lâm đánh vào, chúng dàn hàng ngang càn qua quét lại nhằm tiêu diệt sạch vùng này. Khắp làng xóm, ruộng đồng đầy bóng giặc¹.

Đại đội A cùng với quân dân du kích, phân tán từng tổ, tiểu đội quần bám đánh địch để bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân. Nhiều tổ, nhiều bộ phận trong vòng vây của địch đã chiến đấu quyết liệt và đã anh dũng hy sinh, Đại đội A mất hơn 1 tiểu đội. Tuy ta có một số tổn thất nhất định, nhưng địch không thực hiện được việc xóa bỏ khu du kích Hàm Thuận.

Để góp phần giữ vững khu du kích Hàm Thuận, hỗ trợ tích cực phong trào chính trị của địa phương đánh bại, tinh thần chiến đấu của bọn biệt kích, gây rối loạn trong nội ô thị xã. Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận giao cho Ban chỉ huy đại đội xung kích đánh tiêu diệt đại đội biệt kích do tên Bécna (Bernard) chỉ huy tại khu đồn Pátcan (Pascal) trong thị xã Phan Thiết.

1. 8 tiểu đoàn lính Âu-Phi từ Nà Sản vào, đồng bào địa phương quen gọi là trận càn "Nà Sản" hoặc "Nava". Mục đích của trận càn là xóa bỏ khu du kích Hàm Thuận.

Đêm 8-8-1953, dưới sự chỉ huy của Đại đội trưởng Quách Tử Hấp, đơn vị tiến công tiêu diệt đồn Pátcan, diệt gọn 2 trung đội biệt kích, diệt và làm bị thương 35 tên địch, bắt sống một tên, thu 1 súng ngắn, 4 băng đạn và một số đạn các loại. Sau trận đánh bọn còn lại hoang mang lo sợ, giảm hẳn các hoạt động biệt kích, cướp của giết người ở các vùng căn cứ du kích.

Đại đội A liên tục tổ chức tập kích vào tháp canh xung quanh đồn xóm Bàu, diệt nhiều địch, thu nhiều súng. Dân quân du kích Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Trí, Hàm Phú phối hợp đánh phá giao thông trên đường 8, đường sắt Mường Mán – Ma Lâm diệt nhiều địch, làm cho giao thông bị tê liệt.

Những tháng cuối năm 1953, tinh tổ chức củng cố Đại đội A, đưa đơn vị lên vùng bắc đường sắt nghỉ dưỡng sức rồi tiếp tục về lại Tam Giác cùng với số dân quân khỏe mạnh vững vàng, vừa sản xuất vừa chiến đấu. Số người già yếu cũng không ai chịu về vùng địch, họ lên phía đường sắt Ma Lâm – Mường Mán, bám vào các sườn núi, hàng ngày đi lấy tre, mây, gỗ, lá... để cho gia đình từ vùng dưới lên đem về bán trong vùng địch và mua những thứ cần thiết tiếp tế bên ngoài¹.

Tam Giác, nằm trong vòng vây bốn bề của địch, là trọng điểm đánh phá ác liệt suốt 8 năm qua kẻ địch quyết biến vùng này thành “đất trắng”. Nhân dân Tam Giác liên tục đấu tranh, nhất là từ năm 1951 đến năm

1. Danh từ Hàm Sườn xuất hiện trong thời gian và nhóm cư dân này.

1953, Tam Giác đã trải qua hơn một nghìn ngày vô cùng gian khổ và quyết liệt, có lúc mất dân, mất đất, cuộc chiến đấu bị thu hẹp, tưởng chừng như không đứng nổi. Nhưng quân dân Tam Giác đã đoàn kết chiến đấu kiên cường, chống lại hàng trăm cuộc càn quét đánh phá, hàng vạn tấn bom đạn của địch, phối hợp cùng với quân dân các địa phương trong tỉnh từng bước đánh bại kẻ thù và đứng vững trên mảnh đất quê hương. Tam Giác xứng đáng là một biểu tượng “Kiên cường bất khuất” và là niềm tự hào của cả cực Nam Trung Bộ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Các xã phía bắc (tây Hàm Thuận) do ta giãn dân Tam Giác nên các xã này ngày càng đông dân. Xã Hàm Phú lúc đầu chỉ có 650 người, cuối năm 1953 lên đến 2.400 người. Việc ăn ở bố phòng ngày càng chật chội hơn. Rào chiến đấu liên hoàn giữa các thôn dài hàng chục cây số, có bề dài khoảng 2 mét. Tháng 6 năm 1953, ta sắp xếp lực lượng, điều Đại đội địa phương 653 về hoạt động ở phía bắc Hàm Thuận, đứng chân tại Hàm Phú. Trận càn lớn của địch vào tháng 8-1953, gồm quân Lâm Đồng phối hợp với quân Hàm Thuận trên 5.000 tên đánh vào 2 xã Hàm Phú, Hàm Trí, ta đã tiêu diệt, tiêu hao một số địch bảo vệ được tính mạng và tài sản của nhân dân. Trong mùa khô 1953, Đại đội 653 cùng quân dân du kích đã phục kích đánh bọn biệt kích diệt 9 tên và chống càn đánh 1 tiểu đoàn địch diệt 70 tên. Công tác bảo vệ mùa màng làm khá tốt, ta đã tổ chức bám địch, canh gác, bảo vệ, tổ chức ban gặt xung phong để thu hoạch nhanh gọn những cánh đồng gần vùng địch. Trong năm các xã vùng bắc Hàm Thuận thu

hoạch 3.500 tấn lúa tăng 60 % so với năm 1952.

Cùng với các xã Hàm Phú, Hàm Trí (Hàm Thuận), xã Bình An (Bắc Bình), Đại đội 216 cùng với quân dân du kích tích cực chống càn quét, bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân. Các xã vùng miền núi giáp Lâm Đồng cũng được củng cố, tương đối ổn định cuộc sống của nhân dân. Như vậy, cả một vùng rộng lớn từ Bắc Bình vào Hàm Thuận, giáp Tánh Linh, Hàm Tân ta đã mở ra và nối liền từ sau chiến thắng Sông Quao đến nay vẫn được giữ vững và phát triển tạo nên một vùng căn cứ du kích hoàn chỉnh.

Trong năm 1953, việc xây dựng cơ sở đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong vùng bị tạm chiếm cũng có nhiều cố gắng. Số lượng, các tổ chức quần chúng không tăng, có nơi giảm, nhưng chất lượng khá nhất là sau đợt học tập chính trị, ta đã sửa chữa được khuyết điểm về chính sách đoàn kết dân tộc, về tác phong quan điểm quần chúng... nên việc tranh thủ lòng dân hướng về kháng chiến có bước chuyển biến mới quan trọng. Vùng bị tạm chiếm của Hàm Thuận có khoảng 1.000 cơ sở, thị xã Phan Thiết có 400 cơ sở, những nơi khó khăn nhất nay ít nhất cũng có 5, 7 cơ sở, nhiều nơi có đảng viên làm nòng cốt trong phong trào đấu tranh chống địch. Số lượng đảng viên phát triển chậm có phần do ta chú trọng củng cố hơn là phát triển.

Phong trào đấu tranh chống địch ở Hàm Thuận, Bắc Bình, Phan Thiết... phát triển mạnh mẽ buộc địch phải giảm 20% mức thuế trong năm, chấp nhận cho dân đi ra đồng làm ăn, nhờ thế mà diện tích gieo trồng tăng từ

40% đến 70% so với năm trước. Nhân dân vùng biển (Phan Thiết, Bắc Bình) còn đấu tranh có kết quả chống tập trung ghe thuyền và đòi đi đánh bắt cá ngoài biển xa.

Nhiều cuộc đấu tranh chống bắt lính cũng liên tiếp diễn ra, có cuộc từ 100 đến 200 người, có cuộc từ 300 đến 400 người, đặc biệt có cuộc đấu tranh của 460 thanh niên bị bắt lính, họ kéo đến trụ sở bù nhìn phản đối, đập phá, tuyệt thực... buộc địch phải nhượng bộ, ở một số vùng thanh niên còn tổ chức từng tổ chống bắt lính, canh gác báo tin khi địch lùng sục.

Trong quân ngũ cũng có những cuộc đấu tranh tập thể: 2 trung đội người Chăm chống lại sự hà khắc của tên đồn trưởng, 120 lính ngũ chống việc đi chiếm đóng Mũi Né, 1 đại đội ngũ đấu tranh đòi về quê... Nhân dân đã tham gia vận động binh lính ra đảo ngũ, sáu tháng đầu năm 1954 có 250 lính ngũ ra hàng và 850 lính ngũ khác đảo ngũ trốn về nhà. Phong trào đấu tranh chống bắt lính và vận động binh lính ngũ bỏ ngũ có những bước phát triển mới. Tuy vậy, cơ sở còn hẹp, lãnh đạo đấu tranh còn yếu, phần lớn là do quần chúng tự động làm và địch cũng còn bắt được lính khá nhiều.

Song song với việc đấu tranh giữ vững khu du kích Hàm Thuận, Tỉnh ủy Bình Thuận còn lãnh đạo làm được một việc quan trọng khác như đẩy mạnh tăng gia sản xuất, riêng giải quyết tốt các nguồn thu để đảm bảo cho nhu cầu kháng chiến. Tuy một số nơi mất mùa như ở khu Lê Hồng Phong, Hàm Tân, vùng biển do địch đánh phá ác liệt nên mất 80 đến 90% sản lượng, trâu

bò một số nơi bị địch bắt giết và bệnh dịch chết nhiều (riêng Hàm Thuận mất 2.700 con) trở ngại cho việc sản xuất; vùng bị tạm chiếm Hàm Thuận, vùng Tánh Linh được mùa, mặt khác ta thực hiện tiết kiệm, mở chợ kháng chiến giải quyết giao lưu kinh tế giữa các vùng nên từng bước đã vượt qua những khó khăn, công tác vận động ủng hộ kháng chiến và đóng thuế nông nghiệp một số nơi làm tốt đã góp phần đáng kể để giải quyết những khó khăn chung¹.

Tỉnh ủy kiểm điểm việc thi hành chính sách ruộng đất và đề ra các nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Trung ương và Liên khu 5 đến các vùng làm chủ trong tỉnh. Nhiều nơi đã giảm tô từ 15 đến 50%. Ruộng của Pháp, Việt gian, ruộng vắng chủ phần lớn chia cho bản cố nông cày cấy hưởng hoa lợi không phải nộp tô. 1.200 mẫu công điền chưa chia được, chính quyền vận động san sẻ cho dân nghèo và thu tô nhẹ từ 5 đến 10% để bỏ vào quỹ tình nghĩa và dự phòng.

Thực hiện chính sách của Đảng trong hoàn cảnh chiến tranh ở những nơi làm được có ảnh hưởng chính trị tốt, nông dân phấn khởi làm ăn và đóng góp phục vụ cách mạng.

Vừa lãnh đạo kháng chiến, vừa củng cố xây dựng các mặt, Tỉnh ủy đã mở 4 lớp học hiệu triệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho 400 cán bộ, các huyện đã mở lớp huấn

1. Thu thuế nông nghiệp được 600 tấn lúa, vùng bị tạm chiếm ủng hộ trên 100 tấn. Đến tháng 10-1953 thu thuế các loại bằng tiền được 8 triệu đồng Đông Dương và đã thăng bằng được thu chi.

luyện công tác cho 650 chi ủy viên và 3.000 đảng viên. Qua học tập và rèn luyện trong thực tế, đảng viên, cán bộ đã nâng cao ý thức trách nhiệm, càng tin tưởng vào sự tất thắng của cuộc kháng chiến¹.

Nhìn chung Bình Thuận trong năm 1953 điểm nổi bật là đã giữ vững khu du kích Hàm Thuận, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch và bồi dưỡng được lực lượng ta. Hoạt động kinh tế, tài chính, thực hiện một số chính sách về ruộng đất của Đảng có hiệu quả. Cơ sở vùng bị tạm chiếm được củng cố và từng bước được nâng cao. Chất lượng của Đảng bộ, năng lực lãnh đạo của Đảng ở các cấp có nhiều tiến bộ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chiến trường Bình Thuận trong năm 1953 có những bước phát triển mới. Hoạt động quân sự có những trận đánh tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giữ vững khu du kích và các vùng căn cứ. Việc học tập quân sự, chính trị, củng cố và phát triển lực lượng có nhiều tiến bộ quan trọng. Trong các vùng bị tạm chiếm, công tác xây dựng cơ sở tuy có chậm nhưng khá vững chắc. Cơ sở trưởng thành qua thử thách thực tế đã cùng với nhân dân đoàn kết gắn bó và đã trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào.

Các hoạt động về kinh tế tài chính, tiến hành một bước chính sách ruộng đất của Đảng có nhiều tiến bộ, tạo điều kiện giải quyết vấn đề cung cấp lương thực và thực phẩm cho các lực lượng trong tỉnh và giúp một phần cho các nơi, đồng thời cũng tạo điều kiện để bồi dưỡng sức dân

1. Cuối năm 1953, Đảng bộ Bình Thuận có 6.140 đảng viên.

và gây được ảnh hưởng chính trị tốt. Đảng bộ Bình Thuận được củng cố về tổ chức, nâng cao chất lượng chính trị nên các biểu hiện tiêu cực giảm dần, nội bộ ngày càng đoàn kết gắn bó hơn. Đó là những tiền đề trực tiếp tạo nên những thắng lợi lớn cho năm sau.

Tình hình chung của cả nước và đông-xuân 1953-1954 có nhiều thuận lợi. Ta có cơ sở để đánh bại chủ trương và âm mưu của thực dân Pháp, giành thắng lợi, đưa cuộc kháng chiến tiến lên một bước mới. Nhiệm vụ quân sự, chính trị của chiến trường Liên khu 5 cũng đòi hỏi phải đánh bại âm mưu địch, giữ vững vùng căn cứ quan trọng ở phía nam, phối hợp với chiến trường chính.

Từ tháng 9-1953, Liên khu ủy và Đảng ủy Bộ Tư lệnh Liên khu 5 đã nhiều lần thảo luận, cân nhắc để đề ra các chủ trương cụ thể đáp ứng yêu cầu trên. Tháng 12-1953, Liên khu ủy và Đảng bộ Tư lệnh Liên khu họp quyết định: “Phát triển vào tây nguyên là nhiệm vụ quan trọng thứ nhất, củng cố vùng tự do là quan trọng thứ hai”. Đối với các chiến trường vùng tạm chiếm phải tích cực đẩy mạnh đánh địch để phối hợp với hướng chính và vùng tự do của Liên khu, kìm chân địch không cho chúng rút lực lượng tại địa phương đi nơi khác, tranh thủ thời cơ, ra sức tiêu diệt địch mở rộng vùng du kích và vùng giải phóng.

Ban cán sự cục Nam Trung Bộ sau khi xem xét khả năng và điều kiện của chiến trường, xác định phải nỗ lực cao nhất để thực hiện các nhiệm vụ của cấp trên giao cho và chỉ đạo: Bình Thuận, sử dụng lực lượng chủ lực phối hợp với bộ đội địa phương đẩy mạnh hoạt động

đánh địch, mở rộng căn cứ địa Bình Thuận nối liền với Lâm Đồng, Nam Bộ thành căn cứ rộng lớn, tiếp theo phá mảng lớn phía bắc tỉnh, phá thế kìm kẹp của địch, phát triển chiến tranh du kích.

Ban cán sự cục Nam Trung Bộ và các Tỉnh ủy còn chỉ đạo cụ thể về hướng tiến công, phương pháp đánh địch, thời gian và lực lượng sử dụng, giải quyết vấn đề dân vận trước và khi giải phóng từng vùng.

Ở Bình Thuận, vào đầu năm 1954, với ý định tiêu diệt tiểu khu Hòa Đa để phối hợp với chiến trường liên khu, nhưng thấy chưa bảo đảm chắc thắng nên chuyển sang diệt đồn cấp trung đội ở Hòa Thuận và đồn cấp đại đội ở Sông Cạn. Hai lần đột kích vào thị xã Phan Thiết quấy rối, tiêu hao địch, trù gian, diệt tề đồng thời để nghi binh, đánh lạc hướng đề phòng của địch. Ta khẩn trương chuẩn bị lên hướng tây bắc tỉnh để mở đợt tiến công tiêu diệt tiểu khu Tánh Linh, cứ điểm La Dày và Gia Bát, quét sạch địch trên ranh giới Lâm Đồng-Bình Thuận, phối hợp chiến trường với Liên khu và Điện Biên Phủ. 3 điểm này phải thực hiện cùng một đêm, vì nếu đánh những ngày khác nhau thì sẽ lộ lực lượng địch đề phòng.

Ban chỉ huy Tỉnh đội cử một số đồng chí trực tiếp chuẩn bị cho trận đánh đến báo cáo cho Thường vụ Tỉnh ủy để có cơ sở cho Thường vụ quyết định¹. Thường vụ Tỉnh ủy còn mời đồng chí Lê Triều, Tỉnh ủy viên

1. Đồng chí Nguyễn Chương tham mưu phó Tỉnh đội, đồng chí Phạm Hoài Chương cán bộ Ban chính trị Tỉnh đội là những cán bộ trực tiếp chuẩn bị chiến trường đến báo cáo cho Thường vụ Tỉnh ủy.

kiêm Bí thư Huyện ủy Tánh Linh về làm việc và giao nhiệm vụ giúp đỡ và giải quyết mọi vấn đề sau khi giải phóng.

Phương án được phê chuẩn, bộ đội được bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ và các trang bị cần thiết. Sau khi xác định tính chất quan trọng của từng vị trí địch để bố trí lực lượng cho phù hợp:

- Gia Bát là điểm mạnh nằm trên đường số 8, có 1 đại đội đóng giữ án ngữ ranh giới 2 tỉnh Lâm Đồng-Bình Thuận.

- La Dày là điểm nằm sâu trong vùng núi giữa giáp ranh giới 2 tỉnh, lực lượng có khoảng 1 đại đội, chúng thường xuyên lùng sục ra bên ngoài nên có nhiều tình huống phức tạp.

- Tánh Linh là tiểu khu mạnh lực lượng có 1 đại đội tăng cường do tên Lu I (Louis) chỉ huy, có nhiều thủ đoạn xảo quyệt, mị dân và đối phó với ta.

Để tiến công tiêu diệt đồn Gia Bát, ta sử dụng một đại đội mạnh do đồng chí Quách Tử Hấp, cán bộ tiểu đoàn, trực tiếp chỉ huy. Điểm La Dày, ta sử dụng 1 đại đội thiếu (225) do đồng chí Bùi Văn Mỳ làm Đại đội trưởng và đồng chí Phạm Hoài Chương chỉ huy, đồng chí Võ Dân, ủy viên Ban cán sự cực Nam Trung Bộ, trực tiếp chỉ đạo. Tiểu khu Tánh Linh ta sử dụng một đại đội tăng cường (xung kích) do đồng chí Lê Thành Cộng và Lê Văn Khuê, cán bộ tiểu đoàn, chỉ huy có đồng chí Chính trị viên Tỉnh đội phụ trách chung. Đồng chí Hồ Liên (Hoàng Bích Sơn), ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy cùng

chỉ đạo và giải quyết các vấn đề chung.

Để bảo đảm cho cuộc tiến công, tất cả các điểm đều đánh theo chiến thuật đặc công. Đêm 7-4, tất cả 3 điểm đều nổ súng và chỉ sau 30 phút ta đã hoàn toàn tiêu diệt đồn Gia Bát, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng, trong đó có khẩu lựu đạn pháo 94 mm. Trận chiến đấu nhanh gọn và đạt hiệu suất chiến đấu cao.

Ở đồn La Dày chưa đầy nửa giờ, ta cũng tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm và thu toàn bộ chiến lợi phẩm, đây cũng là trận đánh xuất sắc tiêu diệt gọn quân địch. Diệt La Dày, lực lượng ta tiếp tục thọc sâu lên Lâm Đồng, ngày 9-4, tấn công đồn Lútxe, ở đây ta chỉ tiêu hao một số lớn quân địch, vì hôm tiến công đồn Lútxe, địch đã điều 1 tiểu đoàn để hành quân càn quét tái chiếm La Dày mà ta không nắm được. Tuy vậy, trận đánh cũng đã gây tổn thất nặng cho địch và bẻ gãy được cuộc tái chiếm La Dày. Tiếp đó đơn vị đã củng Ban cán sự Di Linh tiến hành vũ trang tuyên truyền phá tề, phát động quần chúng đưa lên du kích chiến tranh khắp 1 vùng rộng lớn gồm các tổng Cà Dòn, Tà Lốp, Bao Tuân, tây và đông đường số 8; đến cuối tháng 4 các đơn vị bộ đội mới trở về khu Lê Hồng Phong.

Ở Tánh Linh, chưa đầy một giờ ta cũng diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng. Hai cha con tên Lu I ngoan cố phải đền tội. Tánh Linh cũng là trận đánh tốt, tiêu diệt nhanh gọn tiểu khu đạt hiệu suất chiến đấu rất cao. Hôm sau lực lượng ta thọc lên Lâm Đồng, tiến công đồn Đa Kai nhưng khi đến nơi thì địch ở đây đã rút chạy.

Để ngăn chặn và làm chậm việc tái chiếm Tánh Linh, hai hôm sau ta tiến công đồn Suối Kiết, đồn cách Tánh Linh 18 km về phía nam vừa là đồn bảo vệ đường xe lửa và là đầu mối tiếp tế cho Tánh Linh, lực lượng đóng giữ 1 trung đội, gần đồn có khu công nhân khai thác gỗ 500 người. Ý định của ta dùng lực lượng đặc công tiếp cận mục tiêu để diệt, nhưng do bị lộ nên phải rút quân. Trên đường lui quân, phát hiện có một ô tô chở gỗ, ta liền nghĩ cách dùng ô tô để cải trang kỳ tập tiêu diệt đồn. Đúng 3 giờ chiều, đồng chí Sên lái xe từ từ tiến vào đồn, bộ phận tiếp chiến chạy theo sau. Khi xe vừa đến cổng, lập tức anh em nháy xuống đặt trung liên kim chế, cả tiểu đội vượt qua cổng, đồng chí Lê Hạnh Phúc đặt bộc phá cho nổ tung lô cốt mẹ, các tổ cũng đã áp sát phía sau lưng địch diệt từng ụ súng. Bộ phận tiếp chiến đã vào trong tiếp tục diệt địch. Một số địch còn lại dón vào dưới chân lô cốt, trong đó có tên đồn trưởng người Pháp, tên đồn trưởng giả vờ đưa tay xin hàng vừa lui nháy lên lô cốt chống cự làm cho một số đồng chí ta thương vong. Trận đánh càng trở nên quyết liệt, các chiến sĩ ta càng tiến công dữ dội, tiêu diệt bọn địch chống cự, tên đồn trưởng dền tội, 3, 4 tên sống sót tháo chạy. Trận đánh kết thúc, đồn Suối Kiết bị tiêu diệt ta thu toàn bộ chiến lợi phẩm. Đây là trận thắng bằng sự linh hoạt, năng động của cán bộ, chiến sĩ, tạo bất ngờ để tiêu diệt địch. Nhưng ta cũng có những sơ suất đáng tiếc, 4 đồng chí hy sinh, trong đó có đồng chí Bính (Trung đội trưởng đặc công), một cán bộ chỉ huy dũng cảm gương mẫu có nhiều thành tích xuất sắc, anh em vô cùng kính phục và thương tiếc. Nhân dân

Suối Kiết lần đầu tiên được chứng kiến bộ đội ta tiêu diệt địch ban ngày nên rất phấn khởi, cảm phục.

Như vậy, chỉ một đêm chiến dịch miền Tây Bình Thuận, ta đã tiêu diệt hoàn toàn Gia Bát, La Dày, Tánh Linh, 2 ngày sau lại tiến công Lútxe, Đa Kai và diệt đồn Suối Kiết. Đây là thắng lợi lớn, tiêu diệt nhiều địch, thu nhiều chiến lợi phẩm trong một đợt hoạt động ngắn giải phóng một vùng đất rộng của cả huyện Tánh Linh và một phần huyện Di Linh¹, tạo ra một vùng căn cứ du kích mới nối liền với vùng căn cứ Bắc Hàm Thuận đến Bắc Bình về phía Tây nam nối với căn cứ Hàm Tân giáp chiến khu Đông Nam Bộ, hình thành một địa bàn chiến lược quan trọng cho cuộc kháng chiến ở cực Nam Trung Bộ.

Cùng với việc mở hoạt động ở phía tây bắc tỉnh, công tác chuẩn bị chiến trường phía Bắc cũng được tiến hành khẩn trương để mở các trận đánh tiếp theo nhằm phá thế vây ép của địch đối với căn cứ Lê Hồng Phong tạo điều kiện thuận lợi cho vùng tạm chiếm phát triển.

Lương Sơn là một tiểu khu trên quốc lộ số 1 nằm sát nách căn cứ Lê Hồng Phong, với cấu trúc công sự theo kiểu mới (tháp canh thấp, công sự nửa chìm nửa nổi, có đài quan sát và có hầm cố thủ, chỉ huy). Đồn chính và đồn Bang Tá sát vào nhau, đồn chính có một đại đội, tên quan hai người Việt chỉ huy, đồn Bang Tá có hơn một trung đội.

1. Theo tài liệu của Ban cán sự cực Nam Trung Bộ, tỉnh Bình Thuận mở chiến dịch miền tây, giải phóng được một vùng rộng 5.000 km² với khoảng 1 vạn dân người dân tộc là hết sức quan trọng.

Địa hình chung quanh 3 phía là động cát dài, một bên là Sông Lũy, Lương Sơn gần như nằm trong thung lũng, có nhiều lớp rào bao quanh, ban đêm có đèn pha chiếu sáng. Cận cứ điểm có khu tập trung khoảng trên 1.000 dân.

Khu vực Duồng địch đóng 2 đồn, đồn chính và đồn Bang Tá. Đồn nằm trên một đồi cát cao, có 3 lô cốt ở 3 góc, một trận địa pháo 37 mm, có 5 lớp rào kềm gai bao bọc xung quanh, lực lượng có 1 đại đội, đồn Bang Tá có một trung đội.

Để tiêu diệt tiểu khu Lương Sơn, ta sử dụng một đại đội chủ lực gồm đặc công và xung kích, do đồng chí Quách Tử Hấp chỉ huy, đồng chí Nguyễn Lệnh, Chính trị viên Tỉnh đội và đồng chí Nguyễn Chương, Tham mưu phó Tỉnh đội chỉ huy chung. Khu vực Duồng ta sử dụng Đại đội 216 và một tiểu đội đặc công. Chỉ huy chung là đồng chí Võ Khắc Kế-Huyện đội trưởng Bắc Bình, chỉ huy trực tiếp là đồng chí Chuyên, Đại đội trưởng và đồng chí Thức, Chính trị viên Đại đội 216.

Đêm ngày 5 rạng ngày 6-4-1954, ta đồng loạt tiến công tiêu diệt tiểu khu Lương Sơn và Duồng. Ở Lương Sơn, các tổ đặc công đã nhanh chóng đánh chiếm các đầu cầu và phát triển tiêu diệt địch ở 2 dãy nhà lính. Bộ phận tiếp chiến kịp thời tiến công vào vùng đặc công tiêu diệt địch, tên đồn trưởng chạy đến hầm chỉ huy thì bị ta bắt. Trong vòng 3 phút ta hoàn toàn làm chủ đồn chính. Ở đồn Bang Tá, ta dùng hỏa lực kìm chế, sau khi giải quyết đồn xong, lực lượng ta tràn sang tiến công đồn Bang Tá. Chưa đầy một giờ ta tiêu diệt

hoàn toàn tiểu khu Lương Sơn, diệt 19 tên, làm bị thương 20 tên, bắt 126 tên, có một số tên chạy thoát. Thu 1 cối 81mm, 1 cối 60 mm, 6 đại liên và trên một trăm súng các loại, 1 xe GMC và tất cả quân trang quân dụng.

Ở Duồng, bộ phận đặc công đã bí mật cắt rào, vào ém trước, đặt bộc phá chờ giờ nổ súng. Nhưng vì không nghe được tiếng súng ở Lương Sơn, nên đến 3 giờ 40 phút, đặc công cho nổ bộc phá đánh chiếm đầu cầu. Bộ phận tiếp chiến không tìm được cửa mở phải cắt rào, đến hàng rào thứ 3 thì vướng phải lựu đạn thương vong 6 đồng chí. Địch tập trung hỏa lực bắn mạnh về phía hướng có tiếng nổ, kéo cắt rào bị văng mất; anh em lui lại tránh đạn và đào từng luồng hào để tiếp tục tiến vào và gặp đường mở cửa của đặc công, anh em nhanh chóng phát triển vào trong, đánh chiếm các mục tiêu, hỗ trợ kịp thời cho đặc công (lúc này cũng vừa hết đạn). Gần 30 phút chiến đấu quyết liệt, đồn chính bị san bằng, ta diệt và bắt toàn bộ quân địch. Cùng lúc đó, đồn Bang Tá cũng bị tiêu diệt hoàn toàn. Sau khi chiếm xong các đồn ở Duồng, ta khẩn trương tổ chức lại lực lượng ra ngã 3 Duồng chặn viện. Vừa tới Thanh Lương, cách ngã 3 Duồng 300 mét thì xe tiếp viện của địch từ Hòa Đa đến. Đồng chí Nguyễn Thanh Đức chỉ huy bộ đội tạt qua chiếm dốc Động Bà Cư nổ súng diệt 2 xe địch chở đầy lính, ta xung phong đốt xe.

Ngày 10-5, trong cùng một đêm ta tiến công tiểu khu Long Hương và đồn Sông Lũy, tiêu diệt 2 trung đội, làm chủ Sông Lũy, phá sập cầu Móng, còn tiểu khu ta chỉ diệt được 2 bót ở cầu Đại Hòa, đồn lính địch chỉ bị

thiệt hại nặng do chúng có đề phòng. Vì trên đường hành quân, đồng chí Võ Hòa Tương bị cọp tấn công và bị thương nặng, các đồng chí phải đối phó để đuổi cọp và bị lạc đường nên đến chậm không đánh được. Ta rút khỏi đồn Long Hương thì trời vừa sáng nên phải giấu quân tại Trũng Lôi cách đồn 2 cây số, đến tối mới rút ra. Tuy không diệt được tiểu khu Long Hương nhưng các hoạt động trong tháng 4 và tháng 5 đã phối hợp chiến trường với Điện Biên Phủ rất xuất sắc, giành thắng lợi rất to lớn, dòn dả.

Trong những ngày cuối tháng 5, Đại đội 216 tiến công đồn Sông Lòng Sông, tiêu diệt 1 đại đội khinh quân, bắt nhiều tù binh, trong đó có tên đồn trưởng người Pháp, thu toàn bộ vũ khí và quân trang quân dụng. Đánh bót Cầu Đen (Vĩnh Hảo) bắt sống tên đồn trưởng người Pháp, thu toàn bộ vũ khí.

Hoạt động phía bắc tỉnh chỉ trong vòng một tuần lễ ta đã tiêu diệt tiểu khu Lương Sơn, khu vực đồn Duồng, Sông Lũy, 2 bót cầu Đại Hòa và đánh thiệt hại nặng tiểu khu Long Hương, giải phóng gần 5.000 dân, phá vỡ hệ thống bao vây, uy hiếp căn cứ Lê Hồng Phong, càng chứng tỏ bộ đội ta có khả năng tiêu diệt được tiểu khu với các loại công sự kiểu mới của địch.

Trên đường sắt phía nam ta diệt đồn Sông Lũy, phía bắc diệt đồn Sông Lòng Sông... làm cho địch hết sức bị động. Vùng bị tạm chiếm Bắc Bình ta quét gần hết bọn tề, giải tán 350 bảo vệ hương, tạo điều kiện cho phong trào du kích phát triển và bảo vệ vùng căn cứ giải phóng.

Ở Hàm Thuận, bộ đội địa phương, quân dân du kích các xã cũng đẩy mạnh hoạt động diệt bót, phá cầu Quang ở Phú Hải, diệt bọn tề ác, uy hiếp địch ở vùng tranh chấp, đánh cháy kho xăng và diệt bót nhà máy gạo Phan Thiết, phá hoại giao thông trên đường sắt. Quân địch co lại, lính đào rã ngũ ngày càng nhiều, một tiểu đội ở thị trấn Ma Lâm và một trung đội bảo vệ đường sắt mang toàn bộ vũ khí về với kháng chiến. Trên các vùng núi của Bình Thuận ta giải tán hết các ổ vũ trang, thu hơn 50 súng.

Đêm 18-5, lực lượng đặc công tỉnh phối hợp với đặc công huyện và Đại đội A diệt đồn Bàu Gia ở Tam Giác là một cứ điểm kiên cố cấp đại đội. Đêm 31-7, ta diệt đồn Sông Dinh trên đường sắt cách Suối Kiệt về hướng Đông 5 cây số. Đây là trận thắng cuối cùng của lực lượng vũ trang Bình Thuận trước khi có lệnh đình chiến.

Trong những tháng đầu năm 1954, quân dân Bình Thuận đã diệt 12 cứ điểm và nhiều tháp canh, diệt và bắt trên 2.000 tên địch, giải tán 350 tên bảo vệ hương và 50 tên vũ trang miền núi, thu trên 800 súng các loại và nhiều quân trang quân dụng. Trên 1.000 tên địch bỏ ngũ trốn về nhà và nhiều người mang súng về với kháng chiến.

Ta giải phóng nhiều vùng rộng lớn với gần 20.000 dân, nối liền vùng căn cứ, phát triển thêm các vùng du kích. Lực lượng chủ lực, bộ đội địa phương dân quân du kích đều được tăng cường. Quân địch tuy còn khá đông nhưng bất lực, bị động đối phó, tinh thần hoang mang, dao động, đào ngũ ngày càng nhiều, mọi hoạt động đều co lại, tạo điều kiện thuận lợi cho ta vươn lên giành

thắng lợi to lớn hơn.

Từ năm 1953, chiến trường Bình Thuận đã vượt quan nhiều thử thách ác liệt, nhưng các lực lượng vẫn được giữ vững và không ngừng củng cố, phát triển, tạo bước chuyển biến tốt về nhiều mặt. Sang đầu năm 1954, tình hình chung có nhiều thuận lợi, quân dân Bình Thuận đã nắm được thời cơ, nỗ lực vươn lên tiến công địch một cách toàn diện và đã giành nhiều thắng lợi to lớn. Giải phóng nhiều vùng rộng lớn từ Duồng, phía bắc căn cứ Lê Hồng Phong, miền tây Bắc Bình giáp Hàm Thuận, toàn bộ huyện Tánh Linh và một phần đất của Lâm Đồng. Thắng lợi của quân dân Bình Thuận đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của Liên khu 5 và cả nước kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 20-7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, hòa bình được lập lại nhưng đất nước tạm thời chia làm hai miền. Từ một vùng bị tạm chiếm xa xôi của Liên khu 5, Bình Thuận khẩn trương tổ chức lực lượng để chuyển quân tập kết và sắp xếp bố trí lực lượng ở lại để làm nòng cốt cho cuộc chiến đấu mới. Trung đoàn 812 trước đây theo yêu cầu nhiệm vụ đã tạm thời giải thể, đưa cán bộ về cơ sở, bố trí các đơn vị về các địa phương đứng chân hoạt động và giúp đỡ bộ đội địa phương, quân dân du kích đánh địch, nay tập hợp lại thành trung đoàn với đầy đủ quân số và trang bị. Ban chỉ huy Trung đoàn gồm các đồng chí:

- Nguyễn Chí Diễm: Trung đoàn trưởng.
- Phan Bình: Chính ủy.

- Nguyễn Chương: Tham mưu trưởng.
- Ưu Đạo: Chủ nhiệm chính trị.
- Mai Nhẫn: Chủ nhiệm hậu cần.

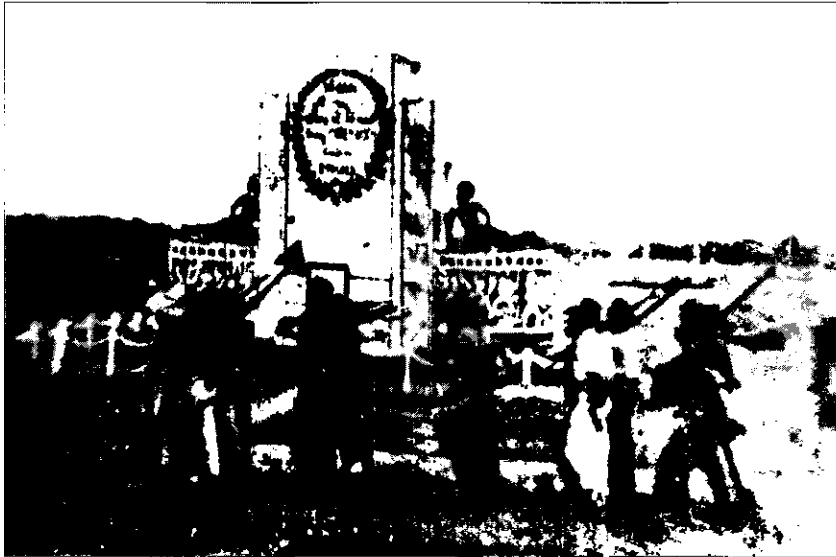
Trung đoàn có 4 tiểu đoàn (Tiểu đoàn 1, 86, 80, 89) và các đại đội trực thuộc. Cùng với việc tổ chức lại Trung đoàn, cán bộ các ngành, dân quân du kích cơ sở quần chúng, đảng viên đều được sắp xếp, phân công, người đi tập kết, người ở lại lo nhiệm vụ mới của địa phương.

Trong những ngày tháng 8, khắp các địa phương nô nức mít tinh chào mừng thắng lợi Hiệp định, mừng hòa bình, có đông đảo bộ đội, cán bộ và nhân dân kể cả nhân dân trong vùng bị tạm chiếm tham dự rất đông. Tình cảm thân thương, lưu luyến tiễn đưa của quân dân, gia đình, bạn bè... Những người ra đi hứa hẹn sẽ ra sức góp phần xây dựng miền Bắc, xây dựng quân đội chính quy hiện đại để sau này trở về xây dựng đất nước sau ngày hai miền Nam, Bắc thống nhất. Những người ở lại quyết thủy chung son sắt đợi chờ và tích cực bước vào cuộc chiến đấu mới.

Quân dân Bình Thuận rất đổi tự hào về truyền thống 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đã góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của cả nước. Những thử thách quyết liệt, những hy sinh gian khổ đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu. Vốn mang trong mình truyền thống đoàn kết tự lực, tự cường, quân dân Bình Thuận nhất định sẽ vượt qua những trở lực mới, cùng quân dân trong Liên khu và cả nước đi đến thắng lợi cuối cùng.



Ban lãnh đạo Khởi nghĩa Tháng Tám 1945 tại tỉnh Bình Thuận



Duyệt đội ngũ trong Lễ mừng độc lập ngày 2-9-1945
tại Sân vận động Phan Thiết



Lầu Ông Hoàng, nơi xảy ra trận đánh cải trang
kỳ tập nổi tiếng ngày 14-6-1947



Đại đội Phạm Hồng Thái trước giờ hành quân ra trận



Khẩu súng Vít-ke do Đại đội Hoàng Hoa Thám thu được trong trận tập kích đồn Lầu Ông Hoàng, tại Phú Hải (xã Tân Dân, huyện Hàm Thuận, ngày 14-6-1947)



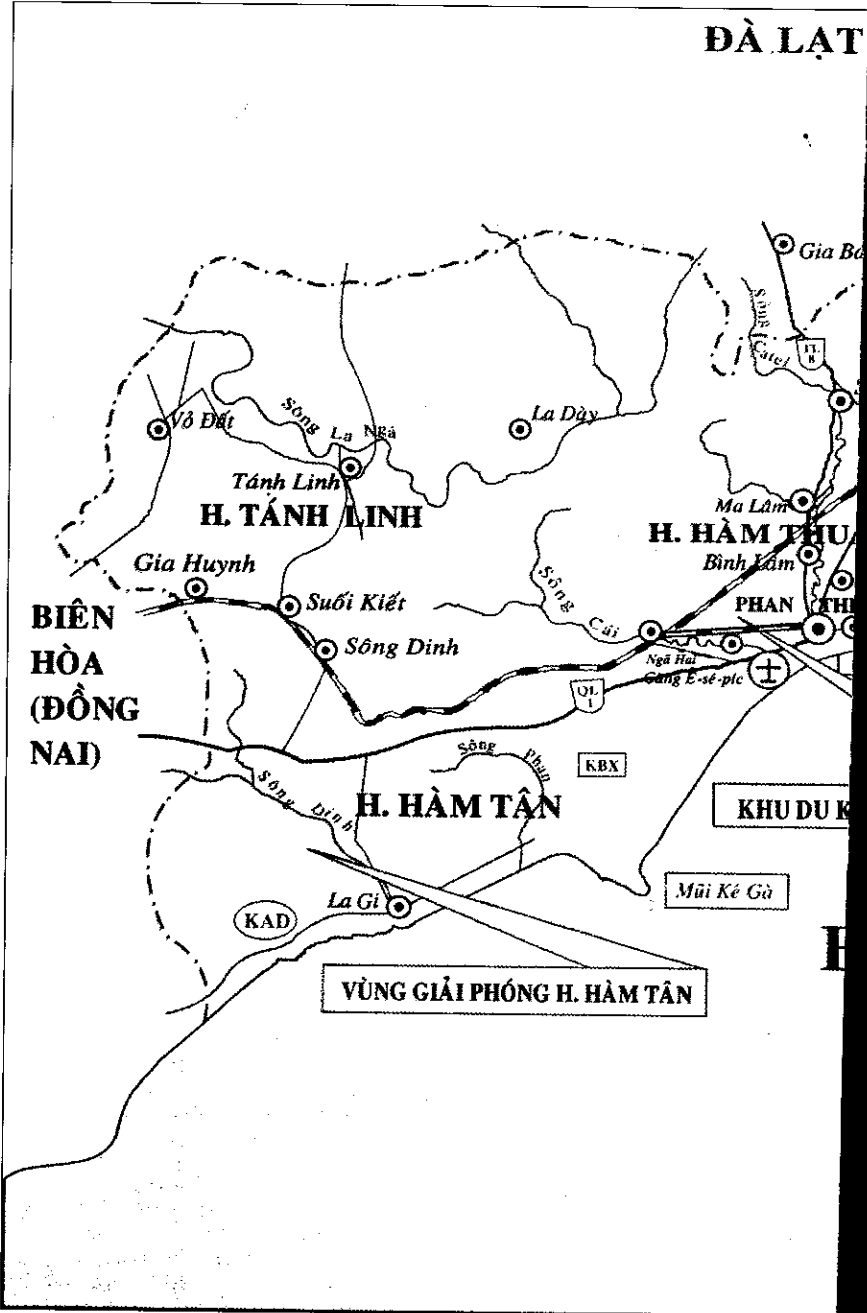
Khẩu trung liên do đồng chí Thiệt là xạ thủ đã bắn
và diệt trên 100 tên địch



Chiếc búa diệt địch của đặc công Bình Thuận
trong trận Camp Ésépic, đêm 28-12-1951

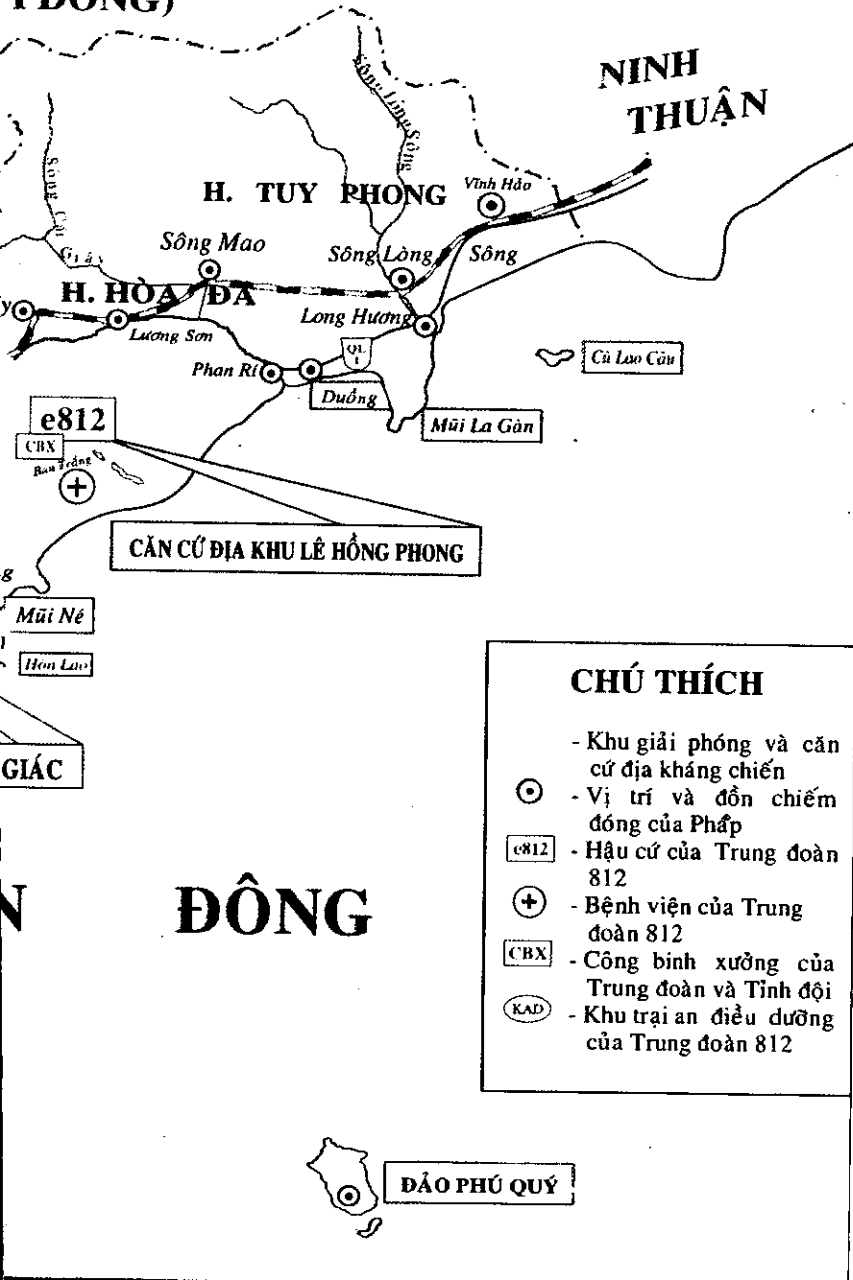
HÌNH THÁI TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI HÀNH CHÍNH BÌNH

ĐÀ LẠT



ẤN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

(ĐÔNG)



NINH THUẬN

H. TUY PHONG

H. HÒA ĐÀ

CĂN CỨ ĐỊA KHU LÊ HỒNG PHONG

CHÚ THÍCH

- Khu giải phóng và căn cứ địa kháng chiến
- ⊙ - Vị trí và đồn chiếm đóng của Pháp
- e812** - Hậu cứ của Trung đoàn 812
- ⊕ - Bệnh viện của Trung đoàn 812
- CBX** - Công binh xưởng của Trung đoàn và Tỉnh đội
- KAD** - Khu trại an dưỡng của Trung đoàn 812

ĐÔNG

ĐẢO PHÚ QUÝ



Bộ đội xung kích sinh hoạt sau chiến thắng diệt đồn Ngã Hai
(tháng 9-1952)



Các chiến sĩ luyện tập bắn súng máy (1947)



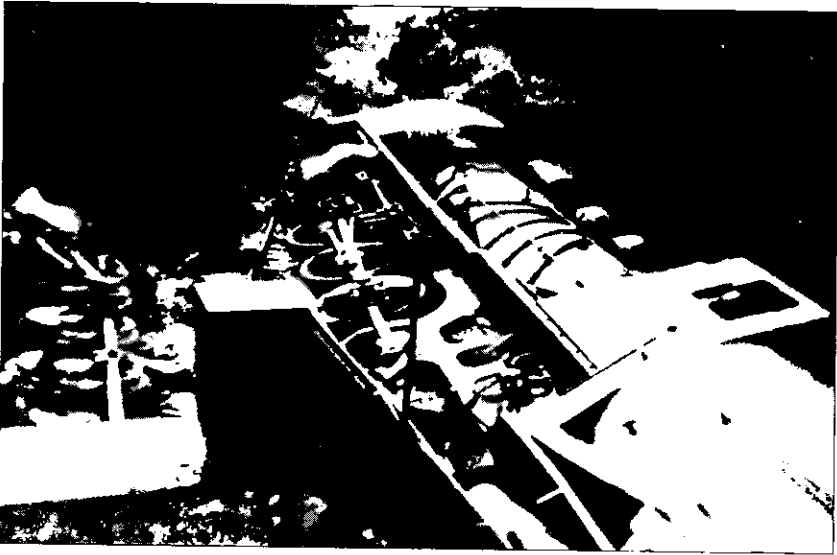
Nhân dân Bình Thuận tiếp tế ủng hộ bộ đội
trong kháng chiến chống Pháp



Các chiến sĩ xung kích trước giờ ra trận



Bộ đội Trung đoàn 812 với khẩu súng pháo ANON - 94 mm thu được của địch trong trận Thạch Long, Mũi Né (13 - 4 -1953)



Xe lửa quân sự của Pháp bị ta đánh lật nhào
trên đoạn đường Phan Thiết - Mương Mán (1953)



Chiến lợi phẩm ta thu được trong trận tiến công đồn Gia Bát
(4-1954)

Phần thứ hai
**QUÂN VÀ DÂN BÌNH THUẬN
KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ
XÂM LƯỢC
(1954 – 1975)**

Chương năm
**TRIỂN KHAI LỰC LƯỢNG VÀ THẾ TRẬN
BƯỚC VÀO CUỘC CHIẾN ĐẤU
CHỐNG KẼ THÙ MỚI**

I. Triển khai lực lượng và thế trận mới

Ngay từ trung tuần tháng 7-1954, trong khi cuộc kháng chiến chống Pháp sắp kết thúc, ta thu được nhiều thắng lợi trên chiến trường, đặc biệt là đã làm nên “Chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu”. Đồng thời, ở Hội nghị Giơnevơ cũng gần đến ngày ký kết Hiệp định thì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI (khóa 2) nhận định: “Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, và hiện đang trở thành kẻ thù chính trực tiếp của nhân dân Đông Dương”¹.

Ngày 20-7-1954, sau hơn ba ngàn ngày chiến đấu vô cùng anh dũng, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta đã giành được thắng lợi quyết định.

Với Hiệp định Giơnevơ được ký kết, lần đầu tiên

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.15, tr.225.

trong lịch sử buộc bọn thực dân, đế quốc phải công nhận về mặt pháp lý quyền độc lập, tự quyết của một nước thuộc địa đã dùng bạo lực cách mạng đánh bại bạo lực phản cách mạng để giành lấy độc lập, tự do.

Hòa bình lập lại trên toàn cõi Đông Dương và Việt Nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhưng miền Nam còn tạm thời bị địch kiểm soát, sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân ta mới hoàn thành một nửa.

Tại Bình Thuận, từ 0 giờ ngày 01-8-1954, lệnh ngừng bắn bắt đầu được thực hiện. Ngay từ sáng hôm đó và những ngày tiếp theo, nhân dân phấn khởi họp mít tinh chào mừng thắng lợi, mừng hòa bình ở hầu hết các vùng tự do, vùng du kích, khu du căn cứ kháng chiến như: Triều, Hàm Liêm, Xoài Quỳ, Bung Giàng Xây, v.v.. Trong các cuộc mít tinh, ngoài nhân dân địa phương, cán bộ, bộ đội và dân quân du kích, còn có hàng trăm đồng bào ở các thị trấn, thị xã, các vùng địch tạm chiếm và có cả một số binh lính địch tự động bỏ hàng ngũ theo đồng bào ra dự.

Theo quyết định của Ban Liên hiệp đình chiến, trong vòng 80 ngày (kể từ ngày ngừng bắn có hiệu lực), các lực lượng vũ trang ta phải rời khỏi Bình Thuận và tập kết ra Bắc, quyền quản lý hành chính và các mặt khác trong tỉnh tạm thời giao lại cho đối phương.

Trước thực trạng đó, nên trong niềm vui chung là hòa bình đã được lập lại trên quê hương xứ sở, nhưng nét mặt và trong lòng mọi người đều thoáng nỗi băn

khoản, suy tư và lo lắng.

Để tạo điều kiện ban đầu cho nhân dân bước vào cuộc chiến đấu mới, dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ, Tỉnh ủy Bình Thuận đã tổ chức cho cán bộ, bộ đội và nhân dân học tập tình hình nhiệm vụ mới Khu ủy khu 5 đã cử đồng chí Nguyễn Văn Minh-Thường vụ Khu ủy vào Bình Thuận trực tiếp phổ biến tình hình nhiệm vụ mới và công bố quyết định của Khu ủy về việc thành lập Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ và cử đồng chí Triều Lê làm Bí thư, học tập lời kêu gọi của Bác Hồ. Khi nghe đến đoạn: “Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi”¹ thì tất cả mọi người đều vô cùng xúc động và rưng rưng nước mắt.

Thế là từ nay, cuộc chiến đấu của đồng bào các dân tộc tỉnh Bình Thuận đã bước sang giai đoạn mới.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, sau khi hoàn thành mọi công tác chuẩn bị và chọn hơn 100 cán bộ, đảng viên (phần lớn là các đồng chí có kinh nghiệm về công tác vận động quần chúng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.322.

trong các ngành, giới và lực lượng vũ trang) ở lại bám địa bàn lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh với địch trong điều kiện mới. Ban cán sự cực Nam Trung Bộ cùng với Tỉnh ủy Bình Thuận tổ chức đưa lực lượng tập kết (kể cả Ninh Thuận và Lâm Đồng) về Hàm Tân chờ ngày xuống tàu ra Bắc.

Ngày 02-9-1954, một cuộc mít tinh lớn do Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh tổ chức tại Láng Chệt gần xóm Rẫy (khu vực tiếp giáp giữa hai xã Tân Thành và Tân Thuận ngày nay). Hàng ngàn người từ khắp các nơi trong tỉnh (có cả Ninh Thuận và Lâm Đồng) đã đến dự. Được tin, bọn địch ở Phan Thiết đưa một số thám báo, biệt kích trà trộn theo nhân dân vào định phá hoại, nhưng ta đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn.

Tại cuộc mít tinh, sau những lời phát biểu dặn dò, hứa hẹn của các đại diện, giữa người đi và người ở cùng các tiết mục văn nghệ... thời gian còn lại là những giây phút vô cùng quý giá của mối tình “quân dân cá nước” của cha con, chồng vợ và của cả những lứa đôi hò hẹn. Nhiều câu hỏi đặt ra: “Anh đi bao giờ về?”, “Bọn địch có thi hành Hiệp định không?”, “Làm sao em sống được với chúng nó?”, cùng những lời thưa gửi và dặn dò: “Con ra thưa với cụ Hồ, lòng cha chỉ một cơ đồ mà thôi...”. Đêm đã tàn mà tình cảm giữa người ở và người đi không sao dứt được, mặc dù chỉ xác định ra đi hai năm sau sẽ trở về sum họp và cùng tái thiết đất nước.

Đầu tháng 10-1954, toàn thể cán bộ, chiến sĩ tập kết bắt đầu rời khỏi Hàm Tân – mảnh đất cuối cùng của Miền cực Nam Trung Bộ đi vào huyện Xuyên Mộc

(khu vực Bà Tô, Cây Cám) thuộc tỉnh Bà Rịa. Sau đó, đi ô tô vận tải ra đến bãi Phú Mỹ (gần Vũng Tàu) để xuống tàu ra Bắc. Mặc dù địch cấm đoán, nhưng khi đoàn xe chở quân ta đi ngang qua thị xã Bà Rịa, đồng bào vẫn tìm cách lén ra gần đường, hoặc đứng trên các bao lơn nhà gác nhìn theo tiễn biệt và đưa hai ngón tay lên ngầm hứa hẹn “hai năm là ngày tái ngộ”.

Theo Quyết định của Trung ương, từ nay các tỉnh thuộc cực Nam Trung Bộ: Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên, Đồng Nai Thượng (Lâm Đồng ngày nay) hợp thành Liên tỉnh 3 do đồng chí Trần Lê làm Bí thư Ban cán sự Đảng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Liên Khu ủy 5.

Để phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, Liên Khu ủy 5 đã sắp xếp cán bộ, tổ chức lại các Tỉnh ủy và Ban cán sự Đảng các tỉnh. Riêng Tỉnh ủy Bình Thuận gồm các đồng chí: Trần Lê-Bí thư Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ kiêm Bí thư Tỉnh ủy, Nguyễn Gia Tú-Phó Bí thư; các đồng chí Lê Văn Triều, Nguyễn Tế Nhị (Sinh), Nguyễn Văn Tiềm (Tiên), Võ Xuân Viên và Nguyễn Quê (Mỹ) làm Tỉnh ủy viên. Ngay từ đầu tháng 9-1954, Tỉnh ủy Bình Thuận đã họp phiên đầu tiên tại Xóm Rẫy (Tân Thuận, Hàm Tân). Sau khi soát xét tình hình và căn cứ vào khả năng của từng cán bộ, đảng viên, Hội nghị nhất trí phân công các đồng chí phụ trách (chưa gọi là bí thư) các huyện, thị xã như sau: Đồng chí Nguyễn Tế Nhị phụ trách thị xã Phan Thiết, đồng chí Nguyễn Văn Tiềm (Tiên) phụ trách huyện Hàm Tân, đồng chí Lê Văn Triều phụ trách huyện Tánh Linh,

đồng chí Nguyễn Quế phụ trách huyện Hàm Thuận, đồng chí Lê Thanh Hải (Mười Râu) phụ trách căn cứ Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Quý Kỳ phụ trách Bắc Bình, đồng chí Huỳnh Hà phụ trách Miền A (gồm các xã: Hàm Đức, Hàm Nhơn, Hàm Thắng và Hàm Dũng), đồng chí Nguyễn Chay phụ trách Phan Lý và đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) phụ trách Di Linh.

Trên cơ sở phân công các đồng chí chủ chốt, ở mỗi huyện, thị tự chọn từ 3 đến 4 cán bộ, đảng viên để hình thành bộ phận lãnh đạo và hoạt động trong điều kiện bí mật (bất hợp pháp).

Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương, Bộ phận lãnh đạo của huyện, thị chỉ định các đồng chí phụ trách các xã, phường và các đồng chí phụ trách các xã, phường chọn một số đồng chí cốt cán làm nòng cốt trong quần chúng. Ngoài các đồng chí được phân công, số còn lại về sống hợp pháp trong dân, dựa vào pháp lý của Hiệp định Giơnevơ để làm ăn sinh sống cùng với quần chúng để lãnh đạo đấu tranh đòi hiệp thương thống nhất nước nhà.

Riêng các bộ phận tham mưu, giúp việc cho cấp ủy Đảng, Tỉnh ủy đã chọn một số cán bộ vững vàng về chính trị và có nghiệp vụ chuyên môn để phụ trách các bộ phận: đồng chí Tự (Lai) phụ trách văn phòng; đồng chí Trang (Hoàng Từ) phụ trách quản trị; các đồng chí Cam, Chanh, Bưởi phụ trách cơ yếu; các đồng chí Gia, Đình, Chiến, Sĩ và Lam Sơn (Trúc) phụ trách điện đài; các đồng chí Ngân, Nga và Ngọc phụ trách ấn loát (gọi biệt danh); đồng chí Lương (y tá) phụ trách y tế; đồng

chí Nguyễn Nhơn Trường phụ trách quân báo. Trung đội đặc công do đồng chí Phạm Hoài Chương (Sáu Nam) chỉ huy gồm 14 cán bộ, chiến sĩ: Nguyễn Hội (Ánh), Nghị (Lô), Bảo, Vệ (Đức), Hòa, Bình, v.v..

Sau khi lực lượng tập kết lên đường, cơ quan tỉnh Bình Thuận và liên tỉnh 3 chuyển về đóng ở Đá Mài, Núi Ông (Tánh Linh).

Nhận thức được tầm quan trọng của các vùng căn cứ địa miền núi, nên sau khi ổn định chỗ ăn, ở, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo việc xây dựng cơ sở vùng đồng bào các dân tộc ít người ở Tánh Linh và Di Linh, v.v.. Chính vì vậy, nên Tánh Linh, Di Linh đã trở thành cái nôi cách mạng và cũng là thế trận đầu tiên để bước vào cuộc chiến đấu chống kẻ thù mới của quân dân Bình Thuận trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

II. Kẻ thù mới đã lộ mặt, cuộc chiến đấu mới của nhân dân ta bắt đầu

Trong khi Đảng bộ Bình Thuận đang ra sức ổn định tổ chức, sắp xếp lực lượng để lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ, thì kẻ địch đã tìm cách tập hợp lực lượng, xây dựng cơ sở xã hội cho nền thống trị của chúng, từng bước phá hoại Hiệp định và chuẩn bị đánh vào phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Ngay từ tháng 7-1954, sau khi thất bại, không phá được việc ký kết Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương, đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện âm mưu nhanh chóng hất cẳng Pháp, độc quyền thống trị ở miền Nam Việt Nam

và Đông Dương, đàn áp phong trào cách mạng và áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành pháo đài của Mỹ ở Đông Nam Á.

Với mưu đồ đó, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm (một tên việt gian lưu vong lâu ngày ở Mỹ, được các cha cố nhà thờ nuôi dạy và CIA che chở) về miền Nam Việt Nam làm Thủ tướng bù nhìn, xây dựng bộ máy ngụy quyền thân Mỹ và trực tiếp giúp Diệm tiến hành một số công việc như: thành lập quân đội “quốc gia” có đến 147.462 tên, bao gồm 3 quân chủng: Hải quân, Lục quân, Không quân do Mỹ huấn luyện và trang bị. Ngoài ra, còn có hàng vạn lính bảo an, dân vệ và cảnh sát. Đi đôi với xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, chúng còn lập ra “Quốc hội” để Diệm thực hiện “Độc lập”, tiến hành cải cách điền địa, thực hiện định cư cho hàng chục vạn người bị chúng cưỡng ép di cư từ miền Bắc vào, thay đổi các sắc thuế, dành ưu tiên cho hàng hóa và tư bản Mỹ, đào tạo cán bộ từ trung ương đến cơ sở cho Diệm, v.v..

Dưới sự chỉ huy của Mỹ, Diệm bắt đầu tập hợp lực lượng cùng phe cánh từ trung ương đến địa phương.

Ở Bình Thuận, Diệm gấp rút tạo ra đội ngũ tay sai, dựng nên bộ máy thống trị ở địa phương, từ tỉnh, huyện xuống đến xã, phường, xóm ấp bao gồm những tên cùng phe cánh với hắn; loại tên trung tá Nguyễn Quang Hoàn (Tỉnh trưởng thân Pháp), đưa tân thiếu tá Thái Quang Hoàn về thay (12-1954); đồng thời thanh lọc hết những tên còn lại trong ngụy quân và ngụy quyền do Pháp để lại. Bất chấp quy định của Ban Liên hiệp đình chiến và

không đợi bàn giao, chúng xua quân vào chiếm một số vùng giải phóng của ta. Riêng hai khu vực Hàm Tân và căn cứ Lê Hồng Phong, sau khi nhận bàn giao, chúng đã đưa lực lượng vũ trang đến chốt giữ. Ở Hàm Tân, chúng đưa một tiểu đoàn đến chốt tại La Gi đưa tên Nguyễn Bá Giảng lên làm quận trưởng, đồng thời tập hợp bọn hào lý cũ cùng một số tên bất mãn với kháng chiến lập nên bộ máy tề để làm chỗ dựa.

Cũng trong thời gian này, chúng đưa sư đoàn dã chiến nguy do tên Vòng A Sáng chỉ huy, sư đoàn này toàn người Nùng và là tiền thân của Sư đoàn 5 sau này, từ Móng Cái (miền Bắc) vào đứng chân và xây dựng căn cứ tại Sông Mao làm hậu thuẫn; đồng thời đưa 65.000 dân theo đạo Thiên Chúa bị cưỡng ép di cư từ miền Bắc vào đến ở các khu vực Phan Thiết, Hàm Tân và toàn bộ gia đình của bọn binh lính sư đoàn nguy (Nùng) do tên Vòng A Sáng chỉ huy đến lập làng ở Sông Mao nhằm tăng thêm lực lượng chống phá cách mạng ở địa phương.

Đi đôi với việc tuyên truyền nói xấu Đảng ta nhằm chia rẽ giữa Đảng và nhân dân, chúng bắt đầu tung ra chiêu bài “Quốc gia độc lập” giả hiệu cùng những khẩu hiệu “Tự do dân chủ” bịp bợm và truyền bá tư tưởng “Cần lao nhân vị” phản động, ép nhân dân vào các tổ chức do chúng lập ra như: “Hiệp hội nông dân”, “Phụ nữ liên đới” và “Phong trào cách mạng quốc gia”, v.v..

Quyết buộc địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ, một phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng đã diễn ra rất sôi nổi. Nhiều cuộc mít tinh mừng hòa bình và biểu dương lực lượng đòi quyền tự do

dân chủ của nhân dân, đã có hàng ngàn, hàng vạn người tham dự.

Tại Hàm Thuận, ngày 01-8-1954, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy hơn 1.000 đồng bào thuộc các xã Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Phong và Hàm Hiệp đã tập trung mít tinh mừng hòa bình tại Xóm Chồi (Hàm Liêm). Sau đó, gương cao cờ đỏ sao vàng, cờ hòa bình và khẩu hiệu đòi thi hành Hiệp định, nối tiếp nhau kéo vào Phan Thiết. Được tin, đồng bào Hàm Thắng và các vùng ven thị xã cũng lần lượt kéo đến ghép vào làm cho đoàn biểu tình lên đến hơn 6 ngàn người.

Lúc 14 giờ cùng ngày, đoàn biểu tình đã đến khu vực Trinh Tường. Thấy đoàn người quá đông, bọn địch trong đồn Trinh Tường hoảng sợ, liền cho 1 trung đội khinh quân ra ngăn chặn và kéo dây thép gai bùng bùng chần ngang đường 8 rồi chạy vào đồn đóng chặt cửa, dùng lựu đạn cay ném vào đoàn biểu tình.

Mặc cho kẻ địch ngăn chặn và đe dọa, đoàn biểu tình do các chiến sĩ dân quân Xóm Chồi dẫn đầu vẫn cứ xông lên tiếp tục tìm cách phá rào. Giữa lúc mọi người đang hò nhau lôi kéo, thì anh Nguyễn Văn Bảy (tức Bảy Biểu) từ phía sau vác rựa lao lên chặt đứt phăng đoạn dây thép gai bùng bùng, lập tức đoàn biểu tình tràn qua như thác lũ. Đoàn biểu tình tiến đến đâu, đồng bào ở gần đó đều ra đứng chặt hai bên đường và cùng hô vang các khẩu hiệu đòi thi hành Hiệp định, đòi hòa bình, dân sinh và dân chủ.

Lúc 15 giờ, đoàn biểu tình đã tiến đến khu vực Trường

Nữ tiểu học trên đường Hải Thượng Lãn Ông. Sau khi bắt liên lạc với bộ phận lãnh đạo thị xã, biết được thị xã chưa kịp tổ chức lực lượng phối hợp nên Ban lãnh đạo đoàn biểu tình cho đồng bào tạm thời về nhà để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh tiếp theo.

Thấy đoàn biểu tình tạm thời rút lui, tên Tây lai Lu I liền dẫn đầu một tốp lính Commando đuổi theo đàn áp. Chúng ném lựu đạn cay và dùng dùi cui đánh đập tàn nhẫn những người còn rớt lại phía sau hồng uy hiệp tinh thần nhân dân. Tiếp đến, đêm ngày 03-8, bọn địch ở Cảng Êsêpíc và Ngã Hai lại dùng pháo bắn vào xóm Vườn Trầu cùng một số nơi khác.

Để buộc địch phải ngừng bắn, chiều ngày 04-8-1954, cuộc biểu tình của đồng bào thuộc các xã Hàm Hiệp, Hàm Mỹ, Hàm Cường và Hàm Kiệm lại tiếp tục nổ ra. Từ ngã ba Đại Hòa, hơn 3 ngàn đồng bào ta đã kéo qua các ấp Đại Thiện, Phú Mỹ đến thẳng đồn Ngã Hai đưa kiến nghị đòi địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ và thực hiện lệnh ngừng bắn của Ban Liên hiệp đình chiến. Trước sức mạnh của quần chúng, tên đồn trưởng đồn Ngã Hai buộc phải nhận kiến nghị rồi tìm lời xoa dịu đồng bào.

Được tin nhân dân đang bao vây đồn Ngã Hai, tên Lu I và tên Kính (một tên phản bội đầu hàng giặc) dẫn lính Commando và lính biệt kích, ác ôn từ Phan Thiết lên đàn áp. Thấy xe chở lính đến gần, mọi người đều dồn hết ra đường chặn xe chúng lại. Bất chấp sự phản đối của quần chúng, bọn ác ôn cho xe tiếp tục xông thẳng tới đám đông và dùng lựu đạn, tiểu liên đánh vào

những người trong tay không có tác sát, làm hơn 65 người chết và bị thương. Cuộc đấu tranh đã bị tổn thất. Sau khi giải quyết xong hậu quả quá nặng nề do địch gây ra cho nhân dân, tối ngày 04-8-1954, Ban lãnh đạo biểu tình tiếp tục làm kiến nghị và thu thập hơn một ngàn chữ ký gửi lên Ban liên hiệp đình chiến.

Ngày 15-8-1954, bản kiến nghị phản đối địch vi phạm Hiệp định được đưa đến Ban liên hiệp đình chiến đang họp tại Tùng Hòa (Hàm Đức). Tại cuộc họp, bọn địch bị phê phán rất nghiêm khắc nên chúng không dám bắn phá bừa bãi như trước nữa.

Phối hợp với các cuộc biểu dương lực lượng ở nông thôn và vùng ven, đồng bào trong thị xã cũng đã liên tục kéo đến dinh tỉnh trưởng Bình Thuận đấu tranh buộc chúng phải trao trả hơn 600 tù chính trị đang bị giam giữ tại lao Xá.

Tại huyện Tuy Phong, sau nhiều lần đấu tranh đòi cấp giấy chứng minh để đi lại làm ăn và tự do cư trú, kẻ địch vẫn không giải quyết mà còn bắt bà con ta phải làm tờ đầu thú. Không chịu được trước thái độ lừa lọc của kẻ thù, ngày 12-10-1954, các anh Huỳnh Bằng, Phạm Đăng Quế, Hoàng Cán, Ngô Văn Tới, Đặng Văn Nam cùng một số người ở Vĩnh Hảo, Long Thanh kéo lên huyện một lần nữa đòi chúng thực hiện yêu sách. Bọn địch tráo trở, bắt giam tất cả mọi người.

Được tin các anh bị địch bắt, hơn 100 đồng bào xung quanh kéo đến đấu tranh đòi phải thả người bị bắt. Sau đó, đồng bào từ các nơi Bình Thạnh, Long Phước và

Vĩnh Hảo ùn ùn kéo vào thị trấn phản đối dịch bắt người vô cố, không thi hành Hiệp định Giơnevơ. Bọn địch bắt đầu đàn áp. Chúng đánh ông Huỳnh Lưu bị thương nặng ở đầu, nhiều người khác cũng bị thương. Phần uất trước hành động dã man của kẻ thù, quần chúng ào ào xông tới thét vào mặt bọn chúng “Đả đảo đàn áp”, “Không được đánh người kháng chiến cũ”, đồng thời dùng đất đá ném vào đầu lũ tay sai. Hai bên giằng co quyết liệt đến 17 giờ mới tạm dừng. Chúng bắt 24 người đưa vào Phan Thiết giam giữ.

Cùng với các địa phương trên, nhiều nơi như Hàm Tân, Tánh Linh, Khu Lê Hồng Phong, Hòa Đa, Phan Lý, v.v. đều diễn ra các cuộc biểu tình đấu tranh đòi thi hành Hiệp định và nơi nào cũng bị kẻ địch đàn áp, giết hại dã man.

Thế là máu của đồng bào ta lại đổ. Bộ mặt “độc lập” giả hiệu, “tự do dân chủ” bịp bợm của bọn Mỹ-Diệm đã phơi bày rất sớm trước nhân dân Bình Thuận và cả miền Nam Việt Nam.

Để tiếp tục đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng và phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tháng 2-1955, địch bắt đầu mở cái gọi là “Chiến dịch Phan Chu Trinh” liên tiếp xua quân càn vào các vùng giải phóng cũ của ta để phá hết những cơ sở kháng chiến cũ còn lại. Đồng thời chúng cổ vũ bọn địa chủ phong kiến, bọn ác ôn, những phần tử xấu góc đầu dậy tiếp tay cho chúng chống lại phong trào đấu tranh của nhân dân địa phương.

Trước tình hình đó, sau khi chuyển vị trí đứng chân

từ Tánh Linh về Di Linh, tháng 3-1955, Tỉnh ủy Bình Thuận tổ chức Hội nghị mở rộng tại Xa Lôn do đồng chí Trần Lê chủ trì. Tham dự Hội nghị có các đồng chí: Võ Dân Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Tế Nhị, Nguyễn Văn Tiềm, Nguyễn Quế, Võ Xuân Viên, Lê Văn Triều, Huỳnh Hà, Lê Thanh Hải, Nguyễn Xuân Du, đồng chí Tự (Lai), Trang (Hoàng Từ). Hội nghị đã đánh giá tình hình và ra Quyết định thành lập Ban cán sự Đảng các huyện, thị, đồng thời tiếp tục củng cố hệ thống chỉ đạo, thông tin liên lạc từ tỉnh đến cơ sở.

Thực hiện quyết định của Tỉnh ủy, các huyện, thị đã tạm thời chia thành các miền, vùng và phân công cán bộ phụ trách. Huyện Tuy Phong có 2 miền: miền 1 gồm các xã Long Hương, Bình Thạnh, Vĩnh Hảo; miền 2 gồm Phan Rí Thành, Phan Rí Cửa. Chí Công có 2 miền: miền 1 gồm Chợ Lầu và Hồng Thái; miền 2 gồm Lương Sơn và Hòa Thắng huyện Hòa Đa. Huyện Hàm Thuận có các miền: miền Tam Giác gồm Hàm Chính, Hàm Liêm, Xuân Phong, Đại Nấm và Lại An Thượng; miền tây gồm Hàm Cầm, Hàm Trí, Hàm Phú và Ma Lâm; miền Mới gồm Phú Hội, Mương Mán, Hàm Thạnh. Huyện Hàm Tân có các miền: miền bắc gồm Hàm Kiệm, Tiến Lợi, Tân Tiến; miền trung gồm: Tân Hiệp; miền nam gồm: Tân Cường, Tân Thắng, Tân Bình. Các xã Tân Long, Tân Hòa và Tân Dân không ghép lại thành miền nhưng do cán bộ huyện phụ trách. Huyện Tánh Linh vẫn không có gì thay đổi. Riêng thị xã Phan Thiết được chia thành 2 vùng Tả Ngạn và Hữu Ngạn sông Cà Ty.

Sau khi ổn định tổ chức, việc chỉ đạo từ tỉnh đến cơ

sở đã đi vào nề nếp nên mặc dù địch dùng nhiều thủ đoạn xảo quyệt, nhưng nhân dân vẫn không lùi bước. Từ cuối tháng 3-1955 trở đi, nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng đòi thi hành Hiệp định, đòi dân sinh, dân chủ vẫn liên tiếp nổ ra ở khắp nơi trong tỉnh.

Ở Hàm Thuận, cụ Trần Hữu Chi (Học Chí) cùng 6 cụ già khác làm chung một bản kiến nghị đòi hiệp thương giữa hai miền theo tinh thần của Hiệp định Giơnevơ, rồi lấy chữ ký của hàng trăm người khác trong huyện với ý định vào Sài Gòn để đưa cho Ngô Đình Diệm, đồng thời mang theo quần áo để sẵn sàng ở tù nếu bị bắt. Song, khi các cụ vừa đến dinh tỉnh trưởng Bình Thuận thì liền bị tên trung tá tỉnh trưởng Thái Quang Hoàng cho tay chân bắt giam và đánh đập tàn nhẫn, hơn một tháng sau mới thả về.

Ở Hàm Tân, tiếp theo cuộc đấu tranh bảo vệ 2 thầy giáo kháng chiến Thanh và Luật, phong trào “Kinh, Chi, Mỹ, Phát” nổ ra. Các anh Kinh, Chi, Mỹ, Phát là 4 cán bộ, đảng viên được phân công ở lại sống hợp pháp trong dân bị địch bắt giam và đánh đập tàn nhẫn. Được tin, hàng ngàn đồng bào đã đổ ra đường kéo đến xã, kéo lên quận đấu tranh, đồng thời đưa kiến nghị cho Ủy ban giám sát đình chiến vạch mặt kẻ thù. Trước chứng cứ rõ ràng và lý lẽ danh thép, bọn địch ở Hàm Tân buộc phải trả tự do cho các đồng chí của chúng ta và thắng lợi của cuộc đấu tranh đã có tiếng vang rất lớn lúc bấy giờ. Song, sau khi thả ra, chúng bí mật bắt lại và thủ tiêu một cách hèn hạ 3 đồng chí.

Ở Bắc Bình, đồng bào Lương Sơn và Bàu Trắng cũng

liên tục đấu tranh đòi bọn địch không được bắt người kháng chiến cũ, để cho mọi người tự do đi lại làm ăn.

Trước khí thế đấu tranh của quần chúng ngày càng mạnh mẽ, nhiều tên tay sai ở cơ sở và một số binh lính địch bắt đầu ngán ngấm, cầu an và lo sợ. Một số phần tử thân Pháp bắt đầu bất mãn và xuất hiện những hành động ngấm ngầm chống Diệm như: Sư đoàn 5 (Nùng) ở Sông Mao án binh bất động và một số đơn vị lẻ khác không chịu đi càn vào các vùng kháng chiến cũ.

Để chuẩn bị cho việc đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn, ở Bình Thuận ngay từ đầu tháng 5-1955, bọn tay sai bày ra các trò biểu tình mà chúng gọi là “Đại Náo “đòi phế truất Bảo Đại”. Tại các thị trấn, thị xã và các vùng đông dân cư, chúng dí súng vào lưng bắt đồng bào ta ban đêm đốt đuốc đi ra đường hô các khẩu hiệu “Đả đảo Bảo Đại”, “Ủng hộ Ngô Đình Diệm”.

Lợi dụng tình hình đó, đồng bào đã biến các cuộc biểu tình của chúng thành biểu dương lực lượng của ta để vạch mặt chúng, chống khủng bố và đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Tại cuộc biểu tình ở thị xã Phan Thiết, đồng bào không hô các khẩu hiệu do chúng xướng ra, mà hô: “Hòa bình muôn năm”, “Phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định”, “Đả đảo khủng bố những người kháng chiến cũ”. Khi bị bọn tay sai thúc ép, thì đồng bào lại hô: “Ủng hộ...ô... Chôn”, “Đả... đa...áo... gió”; sau đó, đổi lại “Ủng hộ...ô...gió”, “Đả...đa...áo... chôn” (Chôn và Gió là 2 mụ

trùm nhà thổ lúc bấy giờ ở Phan Thiết - ý nói Diệm và Bảo Đại cũng giống như bọn trùm nhà thổ mà thôi) miễn sao có hai từ đá đảo và ủng hộ liền nhau là được. Phụ họa theo là đám trẻ con thổi kèn miệng "Tò te, tí te" và cười đùa âm ỉ.

Nhằm đẩy mạnh phong trào quần chúng tiến lên bước mới, tháng 8-1955, Ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ tổ chức Hội nghị tại Rừng Ngang (thuộc căn cứ Lê Hồng Phong) để bàn về nội dung và phương thức đấu tranh chống địch. Sau đó, Tỉnh ủy Bình Thuận quán triệt chủ trương của Ban cán sự cực Nam Trung Bộ về tình hình và phương châm, phương thức đấu tranh cho cán bộ toàn tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Ban cán sự Đảng cực nam Trung Bộ nhiều cuộc đấu tranh với nhiều hình thức phong phú đã diễn ra khắp các nơi trong tỉnh.

Để tiếp tục gây thanh thế cho Diệm, trước ngày "trung cầu dân ý", bọn tay sai ở địa phương cho lập ra các "tổ chức chính trị" và mở đợt tuyên truyền âm ỉ. Ở thị trấn, thị xã như Phan Thiết, La Gi, Phú Long, Chơn Lâu, Phan Rí Cửa và các vùng đông dân ven lờ gắn máy phóng thanh trên xe jeep rồi chèo gào hét chửi rủa Bảo Đại và ca ngợi Diệm suốt cả ngày.

Bằng súng đạn và lưới lờ, từ đầu năm 1955, từng tốp lính xông vào các làng mạc, bắt bớ, tước đoạt tài sản của dân, đuổi xua tất cả mọi người đến các nơi tập trung, lập phòng bỏ phiếu, chúng phát cho n

có in sẵn hình Diệm màu đỏ, hình Bảo Đại màu xanh và hướng dẫn: “xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ thùng”. Ngoài ra, bọn tay sai còn mặc giả thường phục để giám sát các “cử tri” và giả làm “cử tri” để bỏ phiếu nhiều lần cho Diệm.

Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng bí mật ở cơ sở, nhân dân ta hầu hết đều tẩy chay trò hề gian lận này. Những người bị bắt buộc phải bỏ phiếu thì bỏ cả hai phiếu (xanh và đỏ) vào giỏ hoặc vào thùng. Có người trước khi đi bỏ vào thùng đã bí mật dùng ngón tay bấm nát mặt Diệm in trên lá phiếu.

Tại phòng bỏ phiếu ở khu vực Cây Găng (thuộc xã Văn Mỹ huyện Hàm Tân), chúng phát hiện được anh thanh niên Trần Hữu Khả bỏ phiếu xanh vào thùng và xé nát phiếu đỏ vứt vào giỏ, chúng liền bắt anh đánh đập tàn nhẫn đến trọng thương.

Phần uất trước hành động dã man của địch, những người có mặt lập tức biến phòng bỏ phiếu thành nơi đấu tranh chống lại chúng. Lúc đầu, chỉ có vài chục người, nhưng sau đó đã có hàng ngàn người từ các làng xung quanh kéo đến bao vây đồn Bang Tá phản đối việc đánh người vô cớ, xâm phạm đến quyền “bầu cử dân chủ” của cử tri và đòi trừng trị bọn gian ác. Nhằm đánh lạc hướng, bọn địch cho xe chở anh Khả về quận nói là để cứu chữa. Quyết không để chúng phi tang, hàng chục chị em thanh niên đã nằm lăn ra đường cản xe, buộc chúng phải quay trở lại quyết tại chỗ.

Ngày hôm sau, ngay trong ngày hôm đó, tại phòng bỏ phiếu ở xã Văn Mỹ (phường Hàm Tiến, Phan Thiết ngày nay),

bọn tay chân nhìn thấy anh Góp ngang nhiên bỏ phiếu xanh vào thùng, liền quát to: “Mày có biết Bảo Đại là ai và Ngô Đình Diệm là ai không?”. Anh Góp điềm tỉnh trả lời: “Biết chứ! trước đây Bảo Đại làm vua, còn Ngô Đình Diệm làm quan. Do đó, nếu bây giờ tôi bầu cho Ngô Đình Diệm là phạm tội bất trung chẳng?”. Tuy buộc phải câm miệng, nhưng để đe dọa những người xung quanh, chúng liền đánh đập anh Góp rất tàn nhẫn.

Thế là trò hề “tự do, dân chủ” bịp bợm của Diệm ngay từ đầu đã bị nhân dân Bình Thuận vạch mặt.

Ngày 30-10-1955, nhiều cuộc biểu tình lớn đòi hiệp thương tổng tuyển cử và hưởng ứng bức công hàm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phản đối việc “trung cầu ý dân” của Diệm đã nổ ra khắp nơi trong tỉnh, nhất là thị xã Phan Thiết và vùng căn cứ Lê Hồng Phong.

Tại thị xã Phan Thiết, suốt cả buổi sáng đường không có người đi, chợ không có người họp, hơn 80% ghe thuyền không ra khơi đánh cá, mọi phương tiện giao thông đều đậu tại chỗ, các cửa nhà đều đóng kín mít. Trên vách tường, ngoài đường phố xuất hiện nhiều truyền đơn và khẩu hiệu đòi hòa bình dân chủ, hiệp thương tổng tuyển cử được các cơ sở ta rải và dán từ tối hôm trước. Trên dòng sông Cà Ty xuất hiện một bè chuối to, trên có cắm cờ đỏ sao vàng và băng biểu ngữ mang dòng chữ “Phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơnevơ” trôi lững lững ngay giữa lòng thị xã.

Lông lộn trước các cuộc đấu tranh mới của quần

chúng, tên trung tá Võ Văn Thành vừa mới đến thay chức tỉnh trưởng lập tức xua quân đi lùng sục khắp các xóm làng, đường phố và bắt giam, đánh đập, giết hại những người kháng chiến cũ hoặc có liên quan đến kháng chiến.

Lợi dụng tình hình đó và dựa vào thế lực của Diệm, bọn địa chủ ở khắp các địa phương trong tỉnh lần lượt bóc lột dân chúng, đòi nông dân phải lập khế ước ruộng đất với chúng và bắt nông dân phải truy nộp tô, tức suốt cả thời kỳ kháng chiến chống Pháp trước đây.

Căm tức trước những hành động ngang ngược của bọn tay sai, nông dân đã dấy lên một phong trào đấu tranh chống lại và đòi giữ nguyên canh ruộng đất do cách mạng cấp. Nhiều nơi nông dân đã cảnh cáo bọn địa chủ, bọn tề xã ác ôn làm cho chúng chùn bước. Nhưng về sau, bằng nhiều thủ đoạn xảo quyệt, chúng đã cướp lại hầu hết ruộng đất của nông dân. Tại Hàm Tân (vùng giải phóng cũ của ta), chúng đã cướp mất 157 ha ruộng do cách mạng cấp cho nông dân và 31 ha công điền công thổ.

Với việc làm này, bọn Diệm ngày càng khơi sâu thêm mâu thuẫn đối kháng vốn có giữa nông dân Bình Thuận nói riêng và nông dân toàn miền Nam Việt Nam nói chung với tập đoàn bán nước của chúng. Cái gọi là “Chính sách cải cách điền địa” và “Tiểu điền chủ hóa tá điền” (Tá điền trở thành điền chủ) của chúng đã tự vạch mặt chúng trước nông dân.

Mặc dù cuộc đấu tranh giữa ta và địch diễn ra hàng

ngày, nhưng ngay từ tháng 4-1955, khi nghe tin Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc họp ở Hà Nội vào tháng 9-1955, các đoàn thể bí mật ở Phan Thiết đã xin ý kiến Tỉnh ủy và Thị ủy cử ông Lê Nam Hưng và bác sĩ Bùi Quang Chiêu làm đại biểu đi dự Đại hội. Hai ông đã vượt qua một chặng đường đầy nguy hiểm dưới con mắt cú vọ của kẻ thù, mang nguyện vọng thiết tha và niềm tin son sắt của đồng bào các dân tộc Bình Thuận ra với Đảng, Bác Hồ và đồng bào miền Bắc. Sau khi dự Đại hội xong, bằng chiếc valy 2 đáy, hai ông đã bí mật đem về tỉnh nhà một tài liệu vô cùng quý giá đó là bản *Cương lĩnh tóm tắt 10 điểm* của Mặt trận Tổ quốc vừa mới thành lập¹.

Nhận được bản Cương-lĩnh tóm tắt 10 điểm của Mặt trận Tổ quốc, Tỉnh ủy Bình Thuận và Thị ủy Phan Thiết đã tìm cách in thành nhiều bản đưa xuống cơ sở và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. Từ đó, ta đã tập hợp thêm được một số trí thức, nhân sĩ yêu nước, yêu hòa bình vào đội ngũ quần chúng đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống mọi âm mưu hiểm độc của kẻ thù.

Để phù hợp với tình hình mới, cuối năm 1955, theo Chỉ thị của Trung ương, Liên khu 5 được tổ chức thành

1. Đại hội đã quyết định thành lập mặt trận Tổ quốc Việt nam kế tục sự nghiệp đoàn kết toàn dân của mặt trận Liên Việt trước đây. 10 điểm cương lĩnh tóm tắt là: 1. Hoàn thành độc lập dân tộc, 2. Thực hiện thống nhất nước nhà; 3. Xây dựng chế độ dân chủ; 4. Phát triển kinh tế, nâng cao sản xuất; 5. Cải cách ruộng đất; 6. Thi hành chính sách xã hội hợp lý; 7. Phát triển văn hóa, giáo dục; 8. Củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc; 9. Thi hành chính sách ngoại giao hòa bình, độc lập; 10-Đoàn kết toàn dân.

nhiều liên tỉnh, các tỉnh cực Nam Trung Bộ gồm: Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa và Lâm Đồng được ghép lại thành Liên tỉnh 3, do đồng chí Trần Lê, Ủy viên Liên khu ủy làm Bí thư Ban cán sự kiêm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận.

Từ đây, Bình Thuận được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cán sự Liên tỉnh 3 nhằm tạo cơ sở cho đấu tranh hợp pháp. Đầu năm 1956, Chi hội phụ nữ Việt Nam tỉnh Bình Thuận được thành lập tại thị xã Phan Thiết. Trong buổi lễ thành lập ở nhà “xé” (Câu lạc bộ Thanh niên ngày nay) đã có gần 100 đại biểu và có cả đại biểu Trung ương Hội từ Sài Gòn đến dự¹. Ban Chấp hành Chi hội lúc bấy giờ có 15 người do bà Trần Thị Mỹ Lan làm Chi hội trưởng, chị Sáu Du làm Chi hội phó kiêm thủ quỹ, chị Nguyễn Thị Đồng Nga (giáo viên trường Phan Bội Châu) làm Ủy viên thư ký; các ủy viên khác phần lớn là cán bộ cũ của ta như: Hồ Thị Siêu, Tám Giỏi, v.v.. Chị Trần Thị Xuân Phương làm cố vấn. Sau khi thành lập, Chi hội phụ nữ phát triển khá nhanh, có cơ sở ở khắp các phường trong nội thị và một số xã ở vùng ven.

Trước tình hình kẻ địch liên tục phá hoại Hiệp định Giơnevơ chống lại hiệp thương tổng tuyển cử, ngày 14-2-1956, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã gửi công hàm cho 2 Chủ tịch Hội nghị Giơnevơ vạch rõ việc chính quyền miền Nam Việt Nam đang chuẩn bị tuyển cử

1. Trong buổi lễ thành lập chi hội phụ nữ, có cả tên Lưu Bá Chăm với tư cách đại diện chính quyền địa phương đến dự. riêng vợ hắn, khi chị em đến động viên thì nhận làm chi hội trưởng, nhưng khi họp thì cáo ốm vắng mặt.

riêng rẽ nhằm mục đích rõ rệt là thành lập một nước riêng biệt ở miền Nam Việt Nam. Điều đó là hoàn toàn trái ngược với lời văn và tinh thần của Hiệp nghị Giơnevơ.

Thực tiễn tình hình ở miền Nam Việt nam lúc này đúng như công hàm của Chính phủ ta đã vạch ra. Sau trò hề "Trung cầu ý dân", để hợp pháp tự đặt mình lên ngôi "Tổng thống", Ngô Đình Diệm lợi dụng địa vị mới của mình tiếp tục tổ chức bầu cử "Quốc hội" bịp bợm nhằm tạo cơ sở pháp lý giả hiệu cho chế độ độc tài gia đình trị mà hắn đang ra sức xây dựng. Chúng dùng nhiều thủ đoạn trắng trợn như: dọa đưa ra tòa, thậm chí bắt cóc để gạt bỏ những người không ăn cánh, những người tán thành hòa bình thống nhất đất nước, những người không chịu làm tay sai cho chúng ra khỏi danh sách ứng cử. Chúng ngăn cấm không cho các ứng cử viên tự do cổ động cho mình, đồng thời còn cho tay chân theo dõi và khủng bố những người phản đối bầu cử của chúng.

Ở Bình Thuận, chúng gạt tên chị Nguyễn Thị Đồng Nga (giáo viên trường Phan Bội châu-Ủy viên thư ký Chi hội phụ nữ Việt Nam hợp pháp) và một số người khác ra khỏi danh sách ứng cử nghị viện.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và các Đảng bộ địa phương, đồng bào các dân tộc trong tỉnh đã hưởng ứng bức công hàm của Chính phủ, đấu tranh chống lại cuộc bầu cử của địch bằng nhiều hình thức như: Phá các buổi học tập, mít tinh tuyên truyền cho bầu cử, xé và gỡ áp phích truyền đơn của địch, rải truyền đơn và dán khẩu hiệu của ta với nội dung chống bầu cử riêng rẽ, đòi hiệp

thương tổng tuyển cử, đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ.

Ở Phú Long (Hàm Thuận), bọn tay sai viết lên tường khẩu hiệu: “Ủng hộ Ngô Đình Diệm” và viết dưới đường “Đả đảo Hồ Chí Minh” sau đó, lừa đồng bào đi biểu tình hô khẩu hiệu, đồng bào không hô khẩu hiệu theo chúng hướng dẫn, mà hô: “Đả đảo tường”, “Ủng hộ đường”. Bọn địch hoạnh hợ, đồng bào trả lời: “tường ngăn cản chúng tôi đả đảo, còn đường giúp chúng tôi làm ăn sinh sống nên chúng tôi ủng hộ”. Chúng đuối lý đành lờ đi.

Nhiều nơi khác, nhân dân tẩy chay không đi bỏ phiếu, những nơi bị bắt buộc phải đi thì một số bà con ta bí mật xé nát phiếu vứt đi, rồi nhét truyền đơn cách mạng vào thùng phiếu của chúng.

Để phù hợp với tình hình mới, đầu tháng 5-1956, tại căn cứ Xa Lôn (Di Linh), Tỉnh ủy Bình Thuận đã mở Hội nghị nghe đồng chí Trần Hoài Nam (tức Hai Râu)-Khu ủy viên phổ biến chủ trương mới của Liên khu ủy 5. Tinh thần của chủ trương mới đó là: “Để tránh tổn thất cho phong trào, tổ chức đấu tranh không được bộc lộ lực lượng, không tổ chức biểu tình. Các cuộc đấu tranh phải mang nội dung đòi dân sinh dân chủ. Sau Hội nghị, theo chỉ đạo của Liên khu ủy 5, từ tháng 6-1956 trở đi, đồng chí Võ Dân-Ủy viên Ban cán sự Đảng Liên tỉnh 3 làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận thay đồng chí Trần Lê. Cũng vào thời gian này, cơ quan Liên tỉnh 3 chuyển ra Bác Ái (Ninh Thuận). Riêng cơ quan Tỉnh ủy Bình Thuận từ Xa Lôn (Di Linh) chuyển về huyện Lê Hồng Phong cũ

Mặc dù đã có chủ trương mới của Liên khu ủy 5,

nhưng vì không chịu được trước sự lọc lừa và những hành động dã man, tàn bạo của địch nên quần chúng vẫn liên tục nổi dậy đấu tranh.

Ngày 20-7-1956, tại Bàu Trắng (xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình ngày nay) đã nổ ra một cuộc đấu tranh quyết liệt suốt 2 ngày đêm liền. Quần chúng chia nhau làm nhiều bộ phận: Một bộ phận đấu tranh trực diện với địch để chống khủng bố, đòi tự do dân chủ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử, một bộ phận khác phá đường và chặn xe không cho chúng bắt người chở về Hòa Đa.

Cùng thời gian trên, hơn 40 gia đình đồng bào dân tộc Rắc Lây ở Đăng Gia (Tánh Linh) cũng đấu tranh quyết liệt với địch, không chịu dồn về khu tập trung mà phân tán vào rừng làm ăn sinh sống.

Cuối tháng 7-1956, đánh hơi biết được sẽ có một cuộc đấu tranh lớn của quần chúng đòi hiệp thương tổng tuyển cử, bọn địch đã rải lính bảo an, cảnh sát bao vây các xóm làng, chặn các ngã đường vào thị trấn, thị xã. Sau khi lục soát các nhà tình nghi và giải tán những nơi tụ tập từ 3 người trở lên, chúng đã lấy được một số cờ đỏ sao vàng và truyền đơn biểu ngữ của ta, nhiều nhất là ở các xã Hàm Thắng, Hàm Liêm, Hồng Sơn và Chợ Lầu. Dựa vào chúng cố đó, chúng lừa hết già trẻ, gái trai trong từng thôn, từng xóm tập trung vào các sân làng, bãi trống bắt phơi nắng hết ngày này qua ngày khác để cho bọn tề ác, bọn chỉ điểm, bọn đầu hàng phản bội nhận mặt chỉ tên hòng truy bắt những người kháng chiến.

Trong cảnh “cá chậu, chim lồng” đó, đồng bào vẫn một lòng hướng về cách mạng.

Ở xã Lương Sơn, trong khi bị địch bắt phơi nắng, đồng bào đã dùng những câu thành ngữ dân gian nói chuyện với nhau để mỉa mai trước mặt bọn tề xã: “*Con quạ ăn dưa, bắt con cò phơi nắng; nghĩ sự đời: con quạ trắng, con cò đen*”.

Ở huyện Phan Lý, chúng tập trung dân vào một địa điểm để nghe tên quận trưởng “hiểu dụ”. Sau một hồi khoác lác đủ điều, tên quận trưởng chỉ thẳng vào mặt một cụ già đang ngồi ở hàng đầu (cụ già đó là ông Hương Bộ Gạch, người Chăm) hỏi: “Quốc gia ăn ở với bà con thế nào mà bà con lại theo Việt cộng?”. Bằng một thái độ bình tĩnh và tự tin, cụ Hương Bộ Gạch trả lời: “Quốc gia có 9 cái tốt và 1 cái xấu, còn Việt cộng có 9 cái xấu nhưng lại có 1 cái tốt”. Vừa nghe đến đó, tên quận trưởng hỏi dồn: “Vậy cái xấu của quốc gia là gì?”. Cụ già trả lời: “Quốc gia đối với dân rất xấu, luôn bắt bớ tù đày và cấm đoán không cho dân đi làm ăn, nên lòng dân ai cũng nản”. Như chạm phải nọc, tên Quận trưởng hằn học: “Thế thì cái tốt của Việt cộng là gì”? Người dân yêu nước ấy lại tiếp tục trả lời: “Việt cộng ở với dân rất tốt, luôn chăm lo cuộc sống cho dân, các ông có làm gì đi nữa thì lòng dân vẫn hướng về cách mạng và cuối cùng Việt cộng cũng thắng mà thôi”. Cụ già vừa dứt lời, mọi người đều vỗ tay tán thưởng: “Ông Bộ nói đúng đó! Ông Bộ nói đúng đó!”. Trước đông đảo quần chúng, tên quận trưởng cứng họng và chồn mắt. Bọn tay chân lại tiếp tục hành hạ đồng bào.

Mặc dù bọn địch rình rập, chằng lưới, bao vây và lùng sục suốt ngày đêm, nhưng nhân dân vẫn tìm mọi cách bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở tiếp tục hoạt động.

Dưới sự chỉ đạo của Thị ủy Phan Thiết, tháng 8-1956, chị Nguyễn Thị Nữ ở Phường Bình Hưng cùng chồng là anh Mai Sửu (tức Lê Hồng) và một số anh em lao động biển cốt cán với danh nghĩa đi buôn hợp pháp trên một chiếc ghe bầu để che mắt địch, đã bảo vệ đưa đồng chí Trần Lê-nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, Bí thư Ban cán sự Đảng Liên tỉnh 3 đi công tác từ Phan Thiết ra đến Đà Nẵng an toàn.

Nhiều bà con ở Tam Giác, Hàm Thắng, Ma Lâm, Lê Hồng Phong, Phan Rí, Hàm Tân, v.v.. vào rừng đốn củi, đốt than, khi gặp được cán bộ thì vô cùng mừng rỡ, đem hết phần lương thực của mình cho anh em và yêu cầu anh em trở về hoạt động, bà con sẽ tìm cách che giấu và nuôi dưỡng.

Trên tầng lầu nhà chị Lê Thị Phượng ở Đức Thắng (Phan Thiết) thường là nơi hội họp của các đồng chí đảng viên và cũng là nơi các đồng chí Thị ủy và Tỉnh ủy hay lui tới hoạt động.

III. Chủ trương chuyển cán bộ từ hoạt động bất hợp pháp ra hợp pháp đã gây tổn thất nặng cho phong trào cách mạng địa phương

Ngay từ tháng 3-1956, bọn Mỹ-Diệm đã công khai tuyên bố xóa Hiệp định Giơnevơ và bắt đầu thực hiện âm mưu chống cộng bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, dã man, chúng thẳng tay đàn áp, đánh phá cách mạng. Từ

tháng 7-1956 trở đi, chúng đưa chủ trương “tố cộng diệt Cộng” lên thành “quốc sách” hàng đầu nhằm tiêu diệt những người kháng chiến cũ và những người yêu nước, hòng dập tắt phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Ở các tỉnh thuộc miền cực Nam Trung Bộ, từ tháng 9-1956 trở đi, chúng bắt đầu phát động “tố cộng, diệt cộng” đợt 1 và lấy Bình Thuận làm thí điểm ở đồng bằng. Hồng Đức một tên phản bội cách mạng đầu hàng giặc, được chúng đưa từ Bình Định vào để điều khiển các lớp học “tố cộng”. Tại “lớp học” đầu tiên ở Sa Ra (Hàm Đức-Hàm Thuận), hắn buộc mọi người phải làm tờ khai gia đình có ai tham gia kháng chiến, tập kết và hoạt động bí mật, v.v.. Sau khi khai, chúng buộc các gia đình này đều phải treo bảng “Gia đình Cộng sản” trước cửa nhà. Đối với những người là đảng viên, cán bộ tham gia kháng chiến cũ, ngoài tờ khai chung, chúng buộc phải làm tờ ly khai Đảng, xé cờ Đảng và ảnh Bác Hồ. Ai không làm liền bị bọn tay chân đánh đập rất dã man.

Sau khi “rút kinh nghiệm” đợt 1 ở Sa Ra, chúng liền tiến hành “tố cộng” đợt 2 trên khắp các địa phương trong toàn tỉnh. Bằng khẩu hiệu khát máu “Thà giết lầm còn hơn bỏ sót”, “Đào tận gốc, tróc tận rễ”, “Tát nước bắt cá”, bọn tay sai do tên Hồng Đức phản bội cầm đầu đã bắt nhân dân ta học đi học lại, tố đi tố lại rất nhiều lần. Cứ mỗi lần “học tập”, “tố cộng” là có hàng ngàn người bị bắt tra tấn, tù đày và giết hại. Cảnh đau thương tan tóc đã trùm lên xóm làng và đường phố.

Trước những thủ đoạn tàn bạo, nham hiểm và xảo

quyết của kẻ thù, một số người đã gục ngã, nhưng đại bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng vẫn giữ vững niềm tin son sắt với cách mạng, với Bác Hồ. Bằng điển tích xưa, bà con ở Lương Sơn đã truyền miệng các câu thơ lục bát cũ để động viên nhau và cũng là nói lên nỗi lòng của mình đối với Đảng: “Tuy là ăn ở với Tần, bụng thì nhớ Sở bội phần Sở ơi”! Còn đối với kẻ thù thì đồng bào lại mỉa mai chua chát: “Cây lộng che sương, còn sườn cũng lộng. Ô bịt vàng, dù trọng cũng danh ô”...

Ở Phú Long, chúng bắt tập trung hầu hết các cụ già ở các vùng xung quanh về để nghe tên Hồng Đức “giảng giải” cái gọi là “đạo lý làm người”. Sau khi tuôn ra những lời hèn mạt của một tên phản bội nói xấu Đảng, nói xấu cách mạng và cũng để tỏ ra mình là người “thông thái”, hắn nêu lên một câu chữ nho “Cộng sản dụng như như dụng mộc” thay cho lời kết luận. Hắn cắt nghĩa: “Cộng sản dùng người như dùng gỗ, gỗ tốt thì dùng còn gỗ xấu hoặc mối mọt thì vứt đi” (ý nói cộng sản không chung thủy, bà con không nên nghe theo họ). Không chịu được trước thái độ xác láo và dốt nát của tên phản bội, cụ Sáu Thầy (tức cụ Đặng Hưng Thi ở làng Lại An), một cụ già thông thạo chữ nho đang ngồi ở hàng ghế đầu liền đứng dậy phát biểu: “Ông nói Cộng sản dụng như như dụng mộc là đúng, nhưng ông cắt nghĩa không đúng. Dùng người như dùng gỗ nghĩa là mọi thứ gỗ cũng như mọi tầng lớp nhân dân, bất cứ ai cũng đều có ích cho xã hội, tùy theo sự đóng góp tài năng và sức lực của mình, chứ không phải tốt thì dùng mà xấu thì vứt”!

Chưa chịu rút ra bài học thất bại ở Phú Long, tại

một lớp học “tố cộng” khác ở Long Hương, sau khi dọa dẫm các chị em phụ nữ có chồng hoặc có người yêu đi tập kết, tên Hồng Đức lại tiếp tục trắng tráo trước chị em: “Phu bất nghĩa, phụ chung tình tất ngược” (chồng không có nghĩa, mà vợ chung tình là ngược). Lần này thì không có ai đối đáp, mọi người chỉ im lặng và nói nhỏ với nhau: “Không biết đứa nào ngược”.

Biết anh Châu ở làng Tùỳ Hòa là đảng viên, nên trong lớp học “tố cộng” chúng bắt anh phải xé cờ Đảng, anh không xé mà còn vạch mặt chúng trước mọi người. Thấy không khuất phục được anh, chúng liền bắt anh đem về Phan Thiết giam giữ, rồi bí mật thủ tiêu.

Sau 2 đợt “tố cộng” chà đi xát lại nhiều lần, địch cho là cơ bản đã đánh tan phong trào cách mạng ở đồng bằng. Chúng bắt đầu tiến hành “tố cộng” ở miền núi bằng cái tên lừa bịp là “chiến dịch Thượng du vận”. Với các thủ đoạn “đánh mạnh và nhổ sạch cơ sở cách mạng ở miền núi” và “lấy người dân tộc trị người dân tộc”, bọn Mỹ-Diệm đã tập trung quân đội, cảnh sát mở hàng chục cuộc càn quét sâu vào các vùng căn cứ của ta. Càn đến đâu, chúng lừa hết dân ở đó vào các khu tập trung như cỏ Mắm, Gia Bát và Bắc Ruộng, v.v, rồi lập tề, xây đồn bót canh giữ và tiến hành “tố cộng” như ở đồng bằng.

Cũng vào thời điểm này, thực hiện cái gọi là “Sắc lệnh số 134 ngày 26-10-1956” của Diệm, chúng đã tách 2 huyện Hàm Tân và Tánh Linh ra khỏi Bình Thuận, đồng thời cắt một phần đất của tỉnh Biên Hòa và một phần đất của nam Bảo Lộc và nam Di Linh hình thành

quận Hoài Đức để thành lập tỉnh Bình Tuy, lấy La Gi làm tỉnh lỵ, do tên thiếu tá Nguyễn Văn Bường làm tỉnh trưởng.

Bình Tuy là một tỉnh nhỏ (chỉ có 3 quận và một thị xã: Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và thị xã La Gi), nhưng chúng đánh giá rất quan trọng: “Là một tỉnh nối liền giữa miền Đông Nam Bộ với cực Nam Trung Bộ, là vành đai phòng thủ phía bắc Sài Gòn”. Do đó, đi đôi với việc tổ chức xây dựng bộ máy hành chính và lực lượng vũ trang, chúng còn đưa đến hàng chục ngàn dân di cư từ miền Bắc, miền Trung và ra sức dồn hết đồng bào các dân tộc về khu tập trung, các “Dinh điền” lập các làng xã mới để tạo thành hành lang chiến lược dọc các trục lộ giao thông và các khu vực quan trọng như Bắc Ruộng, Võ Xu, Võ Đắc, Lạc Tánh, v.v..

Tiếp theo chiến dịch “Thượng du vận” ở miền núi, ở đồng bằng chúng tiến hành phát động “tố cộng” đợt 3 nhằm tiếp tục truy bắt, giết hại cán bộ, đảng viên, ly gián giữa quần chúng với cách mạng.

Đi đôi với khủng bố, chúng còn dùng tiền tài, vật chất để mua chuộc những kẻ nhẹ dạ cả tin, đồng thời thả cửa cho lối sống Mỹ tràn vào, hòng trụ lạc hóa lớp thanh niên, nam nữ theo lối sống của chế độ thực dân mới, tạo ra lớp tay sai mới để chống phá cách mạng lâu dài.

Những cuộc hành quân càn quét ở miền núi, những đợt truy lùng ở đồng bằng cùng những âm mưu thâm độc và thủ đoạn xảo quyệt của địch, đã làm cho các cơ

quan lãnh đạo, những cán bộ hoạt động “bất hợp pháp” của ta ngày càng gặp nhiều khó khăn tổn thất.

Để giữ bí mật, các đồng chí ta đều phải đổi họ, thay tên và thường xuyên di chuyển chỗ ở. Khẩu hiệu: “Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng, chống hiếu chiến” đã trở thành vừa là hành động, vừa là nguyên tắc sống và làm việc của mỗi cán bộ, chiến sĩ. Phương châm “chống manh động”, “chống khiêu khích”, v.v., được phổ biến và áp dụng rộng khắp từ miền ngược đến miền xuôi. Do đó, địch cứ truy lùng, ta cứ tránh lánh. Ta càng tránh lánh, địch càng truy lùng sâu hơn và ta càng bị tổn thất nhiều hơn.

Giữa lúc đó, thì cuối tháng 5 đầu tháng 6-1957, tại căn cứ ở Ara đã diễn ra Hội nghị Tỉnh ủy. Tham dự Hội nghị có các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm: Võ Dân, Nguyễn Gia Tú, Lê Văn Triều, Nguyễn Tế Nhị, Võ Xuân Viên, Nguyễn Văn Tiềm và Nguyễn Qué. Sau khi kiểm điểm nhiệm vụ của các đồng chí Tỉnh ủy viên, Hội nghị đã quán triệt nghị quyết của Liên khu ủy 5 về việc “Chuyển cán bộ, cơ quan lãnh đạo ra hoạt động hợp pháp, từ xã đến tỉnh; đồng thời để một bộ phận lãnh đạo bí mật giữ liên lạc với cơ quan chỉ đạo của trên bằng đường dây hợp pháp”. Cũng tại Hội nghị này, theo quyết định của trên, đồng chí Nguyễn Gia Tú chuẩn bị ra miền Bắc chữa bệnh, nên Tỉnh ủy Bình Thuận có sự thay đổi. Đồng chí Võ Dân vẫn làm Bí thư, đồng chí Võ Xuân Viên được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ, đồng chí Trần Soạn được bổ sung vào Tỉnh ủy, làm Bí thư Thị ủy Phan Thiết thay đồng chí

Nguyễn Tế Nhị. Đồng chí Nguyễn Tế Nhị được điều bổ sung cho Tỉnh ủy Khánh Hòa, Nguyễn Quế và một số đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện được Hội nghị quyết định ra hoạt động hợp pháp. Đồng chí Nguyễn Quế khi chuyển ra hoạt động hợp pháp vẫn còn là Tỉnh ủy viên và Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận.

Thực hiện Nghị quyết của Liên khu ủy 5, hàng loạt cán bộ từ xã đến huyện, tỉnh lần lượt chuyển vào vùng địch tạm kiểm soát. Trong quá trình chuyển, Tỉnh ủy còn nêu phương châm “hợp pháp hóa, xã hội hóa” và “chống bóng tối núi rừng”, v.v.. Riêng thị xã Phan Thiết, trong đợt này đã chuyển hầu hết cán bộ, đảng viên vào vùng ven và nội thị chỉ để lại một mình đồng chí Tám Hồng ở lại bưng Kò Ke làm nhiệm vụ giao liên đi về.

Sau khi chuyển về vùng địch, một số cán bộ được cơ sở bảo đảm tốt thì bí mật bám được địa bàn và chỉ đạo được phong trào, bước đầu hình thành được hệ thống chỉ đạo bên trong, nhưng đại bộ phận đã lâm vào tình cảnh khó khăn. Rất nhiều cán bộ vừa mới chuyển vào thì lập tức bị địch bắt, tra tấn, giết hại và tù đày. Số cán bộ ở huyện Hàm Thuận vừa mới chuyển vào vài ngày thì đã bị địch bắt gần hết. Ở thị xã Phan Thiết, ngoài số cán bộ mới chuyển vào bị bắt, còn đại bộ phận bên trong và vùng ven cũng đều bị vỡ. Số anh em còn lại chuyển vùng vào Sài Gòn hoặc đi nhiều nơi khác nhưng cũng không thoát khỏi bàn tay đẫm máu của bọn mật thám. Một số ít bị khống chế thì nằm im, chờ thời. Song, cũng có những kẻ đã thỏa hiệp và đầu hàng giặc. Ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh đều xảy ra tình

hình tương tự.

Riêng ở miền núi, lúc đầu đồng bào kiên quyết đấu tranh với địch không chịu lập tề, không chịu dồn về các khu tập trung. Nhưng để giữ thế “hợp pháp” cho các đồng chí cán bộ, đảng viên người dân tộc nên toàn bộ anh em người miền xuôi đều phải chuyển ra ở bí mật ngoài rừng. Từ đó, đồng bào thiếu sự lãnh đạo kịp thời và chạy bôn, nên đã lúng túng và cuối cùng bị địch dùng bạo lực quân sự lừa hết dân vào các khu tập trung (trừ huyện Di Linh).

Trước tình hình gian khổ ác liệt đó, Võ Xuân Viên đã hoang mang dao động. Lợi dụng chức vụ vừa được bầu là Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận kiêm phụ trách kinh tài, ngày 26-6-1956, Viên đã trốn khỏi căn cứ mang theo 270.000 đồng (tiền ngụy Sài Gòn lúc bấy giờ) cùng 6 lượng vàng của Tỉnh ủy và đến ngày 03-7-1957, hấn đến đầu hàng giặc tại đồn Ngã Hai (Quản lý Hàm Thuận lúc bấy giờ). Sau khi đầu hàng giặc, Võ Xuân Viên đã trở thành một tên tay sai cực kỳ nguy hiểm. Ngoài việc hấn đã khai hàng trăm cán bộ, chiến sĩ, cơ sở đã từng làm việc nuôi dưỡng, che chở hấn cho địch bắt bớ, tra tấn, tù đày và giết hại. Y còn đưa giặc đến phá hoại phong trào cách mạng ở hầu hết các địa phương trong tỉnh như: Hàm Thuận, Lê Hồng Phong, Hòa Đa, Tuy Phong và vùng ven thị xã Phan Thiết.

Tiếp theo tên Võ Xuân Viên là Nguyễn Quế (còn gọi là Ba Răng Vàng). Nguyễn Quế là một trong những người do Võ Xuân Viên khai nên đã bị bắt ngay khi mới ra hợp pháp. Mặc dù là Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư Huyện

ủy Hàm Thuận, nhưng khi bị bắt do không chịu nổi những ngón đòn tra tấn của địch, y đã khai thêm một số cơ sở quan trọng trong đó có đồng chí Nguyễn Tế Nhị và Trần Soạn. Từ đó địch đã lần ra rất nhiều đầu mối bí mật khác.

Hành động phản bội của Võ Xuân Viên và sự chịu đựng yếu hèn của Nguyễn Quế cũng như một số người khác đã làm cho phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh càng thêm tổn thất nặng nề.

Như vậy, sau hơn một năm (từ tháng 9-1956 đến hết năm 1957), khi địch tiến hành “tố cộng, diệt cộng” và ta thực hiện chủ trương chuyển cán bộ từ hoạt động bất hợp pháp ra hợp pháp, phong trào cách mạng ở địa phương đã bị tổn thất nặng. Đây là thời điểm gay go, khó khăn và nghiêm trọng nhất ở Bình Thuận. Hàng trăm cán bộ cốt cán, hàng ngàn cơ sở quần chúng đã bị địch bắt tù đày và vô hiệu hóa.

IV. Tiếp tục đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ

Vào những tháng cuối năm 1957, bọn địch càng ra sức đánh phá ác liệt phong trào cách mạng của quần chúng ở cả đồng bằng và miền núi. Ở miền núi, chúng dồn hết đồng bào vào các khu tập trung. Riêng Tổng Cà Dòn của Di Linh và Tổng Tố La của Bảo Lộc thì giữ được thế hợp pháp, phía La Ngâu và La Dạ có nhiều gia đình trốn vào rừng sâu ở lại làm ăn sinh sống góp phần xây dựng vùng căn cứ kháng chiến.

Đầu năm 1958, giữa lúc các đồng chí trong Tỉnh ủy

còn lúng túng băn khoăn, suy nghĩ nên đưa phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển theo hướng nào, thì một luồng sinh khí mới từ Nam Bộ thổi ra, đó là bản “*Đường lối cách mạng miền Nam*” do đồng chí Lê Duẩn soạn thảo từ tháng 7-1956. Bằng nhiều nguồn khác nhau, các đồng chí trong Ban Cán sự Đảng Liên tỉnh 3 và Tỉnh ủy Bình Thuận đã tiếp nhận bản Đường lối đó với tinh thần là: “Để chống lại Mỹ-Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu lấy mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác”¹. Cụ thể của tinh thần đó là “Thời kỳ đấu tranh hợp pháp một chiều đã qua, bây giờ là lúc phải tạo thế, tạo lực bằng bạo lực chính trị, chính trị là bạo lực cách mạng của quần chúng chứ không phải cúi đầu tự trói tay nộp mạng cho địch. Địch đã dùng bạo lực đàn áp, quần chúng phải dùng bạo lực chống lại. Miền Nam thành đồng của Tổ quốc muốn tự giải phóng mình, điều hiển nhiên là phải làm cuộc Cách mạng Tháng Tám lần thứ hai”².

Căn cứ vào tinh thần bản “*Đường lối cách mạng miền Nam*” của đồng chí Lê Duẩn và tinh thần Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Liên khu ủy 5 và Ban cán sự Đảng Liên tỉnh 3, tháng 2-1968, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương: Tập trung sức xây dựng các căn cứ địa miền núi, tổ chức lực lượng tự vệ vũ trang, bí mật diệt ác để hỗ trợ cho phong trào đấu

1. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.17, tr.785.

2. *Vùng đất kiên trung* (Hồi ký của Lê Văn Hiến), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1986, tr.32.

tranh chính trị của quần chúng. Rút một số cán bộ đã chuyển ra hợp pháp nhưng không phát huy được về lại căn cứ, đồng thời vẫn giữ thế hoạt động và đấu tranh hợp pháp ở những nơi còn tác dụng.

Thực hiện chủ trương đó, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban cán sự miền Tây và chỉ định đồng chí Lê Văn Triều làm Bí thư Ban cán sự. Nhiệm vụ của ban cán sự miền Tây là tập trung xây dựng vùng miền tây Bình Thuận thành căn cứ hậu phương cho phong trào cách mạng toàn tỉnh. Sau khi thành lập, Ban cán sự miền Tây đã lập ra Ban công tác Phan Lý Chàm (thay cho Huyện ủy) có các đồng chí: Nguyễn Chay, Đặng Chế Hoa, Tạ Đức Mạnh do đồng chí Nguyễn Chay làm Bí thư. Ban này được chia làm hai bộ phận phụ trách vận động cách mạng trong hai vùng có đồng bào Chăm và đồng bào Thượng. Ngoài khu căn cứ miền Tây, những căn cứ lổm ở địa hình rừng núi của các huyện như Hàm Thuận, Lê Hồng Phong, Hòa Đa, Phan Lý và Hàm Tân cũng được hình thành.

Nhằm sắp xếp lại sự chỉ đạo cơ sở nội thị, tháng 4-1958, đồng chí Võ Dân-Bí thư Tỉnh ủy bí mật về Phan Thiết. Sau một thời gian công tác, đến giữa tháng 5-1958, đồng chí Võ Dân về lại căn cứ thì bị bệnh nặng và đã qua đời vào ngày 19-5-1958. Để kịp thời củng cố bộ máy lãnh đạo của Bình Thuận, Ban cán sự Đảng Liên tỉnh 3 liền báo cáo với Liên khu ủy 5 đề nghị để đồng chí Nguyễn Gia Tú ở lại (không ra Bắc chữa bệnh nữa) phụ trách Tỉnh ủy Bình Thuận.

Cùng với việc ổn định các tổ chức lãnh đạo, ngày 20-

7-1958, hai tổ vũ trang công tác đầu tiên của tỉnh cũng được hình thành. Tổ đồng bằng gồm có các đồng chí Nguyễn Cơ, Nguyễn Văn Lợi, Đào Ngọc Trác và Phạm Hoài Chương do đồng chí Phạm Hoài Chương phụ trách. Tổ miền núi 5 đồng chí, 2 đồng chí người Kinh và 3 đồng chí dân tộc ít người do đồng chí Nguyễn Hội phụ trách. Riêng tổ đồng bằng được trang bị một tiểu liên xép báng, 01 Carbine và một súng ngắn, có nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị và diệt ác, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng

Tuy nhiên, do sự chỉ đạo không phù hợp với tình hình lúc bấy giờ, nên sau một thời gian hoạt động, tổ vũ trang đồng bằng đã tổn thất gần hết, chỉ còn lại đồng chí Phạm Hoài Chương và đồng chí Trương Văn Thái mới được bổ sung. Đến cuối năm 1958, tổ này đã sáp nhập với tổ vũ trang miền núi đưa quân số lên được 8 người trong đó có 6 chiến sĩ người dân tộc K'Ho, Rắc Lây của hai huyện Di Linh và Tánh Linh do đồng chí Phạm Hoài Chương làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Hội làm phó.

Cũng trong thời gian này, sau cuộc họp của Ban cán sự miền Tây để bàn công tác xây dựng căn cứ miền núi, xây dựng cơ sở, các đồng chí Nguyễn Chạy, Đặng Chế Hoa, Tạ Đức Mạnh trong Ban công tác Phan Lý Chàm lần lượt bị địch bắt. Vào những tháng đầu năm 1959, địch bắt đầu thực hiện âm mưu "trung binh quân địch" để bắt thanh niên vào lính, thành lập Trung đoàn 44 ngụy cơ động, xây dựng thêm các binh chủng và tăng cường phương tiện kỹ thuật hiện đại để chỉ huy thống

nhất. Riêng quân địa phương, chúng tổ chức ở mỗi tỉnh (Tiểu khu) 1 tiểu đoàn bảo an, ở quận huyện và mỗi xã, phường có từ 1 đến 2 tiểu đội dân vệ. Nòng cốt của lực lượng này là bọn phản động trong số người Công giáo di cư và bọn lưu manh gian ác.

Đi đôi với xây dựng lực lượng vũ trang, chúng tiếp tục tiến hành “tố cộng” ở đồng bằng, đồng thời xây thêm nhà tù, dựng lên những “Cải hối đường”, “Trường tẩy não Cộng sản” hòng buộc cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng và quần chúng yêu nước vào sự chọn lựa hoặc chịu chết, tù đầy hoặc là phản bội Đảng, phản bội cách mạng để đầu hàng chúng.

“Đồng bào phải biết vùng lên dưới sự lãnh đạo của Đảng để tự cứu mình, cứu nhà và cứu nước”. Đó là những lời kêu gọi, nhấn nhủ, dằn dò, trối trăn đối với người đang sống và con cháu của hàng trăm, hàng ngàn người cách mạng kiên trung trước khi ngã xuống bởi sự khủng bố tàn bạo của kẻ thù.

Cuối tháng 5-1959, sau khi dự Hội nghị rút kinh nghiệm cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc Bắc Ái do Liên tỉnh 3 tổ chức ở Ninh Thuận về, hai đồng chí Lê Văn Triều và Hoàng Từ đã báo cáo lại toàn bộ nội dung đó với Tỉnh ủy. Và sau đó một thời gian chuẩn bị, đầu tháng 7-1959, Tỉnh ủy đã mở Hội nghị tại Ra Pú (Di Linh) để triển khai chủ trương của Hội nghị Liên tỉnh 3, tiếp tục xây dựng căn cứ miền núi, xây dựng lực lượng vũ trang, vũ trang công tác, xây thực lực cách mạng, diệt ác, hỗ trợ quần chúng đấu tranh chính trị, đồng thời đề ra nhiệm vụ sản xuất tự túc và bố phòng đánh

địch bảo vệ căn cứ.

Thực hiện theo tinh thần của Hội nghị Ra Pú, Tỉnh ủy đã cử đồng chí Phạm Hoài Chương bí mật về xã Nhơn Thiện (Khu Lê Hồng Phong cũ) phối hợp với Huyện ủy Hòa Đa và cơ sở cốt cán ở địa phương rút một số thanh niên để thành lập trung đội vũ trang của tỉnh. Sau một thời gian kiên trì giáo dục và thuyết phục cộng với sự nhiệt tình cách mạng của quần chúng, nên đợt đầu ta đã đưa được 4 thanh niên ra rừng đó là: Anh, Xuân, Hùng và Thơ. Đợt 2, ta tiếp tục rút được 20 người nhưng vừa ra đến bìa rừng thì bị lộ, địch đuổi theo; song, số thanh niên này cũng đã đến căn cứ an toàn, chỉ có 3 người phải quay trở lại.

Ngày 02-9-1959, tại một địa điểm trong vùng căn cứ, đồng chí Nguyễn Gia Tú đã thay mặt Tỉnh ủy Bình Thuận công bố quyết định thành lập trung đội vũ trang đầu tiên (trong thời kỳ chống Mỹ) của tỉnh và mang phiên hiệu là "Đơn vị 2-9". Tại buổi lễ thành lập có các đồng chí: Lê Văn Triều-Tỉnh ủy viên kiêm Bí thư Ban cán sự Đảng miền Tây và đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh)-Bí thư Huyện ủy Di Linh cùng đến dự. Quân số của Đơn vị 2-9 lúc đầu có 30 đồng chí (20 người Kinh và 10 người dân tộc) được biên chế thành 4 tiểu đội (3 tiểu đội người kinh và 1 tiểu đội người dân tộc) do hai đồng chí: Phạm Hoài Chương và Nguyễn Hội trực tiếp chỉ huy. Trang bị của đơn vị có: trung liên, tiểu liên, carbin, súng trường và lựu đạn; chất lượng của đơn vị có: 5 đảng viên và 6 đoàn viên.

Tuy đã có lực lượng vũ trang, nhưng điều đáng lưu ý

là cho đến lúc này Tỉnh ủy vẫn chủ trương “Trong diệt ác vẫn giữ bí mật không cho địch biết mình có súng”¹. Do đó, sau khi thành lập, Đơn vị 2 – 9 được giao nhiệm vụ tuyên truyền xây dựng cơ sở là chủ yếu và không được để cho dân thấy súng. Chính vì vậy nên kẻ địch chưa một lần nào bị đánh.

Mặc dù đã có chủ trương của Tỉnh ủy cho phép diệt ác, nhưng không được nổ súng, diệt bằng công cụ thô sơ để làm cho địch nghi ngờ nội bộ thù cá nhân thanh toán lẫn nhau. Quá uất ức trước những hành động dã man tàn bạo của tên Văn Công Cẩn (Cử Xe)-một tên ác ôn ở xã Tân Phú Xuân, đêm 26-11-1959, hai đồng chí Nguyễn Nhân (Năm Nhẫn) và đồng chí Nguyễn Rợ (Bảy Tâm) bí mật đột vào nhà dùng rựa chém sả vai, nhưng hấn không chết mà lưỡi rựa lại dính chặt vào xương không rút ra được. Giữa lúc đang dằng co, thì bất ngờ tên Văn Công Cẩn (con trai hấn) từ trong buồng lao ra dùng hai cánh tay kẹp chặt cổ đồng chí Rợ (Tâm). Không còn cách nào để tự giải thoát, đồng chí Rợ đành phải rút khẩu col 45 đang đeo trong người đưa lên sát yết hầu tên Cẩn và bóp cò. Tên Cẩn ngã vật xuống nền nhà. Hai đồng chí Nhẫn và Tâm vội thoát ra giữa bóng đêm dày đặc. Đây là tiếng súng trong điều kiện bất đắc dĩ, nhưng lại là tiếng súng diệt ác đầu tiên ở Hàm Thuận cũng như trong phạm vi toàn tỉnh kể từ sau ngày Hiệp định Giơnevơ có hiệu lực.

Cùng đêm hôm đó, các đồng chí Nguyễn Văn Bốn

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận-tập II*: thời kỳ 1954 – 1975, xuất bản năm 2000, tr. 33.

(Thanh Trà) và Nguyễn Sô đã tổ chức treo cờ đỏ sao vàng trên ngọn cây Quao dù, rải truyền đơn xung quanh đồn Kim Ngọc; đồng chí Nguyễn Minh và một tổ thanh niên cũng trương hai lá cờ đỏ sao vàng rất to trên đỉnh núi Tà Zôn.

Sau hơn 5 năm bước vào cuộc chiến đấu chống kẻ thù mới, tuy có lúc phạm phải sai lầm và khuyết điểm như: Nặng theo phương pháp hòa bình; đánh giá địch chưa đúng bản chất, chỉ thấy thuận lợi một chiều, khi gặp khó khăn thì bi quan dao động và trước tình hình thực tiễn của địa phương, Ban lãnh đạo chưa có những kiến nghị kịp thời, cụ thể với cấp trên để thay đổi chủ trương cho phù hợp, nên dẫn đến tổn thất nặng nề.

Song, nhờ phát hiện kịp thời, khắc phục dần từng bước và tiếp thu sự chỉ đạo của trên, những kinh nghiệm của các địa phương bạn, nên Đảng bộ Bình Thuận đã lãnh đạo nhân dân từng bước vượt qua chặng đường gian lao thử thách. Từ chỗ chỉ dựa vào pháp lý của Hiệp định Giơnevơ để đấu tranh chống lại mọi hành động tàn bạo và âm mưu xảo quyệt của kẻ thù, đến nay hệ thống lãnh đạo của Đảng từ tỉnh đến cơ sở đã được củng cố; tỉnh có căn cứ địa ở miền Tây, có lực lượng vũ trang. Tuy chỉ là bước đầu, nhưng đó là những yếu tố hết sức quan trọng bảo đảm cho cuộc chiến đấu của Đảng bộ và nhân dân Bình Thuận bước sang thời kỳ mới-thời kỳ đấu tranh vũ trang và phát triển thành chiến tranh cách mạng.

Chương sáu

**TỪ ĐẤU TRANH VŨ TRANG PHÁT TRIỂN THÀNH
CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN
CÙNG TOÀN MIỀN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC
“CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ
(1960 - 1965)**

**I. Bắc Ruộng, trận mở đầu cho phong trào đấu
tranh vũ trang ở tỉnh Bình Thuận và Nam Tây
Nguyên**

Vào cuối tháng 12-1959, đồng chí Nguyễn Gia Tú quyền Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận đi dự Hội nghị do Ban cán sự Đảng Liên tỉnh ba triệu tập để tiếp thu Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Và đến tháng 3-1960, Tỉnh ủy tổ chức cuộc họp mở rộng tại Ra Pú có các đồng chí: Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Văn Tiềm, Hoàng Từ, Lê Văn Triều, Lê Thanh Hải, Nguyễn Quý Đôn, Phạm Hoài Chương, Nguyễn Thiết Hoàng (Bái), Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh), Văn Công Chu (Tư Tại), Võ Khánh Tồn (Sáu Trung) tham dự. Hội nghị đã nghe đồng chí Trần Lê-Bí thư Ban cán sự Đảng Liên tỉnh 3 trực tiếp phổ biến Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng (Khóa III) và công bố quyết định phân công đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận. Cũng tại cuộc họp này, đồng chí Lê Thanh Hải được bầu bổ sung vào Tỉnh ủy.

Được Nghị quyết 15 Trung ương soi sáng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh đã tự liên hệ thấy rõ những khuyết điểm sai lầm của mình trong thời gian dài là do nhận thức về đấu tranh chính trị một chiều; nay phải phát huy sức mạnh của quần chúng, dựa vào bạo lực chính trị của quần chúng kết hợp với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, dùng bạo lực cách mạng đánh đổ chính quyền thống trị của đế quốc, phong kiến, lập nên chính quyền cách mạng của nhân dân.

Cũng trong thời gian này, đoàn cán bộ quân sự-những người con thân yêu của tỉnh nhà tập kết ra Bắc; sau một thời gian học tập và rèn luyện nay theo chỉ thị của Trung ương về lại chiến trường cũ. Đợt đầu gồm 11 đồng chí: Nguyễn Văn Lâu, Nguyễn Minh Quyết, Hồ Kim Việt, Trần Cử Đảnh, Nguyễn Chánh, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Hồi, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Văn Tâm, Trần Văn Thành và Nghệ Hùng Dũng đã đến Bình Thuận. Tiếp theo, các đồng chí Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Thanh Đồng, Hồ Hồng và Nguyễn Thanh Tâm, v.v., cũng đã về đến căn cứ.

Sau khi được bổ sung quân số, Đơn vị 2-9 được biên chế thành một trung đội hoàn chỉnh toàn người Kinh (có 3 tiểu đội). Ban chỉ huy trung đội gồm các đồng chí Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Lâu, Nguyễn Minh Quyết và Nguyễn Hồi. Một số đồng chí được bố trí về phục trách công tác quân sự ở các địa phương như: Nguyễn Thanh Tâm về Di Linh, Hồ Hồng về khu Lê Hồng Phong, Hồ Kim Việt về Tánh Linh.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết 15, từ tháng 4-1960

trở đi, nhiều cuộc đấu tranh chống địch khủng bố, đàn áp của quần chúng đã lần lượt nổ ra ở một số buôn làng miền núi.

Tại khu vực sở cà phê Lútxe, anh Hòa một thanh niên người dân tộc đã dùng cây đánh chết tên lính bảo an, rồi cướp luôn khẩu súng Garăng chạy ra rừng theo cách mạng (sau đó anh gia nhập Đơn vị 2-9, chiến đấu rất dũng cảm và đã hy sinh).

Ở Đăng Min, anh Nộp đã bí mật dùng dao chém chết một tên lính bảo an trong khi hắn đang đi lùng sục phá hoại hoa màu của dân ở rẫy.

Đồng bào các thôn Đạch, Tân Bưởi và Kon Hai đã dùng các loại vũ khí thô sơ bố phòng xung quanh khu vực buôn làng, làm cho bọn địch đi càn bị xóc chông, sập bẫy chết và bị thương hơn 30 tên.

Để có thêm kinh nghiệm, chỉ đạo về hoạt động vũ trang, ngày 14-4-1960, đồng chí Nguyễn Gia Tú-Bí thư Tỉnh ủy cùng một số đồng chí đã vào các tỉnh Đông Nam Bộ nghiên cứu tìm hiểu. Sau hơn một tháng làm việc với bạn ở đó, đồng chí Nguyễn Gia Tú và đoàn cán bộ đã về đến cơ quan Tỉnh ủy cùng với một số vũ khí mới thu được ở Tua Hai do tỉnh bạn giúp. Cùng với đồng chí Tú có đồng chí Bảy Thành được Khu ủy miền Đông Nam Bộ cử ra giúp Liên tỉnh 3 về mặt quân sự.

Nhằm diệt số đồng bào còn ở lại trong rừng về các khu tập trung từ giữa tháng 5-1960 trở đi, địch liên tục cho nhiều toán biệt kích lên lùng sục các vùng căn cứ của ta phá nương rẫy, đốt nhà, giết 5 người dân ở

xóm Quao.

Từ tình hình đó, Thường vụ Tỉnh ủy đã có chủ trương cho phép lực lượng vũ trang đánh địch bảo vệ căn cứ với phương châm: “diệt gọn, xóa dấu vết, bịt đầu mối, bằng vũ khí thô sơ kết hợp với vũ khí nổ nhẹ (súng giảm thanh).

Ngày 24-5-1960, trên đường đi công tác Bắc Ruộng về, đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) phát hiện dấu địch hành quân lên căn cứ, tìm ghé lại Đơn vị 2-9 bàn với đồng chí Nguyễn Thanh Đồng phương án phối hợp đánh địch. Đồng thời cử 10 du kích mang chông đi cùng với Đơn vị 2-9 bố trí đánh địch.

Cùng thời gian đó, một tổ công tác của Đơn vị 2-9 phát hiện 1 tiểu đội biệt kích bắt heo của dân làm thịt tại chòi rẫy xóm Quao. Quyết trả thù cho đồng bào bị địch giết hại, đồng chí Nguyễn Đoàn Tự liền tiếp cận địch bắn một viên đạn làm bị thương tên trung sĩ Long toán trưởng biệt kích. Nghe súng nổ của toán địch khiêng tên Long tháo chạy bỏ lại 1 hăng gô, một dao găm và một số trang bị. Đây là viên đạn đánh địch đầu tiên của Đơn vị 2-9 từ ngày thành lập.

Quyết định diệt gọn toán biệt kích trên đường về, Đơn vị 2-9 tổ chức một phân 5 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Thanh Đồng chỉ huy phục kích tại dốc la Hon, đúng như dự kiến sáng ngày 25-5-1960, tốp đi đầu gồm 6 tên đã lọt vào trận địa, ta nổ súng xung phong bắt 4 tên thu 4 tiểu liêu và toàn bộ trang bị, có 2 tên chạy thoát.

The dự đoán địch còn 1 toán đi sau, đồng chí Đồng dẫn 3 chiến sĩ quay về sau cách 200 để tổ chức đánh địch, 4 tù binh giao cho đồng chí Linh Giang canh giữ, thấy ít người 4 tên tù binh bung chạy, đồng chí Giang bắn theo đuổi bắt được 2 tên.

Tuy chưa diệt gọn, nhưng đây là một đòn cảnh cáo đối với bọn địch. Hai tên tù binh còn lại được ta giáo dục thả về cũng đã nói lên những điều mắt thấy tai nghe về chính sách khoan hồng của cách mạng. Từ đó, không một toán biệt kích nào dám bén mảng đến vùng căn cứ.

Vốn là quản đạo ở Ninh Thuận và tuần vũ tỉnh Bình Thuận trước đây, Ngô Đình Diệm, hiểu rất rõ bản sắc của các cộng đồng người dân tộc thiểu số sinh sống trên dải đất này. Chính vì vậy, ngoài việc chỉ đạo xây dựng các khu tập trung ở Bác Ái (Ninh Thuận), y còn trực tiếp chỉ đạo việc dồn gần 5.000 dân thuộc hai dân tộc K'Ho và Châu Mạ từ các xã La Dạ, La Ngâu, Măng Tố và Cà Dòn về Bắc Ruộng để xây dựng nơi đây thành khu dinh điền “kiểu mẫu” quản lý và chi khu quân sự mạnh hùng “nhỏ sạch cơ sở cách mạng ở miền núi” và “lấy người dân tộc trị người dân tộc”.

Với ý đồ đó, sau khi dồn hết dân vào khu tập trung, chúng đưa về đây một đại đội bảo an, 40 tên cảnh sát ác ôn và sau đó phát triển hơn 80 tên dân vệ, 180 thanh niên cộng hòa có vũ trang; đồng thời chia Bắc Ruộng ra làm 3 khu vực: Khu quân sự có một đại đội bảo an đóng giữ do tên thiếu úy Y Tài (người dân tộc) làm Đại đội trưởng kiêm chi khu trưởng; khu hành chính có 40 tên

cảnh sát và 02 cảnh sát chiến đấu cùng một số dân vệ do tên trung úy Vương Văn Hòa làm quận trưởng và có bộ máy hành chính quận hoàn chỉnh; khu dinh điền (khu tập trung dân) có bọn dân vệ và thanh niên cộng hòa vũ trang canh giữ do tên Phạm Văn Khôi làm địa điểm trưởng. Đích thân Ngô Đình Diệm cũng đã nhiều lần cùng với Ngô Đình Nhu, Trần Lệ Xuân đưa bọn quan thầy Mỹ và “đồng minh” như Anh, Mã Lai, Philippin, Xingapo và Thái Lan, v.v, về Bắc Ruộng để khoe khoang cái gọi là “thắng lợi của chính sách thượng du vận”. Nhưng thực chất đây chỉ là một trại giam trá hình.

Dưới sự đàn áp của hơn 300 tên lính tay sai ác ôn cùng với bọn tề điệp lớp chìm, lớp nổi đã làm cho đồng bào dân tộc vô cùng cực khổ. Nhiều người đã bí mật trốn ra rừng gặp cán bộ yêu cầu cách mạng về giúp đồng bào phá khu tập trung. Họ nói: “Cán bộ không thương đồng bào hay sao, mà ba bốn năm nay không giúp đỡ đồng bào, để đồng bào chết dần, chết mòn như vậy?”.

Giữa lúc đó, thì tại căn cứ, Tỉnh ủy đã triệu tập Hội nghị bàn về hoạt động vũ trang hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng. Tại Hội nghị, Tỉnh ủy đã nhất trí chủ trương dùng bạo lực vũ trang hỗ trợ cho đồng bào ở khu tập trung Bắc Ruộng bung về làng đất cũ làm ăn và xây dựng căn cứ. Tuy nhiên, khi phương án đánh Bắc Ruộng do các đồng chí cán bộ quân sự đưa ra thì một số đồng chí trong Tỉnh ủy vẫn còn cân nhắc là phải đánh thế nào để bảo đảm đúng phương châm,

phương thức lúc này. Thấy mọi người còn đang băn khoăn suy nghĩ, anh Bảy Thành phát biểu: “Theo kinh nghiệm ở Nam Bộ thì đánh rắn phải đập nát đầu, thế có nghĩa là: Chúng ta muốn phá khu tập trung giải phóng đồng bào thì phải đánh diệt chi khu; nếu không, địch vẫn đối phó mạnh, dân không thể nào bung ra được!”. Sau ý kiến phát biểu của anh Bảy Thành¹ thì phương án đánh diệt chi khu quận lỵ Hoài Đức đã được thông qua.

Nhiệm vụ đánh diệt chi khu Hoài Đức, phá khu dinh điền Bắc Ruộng, theo phương án ban đầu, ta chỉ đưa hơn một ngàn dân về trước xây dựng căn cứ, chuẩn bị mọi cơ sở vật chất, số còn lại lần lượt về sau. Nhiệm vụ trên được đồng chí Nguyễn Gia Tú-Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận giao cho Đơn vị 2-9. Để bảo đảm thắng lợi, Tỉnh ủy chỉ định Ban chỉ huy và Đảng ủy trận đánh gồm các đồng chí: Lê Văn Triều, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, làm Bí thư kiêm Chính trị viên; Phạm Hoài Chương, Đảng ủy viên, làm Chỉ huy trưởng; Nguyễn Thanh Đức (Tu Thanh) và Bảy Thành (cán bộ khu ủy miền Đông Nam Bộ), đảng ủy viên, làm Chỉ huy phó; hai đồng chí: Nguyễn Thiết Hoàng (Tức Bái), Bí thư Huyện ủy và Lê Khắc Thành, Phó Bí thư Huyện ủy Tánh Linh, Đảng ủy viên phụ trách dân vận; đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh), Bí thư Huyện ủy Di Linh, Đảng ủy viên phụ trách hậu cần. Lực lượng trực tiếp chiến đấu có 27 đồng chí (15 cán bộ và 12 chiến sĩ) chia làm 3 mũi: Mũi đánh

1. Anh Bảy Thành trước đây, có thời gian được cách mạng cử làm chỉ huy các lực lượng giáo phái và mang tên là: Trung tá Huỳnh Long. Tư lệnh các lực lượng Cao, Thiên, Bình, Hòa ở đồng bằng Nam Bộ.

chi khu quân sự Hoài Đức (đồn bảo an) do hai đồng chí Nguyễn Hội và Nguyễn Thanh Đức chỉ huy, mũi đánh quận lỵ (có nhà tên quận trưởng) do hai đồng chí Nguyễn Văn Lâu và Bảy Thành chỉ huy; mũi đánh diệt đồn dân vệ, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá khu tập trung do đồng chí Hồ Kim Việt phụ trách quân sự Tánh Linh chỉ huy. Đồng chí Phạm Hoài Chương và đồng chí Lê Triều chỉ huy chung. Khi rút sẽ để lại một bộ phận chặn đường truy đuổi của địch bảo vệ đồng bào.

Sau một thời gian ngắn chuẩn bị chiến trường có cơ sở mật giúp đỡ, ta đã điều tra nắm được các mục tiêu tác chiến. Chiều 30-7-1960, từ vị trí tập kết, Đơn vị 2-9 bắt đầu xuất phát. Mặc dù gặp rất nhiều trở ngại như mưa, gió, nước lũ, đứt liên lạc với cơ sở, nhưng với quyết tâm tiêu diệt địch giải phóng đồng bào, cán bộ, chiến sĩ ta đã khắc phục vượt qua và tiếp cận mục tiêu đúng giờ quy định.

Đúng 0 giờ 15 phút ngày 31-7-1960, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công địch.

Sau gần 4 phút chiến đấu, mũi đánh chi khu đã làm chủ trận địa, chiến kho vũ khí, giải thoát hơn 40 tù chính trị bị địch giam giữ và tiếp tục tảo trừ bắt được một số tù binh (trong đó có tên Y Tài-Chi khu trưởng); đồng thời đưa dân công vào thu chiến lợi phẩm và đốt đồn.

Mũi đánh quận lỵ cũng đã giải quyết xong các mục tiêu, chỉ còn lại một số tên dựa vào công sự trong nhà tên Vương Văn Hòa (Quận trưởng) để chống cự. Giữa lúc

đó thì tổ của đồng chí Nguyễn Minh Quyết vừa diệt xong đồn dân vệ bên ngoài đang trên đường tiến vào đã dùng trung liên bắn mãnh liệt vào nhà tên quận trưởng; đồng thời tổ chức cho hai tù binh vừa bắt được tiếp cận vào dùng dầu lửa đốt nhà. Thấy nhà cháy, bọn địch hốt hoảng nhảy ra cửa sau trốn thoát.

Mũi đánh khu dinh điền do đồng chí Hồ Kim Việt chỉ huy đã diệt được một số dân vệ, số còn lại cùng với bọn thanh niên cộng hòa và bọn tề điệp tan tác tháo chạy trốn vào dân.

Trận đánh kết thúc nhanh gọn, sau 2 giờ chiến đấu ta diệt và bắt sống hơn 300 tên, làm tan rã 180 thanh niên chiến đấu, bắt tên chi khu trưởng Y Tài, địa điểm trường Phan Văn Khôi, bắn bị thương nặng tên quận trưởng Vương Văn Hòa, diệt tên chi trưởng và chi phó công an quận, thu 250 súng các loại (có 12 trung liên, 10 tiểu liên và 9 súng ngắn) cùng với nhiều súng trường đạn dược và quân trang quân dụng. Ta bị thương nhẹ một đồng chí.

Sau khi san bằng quận lỵ thì gần năm ngàn đồng bào trong khu dinh điền vùng lên đốt khu tập trung, tất cả đồng loạt đòi về lại buôn làng cũ, không một ai chịu ở lại. Trước tình thế đó, Ban chỉ huy trận đánh phải đồng ý tổ chức đưa dân về. Theo sự hướng dẫn của bộ đội và cán bộ địa phương đồng bào đã đốt sạch nhà cửa, mang hết tài sản và bồng bế nhau kéo về buôn làng cũ.

Để đánh lạc hướng địch, sau khi đưa hết đồng bào ra khỏi khu dinh điền, ta đã rải truyền đơn khắp khu vực

Bắc Ruộng. Trong mỗi tờ truyền đơn đều có ký tên “Đội vũ trang tự vệ của nhân dân”¹ (số truyền đơn này đã chuẩn bị sẵn ở vùng căn cứ).

Được tin chi khu Bắc Ruộng bị tiêu diệt và gần năm ngàn dân Thượng đã bung chạy hết về núi, Ngô Đình Diệm liền ra lệnh cho Sư đoàn 5 ngay mở cuộc càn lớn đuổi theo quyết bắt lại hết những người dã bỏ trốn và diệt cho được những chiến sĩ “Đội vũ trang tự vệ của nhân dân”.

Bị kế nghi binh của ta, tên chỉ huy Sư đoàn 5 tung hai trung đoàn càn quét vùng giáp ranh giữa Đông Nam Bộ và Bình Thuận. Trung đoàn còn lại hẳn chia làm hai mũi: Mũi thứ nhất gồm hai tiểu đoàn đuổi theo dấu vết của dân đi; mũi thứ hai có một tiểu đoàn thọc thẳng lên vùng căn cứ Di Linh, nhưng tất cả đều vô hiệu quả. Hai trung đoàn càn quét vùng giáp ranh suốt bảy ngày liền không tìm được gì phải rút về. Hai tiểu đoàn đuổi theo dân bị các chiến sĩ Đơn vị 2-9 và các tay súng thanh niên tự vệ chặn đánh quyết liệt, diệt và bắn bị thương hàng chục tên, buộc chúng phải rút lui. Riêng tiểu đoàn thọc lên căn cứ Di Linh cũng bị du kích và nhân dân vùng căn cứ dùng chông, tên nả tẩm độc vây đánh, diệt một số. Số còn lại, nhiều tên bị chông kêu la thảm thiết không dám đi lung sục phải co cụm tại chỗ chờ hết thời gian rồi rút.

Gần một tuần lễ vừa chiến đấu vừa ngăn chặn địch,

1. Tên chung của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ lúc bấy giờ.

vừa hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân mở đường, bắt cầu qua suối lũ, dìu dắt người già, bồng bế trẻ em, chăm sóc người mới sinh nở và ốm đau, các chiến sĩ 2-9 cùng với lãnh đạo địa phương đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ và đưa gần năm ngàn đồng bào dân tộc về đến khu căn cứ an toàn.

Sau trận Bắc Ruộng, Tôn Thất Đính – Tư lệnh vùng 3 chiến thuật đau đớn thú nhận “sau Tua Hai (Tây Ninh), Bắc Ruộng là một thất bại chua cay của quân lực Việt Nam”¹.

Trong cuộc họp rút kinh nghiệm sau trận đánh của Tỉnh ủy Bình Thuận, đồng chí Lê Tự Nhiên, đại diện cán bộ Ban tổ chức Trung ương Cục, đánh giá: Bắc Ruộng là một trận tiêu diệt lớn. Lần đầu tiên hoạt động vũ trang, ta đã diệt gọn chi khu quận lỵ và phá rã khu dinh điền gây cho địch tổn thất nặng nề cả về quân sự và chính trị, cả về lực lượng và của cải vật chất. Bọn nguy quân, nguy quyền bị một đòn đau choáng váng không thể nào che giấu được. Chiến thắng Bắc Ruộng chẳng những đã bồi dưỡng lớn cho ta về vũ khí trang bị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển lực lượng vũ trang của tỉnh nhà và gây niềm tin phấn khởi trong nội bộ, mà ý nghĩa thắng lợi to lớn của nó còn ở chỗ là chúng ta đã giải phóng được một số lớn dân vùng căn cứ bị đồn từ ba, bốn năm nay về lại đất cũ làm ăn, sản xuất, bố phòng, xây dựng phát triển du kích chiến tranh. Chiến thắng Bắc Ruộng còn là niềm tin để quần chúng

1. Tài liệu dịch.

tiếp tục đấu tranh làm cho đấu tranh vũ trang phát triển và hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị, thực hiện theo phương châm mới một cách tốt đẹp và đầy triển vọng.

Tại cuộc Hội thảo nhân kỷ niệm 33 năm chiến thắng Bắc Ruộng (31-7-1960 – 31-7-1993), đồng chí Nguyễn Văn Linh nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát biểu: “Chiến thắng Hoài Đức-Bắc Ruộng là thắng lợi của cuộc tấn công và nổi dậy, là một trong các cuộc chiến thắng mở đầu cho bước ngoặt lịch sử của phong trào chống Mỹ-ngụy, cứu nước ở miền Nam”¹.

Tin lực lượng vũ trang Bình Thuận lần đầu tiên đánh diệt chi khu quận lỵ và giải phóng dân đưa về căn cứ đã làm hả lòng hả dạ đồng bào và chiến sĩ khắp miền cực Nam Trung Bộ.

Để củng cố thắng lợi, mở rộng thêm vùng căn cứ và thực hiện nhiệm vụ của Liên tỉnh 3 giao, Tỉnh ủy quyết định thành lập ba đội vũ trang tuyên truyền (đội công tác) mang tên là Tây Sơn, Nam Sơn và Hoàn Sơn. Đội Tây Sơn do đồng chí Tích phụ trách từ căn cứ Bà Gia phát triển lên hướng Bà Xa, Đa Gui qua bắc đường 20. Đội Hoàn Sơn do đồng chí Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) phụ trách đứng chân tại Ra Pú hoạt động lên hướng Đinh Trang Hạ, Đinh Trang Thượng và đường 20. Đội Nam Sơn đứng ở Tố La, phát triển lên nam Bảo Lộc, nhưng sau 4 tháng không trụ được phải nhập vào đội

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận-tập II: thời kỳ 1954 – 1975*, xuất năm 2000, tr.38.

Hoành Sơn. Sang năm 1961, các đội này đã bắt được liên lạc với các đội vũ trang tuyên truyền của Quảng Đức từ Đắc Min xuống và C200 từ miền Đông Nam Bộ ra.

Cùng với việc cử các đội công tác lên phía bắc, thực hiện chủ trương của Liên tỉnh 3 “Đấu tranh chính trị và vũ trang song song”, Tỉnh ủy đã quyết định đưa một bộ phận lực lượng vũ trang nòng cốt xuống đồng bằng kết hợp với lực lượng vũ trang tại chỗ diệt ác, phá kìm, hỗ trợ cho đồng bào giành quyền làm chủ, phát triển thực lực, đưa phong trào cách mạng tiến lên.

Được lực lượng cấp trên hỗ trợ, rạng sáng ngày 20-8-1960, một tổ vũ trang của huyện Hàm Thuận do đồng chí Thanh Trà (Nguyễn Văn Bốn) và đồng chí Linh chỉ huy cải trang lính bảo an phục tại cầu Tân Bình để diệt tên Sáu Chấn ủy viên cảnh sát ác ôn của xã Tân Phú Xuân. Đến 7 giờ sáng, tên Chấn đạp xe từ Phan Thiết về, nhưng hôm nay hắn đã thay đổi màu xe và sắc mũ, nên khi anh em ta nhận ra thì hắn đã vào đến nhà. Không bỏ lỡ thời cơ, “ba lính bảo an” của ta liền xông vào nhà quát: “Mày có phải là Sáu Chấn không”? Nghe tiếng quát của “lính bảo an”, tên Chấn vội trả lời “Đạ phải, đạ phải!”. Ngay tức khắc, đồng chí Linh dùng súng ngắn bắn một phát vào ngực và đồng chí Trà bồi thêm một phát nữa vào đầu làm hắn ngã gục. Khi người nhà hắn chạy ra, thì anh em ta đã rút lui an toàn.

Ngày 19-9-1960, đồng chí Nguyễn Hội chỉ huy một tổ của lực lượng 2-9 đột nhập trụ sở xã Tân Phú Xuân. Nghe động, hai tên xã đoàn trưởng và xã đoàn phó dân

vệ liên nhóm dậy xách súng lao ra nhưng đã quá muộn. Khi chúng vừa lộ mặt khỏi cửa thì cả hai tên đều ngã gục trước hai viên đạn Thompson của đồng chí Nguyễn Hội, số còn lại hết hoảng đầu hàng. Ta thu 15 súng, 1 máy đánh chữ, một số tài liệu và đốt luôn trụ sở.

Cùng lúc, đồng chí Nguyễn Văn Lâu (Mười Lan) cũng chỉ huy một tiểu đội của lực lượng 2-9 bao vây nhà tên Cửu Xe (Văn Công Cẩn), đại diện ác ôn, dùng trung liên bắn áp đảo. Nghe súng nổ, tên Cửu Xe hoảng sợ nằm dí trên giường không dám động dậy. Sau khi bắt gọn trung đội dân vệ canh bên ngoài, các chiến sĩ ta liền thọc vào nhà kết liễu luôn tên gian ác.

Tin hai tên ác ôn Sáu Chấn và Cửu Xe liên tiếp bị cách mạng trừng trị cùng trụ sở Tân Phú Xuân bị đốt trụi, đã làm cho bọn tề điệp trong vùng rất hoang mang lo sợ. Nhiều tên bắt đầu bỏ nhiệm sở ban đêm và tìm đường lẩn trốn.

Chớp thời cơ, đội công tác của đồng chí Nguyễn Nhẫn (Năm Nhẫn) Huyện ủy Hàm Thuận chỉ huy một tổ vũ trang và thanh niên nông cốt phối hợp với lực lượng 2-9 tiến hành diệt ác, phá kìm làm lỏng, rã bộ máy tề ngụy đưa xã Hàm Thạnh trở thành xã tranh chấp mạnh.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ ở xã Hàm Thạnh, lực lượng 2-9 tiếp tục quay về Tam Giác làm công tác vũ trang tuyên truyền ở Bình Mỹ Thạnh, Tân Phú Xuân và phối hợp với Thị ủy Phan Thiết diệt ác, phá kìm đưa phong trào vào các vùng ven lên một bước mới như: Phú Khánh, Phú Lâm, Hòn Một, Đất Đỏ, v.v..

Hoàn thành nhiệm vụ ở Hàm Thuận, Đơn vị 2-9 tiến vào Hàm Tân phối hợp với địa phương diệt ác, phá tề ở các xã Tân Thuận, Văn Mỹ; sau đó đánh diệt bọn tề xã, bọn dân vệ và cảnh sát ác ôn, ở xã Kim Bình đưa phong trào ở đây lên một bước mới, trở thành xã tranh chấp mạnh.

Thấy ta đang hoạt động mạnh ở đồng bằng, bọn địch tưởng rằng ở vùng căn cứ sẽ không còn lực lượng, chúng liền huy động một tiểu đoàn biệt kích phối hợp với bọn học viên người dân tộc ở trường hạ sĩ quan Lâm Đông tràn vào vùng Kon Hai, Kon Sô. Đi đến đâu, chúng đốt hết chòi rẫy, bắn chết hết trâu bò, gà, heo và dùng roi quất rụng sạch những bông lúa còn đang ngâm sữa, hòng buộc đồng bào vào cái thế không còn gì để ăn, phải quay lại khu tập trung của chúng

Căm thù trước lũ giặc dã man, quyết bảo vệ mùa màng và bảo vệ vùng căn cứ, sau mấy hôm theo dõi nắm được quy luật hoạt động của địch, ngày 20-10-1960, được Tỉnh ủy cho phép, đồng chí Phạm Hoài Chương chỉ huy bộ phận của lực lượng 2-9 còn lại cùng một tiểu đội của Di Linh phục kích xung quanh rẫy lúa của buôn Kon Sô (trên sườn núi Pơ Rang). Khi bọn địch đang dàn hàng ngang cầm roi quất vào những bông lúa đang trổ, thì các chiến sĩ ta cũng từ trên cao tràn xuống nổ súng đánh vào đội hình địch, hơn sáu mươi tên bỏ xác ngay tại trận, số còn lại tan tác tháo chạy. Ta hy sinh hai đồng chí là Nghê Hùng Dũng và Trần Chuyển. Từ đó, khu căn cứ được yên ổn sản xuất và xây dựng suốt hai năm liền.

Kết thúc trận chống càn ở vùng Kon Sô, lực lượng 2-9 chia làm 2 bộ phận (mỗi bộ phận một tiểu đội). Một bộ phận xuống đứng chân hoạt động ở vùng Lê Hồng Phong, bộ phận còn lại do 2 đồng chí Nguyễn Thanh Đức và Nguyễn Hữu Ích chỉ huy hoạt động ở vùng giáp ranh giữa miền núi và đồng bằng của các huyện Phan Lý, Tuy Phong đã cùng với đội vũ trang công tác của đồng chí Giáp đánh vào các ấp Vĩnh Hảo, Cà Lon, Xuân Quang diệt một số tên ác ôn, thu ba mươi súng các loại, hỗ trợ cho quần chúng phá kìm, đưa hành lang vùng căn cứ xuống gần sát Quốc lộ 1A, tiện cho việc đi, lại liên lạc sau này. Sau khi lực lượng 2-9 rút đi, đội vũ trang công tác của đồng chí Giáp bị địch phục kích làm cả đội hy sinh.

Nắm vững thời cơ bọn địch ở địa phương còn đang bàng hoàng sau cuộc đảo chính hụt Ngô Đình Diệm (tháng 11-1960) của Nguyễn Chánh Thi, ngày 9-12-1960, một bộ phận của lực lượng 2-9 do các đồng chí Phạm Hoài Chương, Nguyễn Minh Quyết và Hồ Hồng chỉ huy đang hoạt động tại khu Lê liên phối hợp với đội vũ trang công tác cải trang thường dân đi trên một chiếc xe chở khách tiến đánh đồn bảo an, Nha Thiện Phú và trụ sở xã Nhơn Thiện vào lúc 14 giờ chiều. Trận đánh kết thúc nhanh gọn. Ta diệt tên thiếu úy Tư, bắn bị thương tên trung sĩ Cán, bắt toàn bộ bọn tên ác ôn, thu vũ khí và nhiều tài liệu quan trọng, phá hủy đồn và đốt trụ trụ sở xã

Phấn khởi trước chiến thắng quân sự dồn dập, lúc 19 giờ cùng ngày, hàng ngàn đồng bào đã tập trung mít

tinh mừng thắng lợi. Sau khi nghe đồng chí Mười Râu, Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong, nói chuyện và động viên, đã có 30 thanh niên xin thoát ly tham gia cách mạng.

Mấy ngày sau đó, lực lượng 2-9 tiếp tục diệt đồn Cỏ Mồm, phá banh hai khu tập trung Cỏ Mồm và Láng Cốc, đưa hết số đồng bào dân tộc bị địch dồn về lại căn cứ.

Tiếp theo, ta vũ trang tuyên truyền đưa các xã Hàm Phú, Hàm Trí từ vùng tranh chấp mạnh lên thành vùng giải phóng, tạo thế liên hoàn với xã Hàm Thạnh thành vùng giải phóng rộng lớn ở phía tây Hàm Thuận.

Như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn hoạt động vũ trang hỗ trợ đắc lực cho đấu tranh chính trị đã giành được những thắng lợi đáng phấn khởi, bước đầu hình thành các căn cứ lổm ở đồng bằng tạo điều kiện hỗ trợ nhau giữa miền núi và miền xuôi.

Hoạt động vũ trang của nhân dân Bình Thuận được mở đầu bằng chiến thắng Bắc Ruộng ngày 31-7-1960 cùng những hoạt động quân sự, chính trị tiếp theo vào các tháng cuối năm 1960 là biểu tượng sức mạnh, lòng căm thù, tiềm năng cách mạng và năng lực sáng tạo của quần chúng bước đầu được phát huy. Đó là kết quả của việc vận dụng đúng đắn các chính sách dân tộc của Đảng và cũng là kết quả đầu tiên của Nghị quyết 15 Trung ương (Khóa 2) trên miền đất cực Nam Trung Bộ này.

Cùng với phong trào đồng khởi ở Bến Tre và nhiều nơi khác, những thắng lợi bước đầu của nhân dân Bình Thuận đã góp phần cùng toàn miền Nam đẩy kẻ thù

vào thế hoàn toàn bị động, buộc chúng phải thay đổi ý đồ chiến lược. Hình thái chiến tranh cách mạng, chiến tranh giải phóng đã xuất hiện và ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên đây chỉ là bước đầu, thực tiễn phía trước vẫn còn rất khó khăn, nhất là ở miền núi, số đồng bào dân tộc ta đưa về núi đa số bị bệnh tật và thiếu đói kéo dài. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy đã tập trung bàn nhiều biện pháp khắc phục, từng bước ổn định đời sống và tiếp tục đưa phong trào nhân dân du kích chiến tranh tiến lên.

II. Phát triển chiến tranh du kích, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện

Với thắng lợi bước đầu của phong trào đấu tranh vũ trang, kết hợp giữa tiến công và nổi dậy, quân và dân Bình Thuận đã cùng quân và dân toàn miền Nam đẩy kẻ thù vào thế bị động, làm cho “Chiến lược tổ cộng” của chúng bị phá sản hoàn toàn.

Giữa lúc chúng đang tìm mưu tính kế để củng cố và giữ vững chế độ gia đình trị họ Ngô, ngày 20-12-1960, tại vùng giải phóng ở miền Đông Nam Bộ, Đại hội đại biểu nhân dân toàn miền Nam đã họp và tuyên bố thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Với cương lĩnh 10 điểm của Mặt trận đề ra đã có tác dụng tập hợp rộng rãi hơn nữa mọi tầng lớp nhân dân yêu nước chống Mỹ-Diệm, đấu tranh cho độc lập dân tộc và dân chủ, cô lập và phân hóa kẻ thù.

Bước sang năm 1961, cách mạng miền Nam đã chuyển sang thời kỳ mới, từ khởi nghĩa từng phần ở miền núi

và nông thôn, phát triển thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân và toàn dân, toàn diện.

Hàng triệu người ở đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, vùng rừng núi miền Trung nói chung và hàng ngàn người ở Bình Thuận nói riêng, đã làm chủ xã, ấp, làm chủ cuộc sống của mình, chăm lo xây dựng Mặt trận dân tộc giải phóng, vào các đoàn thể kháng chiến, xây dựng dân quân du kích, tích cực sản xuất ủng hộ xây dựng và nuôi dưỡng lực lượng vũ trang, không ngừng tiến công địch để bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được.

Trước tình hình cách mạng miền Nam đang phát triển thuận lợi, ngày 24-1-1961, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam là: “Ra sức xây dựng mau chóng lực lượng của ta về cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng trong Mặt trận dân tộc giải phóng, phát động một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ của quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, bảo tồn và phát triển lực lượng ta, làm tan rã chính quyền và lực lượng địch trên một phạm vi ngày càng rộng lớn; tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại toàn bộ đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị; tạo mọi điều kiện và nắm mọi thời cơ thuận lợi để đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm, giải phóng miền Nam”¹. Về phương châm đấu tranh chỉ thị còn vạch rõ: “...đến nay,

1. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr.159.

do lực lượng so sánh đã thay đổi, cần phải chuyển phương châm đấu tranh: đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên song song với đấu tranh chính trị, tấn công địch bằng cả hai mặt chính trị và quân sự”¹.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, đầu tháng 3-1961, Hội nghị Liên Tỉnh ủy 3 đề ra chủ trương: “...Ra sức đánh phá chính quyền thôn, xã làm tan rã các lực lượng chính trị và vũ trang phản động của địch ở cơ sở, giải phóng quần chúng khỏi ách kìm kẹp, xây dựng thực lực chính trị và vũ trang quần chúng, tạo điều kiện từng bước tiến lên xây dựng căn cứ địa cách mạng ở những vùng có điều kiện cả nông thôn, đồng bằng”².

Cũng trong tháng 3-1961, để thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị Trung ương Đảng và chủ trương mới của Liên tỉnh 3, Tỉnh ủy Bình Thuận chỉ định một số cán bộ quân sự thành lập Ban quân sự tỉnh (Tỉnh đội) do đồng chí Phạm Hoài Chương làm trưởng Ban phụ trách chung cả quân sự và chính trị, có 2 ủy viên là: đồng chí Nguyễn Thanh Đức phụ trách tham mưu và đồng chí Nguyễn Hữu Ích (Năm Hưng) phụ trách hậu cần. Phiên hiệu của cơ quan quân sự lúc này gọi là “500”. Tuy đã hình thành Ban quân sự nhưng vẫn nằm trong cơ quan Tỉnh ủy.

Đồng thời với việc thành lập Ban quân sự, Tỉnh ủy

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.22, tr.158.

2. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận (Sơ thảo), xuất bản năm 2000, tr.41.

cũng chủ trương phát triển nhanh lực lượng vũ trang tỉnh, huyện để làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Riêng lực lượng vũ trang tỉnh, từ trung đội 2-9 thành lập vào ngày 2-9-1959, đến nay đã phát triển thành một đại đội và mang phiên hiệu mới là 529. Đại đội 529 trước có bốn tiểu đội, sau một thời gian phát triển thành sáu tiểu đội với quân số là 75 đồng chí. Để kịp thời chỉ đạo các hoạt động quân sự, Ban quân sự tỉnh đã hình thành thêm một số bộ phận như: tham mưu, chính trị, hậu cần.

Ở tất cả các huyện từ miền núi đến miền xuôi đều hình thành các đơn vị vũ trang. Riêng hai huyện Tánh Linh và Di Linh lúc này đã tổ chức được chi bộ trong lực lượng vũ trang.

Đi đôi với phát triển lực lượng vũ trang tập trung, việc xây dựng vùng căn cứ, phát triển dân quân du kích để tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện cũng được các cấp ủy địa phương hết sức chú trọng. Đặc biệt ở các huyện miền núi đã phát triển lực lượng khá nhanh như: Di Linh có 92 du kích; Tánh Linh có 74 du kích, 2 tổ tự vệ và 6 dân quân; miền Tây Hòa Đa có 2 tổ tự vệ và 4 dân quân. Riêng vùng trung tâm căn cứ đã xây dựng được làng xã chiến đấu liên hoàn, sẵn sàng đánh địch càn quét.

Trên cơ sở đã có lực lượng vũ trang và hệ thống bố phòng chống giặc, đồng bào ở vùng căn cứ đã đi dần vào thế ổn định. Các tầng lớp nhân dân không phân biệt

già trẻ, gái trai đều hăng hái tham gia các đoàn thể kháng chiến, chăm lo xây dựng mặt trận và chính quyền tự quản, vào dân quân du kích, tích cực sản xuất và nuôi quân đánh giặc. Các tổ chức văn hóa, xã hội và y tế cũng bắt đầu hình thành.

Thực hiện phương châm “vừa đánh địch, vừa xây dựng ta” và hỗ trợ cho đồng bào tấy chay trò hề bầu cử Quốc hội của Diệm vào ngày 04-3-1961. Đại đội 529 phối hợp với đội vũ trang công tác huyện Hàm Thuận liên tục vũ trang tuyên truyền và đánh địch ở Tam Giác; đêm ngày 01-3, ta vào vũ trang tuyên truyền ở 2 ấp Bình An và Tầm Hưng đốt trụ sở xã và toàn bộ dự liệu phương tiện của địch chuẩn bị cho bầu cử, tổ chức mít tinh vạch rõ cho dân thấy bầu cử là trò hề bịp bợm của Mỹ-Diệm. Cùng đêm, ta tổ chức một phận phận phục kích tại Cầu Liêm (đường 8) để đánh bọn biệt kích, nhưng toán biệt kích cải trang giả làm phụ nữ ngồi trên xe lam, ta sợ nhầm dân không đánh nên chúng vượt qua và lùnh sục vào rừng. Sáng ngày 02-3, hai cánh quân của ta từ Bình An, Tầm Hưng vừa đến khu một Bình Lâm, thì toán biệt kích đêm qua xuất hiện, lực lượng ta chủ động nổ súng diệt một số tên. Bọn còn lại bỏ chạy, ta truy kích diệt và bắn bị thương thêm một số tên nữa, sau đó về đóng quân tại suối Cườm Thảo.

Đồng bào truyền nhau tin chiến thắng và kéo đến thăm hỏi động viên bộ đội, mang theo gà, vịt, quà, bánh, gạo nếp... đến với tình quân dân đậm đà như bao lâu nay mới gặp lại. Đến 12 giờ trưa, vọng gác của đơn vị phát hiện địch, Ban chỉ huy hội ý chớp nhoáng và tổ chức

đánh địch bảo vệ dân. Bọn địch đi trên đồng trống tiến thẳng vào đội hình đơn vị đã bố trí sẵn sàng, đồng chí Nguyễn Văn Lô cho nổ súng, các loại hỏa lực của ta bắn thẳng vào đội hình địch, đồng thời sử dụng lực lượng thọc sườn và vu hồi, toàn bộ quân địch bị rối loạn và lần lượt bị tiêu diệt. Gần 30 phút chiến đấu, Đại đội C29 và lực lượng Hàm Thuận đã đánh thiệt hại nặng Đại đội bảo an 442 và toán biệt kích, diệt và bắn bị thương trên 60 tên, bắt 1 tên, thu 20 súng các loại, ta vô sự. Đây là trận đánh ở đồng bằng, lần đầu tiên ta xuất hiện lực lượng tương đối lớn và vận động truy kích địch giữa ban ngày đã làm cho bọn địch rất hoang mang lo sợ¹.

Được chiến thắng Bình Lâm cổ vũ, các đội vũ trang tuyên truyền, vũ trang công tác và lực lượng vũ trang Hàm Thuận liên tục mở các đợt diệt ác, hỗ trợ và động viên quần chúng nổi dậy phá thế kìm kẹp, làm lung lay hệ thống kềm của địch ở một số xã, ấp trong huyện như: Hàm Thắng, Hàm Liêm và Hàm Nhơn...

Thực hiện chủ trương mở rộng hoạt động vũ trang phối hợp toàn Liên Tỉnh do Hội nghị quân sự Liên Tỉnh 3 đề ra, đầu tháng 5-1961, lực lượng vũ trang Bình Thuận lại từ đồng bằng cắt rừng ngược lên miền núi để chuẩn bị đánh diệt chi khu Di Linh, mở màn cho đợt hoạt

1. Trong bản thuyết trình của địch về "Kế hoạch hiệp lực tại tiểu khu Bình Thuận số 59/83/312/M ngày 27-1-1967, ở phần II giai đoạn từ 1954 - 1963, chúng viết: "...Khi lực lượng được tổ chức, tháng 3-1961, Việt Cộng đã tiến hành một trận đánh đầu tiên giữa lực lượng địa phương Việt Cộng với tiểu đoàn 48/BA +NQ + CS tại Khu 1 Bình Lâm... gây cho ta (địch) nhiều bất ngờ".

động quân sự mừng thọ Bác Hồ 71 tuổi và hỗ trợ cho việc mở phong trào phát triển qua phía bắc đường 20.

Chiều ngày 14-5-1961, các lực lượng tham gia trận đánh do các đồng chí Phạm Hoài Chương, Nguyễn Thanh Đức, Nguyễn Xuân Du, Nguyễn Văn Lâu và Hoàng Từ chỉ huy, đồng chí Năm Lương dẫn đoàn dân công cũng đã đến địa điểm tập kết tại rẫy của xóm Xarêpó (cách đường 20 khoảng 3 giờ đi bộ). Nhờ có sự chuẩn bị trước của đặc công, nên việc tổ chức chiến đấu, tiếp cận mục tiêu: đồn bảo an (chi khu quân sự), chi cảnh sát, trụ sở hành chính quận, lô cốt án ngữ ở ngã ba Di Linh, v.v, đều diễn ra nhanh chóng.

Đúng 1 giờ 45 phút ngày 15-5-1961, tiếng bộc phá công kích của quân ta bắt đầu nổ. Tiếp theo là tiếng nổ dòn dã của các loại tiểu liên, trung liên, lựu đạn và thủ pháo. Ánh lửa bùng lên dữ dội khắp các vị trí địch. Qua ánh chớp của bộc phá, lựu đạn, thủ pháo và lửa cháy sáng rực ở khu đồn bảo an, trụ sở hành chính quận và chi cảnh sát, lần đầu tiên đồng bào ở vùng Nam Tây Nguyên tận mắt trông thấy các chiến sĩ ta tiêu diệt địch và tung hoành ngay giữa thị trấn. Sau 30 phút chiến đấu, ta đã đánh thiệt hại nặng chi khu và diệt đại bộ phận quân địch (số còn lại lợi dụng đêm tối tháo chạy) và thu rất nhiều vũ khí, trang bị, thuốc chữa bệnh và một bộ trung phẫu, trong trận này ta hy sinh hai đồng chí, có một đồng chí do đêm tối không kiểm soát hết khi lui quân, nên bỏ sót tử sĩ.

Được tin chi khu Di Linh bị ta đánh ngay trong đêm, nhưng mãi đến trưa ngày 15, bọn địch ở tiểu khu Bảo

Lộc mới mò lên chi viện. Khi chúng đến nơi thì chỉ còn trơ lại các bức tượng đổ nát và những xác chết đồng bọn.

Phối hợp với hoạt động vũ trang, đồng bào ta đấu tranh chống địch với nhiều hình thức phong phú như: bỏ canh gác trong các ấp, bỏ họp các nguy đoàn thể và không đóng nguyệt phí như chúng quy định. Ở hai xã Hàm Liêm và Hàm Chính, đêm nào đồng bào cũng đánh mõ để hù dọa địch; sau đó tổ chức mít tinh để vạch tội Mỹ-Diệm xử bọn phản động về tội tuyên truyền xuyên tạc các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng. Ở Phú Hội (vùng ven thị xã Phan Thiết), đồng bào vừa hù dọa, vừa lôi kéo bọn tề xã bỏ việc, làm cho bộ máy kìm của địch ở đây bị rệu rã. Nhân dân ở ba ấp Tân Bình, Tân Nông (Hàm Liêm) và Mỹ Thạch (Hàm Chính) đấu tranh chống lại địch, không chịu dồn ra các khu tập trung Bình Lâm, Tân Điền và Tân An. Nhân dân ở ấp Phú Khánh kiên quyết không dồn vào Ngã Hai. Hàng mấy chục gia đình ở Xóm Ruộng, Mã Lãng không dồn vào Lương Sơn (Hòa Đa). Hơn một trăm người bị dồn vào ấp 18 dọc đường 8 (quốc lộ 28 ngày nay) đã đấu tranh bung về làng đất cũ ở xóm 30 và 31 (Hàm Trí).

Cũng trong tháng 5-1961, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng cho chiến trường Bình Thuận đang có phong trào quần chúng phát triển mạnh, Liên Tỉnh ủy 3 đã điều đồng chí Lê Văn Hiền về làm Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận. Tỉnh ủy lúc này có các đồng chí: Lê Văn Hiền làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Phó Bí thư và các đồng chí Hoàng Từ, Lê Văn Triều, Nguyễn

Quý Đôn, Trần Nhu Khuôn, Lê Thanh Hải. Riêng đồng chí Nguyễn Văn Tiềm nghỉ chuẩn bị ra Bắc trị bệnh.

Trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, để phù hợp với việc chỉ đạo chiến trường, tháng 7-1961, Trung ương Đảng quyết định tách Liên tỉnh 3 và tỉnh Đắc Lắc của Liên tỉnh 4 ra khỏi Khu 5 để thành lập Khu 6 đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục miền Nam (B₂), do đồng chí Trần Lê làm Bí thư Khu ủy. Đồng thời với việc thành Khu ủy, Quân khu 6 cũng được hình thành. Bộ Tư lệnh Quân khu 6 lúc này có các đồng chí: Y Blok Eban quyền Tư lệnh, Nguyễn Mô (Tư Khiêm) Phó Bí thư Khu ủy làm Chính ủy, Nguyễn Trọng Xuyên làm Tham mưu trưởng, Phan Văn Hược (Mười Trung) làm Chủ nhiệm chính trị, Bảy Biên làm Chủ nhiệm hậu cần (đầu năm 1963, đồng chí Nguyễn Minh Châu về thay đồng chí Yblok Eban làm Tư lệnh, đồng chí Nguyễn Tuân (Ma Đăng) thay đồng chí Bảy Biên làm Chủ nhiệm hậu cần). Lực lượng vũ trang Quân khu 6 lúc này có: hai khung Tiểu đoàn là 840 và 186 (nguyên là Tiểu đoàn 86 của Trung đoàn 812 ngày trước) cùng một đại đội đặc công.

Từ khi đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6, lực lượng vũ trang Bình Thuận được củng cố, xây dựng và phát triển khá nhanh.

Nhờ nguồn cán bộ do quân khu bổ sung và một số đồng chí tập kết ra Bắc tiếp tục về lại chiến trường (đợt 2); đồng thời qua hoạt động quân sự, ta đã động viên được khá đông thanh niên ở các địa phương như Nhơn Thiện, Thiện Nghiệp, Hàm Thạnh, Kim Bình, Tam Giác,

v.v, tình nguyện tham gia quân đội, nên lực lượng vũ trang tỉnh lúc này đã phát triển thành đại đội tập trung và một số đơn vị trực thuộc: Đại đội 529 (sau này mang mật danh là Hoàn Sơn) có đủ ba trung đội bộ binh, một trung đội trợ chiến và một tiểu đội trinh sát do đồng chí Võ Hòa Tương làm Đại đội trưởng và đồng chí Nguyễn Văn Lâu (Mười Lan) làm Chính trị viên. Riêng cơ quan quân sự tỉnh cũng được bổ sung thêm cán bộ, chiến sĩ vào các bộ phận chuyên môn như: Tác chiến, Trinh sát, Chính trị, Hậu cần, v.v.. Và cũng từ tháng 5-1961, Ban quân sự tỉnh mang mật danh là 400 do đồng chí Lê Văn Hiền-Bí thư Tỉnh ủy làm trưởng Ban, đồng chí Phạm Hoài Chương làm Phó ban kiêm Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Nguyễn Cang (Đảng) làm Tham mưu trưởng, đồng chí Nguyễn Thanh Đức làm Chủ nhiệm hậu cần. Sau khi Ban quân sự tỉnh mang mật danh 400, thì Đại đội 529 cũng đổi lại 486. Ngoài Đại đội 486, tỉnh cũng đã phát triển thêm một trung đội đặc công mang mật danh là 481 và biệt danh là "Đại Dương" do đồng chí Nguyễn Hội phụ trách.

Cùng với lực lượng vũ trang tỉnh, lực lượng vũ trang địa phương ở các huyện, thị cũng đã được phát triển từ một đến hai tiểu đội, nay đã hình thành trung đội và mang các mật danh như sau: trung đội ở Dinh Linh là 410, trung đội ở Tánh Linh là 420 (có lúc gọi là 432 vì có thêm huyện Hoài Đức là 431), trung đội ở Hàm Thuận gọi là 430, trung đội ở Hòa Đa là 440, trung đội ở Thuận Phong là 450, trung đội ở Hàm Tân là 460, trung đội ở Phan Lý là 470, trung đội ở Phan Thiết là 480 và trung đội ở Tuy Phong đến năm 1965 mới hình thành và lấy

mật danh 490.

Để đẩy mạnh cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện ở địa phương lên bước mới, cuối tháng 8-1961, tại căn cứ ở vùng ruộng “Mắc Cỡ”, Tỉnh ủy đã mở Hội nghị kiểm điểm tình hình từ sau chiến thắng Bắc Ruộng và bàn kế hoạch hoạt động vào những tháng cuối năm. Sau khi soát xét tình hình về kinh tế, chính trị, quân sự ở cả hai vùng miền núi và đồng bằng, Hội nghị quyết định: “Để động viên được sức người, sức của, phát triển nhanh thực lực cách mạng, góp phần củng cố, mở rộng căn cứ miền núi; trước mắt phải tập trung sức mở phong trào đồng bằng và phát triển cơ sở trong thị xã, thị trấn”¹. Cũng tại Hội nghị này, 2 đồng chí Nguyễn Thất Hoàng (Bái) và Nguyễn Xuân Du (Tám Cảnh) được bầu bổ sung vào Tỉnh ủy.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, đêm 15-8-1961, Đại đội Hoàn Sơn đánh diệt đồn Gia Bát, nhưng chưa phá được khu tập trung dân. Thấy ta đánh diệt đồn Gia Bát, bọn địch ở đồn Cỏ Mồm hoảng sợ rút chạy, tại đồn Gia Bát ta bắt 7 tên địch, thu toàn bộ vũ khí và giải thoát 6 cán bộ bị địch bắt.

Ngày 12-9-1961, Đại đội 486 lại cùng với đơn vị Đặc công 481 và lực lượng vũ trang địa phương Hòa Đa tập kích vào trường bia Lương Sơn, diệt và bắn bị thương một trung đội địch, thu toàn bộ vũ khí (có ba trung liên); Sau đó, đột vào ấp Lương Trung, diệt và đánh tan trung đội dân vệ, phá trụ sở hội tề xã Lương Sơn và truy

1. *Lịch sử Đảng bộ Bình Thuận*, xuất bản năm 2000, tr.44.

bắt bọn tề điệp, ác ôn. Phối hợp với lực lượng vũ trang, các cán bộ chính trị đã xuống từng xóm, ấp tuyên truyền vận động quần chúng, xây dựng cơ sở, thu mua lương thực, thực phẩm chuyển về căn cứ.

Rạng sáng ngày 14-9, đại đội bảo an của chi khu Hòa Đa theo dấu xe ta chở lương thực đuổi theo truy kích; nhưng khi chúng vừa đến dốc Xe Lương thì bị ta chặn đánh gây thiệt hại nặng, những tên sống sót tháo chạy. Ta giải thoát hết số đồng bào bị địch bắt (trong đó có đồng chí Tào liên lạc của huyện Hòa Đa).

Được tin đồn trường bia Lương Sơn bị ta tiêu diệt, bọn địch ở Nha Thiện Phú và hai xã Nhơn Thiện, Thiện Nghiệp hốt hoảng tháo chạy về Mũi Né. Lúc 16 giờ ngày 14 tháng 9, một bộ phận lực lượng của Đại đội 486 và cán bộ chính trị của huyện bắt đầu vào các ấp Bình Nhơn, Bình Thiện và Bàu Thiêu làm công tác tuyên truyền, phát động quần chúng, truy bắt bọn tề điệp, ác ôn; đồng thời thành lập chính quyền tự quản, tổ chức các đoàn thể cách mạng, xây dựng dân quân du kích và vận động thanh niên thoát ly tham gia vào các lực lượng vũ trang. Địch dùng máy bay ném bom vào Nhơn Thiện buộc đồng bào ta phải đi vào vùng kiểm soát của chúng. Không khuất phục, mọi người vẫn tiếp tục ở lại chỗ cũ và giữ thế hợp pháp. Để kịp thời phục vụ cho chiến trường, ngày 15-9-1961, xưởng quân giới Cao Thắng của tỉnh Bình Thuận được thành lập tại Ara, do đồng chí Nguyễn Hồng làm Xưởng trưởng, đồng chí Phạm Ngọc Tú làm Chính trị viên, quân số có 5 đồng chí, trang bị còn rất thô sơ chỉ có kim, búa, cưa sắt... vừa chữa vũ khí

vừa sản xuất mìn, lựu đạn, thủ pháo và tự túc cả lương thực...

Phát huy thắng lợi, đêm 26-9, ta tiếp tục đột vào ấp Rạng vũ trang tuyên truyền, xóa phiên hiệu một trung đội dân vệ và thu bảy súng. Có hai dân vệ mang súng theo cách mạng, và được ta đặt tên là Thống và Nhất. Ngày 27-9, ta rút về Bàu Tàng phát động quần chúng và tuyên truyền chiến thắng. Đến 15 giờ cùng ngày, một đại đội bảo an từ Phan Thiết ra cùng đại đội bảo an của quân Hải Long sục vào ấp Bàu Tàng liền bị ta chặn đánh quyết liệt, sau 30 phút chiến đấu, ta diệt một số tên, số bị thương và sống sót vội vã khiêng nhau tháo chạy về Phan Thiết. Đến đêm 27, một bộ phận của Đại đội 486 tiếp tục đột vào ấp Long Hoa vũ trang tuyên truyền, 2 trung đội còn lại tổ chức phục kích tại ấp Tà Nung chặn đánh diệt hai xe quân sự và một trung đội thủy quân lục chiến.

Như vậy, sau gần một tháng hoạt động, ta đã giải phóng hoàn toàn hai xã Nhơn Thiện và Thiện Nghiệp có gần mười ngàn dân. Để chỉ đạo kịp thời và sát với phong trào, Tỉnh ủy quyết định tổ chức lại hai xã này thành sáu xã, đó là: Hồng Lâm (Bình Nhơn), Hồng Chính (Bình Thiện), Hồng Thắng (Hưng Long), Hồng Trung (Bàu Thiêu), Hồng Thanh (Rừng Ngang) và Hồng Thịnh (Bàu Tàng, Bàu Me, Bàu Sơn và Bàu Sen). Đồng thời đưa bốn ấp Long Phú, Long Thạnh, Long Hoa và Bàu Ốc (trên trục đường 1A) có hơn năm ngàn dân lên thế tranh chấp mạnh, trên cơ sở đó tổ chức thành hai xã Hồng Sơn và Hồng Liêm. Ta tiếp tục phá lỏng, rã bộ

máy kìm kẹp của địch ở các ấp Lương Trung, Lương Bình (Lương Sơn), Hiệp An, Hiệp Bình, Hiệp Hòa, Hiệp Thành (Hồng Thái) Xa Ra, Tù Hòa và Rạng (Miền A). Ngày 4-10-1961, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến nguy và lực lượng bảo an Bình Thuận tràn vào căn cứ Lê Hồng Phong hòng chiếm lại vùng ta mới giải phóng liền bị Đại đội 486 và Đại đội 481 phối hợp với đơn vị 440 Hòa Đa chặn đánh tại bến gạch, diệt và bắt bị thương gần 100 tên, buộc chúng phải rút lui bỏ dở cuộc hành quân.

Sau khi kết thúc trận đánh, ngày 9-10, cả hai đơn vị 480 và 481 đều chuyển về hoạt động ở Hàm Thuận. Theo sự thống nhất giữa Huyện ủy Hàm Thuận và Ban quân sự tỉnh, trong hai tháng 10 và 11-1961 sẽ lấy địa bàn phía tây Hàm Thuận (đường sắt trở lên) làm điểm, với yêu cầu là mở mang giải phóng tạo thế nối liền với căn cứ miền núi, vùng mới giải phóng ở Thuận Phong và Hòa Đa, diện là các xã vùng Tam Giác (dọc đường 8- quốc lộ 28 ngày nay) yêu cầu phá lũng, rã kìm, đưa lên tranh chấp mạnh. Mở màn cho đợt hoạt động ở đồng bằng, đêm 13-10-1961, đơn vị Đại Dương 481 đánh vào khu tập trung Cỏ Mồm và khu Gia Le (Láng Cốc), phá hai khu tập trung, đưa dân về lại miền núi buồng làng cũ. Cùng đêm, Đại đội Hoàn Sơn 486 phối hợp với đơn vị 430 Hàm Thuận và các đội công tác đánh tan rã lực lượng địch chốt giữ ở các ấp dọc đường 8 (từ km 16 đến km 30), hỗ trợ cho quần chúng các cấp Phú Điền, Phú Lâm, Phú Sơn... nổi dậy phá ranh rào bung về vườn đất cũ. Ngày hôm sau (14-10), Đại đội Hoàn Sơn tiếp tục chặn đánh bọn địch từ chi khu Thiệu Giáo lên giải tỏa. Bị tổn thất nặng, chúng phải lùi về giữ Ma Lâm. Đến

đêm, ta tiếp tục đột vào Ma Lâm và ấp Giang Mâu làm vũ trang tuyên truyền, vận động quần chúng và xây dựng cơ sở. Sau khi giải phóng 2 khu tập trung Cỏ Mồm và Láng Cốc, đơn vị 481 tiếp tục tiến lên diệt đồn Gia Bát một lần nữa nhưng địch ở đây đã rút chạy, ta phá đồn và đốt cháy khu tập trung đưa đồng bào xã Sơn Điền về buôn làng cũ.

Hướng Tam Giác, đơn vị 430 và đội công tác Hàm Thuận liên tục đánh diệt bọn dân vệ, phá rã, lỏng bộ máy kìm của địch ở các ấp Bình Lâm, Bình An, Tân Nông, Phú Bình, Tân Điền, Tân An, Đại Năm và Phú Hội, v.v., đồng thời vận động được nhiều thanh niên thoát ly gia nhập bộ đội và bổ sung cho các đội công tác.

Ngày 17-10-1961, bọn địch ở tiểu khu Bình Thuận phối hợp với chi khu Hàm Thuận đưa quân càn vào Tam Giác và ấp Bàu Ruộng bị bộ đội địa phương huyện và đội công tác bám đánh tiêu hao một số. Cùng ngày, Đại đội 486 chặn địch càn vào khu vực Cà Giăng gây cho chúng nhiều thiệt hại. Đến đêm, ta tiếp tục tập kích quận lỵ Hàm Thuận (ở Phú Trinh-Phan Thiết) làm một số địch chết và bị thương.

Ngày 22-10, Đại đội 486 tiếp tục phục kích đánh đoàn tàu vận tải quân sự trên đường sắt từ ga Suối Vắn đến ga Mường Mán, ta diệt và làm bị thương hàng chục tên. Ta làm chủ trận địa và thu được nhiều vũ khí, trang bị phương tiện chiến tranh, lương thực, thực phẩm.

Phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh, các đơn vị bộ đội địa phương huyện và các đội công tác cũng liên tục

hoạt động. Ở Hàm Thuận, sau khi vũ trang tuyên truyền ở Tường Phong, Đại Năm, đơn vị 430 đã chuyển lên Hàm Phú và Hàm Trí. Ở Hàm Tân, đơn vị 460 và đội công tác liên tục tiến công địch ở các ấp thuộc hai xã Kim Bình và Phú Sung.

Qua các đợt hoạt động quân sự liên tiếp trên, ta đã giải phóng được một vùng khá rộng ở phía bắc Hàm Thuận, có hơn năm ngàn dân được giải phóng. Để tiện việc lãnh đạo và chỉ đạo, Tỉnh ủy quyết định tổ chức thành bốn xã: Hàm Trí (bao gồm Tân Lâm và các xóm ở km 30, km 31 dọc đường 8), Hàm Phú (bao gồm các ấp Phú Điền, Phú Sơn và Sông Trao), Hàm Cần (số đồng bào dân tộc ở khu tập trung Cỏ Môm về) và ấp Bàu Ruộng (giải phóng từ cuối năm 1960) tổ chức thành xã Hàm Thạnh. Riêng đồng bào dân tộc ở hai khu tập trung Gia Le, Gia Bát về buôn làng cũ có gần 1.500 người, tổ chức thành hai xã Hòa Điền và Đông Tiến. Đồng thời, trên cơ sở đó ta đã rút được trên 500 thanh niên bổ sung cho các đơn vị của tỉnh của huyện và các đội công tác. Cũng vào thời gian này, được quân khu bổ sung một khung đại đội nên lực lượng vũ trang tỉnh đã thành lập thêm đại đội bộ binh (có hai trung đội) mang phiên hiệu 489 (biệt danh là Đại đội Lê Hồng Phong).

Nhờ được bổ sung quân số và phát triển thêm lực lượng, nên từ tháng 11-1961 trở đi, các hoạt động quân sự trên chiến trường Bình Thuận lại tiếp tục diễn ra sôi nổi.

Đêm 14-11, Đại đội 486 đánh vào ấp Bình Lâm, diệt và làm ran rã một tiểu đội dân vệ. Những ngày sau,

tiếp theo các đội vũ trang công tác tiếp tục phát động quần chúng nổi dậy phá ấp Bình Lâm và một số ấp trong vùng.

Từ ngày 27 đến ngày 30-11, các đơn vị của tỉnh chuyển xuống hoạt động ở Tân Nông (Tam Giác), sau đó chuyển lên Hàm Trí, chặn đánh và bẻ gãy cuộc càn của địch ở khu vực này.

Ngày 2-12, Đại đội 489 dùng xe khách cải trang đột kích ban ngày vào Lương Sơn, diệt gọn một trung đội dân vệ.

Ngày 4-12, Đại đội 486 phục kích đánh đoàn tàu lửa trên đoạn đường từ Mương Mán đi Sông Phan, bắt sống một tiểu đội lính áp tải, thu toàn bộ hàng hóa trên tàu.

Ngày 06-12, bọn địch càn lên Bàu Muống nhưng chúng chưa kịp gây tội ác, thì đã bị Đại đội 486 chặn đánh gây thiệt hại nặng. Tiểu khu Bình Thuận phải cho trực thăng lên lấy xác và dùng máy bay, pháo binh bắn yểm trợ suốt một ngày đêm.

Ngày 19-12, Đại đội 489 lại đánh địch càn quét ở khu vực Giếng Triền, diệt và bắn bị thương mười tên.

Bị thua đau ở Bàu Muống, ngày 27-12, bọn địch ở tiểu khu Bình Thuận dùng một lực lượng lớn càn lên khu vực Cà Găng. Quyết bảo vệ từng hạt thóc quý giá của đồng bào, Đại đội 486 lập tức vận động đánh bọn cướp lúa, diệt tại chỗ 54 tên và bắn bị thương một số, buộc chúng phải co lại, tạo điều kiện cho dân thu hoạch mùa màng. Cũng trong ngày hôm đó, một trung đội

khác của Đại đội 486 phối hợp với đơn vị 430 Hàm Thuận truy đuổi bọn lính biệt kích người Chăm, giành lại từng bó lúa cho dân Hàm Trí.

Như vậy, sau một năm phát triển du kích chiến tranh và tiến hành kháng chiến toàn dân toàn diện, quân dân Bình Thuận đã giành được những thắng lợi quan trọng, góp phần cùng toàn miền đưa cuộc đấu tranh của nhân dân ta lên bước mới, đẩy kẻ thù vào thế bị động, lúng túng cả về chiến lược lẫn chiến thuật. Song được quan thầy Mỹ hà hơi, tiếp sức, bằng nhiều âm mưu thủ đoạn xảo quyệt, chúng càng tỏ ra ngoan cố, chống lại nhân dân ta quyết liệt hơn.

III. Cuộc chiến đấu của nhân dân Bình Thuận bước vào thời kỳ giằng co quyết liệt

Sau hơn nửa năm chuẩn bị, tháng 11-1961, Tổng thống và Hội đồng an ninh Mỹ chính thức chấp nhận kế hoạch chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” do Stalay và Taylor soạn thảo.

Theo điều lệ dã chiến Mỹ (1962) thì “Chiến tranh đặc biệt” là loại chiến tranh dưới mức hạn chế, còn gọi là chiến tranh “Chống lật đổ” được tiến hành trong khuôn khổ của chiến lược “Phản ứng linh hoạt” nhằm đánh bại phong trào cách mạng của nhân dân đã phát triển thành “Chiến tranh du kích”.

Thực hiện “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam nước ta, đế quốc Mỹ đã tiến hành trên cơ sở lấy ngụy quân làm lực lượng chủ yếu dưới sự chỉ đạo và chi viện của chúng (kể cả cố vấn, trang bị và chi phí chiến tranh),

dùng biện pháp quân sự kết hợp với chính trị, tình báo, cảnh sát và tâm lý nhằm tiêu diệt, cô lập lực lượng vũ trang cách mạng, tiêu diệt cơ sở Đảng, giành lại trận địa nông thôn, nhất là những vùng đông dân nhiều cửa, kết hợp phong tỏa biên giới với ngăn chặn vùng biển hòng cắt đứt mọi chi viện từ miền Bắc vào, để cuối cùng đánh bại chiến tranh cách mạng, bóp chết phong trào quần chúng của ta và giành thắng lợi trong một thời gian ngắn. Cụ thể được chia làm ba bước như sau:

Bước một: Từ giữa năm 1961 đến hết năm 1962, trong vòng 18 tháng, về cơ bản, chúng sẽ bình định cho được miền Nam Việt Nam và dồn hàng triệu nhân dân vào trong 17.000 ấp chiến lược.

Bước hai: Khôi phục kinh tế, hoàn thiện công cuộc bình định và tăng thêm quân nguy từ 17.000 tên lên 20.000 tên.

Bước ba: Là phát triển kinh tế.

Trong ba bước trên, chúng cho bước một là quyết định nhất và hy vọng sẽ giành thắng lợi vào cuối năm 1962, tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn và kết thúc chiến tranh vào cuối năm 1965.

Tiến hành mưu đồ đó, ở Bình Thuận và Bình Tuy (cửa địch) từ tháng 2-1962 trở đi, Mỹ-Diệm ra sức dồn quân bắt lính, đưa tổng số quân lên rất nhanh. Riêng Bình Thuận, ngoài Tiểu đoàn bảo an số 44 có chín đại đội (ba đại đội cơ động) còn có Tiểu đoàn huấn luyện số 40, có bốn đại đội đóng tại trung tâm Lương Sơn, ba đại đội bảo an hỏa xa và một đại đội biệt kích. Tổng số có

khoảng 2.500 tên lính cộng hòa (quân chủ lực ngự), 2.000 tên lính bảo an, 32 trung đội dân vệ và 6 trung đội biệt kích quân. Ở Bình Tuy (của địch), ngoài tiểu đoàn 51 bảo an có 6 đại đội, còn có hai trung đội biệt lập, một đại đội đặc biệt, 4 trung đội biệt kích bảo an, riêng lực lượng dân vệ, thì mỗi xã có từ một đến hai trung đội.

Đi đôi với đôn quân bắt lính, chúng cũng bắt đầu phân chia lại chiến trường, đưa Bình Thuận vào trực thuộc khu chiến thuật 23 thuộc vùng 2 chiến thuật (Quân khu 2); còn các huyện như: Hàm Tân, Tánh Linh và Hoài Đức (thuộc Bình Tuy của địch) thì trực thuộc khu chiến thuật 23 thuộc vùng 3 chiến thuật (Quân khu 3).

Để nâng vị trí của lính bảo an lên thành lực lượng chủ yếu ở địa phương, chúng bắt đầu thành lập Tổng nha bảo an và kiện toàn tổ chức bảo an của tỉnh. Toàn bộ hệ thống phòng thủ chúng đều cải tiến theo phương pháp kết hợp nhiều chướng ngại vật bên ngoài với công sự vững chắc bên trong (nhiều lớp rào kẽm gai, hào sâu, tường cao, bờ thành với chông, mìn dày đặc), hình thái bố trí thành hệ thống liên hoàn, tăng cường phòng thủ từ xa, đưa lực lượng vũ trang đi tuần tiểu kết hợp với mạng lưới gián điệp phát hiện để kịp thời ứng phó.

Trước khi quyết định lấy Lương Sơn, Tân Phú Xuân và Tam Tân làm thí điểm cho việc xây dựng ấp chiến lược, chúng củng cố các đoàn bình định và mang cái tên gọi mới rất mỉa dân là “Đoàn xây dựng nông thôn”, đồng thời rút một số tên ác ôn ở các đơn vị bảo an, dân vệ đưa về trung tâm đào tạo một thời gian rồi tăng cường

cho các đoàn bình định, đưa bọn này xuống hỗ trợ cho bọn tề ở xã, đôn đốc việc xây dựng ấp chiến lược. Chúng còn chia xã ra làm ba loại an ninh (an ninh, an ninh củng cố và mất an ninh) để phân biệt đối xử.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ mọi điều kiện, chúng bắt đầu tung quân ra càn quét dồn dân vào các khu vực đã định để tiến hành xây dựng các “Ấp chiến lược kiểu mẫu”.

Tại ấp chiến lược, chúng tổ chức hệ thống phòng thủ gần giống như các đồn bót, chẳng những có thêm rào mà còn có vành đai, hào, chông kết hợp mìn trên các bờ thành vành đai trong và ngoài rào đến ba, bốn lớp và có nhiều ụ chiến đấu. Bọn dân vệ và bọn “Thanh niên chiến đấu” thay phiên nhau tuần tra canh gác suốt ngày đêm. Ngoài ra, chúng còn bắt mỗi người dân trong ấp không phân biệt già trẻ, gái trai đều phải có bốn thứ dụng cụ: đèn, dây, gậy, mìn để tham gia báo động khi có tình huống và làm “nhiệm vụ” bảo vệ an ninh ở cơ sở xã, ấp. Hằng ngày ra vào, mọi người đều phải đi theo giờ do chúng quy định và chỉ được mang theo những thứ được chúng cho phép. Ai vi phạm đều bị chúng coi là Cộng sản hoặc có liên quan với Cộng sản sẽ bị “bắn bỏ”. Ngoài lực lượng kèm tại chỗ, chúng còn bố trí ở mỗi “Ấp chiến lược kiểu mẫu” từ 20 đến 30 tên gọi là “cán bộ xây dựng nông thôn” xuống “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với dân, mà thực chất là để điều tra xem xét tình hình và hoạt động chiến tranh tâm lý, gián điệp.

Để bảo vệ ấp chiến lược, ngoài lực lượng tại chỗ, chúng còn tăng cường thêm các đồn lính bảo an bên

cạnh và một số đơn vị lính cộng hòa (chủ lực ngụy) luân phiên đến đóng quân dã ngoại, để hình thành thế chân kiềng hỗ trợ lẫn nhau. Đồng thời, chúng còn tổ chức hệ thống thông tin liên lạc (bộ đàm HT1, HT6, HT9) xuống đến tận ấp trưởng.

Như vậy, ấp chiến lược thực chất là một trại giam khổng lồ và là một cứ điểm quân sự của địch để chống lại nhân dân. Mọi người dân trong ấp chiến lược đã bị chúng tước đoạt tất cả mọi quyền sống của con người và tính mạng thì bị đe dọa từng ngày, từng giờ.

Các ấp chiến lược Lương Sơn, Tân Phú Xuân và Tam Tân vừa hoàn thành, lập tức bọn chóp bu đầu tỉnh mời quan thầy Mỹ đại diện “Chính phủ” về ăn mừng, rút kinh nghiệm, rồi tung lực lượng quân sự ra kết hợp với các thủ đoạn lừa bịp về kinh tế, tâm lý để dồn dân lập ấp chiến lược trên địa bàn tỉnh.

Chúng dồn hết dân ở các xã thuộc vùng Tam Giác (khoảng 25 ấp hành chính) ra đường 8 (quốc lộ 28 ngày nay), Quốc lộ 1A vào các ấp Đại Nấm, Xuân Phong, Phú Hội, rồi tiến hành rào ấp chiến lược liên hoàn với vành đai dài khoảng 25 km từ Kim Ngọc, Lại An (Hàm Thắng) qua Tân Điền (cột số 8 đường 8) xuống Tân An qua Đại Nấm (Hàm Hiệp), Bàu Gia, Phú Nhung (Hàm Phong), Hồ Mê Ba, Phú Phong A, Phú Xuân (Hàm Mỹ). Chúng bắt mọi người phải nộp đủ số quy định về chông cây, chông bàn và trụ rào, đồng thời phải ra sức đào hào, đắp lũy để xây dựng vành đai. Ai không làm đầy đủ thì “được” chúng coi là phần tử nguy hiểm và sống hay chết đều nằm trong tay bọn “Bình định nông thôn”, bọn tề

ác ôn định đoạt. Với vành đai này, chúng hy vọng sẽ là một hệ thống phòng thủ vững chắc ở vùng ngoại ô phía bắc Phan Thiết.

Ở các huyện Hòa Đa, Hàm Tân, Tánh Linh và Hoài Đức, v.v, chúng tiến hành xây dựng áp chiến lược rất nhanh nhưng hình thức và quy mô của từng ấp thì nhỏ hơn ở vùng Tam Giác. Riêng Lương Sơn, được bọn chớp bu Sài Gòn giao cho tên thiếu tướng Trần Tử Oai trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, tiếp tục xây dựng thành “Áp chiến lược kiểu mẫu” nhất ở Bình Thuận và đích thân Ngô Đình Diệm đã hai lần cùng với quan thầy Stalay - Taylor về tận nơi xem xét, khích lệ.

Đi đôi với việc dồn dân lập ấp chiến lược, địch còn tập trung lực lượng quân sự rất lớn gồm nhiều sắc lính đánh phá vào các vùng căn cứ, vùng giải phóng và vùng giáp ranh bằng những đợt càn với các tên gọi “Sơn Dương 1”, “Sơn Dương 2” và “Bình Lâm”, v.v, lực lượng chúng sử dụng thường là từ tiểu đoàn đến trung đoàn. Đi đến đâu, bọn lính đều đốt sạch, phá sạch và lừa dân vào các ấp chiến lược. Mặc khác, chúng còn tung bọn gián điệp, bọn tâm lý chiến chui vào hàng ngũ của ta để phá hoại.

Cuộc chiến đấu của quân dân Bình Thuận đã bước vào thời kỳ giằng co quyết liệt.

Quyết chống lại âm mưu của địch, khi chúng cho quân đi cào nhà và lừa dân, đồng bào đã dùng lời lẽ có lý, có tình tranh thủ bọn lính để chặn tay chúng lại. Khi bọn lính vẫn ngoan cố cào nhà thì nhiều cụ già, bà lão ôm chặt cột nhà, nhiều chị em phụ nữ nín chân kéo

xuong : long c io c ung treo len mai nha. Ket nup voi dau tranh tai cho, cac cap uy Dang da to chuc nhieu cuoc dau tranh cua quan chung vào tận thị trấn, thị xã tố cáo bọn địch cướp của giết người. Trong các khu đồn dân, đồng bào không chịu nộp bàn công, dây thép gai, không chịu đào hào đắp vành đai như chúng quy định. Những chỗ hư hỏng tranh thủ lùa trâu bò đi qua để làm hư hỏng thêm, địch cho sửa chỗ này thì lùa chỗ khác cứ thế địch không thể nào sửa nổi, có nơi như ở các ấp Đất Đỏ, Kim Bình đồng bào còn chặt vụn cây rào làm củi đun bếp.

Để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng, ngay từ đầu tháng 1-1962, các lực lượng vũ trang ta đã liên tục hoạt động.

Từ ngày 04 đến ngày 9-1-1962, một bộ phận lực lượng của Đại đội 489 phối hợp với Đại đội 440 và du kích chặn đánh bọn địch tràn vào khu Lê Hồng Phong, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ngày 27-1-1962, Đại đội 486 chặn đánh đoàn tàu quân sự của địch ở gần ga Mương Mán, thu một toa chở thuốc tây và ba mươi tấn bột mì; nhưng khi ta vừa chuyển đi được một số thì địch đến phản kích, nên không chuyển đi hết được.

Ngày 28-1-1962, Đại đội 440 phối hợp với đơn vị 489 chặn đánh chiến xe chở tên quận trưởng Hải Ninh và tập kích vào ấp Lương Sơn gây thiệt hại nặng một trung đội của tổng đoàn dân vệ Lương Sơn.

Phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh và huyện, các

đội vũ trang công tác liên tục đột vào các ấp Chợ Lầu, Hiệp An, Hiệp Thành và Hậu Quách phát động quần chúng, tổ chức du kích chiến đấu chống càn, tổ chức mít tinh tuyên truyền chiến thắng với đồng bào ở các vùng Bàu Thiêu, Bàu Tàng, Hòn Rơm, Xóm Xẩm và gặp gỡ đồng bào ở vùng sâu như Long Hiệp, Long Giang, Hội Tâm, Duồng, Phan Rí Cửa, v.v. đi làm ăn ra các vùng ven.

Phía Hàm Tân (Bình Tuy của địch), lợi dụng mấy ngày tết kẻ địch sơ hở, đêm 07-2-1962, ta dùng hai tiểu đội đặc công và bộ binh đột vào trụ sở xã Văn Mỹ diệt gọn tiểu đội biệt kích do tên trung sĩ Phú chỉ huy đang trú quân tại đây, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự. Sau đó, đơn vị 460 tiếp tục vào vũ trang tuyên truyền ở các ấp Phú Sum, Phú Tân, phát động quần chúng và bắt một số tề ác ôn, làm lỏng bộ máy kìm của địch ở vùng này.

Nhằm tiếp sức cho phong trào Bình Thuận, đầu tháng 3-1962, Bộ Tư lệnh Quân khu 6 tăng cường cho Bình Thuận một trung đội của Đại đội 3 thuộc Tiểu đoàn 186, để phối hợp hoạt động và rút thanh niên ra vùng căn cứ.

Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Bình Thuận họp để quán triệt Nghị quyết của Khu ủy Khu 6 về nhiệm vụ và công tác năm 1962. Nội dung Nghị quyết gồm 3 vấn đề lớn:

Một là: Xây dựng vùng căn cứ và vùng giải phóng một cách toàn diện. Cụ thể là: Phải đẩy mạnh sản xuất

tự túc, phát động phong trào toàn dân đánh giặc, chăm lo sức khỏe cho nhân dân, đồng thời tổ chức tốt phong trào bình dân học vụ và phong trào văn nghệ quần chúng “Tiếng hát át tiếng bom”

Hai là: Đẩy mạnh phong trào, phá áp chiến lược làm thất bại kế hoạch “Stalay – Taylor” của Mỹ

Ba là: Đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh và huyện cũng tại hội nghị này tỉnh quyết định chính thức thành lập huyện Thuận Phong gồm Miền A và các xã Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hồng Trung, Hồng Thịnh. Tách huyện Tánh Linh thành 2 huyện, Hoài Đức và Tánh Linh, bổ sung đồng chí Lê Khắc Thành làm Bí thư Tánh Linh và đồng chí Nguyễn Thành Hoàng (Bái) làm Bí thư Hoài Đức và thành lập Ban cán sự Đảng huyện Phan Lý, điều đồng chí Nguyễn Hữu Ích về làm Bí thư, lúc này Tuy Phong chưa hình thành tổ chức chỉ đạo nên cơ sở ở Vĩnh Hảo, Long Hương... giao cho Phan Lý phụ trách.

Thực hiện Nghị quyết của Khu ủy và của Tỉnh ủy, Đại đội 486 sau khi phục kích đánh diệt chiếc xe “nồi đồng” (xe bọc thép) của địch tại đường mới Giếng Cỏ (trên đoạn đường sắt Ma Lâm – Mương Mán), đêm 28-3-1962, Đại đội 486 kéo về phối hợp với trung đội của Tiểu đoàn 186 và đơn vị 430 Hàm Thuận vào vũ trang tuyên truyền ở ấp Tân Nông. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, cả hai trung đội của Tiểu đoàn 186 và Hàm Thuận đều về đứng chân ở Giồng Cây. Riêng Đại đội 486 thì rút về đứng chân tại Bàu Sẻ (vườn xếp Ga Tân)

Lúc 4 giờ 30 phút sáng ngày 29-3-1962, đại đội biệt kích nguy do tên Kiêm (một tên phản bội ác ôn) chỉ huy tập kích vào vườn xếp ga Tân nhằm tiêu diệt đội công tác của đồng chí Năm Nhẫn, nhưng lại gặp Đại đội 486 đang trú quân ở đấy. Mặc dù bị tập kích bất ngờ, song các chiến sĩ ta đã đánh trả quyết liệt. Sau 30 phút chiến đấu, ta đã gây thiệt hại nặng đại đội biệt kích buộc chúng phải rút lui. Tuy nhiên, Đại đội 486 cũng bị tổn thất một số đồng chí, trong đó có đồng chí Võ Hòa Tương-Đại đội trưởng-người được Nhà nước tặng danh hiệu “Chiến sĩ diệt giặc số 1 miền cực Nam Trung Bộ” trong thời kỳ kháng chiến chống pháp, đã anh dũng hy sinh.

Ngay sáng hôm đó, địch cho máy bay Đacôta lên rải truyền đơn ở vùng Tam Giác liền bị bộ đội ta bắn bị thương nặng, khi về đến sân bay Căng Esépíc thì bốc cháy.

Phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh và quân khu, lực lượng 430 Hàm Thuận và các đội công tác liên tục làm vũ trang tuyên truyền, đốt ranh rào ấp chiến lược và tiến hành bình vận ở các ấp Bình Mỹ Thuận, Tân Phú Xuân, Lại An Thượng, Kim Ngọc, khu ba Ma Lâm và Đại Năm, chặn đoàn xe chở khách trên Quốc lộ 1A (khu vực Gộp), tổ chức mít tinh tuyên truyền chính sách của Mặt trận ngay giữa ban ngày, có hàng ngàn người dự.

Phía Thuận Phong, Đại đội 489 phối hợp với đơn vị 450 liên tục vào vũ trang tuyên truyền trong các ấp Long Phú, Long Hiệp, Long Lâm và Hòa Vinh. Địch

phản ứng càn vào Bàu Thiêu, Hòn Rơm, Trại Súc bị ta chặn đánh gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Ở Tánh Linh, đêm 20-4-1962, trung đội Đặc công 481 của tỉnh và một trung đội của Tiểu đoàn 186 phối hợp với lực lượng địa phương tập kích đồn dân vệ Đồng Kho diệt và bắt bị thương một trung đội địch, đưa hơn một trăm đồng bào dân tộc ở khu dinh điền Đồng Kho về lại buôn làng cũ.

Ở Bắc Bình, các đơn vị 440 và 490 bộ đội địa phương Hòa Đa, Phan Lý liên tục đột vào xây dựng cơ sở trong các ấp Chợ Lầu và xung quanh quận lỵ Hòa Đa.

Ở thị xã Phan Thiết, đơn vị 480 đột vào khu vực cổng Chũ Y diệt một số tên ác ôn, thu vũ khí và tài liệu mật của địch.

Sau khi nắm vững quy luật hoạt động của địch trên đường sắt, ngày 15-6-1962, Đại đội 486 và một trung đội của Tiểu đoàn 186 tổ chức phục kích tại khu vực giữa ga Suối Vận-Mương Mán đánh diệt một đoàn tàu bọc thép “nồi đồng” khi đang hỗ trợ cho đoàn tàu chở hàng quân sự của địch. Trung đội của Tiểu đoàn 186 diệt được chiếc xe “nồi đồng” đi đầu, hai chiếc sau bỏ chạy, ta thu sáu súng (có một đại liên và một trung liên). Đại đội 486 đánh mìn cắt đứt đường sắt, chiếm đoàn tàu và thu được rất nhiều lương thực, thực phẩm, bắt được một tù binh giáo dục và phóng thích ngay tại chỗ.

Tiếp đến, ngày 9-6, đơn vị 430 Hàm Thuận bất ngờ thọc sâu vào Lại An (Hàm Thắng) bắt 7 tên ác ôn, trong

đó có tên áp trưởng và tên phụ trách áp chiến lược, bắt một tên trung úy nguy và tên Trung đội trưởng thanh niên chiến đấu, làm tan rã bộ máy kìm của địch ở khu vực này.

Cũng trong thời gian này, đội vũ trang công tác miền Tây Hàm Thuận đã phá hoại đoạn đường sắt từ Ma Lâm đến Long Thạch, làm lật một đoàn tàu quân sự của địch, diệt hơn 100 tên, trong đó có bảy tên cố vấn Mỹ.

Từ ngày 15 đến ngày 20-6, du kích các xã Hàm Thạnh, Hàm Liêm, Hàm Chính và các đội công tác đã liên tục phá hoại đường sắt (đoạn từ Ma Lâm đến Suối Vận) làm lật 4 đoàn tàu quân sự, hỏng nặng 2 cần trục, làm chết và bị thương nhiều tên địch. Tuy nhiên, những hoạt động quân sự của ta trong thời gian qua chưa đủ sức đẩy lùi được quân địch. Nhiều trận không đánh được như: Đầu tháng 3-1962, khi lực lượng tinh chuyển ra phía Hòa Đa nhằm đánh điểm Xuân Quang để hỗ trợ cho phong trào nhưng không đánh được. Lúc địch càn vào Nhơn Thiện thì cả đơn vị 486 và 489 đều không nổ được một phát súng, chỉ có đơn vị 440 và du kích đánh lẻ tẻ, nhưng cũng không diệt được tên địch nào. Đến ngày 01-4-1962, địch tiếp tục càn vào vùng giải phóng Hàm Thạnh thì Đại đội 486 cũng không chặn được để dân bị thiệt hại cả người lẫn của. Sau đó, cả hai đơn vị 486 và 489 đều vào Hàm Tân nhằm phối hợp với đơn vị 460 giải phóng xã Văn Mỹ, rồi phát triển vũ trang tuyên truyền giải phóng luôn xã Tân Hiệp. Nhưng suốt một thời gian dài, các đơn vị này không đánh thêm được trận nào, mà chỉ đánh được một trận phục kích giao

thông trên đường 23 kéo dài (đoạn từ La Gi đi Tam Tân) vào ngày 13-4 diệt một xe quân sự. Khi địch đưa đại đội biệt kích do tên Tâm Bô chỉ huy lên chốt tại xã Văn Mỹ, thì ta lại chuyển ra vũ trang tuyên truyền ở xã Tân Hiệp, Bàu Dòi, rồi về Phú Sung và Phú Nhung. Địch càn ra Kim Bình hai lần, nhưng ta chỉ đánh du kích lẻ tẻ và tiêu hao được vài tên.

Chính vì vậy phong trào đấu tranh chống phá áp chiến lược của quần chúng chưa mạnh, chưa có nơi nào phá rã hoàn toàn một áp chiến lược. Ở một số nơi ta chỉ vào vũ trang tuyên truyền xong rồi rút đi, địch lại đến.

Nhằm khắc phục những khuyết điểm trong thời gian tháng 6 đầu năm 1962, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy quân sự tổ chức họp rút kinh nghiệm, đề ra chủ trương: Từ tháng 7 đến tháng 12-1962, nhiệm vụ trọng tâm của các đợt hoạt động quân sự là đánh cho được địch để hỗ trợ cho đồng bào chống phá áp chiến lược, phá banh, phá rã từng mảng, mở rộng vùng làm chủ, vùng tranh chấp ở đồng bằng; đồng thời tích cực củng cố, xây dựng, vùng căn cứ miền núi và các xã giải phóng ở đồng bằng, chống địch xúc dân về áp chiến lược, khu tập trung, động viên nhân lực để phát triển lực lượng vũ trang, kết hợp tấn công vào bộ máy kìm kẹp của địch ở tại xã. Nhiệm vụ chống phá áp chiến lược, ngoài hai mảng trên quốc lộ 1 A và liên tỉnh lộ 8 (quốc lộ 28), lần này mở thêm mảng miền trung Hàm Tân gồm các áp Phong Điền, Hiệp Nghĩa, Hiệp Nhơn, Hiệp Phước, Hiệp Trí của xã Tân Hiệp (nay là Tân Thuận), Tam Tân, Hiệp An (nay là Tân Hải) đồng thời giải phóng các áp Văn

Kê, Thạnh Mỹ, Cây Găng (nay là xã Tân Thành).

Quán triệt tinh thần đó, các đơn vị vũ trang tỉnh, huyện, các đội công tác và quần chúng cốt cán đã kịp thời khắc phục những khuyết điểm và quyết tâm tiến công địch.

Đầu tháng 7-1962, Đại đội 489 chặn đánh bọn biệt kích Chăm tại Thiện Nghiệp (Thuận Phong), diệt 10 tên và thu toàn bộ vũ khí (có hai trung liên); sau đó, phối hợp với bộ đội địa phương huyện và đội công tác phát động quần chúng phá 5.700 mét rào áp chiến lược ở khu vực Rạng, rồi đột vào các ấp Long Hoa, Long Hiệp, Long Lâm bắt trưng trị một số tên ác ôn.

Ngày 21-7, một tổ của Đại đội 480 do đồng chí Hồ Ngọc Lâu thị đội trưởng Phan Thiết chỉ huy đã phục kích tại khu vực Đất Đỏ (Láng Chối Chà) bắt sống tên Rốc (Rocque Matagulay-trung sĩ cố vấn Mỹ) và tên thông ngôn.

Được tin tên Rốc cố vấn Mỹ bị bắt cóc, lúc 18 giờ cùng ngày, một đại đội biệt kích địch đuổi theo nhưng bị ta chặn đánh diệt 4 tên, bắn bị thương 5 tên buộc chúng phải rút lui.

Quyết tìm cho được tên Rốc, một tuần sau, bọn địch ở tiểu khu Bình Thuận đưa một tiểu đoàn càn xuống xóm Xẩm thì bị đơn vị 460 Hàm Tân chặn đánh, diệt 35 tên. Không tìm được gì, chúng quay về.

Trong thời gian từ ngày 17 đến ngày 24-7, Đại đội 486 phối hợp với đơn vị 430 Hàm Thuận liên tục phá

các ấp chiến lược ở Bình Mỹ Thuận, Tân Phú Xuân và Đại Năm buộc địch phải co lại, nhưng ta cũng chưa đánh diệt được đơn vị nào của chúng.

Bước sang tháng 8, tỉnh chọn miền trung huyện Hàm Tân làm trọng điểm. Để mở màn cho đợt hoạt động này, Ban quân sự tỉnh quyết định tập trung lực lượng đánh diệt chi khu quận lỵ Hàm Tân tại Tam Tân để hỗ trợ cho phong trào phá ấp chiến lược đồng thời cũng để rút kinh nghiệm về cách đánh công sự vững chắc ở vùng sâu, vùng thị trấn, thị xã cho các đơn vị chủ lực tỉnh.

Qua một thời gian kiên trì theo dõi, cùng với sự phục vụ có hiệu quả của cơ sở nội tuyến các cán bộ và chiến sĩ trinh sát được phái đi trước đã nắm vững địa hình và quy luật hoạt động của địch, chiều ngày 3-8-1962, từ căn cứ, các đơn vị 486, 481 và 489 dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Lê Văn Hiền-Bí thư Tỉnh ủy kiêm Trưởng ban quân sự bắt đầu hành quân qua Hàm Thạnh, Hàm Kiệm, vượt đường sắt và Quốc lộ 1A đến vị trí tập kết bí mật an toàn. Sau khi thống nhất phương án tác chiến trên sa bàn, đúng 20 giờ 45 phút ngày 4-8, quân ta bắt đầu nổ súng công kích chi khu. Ngay từ phút đầu, mũi chủ công do đồng chí Cao Ly chỉ huy đã nổ mìn và chiếm được lô cốt đầu cầu, đưa lực lượng phát triển vào trong. Tiếp theo, đồng chí Nguyễn Minh (Minh Hú), mũi trưởng mũi phối hợp cũng cho nổ quả mìn 15 kg đặt sẵn ở nhà lính và toàn mũi lập tức xung phong; tiếng mìn, thủ pháo, lựu đạn, tiểu liên, trung liên nổ đòn dã. Sau 28 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ chi khu và quận lỵ, diệt và bắn bị thương 136 tên, bắt sống

9 tên, gọi hàng 5 tên, thu 84 súng các loại (có cả đại liên và súng cối) và rất nhiều khí tài, quân trang quân dụng. Trước khi rút, ta để lại một trung đội do đồng chí Nguyễn Văn Lâu (Mười Lan) chỉ huy phục sẵn ngay trong khu quận lỵ sẵn sàng đánh diệt bọn địch tiếp viện.

Đúng như dự đoán của ta, lúc 5 giờ sáng ngày 5-8, tên Tam Bộ dẫn đầu toán biệt kích lừng sục ở xã Văn Mỹ đã mò về đến chi khu. Chúng đi rất chậm và rất thận trọng, đội hình thưa nhưng vẫn không thoát khỏi đòn trừng trị của ta. Khi toán đi đầu vừa lọt qua cổng đồn thì nhiều tên đã ngã gục dưới làn đạn tiểu liên và trung liên của các chiến sĩ thiện xạ, bọn phía sau cùng tên Tâm Bô tháo chạy thục mạng¹.

Trong lúc lực lượng của tỉnh đánh diệt chi khu quận lỵ Hàm Tân, thì lực lượng địa phương Hàm Tân do hai đồng chí Trần Việt Tân và Lê Minh Kinh chỉ huy phối hợp với các đội công tác đánh diệt trụ sở và đồn dân vệ xã Tân Hiệp, Văn Mỹ phá 13.580 mét rào ấp chiến lược, đánh sập hai cầu, phá banh các ấp chiến lược tại hai xã trên.

Sau thất bại đau đớn ở chi khu Hàm Tân, địch tung

1. Đài BBC của Anh lúc bảy giờ đã đưa tin thất bại của quân nguy Sài Gòn ở chi khu Tam Tân như sau: "Số phận các chi khu quân sự của chính quyền miền Nam ở đồng bằng ven biển miền Trung này cùng 6 chiếc máy thông tin hiện đại của Mỹ mới được trang bị cho đồn để báo động khi bị tiến công, nay đã không cánh mà bay trong một đêm mưa gió... chắc nó (6 máy thông tin) lại chỉ giúp cho quân giải phóng trong việc tiến công nhiều chi khu khác dễ dàng hơn".

một lực lượng khá lớn gồm: một tiểu đoàn quân biệt động, một tiểu đoàn cộng hòa và hai đại đội bảo an càn vào Xóm Xẩm, Xóm Biển, Hòn Một, Quán Thùng của xã giải phóng Kim Bình, xúc đi mất 600 dân và cướp rất nhiều tài sản.

Quyết trừng trị bọn này, đêm ngày 10-8, Đại đội 480 của thị xã Phan Thiết chặn đánh một cánh quân của chúng trên đường rút, diệt và bắt bị thương 60 tên, bắt cháy một xe Jeep, hỏng một xe bọc thép. Cũng ngay trong đêm, một bộ phận của Đại đội 460 Hàm Tân phối hợp với du kích xã Văn Mỹ bao vây bót gác đèn ở Mũi Kê Gà, kết hợp với cơ sở bên trong kêu gọi cả tiểu đội dân vệ đầu hàng và thu năm súng.

Trong thời gian ta đang tập trung lực lượng đánh diệt chi khu Hàm Tân thì cuộc hành quân "Sơn Dương 1" của địch cũng bắt đầu vào ngày 04-8-1962. Chúng tập trung đại bộ phận lực lượng của Trung đoàn 44 nguy, một tiểu đoàn thủy quân lục chiến, ba đại đội vừa pháo binh, cơ giới và công binh, có máy bay yểm trợ càn vào vùng giáp ranh, giữa Hàm Thạnh và vùng căn cứ. Đến ngày 07-8, chúng lại cho 2 đại đội bảo an càn vào khu vực Bàu Thiêu.

Quyết giữ vững vùng giải phóng và vùng căn cứ, các đơn vị từ cơ quan quân sự (đơn vị 400) đến các đơn vị 430 Hàm Thuận, Đặc công 481 của tỉnh, bộ đội địa phương 420 Tánh Linh liên tục chống càn, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Riêng một trung đội của Đại đội 486 trong 10 ngày (từ 10 đến 20-8) đã đánh 14 trận, diệt và bắt bị thương hơn 100 tên địch (có một tên cố vấn Mỹ).

Lúc này ở Hòa Đa, đơn vị 440 phối hợp với đội công tác phát động quần chúng phá banh ấp chiến lược Tré – Bá Ghe ở xã Gia Hòa. Sau đó, đơn vị 440 tiếp tục vũ trang tuyên truyền vào các ấp Xuân Quang, Châu Hanh và Thanh Khiết. Bộ đội địa phương Phan Lý phối hợp với đội công tác tập kích vào hai ấp chiến lược Vĩnh Sơn và Vĩnh Hải, cơ sở nội tuyến của ta trong lực lượng dân vệ là hai anh Nguyễn Thanh Ánh và Nguyễn Trung (Mạnh) phối hợp nổi dậy diệt địch, thu vũ khí. Có sáu dân vệ xin tham gia kháng chiến.

Đại đội 489 (thiếu) và đơn vị 450 Thuận Phong đột nhập vào ấp Long Phú tuyên truyền và đưa 250 đồng bào cùng toàn bộ tài sản ở đây về đất cũ, đồng thời đánh bại một trung đội biệt kích của quận Thiện Giáo đến giải tỏa. Sau đó, đơn vị 450 Thuận Phong thọc thẳng xuống Long Phú, Phú Hải bắt và diệt bọn ác ôn, phá một số đoạn rào ấp chiến lược ở khu vực này.

Hồng đẫy ta vào thế bị động, ngày 21-8, địch tiếp tục mở cuộc hành quân Sơn Dương 2 tràn vào vùng căn cứ và vùng giáp ranh. Ngày 28-8, một cánh quân địch tràn vào Hàm Thạnh. Ngày 23-8, một cánh quân khác, có cả cơ giới, tràn từ Giồng Thầy Ba đến Bàu Sen, Bàu Me, Bàu Gũ, Bàu Điền vào Nhơn Thiện và đến ngày 28-8 thì thọc ra Giếng Xó. Đi đến đâu, chúng xức hết dân và tài sản ở đó. Đồng bào đấu tranh chống lại quyết liệt nhưng dựa vào lực lượng đông, chúng vẫn cứ xức bừa đồng bào đi. Riêng cánh quân tràn từ Ma Lâm trở lên, chúng đã xức hết dân vùng này về các ấp chiến lược.

Ở Hàm Tân, chúng đưa quân đến chiếm lại ấp Cây

Giăng rồi gom hết dân ở Văn Mỹ vào đây lập thành ấp chiến lược.

Phía Hòa Đa, Phan Lý chúng cho 1 tiểu đoàn càn vào khu vực Bá Ghe.

Ở Phan Thiết và vùng ven, chúng bắt dân củng cố vành đai các ấp chiến lược Tường Phong, Phú Hội và Đại Năm.

Đến đầu tháng 9-1962, chúng tiếp tục tăng quân, có lúc lên đến 2 trung đoàn (thuộc Sư đoàn 23 ngụy) kết hợp với quân địa phương và huy động cả máy bay, xe cơ giới yểm trợ liên tiếp càn vào các vùng Hàm Thạnh, Đăng Gia, Ara, Xa Lôn, Nhơn Thiện và Thiện Nghiệp; đồng thời, địch tung lực lượng biệt kích từng trung đội, đại đội vào các vùng giáp ranh, vùng tranh chấp để chà đi, xát lại nhiều lần hùng dũng lực lượng vũ trang ta ra xa bàn đạp, để tiếp tục xúc dân lập ấp chiến lược như ở Tam Giác, Kim Bình, Long Phú, Hàm Phú, Hàm Trí, Bá Ghe và Mã Lãng, v.v.. Chúng tiếp tục lập các vành đai ở Tam Giác, cho sửa lại liên tỉnh lộ 8 (quốc lộ 28) và một số đường giao thông khác, cấm thêm chốt giữ ấp chiến lược.

Trước tình hình đó, các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh, huyện tạm thời phân tán hoạt động, vừa củng cố xây dựng, vừa chống càn bảo vệ căn cứ, đồng thời cử một số cán bộ, chiến sĩ xuống phối hợp với các đội công tác, với các đồng chí cán bộ huyện kiên cường bám trụ ở những vùng sâu tiếp tục móc nối cơ sở, xây dựng lực lượng vũ trang mật trong các ấp chiến lược.

Đầu tháng 11, Đại đội 486 tổ chức phục kích trên đường sắt ở khu vực Râm Tối (phía nam ga Mường Mán) đánh đoàn tàu quân sự của địch, diệt một trung đội bảo an hỏa xa, bắt sống 16 tên, thu 20 súng các loại và nhiều lương thực, thực phẩm.

Như vậy, cuộc chiến đấu của quân dân Bình Thuận đã bước vào thời kỳ giằng co quyết liệt, chống địch càn quét gom dân lập ấp chiến lược khắp toàn tỉnh. Sau một năm chiến đấu, ta đã đánh 365 trận lớn nhỏ (tiêu biểu là trận đánh diệt chi khu Tam Tân - Hàm Tân), diệt 1.219 tên địch, làm tan rã 400 tên, diệt 4 đại đội bảo an và 3 trung đội dân vệ, thu 206 súng các loại, đánh hỏng tám đầu máy và đoàn tàu quân sự, phá banh 5 ấp chiến lược trong năm xã, giải phóng trên 5.000 dân, phá 58.000 mét rào trong 23 ấp chiến lược, phát động phong trào quần chúng trong 26 ấp của 27 xã và 9 phường của thị xã.

Địch tuy bị tiêu hao một số sinh lực nhưng chúng cũng xúc được gần 9.000 dân ở vùng giải phóng đồng bằng về các ấp chiến lược. Đến năm 1962, ta chỉ còn giữ được một số vùng, làm chủ ở 13 xã đó là: 4 xã miền núi của huyện Di Linh, 2 xã miền núi của huyện Tân Linh, một số lổm của hai xã Hàm Phú và Hàm Trí, 3 xã là Hàm Thạnh, Hàm Cần và Đăng Gia, 4 thôn của xã Văn Mỹ, 2 thôn của xã Thiện Nghiệp và 2 thôn của xã Nhơn Thiện. Trừ các xã miền núi, các thôn làm chủ ở đồng bằng, ta cũng chỉ còn giữ được 9.000 dân. Đặc biệt, đời sống nhân dân ở vùng căn cứ rất khó khăn, nhiều gia đình bị đói.

Thực tiễn đó đòi hỏi lực lượng vũ trang ta phải đánh

có hiệu quả hơn nữa, đánh đau, đánh trúng vào các mục tiêu quan trọng và lực lượng chủ chốt của địch để hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá banh các ấp chiến lược, làm thất bại kế hoạch Stalay – Taylor của chúng trên chiến trường.

IV. Kiên cường bám trụ, chống, phá “quốc sách ấp chiến lược” của địch

“Kế hoạch bình định 18 tháng” của địch trên toàn chiến trường miền Nam đã kết thúc vào cuối năm 1962 (từ tháng 7-1961 đến tháng 12-1962) mà không hề đem lại kết quả như chúng dự định. Bước vào năm 1963, chúng quyết định lao sâu hơn nữa vào cuộc chiến bằng một kế hoạch chiến lược mới mệnh danh là “Kế hoạch tổng tiến công” do Bộ Tư lệnh MACV vạch ra, giao cho Bộ Tổng tham mưu nguy cụ thể hóa và bắt đầu đưa ra thực hiện từ tháng 2-1963. Mục tiêu của “Kế hoạch tổng tiến công” là huy động toàn bộ lực lượng và phương tiện của bộ máy chiến tranh bao gồm: Quân đội, cảnh sát, bộ máy kìm xã, ấp, hoạt động dài ngày, toàn diện nhằm “bình định cho được nông thôn, tiêu diệt toàn bộ tổ chức quân sự, chính trị của cộng sản, kiểm soát toàn bộ lãnh thổ Việt Nam cộng hòa”. Trong các khu vực mà chúng cho là “phải ưu tiên mở hành quân tiêu diệt lực lượng vũ trang, phá căn cứ, làm tê liệt hệ thống giao liên”, có khu vực thuộc vùng căn cứ của Bình Thuận đó là Ara, Xa Lôn, tỉnh Bình Tuy (của địch) khu vực Núi Ông cũng nằm trong danh sách các tỉnh ưu tiên hành quân tìm diệt và lập ấp chiến lược ở phía bắc Sài Gòn.

Thực thi kế hoạch đó, bọn địch ở Bình Thuận và

Bình Tuy đã huy động toàn bộ lực lượng địa phương kết hợp lực lượng trên chi viện tiếp tục kéo dài cuộc càn Sơn Dương 2 rồi mở tiếp cuộc càn Bình Lâm 1 liên tiếp đánh vào các vùng căn cứ, chà đi xát lại vùng “xôi đồ” ở đồng bằng làm cho cuộc chiến đấu của quân dân ta vô cùng căng thẳng và phức tạp. Nhiều đơn vị đã thiếu hụt quân số, đói cơm, lạt muối, cứ mỗi lần đột áp để thu mua lương thực là có cán bộ, chiến sĩ đổ máu, hy sinh. Toàn bộ vùng đồng bằng và vùng ven Phan Thiết đều là vành đai áp chiến lược¹.

Để đối phó lại âm mưu mới của địch, từ tháng 12-1962, Tỉnh ủy Bình Thuận đã họp để kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm và đề ra chủ trương mới. Ngoài nhiệm vụ xây dựng Đảng, củng cố tỉnh, huyện, xây dựng và củng cố thôn xã, Tỉnh ủy còn đề ra chủ trương về hoạt động quân sự rất cụ thể: “...Phải kiên cường bám trụ, ra sức phát triển phong trào du kích chiến tranh vùng căn cứ, vùng làm chủ, vùng tranh chấp. Đẩy mạnh hoạt động của các lực lượng vũ trang, bán vũ trang nhằm bảo vệ căn cứ, các xã làm chủ và các xã giải phóng, hỗ trợ cho phong trào chính trị chống, phá áp chiến lược; đánh tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta”. Về phương châm và tư tưởng chỉ đạo tác chiến, Nghị quyết cũng chỉ rõ: “...Đánh nhỏ ăn chắc, đánh nhanh diệt gọn, thọc sâu vùng sau lưng địch, đánh có chuẩn bị, đánh có điểm, có diện, tích cực chống càn quét lấn chiếm,

1. Đến giữa năm 1963, toàn bộ tỉnh Bình Thuận (không có Bình Tuy), địch đã làm xong 48 khu và 159 ấp chiến lược gồm 3 loại: loại thông thường, loại có công sự và loại có đồn bót xung quanh do quân cộng hòa khác bảo an canh giữ.

chống đột kích, đồng thời đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng phá áp chiến lược của địch. Riêng lực lượng vũ trang phải tích cực phá hoại, đánh giao thông, đánh các đồn nhỏ khi có điều kiện và ăn chắc, sử dụng các hình thức tác chiến linh hoạt, chủ yếu phục kích và tiêu diệt địch ngoài công sự. Trên cơ sở đó, củng cố, bồi dưỡng và phát triển lực lượng ta, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, mở rộng vùng căn cứ, vùng giải phóng, xây dựng và phát triển du kích chiến tranh, xây dựng củng cố xã chiến đấu tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, mở rộng cơ sở, phát triển du kích vùng bị kìm và vùng thị trấn, thị xã.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, mặc dù trong điều kiện vô cùng khó khăn, địch vừa đánh phá liên tục, ác liệt vừa bao vây kinh tế, tình hình thiếu ăn, lạt muối ở vùng căn cứ vùng giải phóng kéo dài, nhưng các lực lượng vũ trang ta vẫn khắc phục khó khăn kiên cường bám trụ và đánh địch.

Ở vùng căn cứ, lực lượng vũ trang tỉnh cùng với các cơ quan (Tỉnh ủy, cơ quan quân sự 400), các đơn vị địa phương như 410 và 420, nhà trường, xưởng công binh Cao Thắng và du kích liên tục chống càn, đánh bại cuộc hành quân Sơn Dương 2 của địch, diệt hơn 200 tên, bảo vệ được dân, bảo vệ an toàn khu căn cứ. Đồng thời ta tổ chức lực lượng (có hàng ngàn người tham gia) xuống đồng bằng lấy muối để giải quyết khó khăn trước mắt và dự trữ được một lượng tương đối khá.

Ở đồng bằng, các đơn vị bộ đội địa phương huyện, các đội công tác và dân quân du kích ngày đêm bám sát

các vành đai, đánh tiêu hao bọn địch đi lũng sục. Mặt khác, ta tổ chức đột nhập vào các ấp chiến lược tuyên truyền phát động quần chúng, diệt bọn ác ôn.

Với tinh thần bám trụ kiên cường, từ tháng 3-1963 trở đi, các đơn vị chủ lực tỉnh phối hợp với lực lượng địa phương đã đánh một số trận gây “thối động” địch trên các địa bàn.

Trận Núi Rễ

Sau năm ngày cải trang, giả dạng, lúc ngời hầm bí mật, ngoài lán trống, khi làm người chăn bò để nghiên cứu kỹ địa hình khu vực Bàu Sen và quy luật hoạt động của địch trên Quốc lộ 1A, thừa hưởng kinh nghiệm của trận đánh năm xưa ở khu vực này khi còn là Tiểu đội phó thuộc Trung đội 3 của Đại đội Quang Trung thời chống Pháp, đồng chí Nguyễn Hữu Lai (Mười Lai) trợ lý tác chiến đã đề xuất phương án tác chiến cho trận phục kích giao thông lần này tại khu vực Núi Rễ bằng hình thức “độn thổ”¹ kết hợp với bố trí chông mìn để tiêu diệt địch. Phương án được cấp trên chấp nhận.

Đêm ngày 29-3-1963, dưới sự chỉ huy của hai đồng chí Nguyễn Thanh Đức và Nguyễn Lâu (Mười Lan), toàn bộ lực lượng gồm: Đại đội 486, Đại đội 489 (thiếu) và đơn vị 440 tiến vào vị trí được phân công đào công sự. Trận địa “độn thổ” trải dài theo cua Bàu Sen gần sát Quốc lộ 1A (cây số 30 hướng từ Phan Thiết ra) đủ sức

1. Độn thổ là đào hầm bí mật giấu lực lượng dưới mặt đất ngay sát trận địa. Khi có lệnh nổ súng, mọi người bật nắp hầm và xông lên xung phong.

gói gọn đội hình xe từ năm đến bảy chiếc. Phía tây Quốc lộ 1A, ta bố trí một bãi chông mìn dày đặc và nguy trang phù hợp với màu cỏ cháy. Riêng đơn vị 440 được bố trí chặn địch tiếp viện phía Sông Lũy.

Sáng ngày 30-3, toàn bộ hoạt động trên Quốc lộ 1A vẫn bình thường, xe cộ lưu thông như mọi ngày. Hai trung đội địch mở đường cũng vượt qua. Đến 10 giờ 30 phút, một đoàn xe gồm ba chiếc GMC có kéo theo rơ moóc chở đầy lính từ Phan Thiết ra đối quân cho Tuy Phong. Toàn bộ đội hình xe vừa lọt vào “quyết chiến điểm”, tổ chặn đầu lập tức nổ mìn. Quả mìn DH 10 nổ hát chiếc xe đi đầu đâm vào vệ đường. Số lính còn sống sót trên xe và hai xe sau vội nhảy xuống đất và nằm ngay trên mặt đường chống trả. Nhưng không kịp, ngay sau tiếng mìn nổ, các chiến sĩ ta đã từ trong lòng đất bật dậy xung phong và nhả đạn vào đội hình chúng đang rối loạn. Bọn lính ngã gục chồng chất lên nhau. Những tên còn lại tháo chạy về phía Núi Ách nhưng liền bị trận địa chông mìn ghìm chân lại làm môi cho hỏa lực súng cối và đại liên của quân ta. Sau 15 phút chiến đấu ta đã làm chủ trận địa, diệt tại chỗ 110 tên, bắt sống 30 tên, thu 160 súng các loại (có hai súng cối, hai đại liên, 10 trung liên) và rất nhiều chiến lợi phẩm khác.

Trận đánh bất ngờ diễn ra giữa ban ngày ngay trên trục lộ chính nên đã làm ách tắc giao thông rất lớn. Ở hai đầu trận địa, nào xe hành khách, xe vận tải, xe lam, xe đạp và xe gắn máy, v.v. dừng lại nối đuôi nhau hàng trăm chiếc. Lúc đầu nghe súng nổ, họ còn hoảng sợ, kẻ trốn trên thùng xe, người chui xuống gầm xe để tránh

đạn. Nhưng khi tận mắt nhìn thấy quân ta dũng mãnh truy đuổi theo quân địch thì họ lại ra khỏi thùng xe, kẻ trên mui, người dưới đường vỗ tay hoan hô quân giải phóng.

Kết thúc trận đánh, ta phân phát truyền đơn cách mạng cho những hành khách đi đường và dùng hai xe GMC thu được chở toàn bộ chiến lợi phẩm vào rừng, sau đó dân công chuyển tiếp về căn cứ.

Được tin đoàn xe chở quân bị ta tiêu diệt, tên trung tá Nguyễn Quốc Hoàng tiểu khu trưởng Bình Thuận lỏng lẻo xua quân lên giải tỏa và cho hai máy bay lên quần đảo, gầm rú, oanh tạc, xung quanh khu vực vừa xảy ra trận đánh, nhưng lúc đó (15 giờ cùng ngày) trận địa vắng tanh, chỉ còn trơ lại xác xe và xác những tên lính ngụy đã dền tội.

Cay cú trước thất bại thảm hại, 2 ngày sau (1-4) chúng mở cuộc càn lớn vào xã Hồng Liêm để trả đũa. Ngay ngày đầu, Đại đội 440 và Đại đội 450 cùng dân quân du kích liên tục bám đánh diệt và làm bị thương nhiều tên. Ta tiếp tục truy đuổi xuống tận Bàu Sen.

Phát huy thắng lợi, trong tháng 4-1963, Đại đội 486 và Đại đội 489 đã hai lần tiến công đồn Long Phú (Gộp), diệt 70 tên địch, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy đấu tranh đòi về làng cũ.

Tiếp đến, ngày 5-6-1963, Đại đội 486 phối hợp với Đại đội 430 Hàm Thuận tiến công đồn Bình Lâm ngay giữa ban ngày và truy đuổi Đại đội biệt kích Chăm của quận Thiện Giáo từ Bình Lâm đến Tân Nông, diệt một

số tên và bắt sống 8 tên.

Phối hợp với bộ đội, các đội vũ trang công tác đột vào các ấp chiến lược Tân Điền, Bình Lâm, Bình An, Lại An, Kim Ngọc và Văn Phong, phát động quần chúng, truy bắt bọn ác ôn làm cho bộ máy kìm của địch ở các ấp rệu rã.

Trận diệt xe “nồi đồng”

Xe “nồi đồng” hay còn gọi là “Bù lu Mã Lai” là tên do đồng bào và chiến sĩ ta ở Bình Thuận đặt cho một loại xe cơ giới chiến đấu của địch. Thực chất nó là loại xe bọc thép bánh hơi, có tên gọi là “Vítkham” do Anh chế tạo rồi đưa sang Malaixia để đàn áp phong trào du kích chiến tranh ở nước này. Khi đưa sang Việt Nam thì “Vítkham” được Mỹ cải tiến lại bằng cách tháo bánh hơi ra, lắp bánh sắt vào và cho chạy trên đường ray xe lửa. Đội hình chúng thường sử dụng là ba chiếc, mỗi chiếc chạy cách nhau một trăm mét để tuần tra phía trước của đoàn tàu vận tải quân sự. Lực lượng trên mỗi xe có sáu tên lính và trang bị một đại liên, một trung liên và đầy đủ các loại tiểu liên, súng trường, súng ngắn, lựu đạn cùng với hàng ngàn viên đạn. Có trang bị mạnh, sức cơ động nhanh nên xe “nồi đồng” đã gây khó khăn cho ta. Trong năm 1962, lực lượng vũ trang tỉnh đã đánh hai lần, nhưng chưa lần nào diệt gọn được cả tốp (ba chiếc) nên chúng rất chủ quan và tiếp tục tác oai, tác quái.

Không để cho bọn này làm mưa làm gió mãi trên đoạn đường sắt xuyên qua địa phương, Ban quân sự tỉnh

quyết định tập trung lực lượng và tìm cách đánh diệt cho được cả tốp (3 chiếc) để bẻ gãy chiến thuật xe “nồi đồng” của chúng.

Sau một thời gian nghiên cứu nắm vững quy luật hoạt động của địch và rút kinh nghiệm của hai lần đánh trước, đêm 21-6-1963, ta quyết định mở trận đánh. Các đơn vị tham gia gồm: Đại đội 486, Đại đội 489, Đại đội 481, Trung đội công binh, Trường quân sự và Binh công xưởng Cao Thắng cùng 500 dân công của xã Hàm Thạnh do đồng chí Phạm Hoài Chương-Phó ban quân sự tỉnh trực tiếp chỉ huy tiến vào vị trí. Trận địa phục kích được bố trí dọc theo đường sắt tại khu vực Suối Lạnh. Quả mìn chặn đầu cũng là tiếng nổ phát lệnh cho toàn bộ trận đánh được giao cho đồng chí Tự (cán bộ của xưởng Cao Thắng) phụ trách. Khẩu ĐKZ57-hỏa lực duy nhất để đánh xe bọc thép do đồng chí Hai Lành chỉ huy. 500 dân công được bố trí từ phía sau sẵn sàng làm nhiệm vụ.

Đúng 8 giờ 30 phút ngày 22-6-1963, giữa lúc trận địa đang im lặng thì bỗng đài quan sát báo tin “có một đoàn tàu quân sự do ba xe “nồi đồng” dẫn đầu từ hướng Sài Gòn ra đến gần trận địa”. Chúng chạy rất nhanh. Mọi người vừa nhận được lệnh sẵn sàng chiến đấu thì chiếc “nồi đồng” đi đầu đã lù lù ngay trước mặt. Nắm vững thời cơ, khi nó vừa đến tầm nguy hiểm, đồng chí Tự lập tức điểm hỏa. Một búng khói bốc lên bao trùm lấy chiếc “nồi đồng” đi đầu, tiếp theo là tiếng nổ long trời dậy đất vang động khắp núi rừng. Chiếc xe “nồi đồng” đã bị diệt, nhưng theo quán tính nó vẫn cứ lao về phía trước cho đến hết đà. Thấy chiếc thứ nhất vẫn

chạy, tên lái chiếc thứ hai tưởng không có việc gì xảy ra nên tiếp tục cho xe tiến tới. Nhưng không ngờ, đến đoạn đường sắt bị mìn phá thì xe trượt bánh và nằm yên tại chỗ. Chớp thời cơ, đồng chí Hai Lãnh cho bắn liền hai phát ĐKZ trúng đích. Chiếc “nồi đồng” thứ hai biến thành cái “quan tài thép”. Chiếc thứ ba không dám tiến lên, nhưng cũng không còn đường lui lại, vì phía sau là tàu quân sự đang âm ầm lao tới. Nó đành phải dừng lại tại chỗ và dùng hỏa lực trên xe đan thành lưới xung quanh để tự bảo vệ, nhưng vô hiệu, bởi nó cũng đã trúng đạn ĐKZ của quân ta. Hốt hoảng trước cảnh tượng hãi hùng, tên lái đoàn tàu quân sự hãm tàu lại rồi trốn mất. Giữa lúc đó, tiếng hô xung phong của ta vang rền như sấm dậy, nhưng khi các chiến sĩ ta nhảy lên tàu thì bọn lính áp tải đã trốn hết. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa, phá hủy ba xe “nồi đồng”, diệt toàn bộ bọn lính trên các xe, đốt cháy một đầu máy của đoàn tàu quân sự, thu 18 súng (có ba đại liên) và rất nhiều lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm các loại.

Với trận đánh này, ta đã loại được chiến thuật xe “nồi đồng” của địch, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng vùng Tam Giác phát triển lên một bước mới. Và cũng từ đó, xe bọc thép kiểu “Vítkham” đã vắng bóng trên chiến trường Bình Thuận.

Để hoạt động vũ trang có hiệu quả hơn nữa, cuối tháng 6-1963, Tỉnh ủy đã họp kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ 6 tháng cuối năm, đồng thời phát động phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết

giặc lập công”¹

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các đơn vị lực lượng vũ trang từ tỉnh, huyện, các đội vũ trang công tác, đến dân quân du kích các xã đều tập trung học tập chỉ thị, nghị quyết của Khu ủy, Tỉnh ủy và những kinh nghiệm chống, phá bình định.

Cũng trong thời gian này, theo quyết định của Bộ Tư lệnh Quân khu 6, Ban quân sự Bình Thuận đổi thành Tỉnh đội Bình Thuận. Ban chỉ huy Tỉnh đội gồm các đồng chí: Lê Đình Nguyên làm Tỉnh đội trưởng, Lê Văn Hiền-Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội, đồng chí Phạm Hoài Chương làm Chủ nhiệm chính trị, đồng chí Nguyễn Cang (Đảng) làm Tham mưu trưởng và đồng chí Nguyễn Thanh Đức làm Chủ nhiệm hậu cần.

Nhằm hưởng ứng phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội chủ trương mở một đợt hoạt động ở đông Tánh Linh từ trung tuần tháng 7 đến đầu tháng 8-1963, lấy khu

1. Ấp Bắc là một ấp nhỏ thuộc xã Tân Phú quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho cách thị xã Mỹ Tho 20 Km. Được tin có một đơn vị vũ trang cách mạng về đóng quân tại ấp, Mỹ-ngụy liền huy động lực lượng có máy bay, xe lội nước, pháo binh chi viện can vào Ấp Bắc để tiêu diệt đơn vị này của ta. Trận đánh kéo dài từ 5 giờ đến 17 giờ ngày 02-1-1963. Địch tấn công 5 đợt, nhưng đều bị quân ta bẻ gãy, buộc chúng phải bỏ cuộc càn. Kết quả ta đã diệt và làm bị thương 450 tên (có 19 tên Mỹ), bắn hỏng 7 máy bay lên thẳng, 3 xe bọc thép M113 và 1 tàu. Đấy lùi cuộc càn quét của địch.

Từ đó, một phong trào thi đua mới xuất hiện, phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công” được Trung ương và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng miền Nam phát động rộng rãi trong toàn quân và toàn dân trên chiến trường miền Nam.

vực từ sông Phan đến Gia Huynh làm điểm. Lực lượng tham gia gồm: Đại đội 486, Đại đội 489, bộ đội địa phương huyện và các đội vũ trang công tác.

Mở màn cho đợt hoạt động, đêm 11-7-1963, Đại đội 489 đột vào ấp Suối Kiết, diệt trung đội biệt động của địch và phá ấp.

Được tin ấp Suối kiết bị ta phá và làm chủ, bọn địch ở chi khu Tánh Linh dùng xe chở một đại đội bảo an xuống giải tỏa. Bọn này vừa đến khu vực Cây Cày (cách ấp Quang Hà 3 km về phía nam) thì gặp Đại đội 486 (do đồng chí Tham mưu trưởng Tỉnh đội Nguyễn Cang trực tiếp chỉ huy) đang phục kích ở khu vực này chặn đánh, đốt cháy 3 xe quân sự, diệt và làm bị thương toàn bộ quân địch, thu nhiều vũ khí và đạn dược (có hai M79). Trong số bị diệt tại chỗ có tên thiếu tá Nguyễn Văn Hải, Quận trưởng kiêm Chi khu trưởng Tánh Linh. Các ấp chiến lược Sông Phan, Sông Dinh, Gia Huynh, Bà Tá và Đá Mài... liên tục bị ta uy hiếp.

Phối hợp với điểm, các địa phương đã liên tục hoạt động gây cho địch nhiều tổn thất.

Ở Tam Giác (Hàm Thuận), lực lượng vũ trang và các đội công tác đã phá lỏng một số ấp, làm sạt lở từng mảng vành đai, tạo điều kiện cho dân bung về làng cũ làm ăn.

Ở Hàm Tân, Đại đội 460 liên tục phá ấp chiến lược Tam Tân (ấp kiểu mẫu của địch), đồng thời cổ vũ tuyên truyền vào các ấp Cây Găng (Văn Mỹ), cửa Cạn, Dinh Bà, Dinh Cậu và Xóm Rẫy.

Ở Phan Thiết, các đội vũ trang công tác vào phát động quần chúng phá các ấp Phú Hưng, Phú Khánh và Phú Mỹ.

Ở Hòa Đa, Phan Lý và Thuận Phong, các Đại đội 440 và 450 cùng 470 phối hợp với các đội công tác vào các ấp Bàu Ốc, Tà Nung, Hòa Vinh, Hòa Tân, Rạng, Giồng Thầy Ba, Gộp, Cà Lon, Bá Ghe, Gia Hòa, Long Hương và Vĩnh Hảo vũ trang tuyên truyền.

Tuy nhiên, các trận đánh vào ấp của ta lúc này cũng chưa có trận nào đánh diệt gọn bọn địch, vì vậy bọn này bị đánh bỏ chạy thì bọn khác lại đến thay làm chỗ dựa cho lũ tề ấp ác ôn bắt dân củng cố lại ấp.

Rút kinh nghiệm, ngày 27-7-1963, Đại đội 440 phối hợp với Đại đội 450 chia thành hai mũi đột kích vào ấp Hòa Vinh, đánh tan một trung đội thuộc Đại đội bảo an 433 của địch. Tuy chỉ diệt được có hai tên, bắn bị thương ba tên và thu năm súng, nhưng trận đánh đã làm cho bọn bảo an, dân vệ ở các ấp lân cận phải co lại và ban đêm ra nằm ngoài ấp để tránh lánh.

Từ đó, ta liên tục bóm sát ấp, bóm sát đường, vây ép và bắn tỉa bọn đi lùng sục bên ngoài. Ở một số nơi như Hồng Sơn, khu vực Tam Giác và Văn Mỹ liên tục xảy ra nhiều trận đánh nhỏ lẻ gây cho địch nhiều thiệt hại, làm cho chúng không dám hung hăng như trước.

Những hoạt động quân sự của lực lượng vũ trang cùng với các cuộc nổi dậy liên tục phá ấp chiến lược của đồng bào vùng ven và vùng nông thôn đã có tác dụng thức tỉnh nhân dân trong vùng sâu, trong các tôn giáo.

Cầm thù trước những hành động dã man của ngụy quyền khủng bố Phật giáo, ngày 4-8-1963, hòa thượng Huỳnh Văn Lễ với pháp danh là Thích Minh Hương đã tự thiêu ngay trước cổng tỉnh đường Bình Thuận để phản đối. Được tin hòa thượng Thích Minh Hương tự thiêu, hàng ngàn phật tử, học sinh, các giáo chức và các tầng lớp lao động trong thị xã Phan Thiết đã rầm rộ kéo đến dinh tỉnh trưởng đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, tự do dân chủ, chống khủng bố, làm cho địch rất bối rối.

Nhằm tiếp tục cắt đứt giao thông đường sắt, mở rộng vùng căn cứ nối liền với đồng bằng, xã liên xã, huyện liên huyện, bảo vệ hành lang Nam-Bắc của tỉnh và tạo thuận lợi cho vùng Tam Giác tiếp tục phá áp chiến lược, Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết định tập trung lực lượng tiếp tục đánh diệt các đoàn tàu quân sự của địch, thường xuyên khống chế đoạn đường sắt từ ga Long Thành đến Suối Kiết.

Khác với đầu năm, từ khi ta loại các xe bọc thép Vítkham bị loại ra khỏi vòng chiến (tháng 6-1963) thì địch sử dụng trở lại loại xe lửa có các toa bọc thép (Vagonescorte) với cái tên là "Raphanô" để hộ tống các đoàn tàu quân sự¹.

1. Trong cuộc kháng chiến 9 năm, thực dân pháp cho ra đời "Raphanô" để tuần tra trên đường sắt. Xe có khoảng từ 3 đến 4 toa, có lúc đến 6 toa nên bộ đội ta thường gọi là "xe lửa một". Ngoài lực lượng chiến đấu ở từng toa bọc thép, trên xe còn có 1 trung đội vệ binh để bất ngờ đổ quân phục kích các đường mòn qua lại đường sắt. Với thủ đoạn đó, chúng đã gây không biết bao nhiêu tai vạ cho cán bộ, bộ đội và nhân dân trong vùng kháng chiến thường hay qua lại đường sắt. Các chiến sĩ của Trung đoàn 812 năm xưa cũng đã nhiều lần chặn đánh bọn này

(xem tiếp trang sau)

Thực hiện nhiệm vụ trên giao, những cán bộ chỉ huy chủ chốt của các đơn vị tham gia trận đánh, vốn là cán bộ, chiến sĩ cũ của Trung đoàn 812 trước đây đã từng chạm trán với "Raphanô", không khỏi băn khoăn suy nghĩ: Không thể không đánh, vì nếu không đánh thì không còn có khả năng tác chiến trên đường sắt nữa, nhưng nếu đánh thì đánh bằng cách nào cho chắc thắng. Bỡi trang bị của ta lúc này cũng chỉ có mìn tự tạo ĐH10 và ĐKZ57, còn địch thì trên mỗi toa xe bọc thép, chúng trang bị đến hai đại liên, sáu trung liên, một súng cối 60, tiểu liên, súng trường và súng ngắn. Ngoài ra, có hai toa còn trang bị thêm một ca nông Bôfo 40 ly, 2 trọng liên 12,7 ly và cối 81 ly. Mỗi toa là một ổ đề kháng có khả năng chiến đấu độc lập, chống trả bốn mặt, ngăn chặn đối phương tiếp cận, đẩy lùi các đợt xung kích và có thể chi viện đắc lực cho nhau. Thành xe, đạn ĐKZ 57 không xuyên qua được và đáy xe thì mìn DH 10 thổi cũng không thủng! Những băn khoăn suy nghĩ đó, chính là đề tài khoa học quân sự cần được nghiên cứu.

Sau khi quan sát kỹ và tính toán chi ly những thiết bị phòng thủ của địch trên mỗi toa bọc thép, mọi người đều nhận thấy: Mặt nóc toa là nơi thiết bị yếu nhất (vỏ thép mỏng và cũng không có bê tông cốt thép bên trong). Điều kiện đó cho phép ta kết luận: muốn diệt được toa

(tiếp theo trang trước) —————

nhưng chưa có kết quả, bởi trang bị của ta lúc bấy giờ còn quá thô sơ, mà thiết bị phòng thủ trên mỗi toa bọc thép của địch rất kiên cố. Ngoài vỏ thép dày ở dưới đáy và xung quanh, bên trong còn có 1 lớp bê tông rất chắc, không một loại vũ khí nào của ta lúc đó có thể phá hủy được. Vì vậy, suốt một thời gian dài "xe lửa một" là bất khả xâm phạm.

bọc thép thì phải dùng bộc phá hoặc mìn DH 10 để đục chụp từ trên nóc (đánh theo kiểu “thiên lôi gián hạ”). Còn địa điểm phục kích phải là nơi có thành taluy cao hơn hoặc ngang với mặt nóc toa. Từ đó một phương án tác chiến đã hình thành và được cấp trên phê duyệt với sự nhất trí cao.

Trận địa phục kích được chọn là khu vực nằm dọc theo quãng đường sắt từ ga Suối Vắn đến ga Sông Phan (nơi có thành taluy cao gần 3 mét và dài gần 100 mét, cách ga Suối Vắn 4 km về hướng tây). Để đảm bảo đánh chắc thắng và không sợ địch dùng máy bay chi viện, ta có đủ thời gian làm chủ chiến trường thu chiến lợi phẩm, thời gian nổ súng được quy định vào buổi chiều (lúc tàu từ ga Mương Mán về lại Sài Gòn).

Qua một thời gian hết sức khẩn trương luyện tập theo phương án, đúng 12 giờ trưa ngày 30-10-1963, các đơn vị tham gia gồm: Đại đội 486, Đại đội 481, Đại đội 489, Phân đội công binh, Phân đội DKZ 57, Xưởng quân giới Cao Thắng và dân công do hai đồng chí Phạm Hoài Chương và Nguyễn Cang (Đảng) chỉ huy đã có mặt tại trận địa theo vị trí được phân công.

Lúc này, trên đường sắt đã có bốn đoàn tàu chở hàng và hành khách nối đuôi nhau chạy từ ga Sài Gòn ra Mương Mán. Trên bầu trời, có một máy bay L19 và hai máy bay khu trục hộ tống, sau cùng là “Xe lửa một” đuổi theo.

Đến 14 giờ cùng ngày, khi các đoàn tàu chở hàng và hành khách từ Mương Mán về Sài Gòn đã lướt qua khỏi

ng 5 phút, thì chiếc “Xe lửa một” cũng vừa lọt
chiến điểm”. Ngay lập tức, đồng chí Tự cán bộ
Đao Thắng điểm hỏa. Quả mìn DH 10 nổ làm
ường ray và gây thiệt hại toa bọc thép thứ
àn tàu dừng lại. Cùng lúc, các quả mìn DH 10
thứ hai, thứ ba và thứ tư do các đồng chí Đồng, Hưng và
Dây phụ trách cũng đồng loạt nổ theo. Toa thứ hai bốc
cháy, toa thứ ba bị đứt móc lùi lại rồi đứng yên tại chỗ.
Toa thứ tư không trúng mìn. Bọn địch còn sống sót trên
các toa và toa thứ tư chống cự quyết liệt, nhưng tất cả
đạn của chúng bắn ra đều ghim vào thành taluy dọc theo
đường tàu. Chớp thời cơ, các tổ “Thiên Lô” của ta do
đồng chí Nguyễn Minh (Minh Hú), Lưu Khứ, Nguyễn Lợi
và Sơn phụ trách, từ trong rừng lao ra và đứng ngay trên
bờ thành taluy, dùng sào tre đầu có buộc quả bộc phá 2,5
kg đặt giữa móc các toa rồi điểm hỏa. Bốn búng khói
bùng lên và tiếp theo là bốn tiếng nổ như “sét đánh” làm
chấn động cả không gian. Giữa lúc khói lửa còn đang mịt
mù, thì các tổ “thang mê” đã bắt xong cầu cho lực lượng
xung kích từ bờ thành taluy tràn sang đánh chiếm các
toa, dùng lựu đạn, thủ pháo diệt nốt những tên sống sót.
Sau 27 phút chiến đấu quyết liệt, quân ta đã làm chủ
trận địa, diệt gọn một đại đội gồm hỏa lực, trinh sát, giao
thông thiết bị, công binh và lính lái tàu, tất cả là 80 tên,
bắt sống 10 tên và thu rất nhiều vũ khí trang bị (trong đó
có 8 đại liên, 3 trung liên, 1 cối 60 ly, 1 máy thông tin
15W). Đây là trận đánh ta thu được nhiều chiến lợi phẩm,
nhất là vũ khí trang bị. Hơn 500 dân công và cả đoàn văn
công của tỉnh cũng không thể nào mang đi hết được các
chiến lợi phẩm.

“Xe lửa một” bị diệt không còn gì để hộ tống các đoàn tàu quân sự, địch phải bỏ hẳn đoạn đường sắt Bình Thuận – Long Khánh trong trong một thời gian khá dài.

Vào những tháng cuối năm 1963, theo kế hoạch đã chuẩn bị trước, khi cuộc đảo chính của Dương Văn Minh lật đổ Ngô Đình Diệm vừa nổ ra thì các lực lượng tỉnh, huyện, thị xã và các đội vũ trang công tác xuống áp sát các ấp chiến lược, vừa vũ trang tuyên truyền vận động quần chúng bung ra, vừa đột vào các ấp huy động nhân dân cùng phá banh hàng rào và bờ đai ấp chiến lược.

Từ tháng 11 đến cuối tháng 12-1963, ta đã phá banh được hai ấp chiến lược Bàu Ốc và Hiệp An, phá hỏng nặng hai ấp khác ở dọc đường 8 và làm tê liệt bộ máy kìm kẹp trong 12 thôn ở các khu vực Suối Kiết, Sông Dinh, Bà Tá, Gia Huynh, Sông Phan, Quang Hà và Tuy Hòa. Số còn lại thì làm việc cầm chừng, bọn tay chân không dám thúc ép dân như trước nữa.

Như vậy, trong năm 1963, với tinh thần bám trụ kiên cường, quân và dân Bình Thuận đã chiến đấu quyết liệt và đã làm thất bại bước đầu âm mưu dồn dân lập ấp chiến lược của địch ở địa phương. Ta đã đánh 515 trận lớn nhỏ, diệt và bắt 1.914 tên (có bốn tên cố vấn Mỹ), bắn cháy và phá bốn toa tàu lửa bọc thép (xe lửa một), ba xe bọc thép chạy trên đường ray (xe nổi đồng), hai đầu máy xe lửa và sáu xe quân sự, bắn rơi 11 máy bay và làm bị thương 16 chiếc khác, thu 272 súng các loại, 28 máy thông tin và hàng trăm ngàn viên đạn các loại; làm tan rã hàng ngũ địch 540 tên, hai trung đội và hai

tiểu đội thanh niên chiến đấu, phá banh hai áp chiến lược, phá hỏng nặng 11 áp, vũ trang tuyên truyền vận động quần chúng 119 lần (có áp vào ra đến 3 – 4 lần), đốt cháy 80 xe trụ rào, sáu trụ sở hội tề, bốn phòng thông tin và bót gác, cắt phá 27.697.000 mét rào kẽm gai, 1.785 mét rào tre, 56.830 cây chông tre, lấp và sang bằng 3.102 mét hào, bờ thành vành đai chiến lược; gặp gỡ giáo dục quần chúng đi lại trên Quốc lộ 1A và đi lại làm ăn trên các vùng đất cũ 80 lần có 15.000 lượt người tham dự. Đặc biệt, ta đã tiếp xúc được với một số đồng bào ở vùng sâu như Mũi Né, Thạch Long, Khánh Thiện và đồng bào công giáo di cư, bắt giáo dục 105 tên tề điệp, diệt 13 tên và cảnh cáo 13 tên khác.

Cuộc chiến đấu của quân dân Bình Thuận, đã góp phần cùng quân dân toàn miền Nam làm thất bại một bước quan trọng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Kế hoạch Stalay – Taylor mặc dù kéo dài thêm một năm nữa nhưng cũng không thực hiện được. Chế độ gia đình trị của Diệm – Nhu càng ngày càng bị nhân dân oán ghét và căm thù đến cao độ, cuối cùng đã sụp đổ.

V. Tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, hoàn chỉnh thế trận nhân dân du kích chiến tranh ở địa phương

Những thất bại nặng nề của địch trên chiến trường đã dẫn đến cái chết của anh em Diệm – Nhu vào tháng 11-1963 như một tín hiệu báo trước sự phá sản tất yếu của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” do Mỹ nặn ra.

Giữa lúc bọn chớp bu ở Nhà Trắng đang tìm phương kế để cứu vãn tình thế cho Nam Việt Nam, thì ở Hà Nội, tháng 12-1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (Khóa 3) đã mở Hội nghị lần thứ 9. Sau khi phân tích cụ thể tình hình chiến trường miền Nam, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam và nhấn mạnh 2 mục tiêu chủ yếu mà quân dân miền Nam phải quyết tâm làm cho bằng được đó là:

“1. Tiêu diệt từng bộ phận quân đội địch, tạo điều kiện làm tan rã hoàn toàn lực lượng quân sự, chỗ dựa chính của đế quốc Mỹ và tay sai ở miền Nam.

2. Làm thất bại kế hoạch gom dân, lập ấp chiến lược của địch, phá phần lớn các ấp chiến lược, giành lại nhân lực, vật lực cho cách mạng, làm chủ rừng núi và phần lớn đồng bằng”¹.

Cũng trong tháng 12-1963, trước nguy cơ phá sản của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Tổng thống Mỹ Giônxon cử Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara sang Việt Nam thị sát tình hình và sau đó, một kế hoạch chiến lược mới được hình thành với cái tên gọi là “Kế hoạch Giônxon-Mắcnamara” nhằm bình định miền Nam Việt Nam trong vòng hai năm. Nhưng thực chất đó chỉ là kế hoạch Stalay – Taylor được sửa chữa lại cho phù hợp với tình hình mới. Tháng 01-1964, Giônxon lại cử Oétmolen sang làm phụ tá rồi thay thế Hakin đứng đầu Bộ Chỉ huy liên quân Việt-Mỹ, trực tiếp nắm quyền

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.24, tr.839.

điều khiển quân nguy. Sau Oétmolen, Taylor-cha đẻ của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” cũng được Giôn-xơn cử sang làm Đại sứ ở Nam Việt Nam để đích thân điều khiển cuộc chiến tranh do hắn nặn ra. Cùng đi với Taylor, còn có 3.600 tên cố vấn quân sự và hàng trăm máy bay, đại bác, xe tăng, xe bọc thép với nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác tiếp tục đổ vào Nam Việt Nam hòng lật ngược thế cờ.

Quyết phá tan âm mưu của địch và thực hiện hai mục tiêu chiến lược do Trung ương Đảng đề ra, ngay từ đầu năm 1964, Trung ương Cục đã đề ra nhiệm vụ cho toàn chiến trường miền Nam đó là: “...Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, tranh thủ thời cơ, liên tục tiến công địch, kiên quyết đánh bại kế hoạch Mắc Namara, làm cho mưu đồ tập trung quân tấn công trọng điểm, gom dân lập ấp chiến lược, mua chuộc sử dụng giáo phái thất bại nặng, sinh lực địch tổn thất nhiều hơn nữa, đồng thời ra sức khắc phục các nhược điểm của mình, khẩn trương xây dựng vùng căn cứ, vùng giải phóng về mọi mặt, khẩn trương xây dựng thực lực chính trị và vũ trang của ta, đặc biệt là lực lượng vũ trang, đẩy mạnh mọi mặt công tác, làm cho tình trạng bất đồng giữa các chiến trường giảm bớt, tạo ra những điều kiện cần thiết để sang năm sau có thể mở ra những cục diện to lớn của phong trào, tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa. Do đó năm 1964 là năm có ý nghĩa quan trọng, đòi hỏi ta phải có quyết tâm đầy đủ, nỗ lực vượt bực, mạnh dạn tiến lên”¹.

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t.25, tr.719.

Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công của Đảng và căn cứ nhiệm vụ trên giao, Tỉnh ủy Bình Thuận đã họp kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 1964: “Tiếp tục củng cố và phát triển lực lượng vũ trang, chính trị để làm nòng cốt cho phong trào đấu tranh của quần chúng phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược, đồng thời đẩy mạnh chiến tranh nhân dân lên một bước mới, đẩy mạnh sản xuất tự túc để khắc phục tình hình thiếu đói của đồng bào vùng căn cứ giải phóng, mở rộng giao lưu giữa đồng bào vùng căn cứ giải phóng và đồng bào vùng tranh chấp. Tranh thủ huấn luyện để nâng cao trình độ chiến đấu của các đơn vị vũ trang, phân công hoạt động liên tục tiến công tiêu hao tiêu diệt sinh lực địch ở các áp chiến lược để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng. Trên cơ sở đó, từng bước hoàn chỉnh thế trận nhân dân du kích chiến tranh ở địa phương”.

Tuy nhiên, tình hình địch ở Bình Thuận lúc này cũng đã khác. Để thực thi kế hoạch chiến lược mới, chúng thành lập “Biệt khu Bình Lâm” đóng tại Phan Thiết để chỉ huy các cuộc càn quét từ Bình Thuận đến Lâm Đồng. “Biệt khu Bình Lâm” là trung tâm hợp đồng phòng thủ của cả khu vực và được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của khu chiến thuật 23. Lực lượng địch (cả ngụy quyền) toàn tỉnh có khoảng 6.248 tên, trong đó có: 1 tiểu đoàn cộng hòa, 17 đại đội và 8 trung đội biệt kích, 2 trung đội hải thuyền, 1 chi đội xe cơ giới (9 chiếc), 4 pháo 105 ly cùng một số quân cảnh, hiến binh, công an, 586 dân vệ và 2.000 thanh niên chiến đấu có vũ trang.

Ở Bình Tuy (đơn vị hành chính của địch), về biên chế tổ chức cũng tương tự như Bình Thuận và trực thuộc vùng 3 chiến thuật nên việc chi viện của vùng nhanh hơn.

Dựa vào thế mạnh đó, chúng tập trung đánh phá vùng căn cứ, vùng giáp ranh và các xã giải phóng bằng nhiều cuộc càn lớn, nhỏ, kết hợp với chiến tranh tâm lý, hù dọa nhân dân. Nhiều người đã mắc mưu địch bỏ vùng giải phóng chạy vào ấp chiến lược để tránh lánh. Chỉ tính từ tháng 12-1963 đến tháng 4-1964, chúng đã tiến hành 29 cuộc càn. Lớn nhất và dài ngày nhất là cuộc càn Bình Lâm 2 với lực lượng 7 tiểu đoàn và 30 máy bay yểm trợ, đánh vào các khu vực Ara, Xa Lôn (Di Linh) Hàm Thạnh, Hàm Trí (tây Hàm Thuận) từ ngày 12-3 đến ngày 6-4-1964. Ngoài ra, chúng còn dùng máy bay oanh kích vào các xã Ara, Xa Lôn, Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Trung, Hàm Trí, Hàm Thạnh và Kim Bình. Đã man hơn, chúng còn rải chất độc hóa học xuống các vùng La Bá, Bàu Ốc, Ara, Xa Lôn và dọc hai bên đường xe lửa từ Long Khánh đến Bình Thuận. Ở những nơi bàn đạp đứng chân của ta, chúng còn lén lút bỏ thuốc độc vào các nguồn nước và thức ăn để giết hại đồng bào và chiến sĩ ta.

Đi đôi với đánh phá vùng căn cứ giải phóng của ta, chúng còn tập trung củng cố ấp chiến lược, đặc biệt là những ấp đã bị ta phá trong năm 1963. Chúng đã đưa 15 đoàn binh định xuống tận ấp, xã để thúc ép nhân dân. Kết quả, chúng đã củng cố được một số ấp như Phú Hội, Cây Găng, Kim Hải, Đại Năm, Lại An, Tường Phong,

Quan Hà, Bà Tá và Đa Brim, gom 1.285 dân ở xã Hòa Điền và Hòa Sơn, 145 dân ở Sêrê Quang, Sêrêpô, lập thêm hai ấp chiến lược mới ở gần đồn Gia Bát, xức 67 dân ở Hàm Trí về Ma Lâm, gom 500 dân Bá Ghe và Gia Hòa lập lại ấp chiến lược Lệ Nghi.

Tình hình đó đã làm cho đời sống của quần chúng hết sức khó khăn. Một số xã ở cả miền núi và đồng bằng, đồng bào thiếu đói nghiêm trọng, nặng nhất là Hàm Thạnh và Đăng Gia. Nạn đói hoành hành, kẻ thù dùng mọi thủ đoạn và âm mưu thâm độc nhưng sự hoạt động của các chi bộ Đảng, Mặt trận và các đoàn thể cách mạng ở cơ sở lại quá yếu, nên đã để cho dân ở vùng căn cứ, vùng giải phóng giảm dần. Khu Lê Hồng Phong giảm 141 người, Di Linh giảm 427 người, Hàm Tân giảm 336 người, nhiều nhất là Hàm Thuận giảm 981 người. Đến tháng 6-1964, dân số ở vùng giải phóng chỉ còn lại có 6.255 người (riêng số chạy vào các ấp chiến lược là 2.924 người và từ các ấp chiến lược lẻ tẻ cũng có người chạy ra vùng giải phóng nhưng không đáng kể, chỉ có 336 người). Do đó, việc xây dựng lực lượng và phát triển du kích chiến tranh so với cuối năm 1963 có nhiều phức tạp hơn.

Để khắc phục những khó khăn trước mắt, cuối tháng 3-1964, sau khi kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết tháng 12-1963, Thường vụ Tỉnh ủy, chủ trương: Tập trung giải quyết mấy vấn đề cấp bách là: chống đói, chống càn quét, chống chiêu hồi của địch, đồng thời phát động tư tưởng quần chúng, giáo dục các đoàn thể giải phóng, giáo dục cán bộ, đảng viên đi đôi với chấn

chỉnh tổ chức, ra sức xây dựng chi bộ mạnh. Trên cơ sở đó, động viên nội bộ và quần chúng hăng hái đẩy mạnh các mặt công tác, bố phòng, xây dựng thôn xã chiến đấu, phát triển văn hóa, giáo dục, khôi phục bình thường các mặt sinh hoạt của quần chúng.

Thực hiện chủ trương trên, tất cả cán bộ quân sự, chính trị của tỉnh đều tập trung xuống huyện, xã để chỉ đạo việc tổ chức học tập cho cán bộ, đảng viên, dân quân, du kích và quần chúng, mở hội nghị bình công, họp củng cố dân quân, du kích, thanh niên và phụ nữ, v.v., đồng thời chỉnh đốn về mặt tổ chức các chi bộ, các ban chỉ huy thôn, xã đội, kết hợp với việc giải quyết vấn đề đoàn kết tương trợ để chống đói, chống dịch tàn quét, chống dịch chiêu hồi và trừng trị bọn phản động phá hoại.

Sau khi tiến hành một loạt biện pháp trên, đến tháng 6-1964, tình hình mọi mặt đã trở lại ổn định, phong trào nhân dân du kích chiến tranh được nâng lên. Quần chúng tích cực tham gia bố phòng, xây dựng thôn, xã chiến đấu. Nhiều nơi, đồng bào tự tổ chức đi vào vùng địch hậu lấy dây thép gai về làm chông, rào làng, nhất là các xã Hàm Thạnh, Hồng Liêm, Hàm Cần, La Ngâu và Hồng Lâm. Các xã yếu kém trước đây, nay cũng vươn lên rõ rệt.

Trong 6 tháng đầu năm 1964, các xã vùng căn cứ và vùng giải phóng ở đồng bằng làm thêm được 45.551 mét rào chiến đấu, cắm 1.502.212 chông tre, 81.044 chông sắt, bố trí 1.172 hầm chông, 262 mang cung các loại, cắm 8.836 chông chống nhảy dù và đổ bộ bằng trực

thăng. Riêng lực lượng dân quân du kích cũng đã phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến hết tháng 6-1964, toàn tỉnh đã có 1.596 du kích thoát ly và du kích mật, 947 dân quân; các đơn vị lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đều được củng cố và phát triển cả về số lượng và chất lượng. Công tác Đảng, công tác chính trị được tiến hành thường xuyên trong lực lượng vũ trang và đã kết nạp được 26 đảng viên mới, hình thành 10 chi bộ; tỷ lệ lãnh đạo trong lực lượng vũ trang tỉnh là 20,11%, trong lực lượng vũ trang huyện thị cũng được nâng lên thích hợp. Cao nhất là lực lượng vũ trang huyện Di Linh, đảng viên đã chiếm 44% quân số. Trong lực lượng vũ trang toàn tỉnh đã có 17 chi đoàn, tổng số đoàn viên chiếm hơn 50% thanh niên quân đội.

Quán triệt và thấm nhuần quan điểm tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, các đơn vị từ cơ quan đến cơ sở đều nỗ lực tăng gia sản xuất. Riêng vụ mùa năm 1964, lực lượng vũ trang tỉnh đã thu được 135.497 kg lương thực. Các đơn vị như 486, 481, 487 và cơ quan 400 đã tự túc lương thực gần cả năm. Mặc dù trong hoàn cảnh bị địch bao vây kinh tế, không được sự tiếp tế của trên nhưng Ban kinh tài các cấp và quân nhu các đơn vị đã biết vận dụng hậu cần tại chỗ bằng nhiều cách và nhiều nguồn nên vẫn đảm bảo cho mỗi cán bộ, chiến sĩ có đủ đồ dùng từ quần áo, tấm đắp (chăn), vải đi mưa (nilon), bao gạo, bông (túi thay ba lô), túi đựng cơm vắt và dép cao su, v.v.. Ngoài vũ khí lấy được của địch trang bị cho ta, các chiến sĩ xưởng Cao Thắng tuy rất ít người nhưng vẫn đảm bảo việc sửa chữa kịp thời các trang bị phục vụ cho chiến đấu. Đặc biệt, xưởng đã sưu tầm được

hàng ngàn cân thuốc nổ từ bom đạn lép của địch để chế tạo các loại mìn có hiệu quả cao và hướng dẫn các tổ quân giới của huyện cải tiến đầu đạn lép, lấy thuốc nổ của bom lép làm mìn, trái nổ, đập lôi, thủ pháo... có nơi như Tam Giác, khu Lê Hồng Phong, dân quân du kích cũng tự làm được mìn, thủ pháo để đánh giặc.

Song song với việc củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng, hoàn chỉnh thế trận nhân dân du kích chiến tranh trên từng địa bàn, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện vẫn liên tục hoạt động đánh địch vừa giữ vững vùng căn cứ, vừa mở rộng xuống đồng bằng. Tuy chưa có những trận đánh lớn then chốt, nhưng tiếng súng của chiến tranh du kích không lúc nào ngưng. Từ tháng 01 đến hết tháng 5-1964, ta đã đánh 310 trận lớn nhỏ, diệt 229 tên (có 6 tên Mỹ), bắn bị thương 284 tên (có 5 tên Mỹ), bắt sống 109 tên và làm tan rã hàng ngũ địch 1.116 tên; thu 42 súng các loại và đốt cháy một số phương tiện chiến tranh, phá hủy ba xe quân sự, một hải thuyền, một kho xăng và 500 mét đường ray xe lửa.

Nhờ những hoạt động quân sự liên tục đó, ta đã giữ vững được vùng căn cứ lõm giải phóng và đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược ở đồng bằng, vùng ven đô thị lên một bước. Đông đảo quần chúng đã bung ra đi làm ăn bất chấp quy định và kiểm soát của địch. Một số người đã về lại xóm cũ cất nhà, sản xuất, hình thành những khu dân cư bên ngoài ấp chiến lược như ở Hoài Đức, Tam Giác, dọc Quốc lộ 1A (đoàn từ Hòa Vinh đi Lương Sơn), Chợ Lầu, La Gàn và các khu vực Văn Mỹ, Gò Bồi, v.v.. Như vậy, vùng ta làm chủ và vùng địch tạm

kiểm soát đã hình thành một vùng tranh chấp rộng lớn đến trên 34.000 dân. Một số người trước đây bàng quang với kháng chiến thì nay cũng tìm gặp cán bộ ta ở cơ sở để quan hệ, xin nhận việc, cung cấp tình hình và liên hệ với đội công tác về việc đấu tranh phá áp chiến lược. Hàng trăm thanh niên ở vùng giáp ranh đã thoát ly tham gia cách mạng. Cơ sở trong các thị trấn, thị xã đều phát triển khá nhanh như La Gi tăng ba lần, Phan Thiết tăng gấp đôi; các nơi khác như Mương Mán, Ma Lâm, Phú Long, Phú Hải và Phan Rí Cửa, cơ sở vẫn giữ vững và phát triển hơn trước.

Căn cứ vào Nghị quyết của Khu ủy, Quân khu ủy và nhiệm vụ của Tư lệnh Quân khu 6 giao, tháng 6-1964, Tỉnh ủy đã họp kiểm điểm tình hình và đề ra nhiệm vụ 6 tháng cuối năm. Riêng nhiệm vụ về hoạt động quân sự, Tỉnh ủy đã nhấn mạnh: "...Ra sức tiêu hao, tiêu diệt, làm tan rã nhiều sinh lực địch, phá nhiều ấp chiến lược, mở rộng vùng tranh chấp, vùng giải phóng, thu hẹp vùng kiểm soát của địch, phá tan âm mưu địch bao vây phong tỏa vùng giải phóng, tạo thế 3 vùng (vùng giải phóng, vùng tranh chấp và vùng kìm) đồng thời tích cực phá hoại giao thông, kho tàng của địch, động viên nhiều nhân tài vật lực để phát triển lực lượng lớn mạnh nhanh chóng về mọi mặt"¹.

Thực hiện nhiệm vụ trên đây, Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết định mở 2 đợt hoạt động quân sự ngắn để kịp thời rút kinh nghiệm về chỉ huy, chỉ đạo và nâng cao

1. Nghị quyết của Tỉnh ủy Bình Thuận tháng 6-1964.

hiệu xuất chiến đấu.

Đợt 1, ta chọn các ấp chiến lược Gộp, Tà Nung, Xa Ra, Tuy Hòa làm điểm. Phần lớn lực lượng tập trung hoạt động ở khu vực này gồm: Đại đội 486 (đầy đủ quân số) và ba trung đội của Đại đội 450 (Thuận Phong). Các huyện khác như Hòa Đa, Hàm Thuận là diện, nhưng diện chủ yếu là Hàm Thuận.

Mở màn đợt 1, ngày 07-7-1964, các lực lượng ta cải trang cùng một lúc đột vào các ấp Tà Nung, Tân An, Phú Sung và khu vực Lại An diệt bọn ác ôn ngay giữa ban ngày.

Vào lúc 6 giờ sáng ngày 24-7, Đại đội 486 phục kích trên đoạn đường giữa hai ấp Tà Nung và Gộp, diệt gọn 1 trung đội của Đại đội bảo an 433. Cùng lúc, Đại đội 450 phối hợp với một tiểu đội của Đại đội 440 và du kích xã Hồng Sơn tập kích vào ấp Tà Nung đánh tan hai trung đội dân vệ; một bộ phận khác của Đại đội 450 phối hợp với du kích xã Hàm Đức tập kích trung đội dân vệ địch ở ấp Tuy Hòa. Đồng bào ở Tà Nung và Tuy Hòa nổi dậy phá banh hai ấp chiến lược này.

Phản ứng lại, sáng ngày 26-7, địch dùng hai tiểu đoàn chia làm năm cánh càn vào vùng căn cứ Lê Hồng Phong. Cánh thứ nhất, một đại đội từ Quốc lộ 1A càn vào Bàu Sen đến Bàu Thiêu; cánh 2, một đại đội từ Giồng Thầy Ba càn vào Bàu Thiêu; cánh 3, một đại đội từ Xa Ra càn lên Hồng Sơn; cánh thứ tư và thứ năm có hai đại đội từ Phú Hải, Lương Sơn càn xuống Bàu Trắng, sau đó đánh vào căn cứ xã Hồng Lâm.

Quyết bảo vệ vùng căn cứ, từ ngày 26-7 đến ngày 8-8 (liên tục 15 ngày), các Đại đội 440 và Đại đội 450 đã anh dũng bám đánh, diệt hơn 100 tên (có một tên Mỹ), riêng Đại đội 440 đã bắn rơi một trực thăng tại Suối Nước (Hòn Rơm). Bị thất bại nặng, bọn địch phải kết thúc cuộc càn sớm hơn dự định.

Cũng trong thời gian đó, các đội vũ trang tuyên truyền đã phát động quần chúng nổi dậy phá banh bốn ấp chiến lược phía tây Chợ Lầu, hàng trăm gia đình bung về làng đất cũ làm ăn.

Phối hợp với trọng điểm, lực lượng vũ trang thị xã Phan Thiết đánh diệt gọn một trung đội dân vệ giữ ấp Đất Đỏ (Kim Tú) và đánh tan một trung đội dân vệ xã, phá banh ấp chiến lược này. Sau đó, đánh và phá lỏng kìm kẹp ở ấp chiến lược Phú Khánh.

Phía Hàm Tân, Đại đội 460 và du kích đột vào một số ấp chiến lược diệt bọn ác ôn ngay giữa ban ngày, đánh tiêu hao nặng lực lượng dân vệ và phá banh ấp chiến lược Phú Sung.

Ở Hàm Thuận, Đại đội 430 và các đội vũ trang công tác liên tục đột vào ấp diệt ác và phát động phong trào quần chúng nổi dậy truy bắt bọn tề điệp đưa đi cải tạo, đồng thời phá banh các ấp chiến lược Tân Điền, Bình An, Thuận An, An Hiệp, Kim Bình, Phú Phong A; nhiều người đã bung về làng đất cũ làm ăn.

Từ cuối tháng 9 đầu tháng 10-1964, toàn chiến trường đã bước vào hoạt động đợt hai. Việc chọn điểm và diện căn bản giống như đợt một, nhưng diện chủ yếu của đợt

hai là Hòa Đa (Hong Sơn ra Hiệp An, Hiệp Hòa, Hiệp Thành và Phú Hải). Lực lượng tập trung tại điểm, ngoài Đại đội 486 (4 trung đội) và Đại đội 450 còn tăng cường thêm Đại đội 489, hai trung đội trợ chiến và hai trung đội của Đại đội 440 Hòa Đa.

Để mở màn đợt hai, Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết tập trung lực lượng đánh diệt đồn Gộp, phá áp chiến lược nhằm mở rộng vùng giải phóng ra toàn xã Hồng Sơn.

Đồn Gộp có đại đội bảo an chốt giữ, đóng trên đồi đất cao khoảng 50 mét, dài khoảng 500 mét, nằm phía đông Quốc lộ 1A và phía nam cầu Bằng Lăng thuộc xã Hồng Sơn (Thuận Phong). Bọn này đã lùng sục các vùng xung quanh lừa hết dân về đây để lập thành áp chiến lược Long Hoa nằm dọc theo chân đồi và Quốc lộ 1A. Trong áp chiến lược, chúng bố trí một trung đội dân vệ canh giữ và cùng bọn tề điệp, ác ôn kìm kẹp nhân dân.

Phương án đánh diệt đồn Gộp vừa chuẩn bị xong thì ta lại phát hiện hàng đêm đại đội bảo an của địch bỏ đồn xuống nằm lưu động trong áp. Do đó, phương án đánh đồn phải chuyển thành đánh áp.

Trận đánh áp do đồng chí Lê Đình Nguyên-Tỉnh đội trưởng trực tiếp chỉ huy chung, các mũi, các hướng được phân công cụ thể như sau:

Đại đội 486 đảm nhiệm mũi chủ yếu do hai đồng chí Đại đội trưởng Phạm Minh và Chính trị viên Nguyễn Thanh Đồng chỉ huy, đánh từ hướng đông bắc vào.

Đại đội 489 đảm nhiệm mũi thứ yếu do hai đồng chí

Nguyễn Minh Thành và Nuôi chỉ huy, đánh từ hướng đông nam lên.

Đại đội 440 Hòa Đa do đồng chí Vũ Bình Phong (Bảo) chỉ huy làm nhiệm vụ chốt chặn phía bắc ấp và cũng là đội dự bị.

Các đơn vị hỏa lực, ĐKZ, cối 82, đại liên và sở chỉ huy bố trí trên đồi Gộp.

Theo nhiệm vụ được phân công, rạng sáng ngày 13-10-1964, các đơn vị bắt đầu tiến vào vị trí xuất phát. Khi trung đội đi đầu của Đại đội 486 vừa lọt vào ấp thì gặp ngay đại đội bảo an nên đã nổ súng quyết liệt. Giữa lúc đó, thì Đại đội 489 chưa lên kịp theo hiệp đồng. Thừa cơ hội, bọn địch đã lợi dụng địa hình phức tạp trong ấp tung lực lượng ra phản kích liên tục gây cho Đại đội 486 một số thương vong.

Trước tình hình đó, Chỉ huy trưởng trận đánh Lê Đình Nguyên liền hạ lệnh cho đội dự bị (Đại đội 440) hình thành hai mũi đánh thọc vào phía sau lưng địch. Sau 30 phút giành giật nhau từng căn nhà, con đường và mô đất, quân ta đã làm chủ trận địa, diệt, bắt gọn Đại đội bảo an 441 và trung đội dân vệ, thu toàn bộ vũ khí và phá banh ấp chiến lược Long Hoa.

Thừa thắng, ngay chiều hôm đó, lực lượng ta tràn xuống hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy phá banh ấp chiến lược Tà Nung lần thứ hai. Một bộ phận khác của Đại đội 450 tập kích vào ấp Tuy Hòa, đánh tan trung đội dân vệ, phá banh ấp chiến lược Tuy Hòa một lần nữa, sau đó phá tiếp ấp chiến lược Xa Ra, rồi thọc xuống xây dựng

cơ sở ở Phú Long và Phước Thiện Xuân.

Phía Hòa Đa, ta tổ chức lực lượng phối hợp giữa tỉnh, huyện và dân quân du kích đồng loạt tập kích vào các ấp chiến lược, diệt gọn một trung đội dân vệ ở xã Chợ Lầu, đánh tan một trung đội dân vệ và hai tiểu đội dân vệ khác ở khu vực Phú Hải, phá hỏng nặng ấp chiến lược Phú Hải, sau đó, vũ trang tuyên truyền ở Tuy Tịnh và Châu Hanh.

Phối hợp với điểm và diện, các địa phương khác cũng đã huy động các đội công tác và dân quân du kích vùng giải phóng ra phía trước cùng bộ đội địa phương tiếp tục phát động quần chúng phá đi phá lại những ấp chiến lược bị lỏng, rã hoặc bị phá lần trước địch vừa củng cố lại.

Ở huyện Hàm Thuận đã mở rộng diện đánh phá từ Bình Lâm, An Phú đến Tân An, An Hòa và Kim Ngọc. Ở hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức, đồng bào đã bung ra ngoài làm ăn nhiều hơn trước. Riêng huyện Di Linh đã tập trung tuyên truyền ở khu vực Gia Bát và phá hoại đường 8.

Tuy nhiên, sức ta lúc này cũng có hạn nên chưa có những cú đánh bồi, đánh nhồi, chưa liên tục bám địch. Do đó, có nhiều ấp ta đã phá ban, nhưng sau khi ta rút đi thì địch lại đưa lực lượng đến chốt giữ, củng cố và tiếp tục kìm kẹp nhân dân. Trong công tác vũ trang tuyên truyền vẫn làm theo lối cũ là ban đêm đột vào ấp, ban ngày rút ra, thỉnh thoảng mới có vài lần vào ấp ban ngày nhưng cũng rút ra ngay, nên việc phát động quần

chúng chưa sâu, chưa kỹ, chưa trấn áp kịp thời bọn tề điệp, ác ôn, để chúng tự do kìm kẹp, quần chúng nhiều nơi dân không bung ra xa được.

Thực tế đó buộc các cấp lãnh đạo, chỉ huy cần có những biện pháp thích hợp. Bản thân các lực lượng vũ trang, các đội công tác phải khắc phục khuyết nhược điểm của mình và có quyết tâm cao mới hoàn thành nhiệm vụ được giao.

VI. Giữ vững vùng căn cứ, mở rộng hoạt động xuống đồng bằng, liên tục tiến công phá ấp mở kìm, giành quyền làm chủ

Các cuộc phản công mãnh liệt của quân dân ta trên khắp các chiến trường miền Nam với những phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”, “phá ấp chiến lược giải phóng nông thôn” đã đẩy kẻ địch vào tình thế bị động và thất bại, dẫn đến sự khủng hoảng chính trị triển miên, làm cho nội bộ chúng hỗn loạn chưa từng thấy¹.

1. Chỉ tính từ ngày 01-11-1963 đến ngày 11-6-1965, đã có nhiều cuộc đảo chính, 4 vụ âm mưu đảo chính và 4 lần thay bọn cầm đầu, cụ thể là: ngày 01-11-1963, Diệm đổ, Dương Văn Minh lên thay; ngày 30-1-1964, Minh đổ, Khánh thay; ngày 28-8-1964 ba tên: Huỳnh Văn Tồn, Lâm Văn Phát và Dương Văn Đức đảo chính hụt; ngày 25-9-1964, ba tên nói trên đảo chính hụt một lần nữa; ngày 20-12-1964, bọn Khánh, Thiệu, Kỳ lại đảo chính hụt; ngày 27-2-1962, Khánh lật Hương lập Hội đồng quân nhân; ngày 12-2-1965, Taylor đứng ra lập chính phủ Phan Văn Sửu (Sửu làm Quốc trưởng, Phan Huy Quát làm Thủ tướng); ngày 19-2-1965, Thảo, Tồn, Phát làm đảo chính thất bại; các ngày 6-3, 20-4 và 30-5-1965 xảy ra 3 lần đảo chính hụt chính phủ Quát; ngày 11-6-1965, chính phủ Quát bị lật đổ, lập ra nội các chiến tranh do Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu.

Sự lực đực tranh giành quyền lực của bọn chóp bu trung ương đã làm cho những tên cầm đầu ở địa phương ngao ngán và thất vọng. Trong một thông cáo đề ngày 24-9-1964, Trung tá Tỉnh trưởng Bình Thuận Đàm Văn Quý đã viết: “Hiện nay toàn lãnh thổ Việt Nam cộng hòa nói chung và lãnh thổ Bình Thuận nói riêng ở trong tình trạng cực kỳ nghiêm trọng. Sự chia rẽ nội bộ, sự phân hóa hàng ngũ đã đặt xứ sở trước một viễn cảnh rất đen tối”.

Đầu tháng 10-1964 trở đi, mọi hoạt động của địch ở Bình Thuận bắt đầu chuyển vào thế phòng ngự bị động. Chúng tập trung sức củng cố các hệ thống phòng thủ bên trong thị trấn, thị xã, vùng ngoại ô kế cận và những mục tiêu xung yếu như sân bay, đường giao thông, v.v. nhằm bảo vệ các cơ quan đầu não, các cơ sở hậu cần để khỏi bị ta tiêu diệt, đồng thời tích cực phản ứng lại các cuộc tiến công vũ trang, vũ trang tuyên truyền của ta và các cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng ở vùng ven đô thị và nội thị.

Nhằm phát huy những thắng lợi giành được, cuối tháng 10-1964, chấp hành chỉ thị của Khu ủy và mệnh lệnh của Quân khu 6, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận quyết định lần lượt mở hai đợt hoạt động đông-xuân 1964 – 1965 và hè năm 1965 để cùng phối hợp với Quân khu và toàn miền (Chiến dịch Bình Giã) tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, phá ấp, mở vùng, giải phóng từng mảng lớn ở nông thôn đồng bằng, làm thất bại “Quốc sách áp chiến lược” của địch.

Đông-xuân 1964 - 1965

Theo kế hoạch chung, đợt hoạt động đông-xuân 1964 - 1965, Quân khu đã chọn hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức của Bình Thuận (lúc này đơn vị hành chính của địch là Bình Tuy) làm trọng điểm 2 (trọng điểm 1 là Phước Long, vì Phước Long lúc bấy giờ thuộc Quân khu 6). Ngoài 2 huyện Quân khu chọn làm điểm, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội còn lấy các huyện khác làm diện và diện quan trọng là huyện Hàm Thuận.

Hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức có khoảng 30.000 dân gồm người Kinh và dân tộc thiểu số. Đây là vùng kinh tế phong phú, đất rộng người thưa, có thung lũng sông La Ngà, ruộng đất phì nhiêu màu mỡ, nằm giáp ranh giữa miền núi và miền xuôi, nối liền với miền Đông Nam Bộ. Từ lâu Tánh Linh và Hoài Đức là vùng an ninh của địch. Chúng đã xây dựng ở đây hoàn chỉnh hệ thống chi khu, ấp chiến lược, mạng lưới giao thông nối liền giữa các ấp chiến lược với chi khu, giữa chi khu với tiểu khu Bình Tuy (tỉnh lộ 2). Ở mỗi ấp chiến lược và dinh điền có từ một đến hai trung đội bảo an, dân vệ canh giữ. Ngoài ra, còn có hệ thống đồn bót trên hai trục đường liên tỉnh lộ 2 và liên tỉnh lộ 3 để khống chế từng khu vực. Từ đầu năm 1964, lực lượng vũ trang và các đội công tác cũng đã bám vào một số ấp hoạt động, phát động quần chúng xây dựng cơ sở. Vào giữa năm 1964, quần chúng đã bùng ra ngoài làm ăn khá hơn trước.

Sau khi quyết định chọn hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức làm trọng điểm 2, Quân khu tăng cường Tiểu

đoàn 186 cho Bình Thuận và đứng chân hoạt động ở khu vực này cùng với lực lượng tập trung của tỉnh. Ban chỉ huy chung của đợt hoạt động, được Quân khu chỉ định gồm các đồng chí: Phan Văn Hước-Chủ nhiệm chính trị Quân khu làm Chỉ huy trưởng; Lê Văn Hiền-Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận làm Chính ủy; Trường Sơn-Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 186 làm Chỉ huy phó, Nguyễn Thiết Hoàng (Bái)-Bí thư Huyện ủy Hoài Đức và Lê Khắc Thành-Bí thư Huyện ủy Tánh Linh cùng làm Phó Chính ủy. Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí Phan Văn Hước, Lê Văn Hiền, Trường Sơn, do đồng chí Lê Văn Hiền làm Bí thư.

Mở màn cho đợt hoạt động, Ban Chỉ huy chung quyết định dùng phương thức đánh áp để diệt lực lượng chi viện của chi khu và tiểu khu nhằm tiêu diệt hoặc đánh thiệt hại nặng lực lượng cơ động của địch, tạo điều kiện giải phóng từng mảng áp chiến lược.

Thực hiện phương thức đó, đêm 10-11-1964, Trung đội 3, của Đại đội 2 Tiểu đoàn 186 đột vào áp chiến lược Mê Pu đánh tan một trung đội dân vệ, rồi trụ lại và phát động quần chúng phá áp. Cùng lúc, một bộ phận của Đại đội 486 và một tiểu đội của bộ đội địa phương huyện Tánh Linh đánh phá các áp chiến lược Đá Mài và Sông Phan, Suối Kiệt bắt một số tề điệp và đốt trụ sở áp. Bọn bảo an đóng giữ hai áp này bỏ chạy.

Được tin áp chiến lược Mê Pu bị ta chiếm, rạng sáng ngày 11-11, chi khu Hoài Đức lập tức tung đại đội bảo an cơ động ra giải tỏa. Bọn này vừa tiến đến ngã 3 Đa Brim (Nghị Đức) thì lọt vào trận địa phục kích của Đại

đội 2 được tăng cường 2 trung đội của Đại đội 3 Tiểu đoàn 186. Ngay từ phút đầu, quân ta vừa nổ súng vừa xung phong mãnh liệt, diệt và bắt 63 tên (2 trung đội), thu 28 súng các loại, số sống sót tan tác tháo chạy về chi khu.

Thừa thắng Tiểu đoàn 186 phát triển đánh chiếm dinh điền Nghị Đức, lực lượng dân vệ ở đây một số chạy về chi khu, một số tan rã tại chỗ, nộp cho ta hàng chục súng các loại. Đêm 11-11-1964, Đại đội 1 Tiểu đoàn 186 cùng với đội công tác đột vào ấp Bắc Ruộng, bao vây gọi hàng, thu toàn bộ vũ khí của trung đội dân vệ và thanh niên chiến đấu tại đây rồi đốt trụ sở, phát động quần chúng nổi dậy phá banh ấp chiến lược và dùng cối 81 ly pháo kích vào chi khu làm cho địch hết sức hoang mang, chúng phải kêu cứu tỉnh Bình Tuy chi viện. Để cứu vãn tình hình Hoài Đức-Tánh Linh, tiểu khu Bình Tuy (La Gi) cũng đưa một lực lượng có cố vấn Mỹ đi kèm, có xe thiết giáp yểm trợ theo tỉnh lộ 2 (336) lên chi viện cho Hoài Đức. Đúng 8 giờ sáng ngày 11, toàn bộ đội hình địch đã lọt vào trận địa phục kích của Đại đội 486 và Đại đội 1 Tiểu đoàn 186 do đồng chí Nguyễn Cang-Tham mưu trưởng Tỉnh đội Bình Thuận trực tiếp chỉ huy tại suối Đá Mài (Bắc Láng Gòn).

Sau 30 phút chiến đấu quyết liệt, quân ta đã làm chủ trận địa, diệt chi đội thiết giáp 351/3 và 6 xe GMC chở đầy lính: một đại đội biệt động quân, đại đội Bảo an 387 và một trung đội của Đại đội bảo an 310 cùng một trung đội công vụ (tổng cộng 130 tên, có hai tên cố vấn Mỹ). Ta thu 47 súng các loại (có hai đại liên, hai

trung liên và một cối 60 ly) cùng hàng chục ngàn viên đạn, phá hủy bốn đại liên và nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Sau khi đánh gãy hai cánh quân chi viện của địch, các đơn vị của khu và của tỉnh đều phân tán thành những bộ phận nhỏ phối hợp với bộ đội huyện, các đội công tác và du kích đột vào các ấp chiến lược Sùng Nhơn 1, Sùng Nhơn 2, khu dinh điền Bắc Ruộng đánh tan bốn trung đội dân vệ (một số chết, số còn lại ra hàng). Cũng trong thời gian đó, bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn 186 liên tục pháo kích vào chi khu Hoài Đức, vây ép chi khu làm địch rất hoang mang, dao động.

Phối hợp với Tánh Linh và Hoài Đức, sáng ngày 12-11-1964, Đại đội 460 Hàm Tân cùng hai tiểu đội của Thị đội Phan Thiết đánh vào ấp Cây Giăng, diệt gọn một trung đội bảo an và một trung đội dân vệ, phá ấp chiến lược, giải phóng 2.000 dân tại đây một lần nữa.

Để cứu vãn tình hình, chiều ngày 12-11-1964, địch dùng trực thăng chở một tiểu đoàn lính cộng hòa của vùng 3 chiến thuật đổ xuống Hoài Đức. Bọn này chưa kịp đứng chân liền bị Tiểu đoàn 186 và các lực lượng địa phương vây đánh liên tục, buộc chúng phải co cụm tại chi khu.

Từ ngày 13-11 trở đi, ta tiếp tục đột vào hầu hết các ấp chiến lược và dinh điền ở huyện Hoài Đức và một số ấp chiến lược thuộc huyện Tánh Linh vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy đánh phá tan bộ máy kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ, tiến hành

xây dựng chính quyền cách mạng, tổ chức các đoàn thể và phát triển dân quân du kích, từng bước chuyển lên thế bố phòng chiến đấu tại chỗ. Đồng thời, ta tổ chức quần chúng liên tục kéo lên quận đấu tranh trực diện với địch đòi cấm bắn pháo, ném bom vào các ấp. Đặc biệt có những cuộc biểu tình có đến hơn 1.000 người tham gia.

Phấn khởi trước khí thế cách mạng đang lên, hàng trăm thanh niên nam nữ đã tình nguyện thoát ly tham gia kháng chiến, gia nhập quân đội. Nhờ đó, qua thời gian hoạt động, Tiểu đoàn 186 đã bổ sung quân số tương đối đầy đủ, các đơn vị của tỉnh, của huyện và dân quân du kích đều được phát triển.

Nhằm chuẩn bị cho đợt hoạt động tiếp theo, cuối tháng 11-1964, các đơn vị của tỉnh đều rút về căn cứ để củng cố. Ngày 15-12-1964, Tiểu đoàn 186 của Quân khu cũng rút về cứ, chỉ để lại một tiểu đội phối hợp với bộ đội địa phương huyện, dân quân du kích và các đội công tác giữ vùng giải phóng, giữ thế tranh chấp với địch trong các ấp còn lại ở cả hai huyện.

Trong quá trình Quân khu tập trung lực lượng hoạt động ở hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh, Ban Chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận cũng đã phân công lực lượng tiến hành chuẩn bị chiến trường để đánh diệt chi khu Thiện Giáo, nhằm hỗ trợ và đẩy mạnh phong trào phá ấp chiến lược ở khu vực này.

Chi khu Thiện Giáo đóng tại thị trấn Ma Lâm, nằm trên liên tỉnh lộ 8 (quốc lộ 28 ngày nay), cách thị xã

Phan Thiết 17 km về phía bắc. Lực lượng địch ở đây có Đại đội bảo an 888 (người Chăm) do tên trung úy Thổ Thêm khét tiếng gian ác làm Đại đội trưởng, 1 trung đội dân vệ cùng bọn công an, cảnh sát và bộ máy hành chính, tất cả khoảng 300 tên đặt dưới quyền chỉ huy chung của tên Đại úy Chi khu trưởng Huỳnh Văn Trọng. Ở nơi đông dân nhiều cửa và cũng là vùng sâu, chưa lần nào du kích và đội công tác vào được nên bọn địch rất chủ quan, hàng ngày lùng sục ra các vùng xung quanh tối về nhậu nhẹt chơi bời thỏa thích.

Các Đại đội 486 và 481, sau khi được củng cố vừa về đến Hàm Thuận là bước vào chiến đấu ngay. Trận đánh do đồng chí Nguyễn Lâu (Mười Lan)-Tham mưu phó Tỉnh đội làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Trần Tấn Lộc (Cao Ly)-Đại đội trưởng Đại đội 481-người chuẩn bị chiến trường làm Chỉ huy phó.

Đúng 2 giờ sáng ngày 31-12-1964, quân ta đã áp sát và nổ súng công kích chi khu. Sau tiếng nổ bộc phá phát lệnh của mũi 2 do đồng chí Lê Quang Hồng phụ trách, từ các hướng bắc, đông bắc và tây nam các mũi xung kích do các đồng chí Nguyễn Minh, Phạm Bảo (An), Phạm Ngọc Anh (Anh Nả), Lê Văn Bằng và Văn Minh Trường chỉ huy đã đồng loạt xông vào đánh sập nhà lính, trụ sở quận và các lô cốt xung quanh, chiếm khu nhà cảnh sát. Bị đánh bất ngờ và dữ dội, đại bộ phận lực lượng địch đều bị diệt, số sống sót cạy vào lô cốt mẹ ở giữa chi khu chống cự. Giữa lúc đó, một số chiến sĩ ta đã sục vào khu kho lấy giấy nhựa đốt để soi đường làm cháy kho đạn. Đạn nổ dữ dội trong chi khu làm trận

đánh không thể tiếp tục được. Trước tình hình đó, Ban Chỉ huy trận đánh đành phải hạ lệnh lui ra.

Sau 2 giờ chiến đấu quyết liệt, quân ta đã làm chủ tất cả các mục tiêu trong chi khu (trừ lô cốt mẹ), diệt Đại đội bảo an 888 (tên Thổ Thềm thoát chết vì hấn ngủ ở nhà riêng), một tổng đoàn dân vệ (tương đương trung đội), một số cảnh sát, công an và bọn nhân viên ngục trong đó có tên Huỳnh Văn Trọng, Chi khu trưởng đã dền tội. Ta thu hơn 100 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự, giải thoát một số đồng bào bị địch bắt. Tuy nhiên, lực lượng ta có 1 đồng chí hy sinh và 10 đồng chí bị thương.

Phát huy thắng lợi, chiều ngày 05-1-1965, ta đánh áp chiến lược Bình Lâm, diệt gọn một trung đội dân vệ và đánh tan trung đội bảo an, phá dứt điểm áp chiến lược. Hơn 2.000 dân bung về làng cũ làm ăn.

Bị đánh ở Thiện Giáo và Bình Lâm, chiều ngày 17-1, địch cho hai đại đội càn lên Tam Giác để trả đũa nhưng bị Đại đội 486 và Đại đội 489 cùng lực lượng vũ trang Hàm Thuận chặn đánh, diệt và làm bị thương một số tên, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn.

Trong những ngày tiếp theo, ta liên tục vũ trang tuyên truyền vào các ấp An Phú, Tường Phong và Đại Năm, bắt và diệt một số ác ôn, tề điệp, đưa một số cơ sở ra vùng giải phóng học tập tình hình nhiệm vụ.

Phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, du kích Đại Năm dùng lựu đạn đánh trung đội dân vệ, diệt và làm bị thương một tiểu đội (chết 4 tên, bị thương 5 tên),

hai tiểu đội còn lại hoang mang, dao động rồi tan rã.

Ở Thuận Phong và Hòa Đa, các lực lượng vũ trang huyện và du kích liên tục bám vào các ấp chiến lược đánh tiêu hao địch, phát động quần chúng phá banh, phá lỏng các ấp chiến lược Bàu Ốc, Xa Ra, Tuyền Hòa, đồng thời đưa dân ấp Tà Nung về bám ruộng đất cũ chống địch càn quét, xây dựng xã giải phóng Hồng Sơn.

Ở Tánh Linh và Hoài Đức, sau một thời gian củng cố, Tiểu đoàn 186 đã trở lại chiến trường. Ngày 04-1-1965, Đại đội 1 Tiểu đoàn 186 tập kích vào ấp chiến lược Đồng Kho, diệt gọn một trung đội bảo an và đánh tan một trung đội bảo an khác, hỗ trợ cho đồng bào phá dứt điểm ấp chiến lược Đồng Kho.

Ngày 14-1-1965, địch ở quận Hoài Đức tung Đại đội bảo an 515 và bốn trung đội dân vệ cùng đoàn bình định nông thôn, tâm lý chiến do tên Quận trưởng Lâm Thanh Liêm chỉ huy (có cả 2 tên cố vấn Mỹ đi kèm) càn lên vùng giải phóng Mê Pu, Sùng Nhơn. Chúng đã bí mật cất rùng từ Nghị Đức (Đa Brim) lên ngã 3 Ba Sa rồi tiến vào xóm Mười Nhà ở Mê Pu.

Biết được ý đồ của địch, Tiểu đoàn 186 và du kích Mê Pu đã chuẩn bị sẵn sàng đón đánh. Đúng 6 giờ sáng ngày 14, khi bọn địch vừa vào đến cổng chào tại ngã 3 thì lập tức Trung đội 3 và tiểu đội du kích chặn đánh quyết liệt. Bị đánh bất ngờ, chúng lùi lại và liên tiếp tổ chức ba đợt xung phong nhưng cũng không sao vượt qua được vị trí chốt chặn của ta. Ta diệt 20 tên, số còn lại lùi về phía sau củng cố. Nhắm nắm tình hình, lúc 9 giờ 30

phút, tiểu khu Bình Tuy (La Gi) dùng hai trực thăng lên thị sát và động viên tinh thần binh lính nhưng bị ta bắn hỏng một chiếc (tên tiểu khu phó đi trên trực thăng trúng đạn đèn tội), chúng hộ tống nhau bay về La Gi.

Để nhử địch vào khu vực đã định sẵn, ta chủ động rút bộ phận chốt chặn. Thấy lực lượng ta rút, bọn địch ô ạt xông lên, đến xóm Mười Nhà, tên Quận trưởng Lê Thanh Liêm điện báo về tiểu khu là đã tái chiếm xong vùng giải phóng Mê Pu và hạ lệnh cho lính ăn cơm trưa.

Giữa lúc bọn địch đang ăn uống, đưa đứng, đưa ngồi, đưa nằm la liệt hai bên đường thì Tiểu đoàn 186 đã tổ chức thành ba mũi bao vây. Trước khi xuất kích, ta dùng hai khẩu cối 82 bắn cấp tập vào đội hình địch. Sở chỉ huy của chúng bị diệt ngay từ loạt đạn đầu, số còn lại đội hình rối loạn. Chớp thời cơ, Tiểu đoàn trưởng hạ lệnh xuất kích: Một mũi đánh vào chính diện, một mũi đánh vào bên sườn và một mũi vòng phía sau chặn đánh cổng ra vào. Bọn địch chống trả yếu ớt, lớp chết, lớp hàng. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa, diệt tại chỗ 101 tên, bắn bị thương 59 tên (có một đại úy, một trung úy và hai cố vấn Mỹ), thu 78 súng các loại (có một cối 60 và một đại liên) và rất nhiều đạn dược, quân trang quân dụng, xóa sổ Đại đội bảo an 515, đánh thiệt hại nặng bốn trung đội dân vệ, một đoàn bình định, một toán tâm lý chiến. Ta hy sinh 3 đồng chí, bị thương 11 đồng chí.

Sau khi diệt chi khu Thiện Giáo và hoạt động ở Hàm Thuận một thời gian, đầu tháng 2-1965, các đơn vị chủ lực của tỉnh tiếp tục trở lại chiến trường trọng điểm

Hoài Đức và Tánh Linh.

Đêm 7-2-1965, bằng chiến thuật tập kích bí mật, Đại đội 481 và Đại đội 486 dưới sự chỉ huy của hai đồng chí Trần Tấn Lộc và Nguyễn Thanh Đồng đã diệt gọn một đại đội biệt kích thuộc lực lượng đặc biệt của địch chốt trên điểm cao Lô Ô, đánh sập toàn bộ cứ điểm, thu toàn bộ vũ khí (có một đại liên, một cối 81 và một cối 60 ly). Cùng lúc, đơn vị trợ chiến của quân khu dùng hỏa lực tập kích gây thiệt hại nặng chi khu Tánh Linh, đội công tác đột vào Đồng Me vận động quần chúng đấu tranh chính trị, kết hợp với binh vận làm tan rã và phá ấp chiến lược đưa hơn 1.000 dân ở đây về làng đất cũ. Một bộ phận khác của Tiểu đoàn 186 phối hợp với bộ đội địa phương vào tước vũ khí tiểu đội dân vệ ở Bà Tá và đánh tan trung đội dân vệ ở Gia An, giải phóng hai ấp này.

Ngày 22-2-1965, ta chặn đánh một trung đội bảo an ở Tà Bao, đột kích vào ấp Huy Khiêm (Bác Núi), diệt và gọi hàng hai trung đội dân vệ, thu hơn 100 súng, làm chủ hoàn toàn khu vực này. Chi khu Hoài Đức của địch rơi vào thế bị bao vây cô lập.

Trước nguy cơ chi khu Hoài Đức bị tiêu diệt, ngày 23-2, Tư lệnh vùng 3 chiến thuật (Đông Nam Bộ) dùng trực thăng bốc Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 47 quân cộng hòa từ Suối Râm lên giải tỏa. Bọn chúng vừa đặt chân xuống khu vực Bác Núi thì bị Tiểu đoàn 186 và lực lượng địa phương vây đánh, diệt tại chỗ 60 tên, số còn lại tháo chạy vào chi khu. Hoang mang, dao động trước tình thế bị cô lập hoàn toàn, đêm 23-2-1965, toàn bộ

quân địch ở chi khu Hoài Đức và Tiểu đoàn 2 quân cộng hòa đã bí mật băng đồng tháo chạy về Võ Đắc. Quận Hoài Đức hoàn toàn giải phóng.

Thừa thắng, quân ta phát triển vào các khu vực Võ Xu, Trà Tân 1, Trà Tân 2; bọn địch ở các nơi này cũng đều tháo chạy tán loạn. Cùng thời gian đó, đội công tác Suối Kiết kết hợp với du kích đánh vào 2 trung đội dân vệ đóng trong các ấp chiến lược, tước 18 súng, giải phóng 3 ấp Sông Dinh, Suối Kiết và Sông Phan.

Như vậy, đến ngày 23-2-1965, ta đã giải phóng hầu hết huyện Hoài Đức và đại bộ phận các ấp chiến lược, khu dinh điền ở huyện Tánh Linh, mở ra một vùng rộng lớn khá giàu về kinh tế với hơn ba vạn rưỡi dân (trừ hai thị trấn Lạc Tánh và Võ Đắc ta chưa giải phóng).

Nhằm chi viện cho Bình Thuận, đêm 23-2-1965, một trung đoàn lực lượng của chủ lực miền phối hợp với lực lượng địa phương Hàm Tân đánh diệt 1 trung đội dân vệ ở ấp chiến lược Hiệp Hòa. Sáng hôm sau (24-02), tiếp tục tổ chức phục kích, diệt hơn hai đại đội bảo an của tiểu khu Bình Tuy tiếp viện đến, phá banh ấp chiến lược và giải phóng 2.000 dân.

Phối hợp với trọng điểm, từ ngày 16-2-1965, Đại đội 430 Hàm Thuận chặn đánh tiêu hao nặng và làm tan rã hai trung đội dân vệ đến tái chiếm ấp Bình Lâm. Ngày 19-02, Đại đội 430 diệt gọn một trung đội bảo an và đánh tan trung đội dân vệ tại An Phú phá banh ấp chiến lược.

Trong lúc quân địch đang hoang mang bối rối chưa

kip đối phó thì quần chúng đã nổi dậy phá các ấp chiến lược Tân Hòa và Tân An. Các đội công tác phát triển hoạt động vào các ấp Xuân Phong, Đại Năm và Phú Hội.

Phía khu Lê Hồng Phong, bộ đội địa phương huyện kết hợp với mũi đầu tranh chính trị và binh vận của quần chúng đã đưa toàn bộ Trung đội dân vệ số 32 đóng ở Bàu Ốc mang súng về với cách mạng. Ấp chiến lược Bàu Ốc hoàn toàn giải phóng. Du kích ở hai xã Hồng Sơn và Hồng Liêm liên tục bám trụ chống càn, bao vây, bắn tỉa đồn Gộp, làm cho bọn địch ở đây hoang mang tháo chạy. Đến đầu tháng 3-1965, hai xã Hồng Sơn và Hồng Liêm hoàn toàn giải phóng.

Ở Thuận Phong, quần chúng đã nổi dậy kết hợp với lực lượng vũ trang phá dứt điểm các ấp chiến lược Xa Ra và Tuyền Hòa. Các đội công tác đột vào Phú Long và Phước Thiện Xuân diệt bọn tề điệp, ác ôn, phá lỏng bộ máy kìm của địch ở khu vực này.

Phía Hòa Đa, Phan Lý và Tuy Phong, ta vào vũ trang tuyên truyền trong các ấp chiến lược Châu Hanh, Cánh Diển, Mai Lãnh, Tuy Tịnh và Phan Rí. Du kích mật ném lựu đạn diệt một số tên ác ôn ngay giữa thị trấn Chợ Lầu.

Ngày 20-4-1965, một trung đội của Đại đội 430 Hàm Thuận phối hợp với du kích xã Hàm Chính tập kích vào ấp chiến lược Bình Lâm giữa ban ngày, diệt và bắt một trung đội dân vệ, thu 20 súng.

Kết thúc đợt hoạt động đông-xuân 1964 - 1965, ta tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch,

giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Đức (đây là huyện giải phóng đầu tiên của tỉnh Bình Thuận và của cả Quân khu 6 lúc bấy giờ) và giải phóng đại bộ phận vùng nông thôn huyện Tánh Linh, đồng thời phá banh nhiều ấp chiến lược ở các huyện Hàm Tân, Hàm Thuận, Thuận Phong, đánh thiệt hại nặng chi khu Thiện Giáo và giải phóng hoàn toàn 2 xã Hồng Sơn và Hồng Liêm, Xa Ra, Tuy Hòa (Thuận Phong) và ấp Bàu Ốc (Hòa Đa). Trên cơ sở đó, ta đã tạo ra thế và lực mới cho cuộc chiến đấu của quân dân tỉnh nhà.

Hè năm 1965

Phối hợp với quân khu và toàn miền, vào đợt hoạt động hè năm 1965, Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương: “Vừa giữ vững vùng giải phóng Hoài Đức, Tánh Linh vừa liên tục tiến công địch”, giải phóng các vùng tạm chiếm còn lại của huyện Thuận Phong, từ xã Khánh Thuận đến Phú Long

Thực hiện chủ trương trương trên, Ban Chỉ huy Tỉnh đội quyết định lấy Thuận Nghiệp và Phú Long làm điểm với yêu cầu: giải phóng cho được một vùng duyên hải rộng lớn từ xã Khánh Thiện, Thiên Nghiệp vào đến Phú Hải, Phước Thiện Xuân và Phú Long. Diện trực tiếp là trục đường 1A Lương Sơn đến Chợ Lầu (tây sông Phan Rí Cửa) với yêu cầu giải phóng cho được khu vực Lương Sơn (ngay trên Quốc lộ 1A) đưa các ấp phía tây Chợ Lầu lên thế tranh chấp mạnh. Các địa phương khác, trên cơ sở phối hợp với trọng điểm để hoạt động đưa dân ở các ấp chiến lược ta đã phá được về bám đất sản xuất, phát triển chiến tranh du kích, mở rộng vùng làm

chủ và vùng tranh chấp xuống sát thị trấn, thị xã.

Ban chỉ huy chung của đợt hoạt động Hè năm 1965 được Thường vụ Tỉnh ủy chỉ định gồm các đồng chí: Lê Văn Hiền, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội; Lê Đình Nguyên, Tỉnh đội trưởng; Nguyễn Văn Lâu, Tham mưu phó Tỉnh đội cùng hai đồng chí Bí thư Huyện ủy ở hai huyện là Nguyễn Ninh (Thuận Phong) và Trần Văn Tình (Lê Hồng Phong).

Giữa lúc quân và dân ta đang sôi nổi chuẩn bị cho hoạt động Hè thì ngày 22-4-1965, địch đưa hai tiểu đoàn thuộc Trung đoàn 47 quân cộng hòa càn lên lấn chiếm vùng giải phóng Hoài Đức – Tánh Linh hòng phá hoại kế hoạch của ta. Kiên quyết giữ vững vùng giải phóng, các lực lượng tại chỗ đã chặn đánh quyết liệt gây cho chúng nhiều thiệt hại, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn; ta vẫn giữ vững được vùng giải phóng.

Mặc dù có gặp khó khăn nhưng hoạt động hè năm 1965 của ta vẫn diễn ra đúng theo kế hoạch.

Ngày 5-5-1965, ở trọng điểm, ta sử dụng một bộ phận đặc công 481, hai Đại đội 489 và 440 Hòa Đa do hai đồng chí Nguyễn Anh Dũng và Trần Văn Lý chỉ huy đánh vào ấp chiến lược Giồng Thầy Ba và ấp chiến lược Rạng, diệt gọn hai trung đội dân vệ ở hai ấp này, đưa gần 5.000 dân bị địch tập trung ở Giồng Thầy Ba về đất cũ làm ăn. Quân ta trụ lại trong ấp; Đại đội 486 được giao nhiệm vụ phục kích tại đoạn đường giữa Rạng và Mũi Né để đón đánh địch từ chi khu Hải Long lên giải tỏa, nhưng địch ở Hải Long không lên. Đến 14 giờ

cùng ngày, địch ở Phan Thiết cho hai Đại đội bảo an 887 và 443 ra phản kích vào hai ấp ta đang chốt giữ. Hai Đại đội 489 và 440 đã đánh trả quyết liệt đến 18 giờ, diệt và làm bị thương một số khá lớn quân địch, buộc chúng phải tháo lui. Tuy nhiên, cả hai đại đội đều bị tổn thất, Đại đội 440 hy sinh gần 1 trung đội (trong đó có đồng chí Trung đội trưởng Tâm), Đại đội 489 cũng hy sinh một số và đồng chí Ngô Tấn Hải cùng 8 dân công bị địch bắt.

Ngày 5-5-1965, sau khi lên Lâm Đồng hoạt động một thời gian, Tiểu đoàn 186 đã tập kích diệt gọn đồn Eser và cứ điểm Ngã ba Eser, một cứ điểm quan trọng, giải phóng một mảng lớn gồm các ấp Eser, Đamré (nam B'la). Tuyệt đại bộ phận huyện K4 của Lâm Đồng đã được giải phóng nối liền với vùng giải phóng Hoài Đức, Tánh Linh, liên hoàn với vùng giải phóng Hàm Thuận.

Để tiếp tục thực hiện chủ trương đã đề ra, Ban Chỉ huy chung quyết định tập kích vào ấp Phú Long, một ấp chiến lược nằm trên đường Quốc lộ 1A cách thị xã Phan Thiết hơn 7 km về phía bắc.

Lực lượng sử dụng vào trận tập kích do đồng chí Lê Đình Nguyên, Tỉnh đội trưởng và đồng chí Nguyễn Lâu, Tham mưu phó Tỉnh đội chỉ huy, gồm có: Đại đội 486 làm nhiệm vụ chủ công được tăng cường Đại đội trợ chiến 487, Đại đội 488 làm lực lượng dự bị.

Lực lượng địch đóng ở khu vực này có hai trung đội dân vệ và hai trung đội phòng vệ dân sự, cùng bọn tề điệp, ác ôn khoảng 100 tên. Ngoài lực lượng tại chỗ,

quân địch còn có những đại đội bảo an thường xuyên thay phiên nhau và chi đội xe bọc thép của tiểu khu Bình Thuận sẵn sàng chi viện cho yếu khu Phú Long. Tuy là một áp chiến lược nhưng hệ thống phòng thủ địch bố trí khá vững chắc; ngoài vành đai lũy cao, hào sâu, chông mìn, rào kẽm gai còn có các lô cốt dọc Quốc lộ 1A ở các đầu cổng ra vào, các ngã ba và ở đầu cầu Phú Long để kiểm soát việc đi lại của dân và chi viện cho nhau.

Sau khi nghiên cứu địa hình và quy luật hoạt động của địch, Đại đội trưởng Lương Thái Hà và Chính trị viên Nguyễn Thanh Đồng thay mặt cho cấp ủy, Ban chỉ huy Đại đội 486 báo cáo quyết tâm tiêu diệt yếu khu Phú Long lên cấp trên bằng chiến thuật vận động tập kích ban ngày với hình thức cải trang: Mũi đột kích chủ yếu sẽ tiến theo Quốc lộ 1A từ hướng bắc đánh thẳng vào ấp; mũi thứ hai từ Phú Trường thọc thẳng vào giữa ấp phối hợp trong đánh ra, ngoài đánh vào.

Thực hiện theo phương án tác chiến được cấp trên phê duyệt, đúng 14 giờ 30 phút ngày 17-5-1965, tất cả các mũi đều bắt đầu xuất phát.

Ở hướng chủ yếu, dẫn đầu là bốn chiến sĩ trinh sát gồm: Nguyễn Xuân Mai, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Hữu Tín và Đinh Văn Châu cải trang thành những thanh niên ở địa phương đi bằng xe đạp, tiếp theo là đoàn xe lam gồm nhiều chiếc chở lực lượng cải trang hành khách từ Tuy Hòa xuống Phú Long. Đến cổng gác phía bắc, hai thanh niên vào trình giấy, cùng lúc, hai thanh niên bên ngoài mở cây chắn đường, đoàn xe lam lần lượt vượt qua

chạy thẳng vào ấp. Phát hiện thấy tình hình không bình thường, tên lính gác đưa súng lên định bắn vào chiếc xe thứ hai nhưng không kịp, đồng chí Mai đã diệt hắn ngay tại chỗ. Nghe súng nổ, bọn địch trong lô cốt gần đó bắn ra làm đồng chí Mai hy sinh. Quyết chiếm cho được đầu cầu, ba chiến sĩ còn lại lập tức xông vào lô cốt diệt một số tên, số còn lại tháo chạy. Giữa lúc đó thì đoàn xe lam cũng vừa vào đến ấp và các "hành khách" đồng loạt nhảy xuống tràn vào đánh chiếm các mục tiêu quy định; từ trong ấp, mũi thứ hai cũng nổ súng đánh ra phối hợp. Bị đánh bất ngờ, bọn địch chống cự yếu ớt rồi tháo chạy. Sau 20 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ thị trấn Phú Long, diệt tại chỗ 10 tên, bắn bị thương một số, bắt sống 5 tên và thu 8 súng.

Được tin yếu khu Phú Long bị mất giữa ban ngày, địch ở tiểu khu Bình Thuận lập tức tung hai đại đội bảo an 443 và 887, có ba xe bọc thép yểm trợ từ Phan Thiết lên giải tỏa. Bọn chúng vừa đến phía nam đầu cầu Phú Long thì bị hỏa lực của ta từ bờ bắc bắn sang mãnh liệt, chiếc xe bọc thép đi đầu vừa qua được một phần ba cầu thì trúng đạn ĐKZ nên quay đầu tháo chạy. Ở phía tây bắc đường, một cánh quân của địch tổ chức vượt sông (sáu lần) nhưng đều Trung đội 2 do Trung đội trưởng Văn Minh Trường chỉ huy bị chặn lại, tiêu diệt hàng chục tên. Ở phía đông nam đường, một cánh quân của địch chỉ chiếm được vài lô cốt cũ của Pháp để lại ở dọc bờ sông và cũng không dám vượt sông sang. Cùng lúc đó, Đại đội bảo an 442 từ hướng Kim Bình kéo sang chi viện cũng bị quân ta đẩy lùi.

Chớp thời cơ lúc địch đang hoang mang rối loạn và cụm lại tại khu vực gần nhà thờ Kim Ngọc, Đại đội trưởng Lương Thái Hà lập tức ra lệnh cho Trung đội 2 vượt sông và Trung đội 3 vượt cầu đánh thẳng vào đội hình địch. Bọn địch ngoan cố chống cự chờ viện binh nhưng vô hiệu. Trước sức tấn công dũng mãnh của quân ta, đại bộ phận địch bị tiêu diệt ngay tại chỗ, một số đầu hàng và bị bắt, số còn sống sót tháo chạy về Phan Thiết theo đường Lại An và Phước Thiện Xuân. Sau 2 giờ chiến đấu quyết liệt, ta diệt và làm bị thương hơn 100 tên, bắt sống 59 tên trong đó diệt gọn hai đại đội bảo an 443 và 887, đánh thiệt hại nặng Đại đội bảo an 442, bắn bị thương một xe bọc thép và thu 90 súng các loại (có hai đại liên, hai trung liên và một cối 60). Ta hy sinh 3 đồng chí, trong đó có đồng chí Trương Thanh Bình-Trung đội trưởng Trung đội 3.

Phối hợp với chủ lực tỉnh, các đội công tác Phú Long và Đại đội 450 Thuận Phong truy bắt bọn tề điệp, ác ôn và những tên lính sống sót tháo chạy, làm tan rã hoàn toàn bộ máy kìm của địch ở khu vực này. Hơn 500 đồng bào ở các vùng lân cận bị chúng dồn vào ấp ấp chiến lược đã bung về làng cũ làm ăn.

Ngày 17-5-1965, ở Hoài Đức, một bộ phận của Tiểu đoàn 186 phối hợp với lực lượng huyện tập kích vào đại đội bảo an đóng ở Võ Xu. Tuy trận đánh không dứt điểm, nhưng cũng đã diệt gần hết đại đội này, quân địch chết và bị thương 102 tên. Ta bị tổn thất 25 đồng chí.

Ngày 27-5-1965, Đại đội 486 và Đại đội 450 Thuận

Phong cùng một lúc tập kích vào hai ấp chiến lược Phước Thiện Xuân và Phú Hải, đánh tan hai trung đội dân vệ và làm chủ khu vực này. Sau đó, Đại đội 486 rút ra hoạt động phía Hòa Đa. Đêm ngày 5-6, Đại đội tập kích vào ấp chiến lược Chợ Lầu diệt một số địch, đồng chí Nguyễn Lâu, Tham mưu phó Tỉnh đội đã hy sinh.

Phối hợp với trọng điểm từ phía bắc khu Lê Hồng Phong trở ra (diện) ta diệt một trung đội dân vệ quân Hòa Đa đóng tại Lương Sơn, đồng thời pháo kích liên tục vào Trung tâm huấn luyện của địch ở Tịnh Mỹ; hơn 5.000 dân Lương Sơn nổi dậy phá dứt điểm ấp chiến lược kiểu mẫu này. Sau đó ta tập kích vào ấp Hiệp Thành đánh tan hai trung đội dân vệ và phá hỏng đoạn đường sắt từ Sông Mao đi Ma Lâm. Trên Quốc lộ 1A (đoạn từ Chợ Lầu đến cầu Ông Tâm), du kích xã Hồng Sơn, Hồng Liêm liên tục bám đường đánh tiêu hao bọn đi sửa đường, sửa cầu. Ở Hòa Đa, các đội công tác và Đại đội 440 liên tục vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng nổi dậy phá banh các ấp chiến lược Châu Hanh, Mai Lãnh, Cánh Diễn, Trí Thái, Thanh Khiết, đồng thời tiến công diệt gọn một trung đội dân vệ của quận Phan Lý đóng tại Bá Ghe, đẩy lùi bọn địch giải tỏa từ Sông Mao và Hòa Đa lên, giải phóng hoàn toàn các ấp ở khu vực này. Ở Tuy Phong, ta diệt trung đội dân vệ đóng ở Sông Lòng Sông và đánh vào các ấp chiến lược Phú Điền, Vĩnh Hảo, La Gàn, Duông, diệt một số tên tề điệp, ác ôn.

Ở Hàm Thuận, Đại đội 430 liên tục đánh bọn dân vệ trong các ấp Lại An, Thuận Nghĩa và Phú Hội, đồng

thời huy động quần chúng phá cầu, phá đường 8, đường xe lửa (đoạn từ Ma Lâm đi Gia Huynh và từ Mương Mán đến Phan Thiết). Du kích vùng Tam Giác liên tục chống càn, hỗ trợ cho đồng bào phá các ấp chiến lược còn lại bung về làng cũ làm ăn.

Xung quanh thị xã Phan Thiết, lực lượng vũ trang thị xã phối hợp với một bộ phận của Đại đội 460 Hàm Tân diệt gọn một trung đội biệt kích ở Đất Đỏ, giữ vững vùng giải phóng, tiếp đó đột vào các ấp Phú Phong, Phú Tài rồi thọc thẳng vào phường Phú Trinh diệt gọn một tiểu đội lính cộng hòa.

Ở Di Linh, chiều ngày 30-6-1965, lực lượng vũ trang căn cứ tập kích vào ấp chiến lược Gia Bát, bắt một tiểu đội dân vệ, phá banh ấp, đưa 2.000 dân trở về làng cũ. Từ đó, địch bỏ luôn đồn Gia Bát.

Trước thắng lợi dồn dập của quân dân ta ở Bình Thuận và miền Đông Nam Bộ, nhất là khi quân dân Long Khánh tiêu diệt Trung tâm huấn luyện của địch ở Gia Rây, bọn địch ở Hoài Đức vội vã bỏ Võ Xu kéo về cứu nguy cho Xuân Lộc và ta cũng kết thúc đợt hoạt động Hè năm 1965.

*

Như vậy, sau hơn 5 năm (1960 – 1965) chiến đấu liên tục trong điều kiện gian khổ, ác liệt của quân dân Bình Thuận, tuy có những sai lầm, khuyết điểm, như lúc đầu còn lúng túng trong việc vận dụng phương châm đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị nên chưa thật mạnh dạn và linh hoạt nhưng sau những thắng

lợi ở miền núi, ta đã tích cực chuyển hoạt động xuống đồng bằng giành được những thắng lợi quan trọng. Chiến thắng Bắc Ruộng đưa gần 5.000 đồng bào dân tộc trở về làng cũ góp phần xây dựng căn cứ và những hoạt động sau đó như: Mở phong trào phát triển lên miền núi, rút cán bộ tăng cường cho Lâm Đồng góp phần thành lập tỉnh Lâm Đồng. Mở phong trào xuống đồng bằng, giải phóng và làm chủ nhiều xã, ấp, động viên được nhiều sức người, sức của để xây dựng lực lượng vũ trang tập trung cho tỉnh, huyện và Quân khu¹, phát triển dân quân du kích, tự vệ mật, lực lượng chính trị, mở rộng phong trào chiến tranh nhân dân, du kích chiến tranh, tạo cơ sở tiến lên giành thắng lợi trong việc đánh phá “Quốc sách áp chiến lược” của địch. Đặc biệt, từ năm 1964 trở đi, với 2 đợt hoạt động quân sự lớn là đông-xuân 1964 – 1965 và Hè năm 1965, quân và dân Bình Thuận đã thực hiện được yêu cầu của cấp trên đề ra là: kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, quân sự và binh vận, phá áp chiến lược, giải phóng nông thôn. Tính từ tháng 7-1960 đến tháng 8-1965, ta đã đánh 890 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 4.100 tên địch, thu 560 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự, bắn rơi và bắn bị thương 15 máy bay, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh, phá banh gần 100 ấp chiến lược (có

1. Từ năm 1960 – 1965, Bình Thuận đã 2 lần bổ sung lực lượng cho Quân khu, tháng 6-1962 bổ sung cho Tiểu đoàn 840 (lúc đó là Tiểu đoàn 120) một trung đội, bổ sung cho Tiểu đoàn 186 một trung đội (có 1 trung đội nữ). Đến năm 1965, tiếp tục bổ sung cho Quân khu một đại đội để bảo vệ các cửa khẩu V1 và V2 ở biên giới. Đó là chưa tính qua các đợt, các đơn vị của quân khu tự rút người ở các địa phương.

những ấp phá đi phá lại nhiều lần), giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Đức, đại bộ phận nông thôn ở các huyện Tánh Linh, Hàm Thuận và Thuận Phong, mở ra một vùng giải phóng rộng lớn, xã liên xã, huyện liên huyện, nối liền với căn cứ Nam Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ với hơn 100.000 dân.

Với thắng lợi quan trọng này, quân và dân Bình Thuận đã góp phần cùng quân khu và toàn miền làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Tuy nhiên, đây chỉ là những thắng lợi bước đầu. Cuộc chiến đấu đang bước vào thời kỳ mới. Bằng tinh thần cách mạng tiến công và thế trận chiến tranh nhân dân, du kích chiến tranh, quân và dân Bình Thuận quyết cùng quân và dân toàn miền Nam đọ sức quyết liệt với những âm mưu mới của kẻ thù.

Chương bảy

**ĐẨY MẠNH CHIẾN TRANH DU KÍCH,
CÙNG QUÂN KHU VÀ TOÀN MIỀN
LÀM PHÁ SẢN CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH
CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ**

(1965 – 1968)

I. Giữ vững quyền chủ động chiến trường, liên tục tiến công đánh Mỹ, diệt ngụy

Để cứu nguy cho chế độ Sài Gòn sắp sụp đổ, ngày 17-7-1965, Nhà Trắng quyết định triển khai ô at 14 tiểu đoàn lính chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam, thông qua chiến lược quân sự “tìm và diệt” của Oétmolen (West Moreland), Tư lệnh MACV, nhằm thay thế chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đã bị thất bại, bằng chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, mà mục tiêu bao trùm của nó là: triển khai lực lượng từ Mỹ sang tiến hành chiến tranh trên bộ, dùng “phản công” để tiêu diệt chủ lực ta hòng giành thắng lợi trên toàn chiến trường miền Nam. Đồng thời đẩy mạnh chiến tranh không quân ra miền Bắc, buộc ta phải thương lượng theo điều kiện của chúng.

Thực hiện mưu đồ đó, từ tháng 8-1965 trở đi, quân Mỹ đã vào chuẩn bị lập căn cứ ở một số tỉnh trên địa bàn Quân khu 6, nhất là ở Ninh Thuận. Riêng Bình

Thuận, tuy chưa có quân Mỹ đến đứng chân nhưng dựa vào tình thế chung, bọn nguy quân, nguy quyền đã gượng dậy, xua quân càn quét lấn chiếm vào các ấp ven thị xã, thị trấn và các trục lộ giao thông với lực lượng từ cấp đại đội đến tiểu đoàn và dùng máy bay bắn phá, rải chất độc hóa học vào các vùng căn cứ của ta như khu Lê Hồng Phong, miền Tây Hàm Thuận, Hàm Tân, Hoài Đức, Tánh Linh.

Đi đôi với càn quét đánh phá, chúng còn ra sức củng cố lại hệ thống tề điệp, chiến tranh tâm lý để đánh phá phong trào cách mạng của quần chúng ở cơ sở và tuyên truyền cái gọi là “sức mạnh Hoa Kỳ” hòng lung lạc tinh thần, ý chí của nhân dân ta. Đồng thời, chúng tiếp tục đôn quân bắt lính để tăng nhanh số lượng bảo an, dân vệ, củng cố và phát triển hệ thống đồn bót, chướng ngại vật, mở rộng các trục đường giao thông, hình thành trở lại các vành đai ấp chiến lược từ Phú Long đến Tân An, Phú Hội qua Ngã Hai mà trọng điểm là Xuân Phong và Đại Nấm (vùng ven thị xã Phan Thiết).

Để bao vây kinh tế ta, ngoài việc rải chất độc hóa học ở vùng căn cứ và dùng xe bọc thép, xe ủi đất ủi phá các cánh đồng lúa ở vùng giáp ranh, chúng còn cho tay chân theo dõi và bắt tất cả những người dân ở vùng căn cứ đi lại mua bán ở tranh chấp và ngược lại.

Nhân dân Bình Thuận đang đứng trước một thử thách mới, đó là phải đọ sức với chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ với lực lượng và phương tiện chiến tranh không cân sức.

Quyết giữ vững quyền chủ động chiến trường và thực hiện Chỉ thị của Khu ủy, Quân khu ủy Khu 6, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận hạ quyết tâm: “Khẩn trương phát triển lực lượng, củng cố và xây dựng các vùng căn cứ giải phóng-hậu phương trực tiếp của cuộc chiến đấu, đẩy mạnh chiến tranh du kích, sẵn sàng đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ trên chiến trường địa phương.

Thực hiện quyết tâm đó, ngày 20-10-1965, tại một khu rừng trong vùng căn cứ thuộc thôn Phú xã Mỹ Thạnh huyện Tánh Linh (nay thuộc huyện Hàm Thuận Nam), Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội công bố quyết định thành lập Tiểu đoàn 482. Đây là tiểu đoàn chủ lực đầu tiên của tỉnh Bình Thuận. Ban chỉ huy tiểu đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Hội¹ làm Tiểu đoàn trưởng, Đỗ Ngọc Thạch làm Chính trị viên, Nguyễn Bình Phước làm Tiểu đoàn phó và Nguyễn Thanh Đồng làm Chính trị viên phó. Quân số của tiểu đoàn có 600 cán bộ, chiến sĩ tổ chức thành bốn đại đội: Đại đội 1 (486), Đại đội 2 (488), Đại đội 3 (489) và Đại đội trợ chiến (487). Khi giao nhiệm vụ cho tiểu đoàn, đồng chí Lê Văn Hiền-Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội chỉ thị: “Tình hình cách mạng miền Nam đang phát triển thuận lợi, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ đã bị phá sản. Để cứu nguy cho chế độ Sài Gòn, Mỹ đưa ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam Việt Nam và sẽ vào tỉnh ta. Quân Mỹ vào, cuộc chiến đấu giữa ta và địch càng trở nên quyết liệt. Vì vậy, tiểu đoàn phải cố gắng,

1. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

nỗ lực và nhanh chóng trưởng thành để xứng đáng với vai trò nòng cốt của phong trào nhân dân du kích chiến tranh ở tỉnh nhà, đồng thời phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang cấp trên đánh bại mọi mưu đồ chiến tranh của Mỹ-ngụy”.

Sau khi thành lập Tiểu đoàn 482, tỉnh tiếp tục củng cố các đơn vị khác như Đại đội đặc công 481, các đại đội bộ đội địa phương huyện, thị và các đội vũ trang công tác.

Đi đôi với phát triển lực lượng và củng cố về tổ chức, tỉnh cũng rất chú trọng việc huấn luyện quân sự. Các môn học về kỹ thuật, chiến thuật như: bắn súng, sử dụng vũ khí thô sơ, các cách đánh từ tổ ba người, tiểu đội đến trung đội, đại đội trong chiến đấu tập kích, phục kích, đặc công, chống càn, tiến công vào các cứ điểm quân sự của địch, chống quân đổ bộ đường không và đột áp chiến lược, v.v., đều được các đơn vị từ chủ lực tỉnh, bộ đội địa phương huyện, thị và dân quân du kích ra sức rèn luyện.

Đặc biệt là công tác Đảng, công tác chính trị đối với lực lượng vũ trang được Tỉnh ủy rất quan tâm và chỉ đạo kịp thời sát với tình hình mới, nhằm giải quyết tư tưởng “sợ Mỹ”, đồng thời xây dựng quyết tâm “đánh Mỹ, diệt ngụy”, giữ vững quyền chủ động chiến trường, đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh phát triển lên bước mới. Nhiều lớp học Nghị quyết của Trung ương Cục, Quân khu ủy và Tỉnh ủy về tình hình nhiệm vụ và lớp học cho đối tượng phát triển Đảng được mở ra khắp các đơn vị từ tỉnh đến huyện, thị¹. Các cuộc vận động

1. Từ tháng 6-1965 đến tháng 6-1966, các lực lượng vũ trang toàn tỉnh đã kết nạp được 71 đảng viên và 82 đoàn viên.

xây dựng “Chi bộ 4 tốt”, “Chi đoàn tiên tiến”, “Đại đội giỏi” và phong trào “Thi đua quyết thắng” đã phát huy tốt tác dụng trong lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, huyện và dân quân du kích.

Phát huy tinh thần tự lực, tự cường và để giảm bớt một phần đóng góp của nhân dân trong khi nguồn cung cấp của tỉnh và của trên còn gặp nhiều khó khăn, cơ quan hậu cần của Tỉnh đội và cơ quan kinh tài của tỉnh đã tổ chức ra các trại sản xuất tự túc, xưởng sửa chữa vũ khí và sản xuất các loại mìn tự tạo để cung cấp cho đơn vị, địa phương. Bản thân các cơ quan lãnh đạo và các đơn vị lực lượng vũ trang từ tỉnh đến cơ sở đều có tổ chức những hậu cứ sản xuất của bản thân đơn vị mình, đồng thời khi đứng chân hoạt động ở đâu thì đều tổ chức hậu cần tại chỗ ở đó thông qua các nguồn: nhân dân ủng hộ, tự cấy lúa trồng ngô, khoai...

Một trong những yếu tố quan trọng để giữ vững quyền chủ động chiến trường là phải tập trung xây dựng, củng cố các vùng căn cứ-hậu phương trực tiếp cho cuộc chiến đấu của quân dân trong tỉnh đủ sức đương đầu với những âm mưu của địch. Do đó, cùng với các mặt công tác cấp bách trước mắt, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội đã tập trung chỉ đạo các vùng căn cứ Tánh Linh, Hoài Đức, Di Linh và khu Lê Hồng Phong từ việc bố trí lại thế ăn ở cho thích hợp để bám đất vừa sản xuất, vừa chiến đấu, củng cố tiếp các tuyến bố phòng, trận địa phòng không, hệ thống chông mìn, chạmbẫy để sẵn sàng chống địch càn quét, lấn chiếm. Đặc biệt là vùng Tam Giác-một địa bàn quan trọng trực tiếp uy hiếp cơ quan đầu não của

địch ở Phan Thiết, đã được các cấp ủy địa phương lãnh đạo nhân dân xây dựng lại các làng xã chiến đấu và hình thành một hệ thống vành đai bao vây các đồn bót địch bằng các loại chông sắt, chông tre, hầm chông và trái nổ... Tất cả các nhà đều có hầm tránh pháo, các đường đi trong thôn đều có hầm ẩn nấp, từng thôn có bố trí các vọng gác quan sát từ xa.

Ngoài việc củng cố xây dựng thế trận chiến tranh du kích để chống địch càn quét lấn chiếm, các tổ chức Đảng, các đoàn thể như: thanh niên, phụ nữ, thiếu niên và nông hội... ở các vùng căn cứ, vùng giải phóng đều được củng cố và hoạt động có hiệu quả. Các phong trào sản xuất tự túc, đảm phụ kháng chiến, văn hóa - xã hội hoạt động khá sôi nổi. Nhằm động viên sản xuất và bồi dưỡng sức dân, chính quyền cách mạng tiếp tục cấp hàng trăm ha ruộng đất vắng chủ cho gia đình nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Được làm chủ trên mảnh đất do cách mạng cấp mọi người, mọi gia đình nông dân đều hăng hái tham gia tổ vắn đổi công và ra sức lao động sản xuất. Ngoài sản xuất chung, từng người, từng hộ gia đình còn thực hiện chỉ tiêu riêng như “con gà kháng chiến”, “rẫy mì nuôi quân”...

Giữa lúc quân và dân Bình Thuận đang chuẩn bị mọi điều kiện để đương đầu với những âm mưu mới của địch thì ngày 21-11-1965, Mỹ đã dùng trực thăng đổ 2 tiểu đoàn lính Mỹ thuộc Lữ đoàn 173 xuống Võ Đắc. Tiếp sau, 4 tiểu đoàn quân cộng hòa thuộc Sư đoàn 10 ngự từ miền Đông Nam Bộ kéo ra phối hợp với quân Mỹ mở cuộc càn dài ngày ở 2 huyện Tân Linh và Hoài

Đức. Chúng tập trung pháo, xe tăng và máy bay đánh phá ác liệt vào các xã Nghị Đức, Chính Đức, Sùng Nhơn, Mê Pu, Huy Kiêm, Tê Lễ và Tà Bao... Những tên lính mắt xanh mũi lõ lăm lăm trên tay khẩu súng AR15, M79 từng đoàn, từng lữ xông vào các làng xóm. Chúng đi đến đâu thì ở đó nhà cửa, lúa gạo đều cháy rụi, người chết, trâu bò, chó, mèo, heo, gà đều chết. Cảnh tang tóc đau thương trùm lên cả hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh. Nhiều cánh đồng lúa đang chín rục không có ai thu hoạch.

Cầm thù lữ giặc cướp nước và bọn bán nước, quân và dân hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương đã anh dũng đánh trả quyết liệt. Đồng chí Lương Văn Năm (Năm Lao)-Huyện đội trưởng huyện Hoài Đức đã chỉ huy lực lượng vũ trang huyện và dân quân du kích quần bám đánh địch suốt mấy ngày đêm liền. Khi bị dồn ép ra cánh đồng giữa ban ngày, địch dùng chiến thuật “Phượng Hoàng” hòng bắt gọn cả đơn vị nhưng đồng chí đã bình tĩnh chỉ huy đơn vị đánh trả, bắn rơi 2 trực thăng, tiêu diệt hàng chục tên và vượt vòng vây an toàn. Sau 14 ngày đêm (từ 21-11 đến 04-12) liên tục quần bám đánh địch, quân dân hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức đã diệt tại chỗ 220 tên (có 150 tên Mỹ), bắn rơi 5 trực thăng, bắn cháy 1 xe tăng và thu 31 súng các loại.

Tuy nhiên, so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch. Ta chỉ có bộ đội địa phương và dân quân du kích mà phải đọ sức với 8.000 quân chính quy cả Mỹ lẫn ngụy có nhiều máy bay, đại bác và xe tăng yểm trợ, nên

cối cùng, chúng đã xúc được hơn 10.000 dân của vùng giải phóng bắc sông La Ngà đưa về khu vực nam sông La Ngà để tiếp tục lập ấp chiến lược.

Trong thời gian quân dân hai huyện Tánh Linh và Hoài Đức đương đầu quyết liệt với quân Mỹ thì Tiểu đoàn 482 (chủ lực của tỉnh) cũng phối hợp với các lực lượng địa phương Hòa Đa và Tuy Phong đánh địch ở Duồng và các ấp lân cận, diệt 7 trung đội bảo an và dân vệ, làm lỏng, nhão nhiều ấp chiến lược. Khi được tin quân Mỹ tràn vào Hoài Đức thì Tiểu đoàn 482 được lệnh quay vào chi viện cho Hoài Đức và Tánh Linh nhưng khi đến nơi thì địch đã dồn gần hết dân và rút về phía nam sông. Do đó, sau khi giúp đỡ số đồng bào còn lại ổn định đời sống và bố phòng chống giặc, Tiểu đoàn 482 tiếp tục về hoạt động ở Hàm Thuận.

Phối hợp với chủ lực tỉnh, các đội công tác và dân quân du kích liên tục tiến công địch bằng ba mũi: quân sự, chính trị, binh vận và đã giành lại được một số dân, giải phóng thêm được một số ấp như: Vĩnh Hảo, Bình Thạnh, Tuy Tịnh, Hiệp An, Hiệp Thành, Hiệp Hòa và Cầu Queo, v.v.. Ở Hàm Thuận, ta cũng giải phóng thêm được một số ấp thuộc các xã Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Kiệm và làm chủ liên tỉnh lộ 8, hình thành thế bao vây thị xã Phan Thiết.

Bước sang năm 1966, thực hiện hai mục tiêu “tìm diệt” và “bình định”, địch tiến hành càn quét đánh phá mạnh hơn với phương thức quân Mỹ vòng ngoài, quân ngụy gom dân bình định bên trong. Đặc biệt, chúng sử dụng một lữ đoàn Mỹ mở cuộc hành quân Austin càn

vào vùng giáp ranh giữa tây Hàm Thuận và các huyện Hoài Đức, Tánh Linh. Lợi dụng tình hình đó, quân nguy ở tiểu khu Bình Thuận nống ra khu vực Tam Giác, vùng ven Phan Thiết và dọc liên tỉnh lộ 8 hòng giành lại thế chủ động, đẩy lực lượng ta ra xa để gỡ bị thế bao vây cô lập.

Để tiếp tục giữ vững quyền chủ động chiến trường trong điều kiện cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội đã chỉ đạo cho các xã vùng căn cứ Tánh Linh, Hoài Đức, Di Linh, Hàm Thuận, Thuận Phong, Lê Hồng Phong và Hàm Tân bố trí cho dân ăn ở thích hợp để bám đất vừa sản xuất, vừa chiến đấu sẵn sàng chống địch càn quét, lấn chiếm. Trong 8 xã giải phóng của Hàm Thuận, ta đã huy động hàng ngàn người tham gia bố phòng, cắm nhiều tuyến chông lá, chông sắt và hầm chông sắt. Riêng xã Hồng Sơn đã bố phòng được bốn tuyến chông bao quanh xã. Huyện Tánh Linh, xây dựng được 8 tuyến chông kéo dài gần 10 km. Về tổ chức, Tỉnh ủy cũng đã kịp thời củng cố lại cho phù hợp với tình hình: Giải thể huyện Lê Hồng Phong và Ban cán sự Bắc Sơn, lập lại các huyện Hòa Đa, Phan Lý và Tuy Phong, đồng thời chỉ định các đồng chí: Trần Văn Tình nguyên Bí thư Huyện ủy Lê Hồng Phong làm Bí thư Huyện ủy Hòa Đa, Nguyễn Hưng nguyên Bí thư Ban cán sự Bắc Sơn làm Bí thư Huyện ủy Phan Lý và Nguyễn Đăng Kỳ làm Bí thư Huyện ủy Tuy Phong.

Đi đôi với củng cố tổ chức, Tỉnh ủy còn chủ trương thành lập các đơn vị thanh niên xung phong để phục vụ chiến trường trong thời gian ngắn hạn hoặc dài hạn.

Đại đội thanh niên xung phong đầu tiên của tỉnh được thành lập vào ngày 26-3-1966 với quân số 130 cán bộ, chiến sĩ. Cũng trong thời gian này, trung đội thanh niên xung phong của huyện Thuận Phong được tổ chức gồm 36 nam nữ thanh niên xung phong tình nguyện.

Thực hiện sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 6 và phối hợp với toàn miền đánh bại cuộc phản công mùa khô lần thứ nhất của quân Mỹ, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội chủ trương mở đợt hoạt động xuân - hè năm 1966, nhằm đẩy quân ngụy vào thế tan rã nhanh hơn nữa.

Mở màn cho đợt hoạt động, vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 21-2-1966, bằng một trận vận động phục kích giữa ban ngày nơi địa hình trống trải, dưới sự chỉ huy của hai đồng chí: Lê Đình Nguyên-Tỉnh đội trưởng và Nguyễn Văn Bốn-Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận, Tiểu đoàn 482 phối hợp với dân quân du kích hai xã Hàm Chính và Hàm Thắng đã diệt gọn Đại đội bảo an ác ôn 888 cùng ba liên đội dân vệ do tên Thổ Thêm chỉ huy đi mở đường hộ tống cho đoàn xe tiếp tế của địch từ Phan Thiết đi Ma Lâm (đoạn từ ấp Bình Lâm đến cầu 14 trên đường 8). Tên Thổ Thêm thoát chết nhưng tên Nguyễn Ngọc Mỹ (Quận trưởng quận Thiện Giáo) và tên chỉ trưởng cảnh sát đi trong đội hình bảo an đã dấn tội. Ta diệt tại chỗ 87 tên, bắt sống 90 tên, đốt cháy sáu xe, thu hai xe GMC, 17 súng, một máy thông tin PRC 10 và toàn bộ lương thực, thực phẩm chở về căn cứ.

Theo hiệp đồng, khi Tiểu đoàn 482 nổ súng ở hướng cầu 14 thì lập tức các lực lượng gồm: Đại đội 430 Hàm Thuận, một trung đội của Đại đội 450 Thuận Phong và

du kích các xã vùng Tam Giác do đồng chí Trần Việt Tân-Tiểu đoàn phó, Tham mưu trưởng Tiểu đoàn 482 chỉ huy đã hình thành hai mũi, từ đập Ông Danh và Suối Tre (Hàm Liêm) xông ra đường 8 tập kích mãnh liệt vào Đại đội bảo an 442 đang chốt bảo vệ đường (đoạn từ cầu Trắng đến Tân Điền). Giữa lúc bọn địch ở đây đang hoang mang rối loạn và có nguy cơ bị tiêu diệt thì Đại đội bảo an 443 đang chốt tại khu vực Hầm Đá kéo xuống chi viện, đồng thời tiểu khu Bình Thuận cũng tung thêm 1 đại đội cộng hòa khác theo đường 1A lên đến cầu Bến Lợi, băng qua xóm Hào Lào rồi thọc lên Tân Điền ứng cứu. Cả hai cánh quân của chúng đều bị ta chặn đánh quyết liệt. Nhưng vì quân địch quá đông, lực lượng ta có hạn, nhiều chiến sĩ đã bắn đến những viên đạn cuối cùng, nên vừa chiến đấu vừa rút lui. Tuy vậy, ta cũng đã đánh tiêu hao nặng hai đại đội bảo an và một trung đội cộng hòa, diệt tại chỗ 72 tên, bắn bị thương 27 tên. Bị thiệt hại nặng, bọn địch chi viện phải dừng lại tại Tân Điền để giải quyết hậu quả.

Lúc 16 giờ cùng ngày, địch cho máy bay phản lực lên bắn phá và ném bom vào khu vực trận địa, từ cầu 14 đến Bình Lâm làm ta thương vong nặng Trung đội 1 thuộc Đại đội 1 Tiểu đoàn 482 và giết chết gần hết số tù binh đã bị ta bắt (chỉ còn sống sót có 30 tên). Ta bắn bị thương một chiếc máy bay F105. Lực lượng ta, ở khu vực cầu 14, ta hy sinh và bị thương 14 đồng chí, trong đó có đồng chí Quang Linh bị thương nặng. Ở khu vực cầu Trắng - Tân Điền, ta hy sinh 13 đồng chí (có 4 du kích và 1 dân công), bị thương 11 đồng chí (có hai dân công và ba du kích), có sáu tử sĩ không đưa ra được (trong đó

có cán bộ đại đội).

Tuy có bị tổn thất nhưng đây là trận thắng lớn nhất từ trước đến nay ở khu vực đường 8 (Hàm Thuận). Địch vô cùng hoảng sợ nhưng nhân dân rất phấn khởi.

Mười một ngày sau, vào lúc 5 giờ 30 phút sáng ngày 04-3-1966, Tiểu đoàn 482 do đồng chí Lê Ngọc Quang (Tâm)-Tiểu đoàn phó trực tiếp chỉ huy tập kích vào ấp chiến lược Tầm Hưng (phía đông nam chi khu Thiện Giáo), diệt gọn Đại đội bảo an 443, đánh tan bốn trung đội dân vệ, diệt tại chỗ và làm bị thương 45 tên (trong đó có tên thiếu úy Hải, Đại đội trưởng 443 dền tội), bắt sống 75 tên và thu 50 súng các loại, đồng thời phá rã bộ máy tề và hệ thống tổ chức phòng vệ dân sự ở khu vực này. Ta hy sinh một đồng chí (đồng chí Lâm-Trung đội trưởng) và bị thương một chiến sĩ.

Để gỡ thế bị uy hiếp cho chi khu Thiện Giáo và trục đường số 8, ngay trong đêm địch đã dùng trực thăng đổ một tiểu đoàn cộng hòa xuống ấp Bình An, rồi đào công sự chót xung quanh khu vực nhà ông Thất Mẫn. Sau gần 1 tháng, chúng lại đưa đại đội thám báo "khăn quàng đỏ" của tiểu khu Bình Thuận lên thay. Ngày 18-2-1966, chúng lại đưa Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 44 ngụy đến thay tiếp, hòng làm bàn đạp đánh ra các vùng ta đang làm chủ.

Quyết không để bọn chúng kịp gây tội ác, được du kích mật cung cấp tình hình, ngay trong đêm 18 rạng ngày 19-6, Tiểu đoàn 482 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Minh Quyết chỉ huy tập kích phủ đầu ngay khi chúng

chưa triển khai xong đội hình, diệt 2 đại đội bộ binh và một đại đội trợ chiến, bắt sống 12 tên, thu hơn 100 súng các loại và toàn bộ phương tiện thông tin liên lạc. Ta hy sinh 8 đồng chí.

Mặc dù bị đánh liên tiếp nhưng bọn địch chốt ở khu vực Tân Điền gồm đại đội bảo an và đại đội thám báo vẫn rất chủ quan, hàng ngày chúng chia nhau đi lùng sục các vùng xung quanh để bắt người, cướp của, chiều chơi bóng và tối đến mới ra phục bên ngoài.

Lợi dụng sơ hở của địch, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 482 Nguyễn Minh Quyết cho Đại đội 2 luồn sâu và ém trước vào con suối ở khu vực km số 6 phía đông đường 8, làm nhiệm vụ đánh phía sau và chặn địch không cho chạy về hướng Lai An và Phú Long. Chiều ngày 26-6-1966, nắm vững thời cơ lúc bọn lính bảo an đang chơi bóng ngoài ruộng và bọn thám báo vừa đi lùng về, đồng chí Quyết cho toàn Tiểu đoàn xuất kích. Khi bọn địch về lại vị trí trú quân chuẩn bị ăn cơm chiều thì các mũi tiến công của quân ta đã hình thành thế bao vây và nổ súng mãnh liệt. Bị đánh bất ngờ, cả bọn lính bảo an và lính thám báo đều chống trả yếu ớt, rồi lần lượt bị tiêu diệt. Hơn 70 tên bị diệt ngay tại chỗ. 37 tên bị thương và 45 tên còn lại đã hạ vũ khí đầu hàng (trong đó có tên Phạm Châu Duy, trung úy Đại đội trưởng Đại đội bảo an 953).

Phát huy thắng lợi, ngày 15-8, Tiểu đoàn 482 tiếp tục tập kích vào ấp chiến lược Đại Mắm, diệt Đại đội bảo an 788 và hai trung đội tâm lý chiến cùng hai đoàn bình định, diệt gần 100 tên, thu 50 súng các loại. Ta vô sự.

Thừa thắng, sáng ngày 24-8-1966, Tiểu đoàn 482 lại phối hợp với Đại đội 430 Hàm Thuận đánh địch tại hồ Me Ba ấp Phú Hội, diệt đại Đội biệt kích 953 và một đoàn bình định. Hơn 150 tên bị diệt ngay tại chỗ (trong đó có tên đại úy Đại đội trưởng). Ta thu 50 súng và 200 viên đạn cối.

Những chiến thắng của quân ta liên tiếp diễn ra trên đường 8 và vùng đô thị đã gây chấn động mạnh vào Phan Thiết. Đường 8-một trong những con đường huyết mạch của địch nay trở thành “con đường đẫm máu và nước mắt” như chúng đã cay đắng thừa nhận.

Cũng trong thời gian này, từ tháng 2-1966 trở đi, để hỗ trợ cho chiến trường Quân khu 6 và Bình Thuận giữ vững vùng giải phóng Hoài Đức, Tánh Linh, Bộ Chỉ huy Miền đưa Sư đoàn 5 thiếu của lực lượng miền ra hoạt động và đứng chân ở hai huyện Tánh Linh, Hoài Đức.

Ngày 27-2, Trung đoàn 4 tập kích vào Võ Đắc, diệt Tiểu đoàn 3 thuộc Chiến đoàn 43 của Sư đoàn 10 ngụy.

Ngày 28-3, Trung đoàn 4 tiếp tục phát triển lên Võ Xu phối hợp với bộ đội huyện tập kích vào một tiểu đoàn quân cộng hòa đóng ở đây. Biết quân ta vừa chiếm được các mục tiêu xung quanh, máy bay địch đến ném bom làm nhiều cán bộ, chiến sĩ thương vong. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Trung đoàn quyết định rút ra để bảo toàn lực lượng. Tuy vậy, ta cũng đã đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn này và đốt cháy hai xe đạn.

Đầu tháng 5-1966, Trung đoàn 4 tiếp tục đánh vào Võ Đắc nhưng do chuẩn bị chưa tốt, bị lộ nên không đánh

được. Sau đó, Trung đoàn 5 đánh cũng không dứt điểm mà bị tổn thất nặng, hơn 200 cán bộ, chiến sĩ hy sinh.

Cuối tháng 7, Trung đoàn 4 thuộc Sư đoàn 5 lại tiếp tục tập kích cụm pháo của địch ở Quan Hà, diệt 1 đại đội, phá hủy 2 khẩu pháo 105mm

Phối hợp với chủ lực miền và chủ lực tỉnh, các đơn vị bộ đội địa phương liên tục đánh địch ở Chính Đức và tập kích khu vực gần nhà thờ Võ Xu, bắt gọn 1 trung đội dân vệ. Sự có mặt của trung đoàn chủ lực miền đã góp phần quan trọng và tăng thêm sức mạnh về quân sự đáng kể tạo thế vững chắc cho địa phương bảo vệ được vùng giải phóng của hai huyện Hoài Đức, Tánh Linh. Ở thị xã Phan Thiết, Đại đội 480 đã liên tiếp đánh cho bọn ngụy nhiều đòn đau ở cầu số 5, Giồng Táo và Đất Đỏ... Tiếng súng diệt ác của các đội vũ trang công tác và du kích mật liên tục nổ trên các đường phố đã làm cho khu vực nội thị thêm rúng động. Tiểu khu Bình Thuận được chúng khoe khoang là “Tiểu khu cứng rắn” nay bị uy hiếp nặng từ nhiều phía: hai đoạn đường 1A (đoạn từ Phan Thiết đi Phú Long và từ Phan Thiết đi Ngã Hai) và “đường 8 rục lửa”.

Cùng với tiếng súng diệt ác trên đường phố, một phong trào đấu tranh chính trị cũng đã diễn ra hết sức mạnh mẽ, nhất là trong giới thanh niên và học sinh. Để phản đối việc tên tỉnh trưởng ra lệnh đóng cửa trường Phan Bội Châu, cơ sở ta đã hướng dẫn cho một số học sinh tổ chức phá cổng trường, dùng loa kêu gọi học sinh toàn trường tham gia đấu tranh đòi nhà trường phải mở cửa dạy học để học sinh đi học bình thường. Sau trường

Phan Bội Châu, học sinh ở các trường Bồ Đề, Tiến Đức cũng tham gia biểu tình rầm rộ trên các đường phố. Từ đó, một phong trào mới được hình thành, đó là phong trào “Lực lượng thanh niên, học sinh Bình Thuận tranh thủ hòa bình, độc lập tự do” và đã bầu ra ban lãnh đạo đóng ở trụ sở Chùa Phật học. Nhằm phối hợp với các đòn tiến công quân sự ở nông thôn và vùng ven đô thị, Ban lãnh đạo đã phối hợp cùng Ban trị sự chùa Phật học tổ chức một cuộc biểu tình với hơn 5.000 người rầm rộ kéo đi trên các đường phố, hô các khẩu hiệu: “Đả đảo đế quốc Mỹ”, “Phải thực thi hòa bình, dân chủ”, “Thiệu-Kỳ phải từ chức”, “Mỹ không được can thiệp vào nội bộ Việt Nam”, “Các tôn giáo phải được đối xử bình đẳng”, v.v.. Đoàn biểu tình kéo đến đâu thì ở đó đồng bào ở các khối phố đều hưởng ứng theo. Trước khí thế đấu tranh của quần chúng, bọn địch đành im hơi lặng tiếng.

Để cứu nguy cho Bình Thuận, ngày 27-8-1966, quân Mỹ ở Sài Gòn đã tung Lữ đoàn “Kỵ binh bay” và Lữ đoàn dù thuộc Sư đoàn 101 cùng Không đoàn 62 với 50 máy bay và trực thăng cùng hai chi đoàn xe bọc thép vào Phan Thiết. Chúng rải quân từ Cảng Esépíc đến Lầu Ông Hoàng và đóng các chốt vành đai xung quanh thị xã, nhất là ở Tam Giác như: Bà Gò, Tân Nông, Nồng Cà Tang, Mương Mán và dùng các loại pháo 105 ly, 155 ly, 175 ly bắn phá điên loạn, xích xe tăng, xe bọc thép nghiền nát các lùm cây, bãi cỏ ở các vùng xung quanh. Các loại trực thăng “kỳ đà”, “cán gáo” bay khắp bầu trời Tam Giác và khu Lê Hồng Phong. Ngày đêm bom đạn trút xuống những vùng giáp ranh, vùng căn cứ không thể nào đếm xuể. Đi đôi với bắn phá, chúng tung quân ra càn quét từ

Tam Giác lên đến phía bắc đường sắt, qua Hàm Thạnh, pháo bắn như đổ đạn, trực thăng vũ trang và trực thăng đổ quân bay lượn suốt ngày đêm. “Chiến tranh cục bộ” đã bắt đầu diễn với tất cả sự dã man, tàn bạo của đội quân viễn chinh Mỹ trên vùng đất này.

Về phía ta, tuy đã giành được những thắng lợi to lớn trong đợt hoạt động xuân - hè năm 1966, nhưng đã hơn một tuần qua từ khi quân Mỹ đặt chân vào, mà bộ đội và dân quân du kích vẫn chưa đánh được trận nào, kể cả những đơn vị đã từng lập nên chiến tích “đường 8 rục lửa anh hùng” như Tiểu đoàn 482, Đại đội đặc công 481 và Đại đội 430 Hàm Thuận... cho đến lúc này vẫn đang còn nghiên cứu, chưa dám đánh Mỹ.

Quyết giữ vững quyền chủ động chiến trường và phát huy thành quả đã đạt được trong xuân - hè năm 1966, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định: Trong khi quân Mỹ đang càn quét ở vòng ngoài, ta tập trung lực lượng đột vào bên trong. Mục tiêu trước mắt là đánh diệt chi khu Thiện Giáo để gây thói động phía sau lưng cả quân Mỹ lẫn quân ngụy, đồng thời nâng khí thế cho các lực lượng vũ trang tìm cách đánh Mỹ có hiệu quả hơn.

Nhiệm vụ đánh diệt chi khu Thiện Giáo được giao cho các đơn vị: Tiểu đoàn 482, Đại đội đặc công 481, Đại đội 430 Hàm Thuận và du kích hai xã Hàm Phú, Hàm Chính dưới sự chỉ huy trực tiếp của các đồng chí Phạm Hoài Chương-Chính trị viên phó Tỉnh đội.

Đêm 14 rạng ngày 15-10-1966, trận đánh bắt đầu.

Vừa nổ súng, quân ta đã xông vào áp đảo quân địch, đánh chiếm gần hết chi khu. Bọn địch sống sót cạy vào lô cốt mẹ ở giữa chi khu chống cự quyết liệt. Lúc này trời đã sáng. Thấy tiếp tục chiến đấu sẽ không có lợi nên Chỉ huy trưởng trận đánh quyết định lui quân để đưa 10 chiến sĩ vừa hy sinh và bị thương ra ngoài. Tuy không dứt điểm được chi khu nhưng ta cũng đã diệt được một số lớn quân địch, đánh sập các lô cốt xung quanh đồn lớn, nhà quận trưởng, nhà cảnh sát và chiếm kho vũ khí, thu được 30 súng các loại (có cả đại liên, trung liên và cối 81 ly). Phát hiện được hướng di chuyển của ta, trực thăng địch liền đuổi theo và đổ quân xuống phía sau đội hình gây cho ta thêm một số tổn thất, chiến thuật trực thăng vận của địch bước đầu đã gây cho ta nhiều lúng túng và tổn thất.

Sau khi củng cố và rút kinh nghiệm ở khu vực Cà Tót, đêm 21-11-1966, Tiểu đoàn 482 được lệnh chuyển ra khu vực Lê Hồng Phong để chuẩn bị đánh đồn Sông Lũy. Nhưng do thiếu thận trọng, nên khi vừa vào đứng chân tại đồi 102 (khu vực giáp ranh giữa hai xã Hồng Liêm và Bàu Thiêu) thì 11 giờ trưa ngày 22-11, địch đã phát hiện mục tiêu và chúng liền dùng trực thăng đổ quân chụp xuống đội hình của tiểu đoàn. Lần đầu tiên bất ngờ chạm trán với quân Mỹ nên cán bộ, chiến sĩ Đại đội 2 không kịp đối phó liền bung ra ngoài. Trước tình hình đó, đồng chí Trần Việt Tân-Tiểu đoàn phó kiêm Tham mưu trưởng liền củng cố và động viên tinh thần các đơn vị còn lại gồm: một trung đội của Đại đội 1, các bộ phận của Tiểu đoàn bộ và Đại đội 3 kiên quyết đánh trả. Giữa vòng vây dày đặc của kẻ thù, bằng 1 loạt

trung liên, chiến sĩ Bờ đã bắn rơi tại chỗ 1 “Cán gáo” (đây là chiếc trực thăng Mỹ đầu tiên bị chiến sĩ ta bắn rơi từ khi chúng đổ quân vào đất này). Sau gần 1 giờ quần nhau với quân Mỹ, ta đã diệt tại chỗ 30 tên. Tuy nhiên, trận này ta cũng bị tổn thất khá nặng: 23 chiến sĩ hy sinh và 10 đồng chí bị thương. Tiểu đoàn cơ bản mất sức chiến đấu, kết thúc trận đánh, Tiểu đoàn phải rút về căn cứ để củng cố một thời gian.

Cũng trong tháng 11-1966, Trung đoàn 4 của Sư đoàn 5 (chủ lực miền) đang đứng chân hoạt động ở Hoài Đức đã tập kích vào ấp chiến lược Võ Xu, diệt gọn một đại đội địch và thu toàn bộ vũ khí. Bọn địch xung quanh đến ứng cứu đều bị ta đánh tan.

Nhằm tiếp sức cho Bình Thuận bước vào đợt hoạt động xuân - hè 1966 - 1967, đầu năm 1967, Quân khu đã điều Tiểu đoàn 840 về đứng chân tại khu vực phía bắc tỉnh. Đêm 07-1-1967, Tiểu đoàn 840 tập kích vào yếu khu Duồng diệt một đại đội bảo an và hai trung đội dân vệ, thu 34 súng. Trận đánh đã gây thổi động khắp hai huyện Hòa Đa và Tuy Phong.

Sau khi đánh diệt đồn Duồng, Tiểu đoàn 840 tiếp tục phân tán hoạt động, cùng lực lượng địa phương đánh vào một số ấp chiến lược và đánh địch càn quét lấn chiếm ở các vùng giải phóng Tuy Tịnh, Phú Điền, tây Hòa Đa, v.v..

Mặc dù, đã chạm trán với ta một lần ở đồi 102 (khu vực Lê Hồng Phong) nhưng chưa bị đòn đau nên bọn Mỹ vẫn rất chủ quan. Sau khi củng cố các chốt đóng quân

xung quanh Phan Thiết, chúng tiếp tục lần dần ra các khu vực Cầu Cháy, Núi Đất (Phú Sung), động Bà Hòe (Sara), cua Bà Phán và điểm cao Tà Dôn... dùng trực thăng đổ chụp xuống những nơi nghi có lực lượng ta đứng chân, đồng thời dùng xe bọc thép càn quét, đóng dã ngoại nhiều ngày ở vùng Tam Giác (Hàm Thuận)- một trong những vùng mà chúng cho là trọng điểm, để hỗ trợ cho bọn nguy tiếp tục bình định các xã Hàm Liêm, Hàm Chính và Hàm Phú.

Quyết trừng trị bọn này ngay trong sào huyệt của chúng, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội quyết định sử dụng một lực lượng tinh, gọn gồm những cán bộ, chiến sĩ được lựa chọn trong các đơn vị: trinh sát, đặc công, hỏa lực của Tiểu đoàn 482 và trinh sát của Đại đội 430 (Hàm Thuận) tập kích diệt chi đoàn xe bọc thép Mỹ đang trú quân dã ngoại tại khu vực Tân Điền (đông đường 8).

Lúc 1 giờ ngày 17-2-1967, dưới sự chỉ huy của các đồng chí Lương Thái Hà-cán bộ tác chiến Tỉnh đội, Lê Quang Hồng-Đại đội trưởng Đại đội 5 trinh sát và Lê Văn Bằng-Đại đội trưởng Đại đội đặc công 481, các mũi tiến công đã nhanh chóng áp sát mục tiêu và bắt đầu nổ súng. Sau 10 phút chiến đấu, các chiến sĩ B40, đặc công, trinh sát và DKZ đã bắn cháy, đánh hỏng 14 xe bọc thép. Chỉ còn 2 chiếc bị thương nhẹ chạy về được Phan Thiết, diệt gần 100 tên Mỹ. Đây là trận đầu tiên đánh vào lực lượng cơ giới Mỹ và thu được thắng lợi lớn.

Theo hiệp đồng từ trước, Tân Điền vừa nổ súng thì Đại đội phó Đại đội đặc công liền dẫn đầu một bộ phận

công binh tập kích mìn DH 25 vào trận địa pháo địch ở Bà Gò diệt được 50 tên Mỹ, phá hủy 3 khẩu pháo 105 ly và phá hỏng 1 khẩu khác.

Cùng thời gian trên, một tổ thiếu niên du kích mật ở Hàm Chính do Nguyễn Ngọc Thất dẫn đầu đã dùng lựu đạn đánh vào đội hình Đại đội bảo an đang trên đường từ Bình An kéo xuống Tân Điền chi viện cho bọn Mỹ, diệt ba tên, bị thương ba tên, buộc chúng phải dừng lại tại chỗ.

Ngày 16-02, một tổ bộ đội địa phương của huyện Hoài Đức do đồng chí Lại Hoài Huy-Chính trị viên phó Đại đội 431 chỉ huy phục kích ở cổng ấp Chính Đức, diệt và bắt bị thương 13 tên bảo an.

Ngày 19-2-1967, Tiểu đoàn 840 tập kích vào hai đại đội bảo an đang đóng dã ngoại ở khu vực Sông Lòng Sông, diệt gần hết bọn này.

Phản ứng lại những đòn trừng trị trên đây, cuối tháng 2-1967, địch mở cuộc càn lớn vào khu Lê Hồng Phong với lực lượng gồm 6 tiểu đoàn lính Mỹ và lính Nam Triều Tiên (Hàn Quốc) hùng tìm diệt các cơ quan đầu não và chủ lực ta ở vùng này.

Được quán triệt kỹ về tư tưởng, các chiến sĩ của Đại đội 440 đã thể hiện quyết tâm đánh Mỹ rất cao. Sau một ngày đêm bám theo địch, đến 12 giờ trưa ngày 23-2-1967, tổ của đồng chí Thám phát hiện được một tiểu đội lính Mỹ đang cụm lại tại trại xay lúa của huyện ở giữa rừng xã Hồng Thái. Lợi dụng lúc chúng đang ngủ trưa, đồng chí Thám cho toàn tổ tiếp cận và nổ súng

diệt gọn cả tiểu đội rồi rút ra an toàn. Cũng vào thời điểm đó, tổ của đồng chí Canh cũng phát hiện được một tốp xe bọc thép Mỹ đang trú tại khu vực Giếng Chùa. Thấy địch rất chủ quan, đồng chí Canh liền cho chiến sĩ B40 tiếp cận vào thật gần và bắn liền hai phát, diệt hai xe bọc thép, thu được một súng AR15 và một col 45.

Ngay chiều đó, tin bộ đội 440 diệt được lính Mỹ và bắn cháy xe bọc thép Mỹ đã lan đi khắp vùng. Ngày 24-2-1967, toàn Đại đội 440, dân quân du kích và các đội vũ trang công tác ở các xã bị địch càn đã chia ra nhiều tổ nhỏ, luồn lách bám sát các cánh quân Mỹ và chư hầu, nổ súng đánh quần lộn với chúng suốt bảy ngày đêm liền, khiến chúng không chịu nổi phải bỏ dở cuộc càn. Kết quả, ta diệt tại chỗ 280 tên, bắn cháy 3 xe bọc thép.

Qua thực tiễn chiến đấu, quân và dân ta đã rút ra kết luận: “Đánh Mỹ cũng không khó lắm, cứ xáp vô là đánh được, càng xáp vô gần chúng bao nhiêu thì càng diệt được nhiều Mỹ bấy nhiêu, mà máy bay và pháo binh của chúng cũng không có tác dụng. Khẩu hiệu “Năm thất lung Mỹ mà đánh” do cấp trên phổ biến quả là có hiệu quả”.

Học tập Đại đội 440, các chiến sĩ Đại đội 450 Thuận Phong cũng liên tục bám địch và dùng súng trường K44 (thường gọi là súng bá đở) bắn đạn khoan phá hỏng ba xe bọc thép Mỹ.

Phía Hàm Tân, Đại đội 460 cũng đã bình tĩnh, dũng cảm đánh trả quân đổ chụp xuống đội hình trú quân tại km 24 (gần Hàm Minh), diệt gọn một tiểu đội Mỹ và

bắn rơi hai trực thăng. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của đơn vị 460 Hàm Tân.

Từ tháng 3-1967 trở đi, quân Mỹ và quân chư hầu tiếp tục càn vào các vùng căn cứ Xa Lôn, Ara, Cà Tót, Lê Hồng Phong, Di Linh, Tánh Linh, bắc Tuy Phong, bắc Phan Lý. Đặc biệt, là vùng giáp ranh giữa ba huyện Hàm Thuận, Tánh Linh và Hoài Đức – nơi mà địch cho là một trong 10 căn cứ quan trọng nhất ở miền Nam Việt Nam thuộc loại: “Ưu tiên hành quân” và phải triệt hạ cho bằng được trong năm 1967, nhất là trong “Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2” của chúng.

Trong khi địch tung lực lượng ra hòng giành lại thế chủ động chiến trường thì quân và dân ta vẫn tiếp tục “bám sát thắt lưng chúng” mà đánh. Ngày 10-3-1967, Tiểu đoàn 840 tập kích vào trận địa pháo Mỹ đang đóng ở ngã tư Long Hương, diệt 40 tên, phá hủy một xe, ba pháo 105 và 175 ly.

Tuy nhiên, trước tình hình chiến tranh ngày càng ác liệt, để phù hợp với việc chỉ đạo chiến trường, đầu tháng 4-1967, Khu ủy Khu 6 quyết định: Tách ba huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý (Bình Thuận) và huyện K67 của tỉnh Tuyên Đức (Lâm Đồng ngày nay) thành lập tỉnh Bắc Bình do đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Bí thư. Các đồng chí trong Ban Thường vụ có: Nguyễn Quý Đôn (Ba Đôn) là Phó bí thư và Trần Văn Tình là Bí thư Huyện ủy Hòa Đa. Tỉnh ủy viên gồm: Lê Đình Nguyên làm Tỉnh đội trưởng, Nguyễn Hưng-Bí thư Phan Lý, Nguyễn Đăng Kỳ (Ba Bình)-Bí thư Huyện ủy Tuy Phong và Lưu Minh Nghiệp-Bí thư Huyện ủy K67. Ngoài ra,

còn có các đồng chí phụ trách các ban, ngành, đoàn thể: Võ Như Loan làm Chính trị viên Tỉnh đội, Lê Khả (Khải Hoàn) làm Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Nguyễn Thiện Chính (Hai Năng) phụ trách tuyên huấn, Nguyễn Quang Tường phụ trách thanh niên, Nguyễn Thị Cạn phụ trách Hội phụ nữ và Nguyễn Thanh Tý làm Trưởng ban an ninh. Lực lượng vũ trang tỉnh lúc này có Đại đội bộ binh 489 do đồng chí Phạm Ngọc Anh làm Đại đội trưởng. Ngoài ra, ở các huyện vẫn có các đại đội bộ đội địa phương 440 (Hòa Đa), 470 (Phan Lý), 490 (Tuy Phong) và một đại đội của huyện K67.

Sau khi thành lập tỉnh Bắc Bình, lực lượng lãnh đạo của tỉnh Bình Thuận cũng được sắp xếp lại do đồng chí Lê Văn Hiến-Ủy viên Thường vụ Khu ủy Khu 6 tiếp tục làm Bí thư Tỉnh ủy. Ban thường vụ gồm các đồng chí Lê Khắc Thành, Phạm Kha, Phạm Hoài Chương, Nguyễn Văn Bốn. Các đồng chí là Tỉnh ủy viên có: Hoàng Từ-Bí thư Huyện ủy Hoài Đức, Nguyễn Thiết Hoàng-Bí thư Huyện ủy Tánh Linh, Nguyễn Ninh-Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận và Phạm Phương Quế (Cửu Long)-Bí thư Huyện ủy Hàm Tân. Riêng đồng chí Trần Trung Việt-Bí thư Huyện ủy Thuận Phong chưa phải Tỉnh ủy viên (sau thời gian đồng chí Việt hy sinh, đồng chí Nguyễn Thanh Tâm thay). Ban chỉ huy Tỉnh đội gồm các đồng chí: Phạm Kha (Ba Lê) làm Tỉnh đội trưởng, Phạm Hoài Chương làm Chính trị viên phó và Nguyễn Thanh Đức làm Tỉnh đội phó. Ban an ninh do đồng chí Lê Văn Lương (Năm Lương) phụ trách Trưởng ban.

Giữa lúc ta đang thực hiện việc tách tỉnh, điều chỉnh

lực lượng và củng cố tổ chức thì “cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2” của địch đã chuyển sang chiến lược hai gọng kìm “bình định” và “tìm diệt” mà chủ yếu trước mắt là tập trung gần 100% vào gọng kìm “bình định”.

Quyết tâm bảo vệ vùng căn cứ, quân và dân ta ở khu vực bị địch càn đã đánh trả quyết liệt. Riêng ở khu vực Suối Đá Mài, Núi Ông (Tánh Linh), các cơ quan Tỉnh đội, Tỉnh ủy và các đơn vị phía sau như: Binh công xưởng Cao Thắng, Đại đội hỏa lực 487, Trung đội căn cứ, công binh... đã quần bám và nổ súng liên tục từ ngày 14 đến ngày 20-4-1967, diệt trên 300 tên, đánh bại cuộc càn của lũ đoàn 173 Mỹ.

Ở Bắc Bình, ngày 5-4-1967, địch sử dụng Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 44 ngụy từ Sông Mao ra càn vào khu vực trú quân của Tiểu đoàn 840 (quân khu) ở phía bắc ấp Tuy Tịnh. Dựa vào công sự chuẩn bị sẵn các chiến sĩ của Tiểu đoàn 840 đã chiến đấu rất ngoan cường và dũng cảm, đẩy lùi tất cả các đợt xung phong của địch và ghìm chân chúng ngay trước trận địa.

Để tiếp sức cho bọn này, lúc 12 giờ trưa cùng ngày, Lữ đoàn “kỵ binh không vận” 506 của Mỹ từ Căn Esépéc bay ra tham chiến. Sau khi đổ quân xuống phía tây ấp Tuy Tịnh để tạo thành thế bao vây, chúng tiếp tục oanh tạc dữ dội xuống trận địa hòng ngăn chặn sự chi viện bên ngoài. Sau gần một giờ bắn phá, Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 44 ngụy từ tây bắc, Tiểu đoàn 3 thuộc lữ 506 Mỹ từ phía nam và đông nam đồng loạt tiến công vào trận địa của Đại đội 2 Tiểu đoàn 840. Mặc dù được

tăng cường thêm lực lượng và sử dụng hỏa lực tối đa nhưng cả Mỹ lẫn ngụy đều bị quân ta đẩy lùi và ta tổ chức những đợt xuất kích ngăn tiêu diệt địch. Trận đánh càng về chiều càng trở nên ác liệt. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 840 đã phải sử dụng toàn bộ lực lượng và hỏa lực còn lại để chi viện cho Đại đội 2 giữ vững trận địa đánh địch liên tục. Quân Mỹ càng lao vào càng đổ gục. Đến khi trời sụp tối, thấy không thể làm gì hơn được nữa, quân Mỹ liền tháo chạy ra khỏi vòng chiến và sau đó, nhiều tốp trực thăng đến bốc chúng về lại Phan Thiết, bỏ mặc xác những tên chết trận. Thấy quan thầy rút chạy, bọn ngụy cũng vội vã chạy theo. Qua 1 ngày chiến đấu vô cùng dũng cảm, quân ta đã đánh thiệt hại nặng hai đại đội ngụy, một đại đội Mỹ, bắn rơi và bị thương bảy trực thăng, bẻ gãy hoàn toàn cuộc càn của cái gọi là “Liên quân Việt-Mỹ”.

Ngày 13-5-1967, Tiểu đoàn 840 lại phối hợp với lực lượng địa phương tập kích vào ấp Châu Hanh, diệt Đại đội biệt kích Lương Sơn, Đại đội bảo an 118 và đoàn binh định, số còn sống sót bám vào chùa chống trả. Vì chính sách tín ngưỡng, ta không bắn vào chùa nên bọn này thoát chết.

Nhằm tiếp tục thực hiện cho được gọng kìm “bình định”, ngày 15-5-1967, hơn 1.000 quân Mỹ và chư hầu có trực thăng yểm trợ càn vào căn cứ Gò Cà của xã Hồng Thái.

Quyết bảo toàn tính mạng cho đồng bào, dân quân du kích chặn đánh quyết liệt, vừa đánh vừa hướng dẫn nhân dân chạy về căn cứ thứ 2, nhưng bị địch phát hiện

dùng trực thăng đổ quân bao vây giết hại 48 người, đa số là phụ nữ và trẻ em, có gia đình bị chúng giết sạch. Sau cái tang đau đớn đó, nhân dân ở vùng giải phóng Hòa Đa và Thuận Phong hết sức căm phẫn và đã “thề cùng giặc Mỹ, có tao, không có mày”.

Bọn này chưa bị đòn đau nên đầu tháng 8-1967 chúng lại tiếp tục mở cuộc hành quân với quy mô khoảng 12.000 quân Mỹ-ngụy và chư hầu, có nhiều máy bay, xe bọc thép yểm trợ tràn vào vùng căn cứ giải phóng của hai huyện Hòa Đa và Tuy Phong. Tuy lực lượng quá chênh lệch nhưng các Đại đội 440 và 450 đã phối hợp với dân quân du kích ở các xã bị địch càn kiên quyết bám đánh, vừa đánh vừa bảo vệ dân di tránh lánh. Sau 15 ngày đêm quần nhau với địch, ta đã diệt tại chỗ 130 tên, bắn rơi hai trực thăng và phá hủy 4 xe bọc thép. Bọn địch không làm gì được, đành phải kết thúc trận càn.

Phía Tánh Linh và Hoài Đức, các lực lượng địa phương cũng liên tục hoạt động. Ngày 9-9-1967, Đại đội 421 cùng đội công tác K12 tập kích vào Đại đội bảo an 119 đóng ở Chính Đức diệt gần hết đại đội này và thu một số súng (có cả đại liên và cối 60 ly). Sau đó mấy hôm, đồng chí Nguyễn Thị Tuyết-Xã đội phó xã Mê Pu đang trực chiến đã bắn rơi một máy bay C130 đến rải chất độc hóa học xuống vùng căn cứ.

Trước tình hình địch sử dụng chiến thuật “trực thăng vận” và “thiết xa vận” nhất là trực thăng vận đã gây cho quân và dân ta nhiều tổn thất, nhiều đồng chí tỏ ra sợ Mỹ không dám đối đầu, vì sợ trực thăng có thể đổ quân bất cứ chỗ nào, lực lượng ta khó rút lui an toàn.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội tổ chức củng cố lực lượng, xác định tư tưởng và phát động phong trào thi đua trong các lực lượng vũ trang “diệt Mỹ”, “diệt ngụy”, “diệt xe cơ giới” và “diệt máy bay” bằng nhiều lối đánh thích hợp để hạ uy thế quân Mỹ trên chiến trường.

Thực hiện chủ trương trên, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã mở nhiều lớp bồi dưỡng cho các đơn vị, địa phương cách sử dụng súng bộ binh bắn xe cơ giới và bắn máy bay tầm thấp. Từ đó, toàn tỉnh đã dấy lên phong trào thi đua bắn máy bay, diệt xe cơ giới rất sôi nổi. Và sau một thời gian, cấp trên đề ra những danh hiệu vinh dự để khen thưởng cho người có công như “dũng sĩ diệt Mỹ”, “dũng sĩ diệt ngụy”, “dũng sĩ diệt máy bay” và “dũng sĩ diệt xe cơ giới” đã làm cho các chiến sĩ thêm phấn chấn.

Vào hạ tuần tháng 10-1967, tại Sở chỉ huy Quân khu ở đồi 400 (bắc sông Cà Tót, Bình Thuận) đã diễn ra hội nghị học tập quán triệt các nghị quyết của cấp trên về nhiệm vụ hoạt động đông-xuân 1967 – 1968. Sau khi trình bày các Nghị quyết của Trung ương Cục và Khu ủy 6, đồng chí Bí thư Khu ủy nêu: Ngay từ tháng 6-1967, Bộ Chính trị đã có nhận định: “Cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ 2 của Mỹ đã thất bại nặng nề hơn mùa khô trước, mặc dù có gây cho ta một số khó khăn nhất định. Chiến thuật hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” của chúng đã thất bại thảm hại. Những mục tiêu chiến lược chúng không thực hiện được”. Do đó, để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương Cục và Nghị quyết Khu ủy Khu 6, chúng ta phải động viên khí thế bước vào

đông-xuân 1967 – 1968 với sức mạnh lớn nhất, “sức mạnh Phù Đổng”, sẵn sàng xả thân vì sự nghiệp cách mạng, vì đây là cơ hội ngàn năm có một để giành thắng lợi quyết định.

Nghe những lời động viên trên đây của đồng chí Bí thư Quân khu ủy, tuy chưa biết chuyện gì sẽ xảy ra trong đông-xuân này, nhưng hầu hết cán bộ trung, cao cấp của cơ quan và đơn vị đều cảm thấy có một vấn đề gì mới mẻ và lớn lao. Chính vì vậy mọi người đều nôn nao chờ đợi và thầm hứa quyết tâm với Khu ủy, Quân khu ủy sẽ hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Cũng vào thời gian này, những cuộc hành quân càn quét lớn của địch tuy có giảm nhưng địch vẫn thường xuyên dùng trực thăng đổ lính biệt kích Mỹ xuống đánh phá các vùng căn cứ miền núi và dọc hành lang của ta. Đồng thời tung một số đơn vị ra càn quét hai bên Quốc lộ 1A và đường sắt, rồi lập căn cứ hành quân tại Bàu Ốc (cách thị xã Phan Thiết khoảng 34 km) để làm bàn đạp đánh vào các khu du kích và giải tỏa giao thông.

Nhằm làm thất bại ý đồ của địch và mở màn cho đợt hoạt động đông-xuân 1967 – 1968, Bộ Tư lệnh Quân khu quyết định sử dụng Tiểu đoàn 840 phối hợp với lực lượng địa phương đánh diệt căn cứ dã ngoại của địch ở Bàu Ốc.

Bàu Ốc tuy là cứ điểm dã ngoại, nhưng lực lượng địch ở đây khá đông. Ngoài Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 44 ngụy, còn có thêm một chi đoàn xe tăng và xe bọc thép, một đại đội công binh Mỹ, hai đại đội biệt

kích và hai đại đội bảo an. Đội hình đóng quân của chúng dày đặc, công sự lộ thiên núp dưới những lều bạt chi chít và hình thành từng cụm lớn: hai cụm bộ binh ở hai đầu đường sắt và Quốc lộ 1A, một cụm khác nằm phía nam quốc lộ, hai cụm xe tăng và xe bọc thép nằm ở hai đầu phía nam đường. Sở chỉ huy nằm ở giữa hai cụm xe tăng và bộ binh phía nam đường; mỗi cụm cách nhau từ 200 đến 250 mét, xung quanh có hai vòng rào giây thép gai bùng nhùng.

Lực lượng tham gia trận đánh, ngoài Tiểu đoàn 840, Quân khu còn đưa thêm Đại đội 450 Thuận Phong, Trường Quân chính Quân khu, các đội sản xuất và các đoàn vận tải của cơ quan, các đơn vị lân cận và đội trung phẩu của quân y.

Đúng 1 giờ sáng ngày 08-11-1967, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Khuê và Chính trị viên Võ Đức Nhị, các mũi tiến công của ta từ các hướng bắc tây bắc, đông nam đều đồng loạt nổ súng và xung phong lên chiếm các vị trí đã được phân công.

Ở hướng chủ yếu, đại đội một đánh chiếm đại bộ phận cụm bộ binh 1, vừa phát triển xuống phía nam đường số 1 thì gặp bọn địch sống sót đang bám vào hai xe tăng chống cự. Giữa lúc Đại đội trưởng Chi và Chính trị viên Hùng đang điều hỏa lực đánh ổ đề kháng thì Đại đội trưởng Các cũng đã kịp thời chuyển hướng bắn của hai khẩu ĐKZ chi viện cho Đại đội 1. Riêng Đại đội 5 đặc công, sau khi đánh chiếm cụm xe tăng 1 và sở chỉ huy, tiếp tục phát triển nhưng bị hỏa lực địch ở khu công binh ngăn chặn. Quyết không để địch cản đường,

Đại đội trưởng Xới liền điều toàn bộ hỏa lực B40, B41, cối 60 bắn kìm chế và nhanh chóng tiến lên, làm chủ mục tiêu đã phân công.

Ở hướng thứ yếu, Đại đội 2 và đặc công trình sát đánh chiếm cụm bộ binh 2, cụm xe tăng 2, rồi phát triển vào sườn phía tây diệt khu công binh tương đối thuận lợi nhưng Đại đội 3 sau khi đánh chiếm cụm 3, tiếp tục tiến vào sườn phía nam Sở chỉ huy lại gặp hỏa lực địch ở Đồi Cát ngăn chặn.

Để kết thúc nhanh trận đánh, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Khuê liền đưa đội dự bị vào tiếp chiến. Sau 55 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa, diệt gọn 1 tiểu đoàn, 1 chi đoàn xe bọc thép và 5 đại đội, bắn rơi 4 máy bay trực thăng, buộc chúng phải rút bỏ cứ điểm hành quân dã ngoại Bàu Ốc và cả cuộc càn vùng bắc Hàm Trì (đường 8). Chiến thắng Bàu Ốc đã làm nức lòng quân và dân toàn tỉnh.

Như vậy, từ đầu năm 1967 đến nay, ta đã đánh nhiều trận tiêu diệt nhiều sinh lực địch, điển hình một số trận nổi bật như: Tân Điền, khu Lê Hồng Phong, Bàu Ốc và hai trận chống càn ở bắc Tuy Tịnh ở vùng căn cứ Đá Mài (Núi Ống). Song, ta vẫn chưa phá được chiến thuật “nhảy cóc”, “đổ chụp” của quân Mỹ.

Quyết không cho bọn chúng sử dụng chiến thuật “nhảy cóc”, “đổ chụp” trên chiến trường Bình Thuận, Bộ Chỉ huy tiền phương Quân khu quyết định phải tìm cách “giăng bẫy” nhằm đánh một trận thật đau, hạ uy thế tinh thần quân Mỹ tại Bình Thuận.

Để chắc thắng, tiền phương Quân khu đã chỉ định Ban chỉ huy trận đánh gồm các đồng chí: Phạm Kha, Tỉnh đội trưởng Tỉnh đội Bình Thuận làm Chỉ huy trưởng; Lê Văn Hiền, Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chính trị viên Tỉnh đội làm Chính ủy; Phan Văn Hược (Mười Trung), Chủ nhiệm chính trị Quân khu làm Phó Chính ủy; Dương Phước Tường, Tham mưu phó Quân khu làm Chỉ huy phó. Lực lượng tham chiến gồm: Đại đội 3 thuộc Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 482 và Đại đội 430 Hàm Thuận, có dân quân du kích xã Hàm Phú phối hợp. Trận địa “giăng bẫy” được bố trí tại cánh đồng Ruộng Sắn thuộc thôn Phú Sơn xã Hàm Phú (Hàm Thuận).

Sau 3 ngày kiên trì mai phục và nghi binh, đến 11 giờ 15 phút ngày 23-11-1967 thì bọn Mỹ dùng trực thăng hết tốp này đến tốp khác dồn dập đổ quân xuống khu vực trận địa ta đã bày sẵn. Bọn địch vừa chạm chân xuống đất đã bị quân ta đánh phủ đầu. Nắm vững thời cơ lúc chúng đang co cụm và đội hình rối loạn, Chỉ huy trưởng Phạm Kha liền hạ lệnh xung phong. Từ bốn phía, quân ta xông lên “nắm thắt lưng địch” mà đánh. Nghe súng nổ, tên Thổ Thêm dẫn đầu đại đội bảo an Chàm từ Ma Lâm-Thiện Giáo băng qua rừng Hầm thọc vào sau lưng ta hòng giải vây cho quân Mỹ nhưng không kịp. Chúng vừa đến cách trận địa chừng 15 đến 20 mét liền bị trung đội 1 chặn đánh, mất tinh thần cả đại đội tháo chạy bỏ lại 10 xác chết.

Qua hơn 6 giờ chiến đấu, quân ta đã diệt 120 tên Mỹ và đánh thiệt hại nặng một đại đội nguy, bắn rơi 13 trực thăng (có 8 chiếc rơi tại chỗ) và bắn bị thương

nhiều chiếc khác.

Nhằm gỡ lại cái gọi là danh dự của chiến thuật “nhảy cóc”, trưa ngày 9-12-1967, bọn Mỹ lại dùng trực thăng đổ quân chụp xuống Đồi Trúc một địa điểm nằm sâu trong hậu cứ của ta để “tìm và diệt” những cơ quan, đơn vị đang đứng chân ở khu vực này. Nhưng khi chúng vừa chạm chân xuống đất thì lập tức bị các đơn vị tại chỗ: Đại đội 3 (Tiểu đoàn 840), trung đội công binh của tỉnh, trung đội trinh sát và các chiến sĩ bảo vệ cơ quan vây đánh. Ta tiêu diệt hơn 100 tên chết và 4 trực thăng bị bắn rơi, số sống sót bám càng những chiếc trực thăng còn lại bay về Phan Thiết.

Phát huy thắng lợi, ta tiếp tục gài thế định đánh thêm một số trận, quân Mỹ không dám dùng trực thăng hay “đổ chụp” như trước nữa.

Ngoài việc tham gia các trận đánh trên đây, các đơn vị chủ lực của tỉnh còn phối hợp với lực lượng địa phương liên tục đột vào các ấp chiến lược đánh diệt bọn tề điệp, ác ôn. Cũng vào thời gian này, Tiểu đoàn 482 đã thọc xuống vùng sâu và tập kích vào ấp chiến lược Thuận Nghĩa, đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an.

Như vậy, đến cuối năm 1967, quân dân Bình Thuận và Bắc Bình (Bình Thuận cũ)-một trong những tỉnh mà kẻ địch cho là vùng “Ưu tiên của Quốc gia”¹, để tiến hành gọng kìm thứ 2 là “bình định nông thôn” đã góp

1. Những tỉnh thuộc vùng “Ưu tiên Quốc gia” gồm: Bình Dương, Long An, Gia Định, Gò Công, Kiến Hòa, Định Tường, An Giang, Vĩnh Long, Long Xuyên, Ba Xuyên, Bạc Liêu và Bình Thuận.

phần xứng đáng cùng quân khu và toàn miền làm thất bại hoàn toàn chiến lược quân sự “tìm và diệt” của Oétmolen (đó là kế hoạch 3 giai đoạn được Tổng thống Mỹ thông qua vào giữa năm 1965 và dự định thắng ta vào năm 1967).

Sự thất bại đó cho thấy, địch không diệt được chủ lực ta, không “xé nát” được các căn cứ, không đánh trúng các cơ quan lãnh đạo của ta và cũng không bình định được các vùng nông thôn trọng điểm. Ngược lại, chúng càng đánh càng bị tổn thất nặng nề; ta càng đánh lực lượng ta càng trưởng thành và lớn mạnh không ngừng. Thực tế đó đã làm cho Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mác Namara cay đắng thừa nhận: “...Lực lượng Việt cộng được gia tăng hơn bao giờ hết” và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ phải thừa nhận: “Năm 1967 là năm đau khổ khốc liệt đối với quân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam”. Ngay từ ngày 15-4-1967, Thứ trưởng quốc phòng Mỹ Mác Nôtôn đã lên tiếng đòi “Tuyệt thang chiến tranh”. Và, trong một tâm trạng dao động cực độ, đến tháng 11-1967, Mác Namara. Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã phải từ chức¹.

II. Quân và dân Bình Thuận tham gia cuộc tổng tiến công mùa xuân 1968

Vào những tháng cuối năm 1967, cuộc “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam cũng như cuộc “chiến tranh phá hoại” bằng không quân, hải quân ra miền Bắc của đế quốc Mỹ đã lên đến đỉnh cao và đang bị thất bại nặng

1. Theo tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ.

nê. Riêng ở miền Nam, chúng đã đưa vào gần 50 vạn quân Mỹ, nếu tính cả quân ngụy và chư hầu thì tổng số quân của địch lúc này đã lên đến 1.100.000 tên mà vẫn không thắng được ta, buộc phải chuyển từ thế phản công chiến lược sang phòng ngự bị động chiến lược.

Trước tình hình đó, tháng 1-1968, Bộ Chính trị trung ương Đảng Lao Động Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ 14 và nhận định:

“...Do những thất bại có tính chất chiến lược của Mỹ ở miền Nam và do những thắng lợi to lớn của ta, trong đông-xuân này địch khó có khả năng mở cuộc “phản công mùa khô” lần thứ ba. Xu thế của tình hình địch trong cả năm 1968 là địch càng chuyển vào phòng ngự một cách bị động hơn trước.

Về phía ta, chúng ta đã thắng địch về cả chiến lược lẫn chiến thuật và thế lực của ta phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết...

Tình hình ấy cho phép ta chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ tiến công và nổi dậy giành thắng lợi quyết định”¹.

Căn cứ vào nhận định và đánh giá đó, Bộ Chính trị đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ là: “...Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân,

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.29, tr.48,50.

toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa giành thắng lợi quyết định”¹.

Lúc này, ở Bình Thuận và Bắc Bình tuy chưa được quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, nhưng với tinh thần chủ động tiến công nên ngay từ quý III năm 1967, Tỉnh ủy đã chủ trương tiến xuống xây dựng cơ sở ở vùng sâu, nhất là vùng ven thị xã Phan Thiết để chuẩn bị cho hoạt động quân sự vào sau lưng địch.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã rút một số chiến sĩ bộ binh và du kích để huấn luyện cấp tốc về cách đánh đặc công nhằm tăng cường cho thị xã. Nhờ đó, lực lượng vũ trang của Phan Thiết đã tăng lên khá mạnh. Ngoài Đại đội 480, ta đã hình thành thêm ba đại đội đặc công với các phiên hiệu: Đại đội 1/481, Đại đội 2/481 và Đại đội 3/481. Các đại đội này được bố trí theo hình rẽ quạt để tạo thế bao vây thị xã: Đại đội 1/481 và Đại đội 480 đứng chân phía nam Căng Esépic, Đại đội 2/481 đứng chân ở Râm Bàu Heo khu vực Cửa Khâu và Đại đội 3/481 đứng chân ở râm Tre Hàm Nhơn. Đi đôi với việc bố trí lực lượng, ta cũng đã đưa một số vũ khí, đạn dược xuống lót trước vào các vùng ven để sử dụng khi có thời cơ. Sau khi ổn định tổ chức, quân dân hai tỉnh Bình Thuận và Bắc Bình liên tục bám sát đánh địch bằng nhiều phương thức như đánh trái, gài mìn, bắn máy bay bay thấp, v.v.. Từ các vùng rừng thưa, đồi cát của khu Lê Hồng Phong, miền

1. *Sđđ*, t.29, tr.50.

tây Bắc Bình đến căn cứ Cà Dồn sang đồng bằng Hàm Thuận, Hàm Tân và vùng ven thị xã Phan Thiết, nhiều xe tăng và xe bọc thép bị diệt, bị cháy, nhiều loại máy bay bị bắn rơi.

Giữa lúc quân dân toàn tỉnh đang tập trung đối phó với các cuộc càn quét của địch và triển khai kế hoạch đông-xuân 1967 - 1968, thì ngày 8-1-1968, Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy 6 nhận được quyết định và mệnh lệnh của Trung ương Cục, Bộ Tư lệnh Miền về việc chuẩn bị bước vào cuộc “Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa” theo tinh thần Nghị quyết tháng 1-1968 của Bộ Chính trị, do đồng chí Phó Tư lệnh Miền Nguyễn Hữu Xuyên (tức Tám Kiến Quốc) đến trực tiếp truyền đạt. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa phương, căn cứ vào yêu cầu lịch sử của mệnh lệnh và chỉ thị của Miền, Thường vụ Khu ủy và Quân khu ủy Khu 6 hạ quyết tâm: “...Vào cao điểm “Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa” xuân Mậu Thân 1968, phối hợp với toàn miền tập trung đánh dứt điểm 2. thị xã lớn là Phan Thiết và Đà Lạt, mà Phan Thiết là trọng điểm”¹. Sau khi hạ quyết tâm, Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu sắp xếp lực lượng như sau:

Tại trọng điểm Phan Thiết do đồng chí Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu, làm Chỉ huy trưởng. Các đồng chí: Lê Văn Hiền, Ủy viên Thường vụ khu ủy Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận, làm Chính ủy; Nguyễn Lê (Phạm

1. Theo sự chỉ đạo của Miền: “cuộc Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa trong Quân khu gồm 3 đợt chính: Xuân Mậu Thân (hết tháng 4-1968), hè 1968 và thu đông 1968.

Kha), Tỉnh đội trưởng Bình Thuận, làm Phó Chỉ huy trưởng; Phan Văn Hược (Mười Trung), Chủ nhiệm chính trị Quân khu, làm Phó Chính ủy. Lực lượng tác chiến gồm: Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 482 và các đại đội đặc công trình sát của tỉnh cùng các đại đội địa phương, các đội công tác vũ trang, lực lượng chính trị của Hàm Thuận, Phan Thiết và Thuận Phong. Toàn bộ lực lượng được tổ chức thành 3 cánh: Cánh 1 có: Tiểu đoàn 840 và Đại đội 450 Thuận Phong do 2 đồng chí Phạm Kha và Phan Văn Hược chỉ huy; cánh 2 có Tiểu đoàn 482 cùng các đơn vị trực thuộc của tỉnh do hai đồng chí Phạm Hoài Chương, Chính trị viên phó Tỉnh đội và Nguyễn Văn Bốn, Bí thư Thị ủy Phan Thiết chỉ huy; cánh 3 có: Đại đội 3 của Tiểu đoàn 482, Đại đội 1/481, Đại đội 480 cùng các đội công tác tả ngạn sông Cà Ty, Phan Thiết do hai đồng chí Trần Việt Tân và Nguyễn Hội chỉ huy.

Tuy đã được phổ biến mệnh lệnh của Miền, nhưng ngày giờ hành động cụ thể thì chưa biết. Khi truyền đạt mệnh lệnh, đồng chí Phó Tư lệnh Miền nói: "...Cấp trên sẽ cho biết trước ba ngày".

Do đó, trong khi chờ đợi mệnh lệnh cụ thể của Miền, Bộ Tư lệnh Quân khu đã chỉ đạo cho Bình Thuận chuẩn bị mọi mặt đảm bảo cho trận đánh thắng lợi như: Tiến hành công tác Đảng công tác Chính trị trong các đơn vị tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tiến hành điều tra các mục tiêu trong thị xã: Đồn Trinh Tường, tiểu khu Bình Thuận, biệt khu Bình Lâm, trại Đình Công Tráng, khu vực Cổng Chử Y, Căng Esépíc, v.v. và tập kết một khối lượng vật chất khoảng 70 tấn vũ khí,

đạn dược thuốc men và hàng chục tấn lương thực, thực phẩm xuống vùng ven Tam Giác. Đồng thời, Bộ Tư lệnh Quân khu cũng quyết định: Sau khi ăn Tết xong, sẽ sử dụng Tiểu đoàn 840 phối hợp với bộ đội địa phương đánh diệt yếu khu Sông Lũy.

Thực hiện ý định đó, Tiểu đoàn 840 đang ở Thuận Phong đã hành quân ra Núi Lá để vừa ăn Tết, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ được giao.

Giữa lúc đó, đêm 28-1-1968, Khu ủy và Quân khu ủy Khu 6 nhận được điện của Miền quy định giờ “G” của cuộc “Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa” là đúng 2 giờ sáng ngày 31-1-1968¹, nhưng do đồng chí Tư lệnh quân khu đi công tác, mãi đến trưa ngày 29-1-1968 mới về đến cơ quan nên việc triển khai mệnh lệnh chiến đấu chậm.

Sau khi nhận mệnh lệnh và kế hoạch hiệp đồng tác chiến của Tư lệnh Quân khu, đồng chí Lê Văn Hiến lập tức về ngay Bình Thuận họp Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chỉ huy Tỉnh đội và cán bộ các ban ngành đoàn thể triển khai nhiệm vụ, đưa các đơn vị của tỉnh và các địa phương vào sẵn sàng chiến đấu.

Thực hiện nhiệm vụ được phân công, đồng chí Tỉnh đội trưởng Phạm Kha liền sang Râm Tre, Hàm Nhon để gặp đồng chí Phan Văn Hược, Tiểu đoàn 840 và các đơn vị phối thuộc phổ biến kế hoạch hiệp đồng, đưa cánh 1

1. Năm 1968 ở miền Bắc đổi lịch. Do đó, ngày 31-1-1968 tức là ngày mùng 3 tết Mậu Thân ở miền Bắc, còn miền Nam là ngày mùng 2 tết. Sự chênh lệch 1 ngày đó đã làm cho nhiều người hiểu nhầm.

vào chiến đấu đúng giờ “G” của trên quy định. Tuy nhiên, lúc này Tiểu đoàn 840 đã hành quân về Núi lá nên không gặp. Cùng lúc, đồng chí Phạm Hoài Chương cũng xuống Hàm Thạnh triển khai nhiệm vụ cho cánh 2 và cánh 3.

Trên đường hành quân tiếp cận vào Phan Thiết, trong giờ nghỉ giải lao chuẩn bị vượt qua đường sắt thì đồng chí Nguyễn Chính, Chính trị viên Tiểu đoàn 482 đã nghe được qua đài phát thanh Giải phóng và báo tin: “Đêm ngày 29 rạng 30-1-1968 (tức đêm mùng 1 rạng mùng 2 tết Mậu Thân) ở Trị Thiên và Khu 5, quân ta đã nổ súng tiến công và làm chủ Huế, Tuy Hòa, Buôn Ma Thuột, Pleiku, Đà Nẵng, Hội An, Quy Nhơn và Kon Tum. Tin chiến thắng đã lan nhanh khắp các đơn vị, làm tăng thêm quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ nâng cao tốc độ hành quân để kịp giờ nổ súng. Tuy nhiên, cũng làm cho mọi người băn khoăn vì Trị Thiên và Khu 5 đánh trước sẽ không còn yếu tố bất ngờ cho cuộc tiến công của ta.

Vào Phan Thiết lần thứ nhất

Sau khi hành quân tiếp cận, đúng 2 giờ sáng ngày 31-1-1968 (tức ngày mùng 1 tết Mậu Thân ở miền Nam lúc bấy giờ) quân ta bắt đầu nổ súng công kích vào Phan Thiết.

Ở phía bắc, giữa lúc hỏa lực của Đại đội trợ chiến 130 Quân khu và Đại đội trợ chiến 487 Bình Thuận do đồng chí Sơn, Đại đội trưởng, chỉ huy, đang chụp lên tiểu khu Bình Thuận và tòa hành chính tỉnh của địch

thì cánh 2 gồm Tiểu đoàn 482 và Đại đội 2/481 do 2 đồng chí Phạm Hoài Chương cùng Nguyễn Văn Bốn chỉ huy đã nổ súng đánh vào đồn Trinh Tường, một cứ điểm lớn và kiên cố nằm trên lộ 8 sát vành đai phía bắc thị xã Phan Thiết (cách trung tâm thị xã 1,5km). Lực lượng địch chốt giữ ở đây có 1 trung đội pháo binh thuộc Tiểu đoàn 23 (Trung đoàn 44 ngụy) và Đại đội bảo an 954 dựa vào công sự chống cự quyết liệt. Đến gần sáng ta mới chiếm được một số công sự ở vòng ngoài, bắt được tám tù binh và thu bảy súng, trận đánh không dứt điểm được, mục tiêu này ta chỉ thực hiện bao vây.

Được tin đồn Trinh Tường đang bị quân ta bao vây, tên thiếu tá Trần Văn Chà, Tỉnh phó nội an của địch, dẫn đầu Đại đội bảo an 208 và vợ vét một số lính của Đại đội bảo an 957 đang nghỉ tết tại thị xã tiến theo đường Nguyễn Hoàng (Lê Hồng Phong ngày nay) đến cầu Sở Muối đánh tạt sang hòng giải vây nhưng bị các chiến sĩ ta dùng B40, B41 chặn đánh. Không tiến sang được, bọn này phải dừng lại và án ngữ tại chỗ. Cùng lúc, hai xe GMC chở đầy lính do tên trung úy ác ôn Lữ Tây Tựu cầm đầu thọc theo đường Lương Ngọc Quyến (Nguyễn Hội ngày nay) lên giải vây cho Trinh Tường. Chúng vừa đến khu vực trung tâm thẩm vấn (trại giam của Công an Phan Thiết ngày nay) thì bị quân ta chặn đánh diệt một số, số còn lại dạt xuống hai bên đường tiếp tục tiến lên. Bọn này trang bị toàn tiểu liên AK để lừa ta nhưng ta kịp thời phát hiện, tiếp tục chặn đánh và đẩy lùi.

Sau sáu lần phản kích, không lần nào tới được Trinh Tường, đến 16 giờ cùng ngày, chúng dùng máy bay ném

bom hủy diệt các khu vực quân ta đang chiếm giữ làm ta tổn thất một số. Thấy không thể nào bám trụ được nữa nên số anh em còn lại rút ra ngoài để bảo toàn lực lượng.

Quyết diệt cho được đồn Trinh Tường để làm bàn đạp tiến vào nội ô thị xã, Ban chỉ huy cánh 2 đã xốc lại lực lượng và đêm 31-1 tiếp tục tập kích. Nhưng do thiếu vũ khí, chất nổ và phương tiện cắt dây thép gai nên đánh mãi đến 3 giờ sáng ngày 01-2 vẫn chưa vào được bên trong. Đồng chí Tự, Chính trị viên Tiểu đoàn 482, hy sinh và đồng chí Bảng, Đại đội trưởng Đại đội 481, bị thương nặng. Giữa lúc đó thì địch đã dồn hết lực lượng trong thị xã, có cả xe tăng và pháo binh yểm trợ đến giải vây và gây cho ta thêm một số tổn thất.

Trước tình hình không thể tiếp tục được trận đánh, Ban chỉ huy cánh 2 phải cho một bộ phận rút ra ấp Xuân Phong để củng cố, nhưng trên đường rút lại bị pháo địch bắn đuổi theo làm đồng chí Nguyễn-Trưởng Ban chính trị Tỉnh đội vừa thay đồng chí Tự làm Chính trị viên Tiểu đoàn 482 hy sinh. Riêng bộ phận còn lại do đồng chí Thiện chỉ huy tiếp tục quần nhau với địch từ đồn Trinh Tường đến khu vực chợ Phường, diệt thêm một số địch trong đó có tên thiếu tá Trần Văn Chà. Đến đêm, bộ phận này cũng rút ra ấp Xuân Phong.

Cùng thời gian với cánh 2, lực lượng cánh 3 (Đại đội 480 Phan Thiết) do đồng chí Trần Việt Tân chỉ huy vượt sông Cà Ty đánh vào Căng Esépíc (hậu cứ của Chiến đoàn 3/506 Mỹ) và cồng Chũ Y, diệt một số tên và bắn cháy một kho xăng, sau đó rút ra trụ tại 2 ấp Phú Phong và Phú Khánh. Phát hiện được đường rút

của quân ta, 7 giờ sáng ngày 31-01, một đại đội lính Mỹ có chín trực thăng vũ trang yểm trợ từ Căng Esépíc đuổi theo liền bị các chiến sĩ ta chặn đánh, diệt gần một trung đội và bắn rơi hai trực thăng. Phản ứng lại, bọn Mỹ dùng trực thăng vũ trang bắn phá từ xóm Lò Tỉn cầu 40, Phú Phong và Phú Khánh làm thiệt hại nhiều người, nhà cửa và tài sản của nhân dân. Một số chiến sĩ ta cũng đã bị bắt và hy sinh trong đó có đồng chí Nguyễn Mai Lý (tức đồng chí Hai Máu, Ủy viên Thường vụ Thị ủy Phan Thiết). Để bảo toàn lực lượng, toàn bộ cánh 3 đã rút ra bưng Cò Ke củng cố.

Cũng ngay trong đêm hôm đó (30 rạng 31-1), Đại đội 450 Thuận Phong đã đánh diệt bớt Cầu Quan, bảo vệ bến dò và hành lang cho Tiểu đoàn 840 tiến vào thị xã.

Hoảng hốt trước tình hình thị xã Phan Thiết bị quân ta tiến công mạnh và liên tục, tên trung tá Nguyễn Khắc Tuấn, Tỉnh trưởng Bình Thuận, đã khẩn thiết kêu gào khu chiến thuật 23 tiếp viện. Để cứu nguy cho Phan Thiết, tên đại tá Trương Quan Ân, Tư lệnh khu chiến thuật 23, vội vã điều Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 44 nguy và Chi đoàn xe bọc thép 4/8 do tên thiếu tá Trung đoàn trưởng Võ Khâm chỉ huy từ Vĩnh Hảo theo Quốc lộ 1A vào chi viện. Bọn này vừa đến cầu Phú Long liền bị du kích hai xã Hàm Nhơn và Hàm Thắng chặn đánh, diệt một số tên và bắn cháy một xe bọc thép M113. Lúc 17 giờ ngày 01-2, chúng vừa vào đến đầu cầu Sở Muối lại bị quân ta chặn đánh, diệt thêm một số, trong đó có hai tên cố vấn Mỹ. Thấy không thể vào Phan Thiết ban đêm và sợ bị quân ta tiếp tục chặn đánh nên Võ Khâm

đành cho quân nằm lại ở vòng ngoài.

Phát hiện được lực lượng ta đang trụ tại ấp Xuân Phong, trưa ngày 01-02, quân Mỹ dùng trực thăng đổ một đại đội xuống sân bóng gần đó, phối hợp với lực lượng của Trung đoàn 44 ngụy từ nội thị đánh ra hòng kẹp ta vào giữa để tiêu diệt. Biết trước âm mưu địch, các chiến sĩ Cánh 2 đã bố trí sẵn gần khu vực sân bóng, nên khi chúng vừa chạm chân xuống đất liền bị ta đánh phủ đầu, diệt tại chỗ gần 100 tên và bắn bị thương nhiều tên khác (riêng trung đội thiếu sinh quân đã diệt được 30 tên Mỹ và thu 24 súng, có 1M72). Số còn lại buộc phải co cụm để chỉnh đốn đội hình, rồi tiếp tục bung ra. Song, từ đó đến chiều chúng cũng không tiến lên được. Đến 19 giờ cùng ngày, bọn Mỹ cho một máy bay Đacôta đến thả pháo và trực thăng vũ trang bắn phá các khu vực xung quanh, đổ sáu tốp trực thăng bốc quân và xác chết về Căng Esépíc. Thấy quan thầy Mỹ tháo chạy, bọn lính cộng hòa cũng vội vàng lùi vào nội ô thị xã.

Sau khi củng cố, vào lúc 2 giờ sáng ngày 03-02, Cánh 2 tiếp tục pháo kích vào đồn Trinh Tường và tổ chức lực lượng đánh vào trại Đình Công Tráng (tức yếu khu Châu Thành – Phan Thiết). Ta sử dụng các loại hỏa lực ĐKZ 75 và 57, B40 và B41 bắn cấp tập vào trại, diệt nhiều tên nhưng vẫn không dứt điểm được. Sáng ngày 03-02, Cánh 2 vừa tiếp tục bám đánh trại Đình Công Tráng vừa đưa một bộ phận sang trụ tại nhà Bác Xì để đánh địch phản kích. Thấy ta không dứt điểm được yếu khu Châu Thành, tên đại úy, Yếu khu trưởng Nguyễn Hữu Trí dẫn một tiểu đội lên vào sân bóng hòng đánh tạt

vào sườn và sau lưng ta, nhưng chưa kịp hành động thì đã bị trúng đạn AK và chết ngay tại chỗ. Giữa lúc đó, bọn lính của Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 ngay cũng dựa vào xe tăng và xe bọc thép xông lên húc đổ tường tràn vào sân bóng, nhưng cũng bị các hỏa lực chống tăng của ta bắn chặn. Tên trung úy Lâm, Chi đoàn trưởng thiết giáp, bị thương và nhiều tên khác bị diệt. Toàn bộ đội hình xe bọc thép và bọn lính bộ binh đi theo hốt hoảng lùi về cố thủ xung quanh tiểu khu Bình Thuận.

Cũng trong đêm 02 rạng ngày 03-02, sau khi củng cố, Cánh 3 đã chia thành hai mũi: Mũi một do đồng chí Võ Văn Đẩu chỉ huy tiến đánh chi khu cảnh sát Châu Thành (Đồn công an Đức Nghĩa ngày nay) diệt một số, bắt sống một số, thu vũ khí và giải thoát cho một lính ngụy đào ngũ đang bị bắt giam ở đây. Cảm kích trước tinh thần anh dũng của quân giải phóng, anh này đã tình nguyện theo ta chiến đấu. Sau đó, ta phát triển đánh chiếm lữ quán Anh Đào, rạp Ánh Sáng và trụ lại 2 khu vực này với khu vực Cồn Cỏ. Địch nhiều lần dùng xe tăng và bộ binh phản kích nhưng đều bị bật ra. Đến chiều ngày 03-02, chúng dùng L19 và trực thăng đến bắn phá xóm Cồn Cỏ cùng các khu vực xung quanh làm cháy một số nhà. Quyết bảo vệ tài sản cho dân, các chiến sĩ ta đã lao ra vừa chữa cháy, vừa tập trung hỏa lực bắn máy bay địch. Riêng mũi hai do đồng chí Trần Việt Tân chỉ huy đánh vào Đức Long và Lạc Đạo, nhưng đang trên đường tiếp cận thì gặp quân Mỹ trên Cánh tràn xuống nên phải quay lại đánh trả. Sau khi diệt được một số tên, toàn bộ mũi hai đều rút ra ngoài.

Để chuẩn bị cho đợt tiến công tiếp theo, đêm ngày 03-02, Tiền phương Quân khu đã hạ lệnh cho Cánh 2 và Cánh 3 rút ra khu vực Xuân Phong, Đại Năm vừa củng cố, vừa đánh địch phản kích.

Giữa lúc Cánh 2 và Cánh 3 đang quần nhau với địch trong nội ô thị xã, thì Cánh 1 (cánh chủ yếu) do hai đồng chí Phạm Kha và Phan Văn Hược chỉ huy, vì trở ngại thông tin liên lạc và khi nhận được lệnh, Tiểu đoàn 480 phải bôn tập hành quân từ Núi Lá ngược về Râm Tre, Hàm Nhơn mới làm được công tác tổ chức chiến đấu. Sau đó, tổ chức vượt sông Cái bằng qua cánh đồng trống ở Lại An Hạ, nên mãi đến đêm 02-02, mới tiếp cận được vào vùng ven phía đông bắc Phan Thiết. Mặc dù yếu tố bất ngờ không còn nữa nhưng với tinh thần “Kịp lúc nào đánh lúc nấy” nên Ban chỉ huy Cánh vẫn kiên quyết tiến công vào các mục tiêu được phân công.

Lúc 0 giờ ngày 03-2-1968, sau khi đánh bật một trung đội dân vệ để chiếm khu vực động Cây Cám làm bàn đạp và Sở chỉ huy, Tiểu đoàn 840 liền vận động theo đường Phú Hải (Thủ Khoa Huân ngày nay) vào nội thị. Khoảng 02 giờ sáng, đại đội đi đầu vừa vào đến gần Ngã Ba Phú Hải (nơi tiếp giáp đường Phú Hải với đường Nguyễn Hoàng-tức nơi tiếp giáp đường Thủ Khoa Huân và đường Lê Hồng Phong-trước cổng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Thuận ngày nay)¹ thì gặp địch ở ty cảnh sát và câu lạc bộ quân nhân (của địch) ra ngăn chặn. Không bỏ lỡ thời

1. Lúc bấy giờ, chưa có đường Trần Hưng Đạo cắt qua đường Thủ Khoa Huân ngày nay, nên chưa có ngã tư Thủ Khoa Huân-Trần Hưng Đạo.

gian, Đại đội trưởng Tấn (Nha) liền sử dụng hỏa lực bắn áp chế và tổ chức lực lượng đánh chiếm hai vị trí này. Cùng lúc, Đại đội trưởng Chi cho Đại đội 1 tạt sang phải mở đường vòng lên sân ga để toàn tiểu đoàn thọc thẳng xuống tiểu khu Bình Thuận. Song, khi Đại đội 1 vừa đến đầu sân ga thì gặp Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 ngự án ngũ tại đây ngăn chặn. Thấy lực lượng địch tương đối đông, Tiểu đoàn trưởng Khuê (Lê Du) liền đưa tiếp Đại đội 3 vòng qua trường Phan Bội Châu, vượt qua đường Nguyễn Hoàng (Lê Hồng Phong ngày nay) phối hợp với Đại đội 1 đánh vào sân ga. Tại đây, đã diễn ra một trận ác chiến giữa ta và địch kéo dài suốt cả ngày 03-2-1968. Quân ta quyết đánh bật địch để mở đường đột phá vào tiểu khu. Quân địch quyết ngăn chặn và đẩy lùi ta để giữ khu vực này làm bàn đạp phản kích lên đường 8, đồn Trinh Tường, Quốc lộ 1A, đường Phú Hải và bảo vệ sườn phía tây bắc tiểu khu.

Sau nhiều lần đột phá không thành công, Tiểu đoàn 840 tạm dừng lại chốt các khu vực: ngã ba sân ga, trường Phan Bội Châu, động Cây Cám và tiến hành xây dựng công sự, đồng thời đưa các loại lực ĐKZ, B40, B41, đại liên lên các tầng nhà gác bắn phá một số mục tiêu ở nhà ga và tổ chức lực lượng truy quét, đánh địch phản kích vào khu vực chốt. Đến 16 giờ, địch mở đợt phản kích cuối cùng xuống đường Phú Hải (Thủ Khoa Huân ngày nay) nhưng bị ta diệt tại chỗ hai xe bọc thép và bắn bị thương một chiếc.

Suốt cả ngày hôm đó, một số dân còn lại trong khu vực chốt đã hăng hái giúp đỡ bộ đội đào công sự, tiếp tế

lượng thực, thực phẩm cả bánh và thịt cúng Tết. Nhiều người còn phát hiện địch và chỉ cho ta đánh những mục tiêu quan trọng. Có cụ già còn bảo: “Nếu các chú muốn đánh tiểu khu thì phải đi theo đường Xóm Khoai dễ hơn”.

Không đẩy được ta ra khỏi khu vực chốt, lúc 17 giờ, chúng dùng máy bay L19 phát loa kêu gọi dân đi tản cư và sau đó, dùng trực thăng vũ trang bắn phá làm cháy nhiều nhà cửa của dân. Song, nhiều người vẫn ở lại cùng bộ đội tiếp tục chiến đấu và chữa cháy.

Đêm ngày 03-2-1968, sau khi tổ chức nghi binh, tìm chế hỏa lực địch và đưa hết thương binh, tử sĩ ra ngoài, Tiểu đoàn 840 chuyển sang Xóm Khoai củng cố và tổ chức thành hai mũi: Một mũi từ Xóm Khoai đánh vào Tỉnh đoàn bảo an và một mũi từ Ty cảnh sát, Câu lạc bộ quân nhân phát triển sang. Nhưng cả hai mũi đều bị hỏa lực ở các tầng gác của tòa hành chính và tiểu khu ngăn chặn. Do đó, suốt cả đêm 3 và ngày 03-02, ta chỉ đánh chiếm được một góc của khu vực tỉnh đoàn bảo an và pháo kích, vây ép tiểu khu, tòa hành chính. Trước tình hình đó, Ban chỉ huy Cảnh hạ lệnh cho Tiểu đoàn 840 để một bộ phận lực lượng lại chốt giữ những khu vực đã chiếm, đồng thời tập trung sức đánh chiếm các mục tiêu: Ty chiêu hồi, Ty canh nông, Ty mục súc, Ty lâm vụ và chùa Giác Hoa. Thực hiện xong nhiệm vụ, Tiểu đoàn 840 tiếp tục đánh bật tất cả các đợt phản kích của địch từ phía vườn hoa (Câu lạc bộ thanh thiếu niên ngay nay), đài chiến sĩ, nhà ga và đông đường Phú Hải sang.

Tuy nhiên, do việc tiếp tế rất khó khăn, thiếu nhất

là đạn các loại, nên có lúc chiến sĩ ta phải khoác súng AK vào vai để sử dụng vũ khí địch vừa thu được, đánh địch. Vì vậy, đêm 4-2-1968, theo lệnh của Tiền phương Quân khu, toàn bộ Cán 1 rút ra phía đông Hàm Nhơn để củng cố.

Phối hợp với trọng điểm Phan Thiết, ở các vùng nông thôn phụ cận, Đại đội 430 Hàm Thuận cùng du kích các xã Hàm Phú, Hàm Trí đánh bọn dân vệ ở ấp 18 (cột số 18 đường 8) diệt một tiểu đội, thu toàn bộ vũ khí, số còn lại tháo chạy tán loạn. Sau đó, ta phát động quần chúng đưa dân lên thế làm chủ. Cũng trong thời gian này, du kích xã Hàm Thạnh đánh bọn dân vệ ở ấp Văn Phong và bao vây uy hiếp khu vực ga Mương Mán.

Ở Tánh Linh và Hoài Đức, ngoài lực lượng bổ sung cho tỉnh, bộ phận còn lại phối hợp với đội công tác liên tục đột vào các ấp ở dọc liên tỉnh lộ 3 phát động quần chúng, đánh diệt bọn ác ôn ở thôn 2 Võ Đắc và tập kích khu Thương Mại Võ Xu, tiến công vào ngã tư Chính Đức.

Ở Hàm Tân, Đại đội 460 và các đội công tác liên tục đột vào các ấp chiến lược, diệt ác, phá kìm.

Phía Bắc Bình, lực lượng địa phương của các huyện Hòa Đa, Phan Lý và Tuy Phong đều phối hợp với du kích và các đội công tác liên tục đánh vào Phan Rí Cửa, Chợ Lầu, Long Hương diệt nhiều cảnh sát ác ôn, hỗ trợ cho phong trào quần chúng.

Vào Phan Thiết lần thứ 2

Để bảo đảm cho đợt tiến công vào Phan Thiết lần

thứ 2 theo lệnh của Bộ Chỉ huy Miền giành thắng lợi quyết định, Khu ủy và Quân khu ủy 6 cùng Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận đã phát động đợt thi đua “Khí thế Mậu Thân” dồn sức ra phía trước. Từ các cơ quan, ban ngành đoàn thể của tỉnh, huyện đến dân quân du kích và đồng bào vùng căn cứ đều được huy động về hướng Phan Thiết; cả một số đồng bào ở vùng địch tạm kiểm soát cũng đã vượt ra vùng giải phóng hăng hái tham gia tải thương, tải đạn, tiếp tế lương thực, phục vụ chiến đấu. Để bổ sung lực lượng cho các đơn vị chiến đấu, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã rút một số khá lớn lực lượng bộ đội địa phương và dân quân du kích của các huyện Hàm Thuận, Tánh Linh, Hoài Đức, Hàm Tân; đồng thời Tiền phương Quân khu cũng đã điều Đại đội 489 của tỉnh Bắc Bình vào tăng cường cho trọng điểm.

Mặc dù, địch đã củng cố, tăng cường lực lượng và ra sức ngăn chặn, nhất là các tuyến đường dẫn vào nội thị nhưng Bộ Chỉ huy Tiền phương Quân khu vẫn thấy hệ thống phòng thủ của địch ở phía đông thị xã còn sơ hở và là chỗ yếu chúng chưa khắc phục được. Do đó, một lần nữa, đại tá Nguyễn Minh Châu, Tư lệnh Quân khu kiêm Chỉ huy trưởng Mặt trận, đã chọn hướng này làm hướng chủ yếu và sử dụng lực lượng như sau:

Cánh chủ yếu (cánh 1), ngoài Tiểu đoàn 840, Đại đội 3/481 (Phan Thiết), Đại đội trợ chiến 130, còn được tăng cường Đại đội 3 thuộc Tiểu đoàn 482 (Bình Thuận).

Cánh phía bắc (cánh 2) gồm các đơn vị: Tiểu đoàn 482 (thiếu 1 đại đội), Đại đội 2/481 Phan Thiết và Đại

đội 1/430 Hàm Thuận.

Cánh phía tây (cánh 3) gồm: Đại đội 480, Đại đội 1/481 Phan Thiết cùng lực lượng còn lại của tỉnh và Quân khu, do đồng chí Nguyễn Anh Dũng làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Trần Việt Tân làm Chỉ huy phó và đồng chí Lê Kiềm làm Chính trị viên phó.

Giờ “G” là đúng 23 giờ ngày 17-2-1968.

Thực hiện mệnh lệnh của Chỉ huy trưởng Mặt trận, ngay từ chiều 17-02, Tiểu đoàn 840 (Cánh đông) đã rải lực lượng chốt đường và bãi vượt sông. Lúc 22 giờ ngày 17-2-1968, bộ phận cảnh giới của Đại đội 2/840 ở phía đông nam động Cây Cám đã nổ súng đánh đuổi một trung đội địch và cắt đứt đường Phú Hải, đưa toàn bộ lực lượng của tiểu đoàn vào Xóm Khoai (Bình Hưng). Đến 23 giờ, Đại đội trưởng Cao Văn Trợ tiếp tục cho Đại đội 2 nổ súng khu vực tiêu diệt một trung đội địch đóng ở chùa Bửu Quang (Xóm Khoai) chiếm lĩnh trận địa, triển khai lực lượng cho các mũi tiến công địch. Cũng vào thời điểm này, Đại đội 3 Tiểu đoàn 482 do Tiểu đoàn phó Văn Minh Trường trực tiếp chỉ huy từ Tam Giác vượt qua đường 8, vượt qua Quốc lộ 1A (đoạn giữa cầu Bến Lội và cầu Sở Muối) vào chiếm lĩnh động Cây Cám.

Đúng giờ “G”, các loại hỏa lực của ta bắt đầu nhả đạn trùm lên tiểu khu và tòa hành chính tỉnh (của địch). Nắm vững thời cơ giữa lúc pháo ta đang bắn cấp tập làm kẻ địch không dám ngóc đầu lên, Đại đội trưởng Hà Chi và Đại đội trưởng Lê Văn Xới liền chỉ huy Đại

đội 1 và Đại đội 5 đặc công (840) liên tục đột phá các mục tiêu vòng ngoài như ty cảnh sát, nhà đèn, kho xây dựng và nhà thờ. Sau đó, tiếp tục đột vào tiểu khu thì bị hỏa lực địch ngăn chặn. Cùng đột phá với Đại đội 1, một mũi thọc sâu của Đại đội 5 đặc công do Đại đội phó Hồ chỉ huy đã lách được các vị trí chốt của địch ở vòng ngoài nhưng đến khu vực nhà thờ buộc phải nổ súng để mở đường vào tiểu khu. Riêng Đại đội 3, nhờ có đồng chí Nghị đội công tác Bình Hưng dẫn đường nên Đại đội trưởng Trung Việt đã chỉ huy đơn vị mình tiến rất nhanh và bất ngờ nổ súng đánh diệt 1 trung đội địch án ngữ tại đường sắt cũ ở Bình Hưng. Sau khi diệt sạch bọn địch án ngữ và đánh sập 1 lô cốt chìm, Đại đội 3 tiếp tục đột thẳng vào Lao Xá. Bị đánh bất ngờ, 2 trung đội địch và bọn cảnh sát giữ nhà lao bung chạy tán loạn. Các chiến sĩ lập tức phá cửa nhà lao. Hơn 700 đồng bào, đồng chí bị địch giam giữ từ trong các buồng tối chật ních ứa ra hò reo. Tiếng “Hoan hô cách mạng”, “Hoan hô bộ đội” vang lên xen lẫn tiếng khóc thút thít, vừa mừng vừa tủi. Nhiều vòng tay ôm chầm các chiến sĩ và nhiều người đã tự nguyện xin theo cầm súng chiến đấu.

Phối hợp với Tiểu đoàn 840, Đại đội 3/481 đánh chiếm trường Chính Tâm (Trường Phổ thông trung học chuyên Trần Hưng Đạo ngày nay) thì gặp hỏa lực của chốt biệt kích Mỹ (Mike Torsess) ngăn chặn.

Thấy hướng Lao Xá phát triển thuận lợi, Tiểu đoàn trưởng Lê Du và Chính trị viên Võ Đức Nhị liền cho Đại đội 2 (đội dự bị) phát triển vào đánh chiếm Ty công chính và đột thẳng vào 1 góc của tiểu khu thì cũng bị

hỏa lực địch ngăn chặn.

Tuy vậy, đến lúc này, lực lượng của cánh một cũng đã tạo được thế áp sát và bao vây phía đông tiểu khu, tòa hành chính của địch.

Cùng hiệp đồng với Cánh 1, lúc 0 giờ ngày 18-2-1968, các mũi tiến công của Cánh 2 đã bí mật lách qua các mục tiêu chốt chặn của địch ở vòng ngoài, bất ngờ nổ súng tiến công vào trại Quang Trung (Biệt khu Bình Lâm-nay là trụ sở và nhà khách Tỉnh ủy), Ty bưu điện, đồng thời pháo kích vào trại Đình Công Tráng, chiếm và kiểm soát tất cả các mục tiêu của địch ở Phú Trinh như Ty y tế, Ty lao động và trụ sở của bọn y tế Đài Loan, v.v. tạo thế hợp vây với Cánh 1 ở phía đông và tây bắc của tiểu khu, tòa hành chính. Đặc biệt, trong trận tiến công vào Biệt khu Bình Lâm, đồng chí Trung đội trưởng Từ Văn Tư đã chỉ huy mũi của mình áp sát trận địa. Khi tổ bộc phá vừa phá xong các lớp rào bên ngoài thì hỏa lực địch bắn ra rất quyết liệt làm bốn chiến sĩ ta hy sinh, hai chiến sĩ còn lại cũng bị thương không tiến lên được. Trước tình thế khẩn cấp, đồng chí Tư liền vác B41 một mình xông vào đồn giặc nhưng lại gặp bộ binh và xe tăng địch ra phản kích. Không bỏ lỡ thời cơ, đồng chí Tư lợi dụng bóng đêm ép sát xe tăng, dùng thủ pháo lần lượt đánh cháy hai xe tăng và diệt luôn sáu tên Mỹ. Mặc dù đã bị thương gãy cả hai chân nhưng đồng chí Tư vẫn tiếp tục chỉ huy chiến đấu và động viên anh em: "Nếu chết hãy quay đầu về hướng giặc mà chết". Noi gương anh, cả trung đội đã xông lên đánh lùi quân địch phản kích.

Trong khi ta tiến công trại Quang Trung, đồng bào ở Chợ Gò và các khu vực xung quanh đã hết sức nhiệt tình giúp đỡ bộ đội, có người còn đưa ván gỗ cho anh em làm công sự, v.v..

Riêng Cánh 3, vì trăng sáng, nước thủy triều lớn và địch cũng đã tổ chức ngăn chặn nên không vượt được sông Cà Ty. Do đó, Cánh 3 đã phải tổ chức hỏa lực pháo kích vào cổng Chữ Y, Căng Esépíc, đồng thời đào công sự trụ lại tại bến đò Văn Thánh, vùng ven sông Phú Tài tạo thế vây ép thị xã ở vòng ngoài.

Hoảng sợ trước nguy cơ tiểu khu Bình Thuận bị tiêu diệt, Tiểu khu trưởng Nguyễn Khắc Tuấn lại một lần nữa kêu cứu.

Đáp lại lời khẩn cầu của Tuấn, trước tiên là pháo hạm ngoài biển bắn dồn dập vào các khu vực: chùa Bửu Quang, Bình Hưng, Xóm Khoai, Chợ Gò và khu phố 30 căn. Song, do đội hình của ta đã áp sát vào địch nên không bị thiệt hại gì đáng kể. Ngoài pháo từ biển bắn vào, cả ngày 18-2-1968, chúng còn dùng máy bay và pháo mặt đất thay nhau bắn phá các khu vực xung quanh, hòng chia cắt đội hình và ngăn chặn sức đột phá của quân ta vào tiểu khu. Được hỏa lực chi viện tối đa, Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 ngay liền xông ra phản kích quyết liệt, nhằm chiếm lại các vị trí đã mất như: Ty công chính, Lao Xá, chợ Gò và khu phố 30 căn, v.v. nhưng tất cả các mũi phản kích của chúng đều bị quân ta bẻ gãy.

Để cứu nguy cho Phan Thiết, tên đại tá Ân, Tư lệnh khu chiến thuật 23 cũng đã đáp trực thăng đến để trực

tiếp chỉ huy các cuộc hành quân giải tỏa. Hắn đã bắn súng ngắn và ném đá sau lưng để thúc giục quân xông lên nhưng vẫn không có hiệu quả. Trước mặt cấp trên, tên thiếu tá Luân, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 3 nguy, xông lên để làm gương cho binh lính nhưng lập tức hắn đã bị trúng đạn AK và bị thương nặng đành phải thụt lại.

Cũng trong ngày 18, phối hợp với Tiểu đoàn 3 nguy, 1 đại đội bảo an đã thọc ra vùng ven sông Phú Tài để giải tỏa liền bị lực lượng Cánh 3 đang bám trụ tại chỗ đánh thiệt hại nặng. Sau đó, địch cho máy bay đến ném bom và dùng trực thăng đổ hai đại đội Mỹ xuống khu vực này. Mặc dù đội hình đã bị trúng bom, nhưng các chiến sĩ Cánh 3 vẫn ngoan cường dũng cảm đánh trả quyết liệt và giữ vững trận địa cho đến tối. Riêng đồng chí Trần Việt Tân, Chỉ huy phó Cánh đã bị thương vào mắt sau khi bắn gục liền bảy tên lính Mỹ.

Trước sự bất lực của Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 nguy, lúc 16 giờ ngày 18-02, địch đã tập trung pháo từ biển, pháo mặt đất, trực thăng phóng pháo ở Căng Esépíc và máy bay phản lực từ Thành Sơn (Phan Rang) vào bắn phá, ném bom hủy diệt Lao Xá, làm Đại đội 3 Tiểu đoàn 840 đang chốt tại đây bị tổn thất nặng nề.

Đoán biết thế nào ngày 19-02, địch cũng sẽ tập trung 1 lực lượng lớn gồm: Trung đoàn 44 nguy và Chiến đoàn tăng 3/506 của Mỹ phản kích vào các vị trí chốt của ta, nên sau khi tìm cách đưa hơn 100 thương binh ra vùng ven, ngay trong đêm 18-02, Tiểu đoàn trưởng Lê Du đã đề nghị với Ban chỉ huy Cánh 1 điều chỉnh lực lượng,

xây dựng trận địa phòng ngự tại Xóm Khoai – Bình Hưng. Một lần nữa, những người dân không chịu đi tản cư mà ở lại hăng hái cùng bộ đội đào đắp công sự, đem hết tất cả gỗ, ván, bàn ghế trong nhà ra cho quân giải phóng làm nắp hầm chôn cát. Nhờ đó, khu then chốt của đơn vị càng thêm vững chắc. Tuy không bắt được liên lạc với Cánh 2 nhưng Ban chỉ huy Cánh 1 đã bố trí xong lực lượng sẵn sàng hiệp đồng để đánh quân Mỹ phản kích.

Đúng như dự đoán của ta, từ tờ mờ sáng ngày 19-02, bọn Mỹ đã tập trung hỏa lực với mức độ rất cao, nhất là pháo hạm đã bắn dồn dập từng loạt 4, 6, 8 và 12 viên liền nhau vào các khu vực chốt của quân ta. Sau gần 3 giờ bắn phá ác liệt, trên bầu trời Phan Thiết lại xuất hiện một số trực thăng và L19 lượn vòng để quan sát và chỉ điểm. Sau nhiều vòng quan sát, chúng thông báo cho nhau: “Không phát hiện được gì chỉ thấy nhiều dấu dấp trên đường mòn băng qua các luống khoai đi vào hướng tiểu khu và tòa hành chính”.

Thế là, lúc 9 giờ ngày 19-2-1968, Chiến đoàn 3/506 của Mỹ từ Căng Esépíc kéo xuống vượt qua sông Cà Ty, rồi từ phía Vườn Hoa, Tháp Nước đánh vào trận địa phòng ngự của Cánh 1 ở Bình Hưng. Những chiếc xe tăng hạng nặng Ontos pháo 6 nòng kênh càng vừa dẫn đầu một toán lính Mỹ xông vào trận địa của Đại đội 2 Tiểu đoàn 840, liền bị quân ta đánh cho lật xác. Tuy vậy, sức đột kích của chúng khá ô ạt, nhiều mũi, nhiều cánh đã chọc thủng trận địa ta gần sở chỉ huy và trạm phẫu thuật ở cuối Xóm Khoai. Không nao núng, các chiến

sĩ vẫn kiên cường bám trụ, giành giật với địch từ bờ đất, luống khoai, góc nhà, kết hợp giữa hỏa lực gần, với hỏa lực từ khu then chốt phòng tăng và những đợt xuất kích gần lần lượt đẩy lùi từng mũi phản kích của địch. Sau nhiều lần đợt kích không thành công, một số xe tăng bị bắn cháy trên các luống khoai, bọn Mỹ phải lùi ra co cụm trên dãy đồi Bình Hưng và tiếp tục dùng hỏa lực bắn phá trận địa ta.

Quyết không để bọn này kịp thời củng cố, lúc 17 giờ cùng ngày, Tiểu đoàn trưởng Lê Du đã tập trung cối 82 kết hợp với hỏa lực ở khu then chốt chống tăng bắn mãnh liệt vào đội hình địch; đồng thời lệnh cho Đại đội 2 vòng lên phía bắc phối hợp với Đại đội 1 và Đại đội 5 ở khu vực nhà thờ hình thành 2 mũi, lợi dụng lúc trời đang chập choạng tối đánh vào sườn phía sau nơi địch co cụm. Bị đánh bất ngờ, quân Mỹ không kịp đối phó, hoảng hốt tháo chạy, bỏ lại xác lính và xác xe vừa bị quân ta tiêu diệt.

Tuy giành được thắng lợi lớn vào cuối ngày nhưng Tiểu đoàn 840 và các đơn vị tăng cường cũng gặp không ít khó khăn, suốt mấy ngày đêm chiến đấu liên tục đều không liên lạc được với Tiền phương Quân khu, lương thực và đạn dược không tiếp tế kịp, thương vong nhiều. Do đó, đêm 19-2-1968, toàn bộ lực lượng Cánh 1 phải rút ra ngoài để củng cố và tiếp tục đánh địch ở vùng Lại An, Kim Ngọc, Phú Long.

Cũng trong ngày 19-02, địch đã huy động lực lượng còn lại của Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 ngụy, tiểu đoàn biệt kích Mỹ cùng với chiến đoàn tăng chia thành nhiều

mũi. Tiếp tục vào giải tỏa các khu vực Chợ Gò, Trường Nữ và đường Hải Thượng Lãn Ông. Tại đây, các chiến sĩ của Cánh 2 đã chiến đấu cực kỳ anh dũng, đập tan nhiều đợt phản kích của địch có máy bay và xe tăng yểm trợ. Riêng tổ 3 người do đồng chí Huỳnh Phương Đông chỉ huy đã táo bạo tiếp cận vào khu vực nhà thờ Tin Lành đánh cháy hai xe bọc thép. Đến đêm 19-02, sau khi phát hiện được quân Mỹ đang tập trung tại Vườn Hoa (khu vực Tháp Nước) để chuẩn bị cho cuộc càn ngày mai, Ban chỉ huy Cánh 2, liền sử dụng hỏa lực cối 82 bắn liền 40 quả vào đội hình chúng, diệt nhiều tên.

Ngày 20-02, sau khi biết được Cánh 1 của ta rút ra vùng ven và Cánh 3 cũng đã rút ra vùng Giò Cà từ đêm 18, địch tập trung lực lượng cả Mỹ lẫn ngụy dồn sức phản kích vào các khu vực chốt của Cánh 2, hòng tiêu diệt và đẩy lực lượng này ra khỏi thị xã.

Tại khu vực ngã tư Chợ Gò, gần sở chỉ huy của Cánh 2, đã diễn ra nhiều đợt chiến đấu quyết liệt giữa ta và địch. Sau năm lần đợt phá không thành công, đến 16 giờ cùng ngày, chúng tập hợp lực lượng còn lại chia thành hai mũi tiếp tục đợt vào Sở chỉ huy Cánh 2. Tuy đã 3 ngày đêm chiến đấu liên tục nhưng chiến sĩ ta vẫn kiên cường bám trụ diệt hết tên này đến tên khác, buộc địch phải tháo chạy. Riêng đồng chí Tra cảnh vệ của ở chỉ huy một mình đã lập mưu đẩy lùi một mũi phản kích của địch, diệt hai mươi tên. Đồng chí Võ Hữu mặc dù đã bị thương nặng nhưng vẫn bò xuống từng cụm chốt để chỉ huy đơn vị mình đánh bật tất cả các đợt phản kích

của Mỹ-ngụy. Và, đồng chí đã anh dũng hy sinh ngay tại trận địa sau khi đánh bật quân địch ra khỏi chốt cuối cùng. Nhiều thiếu sinh quân, tuy tuổi còn nhỏ, mới vừa ra trận trong dịp tết này, nhưng các em đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, khiến cho quân thù phải nể phục.

Ngày 21-02, chúng lại tiếp tục tăng quân phản kích. Nhưng trước tinh thần bám trụ chiến đấu kiên cường của quân ta, bọn địch buộc phải chuốc thêm thất bại nặng nề. Cánh 2 vẫn giữ vững trận địa và phát triển tiến công.

Sau gần bốn ngày liên tục đánh địch làm chủ ở nội ô, lực lượng ta ở khu vực Chợ Gò, phường Phú Trinh đã bẻ gãy tất cả các đợt phản kích của Mỹ-ngụy có cả máy bay, xe tăng hạng nặng gắn pháo sáu nòng chi viện, diệt hàng trăm tên. Nói về những trận đánh ở khu vực này, trong cuốn quân sự của cái gọi là: "Quân lực Việt Nam cộng hòa", chúng đã cay đắng thú nhận: "...Cứ mỗi lần dội bom xong, tiến vào, quân đội lại bị địch (ta) bắn dội ra không vào được. Trong hai ngày 18 và 19-02, lực lượng Hoa Kỳ không làm chủ được khu vực này, ngoại trừ phía đường Hải Thượng Lãn Ông tiến được đôi chút...".

Đêm 21-02, toàn bộ lực lượng Cánh 2 được lệnh của Tiền phương Quân khu rút ra vùng ven phía bắc bám trụ tiếp tục đánh địch giải tỏa và tạo thế vây ép thị xã.

Phối hợp với đợt hai tiến công vào Phan Thiết, ở các địa phương như Tánh Linh, Hoài Đức và Thuận Phong, bộ đội địa phương dân quân du kích và đội công tác vào

các ấp chiến lược đánh địch, giành dân và mở rộng vùng giải phóng.

Ở Hàm Thuận, bộ đội địa phương bao vây uy hiếp địch ở chi khu Thiện Giáo. Du kích xã Hàm Chính diệt bót Cầu Móng, phá cầu Sông Trao và làm chủ khu vực này. Du kích xã Hàm Đức phối hợp với lực lượng huyện Thuận Phong bao vây đồn Tuy Hòa. Nhân dân ở các xã Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Thắng, Hàm Thạnh, Hàm Phú và Hàm Trí vùng lên truy bắt bọn tề điệp, ác ôn trong các xóm, ấp, đồng thời phát loa kêu gọi bọn địch đóng ở các đồn bót lẻ hạ vũ khí đầu hàng, hoặc bỏ súng về nhà làm ăn. Hoảng hốt trước tình thế cách mạng của quần chúng đang lên rất mạnh mẽ, bọn phòng vệ dân sự, cảnh sát ác ôn và tề điệp vội vã bỏ nhiệm sở tháo chạy, dứa chạy trốn, dứa về với xóm làng, dứa tìm đường sang vùng khác. Du kích và quần chúng đã làm chủ khu vực Tam Giác và đường 8 (đoạn từ Tân An đến Bình Lâm) và các vùng xung quanh, phá tan mọi hình thức kìm kẹp ở cơ sở.

Phía bắc Bình Thuận, các đơn vị vũ trang tỉnh, huyện đánh vào quận lỵ Hòa Đa và liên tục đột vào các ấp chiến lược ở Chợ Lầu, Phan Rí Cửa, Lương Sơn, v.v. tuyên truyền phát động quần chúng, diệt nhiều tên ác ôn đầu sỏ.

Đặc biệt, trong những ngày bộ đội ta đang chiến đấu ở nội thị, thì từ các cơ quan Đảng, Chính quyền, các đoàn thể và nhân dân Hàm Thuận đã tập trung sức người, sức của phục vụ cho mặt trận. Bà con tự động ghép thành từng đoàn, từng toán chuyên nấu cơm tiếp

tế cho bộ đội. Nhiều chị em phụ nữ và các cháu thiếu niên ở Đại Năm, Phú Hội, Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Thắng, Hàm Nhơn, Hàm Phú, Hàm Trí, Hàm Đức và Hàm Thanh đã tự nguyện xung vào các đội dân công vượt qua bom đạn địch, len lỏi vào tận các chốt bám trụ của quân ta ở Chợ Gò, Trường Nữ, Động Cây Cám, Xóm Khoai, v.v. để tiếp tế cơm nước, rồi khiêng tử sĩ, thương binh ra ngoài. Một số gia đình ở vùng ven và nội thị, đã đón các chiến sĩ bị thương chạy lạc đơn vị về nhà nuôi nấng, cứu chữa và che giấu, đến khi bình phục mới cử người đưa ra ngoài giao cho cách mạng như bà Ba Tôm ở Phú Mỹ, má Hai ở Phú Trinh

Vào Phan Thiết lần thứ 3

Sau cuộc tiến công lần thứ hai, được sự chỉ đạo của Khu ủy, Bộ Chỉ huy Tiền phương Quân khu đã mở cuộc họp rút kinh nghiệm để chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo, có đồng chí Trần Lê-Bí thư Khu ủy 6 dự. Từ thực tiễn chiến trường Bộ Chỉ huy Tiền phương nhận định: "...địch đã tăng cường Trung đoàn 44 nguy, Chiến đoàn 3/506 Mỹ cùng với lực lượng tiểu khu tập trung phòng thủ Phan Thiết khá dày đặc, nhất là những mục tiêu trọng yếu, do đó, ta không thể đánh lớn vào nội ô được nữa...". Vì vậy, Tiền phương Quân khu quyết định: Để một số đơn vị bám trụ ở vòng ngoài tiếp tục đánh địch bung ra; đồng thời sử dụng một bộ phận lực lượng hình thành những mũi thọc sâu đánh vào một số mục tiêu ở nội ô, Cảng Esépíc và sử dụng Tiểu đoàn 840 đánh diệt yếu khu Phú Long để câu địch ra ngoài.

Thực hiện quyết định trên, đêm 24-02, Tiểu đoàn

482 được tăng cường Đại đội 489 (Bắc Bình) và phối hợp với các đơn vị đặc công Phan Thiết do đồng chí Nguyễn Hòa, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 482 và đồng chí Nguyễn Văn Bốn, Bí thư Thị ủy Phan Thiết cùng chỉ huy vượt sông Cà Ty qua Quốc lộ 1A (đoạn giữa cầu 40 và cổng Chử Y) vòng qua bãi tha ma phía tây cổng Chử Y, thọc xuống ấp Kim Hải đánh vào sườn phía sau Đại đội bảo an 127 đang án ngữ tại cổng Chử Y, diệt một trung đội, rồi tràn vào kiểm soát ấp Kim Hải trụ tại đó, đồng chí Nguyễn Văn Bốn và đồng chí Dũng chiến sĩ liên lạc rời vị trí chỉ huy cải trang đi ra khu vực cầu 40 thì bị địch phục kích bắt. Đến mờ sáng ngày 26 tháng 02, toàn bộ Tiểu đoàn 482 rút ra ngoài để về Đại Năm. Riêng Đại đội 489 do đồng chí Phan Ngọc Anh chỉ huy không liên lạc được với Tiểu đoàn 482 nên vẫn bám trụ tại khu vực giáp ranh giữa Đức Long và Kim Hải. Phát hiện được Tiểu đoàn 482 đã rút ra ngoài, địch liền tập trung lực lượng khá lớn gồm: đại đội biệt kích Lương Sơn, chi đội xe cơ giới, liên trung đội tình báo thám sát của tiểu khu phối hợp với quân Mỹ từ Căng Esépíc kéo xuống bao vây Đại đội 489. Sau 1 ngày chiến đấu vô cùng ác liệt giữa vòng vây của địch, tuy đã diệt được nhiều tên nhưng Đại đội 489 cũng đã bị tổn thất nặng, cả đại đội hy sinh hết chỉ còn lại sáu chiến sĩ và Đại đội phó Nguyễn Văn Ba (Ba Nhỏ), nên phải phân tán để vượt sông Cà Ty về vị trí tập kết. Đây là trận tổn thất lớn của lực lượng vũ trang Bình Thuận.

Cùng lúc với Tiểu đoàn 482 đánh vào cổng chữ Y, Đại đội trợ chiến 487 dưới sự hướng dẫn của đồng chí Phạm Châu Gia trợ lý tác chiến tỉnh, đã bắn 13 quả

đạn cối 82 ly vào Cảng Esépíc diệt được 50 tên Mỹ, phá hỏng một kho xăng, nổ năm kho đạn và cháy bảy trực thăng.

Cũng trong đêm 25-02, Tiểu đoàn 840 từ phía Phú Trường thọc sâu vào tập kích yếu khu Phú Long. Tuy nhiên, do địch đã đề phòng trước, nên tiểu đoàn chỉ chiếm được một ấp và tổ chức lực lượng vây lấn yếu khu. Sáng ngày 26, địch dùng chi đoàn xe bọc thép 4/8 và Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 nguy từ Phan Thiết theo Quốc lộ 1A và đường Phước Thiện Xuân lên giải tỏa. Trận đánh quyết liệt giữa ta và địch diễn ra suốt cả ngày 26-02. Sau nhiều lần tổ chức lực lượng đột vào nhưng đều bị ta đánh bật ra, nhiều xác lính và xác xe nằm ngổn ngang trước vành đai Phú Long. Chiều tối bọn này phải rút chạy về Phan Thiết. Thấy quân phản kích rút chạy, bọn bảo an và dân vệ cũng bỏ chạy luôn. Không giải tỏa được Phú Long, máy bay Mỹ tiếp tục đến dội bom, bắn phá làm cháy nhiều nhà cửa của dân. Sau khi chữa cháy cho dân và bàn giao yếu khu Phú Long cho Trung đội độc lập 452 Thuận Phong chốt giữ, đêm 26 tháng 02, Tiểu đoàn 840 rút về căn cứ huyện Thuận Phong để củng cố. Sáng ngày 27-02, địch tiếp tục đưa lực lượng từ Phan Thiết lên giải tỏa Phú Long. Quyết hoàn thành nhiệm vụ trên giao, Trung đội trinh sát 452 đã kiên cường bám trụ đánh trả quyết liệt. Tuy đã diệt được khá nhiều tên, nhưng vì so sánh lực lượng quá chênh lệch, nên Trung đội 452 đã hy sinh mất 37 cán bộ, chiến sĩ, chỉ còn lại hai đồng chí thoát được ra ngoài, đây cũng là trận tổn thất lớn của bộ đội địa phương huyện Phong.

Sau khi rút kinh nghiệm, thượng tuần tháng 3-1968, Tiền phương Quân khu quyết định tổ chức đợt tiến công cuối cùng để kết thúc cao điểm Xuân Mậu Thân. Đợt này ta sử dụng hai tiểu đoàn; Tiểu đoàn 840 tiếp tục đánh vào yếu khu Phú Long và Tiểu đoàn 482 làm nhiệm vụ chặn viện trên Quốc lộ 1A (đoạn từ ngã tư Lại An đến ngã 3 Kim Ngọc) do 2 đồng chí Phạm Kha, Tỉnh đội trưởng và Phạm Hoài Chương, Chính trị viên phó Tỉnh đội chỉ huy.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, lúc 0 giờ ngày 12-3-1968, Tiểu đoàn 840 được tăng cường Đại đội trợ chiến 130 (Quân khu) do Tiểu đoàn trưởng Lê Du chỉ huy bắt đầu nổ súng đánh vào yếu khu Phú Long. Sau 3 giờ chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa, diệt toàn bộ lực lượng địch, thu dọn chiến trường, bố trí lực lượng chốt giữ cầu, kiểm soát ấp và chuyển thuộc hỏa lực cho đơn vị chặn viện.

Cùng thời gian trên (đêm 11-3), Tiểu đoàn 482 do Tiểu đoàn trưởng Văn Minh Trường và Chính trị viên Lê Đức Thiện chỉ huy từ Tam Giác vượt qua đường 8 (Quốc lộ 28 ngày nay), triển khai lực lượng bố trí thành 3 cụm: 1 đại đội bộ binh ở Lại An Thượng (tây bắc Quốc lộ 1A); 2 đại đội bộ binh cùng đại đội trợ chiến và Sở chỉ huy (cụm chủ yếu) ở Lại An Hạ (đông nam Quốc lộ 1A) và 1 cụm chặn đầu ở ngã ba Kim Ngọc.

Được tin yếu khu Phú Long bị ta tiêu diệt, sáng ngày 12-03, tiểu khu Bình Thuận liền tung Chi đoàn xe bọc thép 4/8 và Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 44 nguy mở cuộc hành quân theo Quốc lộ 1A từ Phan Thiết lên giải

tỏa. Lúc 12 giờ cùng ngày, bọn này đã chạm súng với ta ở hai cụm Lại An Thượng và Lại An Hạ, nhưng chúng rất chủ quan, chỉ cho một bộ phận nhỏ ở lại kìm chế, còn đại bộ phận lực lượng tiếp tục tiến lên ngã ba Kim Ngọc và cầu Phú Long. Tại đây, lực lượng chốt chặn của ta đã nổ súng rất giòn giã. DKZ 75, DKZ 57 và cối 82 đã nhả đạn chính xác vào đội hình bộ binh, xe bọc thép địch. Bị đánh phủ đầu bọn địch lùi lại bám vào hai bên mép đường chống trả. Chớp thời cơ, quân ta từ hai cụm Lại An Thượng và Lại An Hạ xông ra đường chia địch thành từng mảng. Trận đánh kéo dài và mỗi lúc vòng vây càng siết chặt, ta diệt gần hết tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 44 nguy cùng một số lính của Chi đoàn xe bọc thép 4/8. Bị thiệt hại nặng, đến 18 giờ địch phải mở đường máu tháo chạy về Phan Thiết. Sau khi làm chủ trận địa và thu dọn chiến trường, Tiểu đoàn 482 đã đưa 1 tử sĩ và 3 thương binh cùng toàn đơn vị rút về Tam Giác an toàn.

Riêng Tiểu đoàn 840 đã làm chủ khu vực Phú Long – Kim Ngọc sau hơn 1 tuần mới rút ra căn cứ khu Lê Hồng Phong để chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo.

Như vậy, qua ba lần đánh vào thị xã và vùng ven trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, quân và dân Bình Thuận lần đầu tiên đã đánh thẳng vào sào huyệt của quân thù bằng những trận quyết chiến. Tuy kết quả không đạt được như quyết tâm đã định là: “Đánh chiếm và làm chủ thị xã”, nhưng ta cũng đã loại khỏi vòng chiến đấu 5.703 tên địch (có hàng trăm tên Mỹ) diệt và đánh thiệt hại nặng hai tiểu đoàn của Trung

đoàn 44 ngụy, chi đoàn xe bọc thép 4/8, 14 đại đội lẻ và 22 trung đội, phá hủy 4 kho xăng hàng triệu lít và một kho đạn 300 tấn, giải thoát bảy trăm tù chính trị, bút rút mười bốn đồn bót và phá ban nhiều ấp chiến lược; đồng thời giải phóng tám xã, 33 ấp với 44.851 dân. Riêng lực lượng an ninh tỉnh cũng đã bắt được 71 tên tề điệp và diệt 20 tên ác ôn.

Với những thiệt hại nặng nề trên đây, đã làm cho cơ quan đầu não của địch ở Phan Thiết có lúc bị tê liệt và rối loạn, hàng ngũ ngụy quân, ngụy quyền hoang mang, thế và lực của chúng bị suy sụp nghiêm trọng. Kế hoạch bình định nông thôn của chúng bị ta giáng một đòn mạnh mẽ, nhiều nơi hệ thống kìm kẹp bị tan rã và quần chúng đã nổi dậy làm chủ.

Về lực lượng ta, qua chiến đấu thử thách, tuy có bị tổn thất, nhưng cũng đã trưởng thành về chất, thể hiện tinh thần dũng cảm, vượt qua gian khổ ác liệt, không quản ngại hy sinh, chấp hành nghiêm mệnh lệnh và quyết tâm giành thắng lợi trong thời cơ lịch sử.

Tuy nhiên, cũng cần phải nói thẳng ra rằng: Trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy Mùa xuân 1968 tại trọng điểm Phan Thiết có những nhược điểm đáng được nghiên cứu, đó là: Mục tiêu đề ra chưa phù hợp với khả năng và tình hình thực tế. Mục tiêu đề ra thì nhiều mà thời gian chuẩn bị lại quá gấp, nên hầu hết các mục tiêu kiên cố và trọng điểm như đồn Trinh Trường, tiểu khu Bình Thuận, tòa hành chính tỉnh, trại Định Công Tráng và biệt khu Bình Lâm, v.v. đều chưa được chuẩn bị kỹ và chưa có phương án tác chiến phù hợp lại phải đánh theo

yêu cầu và chỉ dẫu đánh đấy. Mặc khác, viện tổ chức hiệp đồng không chặt chẽ. Do đó, khi đánh thường không dứt điểm, mà chỉ chiếm được hai phần ba hoặc chỉ bao vây ép sát mục tiêu, v.v.. Những thiếu sót và nhược điểm đó đã gây cho ta nhiều tổn thất, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ hy sinh, bị thương, bị bắt và thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân, điều đó đã hạn chế một phần thắng lợi. Tuy vậy, cuộc chiến đấu đã diễn ra rất hào hùng quyết liệt với một tinh thần quả cảm kiên cường đưa chiến tranh vào tận sào huyệt cuối cùng của chúng. Bọn Mỹ-ngụy, với lực lượng đông, hỏa lực mạnh, phương tiện chiến tranh hiện đại, nhưng qua đụng độ với ta trong cuộc tiến công này thì từ quan đến lính đều bàng hoàng trước tinh thần chiến đấu và sức chịu đựng kỳ lạ của cán bộ, chiến sĩ quân giải phóng, những người con kiên trung, bất khuất của đồng bào các dân tộc trên khắp mọi miền đất nước và của tỉnh nhà. Và, chúng cũng đã thừa nhận: “Bình Thuận là một trong những trọng điểm bị thiệt hại nặng nề ở miền Nam”.

Cuộc tiến công vào Phan Thiết đầu xuân 1968 đã đi vào lịch sử và truyền thống chiến đấu của quân và dân Bình Thuận như một bản anh hùng ca bất diệt, góp phần cùng Quân khu, toàn miền và cả nước làm phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ và lung lay tận gốc ý chí xâm lược của chúng. Tuy còn rất ngoan cố, nhưng Tổng thống Mỹ Giôn-xơn-tên tội phạm số một trong việc đưa quân viễn chinh Mỹ sang tiến hành chiến tranh ở Nam Việt Nam, ngày 31-3-1968 phải tuyên bố ngừng ném bom ở miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán với ta tại Pari.

III. Phát huy thắng lợi xuân năm 1968, liên tục tiến công tiêu diệt địch

Sau những thất bại nặng nề và toàn diện trong đợt Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968 của quân dân ta trên toàn miền Nam, chiến lược hai giọng kìm “bình định” và “tìm diệt” của địch đã bị phá sản, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược “quét” và “giữ”.

Ở Bình Thuận và Bắc Bình từ đầu tháng 4-1968 trở đi, địch ra sức củng cố lực lượng, tăng cường phòng thủ bên trong, đồng thời từng bước nống ra vùng ven để giải tỏa thế bao vây uy hiếp các thị trấn, thị xã và cố đẩy lực lượng ta ra xa, hòng giành lại các địa bàn nông thôn phụ cận đã mất. Ngoài ra, chúng còn tập hợp bọn nguy quân, nguy quyền đã tan rã, phát triển thêm lực lượng phòng vệ dân sự, đào thêm giao thông hào, xây thêm công sự và đặt thêm chướng ngại vật. Tên trung tá Hồ Thiện Ngôn vừa đến thay tên Nguyễn Khắc Tuân làm tỉnh trưởng Bình Thuận, đã đích thân đôn đốc việc phòng thủ thị xã Phan Thiết và cho quân lấn dần từng bước ra các vùng ven như: Phú Hội, Đại Năm, Tân An, Tân Điền và Lại An Hạ, v.v.. Bọn bình định, cảnh sát ác ôn, mật vụ phượng hoàng và tề điệp sống sót sau Tết Mậu Thân, nay lần lượt góc đầu dậy theo chân lính cộng hòa, bảo an, dân vệ bung ra các vùng giáp ranh gần căn cứ ta tiếp tục gây tội ác. Hàng ngày máy bay và pháo binh địch liên tục oanh tạc, pháo kích bừa bãi vào các khu dân cư với ý định khủng bố trả thù và cố đẩy lực lượng ta ra xa.

Để phát huy hơn nữa thắng lợi giành được trong

xuân 1968, ngay từ đầu tháng 3, Hội nghị Trung ương Cục mở rộng lần thứ 6 đã họp và đánh giá: "...Qua hơn 1 tháng tiến công và nổi dậy, ta đã giành được thắng lợi to lớn và toàn diện chưa từng có...". Hội nghị đã đề ra chủ trương: "Kiên quyết giữ vững và không ngừng phát huy thắng lợi đã giành được... liên tục tiến công địch và phát động quần chúng nổi dậy giành chính quyền, ra sức tiêu hao tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch và thật nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ-ngụy, duy trì và đẩy mạnh hoạt động trên các địa bàn đô thị, làm chủ đường giao thông chiến lược, giải phóng và làm chủ toàn bộ nông thôn đồng bằng, miền núi và tăng cường xây dựng hậu phương lớn mạnh về mọi mặt, nhanh chóng xây dựng củng cố, phát triển lực lượng vũ trang, chính trị, giành thắng lợi liên tiếp, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, với tinh thần hết sức khẩn trương, đồng thời sẵn sàng ứng phó một cách chủ động nếu chiến tranh kéo dài và mở rộng"

Quán triệt chủ trương của Trung ương Cục, đầu tháng 4-1968, Khu ủy và Quán khu ủy Khu 6 đã mở hội nghị rút kinh nghiệm. Sau khi sơ kết 45 ngày đêm tiến công và nổi dậy, Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chung và những yêu cầu cụ thể cho từng tỉnh như sau:

Đối với Bình Thuận và Bắc Bình trong thời gian tới phải:

- Thường xuyên đánh vào thị xã, hậu cứ và kho tàng của địch để tiêu hao, vây ép và làm tê liệt, rối loạn hậu phương, hậu cứ của chúng, tạo điều kiện tiến tới dứt điểm, nhất là thị xã Phan Thiết.

- Giải phóng cho được các vùng nông thôn trọng điểm như Hàm Thuận, Thuận Phong (Bình Thuận), Hòa Đa (Bắc Bình).

- Triệt phá các đường giao thông, nhất là Quốc lộ 1A, Liên tỉnh lộ 8, làm gián đoạn có thời gian, tiến tới cắt đứt hoàn toàn.

- Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang và đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới, bước vào đợt hoạt động mới với khí thế của mùa xuân chiến thắng.

Căn cứ vào tình hình cụ thể của chiến trường, Quân khu đã điều Tiểu đoàn 840 từ Bình Thuận ra Bắc Bình để cùng bộ đội địa phương đánh phá mở mảng, căng kéo địch ra diệt để hỗ trợ cho Bình Thuận tiếp tục bám giữ vùng ven và vây ép thị xã Phan Thiết. Trước khi chuyển địa bàn, ngày 11-4-1968, bằng một trận vận động phục kích ở khu vực đường 8 (đoạn giữa Tân An và Tân Điền), Tiểu đoàn 840 đã phối hợp với Tiểu đoàn 482 đánh thiệt hại nặng hai đại đội của Tiểu đoàn 4 thuộc Trung đoàn 44 nguy và một trung đội lính bảo an, phá hỏng tám xe bọc thép của Chi đoàn 4/8. Sau đó, toàn tiểu đoàn vượt qua sông Hội Nhơn để ra Bắc Bình với ý định đi theo con đường ngắn nhất: Triền, Bàu Thiêu, Bàu Trắng, Động Thái An để kịp tiến hành trận đánh vào nam Chợ Lầu, nhưng vừa đi đến gần Bàu Thiêu thì lại gặp Tiểu đoàn 3/506 Mỹ đang đổ quân càn quét ở vùng này ngăn chặn. Thế là một trận tao ngộ chiến xảy ra nhanh chóng giữa bộ phận đi đầu của Đại đội 1 với nhiều toán lính Mỹ dũi ra phục đêm đã làm dậy lửa tại khu vực trận địa cũ ở đồi 102. Do đó, Tiểu đoàn 840

phải dừng lại ở râm “Lựu đạn” để quần nhau với quân Mỹ cả ngày hôm sau, nên phải đổi hướng đi theo đường Hàm Trì-Sông Khiêng-Suối Cát – Cà Lon ra đứng chân ở Cà Giây Phan Lý.

Để mở màn cho đợt hoạt động ở Bắc Bình, đêm ngày 04-5-1968, Đại đội 440 và đội vũ trang công tác đột vào Chợ Lầu, diệt một trung đội dân vệ và đánh một trung đội khác, làm chủ thị trấn.

Cùng đêm, Đại đội 88 của tỉnh triển khai lực lượng bố trí phía bắc chợ Lầu để đón đánh địch từ chi khu Hải Ninh và Sông Mao đến. Đồng thời, Tiểu đoàn 840 cũng bí mật vượt sông (đoạn Liêm Bình) rồi vòng lên bố trí tại động Thái An (tây nam Chợ Lầu) để đón đánh địch trên hai hướng: Từ chi khu Hòa Đa vòng qua sông đánh vào Chợ Lầu và từ Lương Sơn vòng qua đánh vào động Thái An.

Được tin thị trấn Chợ Lầu đã bị quân ta chiếm giữ, 5 giờ sáng ngày 05-5, chi khu Phan Lý tung một đại đội bảo an ra giải tỏa nhưng bị 1 trung đội của Đại đội 440 chặn đánh diệt gần hết, số sống sót tháo chạy về chi khu. Đến 9 giờ, lại có 1 đại đội bảo an khác từ chi khu Hải Ninh – Sông Mao men theo đường sắt băng qua cánh đồng phía đông nam ấp Xuân Quang. Đợi cho địch đến gần, bộ phận chặn đầu của Đại đội 88 lập tức nổ súng ghìm giữ chúng ngay trước bìa ấp Chợ Lầu; cùng lúc, lực lượng chủ yếu của đại đội từ Gò Đất phía Xuân Quang vận động ra bao vây đánh thiệt hại nặng đại đội này. Đến 11 giờ, chi khu Hòa Đa tiếp tục cho một đại đội bảo an theo đường 1A đến giải tỏa thì liền bị Đại

đội 440 chặn đánh. Trận đánh kéo dài đến chiều, sau khi diệt và bắt bị thương một số, Đại đội 440 đã rút qua bến Thanh Tụ. Khi trời nhá nhem tối, đại đội bảo an cũng rút về Hoa Đa.

Đêm 5-5, Đại đội 440 được Ban chỉ huy mặt trận tăng cường một tiểu đội của Tiểu đoàn 840 do đồng chí Vũ Bình Phong trực tiếp chỉ huy vào lại ấp Chợ Lầu tiến hành đào công sự phòng ngự chuẩn bị đánh địch ở hai đầu: Ngã ba Chợ Lầu (đường 1 giáp đường đi Sông Mao) và cầu Xóm Lụa (phía đông Chợ Lầu).

Quyết chiếm lại bằng được ấp Chợ Lầu, rạng sáng ngày 6-5, hai đại đội bảo an của hai chi khu Phan Lý và Hòa Đa kéo ra liền bị Đại đội 440 chặn đánh. Cùng lúc đó, một đại đội bảo an khác cũng của chi khu Hòa Đa sau khi qua cầu Sông Cạn lại men theo sông tiến về phía sườn nam tây nam ngã ba Chợ Lầu thì chạm súng với chốt của Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 840. Lợi dụng lúc địch đang xúm lại vào gỡ chốt, toàn đại đội xuất kích đánh hất bọn này lọt hẳn xuống sông và bị thiệt hại nặng.

Đến 12 giờ trưa, hai đại đội biệt kích từ Lương Sơn tiếp tục kéo ra giải tỏa. Chúng cho một bộ phận từ phía Hiệp Thành men theo đường 1A đánh vào chốt của ta tại cầu Xóm Lụa, còn đại bộ phận lực lượng thì men theo cánh đồng Thái An tiến về bến Lò Gạch (chợ Lầu). Phát hiện thấy toàn bộ đội hình địch đã lọt vào “quyết chiến điểm”, Tiểu đoàn trưởng Liệu và Chính trị viên Tý liền cho Tiểu đoàn 840 xuất kích. Quân ta từ bốn phía ào ạt xông ra chia cắt địch ra từng mảng. Bọn biệt

kích Lương Sơn từ thế chủ động tiến công phải quay sang chiếm từng bờ đất, gốc cây chống cự và gần 100 tên phơi xác tại cánh đồng Lò Gạch, số còn sống sót tháo chạy thục mạng về lại Lương Sơn.

Từ ngày 8-5 trở đi, Tiểu đoàn 840 và các đơn vị địa phương Bắc Bình liên tục đột vào các ấp ven đường số 1, diệt ác phá kìm hỗ trợ cho quân chúng giành quyền làm chủ. Tiếp đến, ngày 11-5, Đại đội 2 Tiểu đoàn 840 chặn đánh thiệt hại nặng đại đội bảo an của chi khu Hòa Đa giữa lúc chúng đang nống ra khu vực cầu Bà Bón. Liên tiếp bị thiệt hại, tên chi khu trưởng chi khu Hòa Đa không còn lực lượng để tiếp ứng đành phải xin tiểu khu Bình Thuận chi viện.

Để cứu nguy cho Hòa Đa, lúc 12 giờ trưa cùng ngày, lữ đoàn 506 Mỹ dùng trực thăng từ Cảng Esépíc ra đổ quân xuống cánh đồng Hậu Quách, rồi men theo suối thọc thẳng vào Bàu Mận, đánh vào sườn của Đại đội 2/840. Dựa vào công sự, Đại đội 2 chủ động nổ súng ghìm chặt chúng trước trận địa. Để chi viện cho Đại đội 2, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 840 liền cho Đại đội 1 xuất kích từ hướng động Bà Bang đánh sang, buộc đại đội Mỹ này phải tháo lui ra giữa cánh đồng Bàu Mận. Sau đó, phối hợp với bọn sống sót bên ngoài chia thành nhiều mũi tiếp tục đột vào trận địa của Đại đội 1 và Đại đội 2, nhưng liền bị Đại đội 3 từ phía sau đánh tới. Trận đánh ác liệt kéo dài suốt ngày và càng về chiều thì sức đột kích của quân Mỹ càng yếu dần. Nắm vững thời cơ lúc này bọn Mỹ đang thu dần đội hình ra giữa Bàu Mận, Tiểu đoàn trưởng liền cho cối 82 tập trung bắn mãnh

liệt vào đội hình địch và lệnh cho toàn tiểu đoàn xuất kích: Đại đội 1 đánh thẳng ra chính diện, Đại đội 2 kẹp theo suối đánh lên và Đại đội 3 từ phía tây bắc đánh sang. Lợi dụng trời nham nhem tối, các chiến sĩ ta liên tục nổ súng và dồn địch vào gọng giữa Bàu Mận, bọn địch phải mở đường máu tháo chạy qua suối Hậu Quách về chi khu Hòa Đa, lên trực thăng về Căng Esépíc, bỏ lại hơn 100 xác chết tại trận địa. Sau khi thu dọn chiến trường, Tiểu đoàn 840 đã rút lên Tầm Vu, nơi có nhiều công sự cũ được xây dựng từ năm 1967 để nghỉ ngơi và củng cố.

Như có duyên nợ với Tiểu đoàn 840, ngày 15-5, Tiểu đoàn 3 thuộc Lữ đoàn 506 Mỹ lại đổ quân xuống khu vực Tầm Vu. Sau khi chấn chỉnh đội hình, bọn Mỹ liền chia làm 2 cánh: Cánh nổi theo đường đánh thẳng vào chính diện, còn cánh chìm thì bí mật vòng lên đồi đánh vào sườn phía sau đội hình của Tiểu đoàn 840. Rất bình tĩnh và khôn ngoan, các chiến sĩ ta đã dựa vào công sự đánh trả và tổ chức nhiều đợt xuất kích ngăn diệt địch. Trận đánh kéo dài đến chiều, sau khi bẻ gãy các mũi đột kích và dồn chúng co cụm vào một chỗ, Tiểu đoàn trưởng Liệu lại tiếp tục cho cối 82 bắn vào đội hình địch và cho tiểu đoàn xuất kích bao vây tiêu diệt. Bị thiệt hại nặng, bọn Mỹ lùi lại bãi đổ quân, lên trực thăng về Căng Esépíc và ngày hôm sau mới trở lại giải quyết hậu quả.

Sau khi quân Mỹ rút, Tiểu đoàn 840 cũng rút sang đứng chân ở suối Rù Rì (bắc Hòa Đa). Nghỉ ngơi và củng cố được một thời gian, ngày 7-6, Tiểu đoàn 840 lại tiếp

tục bí mật xuống cài thế nhử địch ở Lâm Lộc, đánh thiệt hại nặng 2 đại đội bảo an của chi khu Hòa Đa đang nống ra càn quét ở vùng này.

Phối hợp với Bắc Bình ở Bình Thuận, từ đầu tháng 5-1968 trở đi, Tiểu đoàn 482 và các đại đội bộ đội địa phương Hàm Thuận, Thuận Phong cũng liên tục bám giữ vùng ven Phan Thiết, chặn đánh bọn địch bung dũi ra lấn chiếm các vùng ta đang kiểm soát. Các đại đội đặc công và biệt động của Phan Thiết cũng luôn lách vào tập kích một số mục tiêu ở nội thị.

Nhằm tăng cường binh khí kỹ thuật cho tiểu khu Bình Thuận, cuối tháng 5-1968, Mỹ đưa chi đoàn xe tăng M41 và M48 đến Phan Thiết để yểm trợ cho bọn lính cộng hòa, bảo an tiếp tục càn quét vùng Tam Giác.

Để đối phó với âm mưu của địch, Quân khu quyết định điều Tiểu đoàn 840 về lại Bình Thuận.

Được tăng cường thêm lực lượng, Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận hạ quyết tâm tổ chức đánh lớn tại khu vực Tân An-Phú Bình (cách bắc Phan Thiết 4 km) để diệt bọn địch đang đi càn quét lấn chiếm. Lực lượng sử dụng gồm: Tiểu đoàn 482 bố trí tại ấp Tân An để thu hút, ngăn chặn, vừa vận động diệt địch trên trục đường 8. Tiểu đoàn 840 bố trí phía tây ấp Tân An (suối Bà Đình) để đón đánh địch đi vòng phía tây ấp Tân An. Toàn bộ trận đánh đặt dưới sự chỉ huy chung của Tỉnh đội trưởng Phạm Kha và Chính trị viên phó Tỉnh đội Phạm Hoài Chương. Sở chỉ huy đặt ở phía tây đường 8. Cách bố trí trận địa theo hình thức “phòng ngự điểm

tựa”, “cụm điểm tựa”. Mọi việc đã được hoàn thành trước 20 giờ ngày 15-6-1968.

Không phát hiện được ý định của ta, mờ sáng ngày 16-6, địch cho Tiểu đoàn 4 thuộc Trung đoàn 44 ngụy và Chi đoàn tăng 4/8 cùng một số đại đội bảo an mở cuộc càn lên đường 8. Sau khi máy bay oanh kích và pháo bắn dọn đường, 1 tốp xe tăng M41 và M48 từ Trinh Tường theo đường 8 vượt lên khỏi áp Tân An rồi dừng lại và bắn pháo vào phía bắc cầu Bà Nhuần khoảng 800m; sau đó, tiếp tục tiến lên Tân Điền. Đợt xe tăng địch đến gần, bộ phận chốt của Tiểu đoàn 482 tại Km số 4 liền nổ súng B40 và B41, nhưng không hiệu quả. Tuy vậy, bọn này cũng đã giật mình nên lùi hết về phía nam áp Tân An; từ đó dùng hỏa lực bắn chi viện cho 2 đại đội bộ binh, hình thành 2 cánh đánh vào trận địa ta: Cánh thứ nhất thọc thẳng vào áp Tân An. Cánh thứ 2 từ Trinh Tường vòng lên đánh vào phía tây áp Tân An. Chờ cho cả 2 cánh quân của địch đều lọt vào áp, Tiểu đoàn 482 mới đồng loạt nổ súng chặn đánh. Sau 40 phút chiến đấu, ta đã đánh thiệt hại nặng 2 đại đội này, số sống sót tháo chạy về lại Trinh Tường.

Trận đánh tuy có diệt được khá nhiều sinh lực địch, nhưng vấn đề gay gắt nhất là vẫn chưa giải quyết được, đó là chưa diệt được M41 và M48, loại xe tăng hạng nặng của địch đã từng gây tổn thất cho quân dân ta ở vùng này. Vì vậy, Ban chỉ huy Tỉnh đội vẫn quyết định kiên trì ém phục: Tiểu đoàn 482 vẫn bố trí hướng đường 8 (đoạn giữa Tân An và Tân Điền), còn Tiểu đoàn 840 thì bố trí tại khu vực Bàu Cây Bông để đánh địch mở

rộng cánh đi vòng lên hướng này.

Đúng như dự kiến của ta, sáng ngày 20-6, địch tiếp tục sử dụng Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 44 nguy và Chi đoàn tăng 4/8 từ phía Trinh Tường theo trục đường đất tiến lên Phú Bình. Lúc 13 giờ 30 phút, đại đội đi đầu của địch đã chạm súng với Đại đội 3 của Tiểu đoàn 840. Song, điều rất lạ là khi chạm súng với ta, thì chúng không tiến mà dừng lại triển khai đội hình. Tranh thủ thời cơ, đồng chí Nghĩa, Trung đội trưởng Trung đội 3 liền chỉ huy hỏa lực B40, B41 từ hướng chính diện bắn ra kết hợp với hỏa lực của Đại đội 1 và Đại đội 2 từ hai bên bắn vào, diệt tại chỗ hai xe tăng M41. Thấy xe tăng bị diệt, bọn bộ binh vô cùng hoảng sợ và rối loạn. Chớp thời cơ, Ban chỉ huy Tiểu đoàn 840 liền cho trận địa hỏa lực của Đại đội 4 bắn cấp tập vào đội hình địch và lệnh cho Đại đội 1 cùng Đại đội 3 xuất kích bao vây đánh thiệt hại nặng cánh quân này. Bị đánh bất ngờ, cả xe tăng lẫn bộ binh đều lùi lại phía sau, dùng hỏa lực ngăn chặn. Sau đó, chúng gọi tiếp pháo ở Căng Esépic và Trinh Tường bắn yểm trợ để mở đợt đột kích mới. Nhưng lần này xe tăng không dám lên nên lũ bộ binh cứ thò thụt ở ngoài xa. Để kết thúc nhanh trận đánh, Ban chỉ huy tiểu đoàn tiếp tục cho hỏa lực cối 82 bắn dồn dập vào đội hình bộ binh và ĐKZ từ trận địa chống tăng bắn mãnh liệt vào các cụm xe tăng địch; đồng thời lệnh cho toàn tiểu đoàn xuất kích. Từ trong lòng đất của cánh đồng khô trống trải ở Bàu Cây Bông, các chiến sĩ ta đã vọt lên khỏi công sự và xông ra bao vây, chia cắt diệt hết tốp địch này đến tốp địch khác. Trước khí thế xung phong mãnh liệt của quân ta, cả xe tăng và bộ

binh địch đều hoảng hốt tháo chạy về đồn Trinh Tường. Kết quả, ta đã diệt tại chỗ 100 tên, bắn bị thương hơn 50 tên và bắn cháy 2 xe tăng M41.

Để đối phó với những đòn tiến công liên tục của ta, từ đầu tháng 7-1968 trở đi, địch ráo riết củng cố, tăng cường lực lượng giữ và thành lập thêm một số đại đội bảo an, phát triển thêm lực lượng cảnh sát; dân vệ, phòng vệ dân sự, bình định nông thôn và giao bọn này giữ ấp, giữ làng, củng cố và mở rộng thêm tuyến phòng thủ ở ngoại vi thị xã. Bên trong, chúng thường xuyên ra lệnh báo động, giới nghiêm, cấm, trại và liên tục hành quân cảnh sát, đồng thời tăng thêm pháo vị trí, pháo cơ động, xe bọc thép và cải tiến trang bị mới cho quân ngụy, đưa quân Mỹ đến kèm quân ngụy ở một số chi khu, cứ điểm bên ngoài, cố giữ Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 8, liên tỉnh lộ 3 và khôi phục đường sắt (đoạn từ Cà Ná đến Mương Mán) để giải quyết tiếp tế, vận chuyển quân. Ngoài ra, chúng còn dùng quân cộng hòa cùng quân Mỹ đánh phá các vùng căn cứ Tánh Linh, Hoài Đức, Bắc Bình và Khu Lê, dùng máy bay (kể cả B52) và pháo binh bắn vào các vùng rừng núi, rải chất độc hóa học để triệt hạ hoa màu, rải truyền đơn hù dọa hàng loạt kéo dân về ấp chiến lược, đưa lính biệt kích, bảo an, dân vệ, thám báo bung ra phục kích, lùng sục quanh các ấp, đưa bọn ác ôn, tề lưu vong, bình định, cảnh sát, mật vụ xuống từng thôn ấp để đặt lại các hình thức kìm kẹp, bắt ép dân vào các khu tập trung quanh đồn bót và quanh trục lộ giao thông.

Ngoài những thủ đoạn nói trên, chúng còn tổ chức

cái gọi là chiến dịch “Phượng hoàng”, “Đồng tiến”, v.v. và chia làm ba bước: Thanh lọc, Tảo thanh và Bình định, tập trung chà xát điển hình vào một số nơi ở Hàm Thuận và Thuận Phong, quyết giành giật với ta địa bàn Tam Giác và vùng ven thị xã Phan Thiết.

Bằng mọi âm mưu thâm độc, địch đã vận động một số người Chăm ở Bắc Bình kết hợp với một số người Chăm ở Ninh Thuận tổ chức ra cái gọi là “Những đêm khóc mất nước” để khơi dậy sự thù hận dân tộc từ xa xưa. Đồng thời, để lấy lòng người Chăm, chúng đã đưa một số thanh niên Chăm đi học ở Campuchia, đi dự hội nghị do bọn phản động FULRO tổ chức ở Buôn Ma Thuột, v.v.. Nhân cơ hội đó, các đảng phái phản động và bọn đội lốt tôn giáo cũng ra mặt hoạt động nhằm tranh giành ảnh hưởng, nắm lấy quần chúng.

Những thủ đoạn thâm độc và âm mưu nham hiểm đó của địch tuy không đem lại kết quả như chúng mong muốn, nhưng cũng đã gây cho ta nhiều khó khăn phức tạp, nhất là về mặt lương thực, thực phẩm, thuốc chiến thương và các nhu yếu phẩm cần thiết khác vốn đã thiếu thốn càng trở nên căng thẳng. Nhiều đơn vị, cơ quan khi hoạt động trở về cứ phải ăn sắn, ăn khoai để trừ bữa. Một số cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ở vùng căn cứ bắt đầu xuất hiện tư tưởng bi quan, lo lắng và hoài nghi.

Từ đầu tháng 7-1968 trở đi, thực hiện Nghị quyết Trung ương Cục lần thứ 7 (tháng 6-1968) về tiếp tục tiến công và nổi dậy, đồng thời để phá vỡ âm mưu mới của địch, Khu ủy và Quân khu ủy 6 đề ra yêu cầu nhiệm

vụ cho quân và dân toàn quân khu trong thời gian sắp tới (thu 1968) phải: “Tiêu hao, tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, gây thiệt hại nặng nề đối với các cơ quan đầu não, sân bay, bến cảng, kho tàng và vây ép các thị xã, đánh chiếm một số chi khu, đồn bót, các thị trấn, triệt phá các đường giao thông, đẩy đấu tranh chính trị và binh vận lên mạnh mẽ kết hợp với đấu tranh vũ trang, tiến công tiêu hao, tiêu diệt làm tan rã thật nhiều nguy quân, nguy quyền nhất là ở cơ sở, tạo điều kiện, mở rộng vùng giải phóng nông thôn và chuyển phong trào đô thị lên bước mới...”. Trong chỉ thị về nhiệm vụ cho các tỉnh Quân khu còn nhấn mạnh: “... Đối tượng nhằm tiêu diệt là quân cơ động nguy (quân cộng hòa và bảo an), một bộ phận quân cơ động Mỹ, đánh quy Trung đoàn 44 nguy và liên đoàn biệt động quân, đồng thời coi trọng đúng mức việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang và nguy quyền ở cơ sở...”.

Mở đầu cho đợt hoạt động thu năm 1968, ngay từ giữa tháng 7, Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận đã sử dụng 2 Tiểu đoàn 482 và 840 do đồng chí Trần Thọ, Tham mưu trưởng Tỉnh đội, chỉ huy chuyển sang hoạt động ở khu Lê Hồng Phong và Thuận Phong, tổ chức đánh địch ở động Tuy Hòa. Tiếp theo, từ 17 đến ngày 21-7, ta gài thế đánh địch phản kích vào Râm “Vũ trang” (đông bắc ấp Tuy Hòa 2km) làm thiệt hại nặng 2 đại đội của Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 44 nguy cùng 1 đại đội Mỹ và bắn rơi 5 trực thăng, sau đó, đột vào phá ấp và phá cầu Phú Long, đánh thiệt hại nặng 4 trung đội dân vệ.

Xuất phát từ tình hình thực tiễn chiến trường và được sự đồng ý của Miền, giữa tháng 8-1968, Khu ủy Khu 6 quyết định sáp nhập 3 huyện Hòa Đa, Phan Lý và Tuy Phong của tỉnh Bắc Bình vào Bình Thuận trở lại, chuyển huyện K67 về tỉnh Tuyên Đức, đồng thời tách các huyện Tánh Linh, Hoài Đức, Hàm Tân và La Gi (La Gi lúc này tách ra khỏi Hàm Tân) để thành lập tỉnh Bình Tuy (thống nhất theo địa lý hành chính của địch). Tỉnh ủy Bình Tuy được Khu ủy Khu 6 chỉ định gồm các đồng chí: Lê Khắc Thành làm Bí thư Tỉnh ủy, Trần Văn Tình phụ trách công tác Đảng và Nguyễn Thanh Đức (Tư Thanh) làm Tỉnh ủy viên. Đồng thời, Bộ Tư lệnh Quân khu cũng đã chỉ định Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Tuy gồm các đồng chí Nguyễn Thanh Đức làm Tỉnh đội trưởng và Võ Như Loan làm Chính trị viên Tỉnh đội. Hầu hết các cơ quan giúp việc cho Tỉnh đội và Tỉnh ủy Đại đội 488 (cũ) của tỉnh Bắc Bình đều chuyển về Bình Tuy hoạt động.

Cũng trong thời gian này, cơ cấu lãnh đạo của Bình Thuận có sự thay đổi: đồng chí Nguyễn Gia Tú làm Bí thư Tỉnh ủy (thay đồng chí Lê Văn Hiền đã về Khu ủy từ tháng 7 - 1968) và đồng chí Lê Thứ (Mười Bắc) làm Phó Bí thư. Ban chỉ huy Tỉnh đội gồm các đồng chí: Trần Thọ làm Tỉnh đội trưởng (thay đồng chí Phạm Kha về quân khu), Phạm Hoài Chương làm Chính trị viên, Võ ngọc Đài làm Chính trị viên phó, Lê Văn Nhựt làm Tỉnh đội phó kiêm Tham mưu trưởng, Nguyễn Hội làm Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm chính trị và Văn Minh Trường làm Tỉnh đội phó kiêm Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 482.

Nhằm phát huy những thắng lợi đã đạt được ở Hòa Đa, Phan Lý và Thuận Phong, từ ngày 20-8-1968 trở đi, Tiểu đoàn 482 và Tiểu đoàn 840 trở lại Tam Giác phối hợp với lực lượng thị xã đánh vào một số ấp chiến lược quan trọng mà địch vừa mới củng cố ven vành đai phòng thủ của chúng ở Phan Thiết. Tại ấp Xuân Phong thuộc khu tập trung Chang Chang, địch dựa vào xe tăng và xe bọc thép cản bừa vào chốt của Trung đội 3 thuộc Tiểu đoàn 840, nhưng trung đội trưởng Nguyễn Trọng Nghĩa vẫn không sợ, anh bình tĩnh bám sát chiếc đi đầu. Phát hiện có người bám theo, chiếc xe tăng M41 chồm lên và lao nhanh đến định nghiền nát Nghĩa nhưng không kịp. Một tiếng nổ dữ dội của thủ pháo dù đã làm cho nó khựng lại, đứt tung xích và từ trong ruột nó khói bốc ra ngùn ngụt. Thấy xe tăng bị diệt, bộ binh địch hoảng loạn tháo chạy, bỏ lại nhiều xác lính và chiếc xe tăng M41 trước trận địa chốt. Sau đó mấy ngày, các đơn vị của thị xã tiếp tục đánh phá các lô cốt địch mới xây dựng trên tuyến phòng thủ xung quanh và pháo kích vào Căng Esépíc làm cháy một trục thẳng, một kho xăng, chết một số lính.

Phối hợp với Phan Thiết, bộ đội địa phương và du kích các huyện Hàm Thuận, Thuận Phong liên tục quần bám đánh địch lấn chiếm và tranh chấp quyết liệt với chúng ở các khu vực: Tam Giác, Phú Long, Phước Thiện Xuân, bắc và đông bắc thị xã.

Để tăng cường thêm lực lượng cho trọng điểm, đầu tháng 9-1968, Quân khu điều Tiểu đoàn đặc công 200c do đồng chí Đại úy Nguyễn Văn Bồng làm Tiểu đoàn

trưởng vừa mới về quân khu từ tháng 6-1968, xuống đứng chân và hoạt động tại Bình Thuận.

Sau khi ổn định vị trí trú quân, ngày 15-9-1968, Tiểu đoàn 200c được giao nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng của Quân khu (bộ phận đặc công của Tiểu đoàn 840, Phân đội ĐKZ của Đại đội 130) và Đại đội 440 tập kích chi khu Hòa Đa. Sau hơn 1 giờ chiến đấu quyết liệt, ta đã làm chủ trận địa diệt 70 tên (có 5 tên Mỹ), bắn bị thương 50 tên, bắt sống 12 tên và thu toàn bộ vũ khí trang bị. Ta hy sinh 5 đồng chí và bị thương 16 đồng chí.

Chi khu Hòa Đa, một chi khu quân sự lớn ở phía bắc Bình Thuận có khuôn viên khá rộng, được chia thành hai khu vực, chi khu và khu Phi Mã do một đại đội địa phương quân (bảo an) và 2 trung đội nghĩa quân (dân vệ) đóng giữ bị ta tiêu diệt đã làm cho bọn địch ở vùng này rất hoang mang, dao động, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng của quần chúng phát triển lên bước mới. Sau khi chiến thắng Hòa Đa, Tư lệnh Tiền phương Quân khu chỉ thị cho đơn vị tiếp tục chuẩn bị căn cứ Trung đoàn 44 thuộc Sư đoàn 23 ngụ ở Sông Mao.

Song song với tiến công về quân sự, Tỉnh ủy cũng đã chú trọng củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng. Sau đợt Tổng tiến công Mậu Thân đã có hơn 500 thanh niên nam nữ tình nguyện vào bộ đội đồng thời các cơ quan ban ngành đều giảm biên chế để rút người ra bổ sung cho phía trước, nên ngoài việc bổ sung đầy đủ quân số cho Tiểu đoàn 482, các đơn vị trực thuộc tỉnh, bộ đội địa phương huyện, tỉnh còn tổ chức thêm 1 trung đội nữ

thông tin, bổ sung thêm quân số cho các đội vận tải để tiếp tục làm nhiệm vụ nhận, vận chuyển vũ khí, đạn dược do trên chi viện từ biên giới Việt Nam – Campuchia về các chiến trường trong tỉnh. Ngoài các đội vận tải, các đội thu mua lương thực, thực phẩm ở vùng căn cứ, vùng giáp ranh và vùng địch tạm kiểm soát cũng được củng cố và phát triển thêm để đảm bảo phục vụ kịp thời cho nhu cầu chiến đấu.

Ở Bình Tuy, sau khi ổn định tổ chức bộ máy cấp tỉnh, ở các huyện trên cơ sở đã có từ lâu không có gì thay đổi lớn, tỉnh đã khẩn trương củng cố các đại đội địa phương tiến hành thành lập các đơn vị tập trung của tỉnh và chỉ đạo hoạt động theo sự chỉ đạo của quân khu.

Riêng mạng lưới quân y và dân y đều được các địa phương chăm lo, củng cố. Ngoài tuyến của tỉnh có: 1 bệnh xá phía sau và 3 bệnh xá phía trước, hầu hết các huyện đều có trạm xá để cứu chữa thương binh, bệnh binh và nhân dân trong huyện.

* *

*

Như vậy, gần 4 năm qua (từ tháng 8-1965 đến tháng 10-1968), tuy còn có nhiều thiếu sót và nhược điểm cả về chỉ huy, lãnh đạo và đánh giá địch ta, dẫn đến thương vong, tổn thất lớn cho ta ở một số trận, nhất là sau Mậu Thân tình hình quân số và sức chiến đấu của nhiều đơn vị giảm sút nghiêm trọng, nhưng quân và dân Bình Thuận đã vượt qua mọi khó khăn thử thách, vươn lên hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chiến đấu và xây

dụng đã đề ra. Đặc biệt, trong năm 1968 cùng với chủ lực quân khu, chúng ta đã đánh 1.026 trận lớn nhỏ, tiến công vào hầu hết các mục tiêu quân sự của địch, chìm Cảng Esépíc vào biển lửa, vây hãm tiểu khu Bình Thuận và thị xã Phan Thiết nhiều ngày, tiêu diệt 14.276 tên địch (có 2.306 tên Mỹ xâm lược), diệt 2 tiểu đoàn quân chủ lực ngụy, 1 chi đoàn cơ giới và 37 đại đội (có 9 đại đội Mỹ), phá hủy 175 xe quân sự (có 7 xe bọc thép), 5 khẩu pháo 105 và 155 ly, bắn rơi 77 máy bay, đốt cháy 48.972.000 lít nhiên liệu, thu 250 súng các loại và nhiều đồ dùng quân sự¹.

Với những thắng lợi trên đây, quân và dân Bình Thuận đã góp phần cùng Quân khu, toàn Miền và cả nước làm xoay chuyển cục diện chiến trường, lung lay ý chí xâm lược của kẻ thù, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn Hội nghị 4 bên ở Pari.

Song với bản chất cực kỳ hiếu chiến đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta. Nhận rõ âm mưu thâm độc đó của kẻ thù, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy quyết bền lòng, vững chí tiến lên giành nhiều thắng lợi hơn nữa.

1. Trích Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ Bình Thuận ngày 10-7-1970, trang 5 - Lưu tại Ban Tuyên giáo tỉnh Bình Thuận.

Chương Tám
**GÓP PHẦN CÙNG TOÀN MIỀN
“ĐÁNH CHO MỸ CÚT” LÀM THẤT BẠI
CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH”
CỦA ĐẾ QUỐC MỸ TRÊN CHIẾN TRƯỜNG
BÌNH THUẬN**
(11-1968 – 01-1973)

I. Kiên quyết đánh địch, giành dân, làm chủ địa bàn

Ngày 03-11-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược: “Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi...”¹.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Bác Hồ, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy quyết cùng quân và dân toàn miền Nam tiếp tục tiến lên đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn.

Bị thất bại nặng nề trong năm 1968, buộc phải xuống thang chiến tranh và ngồi vào bàn Hội nghị bốn bên ở Pari, nhưng đế quốc Mỹ vẫn rất ngoan cố chưa chịu rút

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.407.

ra bài học đấng cay: “Chiến tranh Việt Nam là một nấm mồ không đáy chôn vùi danh tiếng biết bao tướng lĩnh và chính trị gia tài năng của nước Mỹ”.

Vào những tháng cuối năm 1968, Tổng thống Mỹ Giônxon đề ra chủ trương “Phi Mỹ hóa” cuộc chiến tranh, hình thành một ý đồ chiến lược mới thay thế cho chiến lược “Chiến tranh cục bộ” đã bị phá sản. Từ “tìm diệt và bình định”, quân Mỹ buộc phải chuyển vào phòng ngự bị động, ra sức “quét và giữ” nhằm giữ cho các thành thị, các căn cứ quân sự, các trục lộ giao thông quan trọng và các vùng đông dân nhiều của, giữ cho quân Mỹ khỏi bị thất bại nặng và giữ cho ngụy quân, ngụy quyền khỏi bị sụp đổ tan rã.

Chủ trương “Phi Mỹ hóa” của Giônxon tiến hành chưa được bao lâu thì Níchxon thay hẳn làm Tổng thống Mỹ.

Vừa mới vào Nhà Trắng, Níchxon – tên độc tài đại diện cho những thế lực hiếu chiến phản động và ngoan cố nhất trong giới tư bản lũng đoạn Mỹ tiếp tục điều chỉnh chủ trương “Phi Mỹ hóa” của Giônxon thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” nhằm thực hiện ba mục tiêu: Hủy diệt, giành dân và bóp nghẹt, dưới dạng ba loại chiến tranh mà chúng gọi là: “Chiến tranh hủy diệt”, “Chiến tranh giành dân” và “Chiến tranh bóp nghẹt”.

“Việt Nam hóa chiến tranh” là một thủ đoạn hết sức thâm độc với mưu đồ: “Dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam”, “Thay màu da của xác chết” chúng hy vọng

giành được thắng lợi, giữ vững miền Nam Việt Nam bằng một công thức chiến tranh mới là: “Ngụy quân + vũ khí, tài chính và cố vấn Mỹ”. Từ đó, một kế hoạch chiến lược mới được vạch ra, trong đó, “Bình định nông thôn” được chúng nâng lên thành biện pháp chủ yếu và kế hoạch trung tâm của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Ở Bình Thuận và Bình Tuy, địch bắt đầu tăng cường và củng cố hệ thống phòng thủ các thị trấn, thị xã, xây dựng thêm công sự, tổ chức lại các khu vực chỉ huy và chiến đấu, cấm thêm đồn bót, tiếp tục ép dân vào các khu vực tập trung ở vùng ven để củng cố các vành đai ven Phan Thiết, La Gi và hậu cứ Sông Mao, đồng thời tăng cường thêm pháo binh, cơ giới và quân án ngữ ở những nơi nghi ta tiếp cận¹. Trên các trục đường Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 8 và liên tỉnh lộ 3, chúng cấm thêm một số chốt ở những đoạn xung yếu để giữ cầu, tuần tra, kết hợp với hoạt động phi pháo ở 2 bên đường và thường xuyên tổ chức các cuộc hành quân “An ninh lộ trình” để giải tỏa áp lực của ta, hòng bảo vệ các hoạt động vận chuyển tiếp tế.

Đi đôi với củng cố công sự và hệ thống phòng thủ, địch còn tăng cường phi đoàn trực thăng và chiến đoàn kỵ binh thiết giáp 1/50 thuộc lữ đoàn 506 Mỹ đến đứng chân và hoạt động ở Bình Thuận, đưa chi đoàn xe bọc thép M113 2/8 (29 chiếc) từ Nha Trang vào Phan Thiết

1. Ở thị xã Phan Thiết, tính đến hết tháng 6 năm 1969, địch đã hoàn thành vành đai xung quanh bằng gỗ đất, dọc vành đai cứ 500 mét xây 1 lô cốt thấp có lực lượng canh giữ.

thay cho chi đoàn 4/8 đã bị thiệt hại nặng. Ngoài ra, chúng còn thường xuyên phái 2 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 25 Mỹ đến hoạt động trên các trục đường Quốc lộ 1A và liên tỉnh lộ 3 thuộc địa phận tỉnh Bình Tuy. Sau đó, chúng lại đưa thêm lữ bộ binh nhẹ 199 Mỹ đến hoạt động từ La Gi đến Tánh Linh và Hoài Đức.

Về nguy quân, từng lúc chúng đưa Trung đoàn 44 nguy quân đi chi viện cho Tây Nguyên, nhưng lại đưa Ban chỉ huy nhẹ của sư đoàn 23 đến đứng chân và hoạt động tại Sông Mao. Riêng lực lượng địa phương, chúng bắt đầu ghép các liên đội để lập tiểu đoàn nhằm nâng cao khả năng hoạt động của lính bảo an, dân vệ và kèm cặp cho lính bảo an biết sử dụng xe cơ giới, trực thăng; đồng thời tích cực trang bị huấn luyện cho lực lượng phòng vệ dân sự để đẩy bọn này ra hoạt động thay cho bảo an và dân vệ¹.

Thực hiện kế hoạch “Bình định nông thôn” mà mục tiêu chủ yếu là hạ tầng cơ sở của cách mạng, chúng đã tập trung cả Mỹ lẫn nguy xuống cùng với bọn địa phương quân, dân vệ đóng chốt án ngữ, càn quét lùng sục nhằm đánh bật lực lượng ta ra xa; đồng thời sử dụng bọn bình định, tề điệp lưu vong, mật vụ ác ôn, đầu hàng phản bội để tiến hành truy quét cơ sở, khủng bố quần chúng, khôi phục bộ máy tề công khai, lập nguy đoàn thể và phát triển tề điệp mật kìm kẹp quần chúng. Nơi nào

1. Tính đến hết tháng 3 - 1969, dịch ở Bình Thuận có: 13.591 tên (chưa tính cảnh sát và dân vệ) trong đó có: 500 Mỹ, 2.000 lính cộng hòa, 4.500 bảo an, 4.500 tên thám báo, 2.091 tên bình định. Ngoài ra còn: 2.062 tên phòng vệ dân sự.

không bình định tại chỗ được, chúng tập trung đánh phá, khủng bố, phong tỏa kinh tế, cưỡng bức dân dồn vào các khu vực tập trung ven Phan Thiết, La Gi, các trục giao thông và ven Sông Mao, Võ Đắc, Chợ Lầu, Ma Lâm, v.v. xây dựng các khu vực này tương đối vững chắc, có hàng rào dây thép gai, công sự và đồn bót do lính bảo an, dân vệ hoặc phòng vệ dân sự canh giữ. Có nơi, chúng còn đưa cả đại đội lính cộng hòa án ngữ. Thủ đoạn của chúng là: dùng bọn cảnh sát, mật vụ và bình định dưới sự yểm trợ của lính bảo an để đánh phá tại chỗ; lính cộng hòa đánh giữa và lính Mỹ làm lá chắn ở vòng ngoài.

Cùng với bình định bên trong, chúng còn sử dụng Lữ đoàn 506 Mỹ phối hợp với quân cộng hòa tràn vào các vùng căn cứ của ta từ sông La Ngà, Ara, Cà Tót vắt qua liên tỉnh lộ 8 (Quốc lộ 28 ngày nay), bắc Sông Mao hùng tìm diệt lực lượng ta, phá các cơ quan đầu não kháng chiến, kho tàng, triệt đường tiếp tế và xúc dân về vùng chúng kiểm soát. Đặc biệt là vùng Khu Lê, chúng đã tập trung hàng trăm xe tăng và xe ủi đất để ủi phá, cắt rừng ra thành nhiều vùng trống để bộ đội, cơ quan và dân không thể ở được.

Những thủ đoạn đánh phá ác liệt và bình định tàn khốc đó của địch đã làm cho cuộc chiến đấu của quân dân Bình Thuận và Bình Tuy vốn đã khó khăn càng trở nên khó khăn phức tạp hơn. Để bảo toàn lực lượng, ta phải rời khỏi những vùng đông dân nhiều của. Do đó, nhiều cơ quan và đơn vị đã lâm vào cảnh “muối trường kỳ, mì chiến lược”. Các cơ quan của Tỉnh ủy và Tỉnh đội

Bình Thuận, Bình Tuy có một thời gian cao ở núi Ông Trao (Đằng Sa Lin) cao đ
Còn "Các cơ quan của Khu ủy và Bộ Tư lậ
cũng phải di chuyển nhiều nơi: Có thời t
vùng đèo Sông De, Quan Hân, miền Tá
gần giáp với Lâm Đồng, có lúc phải chuy
Lon, Sông Lũy, v.v.. Ở vùng núi này suối khe thâm thẳm,
khi gùi nước phải leo lên hơn ba trăm bậc thang bập
vào vách núi. Có thời gian để tránh máy bay B52 của
địch rải thảm (ném bom theo kiểu rải thảm), cơ quan
phải liên tục di chuyển vị trí đứng chân: Lúc thì ở đồi
"Gáo Xoáy" thuộc vùng La Ngâu, La Dạ; khi thì ém
trong khu rừng "Đom đóm" ở đầu suối Tà Mon thuộc
phía tây Bắc Bình, v.v.. Có lần cơ quan vừa di chuyển
đến địa điểm mới chưa kịp đào hầm hố thì bị ngay pháo
tầm xa 175 ly của địch ở Nông Cà Tang bắn tới tấp. Cán
bộ, chiến sĩ ta đành phải ẩn gốc cây hoặc phơi mình
trên mặt đất để thi gan với "Vua chiến trường" của
chúng². Các đơn vị lực lượng vũ trang và các đội mũi
công tác càng vất vả gian truân. Nhiều đơn vị thiếu
quân số, thiếu lương thực, không còn đủ số đạn để chiến
đấu, cứ mỗi lần xuống vùng sâu là một lần bị thương
vong tổn thất.

Để chống lại việc đột nhập của ta, địch gài mìn dày

1. Núi Ông Trao (đỉnh Đằng Sa Lin) nay thuộc xã Hàm Cẩn (Hàm Thuận Nam). Gọi là "Nhà Lầu" là từ chỗ ở xuống chỗ lấy nước phải bước xuống trên 1.000 bậc thang bập vào vách núi. Ở dưới nhìn lên thấy rất nhiều tầng. Đêm đến từ đỉnh Đằng Sa Lin nhìn xuống thấy đèn ở Phan Thiết và Căng Esépíc.

2. Trích hồi ký của đồng chí Lê Văn Hiền nguyên ủy viên Thường vụ Khu ủy, Phó Chính ủy Khu 6.

ang quanh ấp, khắp các lối mòn. Có khi, chúng cho chân lên vào gài mìn sát xung quanh căn cứ của ta và những đường đi, lối lại trong vùng ta đang hoạt động. Ngoài ra, chúng còn cho trực thăng “Cán gáo” hoặc “Xương cá” bay lùng sục khắp ruộng đồng, rừng rú, các cửa rừng, dọc theo lối mòn để săn đuổi. Gặp những khu rừng rập rạp khả nghi, chúng dùng cánh quạt “thổi” tung mái lá, ngọn cây, bụi cỏ để tìm kho tàng, nơi trú quân, hầm ẩn nấp, v.v.. Do đó, mỗi lần vượt qua bãi trống và lối mòn, mọi người phải trông trước, ngó sau và lắng nghe tiếng động để kịp thời xử trí.

Kết hợp với đánh phá ác liệt, địch còn dùng các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, đưa những tên phản bội, đầu hàng, gái “Phượng hoàng” đi trên máy bay hoặc ghi âm, dùng loa phát ra những lời lừa mị, bịp bợm, dọa dẫm và gọi hàng rất trắng tráo...

Nhằm xây dựng và củng cố lại phong trào, thực hiện Nghị quyết Trung ương Cục lần thứ 8 và Nghị quyết Khu ủy Khu 6 (tháng 11-1968) về đánh bại âm mưu “bình định” của địch, giữ địa bàn và thực hiện nhiệm vụ “Ra sức tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, giành lại cho được những vùng nông thôn đã mất”, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy đã quyết định từ cuối năm 1968 đến giữa năm 1970 sẽ tiến hành các đợt hoạt động cao điểm: đông-xuân 1968 – 1969, hè-thu 1969 và xuân-hè 1970.

Bước vào đông-xuân 1968 – 1969, Bình Thuận vẫn được Quán khu chọn làm trọng điểm, nên đã tập trung

hầu hết các tiểu đoàn chủ lực vào khu vực này như: Tiểu đoàn đặc công 200c, Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186. Tiểu đoàn 240 và tiểu đoàn trợ chiến 130.

Thực hiện chủ trương đánh tiêu diệt một số cứ điểm của Mỹ-ngụy ở tuyến giữa và sâu trong thị xã để phá thế ngăn chặn của chúng, mở đầu cho hoạt động đông-xuân 1968 – 1969, tiền phương Quân khu và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận hạ quyết tâm: tập trung lực lượng đánh diệt cứ điểm Sông Mao-hậu cứ của Trung đoàn 44 ngụy trước đó quân khu đã giao cho Tiểu đoàn 200c nghiên cứu chuẩn bị.

Sông Mao là một cứ điểm lớn của địch nằm ở phía bắc ga Sông Mao nguyên là căn cứ của sư đoàn 5 Nùng dưới thời Ngô Đình Diệm. Căn cứ này chiếm một diện tích khá rộng khoảng một km vuông (Nếu tính cả khu dân cư thì rộng đến bốn km vuông) được chia thành nhiều khu vực: Sân bay cấp bốn nằm chếch về phía tây bắc, căn cứ hành quân (Lực lượng cơ động của các tiểu đoàn bộ binh), khu huấn luyện, trận địa pháo nằm ở phía bắc, sở chỉ huy Trung đoàn 44, cư xá Mỹ, khu thông tin, bệnh viện ở giữa, khu cơ giới và quận lỵ Hải Ninh nằm sát đường ga Sông Mao. Sau Mậu Thân năm 1968, địch càng ráo riết củng cố và tăng cường phòng thủ, thường xuyên có lực lượng cơ động gồm: một tiểu đoàn bộ binh, một chi đoàn tăng, một đại đội thám kích, một tiểu đoàn pháo (thiếu), một tiểu đoàn huấn luyện. Ở vòng ngoài còn có các chốt bảo vệ sân bay, chi khu Hải Ninh, chốt nhà đèn cùng với bọn cảnh sát, quân cảnh và dân vệ thị trấn bao bọc.

Lực lượng tham gia trận đánh gồm: tiểu đoàn đặc công 200c, hai đại đội đặc công cùng 2 đại đội trợ chiến của 2 Tiểu đoàn 840 và 240. Ban chỉ huy trận đánh được quân khu tiên phương chỉ định gồm các đồng chí: đại úy Lê Du, cán bộ tác chiến Quân khu, làm Chỉ huy trưởng và thiếu tá Võ Đức Nhị, Trưởng ban tổ chức Phòng chính trị Quân khu, làm Chính ủy.

Đúng 24 giờ ngày 23-11-1968, các mũi đặc công của ta đã tiếp cận cứ điểm, áp sát các mục tiêu quy định. Lúc 0 giờ 30 phút ngày 24, ở mũi hai đặc công của Tiểu đoàn 840 dưới sự chỉ huy của tiểu đoàn phó Trung Việt và Đại đội trưởng Núi từ phía tây bắc đã đưa hai tổ thọc sâu vừa vào phía sau hai dãy nhà của khu hành quân, thì phát hiện bọn địch đi càn ở phía bắc Hòa Đa mới về lúc chạng vạng tối đang nằm la liệt cả trong lẫn ngoài, vũ khí trang bị ngổn ngang; đồng thời lúc đó, địch cũng phát hiện được ta. Chớp thời cơ khi bọn địch còn đang mất nhắm mắt mở, quân ta đồng loạt nổ súng và đánh dọc theo các dãy nhà dài đẩy áp lính. Bị đánh phủ đầu, bọn địch ở khu vực này không kịp đối phó, sở chỉ huy của tiểu đoàn này bị tiêu diệt ngay từ phút đầu.

Cùng lúc đó, ở mũi 1 gồm 5 đội của Đại đội 1 Tiểu đoàn đặc công 200c do tiểu đoàn phó Lê Văn Xới và Đại đội trưởng Hợp chỉ huy đã từ phía tây đánh thẳng vào sở chỉ huy Trung đoàn 44 ngụy, khu nhà cố vấn Mỹ, khu thông tin và khu cơ giới. Xác giặc nằm ngổn ngang trên giường ngủ, trên đường chạy ra hầm trú ẩn. Hầu hết các lô cốt và hầm ngầm ở khu vực cố thủ đều bị sập.

Mũi 3 gồm 4 đội của Đại đội 5 đặc công Tiểu đoàn

240 do tiểu đoàn phó Tân Chi và đại đội Quảng chỉ huy cũng từ phía tây đánh thọc vào trận địa pháo. Ngay từ phút đầu, ta phá sập 2 lô cốt và phá hủy các khẩu pháo của địch.

Mũi 4 gồm 5 tổ của Đại đội 2 Tiểu đoàn đặc công 200c do Đại đội trưởng Thường làm mũi trưởng, cùng lúc, từ phía bắc đánh vào các dãy nhà của khu huấn luyện. Tại đây có hơn 700 hạ sĩ quan và lính quân địch bị diệt gần hết. Số sống sót hoảng hốt tháo chạy về phía nhà thờ, vượt rào ra phố trốn thoát.

Phối hợp với các mũi tiến công bằng xung lực, trận địa cối 82 ly của 2 Tiểu đoàn 840 và 240 đã bắn dồn dập vào bãi xe tăng. Nhiều cột khói bốc lên đen ngịt ở khu vực này. Hoảng sợ, một tốp xe tăng rồ máy chạy ra đường Sông Mao và ngã ba Nhà Đền, liền bị hỏa lực chống tăng của Tiểu đoàn 240 bắn cháy một chiếc, những chiếc còn lại vội lùi về phía ga, thì cũng vừa lúc pháo ta chuyển làn về hướng này.

Tại đồn số 3 phía tây bắc sân bay, địch ngoan cố chống cự, nhưng bị DKZ75 và B41 của ta kìm chế, bắn sập một lô cốt, số còn lại tháo chạy. Cùng lúc, Đại đội 1 của Tiểu đoàn 240 cũng đã làm chủ khu vực nhà đèn và xóm Cà Dây.

Sau 40 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ trận địa, diệt tất cả các mục tiêu được phân công, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn bộ binh, sở chỉ huy của Trung đoàn 44 nguy, chi đoàn xe bọc thép 4/8, diệt gần hết bảy trăm quân huấn luyện, phá hủy hai khẩu pháo 105 và

155 ly, một khẩu cối 106, 7 ly. Ta bị thương tám đồng chí và không có ai hy sinh¹.

Được tin căn cứ Sông Mao bị ta tiêu diệt, Lữ đoàn 506 Mỹ đã bỏ dở cuộc càn ở vùng bắc Ma Lâm, vội vàng kéo ra phía bắc Hòa Đa để đối phó. Đồng thời, chúng điều thêm một tiểu đoàn của Trung đoàn 44 ngụy còn lại ở Phan thiết ra chiếm lại căn cứ Sông Mao, rút tĩa một số lính bảo an, dân vệ và bắt thêm một số lính để củng cố lại trung đoàn này.

Hoảng sợ trước đòn tiến công của quân ta vào cứ điểm Sông Mao, bọn bảo an chốt giữ ở các khu vực xung quanh đã dao động, một số phòng vệ dân sự trong các ấp đều tan rã.

Để đẩy địch vào thế bị động hơn nữa, ta liên tục tổ chức nhiều trận đánh trên Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 8 và vùng ven Phan Thiết.

Ngày 8-1-1969, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 240 tổ chức phục kích đánh thiệt hại nặng hai đại đội biệt kích Lương Sơn tại Cầu Vĩ (bắc Phan Thiết 32 Km).

Ngày 16-1-1969, Tiểu đoàn 482 phối hợp với Tiểu đoàn 840 và lực lượng địa phương Hàm Thuận đánh phá

1. Ngay buổi sáng hôm đó, tại cuộc Hội nghị của Khu ủy Khu 6 (phía đông bắc Cà Lon) đồng chí Lợi, Phó ban quân báo quân khu thông báo cho mọi người biết về bản tin của địch, ta vừa nhận được qua đài kỹ thuật như sau: "...Lúc 0 giờ 30 phút ngày 24-11-1968, Việt cộng đã tràn ngập căn cứ Trung đoàn 44 Sông Mao, thiệt hại được coi là nghiêm trọng: Tiểu đoàn bộ binh 1, Sở chỉ huy Trung đoàn 44, Chi đoàn 4/8 thiệt hại nặng nề, 700 quân huấn luyện biến mất".

hai ấp chiến lược Bình Lâm và Bình An; sau đó, chặn viện trên liên tỉnh lộ 8 diệt hai đại đội bảo an.

Ngày 12-2-1969, Tiểu đoàn 186 phối hợp với Tiểu đoàn 840 cùng lực lượng địa phương Thuận Phong tập kích bọn địch chốt tại động Bà Hòe và chặn viện trên Quốc lộ 1A (đoạn từ Phú Long đến Tuy Hòa) đánh thiệt hại nặng hai đại đội bảo an và một đại đội Mỹ, phá hủy hai xe tăng M41.

Phối hợp với trọng điểm, các lực lượng vũ trang Bình Tuy liên tục bám đánh bọn địch đi lũng sục và phát động quần chúng, xây dựng cơ sở trong các ấp dọc đường 23 (Hàm Tân - La Gi) và đường 3 (Tánh Linh - Hoài Đức).

Cùng với các đợt hoạt động lớn, Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận và Bình Tuy cũng đã phát động phong trào cải tiến bom mìn và đầu đạn lép của địch để đánh địch, được các đơn vị tập trung, dân quân du kích và các đội công tác hưởng ứng tích cực. Từ công binh xưởng Cao Thắng của tỉnh đến các bộ phận sửa chữa vũ khí của huyện, các đơn vị công binh đều tổ chức những lớp huấn luyện tháo gỡ và cải tiến bom mìn của địch, nhất là các loại như: bom bi, mìn colaymo, đầu đạn M79 đầu đạn pháo cối các loại. Nhờ đó, nhiều bãi mìn của địch đã trở thành bãi mìn của ta, gây cho chúng những tổn thất bất ngờ, khiến chúng vô cùng khiếp sợ. Và, cũng nhờ có hàng ngàn trái bom bi, hàng trăm quả mìn, hàng ngàn đầu đạn lép các loại của địch được cải tiến thành vũ khí lợi hại của ta, nên việc đánh giặc của quân và dân ta càng trở nên phong phú.

Như thường lệ, vào những năm gần đây, cứ mỗi lần Tết đến xuân sang là đồng bào và chiến sĩ ở cả hai miền Nam-Bắc đều mong ngóng chờ đợi giây phút thiêng liêng, đó là giờ giao thừa để được nghe Bác Hồ đọc thơ chúc Tết.

Năm 1968, Bác chúc:

*“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!”¹.*

Thực hiện lòng mong mỏi của Bác, quân dân Bình Thuận đã cùng quân dân toàn miền Nam dội bão lửa xuống đầu quân xâm lược, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Năm 1969 này, mặc dù phải vượt qua bao gian lao thử thách, ngày đêm đem hết trí tuệ và nghị lực chống lại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, nhưng càng đến ngày giáp Tết, thì ai nấy từ vùng căn cứ đến vùng sâu cũng đều nôn nao chờ đợi giây phút thiêng liêng ấy.

Vào lúc 0 giờ ngày 16-2-1969 (tức ngày mùng 1 tết năm Kỷ Dậu), sau loạt pháo giao thừa ở thủ đô Hà Nội phát ra từng chiếc máy thu thanh, cả miền Nam lắng nghe tiếng nói của Bác Hồ chúc Tết. Bằng một chất giọng ấm áp, tự hào và đầy tin tưởng, Người đã kết thúc thư chúc Tết như một lời hịch xung trận:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.12, tr.328.

*“Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ đồng bào,
Bắc-Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!”¹*

Lệnh tiến công, Bác đã hạ lệnh tiến công “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” để mau đến ngày “Bắc Nam sum họp”.

Cả miền Nam bùi ngùi xúc động, phấn khởi và tràn đầy tin tưởng.

Những đứa con của Bình Thuận lại càng xúc động và phấn khởi hơn, vì có vinh dự Bác đã một lần đặt chân lên xứ sở này từ thuở Người còn đang đi tìm đường cứu nước. Mọi người đều thầm hứa với Bác: Kiên quyết tiến lên cùng quân dân cả nước “Quét sạch” quân xâm lược để sớm đón Bác về thăm quê hương, về lại trường Dục Thanh – nơi Người đã từng ở và để lại trong lòng dân bao niềm tin hy vọng.

Thực hiện lời hứa đó với Bác, ngay từ những ngày đầu Xuân, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy đã giáng những đòn trừng trị đích đáng vào bè lũ cướp nước và bán nước.

Đêm 21 rạng ngày 22-2-1969 (tức mùng 2 Tết), 36 chiến sĩ đặc công của Tiểu đoàn 840 cùng 34 chiến sĩ đặc công của Đại đội 1/481 (Phan Thiết) và 15 chiến sĩ đặc công của Tiểu đoàn 482 do đồng chí Nguyễn Anh Dũng, cán bộ tham mưu Tỉnh đội Bình Thuận và đồng

1. Hồ Chí Minh: *Sdd*, t.12, tr.426.

chí Võ Đức Nhi, Chủ nhiệm chính trị Tiền phương Quân khu chỉ huy, tập kích vào Căng Esépíc-hậu cứ của Chiến đoàn 3/506 Mỹ. Sau 40 phút chiến đấu, ta đã diệt và bắn bị thương sát thương gần 500 tên Mỹ, phá hủy và phá hỏng 13 trực thăng và khẩu pháo khẩu pháo, 12 xe quân sự có, hai xe tăng, M41 và nhiều nhà cửa, lô cốt, kho đạn, kho xăng.

Sáng 22-2, Tiểu đoàn 482 và Tiểu đoàn 840 vào áp Bình Lâm; sau đó, bố trí đánh địch giải tỏa trên liên tỉnh lộ 8, diệt và đánh thiệt hại nặng hai đại đội bảo an và 2 đại đội của tiểu đoàn 4 thuộc Trung đoàn 44 ngụy cùng một bộ phận Mỹ, đánh hỏng ba xe tăng M41, bắn rơi hai trực thăng.

Để cứu nguy cho phía nam Bình Thuận, chiều ngày 22-2-1969, địch buộc phải điều Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 44 ngụy và chi đoàn thiết kỵ 4/8 từ Sông Mao theo Quốc lộ 1A vào Phan Thiết. Bọn này vừa đến khu vực Bàu Sen (cách Phan Thiết 34 km về phía đông Bắc) thì lại lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 240. Trận đánh diễn ra quyết liệt suốt cả buổi chiều, dưới sự chỉ huy trực tiếp của các đồng chí: Lê Du, tác chiến Quân khu; Trần Văn Nguyễn, phái viên chính trị quân khu và đồng chí Phạm Ty, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 186, các chiến sĩ đã dũng mãnh xông xáo diệt hết tốp địch này đến tốp địch khác và bắn cả máy bay đến chi viện. Kết quả, quân ta đã đánh thiệt hại nặng Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 44 ngụy, Chi đoàn thiết kỵ 4/8, bắn cháy 35 xe quân sự (có 5 xe tăng), bắn rơi 2 trực thăng.

Cũng trong ngày 22 và những ngày sau đó, đại đội trợ chiến 130 của Quân khu và đại đội trợ chiến của tỉnh liên tục tập kích hỏa lực H12, ĐKZ, cối 82 vào tiểu khu Bình Thuận, Căng Esépíc và các trận địa pháo địch ở Tân Nông, Nông Cà Tang gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Tiếp đến, ngày 29-2, Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 240 tập kích chi khu Hải Ninh (nam căn cứ Sông Mao 200m), diệt một đại đội bảo an, hai trung đội dân vệ, một trung đội thám báo và một trung đội cảnh sát quận.

Đêm 13-3, Đại đội 2/481 (Phan Thiết) đánh vào cụm lô cốt Đại Tài, phá sập một ụ súng và năm lô cốt, diệt gọn bọn ác ôn trong ấp.

Ngày 15-3, Tiểu đoàn 482 phục kích đánh hai đại đội bảo an đi càn ở khu vực Tân Nông. Đại bộ phận bọn này bị diệt, số ít còn lại tháo chạy.

Phối hợp với hoạt động của chủ lực Đại đội 440 Hòa Đa và du kích các xã đánh vào Phan Rí Cửa, Chợ Lầu, Long Hương diệt bọn lính dân vệ và phòng vệ dân sự. Đại đội 430 Hàm Thuận liên tục bám đánh địch trên Quốc lộ 1A và xung quanh khu vực Ma Lâm, diệt một trung đội cảnh sát.

Đêm 23-3, một bộ phận gồm chín chiến sĩ của Đại đội 2/481 tiếp tục thọc vào khu vực Phú Trinh đánh sập trụ sở, diệt hai mươi tên phòng vệ dân sự và thu bảy súng.

Ngày 24-3, một bộ phận của Tiểu đoàn 482 phục

kích ở Tây Mương Mán đánh địch càn ở khu vực này, diệt một số tên.

Đêm 30-3, Đại đội 3/481 phối hợp với đội công tác đột vào ấp Hưng Long đốt trụ sở và diệt một số tên ác ôn, trong đó có tên Trung đội trưởng dân vệ.

Cũng từ giữa tháng 2-1969 trở đi, các lực lượng vũ trang Bình Tuy liên tục pháo kích tiểu khu La Gi, đánh vào các ty chiêu hồi, phá hoại giao thông, đột vào các ấp Chính Đức, Võ Xu, Võ Đắc, Huy Lễ, Gia An, Hiệp Phước, Văn Mỹ và Phước Lộc, diệt và bắt đi cải tạo hơn 40 tên tề điệp, ác ôn. Nhiều tên dân vệ ở các ấp Hiệp Phước, Hiệp Nhơn, Hiệp Trí và Văn Mỹ hoảng sợ kéo nhau lên xã, lên quận đòi trả súng bỏ về nhà làm ăn.

Bị đánh dồn dập ở đồng bằng, vùng ven và trong lòng các thị trấn, thị xã, bọn địch phản ứng lại bằng cách dùng trực thăng và máy bay phản lực liên tục bắn phá vào căn cứ của ta như khu Lê Hồng Phong, miền Tây Hòa Đa và Phan Lý, tây Hàm Thuận, căn cứ Nam Sơn. Quyết bảo vệ vùng căn cứ, các đơn vị bộ đội địa phương và du kích vùng căn cứ đã phải ngày đêm túc trực bên trận địa phòng không, bắn rơi và bắn cháy hàng chục máy bay địch.

Tại xã Cà Lon huyện Phan Lý (nay là xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình), dưới sự chỉ huy của Xã đội trưởng Mang Đa (sau này được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân), ngày 2-2-1969, tổ du kích đã bắn rơi một trực thăng vũ trang và một máy bay phản lực F105 của giặc Mỹ.

Bị thua đau, ngày hôm sau (3-2), chúng dùng 13 chiếc vừa phần lực vừa trực thăng vũ trang bắn phá Cà Lon. Sau 3 ngày quần nhau với địch, tổ du kích của Mang Đa lại hạ thêm được 4 chiếc nữa (trong đó có F105 và trực thăng vũ trang), bắn bị thương 1 máy bay L19. Riêng Mang Đa bắn rơi 1 trực thăng vũ trang.

Cũng tại xã Cà Lon, đầu tháng 3-1969, giữa lúc cả tổ du kích đang đi làm nhiệm vụ phía trước, chỉ còn lại một mình Mang Đa ở nhà vừa trực chiến, vừa bảo vệ người già và trẻ con ở cứ, thì chín máy bay kéo đến bắn phá. Không chần chừ, một mình một súng, Mang Đa liền lao ra trận địa phòng không với ý định thu hút địch về phía mình để bảo vệ an toàn cho dân trong cứ. Nhưng không may, khi anh vừa ra đến mép rừng thì bị địch phát hiện và chúng đã tập trung hỏa lực quyết diệt cho bằng được Mang Đa. Mặc dù bị thương vào chân, nhưng anh vẫn bình tĩnh quần nhau với bọn giặc trời từ sáng đến trưa, bắn rơi hai trực thăng. Đến chiều, chúng lại tăng thêm 12 chiếc nữa đến bắn phá. Khi Mang Đa bắn rơi thêm hai trực thăng nữa thì trời cũng sẩm tối. Biết không làm được gì thêm, những chiếc còn lại chuồn thẳng¹.

Đi đôi với các đòn tiến công quân sự, trong đông-xuân này, ta cũng đã phát động phong trào quần chúng vùng lên với khí thế cách mạng mạnh mẽ như tham gia diệt ác, phá kế hoạch củng cố mở rộng diện “Bình định

1. Từ đầu năm 1969 đến tháng 4-1975, xã căn cứ Cà Lon đã bắn rơi 26 máy bay các loại. Riêng 3 anh em Mang là: Mang Đa, Mang Đang và Mang Khang đã bắn rơi 12 chiếc.

cấp tốc” của địch. Đồng bào ở các ấp Ninh Thuận, Mỹ Thạnh, Hàm Phú, Hàm Trí và Hồng Liêm, v.v. đã đấu tranh quyết liệt với địch, không chịu dồn về khu tập trung. Đặc biệt là hoạt động vũ trang tuyên truyền đã có tác dụng lớn. Từ tháng 01 đến tháng 3-1969, ta đã diệt được 129 tên ác ôn và bắt cải tạo 165 tên khác. Kết hợp với vũ trang tuyên truyền, ta đã tổ chức học tập và giáo dục rộng rãi cho quần chúng, cho gia đình binh sĩ nguy về chính sách binh địch vận, đồng thời tán phát 16.000 truyền đơn về chính sách của Mặt trận. Qua đó, nhiều gia đình đã viết thư kêu gọi chồng, con, em họ về với cách mạng.

Cũng trong thời gian này, ta đã rút được hơn 100 đồng chí ở các cơ quan và đơn vị phía sau bổ sung cho các đơn vị chiến đấu; đồng thời động viên được 229 thanh niên nam nữ ở các địa phương thoát ly tham gia cách mạng, lập thêm được 6 đội an ninh vũ trang. Ở vùng giải phóng và vùng làm chủ, ta đã tiến hành tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cách mạng được 34 xã gồm hàng chục vạn dân (Di Linh 4 xã, Hàm Thuận 8 xã, Thuận Phong 6 xã, Hòa Đa 6 xã, Phan Lý 1 xã, Tuy Phong 2 xã, Hoài Đức 4 xã, Tánh Linh 1 xã và Hàm Tân 2 xã). Từ đó, các đội mũi công tác đã chuyển thành các Ủy ban khởi nghĩa và Ủy ban hành động. Ở một số huyện như Di Linh, Hàm Thuận, Thuận Phong và Hòa Đa cũng đã tiến hành Đại hội thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng huyện. Sau khi thành lập, chính quyền cách mạng các cấp đã phát huy được chức năng và vai trò của mình, sát cánh cùng với các đoàn thể giải phóng lãnh đạo nhân dân phát triển

sản xuất, đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh và động viên nhân tài vật lực phục vụ kháng chiến.

Để chỉ đạo sát với tình hình, ngay từ đầu năm 1969, Tỉnh ủy Bình Thuận đã chia Hàm Thuận ra thành 2 huyện: Hàm Thuận Nam và Hàm Thuận Bắc lấy sông Cà Ty làm ranh giới.

Sau những đòn tiến công quân sự kết hợp với tiến công chính trị và binh vận của ta trong đông-xuân 1968 - 1969 đã làm cho địch bị thiệt hại nặng nề, nhất là ở cơ sở. Nhiều nơi, bọn tề vệ đã bị tan rã hoặc mất tác dụng.

Trước tình hình đó, cuối tháng 3 đầu tháng 4-1969, địch bắt đầu tiến hành bầu cử lại các hội đồng xã, ấp; đồng thời đưa bọn sĩ quan cấp úy và bọn chỉ huy dân vệ ra ứng cử xã trưởng, ấp trưởng (mỗi xã 1 thiếu úy, mỗi ấp 1 trung đội trưởng dân vệ); đưa lính bảo an, tay sai ác ôn và những tên lưu manh trong phòng vệ dân sự đi học đào tạo nhằm quân sự hóa bộ máy kìm kẹp ở cơ sở lâu dài. Ngoài ra, chúng còn xé nhỏ các đơn vị bình định thành từng tổ và phân tán bọn này nằm trong dân, lập thêm các tổ chức “Phượng hoàng”, phân chi khu cảnh sát, phát triển lưới điệp ngầm để thực hiện biện pháp chủ yếu của “Việt Nam hóa chiến tranh” là “Bình định nông thôn”. Đi đôi với việc củng cố tổ chức, địch cũng đã cải tiến việc phòng thủ xã, ấp bằng cách tăng thêm đồn bót, tăng thêm hỏa lực kết hợp với quân ra phục quanh ấp, gài mìn và đặt máy nghe tiếng động để phát hiện, ngăn chặn và tiêu hao ta từ xa.

Ở vòng ngoài, quân Mỹ và quân chủ lực ngụy cũng bắt đầu triển khai thêm lực lượng và củng cố các vị trí chủ chốt. Phía Bình Tuy, ngoài lực lượng tại chỗ, chúng còn tăng phái hai tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 25 đến hoạt động trên trục lộ 1A và liên tỉnh lộ 3. Tại Bình Thuận, sau khi rút Chiến đoàn 3/506 đi nơi khác, chúng lại đưa đến Cánh Esépic một phi đoàn trực thăng, một chi đoàn tăng, một tiểu đoàn pháo (12 khẩu) đồng thời thiết lập căn cứ Tà Dôn gồm có: Chiến đoàn 1/50 thiết xa vận, một tiểu đoàn pháo (thiếu) có 9 khẩu và một chốt đài quan sát trên đỉnh Tà Dôn. Ngoài ra, các trận địa pháo mặt đất đều được chúng củng cố tăng cường: Tân Nông có 9 khẩu (1 tiểu đoàn thiếu), Nồng Cà Tang có 6 khẩu, Kim Ngọc có 6 khẩu, đồng thời đưa một số trung đội pháo bố trí vào các cứ điểm như: Trinh Tường hai khẩu, Ngã Hai hai khẩu, Ma Lâm hai khẩu và Gộp hai khẩu. Riêng căn cứ Lương Sơn có từ một đến hai đại đội bộ binh cơ giới, một lựu pháo 105 ly và một cố 106,7 ly của Lữ 506 tăng phái cùng với các cụm dã chiến Tà Nung, Cây Táo, trên trục Quốc lộ 1A (Đoạn giữa Ta Dôn và Sông Lũy) có từ một đến hai đại đội cơ giới pháo của chiến đoàn 1/50 phái ra; các cụm dã chiến Dốc Cúng, Vĩnh Hảo trên trục Quốc lộ 1A (đoạn giữa Phan Rí Cửa và Cà Ná) có từ một đến hai chi đội của Chi đoàn 4/8 và 2/1 thuộc lữ đoàn 506 phái ra. Riêng căn cứ Sông Mao thường xuyên có một tiểu đoàn cùng với Sở chỉ huy Trung đoàn 44 và sở chỉ huy nhẹ sư đoàn 33 ngụy, một Chi đoàn xe bọc thép 2/8, một trận địa pháo hỗn hợp gồm 105 ly, 155 ly và 106, 7 ly. Và tại Phan Thiết có một tiểu đoàn của Trung đoàn 44 ngụy.

Dựa vào thế lực lượng đông và phương tiện kỹ thuật hiện đại, từ giữa tháng 4-1969 trở đi, địch đã tăng cường đẩy mạnh các hoạt động quân sự kết hợp cả bộ binh, cơ giới và phi pháo bung ra đánh phá, càn quét với mức độ dày hơn và rộng hơn, gây cho quân và dân ta nhiều khó khăn tổn thất, có nhiều đơn vị địa phương, quân số đại đội thường chỉ còn mười đến mười lăm tay súng, lương thực thiếu thốn, đời sống vô cùng khó khăn. Trước tình hình đó tỉnh phải tổ chức học tập củng cố phát động thi đua.

Phát huy thắng lợi đông-xuân năm 1968 – 1969, bước vào đợt hoạt động hè-thu năm 1969, Bình Thuận vẫn khẳng định là chiến trường trọng điểm, nhưng theo sự chỉ đạo của Tiên phương Quân khu nên đã chuyển hướng tập trung lực lượng ra phía bắc Hòa Đa để căng kéo địch và giải tỏa thế ngăn chặn của chúng ở vùng ven Phan Thiết.

Mở màn cho đợt hoạt động, ngày 14-4-1969, Tiểu đoàn 186 do đồng chí Phạm Ty, Tiểu đoàn trưởng trực tiếp chỉ huy phối hợp với Đại đội 1 Tiểu đoàn 482 và Trung đội 31 (Hòa Đa) tổ chức phục kích vận động ở khu vực núi Ách (trên Quốc lộ 1A). Sau hai ngày đánh bọn địch đi mở đường và bắn tỉa vây ép đồn Bàu Ốc, đến ngày 16-4-1969, địch ở Sông Lũy vào giải tỏa liên bị ta chặn đánh quyết liệt, diệt ba mươi xe quân sự (Trong đó có tám xe bọc thép và ba xe tăng M41), bắn rơi một trực thăng “Cán gáo”¹. Địch chết tại chỗ hơn

1. Chiếc “Cán gáo” này do đồng chí Trần xuân Đạt Chính trị viên Đại đội 1/482 bắn rơi bằng súng ngắn K54.

200 tên. Ta đã hy sinh 8 đồng chí và bị thương 10 đồng chí.

Vào những ngày cuối tháng 4-1969, Đại đội 440 đánh vào Phan Rí Cửa, gây thiệt hại nặng một đại đội bảo an, thu ba súng và một máy thu thanh.

Tiếp đến, ngày 11-5-1969, lực lượng đặc công gồm 24 chiến sĩ của Tiểu đoàn 840 và 16 chiến sĩ của Tiểu đoàn 240 cùng 8 chiến sĩ của Huyện đội Hòa Đa do đồng chí Trần Thọ, Tham mưu trưởng Tiền phương Quân khu và đồng chí Trung Việt, Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 840 chỉ huy tập kích vào cứ điểm Sông Mao lần thứ hai. Sau 35 phút chiến đấu, quân ta đã đánh thiệt hại hai đại đội của Tiểu đoàn 2 và Sở chỉ huy Trung đoàn 44 ngụy, một đại đội bảo an, một đại đội thám sát, làm nổ tung kho đạn; đốt cháy đoàn xe chở đạn và chở quân trang của Mỹ mới từ Nha Trang vào (trong đó có bốn xe M504 chạy bằng xích, bốn xe bọc thép M113 và ba xe vận tải GMC), diệt 400 tên cả Mỹ lẫn ngụy.

Ngày 12-5, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 240 cùng phối hợp với Đại đội 440 do hai đồng chí: Kính, Tiểu đoàn trưởng 840 và Vũ Bảo, Huyện đội trưởng Hòa Đa chỉ huy phục kích đánh địch giải tỏa khu vực Liêm Bình theo trục Quốc lộ 1A (đoạn từ Phan Rí đến Hòa Đa). Nhưng do bố trí trên trận địa không thích hợp và bị lộ, nên trận đánh diễn ra quyết liệt suốt cả ngày. Tuy đã đánh thiệt hại nặng 2 đại đội địch, nhưng tổn thất của ta quá lớn: 70 đồng chí hy sinh và bị thương, sau trận này đơn vị phải về phía sau củng cố một thời gian khá dài.

Ngày 16-5, Tiểu đoàn 186 tiếp tục pháo kích vào Sông Mao và bố trí đánh địch giải tỏa ở khu vực trường bia gây thiệt hại Đại đội 3 thuộc Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 44 nguy.

Nhằm tăng cường thêm lực lượng đánh vào vùng sâu và hậu cứ địch, cuối tháng 5-1969, được sự đồng ý của Bộ Tư lệnh Quân khu 6, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận quyết định thành lập Tiểu đoàn 482B đặc công (hay còn gọi là 490 hoặc c90) do đồng chí Nguyễn Minh làm Tiểu đoàn trưởng, đồng chí Hồ Mên làm Chính trị viên, đồng chí Lê Văn Thanh (Xởi) làm Tiểu đoàn phó và đồng chí Phạm Giáng làm Chính trị viên phó. Để có đủ quân số, Ban chỉ huy Tỉnh đội đã điều Đại đội 1/430 Hàm Thuận bổ sung cho Tiểu đoàn. Quân số của Tiểu đoàn 482 B đặc công lúc này có 180 tay súng và được biên chế thành hai đại đội. Sau khi ổn định tổ chức và huấn luyện hết sức khẩn trương, đầu tháng 6-1969, tiểu đoàn đã xuất quân đánh trận đầu vào đồn Cây Dương (Đồn 13 ấp Gò Bồi), diệt 2 trung đội bảo an và 1 đoàn bình định. Địch chết và bị thương 51 tên. Ta thu một đại liên, một cối 60 và hai máy PRC 25.

Sau trận đánh, bọn địch xung quanh rất hoang mang lo sợ, chớp thời cơ, Đại đội 2/430 phối hợp với đội công tác Gò Bồi đột vào ấp bắt gọn hai trung đội thanh niên chiến đấu, thu 23 súng các loại (có ba trung liên).

Cũng trong thời gian hè và thu năm 1969, giữa lúc các lực lượng vũ trang đang liên tục tiến công địch, thì ở vùng căn cứ đã diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng, mà đặc biệt là sự ra đời của Ủy ban nhân dân

cách mạng hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy, hình thành hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, đánh dấu một bước phát triển mới có ý nghĩa chiến lược của quá trình giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Để chào mừng sự kiện trọng đại này, ngày 13-6-1969, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 240 của Quân khu tiến hành vây ép đồn Bàu Ốc, kéo địch đến giải tỏa, đánh thiệt hại nặng một chi đoàn cơ giới của địch từ Sông Mao ra, phá hủy 11 xe bọc thép (có bốn xe tăng M41).

Tiếp đến ngày 27-6, dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Cang, Tiểu đoàn 840 và Đại đội 440 (Hòa Đa) tổ chức trận địa phục kích vận động tại khu vực Suối Nhum, đánh thiệt hại nặng chi đoàn thiết xa vận Mỹ, diệt 13 xe bọc thép (có 5 xe tăng M41).

Đêm 06 rạng ngày 7-7, một bộ phận lực lượng gồm 49 chiến sĩ đặc công của 3 tiểu đoàn chủ lực Quân khu do 2 đồng chí Phạm Ty, Tiểu đoàn trưởng 186 và Trung Việt, Tiểu đoàn trưởng 840 chỉ huy tập kích vào căn cứ Lương Sơn. Sau 35 phút chiến đấu, ta đánh thiệt hại nặng chi đoàn thiết giáp xa vận của Mỹ mới đưa đến căn cứ này, phá hủy 12 xe bọc thép (có 4 tăng M41), 1 pháo 105 ly và bắn rơi 1 trực thăng.

Ngày 11-8, lực lượng đặc công của 3 tiểu đoàn Đoàn 186, 840 và 482B do các đồng chí Trung Việt và Lê Văn Xởi chỉ huy tập kích căn cứ Sông Mao lần thứ ba, gây thiệt hại nặng ba đại đội và sở chỉ huy Trung đoàn 44 ngụy, diệt và bắn bị thương 450 tên, đánh sập sáu lô

cốt, ba hầm ngầm, phá hủy hai pháo 105 ly, đánh hỏng nặng ba xe quân sự, cháy ba xe tăng, đốt cháy bốn tấn đạn; thu 34 súng các loại. Ta hy sinh 3 đồng chí, bị thương 6 đồng chí và mất 3 tiểu liên AK. Tiếp theo, đêm 21-8, cũng lực lượng đặc công này lại tiếp tục đánh bồi vào căn cứ Sông Mao lần thứ tư, gây thiệt hại nặng hai đại đội bộ binh và trận địa pháo, diệt và bắn bị thương 150 tên.

Phối hợp với chủ lực Quân khu và của tỉnh, lực lượng vũ trang các địa phương, dân quân du kích và các đội mũi công tác liên tục đột vào các ấp phát động quần chúng, diệt ác ôn, dân vệ và kiên quyết chống địch càn quét bằng cơ giới. Du kích và đội công tác xã Vĩnh Hảo đã liên tục gài trái trên Quốc lộ 1A (đoạn từ Vĩnh Hảo đến Cà Ná), phá hủy 15 xe bọc thép. Du kích và đội công tác ở các xã Hồng Sơn, Hồng Thịnh gài lựu đạn và mìn tự tạo đánh địch càn vào căn cứ, diệt 160 tên (có 90 tên Mỹ) và phá hủy 15 xe bọc thép. Du kích xã Hàm Chính dùng bom lép cải tiến đánh bọn địch đi ủi phá rừng ở xóm Rơ, phá hủy ba xe ủi đất, diệt một xe jeep và bọn địch đi trên xe.

Ở Bình Tuy, cũng trong thời gian này, lực lượng vũ trang của tỉnh và huyện cũng liên tục hoạt động tiêu hao và tiêu diệt một bộ phận lớn sinh lực địch bung ra càn quét bên ngoài cùng bọn binh định bên trong, hỗ trợ đắc lực cho phong trào quần chúng phá ấp mở vùng và làm chủ nông thôn, các đội công tác địa phương ngày đêm bám địa bàn, bám phong trào, làm công tác địch vận, xây dựng thực lực cách mạng bên trong, các tổ chức

Đảng, Đoàn, hội quần chúng được ráo riết hình thành làm cơ sở cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng phát triển khá mạnh và phục vụ đắc lực cho lực lượng vũ trang diệt ác phá kìm giành quyền làm chủ. Ở các vùng căn cứ miền núi Tánh Linh, Hoài Đức, lực lượng du kích và nhân dân vừa đánh địch càn quét, tổ chức tránh lánh, vừa bố phòng, sản xuất, đi dân công và đảm bảo hành lang tải đạn cho đoàn vận tải H50. Ngay từ những ngày đầu tháng 5-1969, đội trinh sát của huyện Hoài Đức phối hợp đội công tác 12 phục kích diệt toán dân vệ ở Sùng Nhơn, giết chết một số, số còn lại tháo chạy. Ngày 14-5, trung đội đặc công trinh sát của huyện Hoài Đức diệt gọn một toán bình định tại ngã tư Chính Đức. Tiếp đến, đêm 18 tháng 5 ta diệt luôn đại đội bảo an 119 của địch đang đóng dã ngoại tại xóm Mít xã Chính Đức, thu một cối 60 ly, một đại liên và máy PRC25. Sau đó, cũng lực lượng này chặn đánh diệt hai mươi tên bảo an giữa lúc chúng đang đi càn ở bìa rừng Chính Đức.

II. Biến đau thương thành hành động cách mạng liên tục tiến công giành quyền làm chủ

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân Bình Thuận và Bình Tuy đang trải qua những năm tháng đầy khó khăn thử thách, bước đầu giành lại thế đứng trên một số địa bàn quan trọng, thì nhận được tin đau đớn: “Bác Hồ qua đời”!

Một không khí đau thương, trầm lặng bao trùm lên khắp xóm làng, đồng ruộng, núi rừng, buôn làng, nương rẫy, cả trong vùng địch tạm kiểm soát và trong các đô thị.

Ở vùng căn cứ, mọi hoạt động hàng ngày bỗng nhiên ngừng hẳn lại. Mọi người bày tỏ nỗi đau của mình theo những cách khác nhau. Với bản chất thật thà chất phác của người dân tộc thiểu số, các cụ ông, cụ bà vừa khóc vừa gào lên “Bác Hồ mất đi còn ai lãnh đạo dân mình đánh Mỹ”. Những cán bộ, đảng viên thì ngồi im để cho nước mắt cứ âm thầm chảy mãi. Tất cả trẻ già, trai, gái đều xúc động nghẹn ngào.

Ngay tại chợ Phan Thiết, khi được tin Bác Hồ mất, tất cả chị, em tiểu thương trong khu vực bán rau hành khế bảo nhau: “Nghe tin Bác Hồ mất, rụng rời cả tay chân, còn lòng dạ nào ngồi đây bán được nữa”!, các chị khóc và lặng lẽ dọn dẹp ra về.

Một số ngư dân đi làm biển có máy thu thanh mang theo, khi nghe được tin Bác Hồ mất, họ lập tức truyền cho nhau rồi lặng lẽ quay vào bờ. Về đến nhà, việc đầu tiên là họ giục vợ ra chợ mua ngay nhang đèn, hoa quả đặt lên bàn thờ cúng Cụ.

Ngày 4-9-1969, bằng hình thức cúng giỗ che mắt địch, bà con ở nội ô cũng như ở vùng ven Phan Thiết, La Gi tự động gặp nhau theo từng nhóm từ 5 đến 7 người để làm lễ thọ tang Bác.

Với tấm lòng ngưỡng mộ công ơn và đạo đức của Bác Hồ, ngày 12-9-1969 (tức ngày mùng 01-8 năm Kỷ Dậu) lấy cố là ngày “Sóc” ngày “Vọng” theo quy định của đạo Phật (tức ngày mùng 1 và ngày rằm (15) hàng tháng theo âm lịch) tất cả các chùa lớn nhỏ ở các địa phương như: Chùa Bửu Quang, chùa Từ Quang (Phan Thiết),

chùa An Lạc (Lại An), chùa Cổ Thạch (Bình Thạnh) đều làm lễ cầu siêu cho Bác.

Cùng cả nước, mọi tấm lòng của đồng bào và chiến sĩ cực Nam Trung Bộ đều hướng về thủ đô Hà Nội, nơi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang làm lễ truy điệu Bác Hồ, đồng thời lắng nghe từng chữ, từng lời di chúc của Người.

Thay mặt toàn thể Đảng viên, đoàn viên, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc, Khu ủy và Quân khu ủy Khu 6, Tỉnh ủy Bình Thuận và Bình Tuy đã gửi điện lên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quân ủy Trung ương hứa quyết tâm học tập tư tưởng, đạo đức và tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mọi cán bộ, chiến sĩ đều hứa quyết tâm “sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”! phát huy tinh thần tự lực, tự cường, kiên quyết tiến lên vượt qua gian khổ khó khăn và trở ngại, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ, cùng quân và dân cả nước mang lá cờ “Bách chiến, Bách thắng” của Người đến đích cuối cùng.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “...Biến đau thương thành hành động cách mạng...”, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy liên tục tiến công, giành quyền làm chủ.

Đêm 04 rạng ngày 05-9-1969, bằng một trận vận động phục kích tại khu vực dốc Hội Long trên Quốc lộ 1A (Tuy Phong), hai Tiểu đoàn 840 và 240 đã tiêu diệt tiểu đoàn một (thiếu) của Trung đoàn 44 ngụy; phá hủy

hai mươi lăm xe quân sự (Có bảy xe bọc thép), bắn rơi ba trực thăng. Nhưng khi rút lui, quân địch dùng trực thăng đuổi theo đổ quân chụp phía sau lưng gây cho ta tổn thất (Trong đó có đồng chí Kính Tiểu đoàn trưởng 840 bị địch bắt). Cũng trong ngày 05-9, Tiểu đoàn 186 tập kích đánh diệt yếu khu Sông Lũy thu toàn bộ vũ khí và cùng với bộ đội địa phương, đội công tác phá banh áp chiến lược.

Phối hợp với chủ lực quân khu, các đơn vị tập trung của tỉnh cùng với bộ đội địa phương huyện và du kích các xã liên tục đánh địch trên Quốc lộ 1A và liên tỉnh lộ 8, phá hoại giao thông, liên tục mở mảng, mở vùng đánh và làm tan rã sáu trung đội phòng vệ dân sự với hơn 300 tên. Du kích các xã Hồng Thái, Hồng Liêm và Hàm Chính dùng mìn tự tạo diệt 5 xe tăng địch. Đặc biệt, Tiểu đoàn 482B (c đặc công 90) sau khi làm lễ thọ tang Bác, đêm 10-9-1969 đã tập kích diệt gọn đồn cấp đại đội ở ấp 18 trên Quốc lộ 1A (tây nam Phan Thiết), bắt tù binh, thu toàn bộ vũ khí. Đêm 11-9, lực lượng thị xã Phan Thiết pháo kích vào Căng Esépíc. Đêm 22-9, du kích mật gài mìn diệt địch ở gần hội trường "Diên Hồng" (vườn hoa tháp nước ngày nay).

Phía Bình Tuy, trong những ngày này, lực lượng của tỉnh, huyện các đội công tác và dân quân du kích cũng liên tục hoạt động dọc Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 3 và 23, đồng thời đột vào các ấp diệt ác, phá kìm.

Bước vào Thu Đông năm 1969, Khu ủy và Quân khu ủy Quân khu 6 đề ra 6 nhiệm vụ cho các tỉnh: "...Tích cực đẩy mạnh tấn công ba mũi trên khắp cả ba vùng, nhằm

tiêu diệt làm tan rã một bộ phận quan trọng sinh lực địch và phương tiện chiến tranh, đánh sập nguy quyền, nhất là nguy quyền ở cơ sở, đánh bại cơ bản chính sách bình định cấp tốc, phá thế phòng thủ và các hoạt động phản kích của chúng, giành cho được đại bộ phận nông thôn, làm lỏng rã kèm số xã còn lại, hình thành từng vùng giải phóng rộng lớn và hoàn chỉnh...”

Để góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở hai tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận; đồng thời căng kéo địch hỗ trợ cho trọng điểm Bình Thuận, cuối tháng 9-1969, Quân khu đã điều Tiểu đoàn 840 ra Ninh Thuận và Tiểu đoàn 200c lên Lâm Đồng.

Nhằm tạo điều kiện cho hoạt động phía trước được thường xuyên, liên tục và giành nhiều thắng lợi, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Bình Thuận, Bình Tuy đã chú trọng thường xuyên củng cố vùng căn cứ, đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Ngoài việc khẩn trương thu hoạch lúa sớm, bảo vệ và chăm sóc lúa mùa, tỉnh còn phát động trồng thêm thật nhiều khoai mì và khoai lang cùng các loại hoa màu ngắn ngày khác. Đi đôi với tăng gia sản xuất, các mặt văn hóa xã hội khác cũng được đẩy mạnh. Phong trào du kích chiến tranh, bố phòng chống địch tiếp tục phát triển. Ngoài việc chống càn bảo vệ các căn cứ miền núi có hiệu quả, các vùng giải phóng và làm chủ ở đồng bằng, du kích cũng liên tục quần bám đánh địch lấn chiếm, đánh bọn bình định gây nhiều thiệt hại cho chúng. Các vùng căn cứ như Khu Lê Hồng Phong, Nam Sơn, Hoài Đức và Di Linh, v.v. đã cấy thêm hàng trăm ngàn cây chông, đào thêm hàng

ngàn hầm chông, gài hàng trăm mìn, lựu đạn, trái nổ, xây dựng nhiều hầm tránh pháo và công sự đánh địch. Việc huy động dân công phục vụ tiền tuyến và làm nhiệm vụ tăng cường cho các đoàn vận tải vẫn đảm bảo theo kế hoạch. Bên cạnh đoàn H50 của Quân khu, Bình Thuận cũng đã thành lập đoàn vận tải Trung Sơn do đồng chí Lê Thượng Cầu phụ trách đảm nhiệm việc vận chuyển vũ khí từ phía Nam đường 20 về các chiến trường trong tỉnh. Các đội thu mua lương thực và vận động nhân dân đóng góp tài lực cho cách mạng vẫn ngày đêm bám sát xóm làng. Và trong vùng tạm chiếm của địch.

Mặc dù sống trong cảnh bom đạn ác liệt, nhưng các hoạt động về văn nghệ thể thao ở các vùng căn cứ, vùng giải phóng và vùng giáp ranh vẫn được duy trì. Những buổi liên hoan văn nghệ thường được tổ chức sau mỗi đợt hoạt động, sau mùa thu hoạch hoặc kỷ niệm các ngày lễ lớn, v.v.. Nội dung các tiết mục thường là những bài hát, bài thơ lục bát và vở kịch ngắn ca ngợi tinh thần dũng cảm trong chiến đấu, hăng say lao động sản xuất, nhưng không thể thiếu những mối tình “Quân dân cá nước”, những mối tình êm đẹp giữa cô thiếu nữ dân quân với “Anh bộ đội Cụ Hồ”, đồng thời cũng có những tiết mục châm biếm kẻ thù chua cay như: kể chuyện thằng Mỹ khi bị quân dân ta đánh, nó khóc “hu, hu” như trẻ con lạc mẹ. Những thằng lính nguy khi gặp dân thì sùng sùng, sộ sộ nhưng khi sụp phải hầm chông, hố chông thì mặt thẳng nào, thẳng này méo sọ và rên la thảm thiết. Ngoài số chị em của đoàn văn công tỉnh, còn nói chung diễn viên và khán giả thường là một, chỉ khác nhau khi thay thế vị trí,

người có tiết mục bước lên sân khấu là “diễn viên”, diễn xong trở về chỗ cũ là “khán giả”. Đặc biệt là đội điện ảnh của Quân khu và của hai tỉnh, Bình Thuận, Bình Tuy phục vụ rất tích cực và có hiệu quả, anh chị em không ngại khó khăn gian khổ, mang máy mang phim đi tận chiến trường phục vụ bộ đội, dân công, nhiều lúc vào tận vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát chiếu cho đồng bào xem, có những tên lính nguy được người thân dẫn đi xem, qua đó mà có tác dụng tốt cho công tác vận động binh lính địch

Từ trong phong trào văn nghệ quần chúng đó, những bài hát như: “con dồng” và “Đánh cán gáo-trục thẳng” của Trúc Linh, v.v. đã ra đời và có tác dụng động viên mọi người hướng về phía trước, hăng hái chiến đấu.

Trong điều kiện bị địch bao vây kinh tế rất nhiều mặt, đặc biệt là các loại thuốc chiến thương, thuốc chữa bệnh. Mặc dù cơ sở của ta trong các ấp, các thị xã, thị trấn bất chấp tù đày dã bí mật chuyển ra nhiều thuốc chiến thương và các loại thuốc chữa bệnh khác để cung cấp cho bộ đội, du kích và nhân dân vùng căn cứ nhưng cũng không thể nào đủ được. Không thể khoanh tay ngồi nhìn trước cảnh người bị thương và bệnh chờ thuốc, các cán bộ, chiến sĩ y tế cách mạng đã tìm phương pháp chữa trị bằng các loại cây thuốc gia truyền như: rau má, rễ tranh, mía lau, vỏ dẫu, đa đa, đọt ổi, nhân trung hoàn “NT9”, củ riêng, đậu đen, yếm rùa, củ kiệu... để chữa các bệnh sốt rét, kiết lỵ, nhiễm chất độc hóa học, đắp vào các vết thương, v.v..

Phong trào xóa nạn mù chữ tuy có gặp khó khăn,

nhưng vẫn được duy trì và phát triển. Phong trào tự tạo vũ khí đánh địch cũng được phát động rộng rãi, ngoài công binh xưởng cao thắng của tỉnh, mỗi huyện có một phân đội công binh, mỗi xã giải phóng có 1 tổ công binh với nhiệm vụ, thu lương gom đạn lép của địch mang về cải tiến hoạt lấy thuốc nổ chế tạo mìn, lựu đạn, thủ pháo trang bị cho bộ đội, du kích chiến đấu và bố phòng đánh địch bảo vệ xóm làng. Đây là chủng loại vũ khí rất đa dạng mà kẻ địch vô cùng khiếp sợ.

Song song với việc củng cố, xây dựng vùng căn cứ, ở đồng bằng và vùng ven đô thị, lực lượng vũ trang vẫn liên tục hoạt động gây cho địch nhiều thiệt hại.

Nhằm hỗ trợ cho địa phương, đầu tháng 10-1969, Bộ Tư lệnh Miền đã điều Tiểu đoàn 1 thuộc Trung đoàn 33 từ Long Khánh ra Bình Tuy, đứng chân và hoạt động trên liên tỉnh lộ 3 (đoạn Gia Rây – Tánh Linh).

Trong tháng 11 và tháng 12-1969, chủ lực Quân khu đã đánh một số trận then chốt, nhất là ở Ninh Thuận, buộc địch phải điều 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 44 ngự và chi đoàn thiết xa vận 2/1 Mỹ từ Sông Mao ra ứng cứu. Tranh thủ thời cơ lúc địch đang tập trung lực lượng kéo ra Ninh Thuận, Tiểu đoàn 482 và lực lượng vũ trang Hàm Thuận liên tục chặn đánh địch đi lũng sục trên lộ 8 và đánh vào các ấp Bình An, Bình Lâm, An Phú, Tân Điền và vùng ven Phan Thiết, diệt ác ôn và phá kế hoạch bình định nông thôn của chúng.

Tiểu đoàn 186, sau khi diệt 2 cụm cơ giới ở ấp Tà Nung thì chuyển ra phối hợp với Tiểu đoàn 240 và lực

lượng địa phương liên tục đánh vào các khu vực Hòa Đa, Tuy Phong và trên Quốc lộ 1A.

Ở khu vực Phan Thiết, Đại đội 1/181 liên tục bám bắn tĩa cụm lô cốt địch ở Phú Khánh, Du kích ở rặng phá hủy một xe bọc thép M113, đội công tác đánh sập trụ sở ấp chiến lược Rạng, đội công tác Bình Hưng và Đại đội 2/481 đột vào ấp chiến lược Vĩnh Thủy diệt ác ôn, du kích mật Phú Trinh diệt một tên ấp trưởng. Đêm 03 tháng 12, tiểu đoàn trợ chiến 130 của quân khu tập kích ĐKZ vào đồn Trinh Tường, tiểu khu Bình Thuận và ty cảnh sát, diệt một số tên ngay tại sào huyệt của chúng. Từ ngày 5 đến ngày 8 tháng 12, Đại đội 2/481 tiếp tục tập kích vào các dãy nhà ở Khu 7 Phú Trinh và phục kích diệt địch ở Xuân Phong.

Ở Bình Tuy, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện phối hợp với tiểu đoàn một thuộc Trung đoàn 33 liên tục đánh vào các ấp dọc lộ 3, Quốc lộ 1A và vùng ven La Gi. Bộ đội địa phương Hoài Đức phối hợp với du kích và đội công tác đánh bọn lính bảo an, bình định ở các ấp Nghị Đức, Chính Đức và xung quanh khu vực Võ Đắc.

Như vậy, trong năm 1969, ta vẫn phát triển được thế tiến công địch. Riêng Bình Thuận trọng điểm của Quân khu 6 đã đánh 1.700 trận lớn nhỏ, diệt 15.792 tên địch (có 3.200 tên xâm lược) bắt sống 270 tên, diệt gọn một tiểu đoàn dù Mỹ, hai tiểu đoàn lính cộng hòa thuộc Trung đoàn 44 ngụy và 35 đại đội lẻ; phá hủy 449 xe quân sự (có 145 xe bọc thép-nhiều hơn 3 lần năm 1968), 27 khẩu pháo 105 ly và 155 ly (nhiều hơn 5 lần năm 1968); bắn rơi và làm hư hại 60 máy bay các loại, đánh

sập 400 trại lính lô cốt và hầm ngầm, bốn nhà máy đèn (trạm phát điện); tiêu hủy hàng trăm tấn đạn dược, xăng dầu.

Trên cơ sở thành tích đã đạt được, cuối năm 1969, một số địa phương đã mở Hội nghị “Du kích chiến tranh” nhằm đánh giá tình hình và bàn biện pháp đánh địch. Từ thực tiễn, Hội nghị đã rút ra kết luận “Muốn chuyển và mở được phong trào phải tổ chức lực lượng tại chỗ và phải diệt cho được bọn ác ôn trực tiếp kìm kẹp, đồng thời có lực lượng bên ngoài hỗ trợ”. Riêng lực lượng an ninh của 2 tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy, trong thời gian phối hợp hoạt động đã diệt được 157 tên, bắn bị thương 51 tên ác ôn, trong đó có nhiều tên là chi trưởng và chi phó cảnh sát.

Bước sang năm 1970, với mưu đồ “dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương”, ngày 18-3, đế quốc Mỹ tiến hành đảo chính, lật đổ chính phủ Cam pu chia trung lập. Tiếp đến, ngày 30-3, chúng đã huy động hơn mười vạn quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn mở cuộc tiến công xâm lược Campuchia mở rộng chiến tranh Đông Dương.

Ở Việt Nam, để đối phó lại với tình hình hoạt động của ta, ngay từ tháng 1-1970 trở đi, địch tăng cường các hoạt động quân sự, chiến tranh tâm lý hòng duy trì các kế hoạch “Bình định cấp tốc”, “Bình định đặc biệt” của chúng.

Tại Bình Thuận, chúng tiếp tục thực hiện chiến dịch “Phượng hoàng” sang giai đoạn hai nhằm đẩy mạnh

việc phân loại quần chúng, thanh lọc và nắm chắc từng người, từng gia đình trong từng ấp để truy tróc, đánh phá cơ sở ta.

Đi đôi với đánh phá bên trong, chúng còn sử dụng chiến đoàn 1/50 Mỹ càn vào vùng bắc Ma Lâm và các căn cứ của huyện Thuận Phong. Từ ngày 10 tháng 2 đến ngày 25-3-1970, chúng tập trung hai Trung đoàn 44 và 53 ngụy, có cơ giới yểm trợ mở cuộc càn sâu vào vùng căn cứ giữa ba tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng và Tuyên Đức. Ở Bình Tuy, địch sử dụng lữ 199 Mỹ đổ quân đóng chốt trên các khu vực Võ Xu, Quang Hà, Núi Giang và Tân Thuận (Hàm Tân) đồng thời dùng máy bay ném bom phát quang nhiều nơi và vùng giáp ranh giữa hai vùng 2 và 3 chiến thuật; liên tục càn quét đánh phá các xã căn cứ thuộc 3 huyện Hoài Đức và Tánh Linh, Hàm Tân gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất.

Phối hợp với các cuộc càn quét lớn bên ngoài, bên trong chúng cũng ra sức củng cố ngụy quân, ngụy quyền. Ở cấp tỉnh, tên trung tá Ngô Tấn Nghĩa lên làm tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng Bình Thuận thay tên Đàm Thiệu Ngôn. Ở chi khu, chúng cũng đã thay đổi hàng loạt những tên cầm đầu, đồng thời tập trung củng cố bộ máy ngụy quyền cơ sở.

Về phía ta: Để việc chỉ đạo trong toàn khu được thuận lợi, vào đầu năm 1970, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 quyết định thành lập căn cứ Nam Sơn bao gồm phần đất của huyện Di Linh, K4 (Lâm Đồng) và các xã miền núi của huyện Tánh Linh (La Dạ, La Ngâu, Măng Tố, Mỹ Hòa, Bình Hòa và Thạnh

Hòa)¹. Đây là khu căn cứ liên hoàn, là nơi đứng chân của các cơ quan: Khu ủy, Quân khu ủy, các tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy và một số đơn vị của tỉnh Lâm Đồng.

Trước tình hình mới, thực hiện Chỉ thị số 136 của Thường vụ Trung ương Cục và nhiệm vụ của Khu ủy Khu 6 giao là: "...Ra sức đẩy mạnh tiến công và xây dựng nhằm làm chuyển biến cho được một bước cục diện chiến trường; đồng thời ráo riết chuẩn bị các điều kiện để tiến tới một cao trào tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, dồn dập, quyết liệt tạo một chuyển biến mới có tính nhảy vọt...". Tỉnh ủy Bình Thuận và Bình Tuy hạ quyết tâm: Trước mắt tập trung mọi khả năng và lực lượng vào đợt hoạt động cao điểm "hè năm 1970".

Trong kế hoạch điều chỉnh lực lượng "hè năm 1970", Quân khu 6 vẫn xác định Bình Thuận là chiến trường trọng điểm, nên đã điều Tiểu đoàn 840 đang hoạt động ở Ninh Thuận về lại Bình Thuận, tiền phương quân khu lúc này ở Bình Thuận cũng có thay đổi.

Như vậy, từ cuối tháng 3-1970 trở đi, lực lượng vũ trang ta ở Bình Thuận và Bình Tuy có thêm các đơn vị chủ lực của Quân khu và của Miền. Ở Bình Thuận có 3 tiểu đoàn của quân khu là: Tiểu đoàn 840, Tiểu đoàn 186 và Tiểu đoàn 240. Ở Bình Tuy có Trung đoàn 33 của Miền với nhiệm vụ phối hợp với lực lượng địa phương

1. Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975, căn cứ Nam Sơn đã giải thể các xã; La Dạ giao Hàm Thuận Bắc, Mỹ Hòa về Hàm Thuận Nam, Bình Hòa (Tân Minh) và Thạnh Hòa về Hàm Tân, La Ngâu của Tánh Linh, Măng Tố về Hoài Đức (nay cũng thuộc Tánh Linh).

đánh phá tiêu diệt địch để mở rộng vùng giải phóng Tánh Linh, Hoài Đức chuẩn bị bàn đạp phát triển vào vùng sâu của Miền Đông Nam Bộ từ hướng đông.

Bước vào cao điểm “hè năm 1970”, chiến trường trọng điểm Bình Thuận vẫn đặt dưới sự chỉ huy và lãnh đạo của Tiền phương Quân khu do thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên, Quyền Tư lệnh Quân khu làm Chỉ huy trưởng, thiếu tá Trần Thọ Tĩnh đội trưởng Bình Thuận làm Chỉ huy phó, thiếu tá Phạm Hoài Chương Chính trị viên Tỉnh đội làm Phó Chính ủy, đại úy Phạm Ty làm Tham mưu trưởng, 2 đồng chí: thiếu tá Trần Văn Nguyễn và đại úy Nguyễn Tý phái viên chính trị quân khu làm chủ nhiệm và phó chủ nhiệm chính trị ở tiền phương.

Để mở màn cho đợt hoạt động, Tiền phương Quân khu quyết định sử dụng toàn bộ lực lượng đặc công của Quân khu và Đại đội 3 bộ binh của Tiểu đoàn 840 tập kích vào cứ điểm Sông Mao lần thứ 5.

Lúc 0 giờ 30 phút ngày 01-4-1970, quân ta bắt đầu nổ súng công kích: Mũi chủ yếu do Đại đội 5/840 đảm nhiệm cùng các mũi khác đồng loạt đánh chiếm các mục tiêu được phân công và phát triển thuận lợi. Riêng Đại đội 3 bộ binh vì ưu tiên cho các mũi đặc công nên khi nổ súng mới vượt qua khu phố dân cư mở đợt phá đánh vào khu quân trấn. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Sau 30 phút chiến đấu, nhiều tốp xe tăng địch tung ra phản kích bịt kín các cửa mở. Trước tình hình đó, Đại đội trưởng Đẩu mũi trưởng đặc công của Đại đội 5/840 đã hợp đồng với chính trị Thuyết đại đội ba tổ chức lực lượng đánh xe tăng địch. Tổ chiến đấu của Sang và Việt

bám các vị trí vừa chiếm được, dùng B40 và B41 bắn cháy bốn xe tăng. Tổ của đồng chí Định cũng vượt lên dùng thủ pháo diệt thêm ba chiếc. Cùng lúc, tổ của trung đội trưởng Thủy phát triển vào sườn khu cơ giới để giải quyết đường ra, nhưng vẫn không ra được. Các đồng chí Đầu, Thuyết, Thủy và Định đều hy sinh ở khu vực này. Tuy nhiên, ta cũng đã loại khỏi vòng chiến đấu hàng trăm tên địch¹ và phá hủy một số phương tiện chiến tranh của chúng (trong đó có 7 xe tăng và xe bọc thép). Ta hy sinh 10 và bị thương 11 đồng chí.

Nhằm đánh địch đến giải tỏa Sông Mao, ngay sáng ngày 01-4-1970, Tiểu đoàn 186 đã bố trí sẵn tại khu vực Cà Giây (tây bắc Sông Mao) và Tiểu đoàn 840 (thiếu) cùng Tiểu đoàn 240 cũng bố trí ở phía bắc và đông bắc Sông Mao. Lúc 7 giờ sáng ngày 01, chi đoàn thiết xa vận 2/1 Mỹ và chi đoàn 2/8 ngụy từ trong căn cứ Sông Mao thọc ra liền gặp Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 240 chặn đánh quyết liệt. Đến 11 giờ cùng ngày, chiến đoàn 1/50 bộ binh cơ giới Mỹ từ Tà Dôn kéo ra Lương Sơn, vượt qua Sông Lũy, kẹp theo đường sắt thọc thẳng vào trận địa của Tiểu đoàn 186. Cuộc đụng độ dữ dội giữa các chiến sĩ ta và lính Mỹ suốt buổi chiều ngày 01-4-1970. Trong hai trận đánh trên, ta diệt được 150 tên (có 100 tên Mỹ), phá hủy 15 xe bọc thép, bắn rơi một trực thăng. Nhưng do trận địa bố trí không thích hợp, nên ta cũng bị thương vong hơn 20 đồng chí.

Phía Bình Tuy, ngày 20-4, lực lượng của Trung đoàn 33 (Miền) đã chặn đánh quân Mỹ càn vào khu vực trú

1. Có tài liệu nói 600 tên.

quân của đơn vị ở núi Lốp, diệt nhiều tên và bắn rơi một số máy bay, trong đó có tên thiếu tướng Uyliam Bôn, Tư lệnh Lữ 199 đã dền tội. Đây là tên tướng hai sao của Mỹ bị quân ta tiêu diệt lần đầu tiên ở chiến trường Khu 6.

Cũng trong thời gian trên, đêm 10 rạng 11-4-1970, lực lượng đặc công của tỉnh và Tiểu đoàn 482 do đồng chí Nguyễn Minh Quyết chỉ huy, tập kích vào yếu khu Kim Ngọc. Sau 55 phút chiến đấu ta hoàn toàn làm chủ trận địa, diệt đại đội bảo an 784, trung đội dân vệ, trung đội pháo Mỹ, đoàn bình định, đoàn cố vấn Mỹ và Ban chỉ huy yếu khu. Hơn 200 tên chết và bị thương (có 50 tên Mỹ). Ta phá hủy ba pháo 105 ly, 1 cối 106, 7 ly, một cối 81 ly, 1 máy thông tin 15 W, 8 máy PRC 25 và 20 xe quân sự, ba kho đạn (có một kho đạn đại bác); đánh sập và phá hủy 30 lô cốt, thu được ba súng (1AR15, một M79 và một col). Ta hy sinh 10 đồng chí (trong đó có một cán bộ đại đội và năm cán bộ trung đội), bị thương 13 đồng chí và mất ba B40, hai AK và một K54.

Cũng trong đêm 10-4, một bộ phận đặc công của tỉnh phối hợp với đặc công Phan Thiết tập kích vào bót Mộng Cầm, diệt trung đội dân vệ và thu sáu súng.

Phối hợp với Trung đoàn 33 chủ lực Miền, ngày 15-4, lực lượng địa phương huyện Hoài Đức tập kích vào cụm địch chốt tại cầu Ông Biên (cụm này có: một đại đội của chiến đoàn 48 nguy, đại đội bảo an 119 và hai trung đội dân vệ), diệt 42 tên. Đêm 17 rạng 18-4, lực lượng của Trung đoàn 33 (Miền) tập kích diệt gọn tiểu đoàn hỗn hợp bộ binh cơ giới Mỹ vừa đổ quân xuống Võ

Xu, phá hủy 30 xe quân sự (có 20 xe bọc thép). Những ngày tiếp theo, Trung đoàn 33 đánh vào các khu vực Quang Hà, Đồi Giang và pháo kích chi khu Tánh Linh gây cho địch nhiều thiệt hại.

Trong thời gian này, lực lượng vũ trang Hàm Thuận liên tục đánh vào các ấp Bình An, Bình Lâm, Tân Điền. Riêng du kích xã Hàm Liêm gài trái diệt được 1 xe bọc thép M113.

Quyết trả thù cho đồng chí, đồng đội, đầu tháng 5, lực lượng đặc công của quân khu do hai đồng chí Phạm Ty và Trung Việt chỉ huy tập kích vào căn cứ Tà Dôn. Trận đánh diễn ra với tốc độ rất nhanh. Ngày từ đầu, quân ta đã đánh trúng các mục tiêu chủ yếu như: Khu xe tăng, sở chỉ huy và trận địa pháo, gây thiệt hại nặng chiến đoàn 1/50 bộ binh cơ giới Mỹ, diệt 250 tên, phá hủy nhiều xe cơ giới và vũ khí của chúng.

Ngày 3-5, lực lượng đặc công và hỏa lực của các Tiểu đoàn 840, 482B, 482 cùng với Đại đội 480 (Phan Thiết) và trung đội hỏa lực (Nữ) của tỉnh do đồng chí Phạm Hoài Chương chỉ huy tập kích vào Căng Esépíc lần thứ 2. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ một số khu vực trong cứ điểm. Cắm hai lá cờ Mặt trận trên hai khu vực Sân Bay và nhà bảo dưỡng sửa chữa, diệt được 350 tên Mỹ, phá hủy 23 máy bay (một L19 và 22 trực thăng), 37 xe quân sự (có 25 xe bọc thép), đốt cháy hai kho đạn, hai kho dầu, một kho xăng và nhiều phương tiện chiến tranh khác, thu ba súng và một số mìn. Ta hy sinh ba và bị thương 15 đồng chí.

Đến giữa tháng 5, Tiểu đoàn 482 tập kích vào ấp Phú Nhạng, diệt hai đại đội cộng hòa. Lực lượng đặc công Phan Thiết tập kích vào chi cảnh sát Lạc Đạo, diệt một số ác ôn.

Trong hai ngày 29 và 30-5, các đơn vị: Đặc công Tỉnh tập kích ấp Tân Điền, đặc công Phan Thiết đánh vào ấp Bình Hưng và Tiểu đoàn 186 tiến công đồn Gộp gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Đầu tháng 6-1970, lực lượng binh vận của xã Bình Thạnh (La Gàn) đã vận động được mười bảy anh em lính của sư đoàn 13 ngưng đóng tại Giếng Trông bỏ hàng ngũ địch mang súng về với cách mạng.

Ngày 25-6, Tiểu đoàn 7 thuộc Trung đoàn 33 của Miền tập kích vào đại đội Mỹ (Lữ 199) đi càn đang đóng dã ngoại ở Hoài Đức, diệt 70 tên, thu ba súng. Ta hy sinh bốn đồng chí và mất một carbine. Phối hợp với Trung đoàn 33 Đại đội 481 đặc công Bình Tuy, do Nguyễn Minh Chính-Đại đội trưởng và Đỗ Thanh Giá-Chính trị viên phó chỉ huy tập kích đồn Sùng Nhơn, diệt 23 tên, bắt sống năm tên, phá hủy toàn bộ lô cốt, hầm ngầm và thu 12 súng. Ta hy sinh một và bị thương một đồng chí.

Ngày 03-7, Đại đội 1 của Tiểu đoàn 482 do đồng chí Trần Xuân Đạt chỉ huy, dùng 8 quả mìn chống tăng và 5 khối thuốc nổ tổ chức trận địa phục kích ở phía tây nam Nông Cà Tang, diệt gọn 1 tốp xe tăng 6 chiếc M41 và M48. Sau trận này, địch không dám đi lòng sục từng tốp xe tăng như trước nữa.

Đêm 4 rạng 5-7, lực lượng đặc công của Quân khu và

của tỉnh có Đại đội 440 Hòa Đa cùng phối hợp, tiếp tục tập kích cứ điểm Sông Mao lần thứ 6. Sau 25 ngày chiến đấu, quân ta đã chiếm các mục tiêu được phân công, cấm cờ giải phóng lên sở chỉ huy Trung đoàn 44 ngụy, loại khỏi vòng chiến đấu khoảng 300 tên (có 85 tên Mỹ) phá hủy ba khẩu pháo 105 ly, một cối 106, 7 ly, đánh sập nhiều lô cốt và nhà lính, đốt cháy một kho hóa chất. Ta hy sinh sáu và bị thương năm đồng chí, mất hai B40 và ba AK. Cùng thời gian, ta cũng sử dụng một bộ phận lực lượng đánh vào thị trấn Sông Mao chiếm một phần hai khu Nam (Toàn bộ xã Hải Xuân và một phần hai xã Hải Lạc) gồm trụ sở, khu thông tin, diệt 30 tên nhưng ta cũng hy sinh ba đồng chí.

Đi đôi với việc đánh địch, giành dân và giữ vững địa bàn, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời ở 2 tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy còn thường xuyên củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền và lực lượng vũ trang từ tỉnh đến cơ sở, nhất là các vùng căn cứ giải phóng và lực lượng du kích mật trong vùng kìm.

Được sự nhất trí của Khu ủy Khu 6, từ ngày 10 đến 15-7-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Thuận lần thứ nhất trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (nếu tính từ ngày thành lập, thì lần thứ 3) đã họp tại căn cứ Xa Lôn (Di Linh). Sau khi kiểm điểm, đánh giá ưu khuyết điểm về việc lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh nhà trong 15 năm qua, Đại hội đã đề ra phương hướng nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới và bầu Ban Chấp hành mới gồm 17 đồng chí do đồng chí Lê

Thứ (Mười Bắc)-Khu ủy viên làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Quý Đôn làm Phó Bí thư. Các đồng chí Nguyễn Ninh (Ngô) Trần Văn Lương, Phạm Hoài Chương và Hồ Phú Diên được bầu vào Thường vụ. Tỉnh ủy viên có các đồng chí: Nguyễn Nhân (Tố), Lê Văn Nhựt, Nguyễn Hội, Vũ Ngọc Đài, Nguyễn Thanh Tâm (Rợ), Trần Thọ, K'Công, Nguyễn Hưng, Nguyễn Như (Hải), Mai Cách (Hân), Đặng Bá Sang (Luông).

Sau Bình Thuận, ngày 18-7-1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Tuy cũng được tiến hành và bầu Ban Chấp hành mới có mười đồng chí, do đồng chí Lê Khắc Thành làm Bí thư, các đồng chí Nguyễn Thanh Đức và Trần Văn Tình được bầu vào Thường vụ. Tỉnh ủy viên gồm các đồng chí: Ngô Văn Ly, Nguyễn Thọ (Hiển), Ngô Thanh Bình, Nguyễn Năng (Thiện Chính), Lại Hồng Thao, Võ Như Loan, Mai Xuân Hòa.

Sự thành công tốt đẹp của đại hội đại biểu Đảng bộ ở 2 tỉnh Bình Thuận và Bình tuy đã củng cố lực lượng lãnh đạo và động viên cổ vũ quân dân ta vượt mọi khó khăn vươn lên phía trước.

Để lập thành tích chào mừng sự thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, ngay từ đêm 15-7, Đại đội 2 của Tiểu đoàn 482 đã tập kích vào cụm lô cốt Tân Thành, diệt 1 trung đội dân vệ và 1 tiểu đội phòng vệ dân sự, diệt 28 tên, bắt ba tên, đánh sập ba lô cốt, tám ụ súng, phá hỏng một PRC 25 và thu tám súng. Ta bị thương nhẹ một đồng chí.

Tiếp đến, ngày 22-7, Tiểu đoàn 482 do đồng chí Thiện-

Tiểu đoàn trưởng chỉ huy phục kích tại khu vực Mỹ Thạnh, diệt hai trung đội bảo an, làm chết và bị thương 35 tên, thu tám súng. Ta hy sinh ba và bị thương bốn đồng chí.

Ở Bình Tuy, từ ngày 12-7 trở đi, các lực lượng vũ trang tỉnh, huyện và các đội công tác đều liên tục hoạt động diệt ác, phá kim hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh chống địch. Đặc biệt là trong ngày 01-9-1970, từ cuộc đấu tranh phản đối lính Mỹ càn quét hiếp dâm hai mẹ con bà Bạc ở ấp Hiệp Nhơn xã Tân Thuận (Hàm Tân), đã biến thành cuộc đấu tranh đòi quân Mỹ rút bỏ cuộc càn. Lúc đầu chỉ có khoảng 500 người, nhưng sau đó đồng bào từ các nơi như Văn Mỹ, Tam Tân kéo đến đông hàng ngàn người có cả binh lính ngụy và gia đình họ cùng tham gia. Dưới sự hướng dẫn của các cơ sở ta, đồng bào đã dựa vào thế hợp pháp của Phật giáo, nên đã tập hợp được quần chúng rất đông. Cuộc đấu tranh đã đề ra 3 yêu sách "Một là chấm dứt hành động hiếp dâm; Hai là phải bồi thường thiệt hại cho nạn nhân; Ba là quân Mỹ phải rút khỏi Hàm Tân". Sau khi buộc tên quận trưởng Hàm Tân ra thú nhận tội ác của lính Mỹ trước đồng bào, hàng chục ngàn người tiếp tục cuộc biểu tình chống Mỹ từ Hàm Tân đến La Gi đòi yêu sách. Trước sức mạnh của hàng ngàn quần chúng, bọn chỉ huy Mỹ-ngụy ở Bình Tuy phải nhượng bộ, chấp nhận bồi thường thiệt hại và ra lệnh cho bọn lính Mỹ đóng ở dinh điền Hiệp Nhơn phải rút đi ngay. Đây là cuộc đấu tranh chính trị lớn nhất và cũng thu được kết quả lớn nhất từ trước đến nay ở Bình Tuy nói chung ở Hàm Tân nói riêng.

Để đủ sức tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời Bình Thuận, Bình Tuy luôn luôn chú trọng củng cố hệ thống chính quyền ở cơ sở. Tính đến tháng 10-1970, Bình Thuận đã lập được chính quyền cách mạng ở 33 xã và 80 thôn ấp. Ở Bình Tuy cũng đã có 12 xã lập được chính quyền và đi vào hoạt động. Đi đôi với củng cố chính quyền, Tỉnh còn đặc biệt quan tâm đến lực lượng vũ trang. Nhằm phát huy truyền thống đánh giặc của cha ông “lấy đoản binh chế trường trận”, “Quý hồ tinh bất quý hồ đa” và cũng để đáp ứng yêu cầu đánh hậu cứ, đồn bót địch, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận, Bình Tuy đã chủ trương rút tĩa một số cán bộ, chiến sĩ trong các đơn vị bộ binh để huấn luyện thật khẩn trương về kỹ thuật đặc công rồi bổ sung cho lực lượng đặc công của tỉnh và của thị xã. Ngoài việc thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm sau các trận đánh, các đợt hoạt động, tất cả đơn vị đều duy trì chặt chẽ chế độ huấn luyện quân sự, bồi dưỡng cán bộ chỉ huy, học tập các chỉ thị, nghị quyết của trên, quán triệt nhiệm vụ phát động quần chúng xây dựng quyết tâm, v.v., công tác Đảng, công tác chính trị được tiến hành thường xuyên và duy trì có kết quả cuộc vận động xây dựng chi bộ 4 tốt, chi đoàn quyết thắng.

Nhờ có sự lãnh đạo củng cố và xây dựng toàn diện, nên mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn, nhưng thành tích kháng chiến của quân và dân 2 tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy vẫn giành được tương đối toàn diện. Riêng Bình Thuận tính đến tháng 10-1970, ta đã tạm cấp được 680 ha ruộng đất cho 14.000 nông dân, vận động được 1.700 thanh niên nam nữ tham gia cách mạng,

vào lực lượng vũ trang, huy động được 60.000 ngày công chuyển tải hàng ra tuyến trước, nhân dân đã đóng góp cho cách mạng trên 120.000.000 triệu đồng (tiền ngày lúc bấy giờ), 1.865 tấn gạo và 1.854 xe lúa... Đặc biệt, từ sau khi hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Biến đau thương thành hành động cách mạng” cho đến giữa năm 1970, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy đã đánh hàng ngàn trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục ngàn tên địch (trong đó có hàng ngàn tên xâm lược Mỹ), diệt hơn 100 tên tề điệp, ác ôn, đánh thiệt hại nặng Trung đoàn 44 ngụy, 1 tiểu đoàn Mỹ và nhiều đại đội bảo an khác; bắn rơi, bắn cháy hàng trăm máy bay các loại, đánh cháy và phá hỏng gần 1000 xe quân sự (có hàng trăm xe bọc thép) thu rất nhiều vũ khí trang bị.

Những thành tích trên đây đã góp phần cùng quân và dân toàn miền Nam làm cho địch phải bị động đối phó, lực lượng của chúng càng ngày càng giảm sút.

Tuy nhiên, trong quá trình chiến đấu, ta còn bị ảnh hưởng bởi tư tưởng “tiến công và nổi dậy giành thắng lợi quyết định” một cách máy móc, nên giữa lúc địch đang tiến hành âm mưu “Bình định nông thôn”, dồn sức đánh phá cơ sở cách mạng, tranh chấp quyết liệt với ta từng trận địa xã, ấp, luôn củng cố bộ máy kèm, thì ta lại thiên về đánh tập trung vào thị xã, vào hậu cứ đồn bót để làm suy yếu lực lượng bên trên của địch mà không chú trọng đúng mức đến việc tiêu diệt các lực lượng trực tiếp kèm ở cơ sở, cũng như chưa phát động mạnh mẽ phong trào ba mũi giáp công tại chỗ để chống phá âm

muu “Bình định nông thôn” của địch (tuy có làm ở một số địa phương nhưng kết quả chưa tốt). Do đó, tuy ta đã giành được thắng lợi lớn về quân sự, nhưng địch vẫn thực hiện được âm mưu của chúng và ngày càng kìm chặt dân hơn, đồng thời đẩy dân ta ra khỏi nhiều xã, ấp.

Hậu quả đó, đã gây không ít khó khăn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân dân Bình Thuận và Bình Tuy trong những năm tháng sau này.

III. Tiếp tục tiến công, chống, phá kế hoạch “Bình định nông thôn” của địch

Để thực hiện có hiệu quả chương trình “Bình định nông thôn” xương sống của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” từ Trung ương đến cơ sở: Ở Trung ương bốn Mỹ đã thống nhất sự chỉ đạo giữa ba cơ quan là Bộ Tư lệnh MACV, Đại sứ và phân cục tình báo CIA. Còn “Trung tâm bình định trung ương” thì đặt dưới quyền thường trực của trung tướng Cao Hảo Hớn tay chân thân cận của Nguyễn Văn Thiệu. Ở cấp tỉnh, thì tỉnh trưởng kiêm tiểu khu trưởng trực tiếp chỉ đạo thực hiện chương trình “bình định” và trực tiếp huy động lực lượng quân sự cũng như dân sự để tiến hành việc “bình định”. Ở cơ sở xã, ấp, chúng kết hợp giữa 3 hình thức tổ chức là “Trung tâm điều hành” (mạng lưới tề điệp), “Cuộc cảnh sát xã” và “khối hành chính”. Đó là những công cụ chủ yếu để tiến hành “Bình định” ở cơ sở dưới sự chi viện và hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương cùng các đoàn “Bình định” từ trên xuống. Mặt khác, để tạo điều kiện cho việc “Bình định” có hiệu lực, chúng còn

cải tổ hệ thống tổ chức chỉ huy chiến trường.

Thực hiện ý định cải tổ đó, ngay từ ngày 01-7-1970, Nguyễn Văn Thiệu đã ký sắc lệnh số 01/7170 bỏ cấp chỉ huy “khu chiến thuật” với mục đích cắt bỏ khâu trung gian, tập trung quyền chỉ đạo cho cấp quân khu, quân đoàn và gia tăng tối đa quyền hạn, phương tiện cho cấp tiểu khu, bảo an và dân vệ. Từ đó đã xuất hiện một hình thức mới, đó là: Bên cạnh Ban chỉ huy tiểu khu (tỉnh), chúng còn lập thêm “Ban chỉ huy chiến thuật” và sau đó thành “Ban chỉ huy liên đoàn” để chỉ huy quân địa phương làm nhiệm vụ “lãnh thổ”. Ngoài ra, chúng còn phân định 4 vùng khác nhau để tiến hành “bình định”: Một là vùng chúng kiểm soát hoàn toàn; hai vùng chúng kiểm soát, nhưng còn yếu; ba là vùng tranh chấp và bốn là vùng mất an ninh (vùng ta kiểm soát). Đặc biệt là vùng ta kiểm soát, chúng đã dùng lực lượng không quân tàn phá, tiêu diệt lực lượng cách mạng và thực hiện chiếm lĩnh để xây dựng nguy quyền; khi cần thiết, vùng này hoàn toàn do quân chủ lực đảm nhiệm.

Đi đôi với việc kiện toàn, hoàn chỉnh bộ máy chỉ đạo và cơ cấu tổ chức các cấp, lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ “bình định” cũng được chúng tập trung phát triển trên quy mô hết sức to lớn, nên đã làm cho cuộc chiến đấu giành dân giữa ta và địch ở cả nông thôn và đô thị trở nên vô cùng quyết liệt.

Sau khi tiến hành xong các bước gọi là “cải tiến” trên đây, địch rất chú quan cho rằng: tất cả những chương trình “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt” và “bình định xây dựng” thực hiện trước đây đã giành được thắng

lợi lớn. Từ tháng 7-1970 trở đi, chúng sẽ triển khai một chương trình mới mệnh danh là chương trình “bình định phát triển” và dự định sẽ kéo dài đến hết năm 1971, với tham vọng hoàn toàn kiểm soát các vùng tranh chấp và một số vùng giải phóng của ta (vùng mất an ninh của chúng); đồng thời khôi phục lại một số ấp có chiều hướng suy sụp để chuẩn bị cho một kế hoạch “bình định” dài hạn tiếp theo.

Tuy nhiên, ở chiến trường Bình Thuận và Bình Tuy do ta hoạt động khá mạnh, nên từ tháng 7-1970 trở đi, chúng mới bắt đầu tiến hành chương trình “Bình định đặc biệt” mà chủ yếu là “bình định bên trong” và “ngăn chặn bên ngoài”. Do đó, chúng đã liên tiếp mở ra các “chiến dịch tố cộng” núp dưới những cái tên gọi rất kêu là “Phượng hoàng”, “đồng tiến”, “vì dân”, v.v. với sự kết hợp nhiều mặt nhiều lực lượng, nhiều biện pháp và nhiều thủ đoạn ác độc để đánh phá, chà xát phong trào. Đặc biệt là chúng đẩy mạnh việc hành quân càn quét, vây ép đánh vào quần chúng quyết liệt hơn bao giờ hết. Riêng ở Bình Thuận, trong năm 1970, ta đã mất khoảng 650 cơ sở bên trong bị chúng bắt tù đày.

Cùng với việc khủng bố và đàn áp, chúng còn dùng nhiều thủ đoạn chiến tranh tâm lý và thả mồi kinh tế để lừa bịp, gây chia rẽ giữa quần chúng với cách mạng. Trên cơ sở đó, chúng tập hợp các tôn giáo, phe phái phản động để chống lại và bao vây ta nhiều mặt.

Đồng thời với việc bình định bên trong, từng lúc chúng còn huy động lực lượng quân nguy từ tiểu đoàn đến trung đoàn đánh vào các khu vực như Tam Giác,

vùng căn cứ Thuận Phong, Hòa Đa, La Gàn và phía bắc sông La Ngà để xức dân về ven đường quốc lộ, tỉnh lộ và đô thị.

Cũng trong thời gian này, nhằm đảm bảo hành lang cho quân Mỹ rút đi khỏi cửa biển Vũng Tàu, chúng đã sử dụng nhiều lực lượng đánh phá ác liệt vào vùng căn cứ giải phóng của ta: Chiến đoàn 3/506 Mỹ càn dọc theo liên tỉnh lộ 8, bắc Ma Lâm và khu vực Mường Mán; lữ 199 Mỹ đánh phá từ Tánh Linh qua bắc Hàm Thuận xuống đến La Gi; sư đoàn kỵ binh không vận số 1 đánh phá các vùng căn cứ Bù Lạch, nam bắc đường 20 (Lâm Đồng) xuống tận Bình Tuy. Sau trận càn này, Mỹ rút các đơn vị như; chiến đoàn 1/50, chiến đoàn 2/1, chiến đoàn 3/506 khỏi Bình Thuận và lữ 199 khỏi Bình Tuy.

Như vậy, từ cuối tháng 7-1970 trở đi, trên chiến trường Bình Thuận không còn quân chủ lực Mỹ. Ở Bình Tuy đến tháng 11-1970 các đơn vị chủ lực Mỹ mới rút hết. Riêng một số đơn vị binh khí kỹ thuật thì vẫn còn ở lại tiếp tục kèm cặp quân ngụy. Để thay vào chỗ trống do quân Mỹ đảm nhiệm trước đây, địch đã điều toàn bộ Trung đoàn 44 ngụy đến Bình Thuận, ghép thêm một số tiểu đoàn và liên đoàn bảo an thay thế cho quân cộng hòa, lập thêm một số đơn vị bảo an, dân vệ mới. Ngoài ra, chúng còn tích cực khôi phục, củng cố bộ máy kèm, lập phân chi khu cảnh sát và cái gọi là "Ủy ban Phượng hoàng" ở xã, ấp để tăng cường kiềm kẹp quần chúng.

Đối phó với tình hình trên đây, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội ở hai tỉnh đã tập trung sức vừa tiến công tiêu diệt những bộ phận quan trọng mà chủ yếu là lực

lượng kèm tại chỗ của địch, vừa phát động quần chúng tiếp tục nổi dậy giành chính quyền và làm chủ từng thôn, ấp.

Đêm 31-8-1970, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 186 đánh vào ấp Suối Nhum, rồi trụ lại đánh địch đến phản kích gây cho chúng nhiều thiệt hại. Cùng đêm, lực lượng huyện Hòa Đa, du kích và đội công tác đánh vào các ấp Liêm Bình, Lâm Lộc, Lương Sơn, Xuân Quang, Hiệp Thành, Xuân Hội, bắt 15 tên ác ôn và thu 11 súng.

Tiếp đến, đêm 28-12-1970, lực lượng đặc công của hai đơn vị 482 và 482B tập kích vào Căng Esépíc, diệt và bắt bị thương 220 tên, phá hủy một súng cối 106,7 ly, một trung liên 12,7 ly bốn đại liên, bảy xe quân sự (có hai xe bọc thép) đánh sập ba nhà kho, 12 lô cốt, 10 nhà mái bằng, bắn cháy hai trục thẳng, một kho xăng, một máy thông tin và một số quân trang quân dụng. Ta bị thương nhẹ bốn đồng chí và thu ba súng.

Tuy vậy, đây cũng là một số trận lẻ tẻ, chứ chưa phải là một đợt hoạt động tổng hợp như chủ trương đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là: Trong quá trình tổ chức thực hiện, một số đồng chí cán bộ lãnh đạo và chỉ huy vẫn chưa tỉnh táo nhận rõ tình hình mà vẫn “còn chần vờn vấn đề giành thắng lợi quyết định một cách chưa thực tế”¹, nên “Chưa thực sự đi sâu nghiên cứu và kiên quyết thực hiện các biện pháp có hiệu quả để đánh phá bình định”². Do đó, từ tháng 8 đến cuối năm 1970, “Nhiệm

1, 2. Trích báo cáo tổng kết “Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Khu 6”, tập 1, trang 227 và 228.

vụ đánh phá bình định làm còn trầy trật, đạt kết quả rất thấp. Trận địa xã, ấp của ta bị mất phần lớn, không những khó khăn cho phong trào cách mạng quần chúng ở địa phương, mà còn khó khăn nhiều cho thế bám trụ chiến trường để hoạt động tấn công địch của các lực lượng bên ngoài. Riêng lực lượng 3 thứ quân ngày càng bị giảm sút về số lượng và chất lượng cũng không nâng lên kịp¹.

Từ thực tiễn, Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận, Bình Tuy đã rút ra bài học xương máu là: do chủ quan nóng vội, nặng theo hướng giành thắng lợi quyết định chưa có cơ sở thực tế, coi nhẹ mặt trận chống bình định ở nông thôn nên kẻ địch đã làm được rất nhiều việc, rất công phu và rất bài bản dẫn đến trận địa xã, ấp của ta đã bị mất gần hết.

Để sửa chữa khuyết điểm sai lầm trên, từ đầu năm 1971 trở đi, các cấp lãnh đạo, chỉ đạo của Bình Thuận và Bình Tuy đã quyết định chuyển hướng hoạt động, lấy đánh phá bình định làm nhiệm vụ trọng tâm, đồng thời kết hợp với tiến công quân sự làm đòn xeo ở Bình Thuận ngay trong tháng 11-1971, ta đã đẩy các hoạt động lên tương đối đều và đã đánh 101 trận lớn nhỏ, diệt được 260 tên địch (có 11 tên cố vấn Mỹ), bắn cháy bảy xe quân sự (có một xe bọc thép M118) và bắn rơi một trực thăng. Các đội công tác và du kích liên tục đột vào các ấp làm công tác tuyên truyền vận động quần chúng. Bằng nhiều hình thức như: mở mít tinh, dùng loa kêu

1. Trích báo cáo tổng kết "Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Khu 6", tập 1, trang 227 và 228.

gọi, rải truyền đơn, dán khẩu hiệu và rỉ tai, ta đã giáo dục được hơn 5.000 quần chúng.

Đêm ngày 26-1-1971 (tức đêm 30 rạng mùng 1 tết năm Tân Hợi), lực lượng ta đã vào các ấp Văn Giáo, An Phú, Tân Điền, Thắng Thuận và Thắng Bình... để thấp nhang cho các gia đình liệt sĩ, thăm hỏi bà con và đón giao thừa cùng nhân dân.

Qua được giáo dục và củng cố lại tinh thần, quần chúng đã hứa quyết tâm bung về làng đất cũ làm ăn. Ngay trong những ngày Tết, đã có 124 gia đình ở các ấp Tân Điền, Tân An, Bình Lâm, Bình An về ăn tết tại vườn nhà cũ. Sau khi ăn tết xong, lực lượng tại chỗ không ngừng phát triển và liên tục nổi dậy ở nhiều nơi, trong thời gian ngắn đã diệt 180 tên ác ôn. Riêng ở ấp Tân An, bà con đã bắt đưa đi cải tạo 7 tên tề điệp, thám báo và đánh bị thương nặng tên ấp trưởng.

Ở những nơi bị địch dồn, đồng bào đã đấu tranh chống lại quyết liệt, hàng trăm ngàn người đã kéo đến xã, đến quận đấu tranh trực diện với địch không chịu dồn về khu tập trung. Mặc dù bị địch cào nhà, phá hết đồ đạc và hầm tránh pháo, nhưng đồng bào Hàm Thắng vẫn bám lại vườn, làm chòi để ở và tiếp tục đấu tranh. Ở Bình Thạnh (Tuy Phong), địch dùng hai đại đội vừa lính cộng hòa vừa lính bảo an đến xúc hàng chục gia đình về Long Hương, đồng bào kiên quyết chống lại buộc chúng phải nhượng bộ.

Được cơ sở ta hướng dẫn, nhân có một học sinh ở Quy Nhơn bị Mỹ giết hại, học sinh trường Phan Bội

Châu, trường Bồ Đề, các trường xung quanh thị xã Phan Thiết đã tổ chức lễ truy điệu, hội thảo vạch tội ác bọn cướp nước và bán nước; đồng thời phát động tuần lễ chống Mỹ trong toàn thể học sinh, đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ. Phối hợp với học sinh, nhân ngày lễ Phật, hàng trăm tu sĩ và đồng bào đã tổ chức nhiều đêm cầu nguyện hòa bình. Đồng thời, cũng nhân dịp này, học sinh các trường liên tiếp tổ chức các đêm sinh hoạt chính trị và văn nghệ với chủ đề “Hát cho đồng bào tôi nghe” và “Nghe đồng bào tôi hát” được quần chúng nhiệt liệt hoan nghênh.

Cùng với Bình Thuận, các lực lượng ta ở Bình Tuy cũng đã phá vỡ tuyến ngăn chặn của địch ở vòng ngoài, thọc vào các ấp ven thị xã, thị trấn và các vùng đông dân, đẩy cuộc đấu tranh của quần chúng lên bước mới.

Từ khi ta tập trung bám lại trận địa xã, ấp thì lực lượng nòng cốt tại chỗ đã được củng cố, phát triển và các phong trào cách mạng quần chúng cũng dần dần được đẩy lên. Ngay trong tháng 1-1971, ở Bình Thuận, ta đã củng cố được 237 cơ sở và phát triển được 30 cốt cán gồm: 2 đảng viên, 16 đoàn viên, 6 du kích mật và 6 hội viên. Cũng trong thời gian này, nhân dân đã ủng hộ cho kháng chiến 699.690 đồng, 40 xe lúa và 590 kg gạo.

Trước tình hình hoạt động theo phương thức mới của ta, bọn địch càng tập trung củng cố hệ thống phòng thủ liên hoàn ở thôn, xã bằng cách xây thêm lô cốt, thêm đồn bót để chi viện ứng cứu cho nhau. Đồng thời, chúng cũng bắt đầu điều chỉnh lực lượng rút bỏ một số đồn lẻ như Tân Nông, Nông Cà Tang, Giồng Táo, Suối

Kiết, cột số 46, cột số 26 và cột số 19 trên Quốc lộ 1A, thu hẹp các căn cứ của Mỹ đã giao cho quân ngụy như ở Căng Esépíc và Tà Dôn, v.v.. Trong vùng sâu, chúng tiếp tục phát triển thêm nhiều cụm lô cốt, đồn nhỏ cấp đại đội dùng lối đánh nhỏ lẻ, biệt kích và gài mìn dày đặc ở các trục đường ra vào ấp để ngăn chặn ta. Đặc biệt, trong những ngày giáp tết vừa qua địch đã tung lực lượng ra đồn dân ở các khu vực như Hồng Sơn, Hàm Liêm (Thuận Dân, Thuận Thành, Thuận Thắng), Mai Lãnh và Châu Hanh, nhưng đồng bào vẫn kiên quyết chống lại, không chịu dồn về khu tập trung.

Bước sang tháng 2-1971, lực lượng vũ trang và các đội công tác vẫn tiếp tục bám xã, ấp và bám các vùng ven quanh thị trấn, thị xã. Bằng phương thức hoạt động nhỏ, lẻ, các đơn vị vũ trang ta cũng đã hàng trăm lần chạm súng với địch, diệt hàng trăm tên (trong đó có nhiều tên cố vấn Mỹ). Nhờ đó, phong trào đấu tranh của quần chúng đã nâng lên khá tốt.

Ngoài những cuộc đấu tranh quyết liệt chống địch đồn dân của đồng bào nông thôn, phong trào đấu tranh của nhân dân đô thị cũng ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tiếp theo các cuộc đấu tranh của học sinh và Phật tử trong tháng 01, ngày 8-2-1971, hơn 600 học sinh trường Bồ Đề và Phật tử lại tiếp tục trương cờ, khẩu hiệu kéo nhau đi biểu tình từ đường Đồng Khánh (nay là Trần Phú) đến nhà Mỹ ở (nay là khách sạn Phan Thiết) để phản đối bọn chúng giết hại học sinh ở Quy Nhơn. Địch huy động cảnh sát đàn áp làm một số học sinh bị thương. Phần uất trước hành động đàn áp dã

man của địch, ngày 10-2-1971, hơn 900 phụ huynh học sinh và Phật tử tiếp tục tổ chức họp mít tinh tại chùa Phật Học (Phan Thiết) để phản đối bọn Mỹ giết người Việt Nam và tố cáo bọn ngụy quân, ngụy quyền theo lệnh Mỹ đàn áp học sinh, đàn áp người theo đạo.

Song, trong thời gian này hoạt động của ta vẫn không đều và chưa mạnh. Ở một số nơi, lực lượng vũ trang chưa hỗ trợ được cho phong trào đấu tranh của quần chúng, mà còn mất cảnh giác để địch gây cho ta nhiều thiệt hại. Đêm 11-2-1971, một tổ bộ đội địa phương huyện Thuận Phong đột vào ấp Tuy Hòa bị nổ mìn ngay trong ấp, nhưng khi rút ra không cứu được người bị thương để bị địch bắt. Sau khi khai thác, sáng ngày 12-2, địch dùng xe tăng và bộ binh đột vào đúng chỗ ở của đơn vị, 11 đồng chí hy sinh và bị thương, cướp đi 11 khẩu súng. Ở các vùng ven thị xã, thị trấn của Bình Thuận và Bình Tuy, ít có lần nào lực lượng đột vào ấp mà không vướng mìn, không bị tổn thất. Trong khi đó, thì các vùng giáp ranh và vùng căn cứ của ta rất sơ hở, ăn ở khá lộ liễu. Phát hiện được mục tiêu, ngày 16 tháng 02, địch dùng trực thăng đổ quân xuống thôn 2 Hàm Trí. Sau đó, cả bộ binh và máy bay đánh vào vị trí của một số đơn vị, cơ quan và khu dân cư, bắn chết 12 người (trong đó có đồng chí Giải, Xã đội trưởng), giết chết 25 trâu bò, đốt cháy 8 căn nhà. Đồng bào rất hoang mang lo sợ.

Quyết giành lại thế chủ động chiến trường, tiếp tục tiến công chóng phá kế hoạch bình định của địch, từ cuối tháng 2-1971, được sự chỉ đạo của Khu ủy và Bộ Tư

lệnh Quân khu 6, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận, Bình Tuy phối hợp với chủ lực của khu và của Miền mở đợt hoạt động tổng hợp đánh phá "Bình định" của địch trên hai trọng điểm: Phan Thiết, Hàm Thuận (Bình Thuận) và Hàm Tân (Bình Tuy) nhằm tiêu diệt sinh lực địch, đưa địa bàn hoạt động của các lực lượng bên ngoài vào tận xã, ấp; đồng thời cũng đánh sâu vào một số thị xã, thị trấn và hậu cứ để tiêu diệt bộ phận sinh lực quan trọng và phương tiện chiến tranh của địch.

Mở màn cho đợt hoạt động tổng hợp này, tại trọng điểm Phan Thiết và Hàm Thuận; lúc 0 giờ 15 phút ngày 26-2-1971, lực lượng đặc công của thị xã và của Tiểu đoàn 482 cùng các đội vũ trang công tác chia thành bốn cánh và từ bốn hướng đông, tây, tây bắc và bắc đồng loạt nổ súng đánh vào thị xã.

Ở hướng đông, lực lượng ta có 14 tay súng và chia thành hai mũi đánh chiếm trụ sở ấp Hưng Long và khu vực Vĩnh Thủy, diệt 30 ba tên (trong đó có tên Đại đội trưởng Đại đội 206 thám báo và bốn tên cảnh sát ác ôn). Ta vô sự, nhưng khi trên đường rút ra thì gặp địch phục kích ở khu vực đường Phú Hải và Cầu Sở Muối. Tuy bị bất ngờ, song các chiến sĩ ta đã kịp thời triển khai đội hình đánh trả, diệt thêm 19 tên. Ta hy sinh một đồng chí và mất một súng ngắn K54.

Ở hướng bắc, 12 chiến sĩ ta chia thành hai mũi bí mật đột vào trụ sở ấp Phú Trinh và khu vực Chợ Phường, nhưng không gặp địch, nên ém lại và sau đó diệt được 1 xe jeep đi tuần. Phát hiện có lực lượng ta đang trụ ở hai

khu vực này, địch liền tung bọn cảnh sát dã chiến vào phản kích, nhưng cả hai lần đều bị đẩy lùi và bị diệt tại chỗ 12 tên. Trên đường rút ra, ta diệt tiếp 7 tên đang lẩn trốn ở khu vực Km số 1 (đường 8). Cùng lúc, tổ công binh dùng mìn DH 25 đánh sập lô cốt Hữu Chí, diệt 12 tên.

Hướng tây bắc, vì nước lớn không vượt được sông Cà Ty nên cánh này quay lại đánh vào ấp, làm sập hai lô cốt ở gần bờ sông, diệt 8 tên.

Ở hướng tây, lực lượng ta có 14 đồng chí cũng chia thành hai mũi đột vào khu vực Kim Hải và Đức Long. Mũi thứ nhất thọc qua khỏi ấp Kim Hải và Đức Long đến gần sát Lạc Đạo vẫn không gặp địch, nên phải quay lại cùng với mũi hai đánh các mục tiêu trong 2 ấp Kim Hải, diệt và bắn bị thương 35 tên (phần lớn là cảnh sát dã chiến và dân vệ).

Theo hiệp đồng từ trước, khi các cánh quân của ta rút ra khỏi thị xã, thì vào lúc 2 giờ sáng ngày 26-2, Đại đội trợ chiến 130 đã dùng DKZ 75 bắn cấp tập vào tiểu khu Bình Thuận gây thiệt hại nhiều nhà cửa và phương tiện chiến tranh của chúng. Một số tên bị diệt, trong đó có tên phó ty cảnh sát.

Phối hợp với hướng tiến công vào Phan Thiết, ta đã bố trí nhiều lực lượng giăng bẫy khắp các khu vực từ Mương Mán qua Tam Giác, dọc đường 8 để sẵn sàng đánh diệt bọn địch đi giải tỏa ứng cứu.

Được tin thị xã Phan Thiết bị tấn công, rạng sáng ngày 26-2, bọn địch chốt ở Xuân Phong và Tân Điền

bung ra giải tỏa. Đại đội cảnh sát dã chiến 213 vừa kéo ra khỏi ấp Xuân Phong thì lọt vào trận địa phục kích và bị 8 chiến sĩ vây đánh quyết liệt, diệt tại chỗ 40 tên, trong đó có tên Đại đội trưởng. Cùng lúc, Đại đội bảo an 300 cũng vừa kéo ra khỏi ấp Tân Điền thì gặp ngay 4 chiến sĩ của Đại đội 430 Hàm Thuận chặn đánh, nhưng vì lực lượng quá chênh lệch, nên sau khi diệt và bắn bị thương 6 tên, số anh em này đã rút. Tuy vừa bị đánh, nhưng bọn này tiếp tục kéo xuống ấp Xuân Phong thì lại lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 482. Quân ta chủ động nổ súng diệt và bắn bị thương 20 tên. Số còn sống sót hoảng loạn tháo chạy.

Nghe tiếng súng nổ ở hướng Xuân Phong và Tân Điền, Đại đội 3 và 2 trung đội của Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn bảo an 202 từ Bàu Gia kéo ra định đánh thọc vào sườn và phía sau lưng ta, nhưng chúng đã lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 840. Cụm thứ nhất của quân ta lập tức nổ súng và xuất kích. Cùng lúc, cụm thứ 2 đã vận động và triển khai đội hình thành thế bao vây gói gọn lực lượng địch vào khu chiến. Sau 20 phút chiến đấu, ta diệt và bắn bị thương 73 tên, 13 tên còn sống sót tháo chạy thực mạng về lại Bàu Gia.

Nhằm tiếp sức cho bọn này, tiểu khu Bình Thuận đã cho chi đội 3 thuộc chiến đoàn 2/8 lên tham chiến. Nhưng khi bọn này lên đến nơi, thì Tiểu đoàn 840 đã rút khỏi trận địa chỉ còn lại một bộ phận của Tiểu đoàn 482 và một ít của lực lượng thị xã Phan Thiết ở gần đó. Dựa vào quân số đông, chúng xông vào vây đánh. Lực lượng ta tuy ít, nhưng vẫn chống trả quyết liệt và diệt tại chỗ

30 tên, phá hủy hai xe bọc thép M113. Tuy nhiên, ta cũng đã hy sinh 9 đồng chí và mất một số vũ khí.

Những hoạt động quân sự của ta ở thị xã và vùng ven đã buộc Tiểu đoàn 2 thuộc Trung đoàn 44 nguy phải bỏ dở cuộc càn ở khu vực Núi Bà, tây bắc cầu Sông Quao để quay về giải tỏa. Lúc 15 giờ ngày 26-2 lại tiếp tục đổ quân xuống vùng núi Bành, núi Kính, Cỏ Mồm và núi đất hòng chặn đường rút của quân ta. Tình hình này đã nằm trong dự kiến của ta từ trước, nhưng do một số đồng chí chỉ huy đơn vị đánh giá không đúng, nên đã mất thời cơ diệt địch. Do đó, khi địch đổ quân, chỉ có Đại đội 5 của Tiểu đoàn 482 nổ súng được ba hiệp và diệt được mười lăm tên, còn Tiểu đoàn 840 vừa cơ động đến cách 300 mét thì bị địch dùng pháo bắn chặn phải rút lui.

Phối hợp với lực lượng vũ trang Khu 6 và Bình Thuận cũng vào lúc 0 giờ 15 phút ngày 26-2-1971, hỏa lực DKZ 75 và cối 82 của Trung đoàn 33 (chủ lực miền) đã đánh sập đồn Mương Mán, phá hủy sáu lô cốt, nhà bọn ác ôn, máy phát điện, chày kho xăng và kho đạn, diệt 70 tên. Cùng lúc, lực lượng xung kích của trung đoàn chia thành hai bộ phận tiến công đồn Cầu Cháy và đồn Mới. Ở đồn cầu Cháy, do bọn lính địch ra nằm hết bên ngoài, nên ta không đánh vào đồn mà chỉ diệt 1 tiểu đội bên ngoài rồi dùng hỏa lực đánh thiệt hại nặng đồn, phá hủy 1 lô cốt, 2 đại liên, một cối 60 ly, làm chết và bị thương 15 tên. Ở đồn cầu Mới, địch cũng ra nằm ngoài. Do đó, ta pháo kích sập hai lô cốt và diệt một tiểu đội địch.

Được tin khu vực Mương Mán bị ta tiến công, một

đại đội địch từ chi khu Ngã hai kéo lên giải tỏa đã lọt vào trận địa phục kích của quân ta. Hơn 1 trung đội bị diệt, một số còn lại tháo chạy ngược về Ngã Hai.

Bị đánh đau, bọn địch ở chi khu Ngã Hai và yếu khu Mường Mán đều kêu cứu, nhưng bọn chớp bu ở tiểu khu Bình Thuận không thể nào đáp ứng được vì phải đương đầu với những đòn tiến công của ta ở nội thị và vùng ven. Mãi đến 10 giờ ngày 28-2, chúng mới sử dụng hai đại đội bảo an ở chi khu Ngã Hai cùng với lực lượng ở đồn 12 và chi đội một thuộc chi đoàn 2/8 lên giải tỏa. Lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, Đại đội bảo an 127 của địch đi đầu đã lọt vào trận địa phục kích của đại đội 6 thuộc Trung đoàn 33. Quân ta chủ động nổ súng và xung phong, diệt và bắn bị thương 60 tên, số còn lại tháo chạy tán loạn. Ta vô sự.

Cũng trong thời gian trên, Tiểu đoàn 186 đã đột vào phá ấp Gò và phục kích trên Quốc lộ 1A, đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an đến giải tỏa.

Phối hợp với bộ đội chủ lực, ở hướng liên tỉnh lộ 8 (quốc lộ 28 ngày nay), du kích, đội công tác, bộ đội địa phương huyện và trung đội nữ 483 đã liên tục tổ chức vũ trang tuyên truyền vào các ấp Bình Lâm, Bình An, Tân Điền, An Phú, Ma Lâm (cả Ma Lâm Chiêm), ấp 17, ấp 18 và ấp Kim Bình. Đồng thời bố trí lực lượng diệt bọn ác ôn hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh. Đêm 25 rạng 26-02, du kích Ma Lâm diệt hai tên ác; Đại đội 3/430 Hàm Thuận phục kích tại Km 11 (đường 8) diệt 6 tên đi tuần; trung đội nữ 483 cùng một số lực lượng tập kích vào 2 ấp 17 và 18 diệt được 9 tên dân vệ.

Ở phía nam Hàm Thuận, bộ đội địa phương và du kích liên tục đột vào các ấp Đại Thiện, Phú Nhang, Phú Điền để tuyên truyền xây dựng cơ sở và đánh sập một số lô cốt ở khu vực Cây Ké, diệt một số tên. Du kích vùng Mương Mán gài mìn ở Suối Tối (tây nam Mương Mán) diệt 1 xe bọc thép M113 và 8 tên địch.

Liên tiếp trong hai ngày 27 và 28-2-1971, ta dùng hỏa lực H12 và cối 82 tập kích vào chi khu Ngã Hai và đồn Bàu Gia, đồng thời gài mìn, đánh trái tự động vào những nơi bọn địch đi càn, diệt hàng chục tên và phá hủy bốn xe bọc thép M113.

Từ ngày 28-02 trở đi, những trận đánh nhỏ, lẻ của dân quân du kích đã liên tục xảy ra: Du kích các ấp Bình Lâm, Bình An bám bắn tĩa bọn đi gài và gỡ mìn ở quanh ấp; du kích Hàm Liêm đánh trái tự động diệt ba xe bọc thép; đội công tác Mương Mán tiếp tục diệt được 2 xe bọc thép khi thọc ra vùng giáp ranh.

Để hỗ trợ cho trọng điểm và kéo bớt lực lượng địch ra phía bắc tỉnh, ngày 02-3-1971, Tiền phương Quân khu đã sử dụng Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 tập kích vào hậu cứ Sông Mao lần thứ 7. Lúc 0 giờ 35 phút, các mũi đặc công của ta đồng loạt nổ súng tiến công hậu cứ địch: Mũi thứ nhất đánh vào sở chỉ huy của Trung đoàn 44 ngụy, khu cố vấn Mỹ và một phần của trận địa pháo 1; mũi thứ 2 đánh vào khu nhà ở của 2 đại đội bộ binh, sở chỉ huy Tiểu đoàn 3, đại đội công binh, trận địa pháo 2 và bãi cơ giới của chi đoàn bọc thép 2/8; mũi thứ 3 cùng nổ súng 1 lúc với mũi thứ hai, nhưng sau khi chiếm được một phần ba mục tiêu phân công thì

không phát triển được nữa, vì pháo ta đã bắn sai quy định. Sau 15 phút chiến đấu, quân ta đã chiếm hầu hết các mục tiêu dự định, diệt tại chỗ 150 tên (có một số cố vấn Mỹ), làm nổ tung các kho đạn và kho xăng. Ta bị tổn thất một số, trong đó có đồng chí Luân, Đại đội trưởng và đồng chí Chính, Chính trị viên Đại đội 5.

Cùng ngày, lực lượng đặc công Phan Thiết đánh sập 2 lô cốt ở khu vực Lò Gạch, diệt 15 tên.

Những trận tiến công liên tiếp của ta đã làm cho nhiều đồn bót lẻ của địch nhất là các chốt dân vệ đóng ở vành đai xung quanh Phan Thiết đều khiếp sợ, buộc bọn chỉ huy phải điều, xáo lung tung. Chúng đã điều trung đội dân vệ ở cụm lô cốt Sở Muối sang cụm lô cốt Hải Chí, bọn dân vệ ở Xóm Mới sang Sở Muối, bọn ở cổng chữ Y sang Lò Gạch, bọn ở Lò Gạch sang Đại Tài, v.v..

Phát huy thắng lợi vừa giành được, ta liên tiếp pháo kích vào các đồn Mường Mán, Ngã Hai, chi khu Thiện Giáo, đánh sập một số lô cốt ở các khu vực An Phú, Đại Tài, Sở Muối, v.v. đồng thời, phục kích diệt bọn địch đi giải tỏa, đột vào các ấp chiến lược, diệt bọn tề điệp, ác ôn, làm lỏng, nhão tất cả các bộ máy kìm kẹp của chúng ở dọc theo liên tỉnh lộ 8 và Quốc lộ 1A (Đoạn từ Ngã Hai ra đến Hòa Đa).

Cùng với Bình Thuận, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Tuy đã tập trung sự chỉ đạo, dồn lực lượng vào khu vực trọng điểm Hàm Tân. Từ 26-02 đến ngày 8-3-1971, các đơn vị của Tỉnh và lực lượng địa phương Hàm Tân liên tục đột vào các ấp diệt bọn tề điệp, ác ôn, làm

lồng nhào hệ thống kim kẹp của địch ở dọc liên tỉnh lộ 2 và các ấp Hiệp Nhơn, Hiệp Phước, Hiệp Tấn thuộc xã Hiệp Nghĩa.

Sau khi kết thúc đợt hoạt động ở Bình Thuận, đầu tháng 3-1971, Trung đoàn 33 (chủ lực miền) chuyển vào phối hợp với lực lượng địa phương Bình Tuy hoạt động và đứng chân tại trọng điểm Hàm Tân. Đầu tháng 4, một bộ phận lực lượng của Trung đoàn 33 tổ chức tập kích đánh thiệt hại chi khu Hàm Tân, đồng thời bố trí lực lượng phục kích bên ngoài để đánh quân chi viện từ La Gi lên.

Đúng như dự kiến của ta, khi nghe súng nổ dữ dội ở chi khu Hàm Tân, tên tỉnh trưởng Bình Tuy liền tung một lực lượng bảo an khá lớn từ La Gi lên chi viện. Bọn này vừa đến cách chi khu Hàm Tân chừng 5 km thì lọt vào trận địa phục kích của ta. Ba đại đội bị thiệt hại nặng, số còn sống sót tháo chạy về La Gi. Phát huy chiến quả, liên tiếp nhiều ngày sau đó trung đoàn phối hợp với lực lượng vũ trang huyện liên tiếp vũ trang tuyên truyền và đánh bọn dân vệ bảo an ở các xã: Văn Mỹ, Tân Hiệp, làm cho bọn tề ngụy ở đây hết sức hoang mang.

Tuy nhiên, do lực lượng ta có hạn, nên kết quả hoạt động của những tháng đầu năm 1971 cũng chỉ là bước đầu giành lại thế đứng trên một số địa bàn, còn tương quan lực lượng cũng như thế và lực giữa ta và địch trên chiến trường thì như Hội nghị Tỉnh ủy Bình Thuận tháng 4-1971, đã nhận định: "Hoạt động của địch từ cuối năm 1970 và những tháng đầu năm 1971 đã thu được một số

kết quả: Dồn, gom được dân, lẩn ta được một số nơi, lập được một số bộ máy tìm kiếm, vơ vét được sức người, sức của, tăng thêm lực lượng cảnh sát, đào tạo được một số ác ôn trong địa phương quân, dân vệ, nhất là lực lượng ngầm, hình thành tuyến ngăn chặn, khống chế thị xã để bảo vệ cơ quan đầu não của chúng. Các hoạt động hành quân, cảnh sát, chiêu hồi, chiêu hàng của địch đã gây cho ta nhiều tổn thất. Trên địa bàn xã, ấp và vùng bàn đạp xung quanh xã, ấp từng lúc từng nơi thế bám của ta bị đứt, lực lượng bên ngoài bị tiêu hao, khó khăn cho việc quần bám, đi sâu hoạt động. Một số nơi lực lượng cơ sở bên trong bị vỡ, phong trào bị chững lại hoặc tụt xuống, việc xây dựng lực lượng ở xóm, ấp còn nhiều nơi trống, giành dân mở vùng gặp khó khăn nhất là vùng yếu và vùng sâu”.

Thực vậy, trong thời gian này ở Bình Thuận, địch đã dồn xong 2 xã Hồng Sơn và Hồng Liêm, sau đó tiếp tục gom dân ở các khu vực như chung cư Châu Hanh, Đại Thiện, khu 1 Phú Mỹ, khu 4 Phú Hưng, Hàm Thắng và dồn xong khu vực La Gàn (Bình Thạnh) với khoảng 10.000 dân.

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết tháng 3-1971 của Khu ủy Khu 6, Tỉnh ủy Bình Thuận và Tỉnh ủy Bình Tuy chủ trương: Vừa tổ chức học tập rộng rãi các Chỉ thị 33, Chỉ thị 01 của Trung ương Cục cho toàn thể đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và quần chúng nhằm tạo một bước chuyển biến cơ bản trong nhiệm vụ đánh phá “bình định”; đồng thời vừa sắp xếp lại lực lượng, biên chế tổ chức sát với yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, nhất là quân

số đang bị thiếu hụt.

Thực hiện chủ trương trên, ở Bình Thuận bắt đầu giải thể Tiểu đoàn 482B (đặc công) tăng cường cho Đại đội 5 đặc công do Nguyễn Văn Đồi làm Đại đội trưởng, Phạm Công Đức làm Chính trị viên và Lê Thanh Phong làm đại đội phó. Sau khi được tăng cường, Đại đội 5 có 2 trung đội, mỗi trung đội có 2 mũi và quân số là 35 đồng chí được trang bị khá mạnh. Giải thể trung đội Nữ 483 tăng cường cho các đội vũ trang công tác, đồng thời rút một số đưa về cơ quan hậu cần Tỉnh đội. Rút gọn 3 đại đội đặc công của thị xã Phan Thiết xuống còn 2 đội: Đội 1/481 do Lê Minh Tiến làm Đội trưởng, Trần Đức Thắng làm Đội phó và Trần Văn Dự làm Chính trị viên. Đội 2/481 do Lê Thành Yên làm Đội trưởng, Ngô Minh Luyện làm Đội phó và Nguyễn Phước Minh làm Chính trị viên. Cũng trong thời gian này, quân khu tăng cường cho Bình Thuận một số cán bộ, chiến sĩ của đại đội công binh và một số chiến sĩ nữ của Đại đội 115. Trên cơ sở đó, Bình Thuận tổ chức trung đội nữ mới lấy tên là 475 để hỗ trợ cho đội công tác Sông Khiên. Riêng Tiểu đoàn 482 được củng cố lại cả về tổ chức, quân số và chất lượng.

Ở Bình Tuy, được nhận thêm đại đội trinh sát 71 của quân khu (gồm những chiến sĩ tân binh của Miền Bắc mới bổ sung vào) và một số cán bộ, chiến sĩ của Đại đội 10 công binh quân khu bổ sung cho lực lượng công binh của tỉnh.

Cùng với các tỉnh, vào thời gian này, lực lượng vũ trang Quân khu cũng đã có sự sắp xếp lại: Giải thể Tiểu

đoàn 240 và Tiểu đoàn 145, rút gọn tiểu đoàn đặc công 200c còn lại 1 đại đội.

Như vậy, từ tháng 4-1971, lực lượng vũ trang của các tỉnh và quân khu đều giảm. Riêng lực lượng vũ trang các huyện, thị xã và các đội vũ trang công tác vẫn giữ nguyên, tiếp tục củng cố và bổ sung thêm quân số. Ngoài ra, còn được tổ chức và xây dựng thêm một số đội vũ trang công tác mới để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

Sau khi sắp xếp lại lực lượng và biên chế tổ chức, thế chiến trường ở Bình Thuận và Bình Tuy được bố trí như sau:

Chủ lực quân khu vẫn tiếp tục hoạt động ở trọng điểm Bình Thuận gồm: Tiểu đoàn 840 đứng chân và hoạt động phía Hòa Đa, Tuy Phong; Tiểu đoàn 186 đứng chân ở vùng căn cứ Lê Hồng Phong cũ; Đại đội đặc công 200c từ Tuyên Đức về lại Bình Thuận; Tiểu đoàn 482 của tỉnh vẫn đứng chân ở Tam Giác.

Ở Bình Tuy, Trung đoàn 33 đã rút về Long Khánh, giao lại các địa bàn cho lực lượng địa phương đảm nhiệm. Đại đội 88 thường xuyên hoạt động ở mảng Hoài Đức, Đại đội đặc công 81 thường xuyên hoạt động ở Tánh Linh, La Gi. Đơn vị công binh tỉnh thường xuyên hoạt động trên tuyến đường 1A, các đội mũi công tác bám sát địa bàn, sát dân hơn.

Với thế bố trí mới, ta bắt đầu đưa lực lượng bám vào các xã, áp kết hợp giữa lực lượng bên trong và bên ngoài để đánh địch phá thế ngăn chặn và phá thế kìm kẹp trong các ấp; đồng thời tiếp tục phát động quần

chúng xây dựng lực lượng tại chỗ để đấu tranh chống lại kế hoạch bình định của địch.

Từ tháng 5-1971 trở đi, tuy không có những trận đánh lớn nào xảy ra, nhưng tiếng súng diệt ác, phá kìm của các lực lượng vũ trang, du kích và các đội mũi công công tác trên khắp các địa phương Bình Thuận và Bình Tuy không lúc nào ngừng nổ. Hàng ngàn tên ác ôn, cảnh sát dã chiến, tề điệp, phượng hoàng đủ loại đã dền tội. Từ đó, phong trào đấu tranh của quần chúng ở cả 2 khu vực nông thôn và đô thị đã liên tục nổ ra.

Ở Hàm Thuận, gần một ngàn đồng bào ở ấp An Thuận, An Hiệp và Tân Điền đã kéo nhau lên quận, lên tỉnh, rồi cử đại diện lên tận bộ phận quyền Trung ương để đấu tranh không chịu dồn vào khu tập trung. Trước áp lực của quần chúng, tên tỉnh trưởng Bình Thuận phải lên tận nơi để xoa dịu và sau đó, bộ phận quyền Trung ương cũng phải ra thông báo đình hoãn việc dồn dân và dỡ nhà ở 3 ấp này.

Tiếp theo, đồng bào ở các vùng nam thị xã, Nam Hàm Thuận, Bắc Hàm Thuận, Hòa Đa và Tuy Phong cũng đã đấu tranh quyết liệt, buộc địch phải nhượng bộ để mọi người ở lại chỗ cũ hoặc bung về làng đất cũ làm ăn.

Vùng nội thị Phan Thiết, phong trào đấu tranh chống mang băng tên có hình lá cờ ba que, chống tăng học phí của học sinh ở trường Bồ Đề, Phan Bội Châu, v.v. liên tục xảy ra hàng ngày. Có hôm, đang giờ học, cả lớp đứng dậy phản đối và vây đánh những tên phản động

tay chân của địch đội lột giáo viên luôn vào trường để
kìm kẹp học sinh.

Ở Hàm Tân, để phản đối bọn địch bắn pháo bừa bãi
vào làng giết chết em Quế ở Hiệp Nhơn, hơn 1.000 đồng
bào thuộc các ấp Hiệp Nhơn, Hiệp Phước và dinh điền
kéo nhau lên quận đấu tranh đòi bồi thường thiệt hại,
buộc tên quận trưởng Hàm Tân phải ký vào đơn nhận
giải quyết những yêu sách và ra lệnh cho tay chân không
được bắn bừa bãi vào các khu vực xóm làng.

Tuy thế đứng chân trên chiến trường có được cải
thiện, nhưng việc đột áp để giải quyết lương thực thì
vẫn còn là vấn đề khó khăn phức tạp. Một số đơn vị đã
bị đói: Tiểu đoàn 186 đứng ở vùng căn cứ Thuận Phong,
hàng ngày phải đi đào củ nân để thay gạo; Tiểu đoàn
840 đứng ở phía Hòa Đa và Tuy Phong, cũng phải ăn củ
tù và củ mài để trừ bữa. Tỉnh đội Bình Tuy hàng ngày
phân công một số đồng chí khác đi chặt đọt cây lú, bứt
môn vốc theo khe suối, hái quả trường để ăn đỡ đói,
Ban kinh tài tỉnh vét kho cân được 1 kg đậu phụng
giống, nhưng phải chia đều cho anh chị em thương binh
mỗi đồng chí 27 hạt!

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội
Bình Thuận, Bình Tuy quyết định đẩy mạnh hoạt động
vũ trang nhằm phá vỡ từng mảng hệ thống kìm kẹp của
địch trên các địa bàn, đưa phong trào quần chúng lên
bước cao hơn; đồng thời giải quyết lương thực cho các
lực lượng.

Thực hiện quyết định trên, đêm 26-6-1971, một bộ

phận của Đại đội 2/430 Hàm Thuận và du kích xã tập kích vào khu chợ Ngã Hai, diệt gọn 1 trung đội dân vệ.

Đầu tháng 7, Tiểu đoàn 186 tập kích cụm cơ giới công binh Mỹ ở thôn 2 xã Hồng Liêm, diệt 48 tên Mỹ, phá hủy 1 pháo 96 ly, 2 cối 81 ly, 6 xe tăng và xe bọc thép (có 1 M41).

Đêm 03-7, Tiểu đoàn 482 phối hợp với đặc công thị xã Phan Thiết tập kích vào khu vực chợ Phường (Phú Trinh), diệt gọn 1 trung đội cảnh sát, 22 tên dền tội.

Sau khi nắm được quy luật của bọn lính bảo an chốt ở ấp Tân Điền đêm nào cũng ra rìa ấp phục kích và gài mìn, đêm 20-7, một bộ phận lực lượng của Đại đội 1/482 phối hợp với 3 chiến sĩ bộ đội vùng, dùng 4 quả mìn điều khiển và 4 quả mìn tự động bí mật bố trí một bãi mìn cách cổng ấp 50 mét. Đúng 20 giờ 30 phút cùng ngày, bọn địch bắt đầu thu quân kéo vào ấp. Đợi cho đội hình của chúng dồn dày đặc vào khu vực bố trí mìn, các chiến sĩ ta mới điểm hỏa, 4 quả mìn điều khiển cùng nổ một lúc và sau đó, cứ 5 giây lại nổ thêm một quả mìn tự động. Với tám quả mìn, ta đã diệt gọn cả trung đội 21 tên.

Tin trận đánh mìn ở rìa ấp Tân Điền đã loang ra các vùng xung quanh làm cho bọn địch rất hoang mang lo sợ. Nhiều tên ban đêm không dám ra khỏi ấp.

Phía Bình Tuy, đêm 14 rạng 15-8, Đại đội 88 tổ chức phục kích tại cống Huy Lễ diệt gọn 1 trung đội dân vệ, có 23 tên chết và 12 tên bị thương ta phá hủy 1 máy thông tin PRC 25.

Sau nhiều trận đánh nhỏ, lẻ trong ấp và sát ấp diệt bọn dân vệ, cảnh sát ác ôn... bước đầu ta đã củng cố được chỗ đứng trên một số trận địa xóm, ấp. Nhiều nơi, bọn địch cũng đã bắt đầu hoang mang lo sợ làm cho chương trình “bình định phát triển” và “bình định củng cố” của chúng trên một số địa bàn bắt đầu có dấu hiệu thụt lùi và tan rã.

Nhằm phát huy thắng lợi vừa giành được và đẩy nhanh tốc độ phá sản các chương trình “bình định” của địch, Tiền phương Quân khu quyết định tập kích hậu cứ Sông Mao lần thứ 8. Lực lượng sử dụng vào trận tập kích gồm 20 cán bộ, chiến sĩ đặc công của các đơn vị: đại đội 72 có 8 đồng chí; huyện đội Phan Lý có 5 đồng chí và 7 đồng chí của Đại đội 5 thuộc Tiểu đoàn 840. Toàn bộ lực lượng được chia thành 5 tổ đánh vào các mục tiêu: Trận địa pháo, chỉ huy sở của Tiểu đoàn 1/44 ngụ, khu nhà lính phía bắc hậu cứ và dây lô cốt vành đai; đồng thời, dùng hỏa lực cối 82, DKZ 75 bắn vào trung đoàn bộ Trung đoàn 44, khu máy điện, đồn 3 bảo an và một số mục tiêu gần sân bay. Đúng 1 giờ ngày 24-8-1971, khi đặc công đang cắt nốt hàng rào cuối cùng thì tên lính gác trên lô cốt gần đó phát hiện được, hấn hốt hoảng vừa nhảy xuống đất vừa la: “Việt cộng!... Việt cộng..!”. Biết bị lộ, các chiến sĩ ta lập tức nổ súng công kích ngay. Phút đầu tiên, tổ chính diện đã diệt gọn bọn địch ở lô cốt 1 và chiếm 1 đại liên, tiếp tục phát triển vào trong đánh sập 4 lô cốt. Tổ thọc sâu đã vào sở chỉ huy Tiểu đoàn 1/44, diệt đại bộ phận lực lượng địch trong các nhà lính và bắn cháy 1 xe ô tô, phát triển sang trận địa pháo dùng bộc phá đánh hỏng 2 pháo 105

ly và 1 xe quân sự. Tổ bên phải đánh dọc theo vành đai phá sập một số lô cốt và diệt gần hết bọn địch ở khu vực này.

Cùng lúc, 2 tổ còn lại dùng cố 82 và DKZ 75 bắn diệt bọn địch ở khu vực trung đoàn bộ. Nhiều đám cháy bùng lên sáng rực một góc trời. Những tên sống sót ở vòng ngoài cố chạy vào trong nhưng cũng bị diệt. Sau 30 phút chiến đấu, quân ta đã làm chủ các mục tiêu, diệt hơn 100 tên địch, thu 1 đại liên, 1 AR15, phá hủy 2 pháo 105 ly, 2 xe quân sự, đánh sập 4 lô cốt và nhiều ụ súng, đốt cháy 10 nhà lính và một số kho tàng của địch. Ta hy sinh 2 và bị thương 3 đồng chí.

Trận tập kích Sông Mao lần thứ 8 đã có tác dụng thúc đẩy phong trào ở các địa bàn xung quanh.

Ngày 25-8, một bộ phận lực lượng của Đại đội 460 Hàm Tân (Bình Tuy) phối hợp với đội công tác chặn đánh bọn địch đi gài mìn ở ấp Tam Tân, diệt tại chỗ 2 tên, bắn bị thương nhiều tên. Tiếp đến, ngày 28-8, cũng lực lượng này tập kích vào trung đội dân vệ đóng ở Hiệp Nhơn, diệt 3 tên và thu 3 súng.

Ngày 05-9, Tiểu đoàn 482 tổ chức phục kích ở khu vực Km 19 trên liên tỉnh lộ 8 (Bắc Thiện Giáo) đánh thiệt hại nặng Đại đội bảo an 888, diệt tại chỗ 38 tên. Ta hy sinh 7 đồng chí và 7 đồng chí bị thương.

Đầu tháng 10-1971, bọn ngụy quyền ở Bình Thuận và Bình Tuy bắt đầu tung ra chiến dịch tuyên truyền vận động bầu cử “Quốc Hội” âm ĩ và bày trò “tiếp xúc với nhân dân”, đồng thời đưa ra những lời “hứa hẹn

đường mật". Lợi dụng tình hình đó, đồng bào ta ở nhưng nơi được chúng "mời" đến tiếp xúc đã đưa ra nhiều câu chất vấn: "bầu rồi, các ông sẽ đem lại quyền lợi gì cho dân", "liệu các ông có can thiệp với Mỹ giải tán các khu tập trung để cho dân được tự do đi lại làm ăn không"... trước những câu hỏi hóc búa của mọi người, bọn tay sai đều lẩn tránh, hứa suông đôi ba lời rồi chuồn thẳng.

Để hỗ trợ cho phong trào chống, phá bầu cử của địch, các lực lượng vũ trang đã liên tiếp đột vào các ấp chiến lược, đánh vào các thị trấn, thị xã như Phan Thiết, La Gi, Phan Rí Cửa, Hòa Đa, Ma Lâm, v.v. diệt nhiều tên ác ôn, phá hủy một số mục tiêu quan trọng và rải truyền đơn vạch mặt trò hề bầu cử của Thiệu.

Tuy nhiên, dưới đầu súng, mũi lê và bằng nhiều thủ đoạn gian lận, cuộc "bầu cử" của chúng vẫn diễn ra và kết quả đúng như ý chúng.

Vào những tháng cuối năm 1971, thế trận 3 vùng (rừng núi, đồng bằng và đô thị) đã dần dần chuyển theo hướng có lợi cho ta. Cuộc đấu tranh 2 chân 3 mũi có nhiều bước phát triển mới. Cùng với hai mũi đấu tranh vũ trang và chính trị, mũi đấu tranh binh vận ngày càng trở thành một yếu tố tích cực. Nhiều xã đã có từ 10 đến 20 gia đình nguyện quân, nguyện quyền được ta giáo dục, họ hứa sẽ gọi con em về với nhân dân. Có nơi, ta đã tranh thủ được một số chỉ huy tiểu đội, trung đội trong lực lượng dân vệ, phòng vệ dân sự hoạt động cho cách mạng.

Ở Hòa Đa, cơ sở ta đã vận động được nguyên một

trung đội phòng vệ dân sự mang súng về lại xóm làng. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, từ tháng 01 đến tháng 10-1971, ta đã giáo dục được hơn 1.000 lượt gia đình ngụy quân, ngụy quyền, gần một ngàn lượt binh lính ngụy và có hơn 500 người đào rã ngũ. Có 3 trận do cơ sở địch vận phục vụ tốt như: Trận Tân Thành ngày 15-7, trận Liêm Bình ngày 19-8 và trận Hiệp Nhơn ngày 28-8-1971, ta diệt và bắt sống 43 tên, thu 20 súng các loại.

Nhằm đáp ứng với tình hình cuộc kháng chiến ngày càng phát triển, bên cạnh nhiệm vụ chủ yếu là đánh phá "bình định" của địch, Tỉnh ủy Bình Thuận và Bình Tuy còn chú trọng xây dựng toàn diện, nhất là xây dựng cơ sở, phát triển thực lực cách mạng và tiếp tục động viên nhân tài, vật lực phục vụ cho chiến tranh. Đến cuối năm 1971, các địa phương đã bồi dưỡng được 5.000 lượt cơ sở hội viên, hơn 300 lượt cho đảng viên, 200 lượt cho đoàn viên, dân quân du kích và an ninh mật. Trên cơ sở đó, ta đã phát triển thêm được 30 đảng viên, 29 đoàn viên, 40 du kích mật và hơn 1000 cơ sở khác; đồng thời, đưa được hơn 100 thanh niên nam nữ tham gia cách mạng, thu mua được hàng chục tấn lương thực, thực phẩm. Bằng các nguồn như: Cơ sở thu mua trong vùng địch ở các ấp, ta xây dựng nhiều cửa khẩu để thu mua trên các trục giao thông, thông qua dân buôn gỗ và cơ sở chuyển vào bằng xe be... riêng thị xã Phan Thiết, đồng bào đã ủng hộ kháng chiến được 207 xe lúa và 97.200 đồng tiền mặt (tương đương với 97.000.000 đồng ngày nay) do đó mà khó khăn về lương thực đã giải quyết được.

Như vậy, tính đến cuối năm 1971, các huyện, thị của Bình Thuận đã có 3.704 cơ sở (trong đó: 189 đảng viên, 148 đoàn viên, 311 du kích mật và 116 an ninh mật). Nhiều nơi, ta khôi phục lại được số cơ sở bị đứt liên lạc và xóa đi nhiều ấp trắng (ấp không có cơ sở). Tuy nhiên, vẫn còn đến 953 cơ sở chưa liên lạc được.

Ở Bình Tuy, trong năm 1971, ta cũng đã phát triển được 160 cơ sở các loại, có 29 cơ sở trong Phật giáo, nâng tổng số cơ sở trong toàn tỉnh lên là 960. Đáng chú ý là đã phát triển được 43 cơ sở nội tuyến.

Cũng trong năm 1971, để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Tỉnh ủy Bình Thuận đã tổ chức Đại hội đại biểu của 2 dân tộc Chăm và Nùng tại huyện Phan Lý. Sau đại hội đã phát huy tác dụng rất tích cực.

Cùng với việc ngày đêm bám dân, bám đất và đánh địch để hỗ trợ cho phong trào quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang các đội công tác cũng đã thay phiên nhau học tập chính trị, tập huấn quân sự, mở các hội nghị chuyên đề về du kích chiến tranh nhằm tổng kết các đợt hoạt động đánh phá bình định, đồng thời đẩy mạnh việc huấn luyện kỹ chiến thuật để nâng cao bản lĩnh và sức chiến đấu cho các lực lượng, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

IV. Phối hợp với Quân khu và toàn miền trong cuộc tiến công chiến lược năm 1972, góp phần đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh”, buộc Mỹ ký hiệp định Pari về Việt Nam

Từ giữa năm 1971, trong khi tình hình ở Bình Thuận

và Bình Tuy đang diễn ra gay go quyết liệt thì cục diện chung trên chiến trường toàn miền Nam và trên bán đảo Đông Dương đã có những biến đổi sâu sắc: Quân chủ lực nguy, chỗ dựa chủ yếu của “Việt Nam hóa chiến tranh” đã bị thất bại nặng ở Đông Bắc Campuchia và bị ta đánh cho tơi tả ở Mặt trận đường 9 - Nam Lào, đang hoang mang, dao động. Bọn nguy quyền trung ương vẫn tiếp tục suy yếu, lục đục và cấu xé lẫn nhau. Chương trình “bình định nông thôn” của chúng đã bị chặn đứng và bắt đầu bị đẩy lùi ở một số nơi. Đặc biệt, là tình hình kinh tế chính trị ở Mỹ không ổn định, phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam của nhân dân Mỹ ngày càng dâng cao.

Như vậy, ngay từ giữa năm 1971, tất cả những chỗ dựa và những điều kiện để Mỹ tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh” đều chưa thực hiện được. Tuy nhiên, quân của chúng vẫn còn đông và còn chiếm giữ được nhiều vùng quan trọng, đông dân nhiều của, còn bắt được lính, hỏa lực còn mạnh và phương tiện chiến tranh còn dồi dào. Dựa vào chỗ mạnh tạm thời đó, bọn Mỹ-nguy tiếp tục củng cố lực lượng tiến hành chiến tranh và ra sức “bình định” hòng giữ vững hình thái chiến lược cho hết năm 1972, hoặc ít ra là sau ngày bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ vào đầu tháng 11-1972

Nắm vững tình hình diễn biến trên chiến trường và dự đoán âm mưu địch, ngay từ tháng 5-1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp và quyết định: “...Đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường

miền Nam và trên chiến trường Đông Dương, đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, đồng thời, sẵn sàng chuẩn bị kiên trì và đầy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh kéo dài...”¹.

Đầu năm 1972, ở Bình Thuận và Bình Tuy, địch đã chuyển từ “bình định đặc biệt” sang “bình định củng cố”, tiếp tục quân sự hóa và cảnh sát hóa bộ máy kìm kẹp ở cơ sở bằng cách loại bỏ bọn tề dân sự, đưa bọn sĩ quan quân đội và cảnh sát xuống nắm giữ vai trò chủ chốt trong bộ máy tề, tích cực phát triển gián điệp, mở rộng cái gọi là “lưới tình báo nhân dân” để phục vụ cho âm mưu “bình định”. Chúng còn đẩy mạnh việc phát triển đảng dân chủ của Thiệu để làm nòng cốt lãnh đạo trong bộ máy ngụy quyền.

Cuối tháng 3-1972, các đơn vị kỹ thuật của Mỹ cuối cùng cũng đã rút khỏi hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy, chỉ để lại một số cố vấn ở những đơn vị quân ngụy mà chúng cho là cần thiết. Để bù vào chỗ trống, địch đưa quân địa phương lên làm lực lượng cơ động tăng quyền hành cho tiểu khu, chi khu và yếu khu, thay đổi xáo trộn binh lính và chỉ huy để đối phó với mũi binh vận của ta, thành lập thêm các đơn vị bảo an, rút tía một số dân vệ, phòng vệ dân sự bổ sung cho lực lượng

1. *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội, 1984, t.3, tr.584.

cộng hòa và bảo an; đồng thời, đẩy mạnh các hoạt động chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng với những chiến dịch nghe rất rôm rả như: “Tìm về nẻo sống”, “Sống tình thương”, “Về nguồn”, “Lòng mẹ”... để lừa bịp, mê hoặc mọi người. Đi đôi với lừa bịp, chúng còn hăm dọa rất trắng trợn như ban hành “9 biện pháp khẩn cấp” và “10 điều bắn bỏ” hòng ngăn chặn phong trào quần chúng nổi dậy. Bằng những âm mưu thủ đoạn đó, chúng đã tăng cường lùng sục, gài mìn, đánh lựu đạn để ngăn chặn ta ở các tuyến phòng thủ. Những nơi ta hoạt động mạnh, thì chúng tập trung giải tỏa. Có lúc, chúng tập trung từ 14 đến 16 đại đội bảo an liên tục càn quét vào các vùng bàn đạp, giành giật quyết liệt với ta, hòng giữ vững tuyến ngăn chặn không cho ta phá ấp, mở vùng. Tuy nhiên, chúng vẫn không đạt được như ý muốn.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, dưới sự chỉ đạo của Khu ủy Khu 6, ngay từ tháng 12-1971, Tỉnh ủy Bình Thuận đã họp để rút kinh nghiệm. Trên cơ sở đánh giá tình hình và kết quả hoạt động đánh phá “bình định” bước 1 năm 1971, Tỉnh ủy đã đề ra nhiệm vụ hoạt động bước 2 năm 1972 là: “...Trên cơ sở kiên trì chiến đấu và quán triệt tinh thần tiến công địch, ra sức nắm lấy thời cơ thuận lợi để giành thắng lợi to lớn nhất... đánh cho ngụy quân, ngụy quyền sụp đổ một bước nghiêm trọng, đánh bại về cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, góp phần giành thắng lợi quyết định trên toàn miền...”

Phát huy thắng lợi đã giành được trong năm 1971, vào hè năm 1972, Quân khu quyết định mở chiến dịch

tổng hợp đánh phá “bình định” và vẫn chọn Bình Thuận làm trọng điểm với yêu cầu là: “Đánh tiêu diệt, tiêu hao làm tan rã một bộ phận sinh lực chủ yếu của địch; đặc biệt, là nhằm vào lực lượng bảo an cơ động, dân vệ, cảnh sát, bọn tề ác, làm lỏng, rã bộ máy kìm kẹp của chúng, đưa dân về khôi phục lại vùng giải phóng cũ và mở thêm những mảng giải phóng mới, tạo thế liên hoàn giữa các vùng, đồng thời nâng thế làm chủ ở nhiều mức độ khác nhau trong đại bộ phận nông thôn còn lại, phát triển và đưa phong trào của thị trấn, thị xã lên một bước mới. Trên cơ sở đó, tiếp tục xây dựng cơ sở chính trị, phát triển lực lượng vũ trang tiến tới cắt đứt giao thông, kìm chân chủ lực địch để phối hợp chiến trường toàn miền”.

Ban chỉ huy chiến dịch tổng hợp đánh phá “bình định” của địch ở Bình Thuận được Quân khu ủy chỉ định gồm các đồng chí: Lê Văn Hiền-Phó Chính ủy Quân khu làm Chỉ huy trưởng, Trần Thọ-Tĩnh đội trưởng Bình Thuận làm Chỉ huy phó. Ngoài ra, còn có các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh và Tỉnh đội cùng tham gia.

Sau khi tổ chức tập huấn tư tưởng quân sự mới cho cán bộ chủ trì ở các đơn vị, Ban chỉ huy chiến dịch đã chọn khu vực dọc theo Quốc lộ 1A từ Tà Nung ra đến Lương Sơn làm điểm. Toàn bộ lực lượng chủ lực của quân khu đang hoạt động ở Bình Thuận đều tập trung vào khu vực này nhằm thu hút, tiêu diệt địch, phá áp chiến lược dọc hai bên Quốc lộ 1A đưa dân về vùng căn cứ, vùng giải phóng khu Lê Hồng Phong cũ. Riêng vùng

Tam Giác và ven tỉnh lộ 8 được chọn làm khu vực nổi dậy giành quyền làm chủ và bung về làng cũ làm ăn. Đây chính là trọng điểm đánh phá "bình định" của chiến dịch.

Cùng với Bình Thuận, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Tuy cũng quyết tâm dồn sức vào đánh địch phá ấp chiến lược trên tuyến đường từ Hoài Đức đi Tánh Linh.

Giữa lúc bọn Mỹ-ngụy đang huỳnh hoang cho rằng: "Việt Nam hóa chiến tranh" đã thắng lợi hoàn toàn, Việt cộng không thể nào mở cuộc tấn công lớn vào mùa khô được, thì trưa ngày 30-3-1972, quân và dân ta đã nổ súng mở đầu cho cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam làm cho địch hết sức bị động và lúng túng.

Trên chiến trường Trị-Thiên, các lực lượng vũ trang ta đã liên tiếp mở những trận hiệp đồng binh chủng quy mô lớn áp đảo và tiến công thẳng vào các tuyến phòng thủ của địch ở vòng ngoài. Chỉ trong mấy ngày đầu, ta đã phá vỡ tuyến phòng ngự của địch ở khu vực đường 9, giải phóng hoàn toàn 2 huyện Do Linh và Cam Lộ; đồng thời chiếm lĩnh bàn đạp phía bắc và phía tây tỉnh Quảng Trị, tăng sức ép phía tây thành phố Huế.

Ở miền Đông Nam Bộ, từ ngày 5-4-1972, quân ta liên tục tiến công phá vỡ tuyến phòng thủ biên giới của địch giải phóng ba huyện Lộc Ninh, Bù Đốp và Thiệu Ngôn, chia cắt đường 13 và uy hiếp thị xã An Lộc thuộc tỉnh Bình Long.

Ở Tây Nguyên và Khu 5, quân ta cũng liên tiếp tiến

công địch ở điểm cao 1.049, cắt đường 19, chọc thủng tuyến ngăn chặn của địch ở phía tây sông Pô Kô và sau đó tiêu diệt tập đoàn phòng ngự ở Đắc Tô – Tân Cảnh.

Phối hợp với toàn miền, ở Bình Thuận, đêm ngày 6-4-1972, ta sử dụng Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 tập kích vào cứ điểm Lương Sơn. Lực lượng còn lại của Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 186 bố trí ở vòng ngoài để đánh địch ứng viện.

Cùng đêm, Tiểu đoàn 482 và lực lượng các địa phương Hàm Thuận, Thuận Phong, Hòa Đa và Tuy Phong đồng loạt đột nhập vào các ấp chiến lược ở Tầm Hưng, Bình Lâm, An Phú, Văn Thành, Mương Mán, Bình An, Thắng Thuận, Tân Điền, Kim Bình, Tân Thành, Phú Mỹ, Gộp, Xa Ra, Tuy Hòa, Phước Thiện Xuân, Hiệp Hòa, Xuân Quang, Xuân Hội, Long Lễ, Chợ Lầu, Liêm Bình, Long Hòa, Thoại Mỹ, Lâm Lộc, Lạc Trị, Phú Điền, Tuy Tịnh và Đại Thiện, v.v., nổ súng diệt bọn ác ôn, hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy giành quyền làm chủ, bung về làng đất cũ làm ăn.

Được tin cứ điểm Lương Sơn bị ta tập kích, bọn địch đã dồn đại bộ phận lực lượng cơ động ra phía bắc đối phó.

Sau khi tập kích cứ điểm Lương Sơn không thành công, ngày 18 – 4, Tiểu đoàn 840 chuyển vây ép cứ điểm và phá ấp chiến lược Lương Sơn, đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an và hai trung đội dân vệ.

Cùng ngày, Tiểu đoàn 186 vào phá ấp chiến lược Tà Nung và bố trí lại trong ấp, đánh thiệt hại nặng một

đại đội bảo an. Đến đêm 10-5, Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 186 tiếp tục tập kích đồn Gộp, nhưng không dứt điểm; lực lượng còn lại của tiểu đoàn vào phá ấp chiến lược Gộp, diệt hai trung đội dân vệ. Cũng trong đêm ngày 10-5, Tiểu đoàn 840 tổ chức trận địa phục kích vận động trên Quốc lộ 1A (đoạn giữa Cây Táo và cầu Di) đánh thiệt hại nặng một đại đội bảo an.

Ở phía nam Hàm Thuận, đêm 19 rạng ngày 20-5, một bộ phận lực lượng của Đại đội đặc công 200c (Quân khu) tập kích chốt Cầu Cháy, diệt 30 tên, bắt sống 2 tên, phá sập 8 hầm và 3 lô cốt. Ta bị thương nhẹ 3 đồng chí.

Phối hợp với Bình Thuận, ở Bình Tuy, các lực lượng tỉnh và huyện đều liên tục hoạt động nhỏ, lẻ khắp các địa bàn hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh.

Riêng ở Hàm Tân và La Gi, tuy không phải là trọng điểm, nhưng lực lượng vũ trang ta đã hoạt động khá mạnh: diệt ác ở Hiệp Lễ, đánh vào Ty công chính, pháo kích vào tiểu khu Bình Tuy và chi khu Hàm Tân, đánh trung đội nghĩa quân ở Hiệp An, v.v., diệt hàng trăm tên và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Trong khi ở chiến trường Bình Thuận và Bình Tuy còn đang gặp khó khăn, chưa thực hiện được quyết tâm chiến lược đã đề ra, thì cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền vẫn tiến lên như vũ bão.

Ở phía Bắc, quân ta đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Trị và ba xã thuộc huyện Hương Điền tỉnh Thừa Thiên.

Ở miền Trung, sau khi phá vỡ tuyến phòng thủ của địch ở Đắc Tô – Tân Cảnh, quân ta đã giải phóng phía bắc Kon Tum và một số vùng ở Pleiku.

Ở Nam Bộ, quân ta chiếm hoàn toàn thị xã An Lộc, giải phóng ba vạn dân và phá vỡ tuyến phòng thủ Tây Ninh – Bình Long của địch.

Lợi dụng tình hình ở chiến trường cực Nam Trung Bộ chưa có những trận đánh lớn, địch đã điều toàn bộ Trung đoàn 44 ngự đi Tây Nguyên để chống trả những cú đánh “trời giáng” của quân và dân ta.

Lúc này, Ở Bình Thuận và Bình Tuy tuy chưa có những trận then chốt, nhưng với thế trận chung của toàn miền cùng với hàng loạt trận đánh nhỏ, lẻ của lực lượng vũ trang quân khu và của tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng nổi dậy phá ấp, diệt ác, buộc bọn địch còn lại phải phân tán lực lượng đối phó tại chỗ.

Đầu tháng 6-1972, Ban chỉ huy chiến dịch tổng hợp ở Bình Thuận tổ chức Hội nghị rút kinh nghiệm, tìm biện pháp khắc phục những nhược điểm tồn tại, nhất là nguyên nhân không thành công của hai lần lực lượng đặc công tập kích, để đẩy phong trào tiến lên; đồng thời quyết định tập trung đánh một số trận trên vùng trọng điểm.

Thực hiện Quyết định đó, ngày 30-6-1972, Tiểu đoàn 840 tiến hành vây ép điểm Cây Táo và bố trí lực lượng chặn quân ứng viện của địch từ phía Sông Lũy vào, đánh thiệt hại nặng hai đại đội bảo an.

Cũng trong ngày 30-6, Tiểu đoàn 482 vào phá ấp chiến lược Gộp, đánh thiệt hại nặng hai trung đội dân vệ. Sau đó, đại đội hai chốt lại trong ấp để sẵn sàng đánh địch giải tỏa. Riêng Tiểu đoàn 186 được bố trí tại khu vực Tà Nung để chặn đánh địch từ Phan Thiết lên. Tuy nhiên, địch không đi theo Quốc lộ 1A, mà chỉ đoàn tăng 2/8 cùng tiểu đoàn bảo an từ Phan Thiết đi theo liên tỉnh lộ 8 lên đến Ma Lâm rồi lật cánh sang Gộp đánh vào Đại đội 2 của Tiểu đoàn 482. Trong khi đó, Tiểu đoàn 186 chờ mãi không thấy địch đã rút về vị trí tập kết. Lúc biết được tình hình, đồng chí Phạm Ty, Tham mưu trưởng chiến dịch liền điều 2 khẩu cối đến bắn chi viện nhưng không giải tỏa được. Trận đánh diễn ra quyết liệt. Đại đội 2 bị thiệt hại nặng mất sức chiến đấu, nhiều cán bộ, chiến sĩ hy sinh và bị bắt, trong đó có đồng chí Lê Trường Dân, Chính trị viên Đại đội.

Để phục vụ cho yêu cầu chính trị đẩy mạnh tiến công và nổi dậy, đầu tháng 7-1972, Quân khu quyết định chuyển trọng điểm về phía tây nam từ Tam Giác (Bình Thuận) qua Tánh Linh, Hoài Đức (Bình Tuy) lên đường 20 (đoạn từ nam đèo Blao đến Phương Lâm của Lâm Đồng) nhằm mở rộng vùng giải phóng và tuyến hành lang từ miền về quân khu (từ sông Đồng Nai Thượng đi nam đèo Blao về Bình Tuy và Bình Thuận) đồng thời đưa Tiểu đoàn 840 từ Hòa Đa vào đứng chân hoạt động ở khu vực đường 8, Tiểu đoàn 186 từ Bình Thuận sang Hoài Đức – Tánh Linh (Bình Tuy), Đại đội đặc công 200c về lại Lâm đồng và đưa Tiểu đoàn 482 Bình Thuận ra đứng chân hoạt động ở Hòa Đa thay cho Tiểu đoàn 840.

Sau khi điều chỉnh vị trí đứng chân các đơn vị của Khu, của tỉnh, ta đã dùng hỏa lực liên tục tập kích vào các phân chi khu cảnh sát ở ấp Gò, Đại Hòa, Bình An, Tân Điền, Phú Mỹ và nhiều ấp chiến lược khác.

Từ đầu tháng 8-1972 trở đi, các lực lượng liên tục bám vào xã, ấp và vùng ven, tổ chức nhiều trận đánh nhỏ, lẻ, diệt bọn kìm kẹp, ác ôn, hỗ trợ cho đồng bào phá khu tập trung, bung về vườn đất cũ làm ăn, nhất là các khu vực ven tỉnh lộ 8, Quốc lộ 1A (đoàn từ Tà Nung ra đến Phan Rí) ven tỉnh lộ 3 và vùng ven thị xã La Gi, thị trấn Hàm Tân; mở rộng thêm vùng giải phóng và đưa vùng tranh chấp lên thế làm chủ.

Riêng ở Bình Thuận, tính đến tháng 9-1972, ta đã làm chủ mạnh 12 ấp với 8.752 dân, làm chủ mức độ trên 15 ấp và 14 phân khu có 35.513 dân, đưa lên tranh chấp được 22 ấp và 12 phân khu có 3.262 dân và làm lỏng kìm 59 ấp có 62.464 dân. Nhờ kết hợp tốt quân sự, chính trị và binh vận, nên ta đã làm rã ngũ được 568 lính bảo an, 357 lính dân vệ và phòng vệ dân sự, giành lại được 209 thanh niên bị địch bắt lính. Riêng về mặt tiến công quân sự, từ tháng 4 đến hết tháng 9-1972, ta đã đánh 446 trận lớn nhỏ, diệt hơn 2000 tên đủ tất cả các sắc lính, trong đó có 2 đại đội bảo an (C₂/33 và C₁/202), bảy trung đội và tiểu đội bảo an, hai đoàn binh định, bốn phân chi khu cảnh sát, 2 ban tề, phá hủy 9 xe quân sự (có 8 xe bọc thép), 6 xe ủi đất, 1 pháo 105 ly, 1 cối 106,7 ly, thu 49 súng và 100 quả mìn các loại.

Thực hiện sự phối hợp chung của toàn miền, đầu tháng 10-1972, tất cả các lực lượng vũ trang của khu,

của tỉnh và của huyện đều triển khai xuống các địa bàn sát ấp, sát dân, sát đường để sẵn sàng tiếp tục tiến công địch hỗ trợ cho mặt trận ngoại giao giành thắng lợi.

Cuộc hội nghị bốn bên ở Pari về Việt Nam đã tiến hành được 4 năm, nhưng vẫn còn bế tắc. Để tỏ thiện chí của mình, sau hơn 6 tháng tiến hành cuộc tiến công chiến lược đã giành được thắng lợi lớn, ngày 8-10-1972, phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đưa ra bản dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường và khó khăn về nhiều mặt ở trong nước, đế quốc Mỹ buộc phải đồng ý đến ngày 31-10-1972 sẽ ký Hiệp định. Nhưng với bản chất cực kỳ phản động của một tên đế quốc đầu sỏ có nhiều âm mưu xảo quyệt, ngày 23-10-1972, Mỹ đã lật lọng và buộc ta phải chấp nhận những điều kiện hết sức ngang ngược do chúng đưa ra.

Căm phẫn trước thái độ tráo trở của tập đoàn Níchxon - Kítxinhgiơ ở Hội nghị Pari, một làn sóng đấu tranh chống Mỹ-Thiệu của nhân dân ta đã bùng lên mạnh mẽ khắp cả nước.

Hòa cùng cao trào đấu tranh đang sôi sục khắp miền Nam, đồng bào các thị xã Phan Thiết, La Gi đã xuống đường biểu tình hô vang các khẩu hiệu “Đả đảo Mỹ-Thiệu ngoan cố xảo quyệt”, “Hòa bình phải thực hiện ở Việt Nam”.

Để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị, ở

hướng trọng điểm Tam Giác và liên tỉnh lộ 8, lực lượng chủ lực của khu và của tỉnh liên tục đánh các trận vận động kết hợp chốt ở Bình Lâm, Tân Điền, diệt một số đại đội bảo an và xe tăng địch. Đặc biệt trong trận An Phú (tháng 11-1972), Tiểu đoàn 840 đã diệt một đại đội bảo an và bắn cháy bảy xe tăng của chi đoàn 2/8 địch. Trước đó, một bộ phận của Tiểu đoàn 482 dùng mìn phục kích đánh bọn địch từ Lương Sơn đi xóm Ruộng, diệt 12 tên.

Cũng trong thời gian này, các đội đặc công của thị xã Phan Thiết liên tục đột vào vùng ven và nội thị đánh mìn, đặt chất nổ phá sập nhiều lô cốt, diệt nhiều tên cảnh sát ác ôn. Ngày 23-11-1972, một tổ du kích mật đánh mìn ở khách sạn Anh Đào, diệt 11 tên cố vấn Mỹ, đã gây chấn động khắp thị xã và vùng ven.

Những trận đánh trên đây đã vây ép bọn địch lùi vào sát chi khu, thị xã, hỗ trợ cho hàng ngàn đồng bào phá rã các ấp chiến lược bung về vùng giải phóng Tam Giác.

Ở Bình Tuy, tại khu vực trọng điểm Tánh Linh - Hoài Đức, Tiểu đoàn 186 cùng bộ đội địa phương phối hợp với Tiểu đoàn 15 và Trung đoàn 211 (thiếu) của Miền đang hoạt động ở đường 20 liên tục tấn công diệt nhiều lực lượng kìm của địch, làm lỏng rã một số ấp chiến lược dọc liên tỉnh lộ 3. Tại khu vực Hàm Tân, bộ đội địa phương và dân quân du kích chặn đánh bọn địch đi càn, hỗ trợ cho đồng bào chống địch tập trung lúa ở Hiệp Nhơn, Hiệp Phước, chống địch gài mìn ở Láng Gòn, chống địch cướp ruộng đất ở Phước Thành, chống

địch lập phòng vệ dân sự ở các ấp Hiệp Nhơn, Hiệp Phước, Dinh Điền và Láng Gòn.

Theo Chỉ thị của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6, để tranh thủ thời gian giành thêm thắng lợi trong thời cơ kỷ Hiệp định Pari về Việt Nam, tháng 12-1972 trở đi, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận, Bình Tuy chủ trương: Vừa tiếp tục hoạt động vừa tạo thế “chồm lên” triển khai lực lượng áp sát các mục tiêu theo “kế hoạch thời cơ”; đồng thời cũng chuẩn bị kế hoạch để đối phó với chiến tranh có thể tiếp tục kéo dài. Tất cả các cơ quan, đơn vị phía sau, dân quân du kích và nhân dân vùng căn cứ cũng chuẩn bị sẵn sàng tại chỗ để đón thời cơ. Các cơ quan chỉ đạo và chỉ huy của mỗi tỉnh đều xuống sát vùng bàn đạp để kịp thời xử trí mọi tình huống.

Với bản chất gian manh và xảo quyệt lại vừa trúng cử Tổng thống nước Mỹ, Níchxơn âm mưu dùng sức mạnh tối đa để buộc nhân dân ta phải khuất phục.

Từ ngày 18 đến ngày 30-12-1972, Mỹ đã trắng trợn mở cuộc tập kích đường không chiến lược với quy mô lớn nhất vào Hà Nội, Hải Phòng và nhiều khu vực đông dân khác trên miền Bắc nước ta.

Song, hành động liều lĩnh đó đã dẫn chúng đến bờ vực thẳm. Với lòng dũng cảm và trí thông minh tuyệt vời của con người Việt Nam, quân và dân miền Bắc đã viết nên trang sử vàng “Điện Biên Phủ trên không” của 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972 bằng chiến công oanh liệt: hạ 81 máy bay các loại, trong đó có 34 “pháo đài bay” B52 và 5 máy bay “cánh cụp, cánh xòe” F111.

Trước thất bại nặng nề, Níchxơn không thể trì hoãn được việc ký Hiệp định. Ngày 23-1-1973, Hiệp định Pari về Việt Nam được ký tắt giữa cố vấn Lê Đức Thọ, đại diện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Kítxinhgiơ, cố vấn của Tổng thống Hoa Kỳ.

Năm vững thời cơ, cùng toàn miền mở rộng thêm vùng giải phóng, đêm 26-1-1973, các lực lượng vũ trang ta đồng loạt “chồm lên” nổ súng tiến công địch trên khắp các địa phương.

Ở Bình Thuận, cùng một lúc ta đã nổ súng tiến công vào các mục tiêu: tiểu khu Bình Thuận, Căng Esépic, đồn Phú Thọ, Núi Đất, Mương Mán, Bàu Gia, chi khu Thiện Giáo và đánh vào các ấp chiến lược dọc liên tỉnh lộ 8, Quốc lộ 1A, ven thị xã Phan Thiết, ven thị trấn Hòa Đa, Phan Rí, Liên Hương, v.v..

Mặc dù, kẻ địch đã có chuẩn bị đối phó, trước ngày ta nổ súng tiến công chúng đã đưa đến Bình Thuận thêm một tiểu đoàn cộng hòa, một chi đoàn xe bọc thép, một tiểu đoàn công binh, một phi đội trực thăng, một số khẩu pháo và hai tàu chiến Mỹ rập rình ngoài cửa biển Phan Thiết, nhưng vẫn không kịp trở tay.

Phía Bình Tuy, Tiểu đoàn 186 đánh chiếm thị trấn Lạc Tánh và pháo kích chi khu Tánh Linh, cứ điểm Lô Ô. Các đơn vị của tỉnh và huyện đánh vào các ấp chiến lược Gia An, Huy Khiêm, Tê Lễ, Xã Dú, Bắc Ruộng, Võ Xu. Các đội công tác đột vào các ấp chiến lược Nghị Đức, Chính Đức, Sùng Nhơn, làm chủ nhiều ấp ở liên tỉnh lộ 3. Ở Hàm Tân, các lực lượng địa phương cũng

đồng loạt nổ súng vào các ấp chiến lược Hiệp Nhơn, Hiệp Phước, Hiệp Nghĩa, Văn Mỹ, Tam Tân, Hiệp An, Tân Lý, Phước Lộc, Phước Thành, Phước Thọ, Láng Gòn, Căn Cứ 6, v.v..

Ngày hôm sau, giữa lúc quân và dân ta đang đánh trả quyết liệt với bọn địch phản kích, giữ vững vùng giải phóng và các khu vực mới mở rộng từ đêm hôm trước, thì nhận được tin từ Pari - thủ đô nước Pháp: hồi 11 giờ 30 phút (giờ Pari) ngày 27-1-1973, Hiệp định về việc “chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam” đã được ký kết chính thức.

Tranh thủ thời gian chưa đến giờ ngừng bắn có hiệu lực, đêm ngày 27 rạng ngày 28-01, các lực lượng vũ trang ta tiếp tục chiến đấu giữ vững một số chốt quan trọng.

Từ vùng căn cứ đến vùng giáp ranh và trên nhiều xóm ấp do ta làm chủ ở đồng bằng, ven trục lộ giao thông, ven thị trấn thị xã, cở cách mạng mọc lên đổ rục. Lực lượng vũ trang ta chốt xen kẽ với địch trên các trục đường Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 8, liên tỉnh lộ 3 và liên tỉnh lộ 23. Một số thôn ấp ở vùng sâu, nhân dân đã tự mình làm chủ.

Hình thái “cài răng lược” và giành giật quyết liệt giữa ta với địch đang diễn ra ở khắp các địa bàn trong 2 tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy.

*

* *

Hơn 4 năm chiến đấu đầy gian khổ khó khăn và

quyết liệt, có lúc tưởng chừng như không vượt qua nổi, nhưng bằng sự nỗ lực của bản thân, đồng thời có sự chỉ đạo kịp thời của cấp trên và trong thế phối hợp, hợp đồng chung của toàn Quân khu, toàn miền, Đảng bộ và quân dân Bình Thuận, Bình Tuy đã giành được những thắng lợi quan trọng, đã thực hiện được phần lớn các mục tiêu đề ra như: diệt địch, giành dân, mở rộng vùng giải phóng, bám sát chiến trường tạo thế có lợi cho ta.

Các lực lượng vũ trang ngày càng tiến bộ, đặc biệt là phong trào đấu tranh 2 chân, 3 mũi phát triển khá. Qua chiến đấu và xây dựng, kinh nghiệm chỉ đạo chỉ huy cũng như phương thức tiến hành đấu tranh kết hợp giữa 2 chân, 3 mũi ở địa phương càng được tích lũy.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo và chỉ huy có lúc, có thời gian do chưa nhận thức hết tình hình và đặc điểm chiến trường, không thấy hết khó khăn và nhược điểm của ta, chỗ mạnh tạm thời của địch, nhấn mạnh thuận lợi một chiều; từ đó, dẫn đến tình hình ngày càng phức tạp, để mất một số địa bàn và có lúc bị tổn thất nghiêm trọng, nhất là những năm 1969 – 1970 và xuân-hè năm 1972.

Mặc dù có những thiếu sót và nhược điểm, nhưng 4 năm qua là thời gian mà toàn Đảng bộ, quân và dân Bình Thuận, Bình Tuy đã phấn đấu hết sức mình để vươn lên. Với thắng lợi giành được và thế trận mở ra, nhất là từ cuối năm 1972, đã góp phần làm cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Khu 6 có điều kiện tiến lên cùng quân và dân cả nước giành được thắng lợi quyết định trong thời kỳ mới.

Chương Chín

**NỖ LỰC VƯƠN LÊN CÙNG TOÀN MIỀN
THỰC HÀNH CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG
VÀ NỔI DẬY ĐÁNH CHO “NGUY NHÀO”
GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN
QUÊ HƯƠNG BÌNH THUẬN**

(02-1973 – 30-4-1975)

**I. Phát huy thắng lợi Hiệp định Pari, kiên quyết
trừng trị bọn địch lấn chiếm, tạo thế và lực tiếp
tục vươn lên**

Với Hiệp định Pari về Việt Nam, đội quân xâm lược của các loại đế quốc đã bị quét sạch ra khỏi bờ cõi nước ta.

Mỹ đã “cút”, nhưng nguy chưa “nhào”. Bọn bán nước, đứng đầu là tên Việt gian Nguyễn Văn Thiệu vẫn cố bám vào viện trợ Mỹ để tiếp tục gây tội ác với đồng bào ta. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy quyết cùng quân dân toàn miền Nam tiếp tục tiến lên đánh cho “nguy nhào” để “Bắc-Nam sum họp, xuân nào vui hơn”.

Hiệp định Pari về Việt Nam đánh dấu bước ngoặt mới trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, tạo điều kiện cho quân và dân ta tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước.

Hưởng ứng lời kêu gọi ngày 28-1-1973 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chính phủ và lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy đã cùng đồng bào cả nước nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari, kiên quyết đấu tranh đòi bọn Mỹ-ngụy bảo vệ Hiệp định.

Song, thực tế đã chỉ rõ, đế quốc Mỹ rất ngoan cố, chưa chịu để mất miền Nam Việt Nam, chúng vẫn âm mưu kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược, tiếp tục thực hiện “Việt Nam hóa chiến tranh” với công thức: “Quân ngụy + viện trợ kinh tế, trang bị và cố vấn Mỹ”.

Được chủ Mỹ tiếp sức và dung túng, ngay từ 7 giờ sáng ngày 28-1-1973 (giờ ngừng bắn có hiệu lực trên toàn chiến trường miền Nam), Nguyễn Văn Thiệu đã ráo xọc tuyên bố “Không thực hiện ngừng bắn” và ra lệnh cho quân ngụy tiến hành kế hoạch “Tràn ngập lãnh thổ” (do chúng vạch sẵn từ trước ngày ký Hiệp định Pari) nhằm đánh chiếm các vùng căn cứ lõm, vùng du kích ở nông thôn, đồng bằng và miền núi của ta.

Thực hiện mệnh lệnh của Thiệu, những tên ngụy cầm đầu ở Bình Thuận và Bình Tuy dựa vào lực lượng còn đông, vũ khí trang bị còn mạnh xua quân ra phản kích quyết liệt vào những vùng ta vừa giành quyền làm chủ.

Đoán biết trước âm mưu của địch, các lực lượng vũ trang ta ở Bình Thuận đã sẵn sàng đối phó. Tiểu đoàn 840 và một bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn 130 (Quân

khu), một trung đội bộ đội địa phương Hàm Thuận cùng du kích bố trí thành thế trận liên hoàn trên hai xã Hàm Chính, Hàm Liêm và áp sát liên tỉnh lộ 8 (đoạn từ Tân An đến An Phú). Phối hợp với đội 2/481 và đơn vị 273, Đại đội 3/430 Hàm Thuận cùng các đội công tác của Phan Thiết phụ trách phía tả ngạn sông Cà Ty và du kích Hàm Phong đứng chân trên các khu vực Lò Thổi, Bàu Sế, Râm Bà Đê sát vùng ven bắc thị xã và đồn Bàu Gia. Đội 1/481 cùng du kích xã Tiến Lợi và các đội công tác ở Hữu Ngạn sông Cà Ty bám và hoạt động tại các ấp Phú Hưng, Phú Khánh và Phú Mỹ. Các lực lượng phía sau và các cơ quan của tỉnh cũng được ghép lại thành một đơn vị phối hợp với du kích Hàm Phú trụ tại khu vực km 19 (liên tỉnh lộ 8) áp sát 2 ấp 17 và 18. Du kích xã Hàm Thạnh và đội công tác Mương Mán áp sát ấp Văn Phong. Đại đội đặc công 200c (Quân khu) phối hợp với du kích hai xã Hàm Kiệt và Hàm Minh bám sát Quốc lộ 1A (phía nam Phan Thiết đoạn từ km 10 đến km15). Đại đội 450 Thuận Phong và du kích xã Hàm Đức áp sát phía đông hai ấp Sa Ra và Tuy Hòa. Đại đội 5 đặc công tỉnh áp sát phía đông 2 ấp Gò và Gộp. Du kích xã Hồng Liêm bám sát Quốc lộ 1A (đoạn từ cầu Bằng Lăng ra đến núi Ách). Đại đội công binh và du kích xã Hàm Trí áp sát phía tây ấp Gộp. Các đội công tác còn lại của huyện Thuận Phong bám sát vào Hòn Rơm (đông bắc Mũi Né), Bàu Sen (phía bắc Rạng). Trường quân chính Quân khu và đội công tác Sông Kiêng áp sát yếu khu Sông Lũy. Đại đội địa phương Phan Lý cùng du kích và đội công tác bám sát các ấp chiến lược Châu Hanh, Xuân Quang và Cây Khâm. Tiểu đoàn 482

cùng du kích 2 xã Hồng Thái và Lương Sơn áp sát vào các ấp Hiệp Hòa, Hiệp Thành, Hiệp An, Cầu Queo, Xóm Ruộng. Đại đội 440 Hòa Đa cùng du kích và đội công tác xã Lâm Lộc áp sát vào ấp chiến lược Lâm Lộc. Đại đội 490 A Tuy Phong và đội công tác bám sát vào các ấp Long Phước, Long Điền Tuy Tịnh, Phước Thế. Đại đội 490B và du kích xã Bình Thạnh (La Gà) bám sát vào hai ấp Long Hương và Long Hải. Cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh và Tỉnh đội chuyển xuống đứng chân tại khu vực Sông Khô (Hàm Trí), đồng thời tổ chức một bộ phận tiền phương xuống đứng chân ở khu vực Tam Giác.

Riêng cơ quan Tỉnh đội lúc này cũng có sự thay đổi: Đồng chí Lê Văn Nhựt thay đồng chí Trần Thọ làm Tỉnh đội trưởng và đồng chí Võ Ngọc Đài thay đồng chí Phạm Hoài Chương làm Chính trị viên Tỉnh đội (cả 2 đồng chí Thọ và Chương đều về Quận khu công tác).

Vào thời điểm này, Bình Tuy được Quân khu chọn làm chiến trường trọng điểm nên đã tập trung lực lượng gồm: Tiểu đoàn 186, Tiểu đoàn 15 và một bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn 130 phối hợp với lực lượng tỉnh và 2 huyện Hoài Đức, Tân Linh áp sát vào các ấp chiến lược Võ Xu, Lạc Tánh, Hiếu Tín, Gia An và Quang Hà. Lực lượng vũ trang La Gi và các đội công tác áp sát vào 2 ấp Phước Lộc, Láng Gòn. Lực lượng vũ trang Hàm Tân và các đội công tác áp sát các ấp Hiệp Phước, Hiệp Nhơn, Hiệp Nghĩa, Hiệp Tín, Hiệp An, Hiệp Thành... để vận động quần chúng diệt ác, phá kìm, chống địch lấn chiếm. Cơ quan Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Cách mạng

lâm thời tỉnh và Tỉnh đội xuống đứng chân tại khu vực Bàu Chôn (Tánh Linh).

Với thế bố trí này, ngay sau khi Hiệp định Pari có hiệu lực, ta đã đánh bật hầu hết bọn địch phản kích ra khỏi các chốt có cấm cờ Mặt trận, giữ vững vùng giải phóng và vùng giải ranh.

Tuy nhiên, bọn địch rất ngoan cố, chúng đã điên cuồng dùng máy bay dội bom napal, bắn pháo dồn dập rồi dùng xe tăng và bộ binh đánh phá ác liệt vào các ấp Đại Thiện, Tân Điền, Bình Lâm, Mương Mán, Hiệp Hòa, Long Hải (Bình Thuận), Võ Xu, Gia An, Lạc Tánh, Hiếu Tín, Hiệp Phước, Hiệp Nhơn (Bình Tuy) gây ra những thiệt hại nặng nề về tài sản và tính mạng của nhân dân. Căm thù bọn Việt gian bán nước đã gây tội ác với nhân dân, vào những ngày giáp Tết, quân dân ta ở các địa phương đã đánh trả quyết liệt, diệt nhiều tên giành và giữ từng vùng, từng ấp.

Song, do lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch nên ta đã tạm thời rút khỏi một số ấp ở sâu để củng cố và sẵn sàng đánh trả khi chúng lấn ra vùng ta.

Đầu tháng 2-1973, địch tiếp tục tập trung lực lượng đánh vào một số chốt quan trọng của ta như Xóm Bàu (Hàm Liêm), Hồng Sơn và các chốt trên Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 8, liên tỉnh lộ 3 hòng xóa hình thái “da báo” trước khi Ban liên hợp quân sự 4 bên đến Phan Thiết.

Quyết không để chúng tự do hành động, nhưng để tỏ thiện chí trước khi trưng trị, qua máy bộ đàm PRC25, đồng chí Võ Đức Nhi, Chỉ huy trưởng các lực lượng vũ

trang cách mạng ở Tam Giác, đã gọi cho Tiểu khu trưởng Bình Thuận Ngô Tấn Nghĩa cảnh cáo: "...Nếu các ông cứ tiếp tục bắn phá và đưa quân đi lấn chiếm thì buộc quân giải phóng phải đánh trả để tự vệ...". Song, Nghĩa vẫn làm ngơ nên ta đã bắn 8 quả đạn H12 vào Tòa hành chính, một quả trúng sập nóc lô cốt cao và một quả trúng sân cột cờ.

Tiếp đến, đêm ngày 02-02, Đại đội 5 đặc công tỉnh tập kích vào ấp Gò diệt 7 tên dân vệ.

Phía Bình Tuy, đơn vị 431 phối hợp với đội công tác Lê Thị Hồng Gấm phục kích đánh bọn địch đi lùng sục, diệt 2 tên. Sau đó, ta đắp ụ và gài mìn trên liên tỉnh lộ 3 diệt 1 xe quân sự.

Trong thời gian này, theo chỉ thị của Miền, Quân khu 6 đã tổ chức đoàn đại biểu quân sự của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ban liên hợp quân sự bốn bên khu vực 4¹. Đoàn gồm các cán bộ của Quân khu và các tỉnh cùng một số bộ phận phục vụ như Hậu cần, Văn thư, Thông tin, Cơ yếu và Bảo vệ... do đồng chí Thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên-Tư lệnh Quân khu làm Trưởng đoàn và đồng chí Trung tá Đinh Sĩ Uẩn làm Phó trưởng đoàn. Riêng Tỉnh đội Bình Thuận được Quân khu chỉ định tham gia vào đoàn quân sự có các đồng chí: Thiếu tá Võ Ngọc Đài, Trung úy Nguyễn Ngọc Ẩn, Thượng úy Hồng Minh, Thượng sĩ Đặng Duy Thông và một số đồng chí khác.

1. Theo quy định của Hiệp định Pari: Toàn miền nam Việt Nam chia thành 7 khu vực. Khu vực 4 gồm các tỉnh của Quân khu 6.

Ngoài ra, còn có một số cán bộ được Bộ Quốc phòng bổ sung vào như: Trung tá Võ Thọ Sơn, Đại úy Lê Mạnh Tiến... Riêng đồng chí: Trung tá Võ Thọ Sơn được chỉ định làm Phó trưởng đoàn quân sự Quân khu 6.

Tiếp theo là sự có mặt của đoàn cán bộ quân sự Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Ban liên hợp quân sự 4 bên khu vực 4 do đồng chí Trung tá Tạ Việt Quý làm Trưởng đoàn tại Căng Esépíc, ngày 5-2-1973, bộ phận của đồng chí Trung tá Võ Thọ Sơn cũng đã có mặt tại đây. Sau khi bàn bạc với đối phương về kế hoạch bắt liên lạc và đón phái đoàn quân sự của Quân khu 6 vào trụ sở làm việc, ngày 8-2, trung tá Võ Thọ Sơn cùng đi trực thăng với tên Trung tá Phó đoàn quân sự Mỹ ra vùng giải phóng. Do không được thông báo trước nên chiếc trực thăng cứ lượn đi lượn lại mãi trên bầu trời xã Hàm Trí mà không sao tìm được tín hiệu hạ cánh. May sao trong vòng lượn cuối cùng để chuẩn bị về lại Phan Thiết thì đồng chí Võ Thọ Sơn phát hiện được lá cờ nửa xanh nửa đỏ đang bay phấp phới giữa một đám bắp (ngô). Biết đây là vùng giải phóng của ta, đồng chí Sơn chỉ cho tên lái đáp trực thăng xuống bãi đất trống gần một nhà dân ở phía tây liên tỉnh lộ 8 (sau này hỏi ra mới biết đó là nhà ông Hai Sĩ ở cây số 26,5 đường 8).

Giữa lúc trực thăng đang lượn vòng thì đồng chí Lê Thượng Cầu (cán bộ tham mưu quân khu đang công tác ở vùng này) cũng đã dẫn tổ du kích bám theo. Khi chiếc trực thăng vừa chạm đất thì tổ của đồng chí Cầu cũng đã có mặt ở bờ ranh cách đó chừng 30 mét. Nhìn thấy 1

sĩ quan cấp tá của Quân đội nhân Việt Nam từ trên trực thăng bước xuống, nhận ra người của mình, đồng chí Cầu lao đến ôm chầm lấy đồng chí Võ Thọ Sơn. Cả đội phẩu Tiền phương và trường y tá quân khu do bác sĩ Tùng phục trách ở gần đó cũng ra chào đón đồng chí Võ Thọ Sơn. Tình đồng chí kẻ Bắc, người Nam sau bao nhiêu năm xa cách nay gặp lại trong một hoàn cảnh khá đặc biệt khiến mọi người hết sức cảm động.

Sau khi thống nhất với nhau trên bản đồ về địa điểm liên lạc, đồng chí Võ Thọ Sơn đi trực thăng về lại Cảng Esép¹, đồng chí Lê Thượng Cầu tiếp tục đến ngay Tỉnh đội Bình Thuận báo cáo tình hình cho đồng chí Tỉnh đội trưởng Lê Văn Nhựt và đề nghị điện cho quân khu biết. Song, vì cảm thấy không yên tâm nên ngay trong đêm hôm ấy, đồng chí Cầu cùng tổ bảo vệ cấp tốc chạy về quân khu báo cáo trực tiếp.

Nhận được tin, Tư lệnh Quân khu liền triển khai việc hoàn tất mọi công tác chuẩn bị cho đoàn và cử cán bộ ra địa điểm liên lạc để gặp đối phương.

Đúng hẹn, sáng ngày 9-2-1973, chiếc trực thăng đến bắt liên lạc với đoàn cán bộ quân sự Quân khu 6 đã hạ

1. Theo đồng chí Võ Thọ Sơn kể: Sau khi bắt được liên lạc với ta ở Hàm Trí, tên Trung tá Phó đoàn quân sự Mỹ cùng đi, đã xin anh em địa phương lá cờ giải phóng (nửa đỏ nửa xanh có ngôi sao vàng ở giữa) để làm kỷ niệm. Hấn tâm sự: "...Khi về Mỹ, tôi kể lại cho vợ con và bạn bè của tôi là vật kỷ niệm này không phải có được trong một cuộc hành quân của quân đội Mỹ, mà trong một chuyến đi công tác cùng với một Trung tá của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ra vùng giải phóng".

cánh xuống khu vực bầu “Đổ Muối”. Cùng đi với trung tá Võ Thọ Sơn có Trung tá, Phó trưởng đoàn quân sự Mỹ và Trung tá, Phó trưởng đoàn Quân sự ngụy Ngô Hiệp Phái. Được sự ủy nhiệm của Tư lệnh Quân khu, Trung úy Nguyễn Ngọc Ẩn, thành viên của đoàn quân sự Quân khu 6, thông báo cho đối phương “Địa điểm đón đoàn cán bộ quân sự Quân khu 6 là bãi đất trống ở khu vực Tân Nông”.

Mặc dù có sự đấu tranh gay gắt giữa đồng chí Võ Thọ Sơn với 2 tên trung tá Mỹ, ngụy nhưng chúng vẫn không nhất trí địa điểm nói trên với lý do là: “Ngô Tấn Nghĩa-Tiểu khu trưởng Bình Thuận-không chịu đảm bảo an toàn, vì hấn cho rằng: Tân Nông nằm ngoài khu vực do Ban liên hợp quân sự Trung ương quy định”.

Cuối cùng, để tỏ thiện chí và tạo điều kiện thuận lợi bước đầu, ta đồng ý chuyển địa điểm lên phía trên đường sắt và đòi chúng phải cam kết bảo đảm an toàn cho bộ đội và đồng bào ra tiễn đoàn cũng như trong quá trình di chuyển.

Thế là, vào lúc 15 giờ ngày 09-2-1973, cuộc tiễn đưa đoàn cán bộ quân sự Quân khu 6 đi làm nhiệm vụ ngoại giao đã diễn ra tại khu vực Bầu Hai Lòng (Tọa độ 18 – 74 bản đồ 1/100.000). Trưởng đoàn quân sự Quân khu 6, Thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên đã ôm hôn thắm thiết trung tá Võ Thọ Sơn, khi đồng chí vừa bước xuống khỏi bậc thang trực thăng. Trước khi lên đường, đồng chí Trưởng đoàn đã tạm biệt đồng bào, đồng chí bằng những lời hứa quyết tâm: “...Chúng tôi sẽ kiên quyết đấu tranh buộc địch phải nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pari”.

Tiếp theo đồng chí Nguyễn Trọng Xuyên, đồng chí Võ Thọ Sơn đã ra tận nơi mọi người đang đứng để chào và bắt tay thân mật. Lúc đầu, một số người còn bỡ ngỡ, cứ tưởng là sĩ quan của địch nên vẫn giữ thái độ dè chừng. Song, bỗng trong đám đông có tiếng của ai đó nói rất to: “Anh Ba Sơn ở Phú Hải đó! Anh ở Hà Nội mới về đó, không phải là người của địch đâu!”. Tiếng nói vừa dứt thì mọi người đều vỗ tay nhiệt liệt. Sau khi nghe anh Ba Sơn báo tin: “Bác Tôn và Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn còn mạnh khỏe, Bác Tôn và Đại tướng gửi lời thăm sức khỏe đồng bào, chúc đồng bào đấu tranh thắng lợi”, tiếng vỗ tay lại nổ ran như pháo.

Lúc 15 giờ cùng ngày, chiếc trực thăng đầu tiên chở Thượng tá Nguyễn Trọng Xuyên và một số sĩ quan cùng đi đã cất cánh. Sau đó, máy chuyển tiếp theo đã đưa đoàn cán bộ quân sự của ta vào vị trí an toàn.

Tại sân bay Phan Thiết (Cảng Esépíc), các đồng chí: Trưởng đoàn Tạ Viết Quý, Phó trưởng đoàn Quang Diệu và các sĩ quan, hạ sĩ quan trong đoàn quân sự của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nồng nhiệt đón tiếp Đoàn quân sự Quân khu 6.

Để hạn chế sự hoạt động của Ban liên hợp quân sự 4 bên, nhất là đối với 2 phái đoàn: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa miền Nam Việt Nam, địch đã vin vào lý do “không đảm bảo an toàn” để tìm cách ngăn chặn việc đi lại, tiếp xúc của cán bộ, chiến sĩ ta với đồng bào trong thị xã Phan Thiết và vùng ven. Mặc khác, trên chiến trường, chúng tiếp tục bắn pháo và xua quân đánh phá vào các xóm làng gây tội ác.

Bất chấp sự có mặt của Ban liên hợp quân sự 4 bên khu vực 4 tại Phan Thiết, ngày 12-2-1973, chúng đã xua 6 đại đội có máy bay và pháo binh yểm trợ đánh phá ác liệt vào khu vực Xóm Bàu (Hàm Liêm). Trắng trợn hơn, chúng còn dùng pháo và bộ binh đánh vào những khu vực mà ta và chúng đã thỏa thuận làm nơi đón tiếp các tổ trong Ban liên hợp quân sự ở địa phương.

Trước tình hình đó, ngày 14-2-1973, Thường vụ Khu ủy Khu 6 đã chỉ thị cho các tỉnh: "Phải đẩy lên cho được một phong trào quần chúng vùng lên hành động cách mạng, đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Pari, đòi tự do, dân chủ, giải quyết đời sống, kết hợp với phá kìm, bung ra giành quyền làm chủ, giữ vững và mở rộng vùng giải phóng...". Đối với lực lượng vũ trang, Khu ủy còn chỉ rõ: "...Phải bố trí theo hướng có lợi trên các vùng ven, vùng giáp ranh, vừa để sẵn sàng đánh địch bung ra lấn đất, vừa hỗ trợ kịp thời cho các lực lượng, đứng chân sát ấp, sát đường, làm chỗ dựa cho các đội vũ trang thâm nhập hoạt động trong các thôn ấp".

Thực hiện Chỉ thị của Khu ủy, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội Bình Thuận, Bình Tuy đã tập trung chỉ đạo cho các lực lượng bám đường, bám ấp phát động quần chúng để đẩy phong trào tiến lên. Từng bước thúc đẩy việc giành quyền làm chủ lên một bước mới.

Tuy nhiên, suốt trong tháng 02, kẻ địch ngoan cố liên tục đánh phá. Ở Bình Tuy, chúng hủy diệt 15 khu ấp, cháy 817 nóc nhà, làm chết và bị thương 127 người. Ở Bình Thuận, ngoài đạn pháo, chúng còn dùng bom napal ném xuống hủy diệt 11 khu ấp, làm chết và bị

thương 207 người.

Biết được tình hình này, tại bàn Hội nghị, hai Trưởng đoàn của ta đã cực lực lên án và cảnh cáo: “Nếu phía Việt Nam Cộng hòa còn tiếp tục đánh ra vùng giải phóng thì họ sẽ phải gánh chịu hậu quả”. Trước lời cảnh cáo danh thếp của ta, hai tên trưởng đoàn của Mỹ và ngụy cố sức chối cãi và thậm chí chúng còn vu khống ta đánh trước.

Từ tháng 3-1973 trở đi, chúng tiếp tục nống ra xóm Bàu và đẩy bật lực lượng ta ra khỏi một số khu vực như Phước Thế, Long Hải, Hồng Sơn, Xa Ra, Tân Điền và Đại Thiện. Ở Bình Tuy, lực lượng của chúng cũng đánh phá và tranh chấp quyết liệt với ta tại các khu vực Trà Tân, Võ Xu, Gia An, Quang Hà và Hột Xoài.

Quyết bảo vệ vùng giải phóng, hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh chính trị và tạo điều kiện cho phái đoàn quân sự ta đưa ra tố cáo địch tại bàn Hội nghị quân sự bốn bên, ngày 10-3-1973, Tiểu đoàn 840 dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tiểu đoàn trưởng Lê Đức Thiện và Chính trị viên Nguyễn Văn Thắng đã chặn đánh diệt gọn một đại đội thuộc Tiểu đoàn 202 bảo an khi chúng nống ra xóm Bàu, bắt sống 9 tên và thu 27 súng.

Bị đánh đau ở chiến trường, bị tố cáo và lên án ở bàn hội nghị, chúng đã tìm cách vu cáo lại ta.

Trong phiên họp các trưởng đoàn quân sự vào chiều ngày 12-3-1973, đại tá Đính, Trưởng đoàn ngụy, dựng lên vụ “pháo kích” để vu cáo lực lượng vũ trang ta bắn pháo vào Phan Thiết. Nghe Đính nói, Trưởng đoàn Mỹ

cũng phụ họa theo và đề nghị Ban liên hợp quân sự khu vực cử 1 tổ đến điều tra. Phát hiện đây là một vụ bịa đặt, 2 trưởng đoàn quân sự của ta đã bác bỏ lời đề nghị của Mỹ. Liên tiếp mấy phiên họp sau, bọn chúng vẫn lặp đi lặp lại luận điệu cũ nhưng đều bị ta bác bỏ. Bí thế, bọn Mỹ đơn phương đề nghị Ủy ban quốc tế đi kiểm tra. Biết được tin này, hai trưởng đoàn ta liền cung cấp đầy đủ thông tin cho các đại biểu Ba Lan và Hunggari trong Ủy ban Quốc tế giám sát về tình hình cụ thể ở Phan Thiết và những dự kiến các tình huống có thể xảy ra cũng như những biện pháp xử lý.

Tại cuộc điều tra, chúng dựng lên một số người làm chứng cùng với những câu hỏi và trả lời khớp trò lừa bịp đã bày sẵn. Tuy nhiên, hai đại biểu Ba Lan và Hunggari cũng đã phân tích một cách khoa học để bác bỏ mọi chứng cứ giả tạo. Cuối cùng, tổ điều tra của Ủy ban Quốc tế đã ghi vào biên bản: "Không có vụ vi phạm ngừng bắn ở Phan Thiết". Trước những lý lẽ khoa học và những chứng cứ được xác minh tại hiện trường, hai tên trưởng đoàn Mỹ-ngụy đành im lặng và chịu thua.

Phát huy thắng lợi, hai phái đoàn ta gửi công hàm đến phía Mỹ-ngụy lên án chúng bày trò và vu cáo. Đồng thời, tại bàn Hội nghị, ta tiếp tục nêu ra tất cả các vụ vi phạm của chúng đã diễn ra hàng ngày trên chiến trường. Trước những bằng chứng cụ thể, hai tên trưởng đoàn của Mỹ-ngụy hết sức lúng túng và tìm cách đổ lỗi cho cấp dưới.

Tuy không còn cơ gì để đòi Ủy ban Quốc tế đi điều tra nữa nhưng với bản chất ngoan cố và xảo quyệt, chúng

lại ngấm thông báo cho bọn địch ở địa phương tung lực lượng ra càn hoặc bắn pháo vào những nơi mà các đại biểu Ba Lan và Hunggari định đến quan sát.

Qua gần 50 ngày đối mặt với kẻ thù trên bàn Hội nghị, mặc dù chưa có kinh nghiệm đấu tranh trên mặt trận mới nhưng Đoàn đại biểu quân sự Quân khu 6 đã cùng với đoàn đại biểu quân sự Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phối hợp chặt chẽ với các đại biểu Ba Lan và Hunggari liên tục tiến công địch, vạch trần âm mưu xảo quyệt của chúng, góp phần cung cấp tình hình cho Trung ương đấu tranh, tố cáo Mỹ-ngụy trước dư luận trong nước và thế giới. Riêng đoàn cán bộ quân sự Quân khu 6 bằng những lý lẽ của mình tại bàn Hội nghị, đã tạo cơ sở pháp lý cho những hoạt động quân sự và phát huy những thắng lợi quân sự ở chiến trường.

Sau khi Ban liên hợp quân sự 4 bên khu vực 4 và Ủy ban Quốc tế rút khỏi Phan Thiết, bọn địch ở địa phương càng đẩy mạnh hoạt động phá hoại Hiệp định Pari, hành động của chúng ngày càng trắng trợn và xảo quyệt hơn.

Bên ngoài, chúng liên tục tổ chức các cuộc hành quân đánh phá vào các vùng giải phóng của ta. Bên trong, chúng bắt đầu thực hiện kế hoạch bình định mới bằng các cuộc hành quân cảnh sát để bắt người, bắt lính, truy phá cơ sở cách mạng, ngăn chặn không cho quần chúng bung về làng đất cũ làm ăn. Đi đôi với củng cố bộ máy kìm kẹp, chúng tiếp tục phát triển Đảng Dân chủ của Nguyễn Văn Thiệu, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý, bưng bít và xuyên tạc Hiệp định Pari, xuyên tạc và

vu cáo ta vi phạm Hiệp định hồng gieo rắc trong nhân dân tư tưởng hoài nghi, phân vân và không tin vào thắng lợi của Hiệp định. Mặt khác, chúng tiếp tục phân loại quần chúng để kiểm soát và đối phó. Lợi dụng khi quần chúng bung ra làm ăn, chúng đưa tay chân bám theo để dò la tin tức, tìm cách phá hoại. Chúng cho sơn cờ ba que kích thước lớn trên mái nhà dân vùng chúng kiểm soát, kể cả vùng tranh chấp, nếu ai không làm đều được xem là gia đình cộng sản, sẽ bị chúng bắt bớ và bắn phá, trước nhà chúng bắt dân viết câu khẩu hiệu chữ to "Gia đình tôi không theo cộng sản".

Tình hình đó đã gây cho ta thêm nhiều khó khăn phức tạp. Quần chúng bên trong bị kẹp chặt, bên ngoài bị bắn phá liên miên nên trong một số cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân ở vùng căn cứ đã xuất hiện tư tưởng bi quan, ngán ngại ra phía trước và nghiêm trọng hơn là đã có một số chiến sĩ bỏ cơ quan ra sống tự túc ở bên ngoài. Tư tưởng hòa bình chủ nghĩa của một số cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đã nhen nhóm xuất hiện.

Để kịp thời khắc phục những hiện tượng tiêu cực và tư tưởng hữu khuynh, do dự, không dám đánh trả bọn địch vì sợ vi phạm Hiệp định, đầu tháng 6-1973, Tỉnh ủy Bình Thuận dưới sự chủ trì của đồng chí Bí thư Lê Thứ (Mười Bắc) và Tỉnh ủy Bình Tuy do đồng chí Bí thư Lê Khắc Thành chủ trì đã mở Hội nghị rút kinh nghiệm. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Hội nghị Khu ủy Khu 6 mở rộng tháng 5-1973, Tỉnh ủy 2 tỉnh đã hạ quyết tâm thực hiện bằng được nhiệm vụ của Khu ủy đề ra là

“Tiếp tục trụ bám, tấn và xây, chuyển mạnh phương thức, ra sức giữ và mở rộng vùng tranh chấp, xóa đại bộ phận ấp trắng, tích cực mở vào vùng sâu, vùng yếu kết hợp chặt với phá kìm, giành dân, giành quyền làm chủ... Xây dựng cả lực lượng bên ngoài và bên trong”¹.

Thực hiện nhiệm vụ trên, từ tháng 6-1973 trở đi, ta bắt đầu điều chỉnh thế đứng của một số đơn vị: Quân khu rút Tiểu đoàn 840 về phía sau củng cố, đưa Tiểu đoàn 15 xuống hoạt động ở vùng Tam Giác. Để phù hợp với tình hình, Tỉnh đội Bình Thuận cũng rút gọn Tiểu đoàn 482 xuống còn một đại đội do đồng chí Ngô Hồng Hải làm Đại đội trưởng, đồng chí Trần Minh Hùng làm Chính trị viên, đồng chí Hồ Thành Lập làm Đại đội phó và đồng chí Phạm Ngọc Sanh làm Chính trị viên phó. Sau khi rút gọn, Đại đội 482 còn lại 70 tay súng, biên chế thành 3 trung đội bộ binh và 1 tiểu đội hỏa lực; địa bàn hoạt động vẫn ở mảng nam Hòa Đa (một thời gian sau, đồng chí Nguyễn Văn Mạnh thay đồng chí Hải làm Đại đội trưởng). Riêng các đơn vị của Bình Tuy vẫn giữ nguyên và tiếp tục củng cố.

Trong khi quân dân Bình Thuận và Bình Tuy đang điều chỉnh, củng cố lực lượng và huấn luyện để chuẩn bị sẵn sàng đánh trả những đòn phản kích của địch thì ngày 13-6-1973, tại Pari thủ đô nước Pháp, các bên ký Hiệp định đã ngồi lại với nhau. Sau khi kiểm tra tình hình thực hiện Hiệp định trong 4 tháng qua, họ lại cùng ký chính thức hai bản thông báo chung (có cùng một nội

1. Trích Nghị quyết tháng 5-1973 của Khu ủy Khu 6.

dung) nhằm bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Pari.

Nhân thời cơ đó, Tỉnh đội Bình Thuận chủ trương tạo lại thế đứng trên các địa bàn như trước ngày 28-3-1973. Song, lực lượng của khu và tỉnh lúc này đều hạn chế, nhất là gặp khó khăn về quân số nên cuối cùng không triển khai được.

Giữa lúc đó, địch càng đẩy mạnh việc bình định bên trong và lấn chiếm bên ngoài. Thực hiện cái gọi là “Kế hoạch hậu chiến” và với khẩu hiệu lừa mị “Tay cày, tay súng” chúng sử dụng bọn bảo an, dân vệ dùng xe ủi đất ủi phá các khu vực bàn đạp của căn cứ ta, các đoạn đường giao thông thường bị ta uy hiếp, rồi lập các đồn bót phục vụ cho việc lập “nông trường”. Di dân ở nơi khác đến lập ấp mới, tề mới, hình thành tuyến phòng thủ mới hòng đẩy lùi ta ra xa hơn nữa. Ở Bình Tuy, chúng đã đưa hơn 14.000 dân từ Quảng Trị, Quảng Nam Quảng Ngãi vào lập thêm 4 ấp và 7 khu tập trung mới. Ngoài ra, chúng còn thành lập cái gọi là “Ủy ban khai hoang” dùng các nhà tư sản, tôn giáo đứng ra tổ chức khai thác đất đai đưa dân đến sống ở các vùng tây nam La Gi, Láng Gòn và từ Km 30 đến Km 58 trên dọc Quốc lộ 1A, ven hai bên tỉnh lộ 2 và xây thêm đồn Hộet Xoài (Đoạn từ Quốc lộ 1A đến Suối Kiết). Ở Bình Thuận, chúng ủi phá khai hoang đưa dân đến lập ấp ở các khu vực Ba Hòn, Bình Trị, nam Căng Esêpic, dọc hai bên Quốc lộ 1A (đoạn từ Km 16 tính từ Phan Thiết vào đến Km 25), Giồng Thầy Ba (Bắc Rạng), Sông Mao, Dốc Cúng, Bàu Đá, Hội Long, v.v. đồng thời, bắt đầu khôi

phục lại tuyến đường sắt từ Tháp Chàm vào Phan Thiết, làm đến đâu đóng đồn bót đến đó, nhằm chia cắt các vùng căn cứ của ta từ tây Ninh Phước (Ninh Thuận) đến miền tây của các huyện ở Bình Thuận. Xảo quyết hơn, chúng còn khuyến khích nhân dân ở vùng chúng tạm kiểm soát vào vùng ta phá rừng làm rẫy, đốt than, rồi cho tay chân trà trộn theo để nắm tình hình hoạt động của ta như ở các khu rừng Lương Sơn, động Thái An, v.v.. Lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, chúng thúc đẩy đồng bào Công giáo, Phật giáo và một số dân trong thị trấn, thị xã ra khai hoang ven các trục lộ giao thông, rồi dựng nhà thờ, tượng Chúa và tượng Phật để trên cơ sở đó quản lý một cách hợp pháp.

Mặc dù khó khăn về nhiều mặt, nhưng sau một thời gian vừa chiến đấu vừa xây dựng và củng cố cả bên ngoài lẫn bên trong, thế đấu tranh 3 mũi của quân và dân ta đã có thêm sức mạnh mới.

Đầu tháng 7-1973, Tiểu đoàn 15 (Quân khu) đã đánh trả quyết liệt với 5 tiểu đoàn địch có cả phi pháo và xe bọc thép M113 yểm trợ lấn chiếm ở khu vực Tam Giác, diệt nhiều tên, bẻ gãy cuộc càn của chúng.

Phối hợp với Tiểu đoàn 15, các đơn vị của tỉnh và của huyện liên tục đánh sập các cầu, cống, phá đường sắt và chặn đánh các đoàn tàu lửa, xe ủi đất phá kế hoạch ủi phá khai hoang của địch. Chỉ tính riêng ở Bình Thuận, ta đã phá sập 8 cầu, 4 cống, 630 mét đường sắt, đánh hỏng 2 đầu máy và nhiều toa xe. Đoạn đường sắt chúng mới khôi phục từ Tháp Chàm vào Ma Lâm hoàn toàn bị tê liệt và buộc chúng phải bỏ hẳn.

Phía Bình Tuy, các lực lượng vũ trang ta đã đánh và bức rút một loạt các chốt của địch ở Thạnh Mỹ Cây Giăng, Quang Hà và Xã Dú, v.v..

Từ đầu tháng 8-1973 trở đi, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội 2 tỉnh đặt mạnh trọng tâm vào việc chỉ đạo chống, phá âm mưu di dân, ủi phá địa hình và lấn chiếm đất đai của địch. Theo tinh thần đó, ngày 18-8-1973, lực lượng vũ trang huyện Tuy Phong đánh hỏng nặng 1 xe ủi đất, diệt 2 tên, buộc địch phải bỏ dở kế hoạch ủi phá khu vực từ Dốc Cúng đến Bàu Đá. Tiếp đến ngày 02-9-1973, các lực lượng huyện Thuận Phong chặn đánh phá hư một máy cày ở khu vực Giồng Thầy Ba.

Nhằm đẩy mạnh phong trào kháng chiến lên bước mới, ngày 27-9-1973, Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận với mật danh là “bình nam” đã ra chỉ thị: “...tập trung sức tiến công 3 mũi kết hợp với phát huy pháp lý Hiệp định vận dụng các lực lượng toàn diện tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh bại âm mưu bình định lấn chiếm mới của địch, kết hợp chặt với các trọng tâm công tác trước mắt như đấu tranh với địch trên mặt trận lương thực, tích cực bảo vệ mùa màng, kết hợp với việc xây dựng căn cứ giải phóng vững mạnh”.

Bước sang tháng 10-1973, theo sự chỉ đạo của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6, các lực lượng của tỉnh phối hợp với lực lượng Quân khu bắt đầu đánh thẳng vào các ấp chiến lược nhằm diệt bọn ác ôn, phá bộ máy kìm của địch, hỗ trợ cho đồng bào tiếp tục đấu tranh đòi thi hành Hiệp định.

Ngày 29-10, Đại đội 5 đặc công của tỉnh phối hợp với Đại đội 450 Thuận Phong tập kích vào cuộc cảnh sát Xa Ra, diệt 10 tên và bắt bị thương 12 tên.

Ngày 06-11, giữa lúc Trung đội 430 Hàm Thuận đang chặn đánh bọn địch bung dũi ra ngoài, thì du kích mật trong ấp Bình Lâm cũng gài lựu đạn diệt 15 tên ác ôn và 1 tiểu đội dân vệ đi lùng sục vừa đến bìa ấp. Sáng hôm sau, bọn địch nghi ngờ bắt một số người trong đó có cả du kích mật. Lập tức, cơ sở ta vận động đồng bào kéo thẳng lên quận Thiện Giáo đấu tranh. Trước lý lẽ sắc bén của mọi người, buộc địch phải thả những người bị bắt. Tiếp đến, ngày 22-12, Đại đội 5 đặc công tỉnh lại tập kích vào cuộc cảnh sát Rạng (Hàm Tiến ngày nay) diệt 22 tên.

Ở Bình Tuy, lực lượng tỉnh và huyện liên tục đột vào các ấp chiến lược đánh hàng chục trận, diệt gần 100 tên.

Cũng trong thời gian này, nhiều cuộc đụng độ quyết liệt giữa ta và địch xảy ra trên các cánh đồng lúa chín ở Hàm Phú, Hàm Trí, Hàm Thạnh, Sông Khiêng (Bình Thuận) và Đồng Kho, Đồng Me, Hiệp Nhơn (Bình Tuy). Địch tìm cách phá và cướp của dân, ta quyết bảo vệ mùa màng để thu hoạch lương thực. Tuy nhiên, nhờ có tổ chức lãnh đạo và chỉ huy chặt chẽ, nên các lực lượng vũ trang đã đánh đuổi được bọn cướp lúa, bảo vệ dân và thu mua được hàng trăm tấn lúa để chuẩn bị cho chiến đấu.

Kết quả của những đợt hoạt động quân sự trên đây, đã cổ vũ phong trào đấu tranh của quần chúng lên rất mạnh mẽ.

Tại khu vực di dân lấn chiếm của địch ở nam Căng Esêpíc, cảnh đói rét, bệnh tật, chết chóc diễn ra hàng ngày, nhất là đối với 12 ngàn dân Việt kiều ở Campuchia về nước bị địch dồn từ Vàm Sáng, Kiến Phong ra đây lập ấp. Sau nhiều lần đấu tranh trực diện, nhưng bọn nguy quyền ở cơ sở vẫn không giải quyết được gì về đời sống. Bằng sức mạnh của lòng căm thù và có sự hướng dẫn của cơ sở ta bên trong, cùng với những đòn tiến công quân sự hỗ trợ bên ngoài, đồng bào đã vùng lên dùng gậy gộc, giáo mác chống lại bọn bắt người vô cơ và đánh trọng thương tên đại úy chỉ huy lực lượng tại chỗ, cử người lên đấu lý trực tiếp với tỉnh trưởng Bình Thuận, rồi kéo nhau vào lập làng tại khu vực Xuân Lộc (Đồng Nai) làm cho khu tập trung của địch ở đây bị tan rã hoàn toàn.

Ở khu vực Chính Tâm và Trà Tân 3 thuộc huyện Hoài Đức (Bình Tuy), quần chúng kiên quyết đấu tranh chống bắt lính, chống dồn dân và chống cướp phá lương thực. Địch bắn chết một số người để hăm dọa. Không lùi bước, đồng bào đã mang xác các nạn nhân và mang theo khẩu hiệu: “Đả đảo bọn tài phiệt cậy thế cướp đất bắn chết dân nghèo” lên quận đấu tranh buộc chúng phải nhận tội và đền bù thiệt hại.

Để kịp thời lãnh đạo quần chúng tiếp tục đấu tranh, sau Hội nghị “Chống lấn chiếm” do Quân khu tổ chức ở Bình Tuy vào tháng 11-1973, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Bình Tuy quyết định thành lập thêm 1 huyện mới lấy tên là huyện Nghĩa Lộ và 4 đội vũ trang công tác để lãnh đạo và xây dựng cơ sở ở vùng ấp mới mà địch vừa di dân đến khu vực dọc 2 bên

X Quốc lộ 1A (đông và tây Km 46). Huyện ủy huyện Nghĩa Lộ do đồng chí Văn Xuân Hòa, Tỉnh ủy viên, làm Bí thư. Ban chỉ huy Huyện đội do đồng chí Nguyễn Thanh Nốt làm Huyện đội trưởng, công an do đồng chí Khương Minh Chính phụ trách.

Như vậy đến cuối năm 1973, tình hình chung cũng đã có nhiều thuận lợi cho ta. Trong năm ta đã tiến hành trên 350 cuộc phát động quần chúng đấu tranh thu hút được 4.173 lượt người tham dự, trong đó có cả gia đình của binh lính và tề nguỵ, đồng thời mở được cơ sở ở một số ấp trắng như Bình An, Tân Long... Trên cơ sở đó, ta đã thành lập thêm được 8 chi bộ phía trước và phát triển 176 đảng viên, củng cố và xây dựng lại 2 chi bộ ở Hoài Đức, Tánh Linh. Các đoàn thể thanh niên và phụ nữ mật đều được củng cố và phát triển. Riêng Bình Tuy đã có 194 đoàn viên thanh niên và 493 hội viên phụ nữ mật.

Tuy nhiên, sức ta có hạn và cũng đang gặp khó khăn về nhiều mặt, nhất là vào những tháng cuối năm 1973 nên chưa ngăn chặn được âm mưu lấn chiếm, ủi phá địa hình và di dân của địch một cách triệt để. Do đó, trong năm 1973, địch đã ủi phá 1.600 ha đất và di mất 54.000 dân. Riêng Bình Thuận mất 900 ha đất và 40.000 dân.

II. Trung đoàn 812 được tái lập, cuộc chiến đấu của quân dân Bình Thuận và Bình Tuy bước vào giai đoạn mới

Nắm vững tình hình ở chiến trường và sự phát triển của âm mưu địch, ngay từ tháng 13-10-1973, Hội nghị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam lần thứ 21 đã đề

ra nghị quyết về “Đường lối hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam” nhưng do đặc điểm chiến trường nên mãi đến tháng 3-1974, Quân khu 6 mới có điều kiện tổ chức học tập Nghị quyết này. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương “...dù tình hình phát triển theo khả năng nào, *con đường tiến lên giành thắng lợi của cách mạng miền Nam chỉ có thể là con đường bạo lực diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác. Ta phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó chắc thắng với khả năng xấu nhất là địch gây lại chiến tranh*”¹ và phương châm đấu tranh quân sự: “đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao; kết hợp ba mũi chính trị, quân sự và binh vận, nắm vững phương châm ba vùng, để giành dân và giành quyền làm chủ”², tất cả các cán bộ lãnh đạo, chỉ huy tham gia học tập đều tự kiểm điểm rút kinh nghiệm và xác định cho mình tư tưởng liên tục tiến công, chống tư tưởng mơ hồ, hòa bình chủ nghĩa.

Từ sau đợt học tập này, các cán bộ chủ trì của tỉnh và chỉ huy các đơn vị đều liên tục đi dự các lớp tập huấn về kinh nghiệm đánh phá bình định và chống “lấn chiếm của địch”, dự hội nghị du kích chiến tranh, học tập Chỉ thị 04 (công tác phát động quần chúng), Chỉ thị 05 (tăng cường giáo dục chính trị rèn luyện đạo đức tác phong của cán bộ, chiến sĩ, chống và ngăn chặn mọi biểu hiện tiêu cực) của Trung ương Cục do Khu ủy và Quân khu ủy tổ chức.

1,2. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.34, tr.160, 186.

Tiếp theo khu ủy, các Tỉnh ủy Bình Thuận và Bình Tuy liên tục tổ chức các lớp học tập theo các nội dung trên cho cán bộ, cốt cán còn lại từ tỉnh đến cơ sở. Qua học tập, mọi người đều nhận thức sâu sắc rằng: Địch không thi hành Hiệp định, tiếp tục “Việt Nam hóa chiến tranh” thực chất là “chiến tranh thực dân mới” hòng chiếm lấy miền Nam lâu dài, thì không có còn đường nào khác là phải tiến hành chiến tranh cách mạng tiêu diệt chúng, giải phóng quê hương, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội 2 tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy đều đã xác định quyết tâm: “Xây dựng, củng cố phát triển lực lượng, đồng thời lập phương án, kế hoạch kiên quyết chống, phá âm mưu bình định lấn chiếm của địch, phục vụ cho yêu cầu giành dân, giành quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng vùng giải phóng sát hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương”.

Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Bình Thuận có sự thay đổi. Sau khi đồng chí Lê Thứ (Mười Bắc), Bí thư, cùng các đồng chí Hồ Phú Diện (Đồng Sĩ Kỳ), Trần Thọ chuyển về Khu 6, một số đồng chí đã chuyển đi nơi khác trước đó như: đồng chí K' Công về căn cứ Nam Sơn (1972) đồng chí Nguyễn Hội ra Bắc học (1973). Do đó, Ban Chấp hành lúc này còn lại các đồng chí: Nguyễn Quý Đôn-Bí thư, Nguyễn Ninh (Ngô)-Thường vụ trực Tỉnh ủy và Trần Văn Lương (Nhuận)-Thường vụ trưởng Ban an ninh; Tỉnh ủy viên gồm các đồng chí: Nguyễn Nhẫn (Tố), Đặng Bá Sang (Luông), Lê Văn Nhựt, Võ Ngọc Đài, Nguyễn Xuân Thắng (Trà), Nguyễn Thanh Tâm (Rợ), Mai Cách (Hân) và hai đồng chí mới được bổ sung

là: Nguyễn Hữu Tín và Mãn Tấn Dũng (Vũ) làm Tỉnh ủy viên dự khuyết. Sau khi sắp xếp ổn định nhân sự, ngày 25-3-1974, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh quyết định sát nhập các xã căn cứ của huyện Hòa Đa và huyện Thuận Phong để lập lại khu Lê Hồng Phong do đồng chí Nguyễn Đức Lương (Sáu Thiệt) làm Bí thư ban cán sự Đảng, đồng chí Nguyễn Khiêm làm trưởng ban quân sự. Không xây dựng bộ đội địa phương, toàn huyện có 58 du kích tập trung.

Trong khi ta đang dồn sức vào việc học tập, rút kinh nghiệm và củng cố tổ chức, thì kẻ địch cũng tranh thủ thời gian tăng cường hành quân lấn chiếm bên ngoài và đẩy mạnh bình định bên trong giành thế chủ động trong mùa khô.

Ở Bình Thuận, ngay từ những tháng đầu năm 1974, chúng đã tập trung 5 tiểu đoàn bộ binh kết hợp với máy bay, xe tăng và pháo binh do Lê Văn Toàn-Thiếu tướng Tư lệnh vùng 3 chiến thuật-trực tiếp chỉ huy liên tục đánh phá ác liệt vào vùng Tam Giác. Có lúc, mở rộng lên phía bắc đường sắt, khu vực Cà Giăng, Mỹ Thạnh. Trong các ngày 4 ngày 5 và ngày 6-3-1974, chúng đã sử dụng 26 lần chiếc máy bay A 37 ném hàng trăm quả bom, bắn hàng ngàn đạn rốc két và pháo các loại vào các xóm ấp ở Mỹ Thạnh, Tân Nông và Xóm Bàu để chi viện cho 13 đại đội bộ binh cùng xe tăng càn vào giết người, cướp của ở các khu vực này.

Quyết tâm bảo vệ vùng giải phóng, quân và dân ta đã kiên quyết đánh trả. Ngày 16-1-1974, trung đội 430 Hàm Thuận do Nguyễn Ngọc Thất chỉ huy tập kích vào

chốt địch đóng tại khu vực đất Bà Cán (cách đồn Bình An khoảng 500 mét) diệt gần hết 1 trung đội bảo an, thu 11 súng. Sáng ngày 22-02, ta tập kích chốt Ba Hòn, diệt 22 tên và bắn tĩa giết chết 1 tên đại úy cùng 2 tên lính đang đi khảo sát địa hình. Đêm ngày 28-02, ta tập kích vào khu vực chốt của Đại đội 206 thám báo của tiểu khu Bình Thuận, diệt 37 tên, bắn bị thương 12 tên, phá hủy 1 xe ủi đất, 1 nhà dù và 1 máy truyền tin. Bằng nhiều cách đánh chổng càn, tập kích, phục kích, gài mìn và bắn tĩa, từ ngày 7 đến ngày 15-3, Tiểu đoàn 15 và các lực lượng vũ trang Hàm Thuận đã chổng trả quyết liệt, diệt và bắn bị thương 110 tên, bắn cháy 2 xe bọc thép, rơi 3 máy bay, đuổi chúng ra khỏi Xóm Bàu, bẻ gãy hoàn toàn cuộc càn của địch.

Phía Bình Tuy, địch cũng dồn sức càn vào các vùng căn cứ, nhưng cũng bị lực lượng ta đẩy lùi.

Thực hiện “Kế hoạch bình định 1973” và “Kế hoạch xây dựng quân đội 1974 – 1979” nhằm tiêu diệt các lực lượng và các tổ chức cách mạng của ta, địch tiếp tục dồn quân bắt lính, bắt cả thầy tu và thanh niên dưới 17 tuổi. Đi đôi với dồn quân bắt lính, chúng tiếp tục ủi phá vườn tược của dân, ủi phá địa hình ven các vùng căn cứ, tiếp tục di dân lập ấp, lập thêm đồn bót nhằm đối phó với các cuộc tiến công của ta từ nhiều hướng. Trong những tháng đầu năm 1974, chúng đã ủi phá và lấn chiếm thêm hàng ngàn hecta đất, di thêm hàng chục ngàn dân, cắm thêm 40 đồn bót và dựng lên 2 quận mới là Gio Cam và Nghĩa Lộ ở Bình Tuy. Ở những khu vực di dân, phần lớn là đồng bào Thiên Chúa giáo ở Quảng

trị và các tỉnh Khu 5. Âm mưu của chúng là dựa vào bọn phản động đội lốt tôn giáo để kìm dân, chia rẽ giữa lương và giáo, giữa người mới đến với số dân tại chỗ để xuyên tạc nói xấu cách mạng, đồng thời lợi dụng họ làm chỗ dựa để tăng thêm thế lực về chính trị của chúng trên những địa bàn quan trọng. Chúng đã ủi phá hàng trăm hécta rừng và cướp đi hàng ngàn mét khối gỗ. Ở những vùng di dân đến quá đông chúng cho lập thành dinh điền, đồn điền, công ty kinh doanh chủ yếu là cây công nghiệp do bọn ngụy quyền hoặc bọn sĩ quan ngụy làm chủ. Quần chúng nhân dân trở thành kẻ làm thuê với đồng lương rẻ mạt.

Ở các vùng giáp ranh, tranh chấp và vùng sâu, chúng đưa hàng ngàn tên gọi là “Cán bộ dân sự”, “Hành chính” và bọn sĩ quan ngụy xuống xã, ấp để tăng cường cho bộ máy kìm, lập thêm nhiều chi khu, cuộc cảnh sát, tổ chức trung tâm điều hợp, đoàn ngũ hóa nhân dân, đầu độc thanh niên bằng ngụy lý tưởng, bằng giáo lý phản động, bằng phim ảnh cao bồi và đồi trụy... hòng phá cơ sở của ta. Ngoài ra, chúng còn vơ vét bóc lột quần chúng bằng cách tăng thuế, phạt vạ, hối lộ, cướp lúa gạo và các thứ lương thực, thực phẩm khác để bù vào những khoản thiếu hụt về tài chính do Mỹ viện trợ hạn chế.

Tại các thị xã Phan Thiết và La Gi, chúng thực hiện âm mưu 2 mặt vừa tập trung đánh phá, vừa khống chế mua chuộc tìm cách ngăn chặn phong trào đấu tranh công khai của quần chúng; đồng thời, tiến hành chiến tranh tâm lý để xuyên tạc ly gián, xoa dịu phong trào đấu tranh chống Thiệu. Mặt khác, chúng tìm cách mua

chuộc bọn cầm đầu các phe phái đối lập, tổ chức ám hại những phần tử tích cực chống đối chúng.

Đối với các vùng căn cứ như khu Lê Hồng Phong, Nam Sơn, Đông Tánh Linh và các vùng giải phóng ở Hàm Thuận, Hàm Tân, v.v. cứ sau mỗi trận càn lớn là chúng tung lực lượng từng đại đội, trung đội hoặc tiểu đội biệt kích luồn lách vào tiếp tục phá hoại. Chúng còn cho bọn gián điệp giả dạng thường dân đi làm ăn, buôn bán theo các xe "be" khai thác gỗ lên các vùng giải phóng của ta để lũng đoạn nội bộ nhân dân, mua chuộc những kẻ nẹ dạ cả tin đi chiêu hồi.

Song song với các thủ đoạn trên đây, chúng còn tìm mọi cách khống chế bao vây kinh tế ta, hòng làm cho ta tàn lụi dần; nhưng chúng đã nhầm, chẳng những chúng ta không tàn lụi, mà các lực lượng vũ trang ta ngày càng phát triển, vùng căn cứ được củng cố và vùng giải phóng ngày càng mở rộng.

Ngày 26-4-1974, quân khu bổ sung cho tỉnh Bình Thuận. Đại đội 2 và 2 trung đội hỏa lực của Tiểu đoàn 15 và một số cán bộ, chiến sĩ ở các cơ quan đơn vị phía sau khung trưởng huấn luyện tân binh để hình thành và củng cố lại tiểu đoàn bộ binh 482. Sau đó một thời gian, Tiểu đoàn 482 lại được bổ sung tiếp một số cán bộ, chiến sĩ bị địch bắt trao trả sau Hiệp định Pari. Cùng với Tiểu đoàn 482 các đơn vị địa phương đều được bổ sung quân số và hình thành trở lại.

Ngày 19-5-1974, tại hội trường Quân khu bộ Quân khu 6, sau khi kết thúc cuộc hội nghị quân chính và long

trọng tổ chức lễ kỷ niệm lần thứ 8... Hồ kính yêu, đồng chí Lê Văn Hiến th... ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 công bố quyết... Tư lệnh Miền tái lập Trung đoàn 812. Đ... trung đoàn gồm: 3 tiểu đoàn bộ binh (840, 186 và... tiểu đoàn trợ chiến (130) cùng một số đại đội trực thu... như: Thông tin, trinh sát, công binh và quân y, v.v. (riêng Tiểu đoàn 15 đang đứng chân hoạt động ở Tam Giác nên sẽ về đội hình của trung đoàn sau). Ban chỉ huy trung đoàn được Bộ Tư lệnh quân khu chỉ định gồm các đồng chí: Võ Đức Nhi phó chủ nhiệm chính trị Quân khu làm Chính ủy, Phạm Ty phụ trách trung đoàn phó 1, Nguyễn Văn Bồng làm trung đoàn phó và Phạm Văn Tý làm phó Chính ủy. Cơ quan chỉ huy trung đoàn có: đồng chí Hiệp làm Tham mưu trưởng, đồng chí Ngô làm Chủ nhiệm Chính trị và đồng chí Phước làm Chủ nhiệm Hậu cần.

Sau khi ổn định tổ chức, Trung đoàn 812 được sử dụng ở hướng trọng điểm của Quân khu là 2 huyện Tánh Linh và Hoài Đức (Bình Tuy)

Đến cuối tháng 5-1974, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Bình Thuận quyết định lập lại huyện Hàm Thuận Nam bao gồm một số xã phía nam Hàm Thuận; đồng thời thành lập Ban cán sự chống lấn chiếm ở khu vực phía nam Căng Esépíc do đồng chí Đặng Văn Hải làm Bí thư. Cũng trong thời gian này, sau khi Tiểu đoàn 15 rời địa bàn Tam Giác về lại với đội hình Trung đoàn 812, thì Tỉnh tiếp tục thành lập thêm 4 đội vũ trang công tác, 2 đội hoạt động ở khu vực Hồ

Ngày sinh của Bác
Đặt mặt cho Khu
Định của Bộ
Hình của
15) 1
địch

Khu vực Bàu Ốc và Sông Lũy.
5 cố, từ tháng 6-1974 trở đi,
Hàm Thuận và Bình Tuy quyết
định giáng cho địch những đòn

lực công của tỉnh tập kích đồn
trí quan trọng trong hệ thống
Quốc lộ 1A, diệt gọn 2 trung
đội 3 thuộc tiểu đoàn bảo an 212,
đánh sập 12 lều gác, thu 1 súng, nhà chỉ huy và 1 cầu,
thu 1 đại liên, 4 súng ARP 15 và nhiều đồ dùng quân sự.
Ta hy sinh 2 và bị thương 1. Cùng thời gian đó, một đại
đội của Tiểu đoàn 482 đánh vào ấp chiến lược Nghĩa
Thuận diệt một số tên dân vệ và phòng vệ dân sự.

Ngày 25-6, lực lượng địa phương Hàm Thuận (B vùng)
phối hợp với đội công tác Ma Lâm đột vào ấp chiến lược
Tân Hòa, diệt tên Đường phó đoàn bình định của địch.
Tên Đường bị trừng trị đã làm cho nhiều tên cầm đầu
bọn bình định ở các khu vực xung quanh rất hoang mang
lo sợ.

Tiếp đến, ngày 20-7-1974, đại đội đặc công 1/481
(Phan Thiết) tập kích vào cụm địch chốt tại hồ Bà Xe
(Khu vực lấn chiếm của địch ở nam Cánh Esépíc) diệt
15 tên và phá hỏng 2 xe ủi đất. Đêm 24 tháng 7, đại đội
đặc công 2/481 (Phan Thiết) tập kích cuộc canh sát và
phân chi khu Đại Hòa (trên vành đai Đại Tài), diệt 41
tên, có nhiều tên ác ôn khét tiếng, thu nhiều vũ khí và
quân trang quân dụng.

Sau khi ổn định tổ chức và huấn luyện bổ sung, ngày 9-8-1974, dưới sự chỉ huy của Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thành Tâm và Chính trị viên Trần Minh Hùng, Tiểu đoàn 482 đã tổ chức phục kích khu vực dọc theo Quốc lộ 1A (đoạn giữa Tà Nung và Gộp), đánh thiệt hại nặng Đại đội 2 thuộc Tiểu đoàn 275 ngụy, diệt tại chỗ 36 tên, thu 7 súng và 1 máy thông tin. Ta hy sinh 3 và bị thương 1 đồng chí. Cùng lúc đó, đại đội trợ chiến của tỉnh pháo kích vào đồn Gộp diệt 5 tên, làm bị thương một số và phá hỏng 1 khẩu pháo 105 ly.

Trên địa bàn Bình Tuy, các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện phối hợp với Trung đoàn 812 liên tục đánh địch trên các khu vực Gia Huynh, Trà Tân, pháo kích và vây ép đồn Hột Xoài.

Được tin đồn Hột Xoài bị ta bao vây, đoạn đường từ Suối Kiết đi Lạc Tánh bị ta uy hiếp, ngày 4-7-1974, tỉnh trưởng Bình Tuy vội vã tung 2 đại đội bảo an từ La Gi lên giải tỏa. Bọn này vừa đến khu vực gần ga Suối Kiết thì lọt vào trận địa phục kích của 2 Tiểu đoàn 840 và 186. Hơn 100 tên chết ngay tại chỗ, số sống sót tháo chạy tán loạn. Sau khi bọn địch đến giải tỏa bị đánh tan, thì bọn địch ở đồn Hột Xoài và các trung đội dân vệ trong các ấp chiến lược cũng rút chạy. Vùng này hoàn toàn giải phóng.

Trước tình hình thế đứng chân trên chiến trường ngày càng phát triển thuận lợi, thượng tuần tháng 8-1974, Khu ủy Khu 6 họp Hội nghị mở rộng lần thứ 18 và ra nghị quyết chỉ rõ: "...Phát huy thắng lợi đã giành được, từ nay đến cuối năm 1974 ta phải tạo cho được

một bước thắng lợi mới toàn diện cả phía trước và phía sau, cả tiến công và xây dựng làm thay đổi tương quan lực lượng có lợi cho ta...". Nghị quyết cũng đã nêu những yêu cầu cụ thể đối với hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy là: "...Phải đánh bại cơ bản kế hoạch bình định lấn chiếm của địch ở vùng trọng điểm và các vùng ven đô thị, khôi phục và mở rộng vùng tranh chấp cũ và mới, giải phóng cho được 10.000 dân, đưa phong trào thị xã lên một bước, nhất là thị xã Phan Thiết, ngăn chặn và bẻ gãy kế hoạch ủi phá địa hình, khai hoang lấn chiếm của địch, khôi phục cho được bàn đạp đã bị chúng lấn chiếm..."

Thực hiện chủ trương trên, đồng thời cũng để nghi binh cho việc chuẩn bị hoạt động mùa khô năm 1974 – 1975 ở hướng trọng điểm, đầu tháng 9-1974, Quân khu đã điều Trung đoàn 812 rời khỏi địa bàn Bình Tuy sang phối hợp với các lực lượng vũ trang Bình Thuận, mở đợt hoạt động tổng hợp đánh phá âm mưu bình định lấn chiếm của địch ở khu vực giữa nam và bắc Bình Thuận (dọc theo Quốc lộ 1A-đoạn từ Gộp đến Sông Lũy).

Mặc dù kẻ địch đã biết trước ý định của ta do tên Huỳnh Văn Bu Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 200c đầu hàng và khai báo, chúng đã tập trung lực lượng bung dũi, càn quét, phục kích ngăn chặn và dùng máy bay bắn phá các khu vực khả nghi, tăng cường phòng thủ giữ đường, giữ ấp, nhưng ta vẫn giữ vững quyết tâm và thực hiện đúng theo kế hoạch đã định.

Ngày 10-9-1974, Trung đoàn 812 và Tiểu đoàn 482 bắt đầu tập trung đánh phá khu dinh cư Nghĩa Thuận (Khu ấp địch mới tập trung dân đến xây dựng ở dọc

Sông Khiêng), điểm cao 131 và cài thế đánh địch giải tỏa từ các nơi đến. Riêng Tiểu đoàn 482, đêm đầu đánh vào khu vực Nghĩa Thuận bị tổn thất nên phải rút ra củng cố, đến đêm hôm sau (11 tháng 9) mới đánh vào lần thứ 2 và trụ lại trong khu định cư.

Được tin khu định cư Nghĩa Thuận bị ta đánh phá và đang vây ép điểm cao 131, ngày 12-9, Ngô Tấn Nghĩa, Tiểu khu trưởng Bình Thuận, tung 2 tiểu đoàn bảo an và 202 và 212 ra ứng cứu. Bọn này theo quốc lộ đến chốt Cây Táo thì bắt đầu triển khai đội hình tiến vào giải vây cho điểm cao 131 nhưng chúng đã lọt vào trận địa phục kích của Tiểu đoàn 840 và bị đánh thiệt hại nặng. Sau khi diệt bọn địch đến giải tỏa, ta tập trung lực lượng đánh vào điểm cao 131. Bọn địch ở đây tháo chạy. Tuy vậy, ta cũng chưa thực hiện được yêu cầu đề ra là: Phạt động quần chúng, phá banh khu định cư và đưa 5.000 dân về vùng căn cứ, mà chỉ đánh thiệt hại nặng quân địch rồi rút ra.

Cùng với chủ lực Quân khu, ngày 21-9, Đại đội 5 đặc công của tỉnh tập kích phân chi khu Phú Long, đánh thiệt hại nặng đoàn bình định, một liên toán phòng vệ dân sự, một cuộc cảnh sát và một trung đội dân vệ, tổng cộng 42 tên đã dền tội.

Cũng vào thời gian này, lực lượng địa phương Hòa Đa đánh sập cầu Xóm Lụa. Dân quân du kích và đội công tác ở các địa phương Hàm Thuận, Thuận Phong và Tuy Phong liên tục đánh vào các xóm ấp diệt nhiều ác ôn, đánh cắt đứt giao thông trên Quốc lộ 1A, liên tỉnh lộ 8; chặn đánh bọn địch ủi phá địa hình lán chiếm đất

đai ở khu vực nam Căng Esépíc, nam Lương Sơn và bắc Rạng.

Ở Phan Thiết, từ ngày 10 đến 30-9. Thị ủy và Ban chỉ huy Thị đội đã mở đợt hoạt động cao điểm đánh mạnh vào các địa bàn vùng ven, hỗ trợ cho phong trào quần chúng. Đêm 14 rạng 15-9, Đại đội đặc công 2/481 tập kích phân chi khu cảnh sát Đại Năm, diệt 8 tên phòng vệ dân sự và đánh sập trụ sở tổ xã. Tiếp đến ngày 18-9, đội công tác xã Hàm Tiến đột áp diệt 12 tên có tên cuộc phó cảnh sát Tường Phong.

Như vậy, chỉ trong vòng 20 ngày (từ ngày 10 đến 30-9), quân dân Bình Thuận đã diệt 3 đại đội, 1 trung đội, 1 đoàn bình định, đánh thiệt hại nặng nhiều đại đội khác, bức rút 2 đồn và hơn 500 tên địch bị loại ra khỏi vòng chiến đấu.

Phối hợp với Bình Thuận, các lực lượng vũ trang Bình Tuy cũng liên tục đột vào các ấp chiến lược diệt ác ôn, chặn đánh bọn úi phá địa hình lấn chiếm đất đai dọc Quốc lộ 1A và liên tỉnh lộ 3, diệt 92 tên, đốt phá nhiều xe máy của bọn vào rừng cướp gỗ. Riêng lực lượng vũ trang Hoài Đức đã cải trang đột vào Võ Đắc diệt 7 tên tề điệp. Đặc biệt, ngày 19-9-1974, du kích mật ở Hàm Tân đã đột vào sân bóng Tân Hải dùng lựu đạn cùng một lúc diệt 5 tên ác ôn khét tiếng, đó là các tên: Đàng và Nhung trung đội trưởng dân vệ, Châu thiếu úy an ninh quân đội nguy, An trung úy trưởng phòng nhì và Hai trung úy tâm lý chiến.

Song song với hoạt động quân sự, các mũi đấu tranh

chính trị và binh vận cũng được đẩy lên mạnh mẽ, càng về sau càng phát triển đều trên diện rộng và thu hút được nhiều quần chúng tham gia.

Ở vùng địch kiểm soát, mặc dù địch tìm mọi cách ngăn chặn, nhưng lực lượng bên ngoài vẫn bám được dân, mở rộng diện tiếp xúc và tổ chức nhiều cuộc đấu tranh đòi dân sinh dân chủ, chống địch bình định, vơ vét, bóc lột, bắt lính đôn quân, khủng bố ức hiếp và đòi được đi làm ăn rộng hơn, xa hơn.

Hàng ngày, tất cả dân trong vùng địch kiểm soát đều đi ra ngoài làm ăn. Nhất là vào những ngày mùa vụ. Có nơi, đồng bào ở lại cả ban đêm. Ngay từ tháng 6-1974, ở xã Hồng Sơn đã xảy ra cuộc đấu tranh rất quyết liệt giữa đồng bào và bọn tề ấp. Hôm đó, có một số đồng bào đi làm về tối, bọn tề đóng cổng không cho vào. Thấy thái độ ngang ngược của bọn tề, đồng bào kiên quyết đấu tranh. Nghe có tiếng ồn ào ngoài cổng, đồng bào trong ấp kéo ra mỗi lúc một đông tạo thành một lực lượng hơn 300 người miệng hô khẩu hiệu "Đả đảo bọn tề xã giết hại dân, không cho dân về nhà". Trước khí thế đấu tranh của quần chúng ngày càng mạnh mẽ, bọn tề xã phải nhượng bộ và mở cổng cho dân vào và từ đó về sau không dám tái phạm.

Cùng với vùng nông thôn, phong trào đấu tranh ở đô thị cũng liên tục nổ ra và ngày càng mạnh. Ngày 29-6-1974, sau khi nhận được tin bọn địch vây bắt lính và bắn chết 2 thanh niên rồi vớt xác xuống cửa biển Phan Thiết, cơ sở ta ở nội thị liên vận động hơn 300 bà con kéo đến dinh tỉnh trưởng đấu tranh, buộc chúng phải

nhận bồi thường nhân mạng và trừng trị kẻ giết người.

Ngày 12-7-1974, giữa lúc bọn bình định đưa xe có gắn loa phóng thanh về khu vực Ma Lâm tuyên truyền bậy bạ và nói xấu cách mạng, gần 500 quần chúng dưới sự hướng dẫn của cơ sở đã kéo đến bao vây đòi đánh và đốt xe. Một số cụ già xông vào bứt giấy, giật loa không cho chúng nói. Hoảng sợ, bọn bình định chạy vào cầu cứu tên quận trưởng. Tưởng ngon ăn, tên quận trưởng vừa đến nơi đã ra lệnh đàn áp. Như lửa đổ thêm dầu, nhiều cụ già đã phanh áo, chỉ ngực và thách hấn bắn. Trước khí thế hùng hực của mọi người, tên quận trưởng đành xuống nước, xoa dịu nhận lỗi và hứa sẽ không cho bọn lính xác láo với đồng bào.

Cũng như trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ngày nay Bình Thuận và Bình Tuy (Bình Thuận cũ) vẫn là một chiến trường gian khổ và ác liệt, nằm sâu trong lòng địch, xa sự chỉ đạo và chi viện của Trung ương cũng như của Miền. Lượng hàng do trên cung cấp hàng năm rất ít ỏi, thông thường chỉ nhận được một ít súng đạn không đủ để trang bị cho lực lượng vũ trang Quân khu và Tỉnh. Còn bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích thì chủ yếu là cướp súng giặc, hoặc dùng vũ khí thô sơ tự tạo thế đánh giặc. Về lương thực, thực phẩm và những hàng nhu yếu phẩm khác đều dựa vào nguồn hậu cần tại chỗ mà chủ yếu là sản xuất tự túc và sự đóng góp của nhân dân địa phương để nuôi quân đánh giặc.

Do đó, ngoài việc chiến đấu, xây dựng và phát triển lực lượng, Khu ủy và Quân khu ủy cũng như các Tỉnh ủy Bình Thuận và Bình Tuy đều có nghị quyết về

công tác hậu cần, chỉ rõ: "...Phải tập trung sự lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức lực lượng bảo vệ, tạo điều kiện cho dân bám đất sản xuất. Trên cơ sở phong trào vận công, đổi công tiến lên hợp tác xã cấp thấp ở một số nơi trong vùng căn cứ, động viên đồng bào hăng hái đóng góp đảm phụ kháng chiến, bán nhiều lương thực, thực phẩm cho cách mạng. Mặt khác, các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang phải kết hợp chặt chẽ giữa chiến đấu, huấn luyện, công tác mà tranh thủ thời gian đẩy mạnh sản xuất tự túc. Các hậu cứ sản xuất của Khu, của Tỉnh của huyện và các đơn vị phải tập trung trồng thật nhiều khoai lang, khoai mì và bắp để giải quyết một phần khó khăn trong khi sự chi viện của trên và sự đóng góp của dân chưa đáp ứng kịp, đồng thời có lượng dự trữ cho nhiệm vụ hoạt động sắp đến. Khẩn trương phát triển các tuyến đường giao liên thành đường vận chuyển vũ khí, khí tài, nhất là các tuyến đường qua các tỉnh đến Quân khu..."

Thực hiện chủ trương trên đây, một phong trào sản xuất tự túc được đẩy lên mạnh mẽ khắp các địa phương và đơn vị. Bên cạnh đó từng tỉnh, từng huyện, đội công tác... cũng khẩn trương tích cực móc nối mở thêm nhiều cửa khẩu trên các tuyến giao thông như: Quốc lộ 1A, đường 3, đường 8, đường 20... để thu mua lương thực, thực phẩm, thuốc tân dược và một số loại vũ khí từ cần thiết để trang bị cho lực lượng vũ trang chiến đấu. Bằng phương pháp theo đổi mua bán lâm sản và cơ sở bên trong chuyển ra. Nhờ đó, trong năm 1974, ta đã thu được hàng ngàn tấn lúa, khoai, mì, bắp. Nhân dân từ các vùng căn cứ đến các vùng sau lưng địch đều hăng

hái đóng góp cho cách mạng hàng trăm tấn lương thực thực phẩm, thuốc chiến thương và các mặt hàng thiết yếu khác. Các đơn vị công binh, đồng bào ở vùng căn cứ và dân công tích cực khẩn trương mở các tuyến đường từ Sa Lôn qua đèo nam xuống Hàm Thanh và từ Hàm Thanh xuống suối Trăm Bầu. Đặc biệt là tập trung cho tuyến đường quân sự làm gấp dài 150 Km xuyên suốt dọc vùng giải phóng từ nam đường 20 đến dốc lá.

Các đoàn vận tải H50 của Quân khu và của đoàn vận tải H60 (Trung Sơn) của tỉnh Bình Thuận ngày đêm băng qua sông rộng, đầm lầy, vực thẳm, dốc cao để vượt cung, tăng chuyển. Nhiều chiến sĩ vận tải đã lập nên kỷ lục bất ngờ như Nguyễn Thành Nguyên, Văn Công An mang đến 125 kg (4 quả đạn DKZ và 15 quả đạn cối 82 hoặc 40 quả đạn B40 đủ liều). Đặc biệt là các chiến sĩ gái cũng không thua kém nam như Bép Thị Tám, Cha Ma Lé Đưa, Cha Ma Lé Ké mang từ 22 quả lên đến 25 quả đạn B40; các cô: Phượng, Loan, Lê Thị Ninh, Nguyễn Thị Nguyệt, Ung Thị Hòa, Phạm Thị Hường và Đoàn Thị Nở đã gửi từ 60 lít đến 70 lít gạo. Riêng Lê Thị Nguyên người nặng không quá 45 kg, nhưng mang bông (túi đựng gạo) nặng đến 56 kg. Một số chị em, tuy chưa biết đi xe đạp, trong đó có Phạm Thị Thu vẫn xung phong nhận xe đạp thồ và đã thồ đến 195 kg vượt qua đường dốc quanh co hiểm trở. Bằng đôi vai trần và đôi chân đất, cùng một số phương tiện vận tải thô sơ (xe đạp thồ), đoàn vận tải H50 và đoàn vận tải H60 đã đưa hàng trăm tấn súng đạn và các mặt hàng quân sự khác do cấp trên chi viện từ biên giới Campuchia về đến các nơi quy định an toàn, phục vụ kịp thời cho yêu

cầu chiến đấu.

III. Chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh

Thực hiện Chỉ thị và kế hoạch hoạt động chung của Miền là: "...chủ động đánh phủ đầu quân địch, đẩy lùi chúng vào thế suy sụp mới, làm thay đổi cục diện chiến trường có lợi cho ta...", ngay từ quý 3 năm 1974, Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 đã tập trung chuẩn bị mọi mặt cho việc mở chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh theo nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Miền giao là "...Tập trung lực lượng cùng với Sư đoàn 6 (thiếu) chủ lực của Quân khu 7 giải phóng 2 huyện Hoài Đức, Tánh Linh với 60.000 dân trong 2 tháng...).

Vì hai huyện Hoài Đức và Tánh Linh thuộc tỉnh Bình Tuy của Quân khu 6, nhưng theo sự phân chia chiến trường của địch thì Bình Tuy thuộc Quân khu 3, còn Bình Thuận trở ra thuộc Quân khu 2. Do đó, tuy vị trí của hai huyện này không phải trung tâm xung yếu của Quân khu 6, song nó lại có ý nghĩa và tầm quan trọng chung cho toàn chiến trường B2, có liên quan chặt chẽ đến miền Đông Nam Bộ, Nam Tây Nguyên. Làm chủ khu vực này, ta sẽ chia cắt giữa Quân khu 2 và Quân khu 3 của địch, tạo bàn đạp bao vây, cô lập Sài Gòn từ hướng đông.

Sau khi giao nhiệm vụ cho Quân khu 6 và Quân khu 7 mở chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh để phối hợp với chủ lực miền (B2) trên hướng chủ yếu ở đường 14-Phước Long, Quân ủy miền đã chỉ định Đảng ủy chiến dịch gồm các đồng chí: Lê Văn Hiền, Phó Chính ủy Quân

khu 6; Bảy Mai, Chính ủy Sư đoàn 6; Lê Văn Sĩ (Hai Sĩ), Tư lệnh sư đoàn 6; Bùi Văn Mỹ, Phó Tư lệnh Quân khu 6; Chín Chuốc, Lê Khắc Thành, Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy và Nguyễn Thanh Đức (Tư Thanh), Tỉnh đội trưởng Bình Tuy. Cùng với Đảng ủy chiến dịch, Bộ Chỉ huy chiến dịch cũng được Bộ Tư lệnh Miền chỉ định các đồng chí: Lê Văn Hiến làm Chính ủy, Bảy Mai làm Phó Chính ủy, Lê Văn Sĩ làm Chỉ huy trưởng và Bùi Văn Mỹ làm Phó Chỉ huy trưởng. Đại diện cấp trên có: đồng chí Thiếu tướng Nguyễn Minh Châu, Tham mưu trưởng miền, trực tiếp theo dõi và chỉ đạo. Ngoài ra, còn có các đồng chí: Thiếu tướng Dương Cự Tầm, Chính ủy Quân khu 7, tham gia chỉ đạo và theo dõi khối lực lượng Quân khu 7; Trung tá Phạm Hoài Chương, Phó chủ nhiệm Cục chính trị Quân khu 6, làm phái viên chiến dịch và theo dõi khối lực lượng Quân khu 6.

Lực lượng sử dụng gồm: Sư đoàn 6 (thiếu) của Quân khu 7 có: 2 trung đoàn bộ binh (e33 và e4), ba tiểu đoàn đặc công (18, 19 và 20) một tiểu đoàn pháo mặt đất (d22), một tiểu đoàn súng máy cao xạ (d24), một đại đội trinh sát, một đại đội đội pháo 85 nòng dài, 1 đại đội pháo H12 và ĐKB 20. Lực lượng của Quân khu 6 có: Trung đoàn bộ binh 812, Tiểu đoàn đặc công 200c, Đại đội bộ binh 88 của Tỉnh đội Bình Tuy và các đại đội địa phương, đội công tác, dân quân du kích của 2 huyện Hoài Đức, Tánh Linh.

Theo kế hoạch hiệp đồng chung vào “N”, Sư đoàn 6 sẽ được tăng cường Tiểu đoàn 186 (thiếu) của Trung đoàn 812, phụ trách hướng chủ yếu đánh tiêu diệt giải

phóng toàn bộ huyện Hoài Đức, trong đó mục tiêu then chốt là chi khu quận lý Hoài Đức (Võ Đắc). Trung đoàn 812 (thiếu) được tăng cường Tiểu đoàn đặc công 200c và Đại đội 88 Bình Tuy đảm nhiệm hướng thứ yếu, đánh địch giải phóng huyện Tánh Linh, mục tiêu then chốt là điểm cao Lồ Ô và chi khu Tánh Linh (Lạc Tánh).

Nếu đúng theo kế hoạch thì chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh sẽ nổ súng vào đêm 05 rạng ngày 06-12-1974. Song, trong quá trình chuẩn bị và nhất là gần đến ngày “N” thì lại xảy ra nhiều tình huống ngoài dự kiến. Tên Môn (Tiểu đội trưởng của Tiểu đoàn đặc công 200c thuộc Quân khu 6) đã đào ngũ theo giặc. Đồng chí Thuyết, Tiểu đoàn trưởng của Trung đoàn 33, đi chuẩn bị chiến trường có mang theo tài liệu gặp địch phục kích bắn bị thương, bị bắt và hy sinh. Do đó, địch đã nắm tương đối rõ khu vực chiến dịch, các điểm then chốt và ý định sử dụng lực lượng của ta nhưng không biết cụ thể ngày nào và lực lượng nào đánh vào đâu (trừ Trung đoàn 33 đánh viện ở liên tỉnh lộ 3) nên chúng đã điều Tiểu đoàn bảo an 334 từ Tánh Linh lên tăng cường phòng giữ xung quanh chi khu Hoài Đức (Võ Đắc), điều Tiểu đoàn bảo an 335 từ Long An ra tăng cường cho chi khu Tánh Linh. Các đơn vị như Liên đoàn 7 biệt động quân, Chi đoàn cơ giới 3/5 và 2 trung đội pháo cũng được chúng điều chỉnh bố trí trên liên tỉnh lộ 3 thuộc địa phận huyện Hoài Đức. Chúng còn điều một tiểu đoàn bảo an của Long Khánh đến tăng cường cho chi khu Lộc Ninh và cơ động hoạt động ở khu vực Gia Rây. Tại ngã ba Ông Đồn có Chiến đoàn 48 thuộc Sư đoàn 18 đứng chân, sẵn sàng cơ động chi viện. Hàng ngày, bọn biệt kích

liên tục đột vào các khu vực trung điểm hòng phá hoại và ngăn chặn sự chuẩn bị của ta. Ở Bình Thuận, đi đôi với việc điều chi đoàn xe bọc thép về lại Phan Thiết, chúng còn tăng cường lực lượng để phòng thủ dọc liên tỉnh lộ 8 và vùng ven Phan Thiết.

Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy chiến dịch đã xin ý kiến và được Bộ Tư lệnh Miền cho lùi ngày "N" lại để chuẩn bị thêm. Tuy có điều chỉnh một phần phương án cho phù hợp với tình hình địch, nhưng Bộ Chỉ huy chiến dịch vẫn giữ quyết tâm là đánh Hoài Đức và Tánh Linh. Ở hướng chủ yếu ta dùng 2 tiểu đoàn đặc công (d18 và d20) đánh vào chi khu Hoài Đức, đưa Trung đoàn 4 xuống liên tỉnh lộ 3 cùng với Trung đoàn 33 chặn và cài thế diệt một tiểu đoàn địch gây thối động lớn các đồn bót lẻ, chia cắt địch mở hành lang. Ở hướng thứ yếu, ta không đánh chi khu Tánh Linh ngay từ đầu, mà tập trung lực lượng đánh diệt và chiếm giữ điểm cao Lô Ổ để khống chế chi khu, đồng thời giải phóng vùng nông thôn xung quanh tiến hành bao vây cô lập sau đó mới đánh chi khu.

Thực hiện phương án trên đây, đúng 02 giờ sáng ngày 10-12-1974, trên hướng chủ yếu, lực lượng của Sư đoàn 6 đã đồng loạt nổ súng tiến công vào chi khu Hoài Đức, núi Bảo Đại, núi Dinh và Đồi Su. Ta đã chiếm và chốt giữ núi Dinh, còn núi Bảo Đại do không có lực lượng chốt giữ nên địch đã chiếm lại, đồi Su đánh không dứt điểm. Riêng chi khu Hoài Đức thì Tiểu đoàn đặc công 20 chỉ đánh được 1 mũi rồi quay ra, còn Tiểu đoàn đặc công 18 do chỉ huy dao động nên bỏ cuộc.

Cùng thời gian trên, ở hướng thứ yếu, Tiểu đoàn đặc công 200c và Đại đội 1 của Tiểu đoàn 15 bộ binh cùng một bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn trợ chiến 130 tổ chức thành 4 mũi đánh vào cứ điểm Lô Ổ.

Cứ điểm Lô Ổ cách chi khu Tánh Linh khoảng 700 mét về hướng tây nam, nằm trên dãy núi Lô Ổ có đỉnh cao 250 mét, rộng từ 100 đến 150 mét và dài khoảng 300 mét, xung quanh dốc đứng, nhất là về phía tây và có nhiều cỏ, lau sậy mọc kín um tùm. Lực lượng địch chốt giữ ở đây có khoảng 150 tên do 2 tên đại úy chỉ huy và chia làm 2 khu vực: Khu A (hay gọi là mỏm nam) do Đại đội bảo an 878 chốt giữ. Khu B (mỏm bắc) là trận địa pháo có 2 khẩu 105 ly và 1 trung đội dân vệ chốt giữ. Về trang bị, ngoài 2 khẩu pháo, còn có 2 cối 60 ly, 2 trọng liên 12,7 ly và nhiều vũ khí cá nhân khác. Hệ thống công sự tương đối vững chắc và chướng ngại vật có 9 lớp rào kẽm gai hỗn hợp (đơn, bùng nhùng và lò so). Đây là một cứ điểm then chốt, khống chế cả khu vực và bảo vệ trực tiếp cho chi khu Tánh Linh.

Sau khi tìm nhập vào vị trí được phân công, đúng 2 giờ 35 phút ngày 10-12-1974, Tiểu đoàn đặc công 200c bắt đầu nổ mìn ĐH10 đánh vào khu A (mỏm nam) và trận địa pháo (mỏm bắc). Mũi thứ nhất có 27 đồng chí từ điểm triển khai phía tây nam đi vòng lên phía bắc, luôn sâu qua phía đông (phía chi khu) tìm nhập lên, nổ mìn phá hàng rào đánh chiếm các ụ súng, bờ tường và chiến hào mỏm nam nhưng bị hỏa lực địch chặn đánh, chưa phát triển vào sâu được. Mũi thứ 2 có 20 đồng chí cũng từ điểm triển khai đi vòng lên tìm nhập vào mỏm

bắc để đánh vào trận địa pháo nhưng cũng bị hỏa lực địch ngăn chặn không tiếp cận được. Giữa lúc đó thì Chính trị viên phó Tiểu đoàn Lưu Văn Khâm mũi trưởng hy sinh, đồng chí Hùng mũi phó phải dùng hỏa lực áp chế địch và cho đội hình toàn mũi áp sát vào tường. Cùng lúc đó, mũi thứ 3 có 20 đồng chí đánh chiếm đầu cầu phía tây mỏm nam và phát triển thuận lợi. Đồng thời, mũi thứ tư có 20 đồng chí từ phía nam đánh chiếm xong lô cốt cổng chính khu A (mỏm nam) đang phát triển vào khu truyền tin và bắt được liên lạc với mũi 1 và mũi 3. Quyết kết thúc nhanh trận đánh, Tiểu đoàn trưởng Phước liền chỉ huy hiệp đồng cả 3 mũi 1, 3 và 4 đánh thẳng vào khu trung tâm sở chỉ huy địch nhưng vẫn không dứt điểm được, vì mũi 2 ở phía bắc chưa chiếm được trận địa pháo.

Trước tình hình đó, Phó Chỉ huy trưởng chiến dịch Bùi Văn Mỹ và Trung đoàn trưởng Trung đoàn 812 Phạm Ty liền điều ĐKZ 75 vào mỏm nam, thiết lập trận địa ngắm bắn trực tiếp vào mỏm bắc, đồng thời đưa lực lượng dự bị vào mở đột phá đánh sang trận địa pháo. Được hỏa lực ĐKZ áp chế có hiệu quả, mũi 2 ở phía bắc đã vượt qua tường hiệp đồng cùng các mũi phía nam và lực lượng dự bị đánh chiếm trận địa pháo. Sau 4 giờ chiến đấu đầy mưu trí và dũng cảm, Tiểu đoàn đặc công 200c và Tiểu đoàn 15 bộ binh đã làm chủ hoàn toàn cứ điểm Lô Ô.

Sau khi đánh chiếm xong cứ điểm Lô Ô, Bộ Chỉ huy chiến dịch liền quyết định để Đại đội 1 thuộc Tiểu đoàn 15 cùng 1 bộ phận hỏa lực của Tiểu đoàn 130 ở lại chốt

giữ và tổ chức phòng ngự điểm tựa để đánh địch phản kích, đồng thời dùng hỏa lực khống chế chi khu Tánh Linh.

Cùng phối hợp với lực lượng đánh chiếm Lò Ô, Đại đội 5 đặc công trinh sát cùng Trung đoàn 812 đánh chiếm Đồi Giang do Đại đội bảo an 37 chiếm giữ (đây cũng là đài tiếp vận của chi khu Tánh Linh) cách chi khu Tánh Linh khoảng 700 mét về phía đông bắc. Đại đội 3 của Tiểu đoàn 15 và trinh sát của Trung đoàn đánh bứt rút 1 chốt dã chiến của địch ở tây bắc cứ điểm Lò Ô. Tiểu đoàn 840 đánh diệt các chốt địch ở xã Dú, đồi Đá, ấp Chăm, Nùng, Quang Hà và Lạc Tánh phía nam chi khu. Đại đội 431 của Tánh Linh và du kích đánh chiếm phân chi khu và áp chiến lược Huy Lễ. Riêng đồi Giang, sau khi đánh, ta không để lực lượng chốt giữ nên địch đã chiếm lại.

Trên hướng tỉnh lộ 3, đại đội trinh sát của Trung đoàn 33 đánh chiếm bót cầu Gia Huynh và phá cầu, rồi cùng 1 tiểu đoàn bộ binh chốt giữ phía nam cầu. Lực lượng còn lại của Trung đoàn 33 triển khai cơ động phía đông nam khu vực Gia Huynh 2 km.

Được tin chi khu Võ Đắc bị bao vây, cứ điểm Lò Ô bị tiêu diệt, nhiều đồn bót lẻ và liên tỉnh lộ 3 cũng đang bị ta chốt giữ, sáng ngày 10-12-1974, tên Sư trưởng Sư đoàn 18 và Tiểu khu trưởng Bình Tuy cùng đi bằng máy bay L19 và trực thăng đi quan sát tình hình để đối phó. Ngày 11-12, chúng dùng trực thăng đổ quân xuống chi khu Tánh Linh để tăng cường lực lượng và lấy xác, lấy lính bị thương nhưng chúng bị ta bắn bị thương 1 chiếc.

Cũng trong ngày 11-12, địch sử dụng 2 đại đội bảo an 710 và 720 cùng 1 đại đội của Tiểu đoàn bảo an 335 phối hợp với bọn biệt kích, dưới sự yểm trợ của máy bay A37 ném bom và trực thăng phóng pháo, 8 lần phản kích lên điểm cao Lò Ô nhưng đều bị Tiểu đoàn 15 đẩy lùi.

Cũng vào thời gian ấy, Liên đoàn 7 biệt động quân cơ động bằng xe đã lọt vào trận địa phục kích của Trung đoàn 33. Nhưng do Trung đoàn nắm địch không chắc nên đã bỏ lỡ thời cơ, ta mới diệt được 2 xe ở cây số 10 – 11 thì địch đã lùi lại. Sau đó, chúng dùng 25 xe chở 1 tiểu đoàn bộ binh và pháo binh cùng 1 chi đội cơ giới tiếp tục tiến lên theo liên tỉnh lộ 3. Chúng dùng thủ đoạn đi từng chiếc rất dè dặt, còn ta thì chờ cho địch dồn lại mới đánh. Do đó, ban chỉ huy nhẹ của Liên đoàn 7 biệt động quân cùng 1 đại đội bộ binh, 2 khẩu đội pháo và 3 xe tăng của chúng đã lên đến Trà Tân 1 an toàn. Đến 14 giờ 25 phút cùng ngày, chúng lại tiếp tục dùng 6 xe chở lính cùng 3 khẩu đội pháo lên Trà Tân nhưng bị lực lượng của Trung đoàn 33 chặn đánh, diệt 4 xe, phá hủy 3 khẩu pháo tại khu vực cây số 10 – 11. Như vậy, Liên đoàn 7 của chúng còn 1 tiểu đoàn đang đứng chân tại Lộc Ninh.

Nhằm đánh bại ý đồ chiếm liên tỉnh lộ 3 để thực hành giải tỏa của địch và tạo cho được 1 trận tiêu diệt lớn tại đây, chặn đứng viện binh của chúng, đến 11-12, Trung đoàn 33 sử dụng hai đại đội bộ binh ra chốt chặn tại khu vực cây số 10 – 11, đồng thời Trung đoàn 4 chuẩn bị tập kích diệt ban chỉ huy nhẹ của Liên đoàn 7

biệt động quân tại Trà Tân 1 vào tối hôm sau (12-12).

Tuy nhiên, lúc 9 giờ 45 phút ngày 12-12, Chiến đoàn 48 của địch lại từ Lộc Ninh hành quân ra theo liên tỉnh lộ 3 lên và chia thành ba cánh đánh vào khu vực chốt của Trung đoàn 33 (cây số 10 – 11): Tiểu đoàn 1/48 đi phía tây đường, Tiểu đoàn 85 biệt động quân đi phía đông cách đường 100 mét, Tiểu đoàn 2/48 và xe bọc thép đi theo đường. Cùng lúc đó, 1 đại đội của Tiểu đoàn 32 biệt động quân từ Trà Tân 2 tiến xuống phối hợp.

13 giờ 40 phút, lực lượng Trung đoàn 33 của ta nổ súng đánh thiệt hại nặng 3 đại đội địch và làm chủ chiến trường. Tiểu đoàn 32 của địch có 1 đại đội đóng tại km 10 – 11 bị ta diệt, còn 32 tên chạy về Lộc Ninh. Các Đại đội 1, 2, 4 của địch từ Trà Tân xuống phản kích cũng bị chặn đánh. Tên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 32 bị thương nặng. Tuy nhiên, sau khi đánh xong ta lại lùi về nên địch đã lợi dụng đêm tối tổ chức lực lượng lên chiếm lại một phần trận địa và sau đó, đã đưa được Tiểu đoàn 85 cùng Tiểu đoàn 2/48 lọt luôn qua trận địa ta, lên gần cầu Gia Huỳnh và Trà Tân 2.

Do tình hình trên nên ý định của ta dùng Trung đoàn 4 tập kích vào Trà Tân 1 không thực hiện được. Trong những ngày tiếp theo, Bộ Chỉ huy chiến dịch cho chốt giữ những nơi đã chiếm được, tiếp tục vây ép 2 chi khu Tánh Linh và Hoài Đức, đánh địch phản kích và giải phóng các ấp còn lại.

Thực hiện chủ trương đó, Sư đoàn 6 đã sử dụng 1 bộ phận lực lượng của Trung đoàn 4 cùng Trung đoàn 33

đánh dứt điểm các chốt địch ở đồi Đá, cầu Nín Thở và giữ vững các chốt của ta trên liên tỉnh lộ 3. Liên tỉnh lộ 3 bị chia cắt thành nhiều đoạn xen kẽ giữa ta và địch. Các đơn vị biệt động quân và Chiến đoàn 48 của Sư đoàn 18 nguy bị ta bao vây, cô lập thành từng cụm không tiến lên được mà cũng không lùi lại được. Lực lượng còn lại của Trung đoàn 4 áp sát quận lỵ Võ Đắc và vây ép chi khu Hoài Đức. Riêng Tiểu đoàn 186 tiếp tục vây ép các bót dân vệ ở Võ Xu.

Ở khu vực Tánh Linh, ngày 14-12-1974, Đại đội 1 của Tiểu đoàn 840/812 cùng Đại đội 88 Bình Tuy tiến hành bao vây cứ điểm Duy Cần do Đại đội bảo an 700 chiếm giữ. Trước sức ép của ta, đêm 19-12, bọn địch ở Duy Cần bỏ đồn rút chạy về phía cầu Lăng Quảng. Ta tiếp tục phát triển đánh chiếm phân chi khu và giải phóng Gia An, sau đó thọc xuống Huy Lễ, Hiếu Tín sát phía bắc chi khu Tánh Linh. Ở phía nam chi khu, một bộ phận khác của Tiểu đoàn 840 đánh chiếm xã Dú, ấp Chăm và cùng Tiểu đoàn 15 chốt giữ cao điểm Lô Ô, liên tục đánh địch phản kích và dùng hỏa lực chế áp, vây ép chi khu.

Trong quá trình chiến đấu, các lực lượng vũ trang còn phân công một bộ phận cùng với các đội công tác dưới sự chỉ đạo của đồng chí Mười Bắc (Lê Thứ) - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời Khu 6 và các cán bộ chính trị của khu tiến hành huy động quần chúng phá rào các ấp chiến lược. Tổ chức đưa gần 1 vạn dân ở Bắc Sông (bắc sông La Ngà) bị địch dồn sang Nam Sông vào những năm 1966 - 1967 về lại đất cũ.

Sau 14 ngày đêm đánh chiếm và chốt giữ điểm cao Lô Ô, vây ép, đánh phá gây nhiều thiệt hại cho chi khu, giải phóng phần lớn nông thôn huyện Tánh Linh và một phần nông thôn huyện Hoài Đức, cắt đứt liên tỉnh lộ 3 thành nhiều đoạn và chặn đứng viện binh của địch, vây ép chi khu Hoài Đức, ngày 23-12-1974, Bộ Chỉ huy Chiến dịch hạ quyết tâm đánh diệt chi khu Tánh Linh, để sau đó tập trung dứt điểm chi khu Hoài Đức.

Đúng 23 giờ đêm 23-12-1974, dưới sự chỉ huy của đồng chí Bùi Văn Mỹ - Phó Chỉ huy trưởng và đồng chí Lê Văn Hiền - Chính ủy Bộ Chỉ huy Chiến dịch, Trung đoàn 812 và Tiểu đoàn 200c đặc công Quân khu 6 tổ chức thành 3 mũi trên 2 hướng tây bắc và tây nam đánh vào chi khu Tánh Linh. Sau 30 phút pháo hỏa chuẩn bị, mũi đột phá chủ yếu của Tiểu đoàn 840 từ hướng tây và mũi đột phá thứ yếu của Đại đội 1 Tiểu đoàn 15 cùng một bộ phận đặc công của Tiểu đoàn 200c từ hướng tây nam đồng loạt nổ súng đánh vào chi khu. Riêng mũi luân sâu của Tiểu đoàn đặc công 200c đã bí mật men theo khe nước từ phía bắc tiếm nhập vào ếm sẵn ở mép dưới hầm cống nước. Khi pháo chuẩn bị vừa chuyển tâm, lập tức các tổ đặc công này đã nhảy vọt lên đánh chiếm đầu cầu và một góc phía bắc chi khu, phối hợp với Đại đội 3 Tiểu đoàn 840 và Đại đội 1 Tiểu đoàn 15 từ ngoài vào. Sau khi Đại đội 3/840 vào được cửa mở đã cùng với Tiểu đoàn 200c thọc vào trung tâm, đánh chiếm sở chỉ huy chi khu và từng khu để kháng của địch. Riêng hệ thống lô cốt chìm và công sự ngầm, ta đã đánh chiếm xong nhưng địch phục hồi lại được và chống trả quyết liệt. Trận đánh kéo dài và trở nên phức tạp.

Để giải quyết dứt điểm, các đồng chí Bùi Văn Mỹ và Phạm Ty tung hết lực lượng dự bị vào đánh chiếm và chốt giữ từng ngách hầm. Sau khi dùng bộc phá khối đánh nổ tung hầm cố thủ, ta làm chủ hoàn toàn được chi khu, tiếp tục tảo trừ và đánh địch phản kích từ bên ngoài vào.

Phối hợp với lực lượng đánh chi khu, lúc 9 giờ ngày 24-12, Tiểu đoàn 186 đánh thiệt hại nặng 1 đại đội của Tiểu đoàn bảo an 335 ở Quan Hà (phía nam chi khu). Nhưng sau đó, lực lượng còn lại của tiểu đoàn bảo an này lại từ phía đông nam phản kích vào chi khu quyết liệt. Các Tiểu đoàn 840, 15 và 186 phải liên tục đánh địch bên ngoài và tảo trừ xung quanh. Mãi đến 16 giờ 30 ngày 24-12, ta mới diệt hết địch ở xung quanh chi khu và các ấp Quan Hà, xã Dú, Hiếu Tín, Lạc Tánh. Bọn địch ở đồi Giang bị Đại đội 5 đặc công của Tiểu đoàn 840 và một bộ phận hỏa lực vây ép suốt ngày 24. Đến đêm, chúng bí mật rút chạy. Lữ tàn quân đang co cụm trên đồi xã Dú cũng bị Tiểu đoàn 186 vây ép và trong đêm 25-12, chúng phải phân tán thành từng toán bí mật rút chạy về phía Quốc lộ 1A.

Đến 7 giờ sáng ngày 26-12-1974, sau 16 ngày đêm chiến đấu liên tục trong đội hình Chiến dịch, Trung đoàn 812, Tiểu đoàn đặc công 200c đã cùng các lực lượng vũ trang địa phương Bình Tuy quét sạch toàn bộ quân địch, giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trên hướng chủ yếu, các Trung đoàn 33 và Trung đoàn 4 của Sư đoàn 6 vẫn chặn đứng quân chi viện, cắt

đứt liên tỉnh lộ 3 và bao vây, cô lập chi khu Hoài Đức.

Trước nguy cơ chi khu Hoài Đức bị tiêu diệt, ngay trong ngày 26-12-1974, địch dùng trực thăng bốc Tiểu đoàn bảo an 334 còn lại ở Trà Tân 2 về tăng cường giữ chi khu. Sáng ngày 27-12, chúng đổ tiếp Đại đội trinh sát 513 của tiểu khu Bình Tuy xuống chi khu, đồng thời Sư đoàn 18 cũng điều Chiến đoàn 43 từ Thủ Dầu Một theo đường 20 lên Định Quán (km 125), từ đó mở đường vượt qua sông La Ngà sẵn sàng chi viện cho chi khu Hoài Đức từ hướng tây. Chúng lập trận địa pháo 12 khẩu tại Trà Cổ và đến ngày 28 thì dùng trực thăng bốc Tiểu đoàn 1 của chiến đoàn này (43) đổ xuống phía bắc chi khu. Trên liên tỉnh lộ 3, chúng chuyển Liên đoàn 7 biệt động quân về Long Khánh để củng cố, đưa Chiến đoàn 48/18 về giữ ngã ba Ông Đồn.

Sau khi giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh, Bộ Chỉ huy Chiến dịch liền quyết định để Tiểu đoàn 15 ở lại cùng với lực lượng địa phương bảo vệ vùng giải phóng, Trung đoàn 812 (thiếu) và Tiểu đoàn đặc công 200c sang phối hợp với Sư đoàn 6 đánh dứt điểm chi khu Hoài Đức. Tuy nhiên, để phù hợp với tình hình địch mới tăng cường, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đề ra phương án đánh chi khu như sau:

Điều 1 bộ phận của Trung đoàn 33 từ liên tỉnh lộ 3 về đánh chiếm ấp Tư Tề phía tây chi khu; đồng thời dùng toàn bộ Trung đoàn 4 và các Tiểu đoàn đặc công của Sư đoàn 6 phối hợp với lực lượng Quân khu 6 (e 812 và d 200c) đánh vào thị trấn Võ Đắc, diệt chi khu theo cách đánh bóc vỏ: diệt các điểm nhỏ, diệt bớt sinh lực

địch ở vòng ngoài, đưa lực lượng luân lách vào đột phá đánh dứt điểm chi khu. Sau đó, quay ra diệt Tiểu đoàn 1 của Chiến đoàn 43.

Thực hiện phương án trên, từ ngày 31-12-1974 đến ngày 02-1-1975, các đơn vị lần lượt đánh chiếm các mục tiêu xung quanh chi khu Hoài Đức. Tiểu đoàn 8 Trung đoàn 33 từ phía tây, tây bắc đánh chiếm bót dân vệ ở ấp Tư Tề và bao vây đồi Bảo Đại. Tiểu đoàn 1 Trung đoàn 4 vây ép Đại đội 4 của Tiểu đoàn 1 thuộc Chiến đoàn 43 ngụy sát phía tây chi khu. Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 4 đánh bót dân vệ ở sân bay và tiến vào chiếm thôn 5 Võ Đắc. Tiểu đoàn 3 Trung đoàn 4 từ hướng tây nam chi khu đánh chiếm các bót dân vệ ở thôn 3, thôn 9 và phân chi khu Võ Đắc. Tiểu đoàn 186 Trung đoàn 812 từ phía tây bắc đánh chiếm các bót dân vệ ở thôn 2 và thôn 6 Võ Đắc. Tiểu đoàn 840 Trung đoàn 812 đánh chiếm chốt địch ở nhà thương phía đông chi khu và tổ chức trận địa ĐKZ 75 bắn vào chi khu.

Phát hiện vòng vây của quân ta ngày càng siết chặt, ngày 01-1-1975, Tiểu đoàn 2 cùng 2 khẩu đội pháo 105 ly và Ban chỉ huy nhẹ Chiến đoàn 43 ngụy từ ấp Đồng Hiệp vượt sông La Ngà sang chi viện cho chi khu nhưng chúng bị Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 33 chặn đánh quyết liệt buộc phải tháo lui. Không đi đường bộ được, ngay trong ngày hôm ấy, chúng dùng trực thăng đổ đại đội trình sát xuống đồi Bảo Đại để thay cho Đại đội 2 Tiểu đoàn bảo an 334 về giữ chi khu.

Sau 3 ngày đánh bóc vỏ và vây ép chi khu, lúc 02 giờ 15 phút sáng ngày 03-1-1975, quân ta bắt đầu nổ súng

công kích chi khu. Sau 30 phút hỏa lực chuẩn bị, các mũi đặc công của Tiểu đoàn 20 (Sư đoàn 6) và 200c (Quân khu 6) thực hành đột phá chi khu trên 2 hướng tây nam và đông bắc. Song, cả 2 lực lượng đều gặp bọn địch nằm sẵn ở ngoài ngăn chặn và do hỏa lực ta chế áp không hiệu quả nên cũng không có mũi nào mở được cửa mở và đành phải trụ lại tại chỗ tiếp tục đánh địch ở phía nam chi khu. Trong các ngày 03 và 04-01, lực lượng ta tiếp tục siết chặt vòng vây. Đến đêm 04 rạng ngày 05-01, ta tiếp tục mở đợt tiến công mới vào chi khu. Tuy nhiên, lần này cũng như lần trước, sau khi pháo bắn chuẩn bị thì cả 2 Tiểu đoàn 20 và 200c vẫn không tiến lên được vì bị địch ngăn chặn. Giữa lúc 2 tiểu đoàn đặc công đang tìm cách khắc phục thì Tiểu đoàn 840 đã đặt xong mìn ĐH20 để phá rào mở cửa phía đông chi khu. Phát hiện được tình hình đó, Chỉ huy trưởng Chiến dịch hạ lệnh hoãn nổ mìn để chờ đặc công nhưng không kịp. Do đó, Tiểu đoàn 840 đã một mình đột phá và bị hỏa lực địch tập trung ngăn chặn quyết liệt, cuối cùng cũng không vượt được cửa mở. Không còn cách nào khác, Chỉ huy trưởng Chiến dịch phải ra lệnh ngừng tiến công.

Để tăng cường thêm lực lượng cho chi khu, trưa ngày 05-01, địch đổ tiếp Tiểu đoàn 2 thuộc Chiến đoàn 43 xuống đông nam đồi Bảo Đại, rồi tiến về phía chi khu nhưng bị ta chặn đánh, buộc chúng phải quay lại. Tuy vậy, ngày 06-01, tiểu đoàn này vẫn vào được Sùng Nhơn.

Từ ngày 05 đến ngày 07-01, các đơn vị của ta tiếp tục đánh địch phản kích, đánh các chốt ngoại vi và vây ép chi khu. Đêm ngày 8-1-1975, ta đưa pháo 85 ly bắn

vào chi khu nhưng không thấy mục tiêu nên bắn không trúng, lại bị pháo địch bắn trả làm Đại đội trưởng và một số chiến sĩ hy sinh.

Sau 10 ngày đánh địch ở ngoại vi và 2 lần tổ chức đột phá vào chi khu không thành công, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã xin ý kiến và được sự đồng ý của Bộ Tư lệnh Miền cho kết thúc đợt 1.

Để tạo điều kiện cho những hoạt động tiếp theo và sẵn sàng chuẩn bị bước vào đợt 2, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã sử dụng Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 4 và Tiểu đoàn 9 Trung đoàn 33 cùng một phận hỏa lực của Sư đoàn 6 tiếp tục vây lỏng chi khu. Mặt khác, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đưa Trung đoàn 812 (thiếu) sang phía bắc tiếp tục đánh đồn bót, phân chi khu và giải phóng xã, ấp.

Thực hiện ý định đó, 7 giờ sáng ngày 13-1-1975, Tiểu đoàn 840 cùng 6 chiến sĩ đặc công của Tiểu đoàn 200c và một bộ phận hỏa lực đánh chiếm cứ điểm đồi Su. Đêm 13-01, Tiểu đoàn 186 đánh chiếm bót Bến Gỗ. Ngày 14-01, Tiểu đoàn 186 lại tiếp tục đánh chiếm phân chi khu, đồn Nghĩa Phổ, Võ Xu và Nghĩa Đức. Đến 15 giờ cùng ngày, ta dùng thuốc nổ phá các công sự ở đồi Su làm bọn địch ở Chính Đức hoảng sợ tháo chạy. Sau đó, Đại đội 88 của Bình Tuy đã vào chiếm đồn Chính Đức, giải phóng hoàn toàn xã Võ Xu và xã Chính Đức.

Sau khi để Đại đội 5 trinh sát chốt giữ núi Dinh thay cho Đại đội 21 của Sư đoàn 6 và đưa Tiểu đoàn 840 sang đánh địch trên liên tỉnh lộ 3, toàn bộ lực lượng còn lại của Trung đoàn 812 đều rút về giữ Tánh Linh. Trong

thời gian này, Trung đoàn 33 và Trung đoàn 4 của Sư đoàn 6 đều rút về Long Khánh.

Như vậy, đợt 1 Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh đã kết thúc. Tuy chưa thực hiện được trọn vẹn nhiệm vụ đã đề ra nhưng ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 2.300 tên địch, diệt một tiểu đoàn và ba đại đội bảo an, đánh thiệt hại nặng nhiều đại đội và tiểu đoàn khác, diệt và bức rút 48 đồn, một chi khu, giải phóng hoàn toàn huyện Tánh Linh và một bộ phận nông thôn huyện Hoài Đức với gần 35.000 dân. Đây là một sự kiện có ý nghĩa chính trị và quân sự hết sức quan trọng. Lần đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên chiến trường Quân khu 6 nói chung, Bình Thuận và Bình Tuy (Bình Thuận cũ) nói riêng, ta đã giải phóng huyện, mở ra một thế mới cho phong trào cách mạng ở địa phương tiến lên cùng cả nước giành thắng lợi cuối cùng.

Song, cũng có thể nói rằng, nếu Sư đoàn 6 ở hướng chủ yếu sớm khắc phục được những tồn tại, thiếu sót và vận dụng tốt thời cơ để hoàn thành nhiệm vụ được giao thì chiến dịch có thể thực hiện được trọn vẹn và kết thúc sớm hơn nhiều.

Để tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ đợt 2 của Chiến dịch, được sự đồng ý của Bộ Tư lệnh Miền, Bộ Chỉ huy Chiến dịch (đợt 2) có sự thay đổi như sau: đồng chí Bùi Văn Mỹ, Phó Tư lệnh Quân khu 6, làm Chỉ huy trưởng; đồng chí Lê Khắc Thành, Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy, làm Chính ủy; đồng chí Phạm Hoài Chương, Phó Chủ nhiệm chính trị Quân khu 6, làm Phó Chính ủy và đồng chí Nguyễn Thanh Đức, Tỉnh đội trưởng Bình Tuy, làm Chỉ

huy phó.

Phối hợp với Chiến dịch Hoài Đức – Tánh Linh, khắp các địa phương trong 2 tỉnh đã đồng loạt nổ súng tiến công địch.

Ngay trên địa bàn Bình Tuy, bộ đội địa phương và dân quân du kích huyện Hàm Tân đã diệt chốt Hiệp An, đánh phá khu lẩn chiếm của địch ở vùng ven Quốc lộ 1A. Du kích mật ở ấp Văn Mỹ diệt gọn 1 cụm ác ôn 5 tên. Các đội công tác của huyện Nghĩa Lộ liên tục đột vào các ấp chiến lược ở căn cứ 6, căn cứ 7, căn cứ 10 và ấp Nghĩa Tân phát động quần chúng xây dựng cơ sở. Lực lượng của thị xã La Gi chặn đánh địch ở vùng ven và xây dựng cơ sở bên trong phát triển tốt.

Riêng Bình Thuận, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Tỉnh đội đã tiến hành mở đợt hoạt động tổng hợp trên địa bàn Tam Giác. Ban chỉ huy đợt hoạt động gồm các đồng chí Võ Ngọc Đài, Chính trị viên Tỉnh đội, làm Chỉ huy trưởng; Nguyễn Quý Đôn (Ba Đôn), Bí thư Tỉnh ủy, làm Bí thư Đảng ủy mặt trận; Nguyễn Minh Quyết, Tỉnh đội phó, làm Chỉ huy phó và được phân công trực tiếp chỉ huy các lực lượng tiến công địch trên khu vực liên tỉnh lộ 8 và thị xã Phan Thiết.

Mở đầu cho đợt hoạt động, đêm ngày 9-12, Tiểu đoàn 482 dùng hỏa lực cối 82 và mìn ĐH10 tập kích đồn Bình Lâm, lực lượng còn lại bố trí ở phía đông bắc Bình Lâm đánh quân giải tỏa. Riêng Đại đội 3/430 Hàm Thuận đột vào ấp Bình Lâm và trụ lại đánh địch phản kích. Cùng lúc, du kích xã Hàm Chính vây ép và bắn tỉa cụm

lô cốt km 12.

Sau khi tập kích đồn Bình Lâm, Tiểu đoàn 482 tiếp tục dùng cối 82 bắn vào trận địa pháo địch ở chi khu Thiện Giáo. Cùng đêm, Đại đội 5 đặc công tập kích ấp Tân An, diệt gọn 1 đoàn bình định, 1 trung đội phòng vệ dân sự và 1 toán phòng vệ dân sự khác.

Bị ta vây ép, bọn địch ở đồn Bình Lâm rất hoang mang lo sợ. Nhân cơ hội đó, đồng bào trong ấp đã nổi dậy phá banh rào, bung về làng đất cũ làm ăn ở 2 bên tỉnh lộ 8. Địch không dám ra phản kích nhưng lại dùng pháo bắn bừa bãi vào những nơi dân mới bung về. Vì sợ pháo, dân phải chạy vào trong ấp.

Đoạn đường liên tỉnh lộ 8 từ cầu Trắng đến An Phú, du kích các xã Hàm Liêm, Hàm Chính liên tục bám sát đường, đánh phá giao thông và bắn tỉa bọn địch đi tuần đường.

Sau một thời gian hoạt động, Ban chỉ huy nhận thấy: ta chưa diệt được bao nhiêu sinh lực địch và cũng không đủ sức đánh kéo dài nên đã dẫn lực lượng ra ngoài. Từ 14 đến 20-12, Tiểu đoàn 482 cùng Đại đội 5 đặc công, bộ đội địa phương và dân quân du kích Hàm Thuận liên tục đánh diệt địch ở cụm lô cốt Thắng Thuận, ấp 17, phân chi khu An Phú và chặn đánh địch bung ra bên ngoài ấp Bình Lâm, ấp An Phú.

Thấy ta hoạt động mạnh trên dọc liên tỉnh lộ 8, địch ở Phan Thiết càng tăng cường phòng thủ, nhất là tuyến vành đai từ cầu Sở Muối (bắc thị xã) vòng sang cầu 40 (nam thị xã) ra đến khu vực hồ Dài (nam Cảng

Esépic).

Mặc dù lực lượng ít và bàn đạp ở xa nhưng các đơn vị của thị xã vẫn quyết tâm đột vào nội ô để tiêu diệt địch. Đêm ngày 8-12, Đại đội 1/481 tập kích diệt cụm địch tại bến xe Đức Long (bến xe nam ngày nay). Đêm ngày 14-12, Đại đội 1/481 lại tiếp tục tập kích vào cụm địch ở Phú Mỹ. Cùng đêm, Đại đội 2/481 tập kích cụm lô cốt địch ở Xuân Phong và đến đêm 16-12, đánh tiếp đồn Cây Dừa, diệt trung đội dân vệ, thu 5 súng và thu 1 máy PRC 25. Ta an toàn.

Ở các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong, Thuận Phong và Hàm Thuận Nam, bộ đội địa phương và du kích liên tục đột áp diệt ác, phá tề, đánh giao thông và chặn đánh địch hành quân giải tỏa trên Quốc lộ 1A.

Cuối tháng 12, địch thấy không có các tiểu đoàn chủ lực của Quân khu ở Tam Giác và các hoạt động của ta ở phía bắc tỉnh cũng hạn chế nên đã bắt đầu tung lực lượng ra đối phó. Ngày 29-12, chúng huy động 7 tiểu đoàn bảo an do tên trung tá Mai Lan Lương (Tham mưu trưởng tiểu khu Bình Thuận) trực tiếp chỉ huy càn lên Tam Giác.

Với tinh thần bám trụ kiên cường “một tấc không đi, một ly không rời”, nhân dân vùng Tam Giác đã sát cánh cùng cán bộ, chiến sĩ của Tiểu đoàn 482, Đại đội 5 đặc công, Đại đội 3/430 Hàm Thuận và dân quân du kích chặn đánh quyết liệt, bẻ gãy từng mũi càn quét của địch, diệt gần 100 tên, buộc chúng phải rút khỏi địa bàn.

Không thu được kết quả gì ở Tam Giác, ngày 13-1-1975, chúng dùng trực thăng đổ 2 đại đội bộ binh xuống khu vực Phú Lập (Hàm Phú) với mưu đồ đánh vào sau lưng ta hòng ngăn chặn sự chi viện của ta từ phía sau ra phía trước. Nhưng bọn này vừa chạm chân xuống đất, chưa kịp triển khai đội hình thì đã bị các đơn vị phía sau vây đánh, diệt tại chỗ một số tên, số còn sống sót hoảng hốt tháo chạy.

Những hoạt động quân sự của ta trên đây đã tác động mạnh vào thị xã Phan Thiết. Nhiều gia đình binh lính nguy có người chết trận không ngừng nguyện rửa Nguyễn Văn Thiệu và bọn cầm đầu ở địa phương ngoan cố không chịu chấm dứt chiến tranh để họ phải chịu đau thương tang tóc.

Đến cuối tháng 1-1975, đợt hoạt động tổng hợp của Bình Thuận kết thúc. Ta đã đánh 311 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 889 tên địch, trong đó diệt gọn 7 trung đội, 5 tiểu đội lính bảo an dân vệ và 1 đoàn bình định, đánh sập 2 đồn cấp trung đội, 2 đồn cấp tiểu đội và phá banh 1 ấp chiến lược.

Bước vào tháng 2-1975, giữa lúc đồng bào huyện Tân Linh và một số vùng nông thôn huyện Hoài Đức đang nô nức chuẩn bị đón cái Tết đầu tiên trên quê hương giải phóng, vùng "cá Biển Lạc, lúa Đồng Kho" - nơi giàu có nhất của tỉnh nay đã thuộc về nhân dân, thì kẻ địch không chịu cam tâm ngồi nhìn thất bại.

Ngay từ ngày 11-1-1975, tên Việt gian đầu sỏ Nguyễn Văn Thiệu đã cách chức tên trung tá Nguyễn Văn Sĩ -

Tiểu khu trưởng Bình Tuy và đưa tên đại tá Trần Bá Thành đến thay. Ngày 02-2-1975, chúng sử dụng Tiểu đoàn 01 thuộc Chiến đoàn 43 phản kích chiếm lại đồi Su, đồng thời dùng trực thăng đổ đại đội trinh sát của chiến đoàn này xuống phía bắc Võ Xu. Mặc dù Đại đội 88 của Bình Tuy và các lực lượng địa phương liên tục bám đánh nhưng đến ngày 03-02 thì địch đã chiếm lại được Võ Xu.

Trước tình hình đó, Bộ Chỉ huy Chiến dịch (đợt 2) đã tổ chức một cuộc họp tại Sở chỉ huy của Trung đoàn 812 đang đóng tại xã Hiếu Tín, có đủ các đồng chí cán bộ của cơ quan, của Trung đoàn 812, Tiểu đoàn 200c và các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy ở địa phương đến dự. Hội nghị nhận định: "...Có thể trong dịp tết này, bọn địch sẽ liều lĩnh đánh chiếm lại Tánh Linh. Vì cho đến nay, ngoài các vùng giải phóng như Minh Long, Thượng Đức, Măng Bút, Giá Vụt ở khu 5, địch không thể nào giành lại được. Và trong những ngày cuối năm 1974 đầu năm 1975 này, ta lại diệt tiếp cứ điểm Bà Đen ở Tây Ninh, giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long và huyện Tánh Linh. Đối với tỉnh Phước Long thì địch không thể nào chiếm lại được: còn điểm cao Bà Đen-một vị trí quan trọng đặc biệt nên cũng khó thu hồi. Nhưng đối với Tánh Linh, do yêu cầu bức xúc về chính trị và so sánh khả năng hiện tại thì chúng có thể cố gắng tái chiếm với lực lượng tập trung cao nhất vào khoảng 1 lữ đoàn. Về thủ đoạn chiến thuật, có thể chúng không tiến quân theo liên tỉnh lộ 3 lên Hoài Đức rồi đánh sang, mà chúng sẽ dùng biệt kích đường không bất ngờ đánh chiếm chi khu và một số chốt quan trọng để làm bàn

đạp cho lực lượng lớn đổ quân tiếp theo. Do đó, ta phải chuẩn bị sẵn sàng phương án đánh địch đổ bộ đường không với quy mô cỡ trung đoàn hoặc lữ đoàn từ nhiều mũi, nhiều hướng; đồng thời chuẩn bị đánh biệt kích nhỏ đổ xuống chi khu”.

Để thực hiện phương án nêu trên, Bộ Chỉ huy Chiến dịch đã giao nhiệm vụ bảo vệ Tánh Linh cho các đơn vị gồm: Tiểu đoàn 15, Tiểu đoàn trợ chiến 130 và Đại đội địa phương 432 do đồng chí Nguyễn Văn Bồng - Trung đoàn phó Trung đoàn 812 và đồng chí Trần Việt Tân - Tỉnh đội phó Bình Tuy trực tiếp chỉ huy, lực lượng còn lại tích cực củng cố và chuẩn bị cho đợt 2.

Đúng như dự kiến của ta, vào lúc 7 giờ 30 phút sáng ngày 9-2-1975 (tức 29 tháng chạp năm Giáp Dần), dưới sự yểm trợ của nhiều loại máy bay oanh kích, địch bất ngờ dùng trực thăng đổ bộ 1 đại đội thám kích xuống gần chi khu Tánh Linh với ý định đánh chiếm bàn đạp để tiếp tục đổ quân tái chiếm chi khu. Nhưng bọn này vừa chạm chân xuống đất thì lập tức bị Tiểu đoàn 15 và hỏa lực của Tiểu đoàn 130 đánh tiêu diệt, bắn rơi 3 trực thăng, bắn bị thương 1 chiếc khác, đập tan mưu đồ tái chiếm Tánh Linh của chúng.

Vùng giải phóng Tánh Linh được bảo vệ an toàn, đồng bào cùng bộ đội được hưởng những ngày Xuân vui tươi đậm tình “quân dân cá nước”.

Không tái chiếm được Tánh Linh, địch dồn sức vào khu vực Hoài Đức, chúng tập trung 3 tiểu đoàn bộ binh có phi pháo yểm trợ, ngày đêm liên tục phản kích hòng

chiếm lại điểm cao núi Dinh.

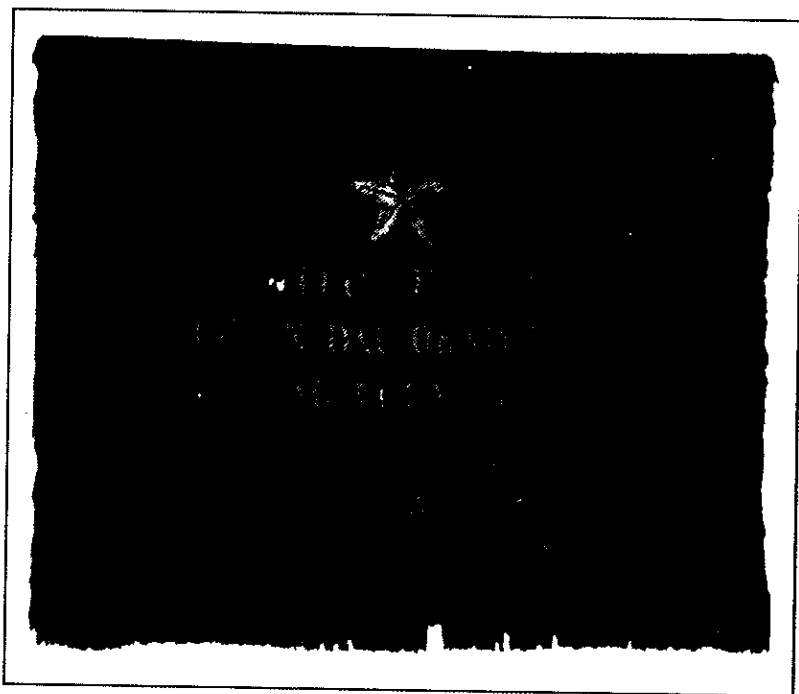
Quyết giữ núi Dinh bằng mọi giá, Đại đội 5 trinh sát đã kiên cường bám trụ. Khu vực phòng thủ của Đại đội 5 trên đỉnh núi Dinh chỉ có khoảng 50 mét vuông mà hàng ngày địch đã trút xuống đây 40 đến 50 quả bom và hơn 500 quả đạn, pháo cối các loại. Mặt đất rơi thành cát bụi.

Sau mỗi lần bắn phá tưởng chừng như sự sống trên núi không còn nữa, địch xua quân lên chốt. Nhưng khi chúng vừa mò lên gần chốt thì lập tức các chiến sĩ ta từ trong các công sự, hầm ếch, hốc đá nhả đạn hất chúng xuống chân đồi. Cứ như vậy, suốt thời gian giữ chốt, Đại đội 5 trinh sát đã diệt tại chỗ 150 tên. Núi Dinh một điểm chốt quan trọng của ta vẫn sừng sững hiên ngang trước tầm mắt địch.

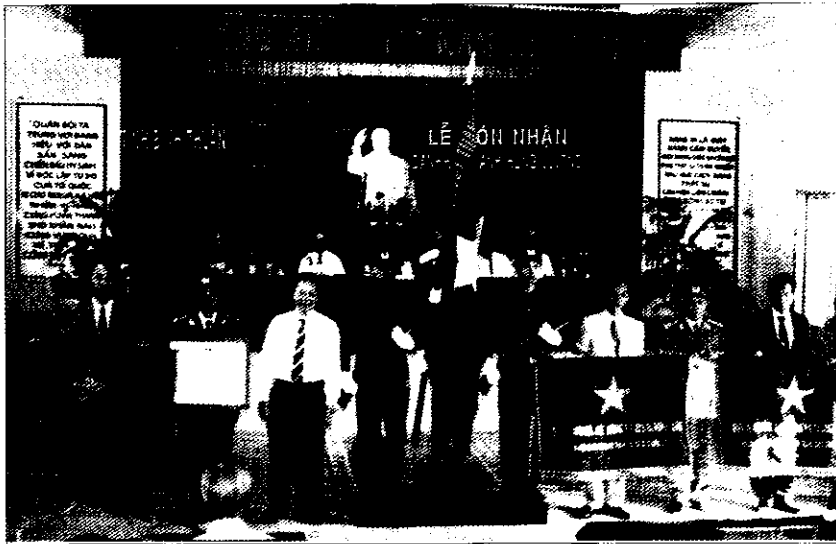
Không chiếm được núi Dinh, bọn địch càng hoang mang, dao động, một số tên sống sót sau nhiều lần bị đẩy đi phản kích núi Dinh đã ngao ngán thốt lên với đồng bào ở vùng xung quanh Võ Đắc: “Núi dinh có thần”.

Trên hướng liên tỉnh lộ 3, Tiểu đoàn 840 đã liên tục chặn đánh các mũi chi viện của Sư đoàn 18 ngụy. Riêng Đại đội 3, mặc dù số quân ít nhưng đã bẻ gãy một cánh quân phản kích của địch đông gấp bội và giữ vững trận địa chốt tại cầu Nín Thở. Tính từ ngày 12-01 đến ngày 10-2-1975, Tiểu đoàn 840 đã diệt được 204 tên địch.

Tuy vậy, khi Tiểu đoàn 840 trở về đội hình của Trung đoàn 812 để chuẩn bị cho nhiệm vụ mới thì địch cũng đã nối lại liên tỉnh lộ 3.



Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam tặng cờ
"Tự lực tự cường - Chiến đấu oanh liệt - Thắng lợi vẻ vang" cho
Lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận (năm 1965)



Các huyện Bắc Bình, Tĩnh Linh, Đức Linh đón nhận danh hiệu
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân



Các xã Bình Thạnh, Hòa Thắng, Đông Giang, Phong Nẫm,
Hàm Thạnh, Mê Pu và bệnh xá Tỉnh đội đón nhận danh hiệu
Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân



Giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự là nhiệm vụ thường xuyên của Trung đội nữ 483 Bộ đội địa phương tỉnh Bình Thuận
Trong ảnh: Các chiến sĩ gái đang chăm chú nghe lên lớp chính trị



Nhân dân cùng bộ đội địa phương và dân quân du kích hăng hái phá rào ấp chiến lược, trở về ruộng đất cũ làm ăn



Ngoài nhiệm vụ phục vụ chiến trường, chị em Đoàn vận tải Trung Sơn còn tích cực học tập văn hóa để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ

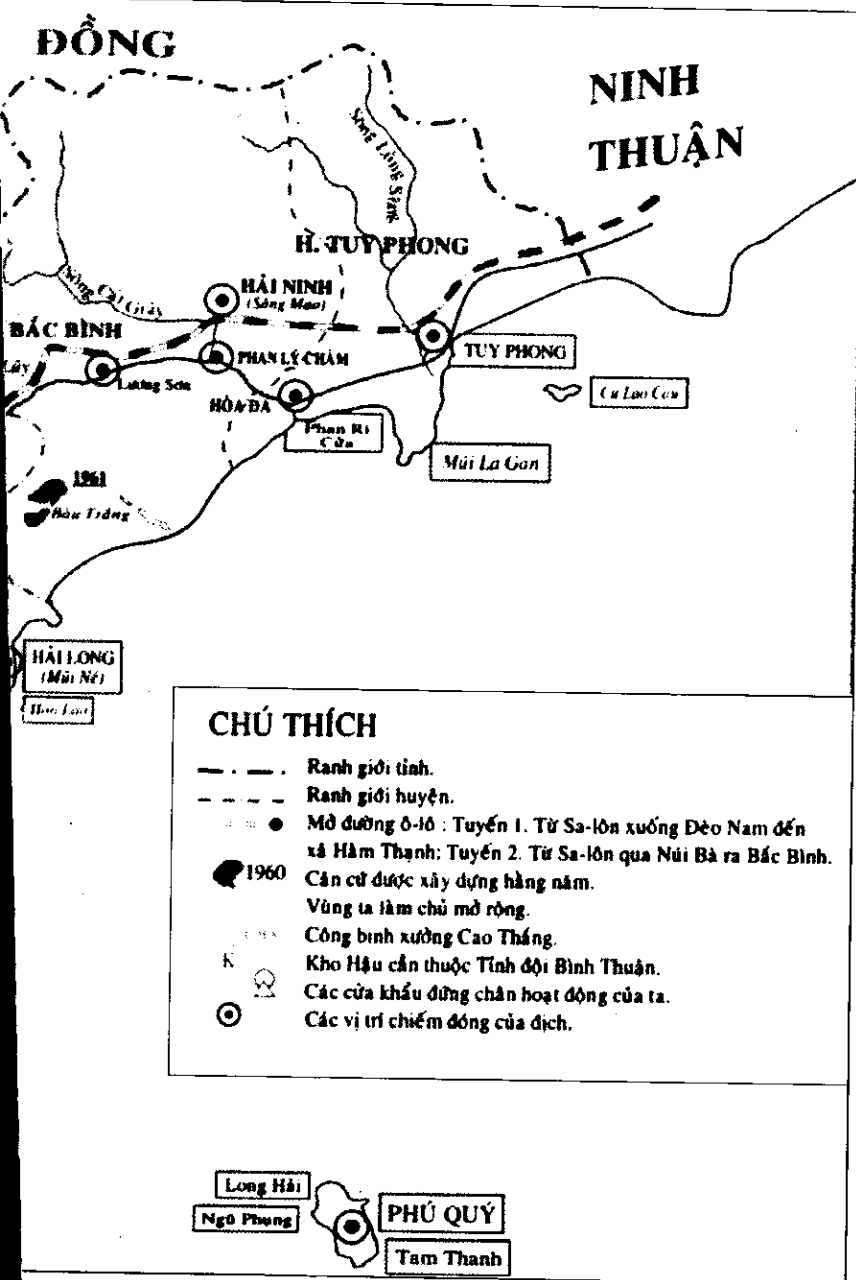
DIỄN BIẾN CUỘC TIẾN CÔNG VÀO THỊ XÃ PHAN THIẾT TRONG MÙA XUÂN 1968



HÌNH THÁI TỔ CHỨC MẠNG LƯỚI HÀNH CHÍNH BÌNH



QUẬN TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954-1975)





Bộ đội Trung đoàn 812 làm lễ xuất quân
trong chiến dịch Hoài Đức - Tảnh Linh



Nhân dân và du kích Hàm Phú cấm chông chặn địch,
bảo vệ vùng giải phóng



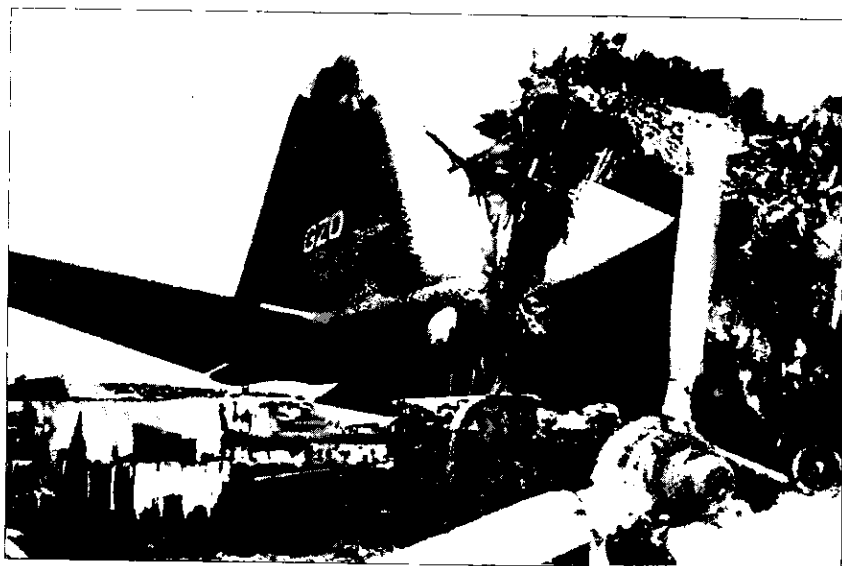
Đoàn vận tải Trung Sơn (Bình Thuận) chuẩn bị
vũ khí, đạn dược phục vụ chiến trường (1973)



Đoàn vận tải H50 chuyển hàng về Bình Thuận



Tiểu đoàn 482 trước giờ ra trận

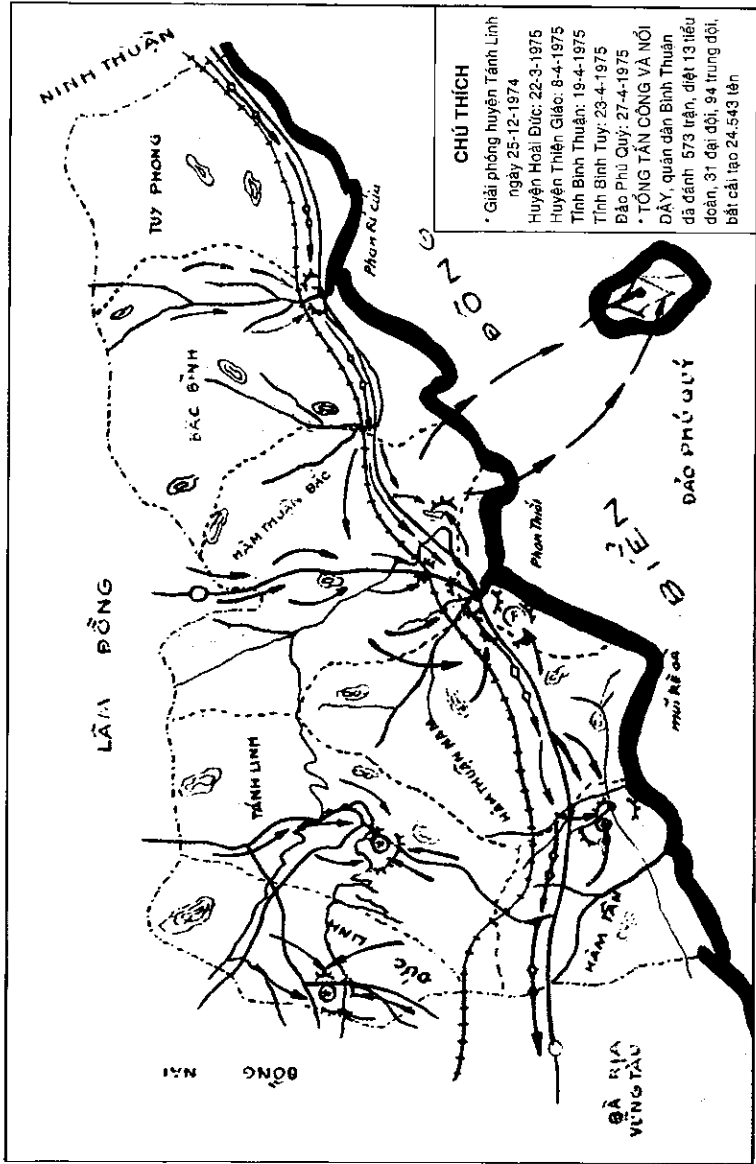


Máy bay C130 (ảnh trên) và pháo tự hành 175 mm ("vua chiến trường", ảnh dưới) của địch bị ta thu được và phá hủy



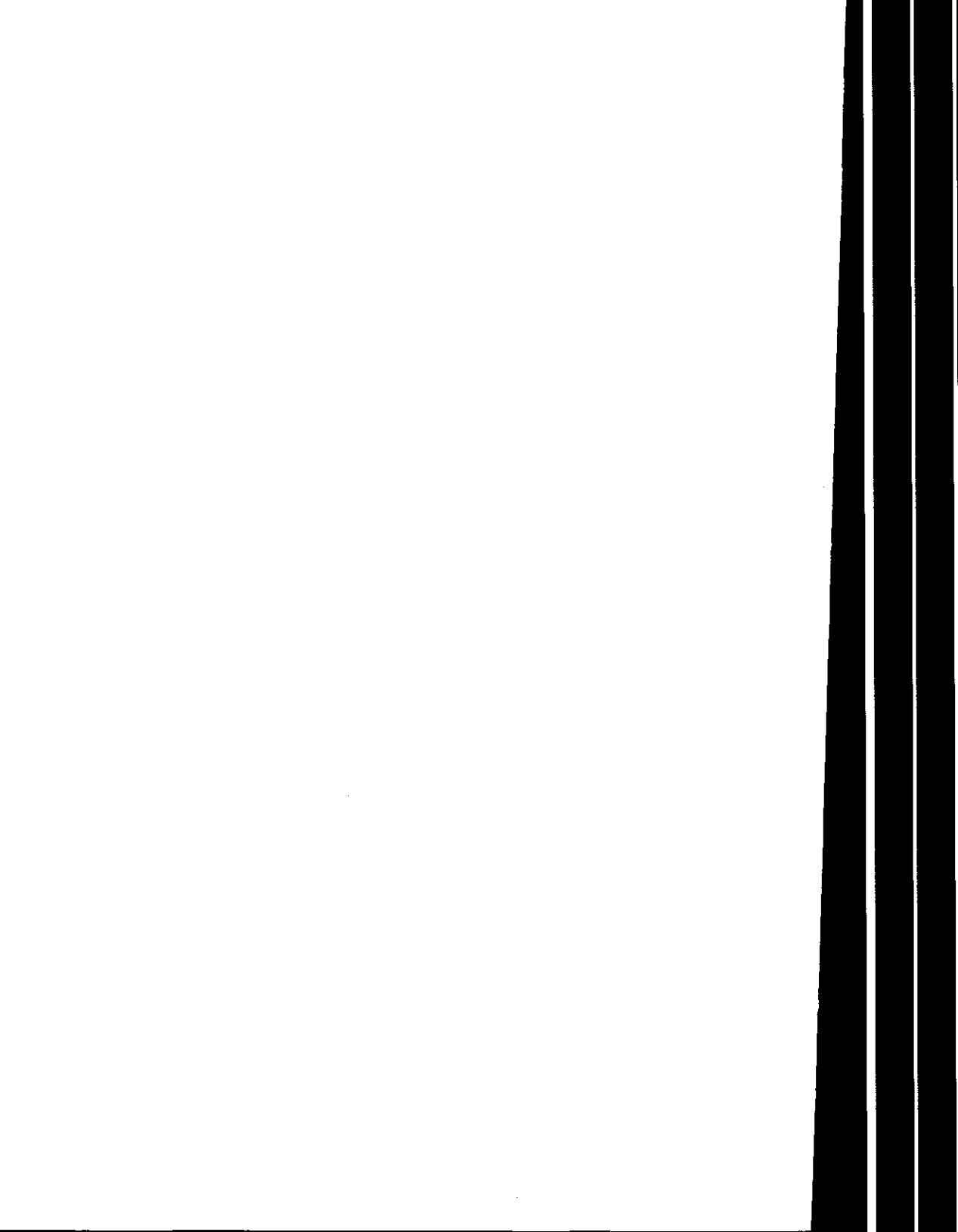
Máy bay trực thăng của tên Tỉnh trưởng Bình Thuận
không kịp tháo chạy, bỏ lại tại Phan Thiết (4-1975)

DIỄN BIẾN CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975 TRÊN CHIẾN TRƯỜNG BÌNH THUẬN



CHỦ THỊCH

- Giải phóng huyện Tỉnh Linh ngày 25-12-1974
- Huyện Hoài Đức: 22-3-1975
- Huyện Thiện Giác: 8-4-1975
- Tỉnh Bình Thuận: 19-4-1975
- Tỉnh Bình Tuy: 23-4-1975
- Đảo Phú Quý: 27-4-1975
- **TỔNG TẤN CÔNG VÀ NỔI DẬY**, quân dân Bình Thuận đã đánh 573 trận, diệt 13 tiểu đoàn, 31 đại đội, 94 trung đội, bắt cải tạo 24.543 tên



IV. Phối hợp với chủ lực cấp trên, Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng quê hương Bình Thuận, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam

Nhận định tình hình chiến trường một cách sắc bén, ngay từ tháng 1-1975, Hội nghị Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã hạ quyết tâm: "...Động viên sự nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân ở cả 2 miền, trong thời gian 2 năm 1975 – 1976 đẩy mạnh đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị, kết hợp đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, tiến hành rất khẩn trương và hoàn thành mọi công tác chuẩn bị tạo điều kiện chín mùi tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và tan làm rã ngũ quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam..."¹.

Một kế hoạch chiến lược trong 2 năm 1975 – 1976 đã được Bộ Chính trị thông qua, trong đó hướng tiến công chiến lược chủ yếu đầu năm 1975 là Tây Nguyên, mở hành lang nối liền Nam Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ phối hợp với chủ lực miền tiến đánh Sài Gòn. Trong kế hoạch còn ghi cụ thể là: "...mở trận đánh đầu chiếm Buôn Ma Thuột, thọc thẳng xuống Tuy Hòa, Phú Yên, cắt đứt đồng bằng khu 5 ra làm đôi, tạo thêm một hướng nữa để tiến nhanh vào phía nam vây ép Sài Gòn"².

1,2. Đại tướng Văn Tiến Dũng: *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976, tr.35,55 .

Hội nghị Bộ Chính trị còn dự kiến thêm một phương án cực kỳ quan trọng đó là: "...Nếu thời cơ đến vào đầu năm hoặc cuối năm 1975, thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975..."¹.

Trước tình hình hết sức khẩn trương, để thực hiện nhiệm vụ cụ thể của Bộ Tư lệnh Miền giao, Khu ủy, Quân khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 hạ quyết tâm: sử dụng lực lượng của Quân khu và Bình Tuy đánh tiêu diệt chi khu Hoài Đức trong thời gian ngắn nhất. Sau đó, đưa toàn bộ lực lượng lên đường 20 phối hợp với chủ lực miền phát triển về hướng Nam Tây Nguyên. Riêng Tiểu đoàn 200c sẽ được tăng cường cho Bình Thuận để cùng với lực lượng địa phương đánh chiếm Ma Lâm, chi khu Thiện Giáo, giải phóng một số ấp trên liên tỉnh lộ 8 và chuẩn bị đánh sâu vào thị xã Phan Thiết.

Thực hiện quyết tâm của Quân khu, các địa phương đã chuẩn bị sẵn sàng chờ ngày nổ súng. Đặc biệt là tại Bình Tuy, Bộ Chỉ huy Chiến dịch (đợt 2) đang chuẩn bị hết sức khẩn trương cho việc giải phóng Hoài Đức và các nhiệm vụ tiếp theo.

Trong khi ta đang chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy thì kẻ địch đã ra sức tăng cường lực lượng để đối phó.

Riêng khu vực Hoài Đức, sau khi tái chiếm Võ Xu, địch tập trung lực lượng cố chiếm lại Núi Dinh nhưng không được, nên co về giữ Võ Đắc và Võ Xu. Chúng bố

1. Đại tướng Hoàng Văn Thái: *Những năm tháng quyết định*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1985, tr.175.

trí lực lượng trên toàn khu vực như sau: xung quanh chi khu Hoài Đức có 3 tiểu đoàn dự phòng gồm: Tiểu đoàn 3/43 Sư 18 nguy chốt đội Su và đội Bảo Đại, Tiểu đoàn bảo an 334 giữ cầu Nín Thở và Trà Tân 3, Tiểu đoàn bảo an 369 giữ Sùng Nhơn và Võ Xu. Lực lượng chốt tại chi khu có: Đại đội bảo an 720, hai trung đội thám báo và cảnh sát dã chiến, 1 chi đội thiết giáp, 2 khẩu đội pháo 105 ly. Các đồn bót dân vệ trong thị trấn Võ Đắc đều được chúng khôi phục lại như cũ. Ngoài ra, còn có lực lượng liên quan ở các nơi: ở Gia Rây có một số lực lượng của Chiến đoàn 43 và 1 tiểu đoàn của Chiến đoàn 52 nguy, ở Định Quán có 1 tiểu đoàn của Chiến đoàn 48, 1 chi đội cơ giới và 1 trung đội pháo binh. Để tăng thêm sức mạnh, chúng còn tăng cường Ban chỉ huy chiến thuật Quân đoàn 3 làm cố vấn và trực tiếp điều khiển lực lượng ở khu vực này, đứng tại chân núi Chứa Chang.

Trước tình hình dịch thay đổi, Bộ Chỉ huy Chiến dịch (đợt 2) đã quyết định: "...Tiến công tiêu diệt chi khu Hoài Đức, trước hết phải đánh theo lối "bóc vỏ", sau đó sẽ dùng đặc công và bộ binh đột phá dứt điểm chi khu..".

Bằng phương châm "vây, lấn, tấn, phá, triệt, diệt", lúc 23 giờ ngày 16-3-1975, Trung đoàn 812 cùng Tiểu đoàn đặc công 200c và các lực lượng vũ trang Bình Tuy bắt đầu nổ súng vây lấn chi khu.

Sau ba ngày thực hiện đánh "bóc vỏ", Tiểu đoàn 15 (thiếu) và Tiểu đoàn 186 của Trung đoàn 812 đã diệt phần lớn các đồn bót bao bọc xung quanh chi khu, làm chủ thị trấn Võ Đắc. Ở phía bắc, Đại đội 88 Bình Tuy và các đơn vị địa phương Hoài Đức đã chặn đứng Tiểu đoàn

bảo an 369 từ Võ Xu kéo về giải tỏa. Hỏa lực của Tiểu đoàn 130 cũng đánh tiêu hao được một số địch trong chi khu. Riêng các mũi đặc công của Tiểu đoàn 200c và Đại đội 3 anh hùng của Tiểu đoàn 840 cũng tiếp cận được vào các điểm chuẩn bị mở cửa. Đến chiều 19-3, pháo của ta bắn trúng và làm nổ tung kho đạn pháo địch trong chi khu.

Nắm vững tình hình địch đang hoang mang, rối loạn, đúng 02 giờ 40 phút ngày 20-3, hỏa lực của ta bắt đầu bắn cấp tập vào các mục tiêu trong chi khu. Hàng ngàn chặn các mũi đột phá của ta, lúc 4 giờ sáng, khi hỏa lực của ta bắn cấp tập lần cuối cùng thì pháo địch ở đồi Su cũng bắn dữ dội vào xung quanh chi khu làm đứt tung mạng điện thoại liên lạc từ Sở chỉ huy đến các mũi. Nhiều quả đã rơi vào khu vực chuẩn bị mở cửa của các đơn vị. Cùng lúc, một số hỏa điểm của địch ở tiền duyên và trong chi khu chưa bị hỏa lực ta áp chế hoàn toàn đã ngóc đầu dậy chống trả quyết liệt. Trước tình hình đó, Chỉ huy trưởng Chiến dịch Bùi Văn Mỹ đã lệnh cho Trung đoàn trưởng 812 Văn Minh Trường phải xuống từng cửa mở để kiểm tra và tổ chức cho bộ đội xung phong. Sau khi khắc phục được những sự cố về thông tin liên lạc và tổ chức hỏa lực áp chế có hiệu quả các mục tiêu của địch trong chi khu, đến 4 giờ 43 phút sáng cùng ngày, 2 mũi đặc công của Tiểu đoàn 200c đã vượt qua cửa mở từ hướng tây đánh chiếm đầu cầu, phát triển vào Sở chỉ huy địch, khu cảnh sát dã chiến và khu cơ giới. Cùng lúc, Đại đội 3 của Tiểu đoàn 840 cũng vượt qua cửa mở từ hướng đông bắc đánh vào khu thông tin và trận địa pháo. Nhưng cả hai hướng đều bị địch ngăn

chặn quyết liệt.

Quyết dứt điểm chi khu trước khi trời sáng, lúc 5 giờ 35 phút, Chỉ huy trưởng quyết định đưa lực lượng dự bị của Tiểu đoàn 15 vào chiến đấu trên hướng chủ yếu của Tiểu đoàn 200c. Được tăng cường lực lượng, các mũi bên trong phối hợp xóc tới chia cắt địch ra từng mảng. Bọn địch trong chi khu rối loạn và tê liệt. Đến 6 giờ 40 phút ngày 20-3-1975, quân ta hoàn toàn làm chủ chi khu. Cờ mặt trận tung bay trong nắng sớm trên nóc nhà khu tiếp vận thông tin của chi khu Hoài Đức.

Thừa thắng, sau khi để lại 1 đại đội của Tiểu đoàn 15 chốt giữ chi khu, Trung đoàn 812 và các đơn vị tiếp tục phát triển truy quét bọn địch ở vòng ngoài: Tiểu đoàn 186 truy quét địch ở các thôn 1, 5, 6, 7 của xã Võ Đắc. Tiểu đoàn 15 (thiếu) truy quét địch ở các thôn 3, 4 và 9 xã Võ Đắc. Đại đội 88 Bình Tuy và Đại đội 431 Hoài Đức truy quét địch ở Sùng Nhơn và phát triển giải phóng 2 xã Chính Đức và Nghị Đức. Tiểu đoàn 130 đã sử dụng 2 khẩu pháo vừa thu được ở chi khu bắn hơn 100 quả đạn vào đội Su làm cho địch rất hoang mang lo sợ nằm im không dám phản ứng.

Sau khi mất chi khu Hoài Đức, bọn tàn quân xung quanh đã co cụm về đội Su cùng với Tiểu đoàn 3 thuộc Chiến đoàn 43 ngụy xin cứu viện. Chiều ngày 20-3, liên tiếp 5 lần địch cho ném bom hủy diệt chi khu Hoài Đức làm hỏng bánh xe cả 2 khẩu pháo ta vừa thu được.

Nhằm diệt nốt bọn địch còn lại, đêm 20-3, Bộ Chỉ huy Chiến dịch cho Trung đoàn 812 tiếp tục tập kích

vào khu vực đồi Su. Thực hiện mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Chiến dịch, 5 giờ sáng ngày 21-3, sau 15 phút pháo bắn chuẩn bị, Tiểu đoàn 840 (thiếu) trên hướng chủ yếu từ phía tây và tây bắc, Tiểu đoàn 186 (thiếu) từ hướng đông và đông bắc cùng Đại đội 5 đặc công từ hướng bắc đồng loạt nổ súng đánh và đồi Su. Trước sức áp đảo của ta từ nhiều phía, bọn địch ở đây lớp chết, lớp hàng, số sống sót tháo chạy tán loạn. Ta thu toàn bộ vũ khí, trang bị (có 2 khẩu pháo và hàng ngàn viên đạn pháo).

Phối hợp với phía trước, các cơ quan đơn vị phía sau đã bao vây bắt hàng trăm tên địch đang trên đường tháo chạy, có đơn vị bắt được 30 tên.

Một mình cô hộ lý ở trạm phẫu tiên phương đang giặt quần áo cho thương binh bên bờ suối cũng lập mưu bắt được ba tên địch đang tìm đường lẩn trốn.

Ở hướng liên tỉnh lộ 3, Đại đội 3/840 phát triển truy quét địch đến nam cầu Gia Huỳnh và bắt liên lạc được với trinh sát của Sư đoàn 6 từ Gia Rây lên.

Trong các ngày 20, 21, 22-3, được sự hướng dẫn của các đội công tác và cán bộ địa phương, nhân dân đã nổi dậy phá rào ấp chiến lược và phá đồn. Nhiều người đã chỉ cho bộ đội, dân quân du kích truy quét bắt bọn tàn quân, bọn ác ôn cải dạng thường dân đang lẩn trốn trong các xóm ấp. Riêng xã Võ Xu, chỉ trong 1 ngày, đồng bào đã thu được hơn 300 súng các loại do địch bỏ lại.

Đến 18 giờ ngày 22-3-1975, huyện Hoài Đức đã hoàn toàn giải phóng. Vùng căn cứ của 2 tỉnh Bình Thuận và

Bình Tuy (Bình Thuận cũ) đã mở rộng và nối liền từ Tánh Linh, Hoài Đức đến Nam Sơn, tạo thành bàn đạp quan trọng cho lực lượng ta tiến xuống đồng bằng và ven biển, đồng thời nối liền giữa Nam Tây Nguyên với Đông Nam Bộ.

Phối hợp với mặt trận Hoài Đức, các địa phương trong tỉnh đã đẩy mạnh hoạt động trên khắp các vùng nông thôn, đồng bằng, ven biển và đưa lực lượng áp sát thị trấn, thị xã.

Ở Bình Thuận, từ ngày 14-3 trở đi, Tiểu đoàn 482 và dân quân du kích Hàm Thuận đánh diệt đồn Kim Bình, thu 8 súng (có 1 cối 60 ly), san bằng lô cốt địch ở An Thuận và đánh tiêu hao một đại đội thuộc Tiểu đoàn bảo an 202 ở ấp Bình Lâm, thu 7 súng, 1 máy thông tin PRC 25; đồng thời liên tục gài mìn phá hoại giao thông, phục đánh địch đi tuần trên tỉnh lộ 8 và Quốc lộ 1A. Du kích mật ở các ấp Vĩnh Hảo, Long Phước và Gộp diệt được nhiều tên ác ôn đầu sỏ. Lực lượng đặc công Phan Thiết đã đột vào tả và hữu ngạn sông Cà Ty phá hủy 3 trạm xăng dầu của địch, diệt 1 tiểu đội cảnh sát ác ôn ở Đức Long. Ngày 17-3, du kích xã Hồng Sơn phục kích diệt gọn 1 trung đội địch đang đi lùng sục và hầu hết đồn bót của địch ở khu vực này đều bị ta bao vây, bắn tã.

Phía Hàm Tân, lực lượng vũ trang tỉnh và huyện liên tục chặn đánh địch trên Quốc lộ 1A, xung quanh thị xã La Gi, diệt hàng chục tên.

Lúc này, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và

dân ta trên toàn miền Nam cũng đang diễn ra hết sức sôi động, lập nhiều chiến công vang dội, nhất là các chiến trường xung quanh Bình Thuận.

Ở Tây Nguyên, sau khi giải phóng Buôn Ma Thuột, chủ lực của ta đã đánh chiếm Đức Lập, Gia Nghĩa và giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Đức.

Phía đồng bằng ven biển miền Trung, với thế tiến công “thần tốc táo bạo”, các binh đoàn chủ lực từ hướng Bắc tiến vào, từ Tây Nguyên tràn xuống phối hợp với chủ lực của Quân khu Trị Thiên và Quân khu 5 lần lượt giải phóng Trị Thiên, Huế, Quảng Nam-Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên và Khánh Hòa. Quân đoàn 1 và Quân đoàn 2 nguy bị ta tiêu diệt và tan rã rất nhanh, các đơn vị còn lại thì tinh thần càng rệu rã và sa sút nghiêm trọng. Bọn tàn quân thất trận liên tục tháo chạy theo Quốc lộ 1A và đường biển vào phía Nam.

Hướng Nam Tây Nguyên, sau khi dứt điểm chi khu Định Quán, chủ lực của Miền phối hợp với chủ lực của Quân khu 6 tiếp tục đánh diệt chi khu Đạ Hoai, giải phóng và làm chủ đường 20 (đoạn từ cầu La Ngà đến cầu Đạ Hoai); sau đó, đánh chiếm thị xã B’Lao (Bảo Lộc, tỉnh lỵ Lâm Đồng cũ) và thị trấn Di Linh. Ngày 31-3-1975, tỉnh Lâm Đồng (cũ) đã hoàn toàn giải phóng.

Mất Lâm Đồng, bọn địch ở Đà Lạt và toàn bộ tỉnh Tuyên Đức đã hốt hoảng tháo chạy theo liên tỉnh lộ 11 (Quốc lộ 27 ngày nay) về Phan Rang. Ngay trong đêm 01-4-1975, tỉnh Tuyên Đức hoàn toàn giải phóng.

Để giữ phần đất còn lại và đương đầu với cuộc tiến

công thần tốc của chủ lực ta, Tổng thống ngụy Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu quyết định sáp nhập 2 tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận vào vùng 3 chiến thuật (Quân khu 3), đồng thời, giao cho Bộ Tư lệnh vùng 3 chiến thuật phải giữ bằng được Phan Rang và lập ở đây một cái lá chắn để “chặn Cộng sản tiến công theo đường bộ và đường biển”.

Thực thi mệnh lệnh của Thiệu, Nguyễn Văn Toàn – Tư lệnh vùng 3 chiến thuật liền lập ra cái gọi là “Bộ Chỉ huy tiền phương”, chỉ định Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi cầm đầu và Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang (nguyên Tư lệnh Sư đoàn 6 không quân vừa thất trận ở Pleiku chạy về Thành Sơn) làm phó. Sở chỉ huy của Nghi được đặt trong một cái nhà vòm chứa máy bay ở giữa sân bay Thành Sơn (Phan Rang).

Nhằm tạo điều kiện cho Nghi “tử thủ”, chúng lập tức gom góp bọn tàn quân từ các nơi chạy về cùng với lính địa phương ở Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy dựng lại 2 Trung đoàn 4 và 5 thuộc Sư đoàn 2 bộ binh ngụy, đồng thời ném thêm vào khu vực này một số đơn vị chủ lực để tăng cường cho “cái lá chắn Phan Rang”, gồm số còn lại của Sư đoàn 6 không quân, 2 trung đoàn và 2 tiểu đoàn bộ binh, 2 chi đoàn xe tăng và xe bọc thép. Ở ngoài khơi và cửa biển Ninh Chữ còn có một số tàu chiến sẵn sàng chi viện. Ngoài ra, còn có 1 trung đoàn bộ binh và Liên đoàn biệt động quân số 21 đứng tại Phan Thiết để làm lực lượng ứng cứu.

Trong khi bọn tướng lĩnh ở Sài Gòn đang đặt niềm tin và hy vọng vào cái “lá chắn Phan Rang”, thì các

cánh quân chủ lực của ta vẫn ngày đêm rầm rập tiến về phía Nam.

Trước tình hình phát triển hết sức nhanh chóng, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 chỉ thị: "...Diễn biến trên chiến trường rất thuận lợi cho ta, các tỉnh không được trông chờ và ỉ lại vào chủ lực, mà phải nỗ lực khắc phục khó khăn, khẩn trương với mức độ cao nhất, bám chắc tình hình, mạnh dạn xốc tới tiêu diệt địch tự giải phóng địa phương mình...".

Thực hiện chỉ thị của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6, cả Bình Thuận và Bình Tuy đều khẩn trương đẩy nhanh mọi hoạt động.

Ở Bình Tuy, ngày 03-4-1975, du kích xã Tân Thành (Hàm Tân) do đồng chí Nguyễn Văn Hoàng - Xã đội trưởng và đồng chí Nguyễn Thanh Bình - Chính trị viên Xã đội chỉ huy tập kích vào bọn tàn quân đang trú chân tại bãi biển Kê Gà, diệt tên đại tá Quang-Sư đoàn trưởng thuộc Quân đoàn 1 nguy, bắt sống 139 tên (từ trung tá đến binh nhì), thu 88 súng các loại và 3 xe bọc thép M113 cùng nhiều quân trang quân dụng. Tiếp đến, ngày 05-4, du kích mật ở Thạnh Mỹ đánh lựu đạn vào vị trí chốt của Đại đội bảo an 182 làm chết và bị thương 3 tên.

Ở Bình Thuận, các đơn vị vũ trang và lực lượng chính trị đều dồn sức chuẩn bị cho việc phối hợp với cấp trên. Một trong những việc chuẩn bị đó là phải diệt cho được chi khu Thiện Giáo, để sau đó đánh chiếm Quốc lộ 1A (đoạn từ Gòp đến Phú Long) thực hiện ý định kèm

và chia cắt phía sau lưng địch, tạo điều kiện cho chủ lực của trên đập nát tuyến “phòng thủ từ xa” của địch ở Phan Rang một cách nhanh chóng. Đồng thời, đây cũng là chuẩn bị cửa mở để quân ta tiến vào giải phóng Phan Thiết.

Vào các ngày 02 và 03-4-1975, bọn tàn quân thua trận từ các nơi dồn về Phan Thiết rất đông. Chúng đốt chợ, cướp của và giết người một cách ngang nhiên làm cho bọn địch ở địa phương hết sức hoang mang, lo sợ. Trong cơn hoảng loạn đó, tên Ngô Tân Nghĩa - Đại tá, Tiểu khu trưởng kiêm Tỉnh trưởng Bình Thuận vội vàng cùng cơ quan chỉ huy và một số đơn vị tháo chạy ra Ngọc Lâm (khu vực núi Cốc và Lầu Ông Hoàng) để khi cần thì chuồn theo đường biển cho nhanh. Tuy nhiên, đến ngày 05-04, không thấy quân ta tiến vào thị xã, hấn quay lại nhiệm sở và lập tức điều lực lượng tăng cường phòng thủ Phan Thiết, củng cố các vùng lân cận như Ma Lâm-Thiện Giáo, liên tỉnh lộ 8, Quốc lộ 1A và Phú Long hòng chặn các cửa ngõ vào Phan Thiết.

Mặc dù bọn địch điên cuồng, lộng lộn tung lực lượng ra phản kích khắp nơi nhưng ta vẫn tiến hành chiến dịch đúng theo kế hoạch. Chiều ngày 7-4-1975, Trung đoàn 812 (thiếu) đã về đến Hàm Thuận, kịp thời phối hợp với lực lượng tại chỗ tổ chức tiến công chi khu Thiện Giáo.

Đúng 02 giờ 45 phút ngày 08-4-1975, dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Đỗ Phú Đáp - Tham mưu trưởng Quân khu, các đơn vị của tỉnh và quân khu bắt đầu nổ súng đánh vào chi khu Thiện Giáo. Tuy nhiên, do ngay

từ đầu hỏa lực của ta bị áp chế không có hiệu quả nên bọn địch trong chi khu đã kết hợp được với bọn địch bên ngoài chống trả quyết liệt. Vì vậy, sau 30 phút chiến đấu, quân ta mới chiếm được một số vị trí xung quanh. Ở hướng chủ yếu phía đông nam, 2 mũi đột kích của Tiểu đoàn đặc công 200c do Tiểu đoàn trưởng Huỳnh Phước chỉ huy mới mở được 2 lớp rào thép gai. Ở hướng thứ yếu phía nam, Tiểu đoàn 482 do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thành Tâm và Chính trị viên Trần Minh Hùng chỉ huy vẫn còn đang bám ngoài hàng rào. Ở phía bắc, Tiểu đoàn 840 đã đánh chiếm được ấp 18 trên liên tỉnh lộ 8. Đại đội 3/430 Hàm Thuận do đồng chí Lương Thanh Hà - Trợ lý tác chiến Tỉnh đội và Đại đội trưởng Nguyễn Ngọc Thất chỉ huy từ km 21 (liên tỉnh lộ 8) tiến xuống phối hợp nhưng bị địch ngăn chặn, xe bọc thép (xe bù lu) dẫn đầu bị trúng đạn nên một số chiến sĩ lùi lại phía sau và một số vượt đường ấp 18 cùng bám giữ bàn đạp với Tiểu đoàn 840.

Trời vừa sáng, địch dùng máy bay và pháo bắn vào các mũi tiến công của quân ta, nhất là khu vực ấp 18 - nơi Tiểu đoàn 840 và lực lượng địa phương Hàm Thuận đang chốt giữ, làm đồng chí Dẫn - Tiểu đoàn trưởng hy sinh, đồng chí Quý - Chính trị viên bị thương nặng, máy bộ đàm bị hỏng không liên lạc được với Sở chỉ huy, một số chiến sĩ vì sợ pháo đã chạy ngược về hướng Suối Tre (Hàm Phú).

Trước tình hình đó, Chỉ huy trưởng trận đánh quyết định dừng lại để củng cố lực lượng, vừa đánh địch phản kích vừa tiến hành vây lấn chi khu, đồng thời tranh thủ

thời gian ban ngày quan sát kỹ các mục tiêu trong chi khu.

Sau khi đồng chí Nguyễn Văn Bổng - Trung đoàn phó Trung đoàn 812 cùng một số chiến sĩ pháo binh xác định lại cự ly từ trận địa pháo ta đến các mục tiêu địch, 17 giờ cùng ngày, Chỉ huy trưởng trận đánh hạ lệnh tiếp tục công kích chi khu. Sau 20 phút bắn cấp tập, đạn pháo của ta đã làm sập nhà tên quận trưởng và thủng lô cốt mẹ. Bọn địch trong chi khu bắt đầu hoang mang, rối loạn. Chớp thời cơ, các chiến sĩ đặc công 200c đã lót sẵn từ trước liền bật dậy phá rào đánh chiếm đầu cầu, phát triển vào trung tâm nhà quận trưởng và đánh chiếm lô cốt mẹ. Cùng lúc, Tiểu đoàn 482 cũng phá rào từ hướng nam thọc thẳng vào trung tâm chi khu. Sau 1 giờ 30 phút công kích mãnh liệt, quân ta đã hoàn toàn làm chủ chi khu Thiện Giáo.

Ở vòng ngoài, Tiểu đoàn 840 và Đại đội 3/430 Hàm Thuận từ chốt giữ theo liên tỉnh lộ 8 (quốc lộ 28 ngày nay) thọc thẳng xuống đánh chiếm khu vực ga Ma Lâm và thị trấn Ma Lâm. Đến 21 giờ ngày 8-4-1975 quận lỵ Thiện Giáo và thị trấn Ma Lâm được hoàn toàn giải phóng. Ta diệt và đánh tan rã 1 đại đội cùng Ban chỉ huy Tiểu đoàn bảo an 230 của địch, thu 150 súng các loại và 10 xe quân sự.

Chi khu Thiện Giáo-một vị trí quan trọng bảo vệ phía bắc thị xã Phan Thiết bị tiêu diệt đã làm cho hệ thống đồn bót của địch trên dọc liên tỉnh lộ 8 và các khu vực xung quanh rúng động.

Quyết không để cho địch kịp trở tay, ngay ngày hôm sau (9-4), Tiểu đoàn 482 lập tức đánh chiếm ấp Tân Thành và sau đó, phối hợp với Đại đội 3/430 Hàm Thuận cùng du kích xã Hàm Chính đánh chiếm các ấp Tầm Hưng, An Phú, Bình Lâm và vây ép đồn Bình An. Đến 15 giờ cùng ngày, bọn địch ở Bình An bỏ đồn tháo chạy về Tân Điền.

Trên hướng Quốc lộ 1A, trong khi Tiểu đoàn 200c và Tiểu đoàn 482 tiến công chi khu Thiện Giáo thì Đại đội 5 đặc công của tỉnh cũng tập kích vào đồn Sa Ra, phá hủy 1 khẩu pháo 105 ly và diệt một số tên, sau đó trụ lại khu vực Nha Sang (tây Sa Ra). Đêm 08-4, địch ở Sa Ra tháo chạy về Phú Long. Sáng ngày 9-4, Đại đội 1 Tiểu đoàn 15 vào chiếm đồn và giải phóng ấp Sa Ra.

Để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, ngày 9-4-1975, Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu 6 ra quyết định thành lập Ban chỉ huy giải phóng tỉnh Bình Thuận gồm các đồng chí: Đỗ Phú Đáp – Tham mưu trưởng Quân khu làm Chỉ huy trưởng, Nguyễn Quý Đôn – Bí thư Tỉnh ủy Bình Thuận làm Chính ủy, Phạm Hoài Chương – Phó Chủ nhiệm chính trị Quân khu làm Phó Chính ủy, Lê Văn Nhựt – Tỉnh đội trưởng và Võ Ngọc Đài – Chính trị viên Tỉnh đội làm Chỉ huy phó.

Càng gần đến ngày bị tiêu diệt, Ngô Tấn Nghĩa, Tỉnh trưởng Bình Thuận, càng gào thét: “Phải giữ cho được Quốc lộ 1A và liên tỉnh lộ 8...”. Hàng ngày, chúng cho máy bay và pháo các loại liên tục bắn về hướng bắc và đông bắc để chi viện cho các đồn bót còn lại cố thủ và tung lực lượng bộ binh ra phản kích quyết liệt vào

các hướng này.

Quyết đẩy quân địch vào thế cô lập nhanh hơn nữa, Ban chỉ huy giải phóng Bình Thuận quyết định đánh chiếm một số mục tiêu then chốt trên liên tỉnh lộ 8 và Quốc lộ 1A để chia cắt địch, tạo điều kiện cho chủ lực của trên đánh chiếm Phan Rang.

Thực hiện quyết định trên, ngày 10-4-1975, Tiểu đoàn 482 và bộ phận của Tiểu đoàn 200c tiến đánh cụm lô cốt ở km số 6 và đồn Tân Điền (trên liên tỉnh lộ 8). Ta vừa bắn 2 loạt pháo chuẩn bị thì bọn địch ở đây đã tháo chạy về Tân An (cách thị xã Phan Thiết 3km). Ấp Tân Điền hoàn toàn giải phóng. Cùng ngày, phía Quốc lộ 1A, Đại đội 5 đặc công của tỉnh tổ chức tiến công đồn Gộp. Bọn địch ở đồn Gộp cũng tháo chạy về Tuy Hòa. Thừa thắng, ta đánh chiếm luôn đồn và giải phóng ấp Tuy Hòa ngay trong đêm 11-4.

Rạng sáng 12-4, ta tập trung lực lượng đánh chiếm yếu khu Phú Long và cầu Phú Long: Tiểu đoàn 840 và Đại đội 5 đặc công Bình Thuận đảm nhiệm hướng chủ yếu, do Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Thanh Hằng và Chính trị viên Trần Văn Quý chỉ huy, xuất phát từ Xoài Quỳ tiến dọc theo sông Hội Nhơn đánh thẳng vào ấp từ hướng bắc tây bắc. Tiểu đoàn 15 đảm nhiệm hướng thứ yếu, do Chính trị viên Ngô Tùng Châu và Tiểu đoàn phó Nguyễn Văn Mạc chỉ huy, tiến đánh từ hướng đông bắc sang. Tuy nhiên, cả 2 cánh quân ta vừa tiếp cận đến cách ấp khoảng 700 mét thì gặp bọn địch phục kích ở vòng ngoài. Thấy lực lượng ta quá đông, bọn chúng không dám nổ súng mà vội vàng tháo chạy vào trong ấp. Chớp

thời cơ, quân ta đồng loạt nổ súng và tràn vào ấp. Bọn địch chốt giữ yếu khu và cầu Phú Long chống cự yếu ớt rồi tháo chạy. Tiểu đoàn bảo an 230 và 7 trung đội dân vệ điều bị ta tiêu diệt và tan rã hoàn toàn. Sau khi giải phóng Phú Long, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 15 được giao nhiệm vụ tiếp tục bám trụ tại chỗ để bảo vệ cầu Phú Long và đánh địch phản kích.

Mất Ma Lâm-Thiện Giáo, giờ đây cầu Phú Long - một vị trí then chốt trong hệ thống phòng thủ ở vành đai phía bắc cách thị xã Phan Thiết 7 km - lại lọt vào tay quân giải phóng, Ngô Tấn Nghĩa - Tiểu khu trưởng Bình Thuận - hết sức sửng sốt. Suốt cả ngày 12-4, hắn đã tung các tiểu đoàn bảo an 274, 202, 275, 248 và 229, dưới sự chi viện của máy bay và pháo binh, tiến ra phản kích hòng chiếm lại cầu Phú Long nhưng tất cả đều bị quân ta chặn đánh quyết liệt và đẩy lùi.

Phát huy thắng lợi, ngày 13-4, đại đội đặc công của tỉnh tiếp tục tiến đánh ấp Gò nhưng khi vừa thấy quân ta triển khai đội hình, bọn địch ở ấp Gò đã tháo chạy.

Như vậy, đến ngày 13-4-1975, các lực lượng vũ trang Bình Thuận và chủ lực của Quân khu 6 đã giải phóng được một vùng nông thôn rộng lớn, làm chủ liên tỉnh lộ 8, làm chủ và chia cắt Quốc lộ 1A ở nhiều đoạn quan trọng, bọn địch ở thị xã Phan Thiết bị cô lập hoàn toàn.

Để mở đường tiến vào miền Đông Nam Bộ kịp thời phối hợp với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, ngày 14-4-1975, cánh quân Duyên Hải của Bộ do Trung tướng Tư lệnh Lê Trọng Tấn và Trung tướng Chính ủy Lê Quang

Hòa chỉ huy đã nổ súng đánh chiếm sân bay Thành Sơn, đập nát “lá chắn Phan Rang” và giải phóng hoàn toàn tỉnh Ninh Thuận vào ngày 16-4-1975.

Được tin quân ta đang tràn ngập thị xã Phan Rang, bọn địch ở Phan Thiết vô cùng hoảng sợ. Ngô Tấn Nghĩa, Tiểu khu trưởng Bình Thuận, đã dốc tất cả những gì còn lại để đem ra “Tử thủ”. Chúng sử dụng các cụm pháo ở Phan Thiết, Lầu Ông Hoàng, Cảng Esépíc và máy bay đánh phá hủy diệt các khu vực như Phú Long, Tân Điền, đồng thời tung cả Liên đoàn biệt động quân số 21, trung đoàn bộ binh, các tiểu đoàn bảo an ra phản kích liên tục, quyết liệt, hòng bịt chặt hai cửa ngõ vào Phan Thiết là liên tỉnh lộ 8 và Quốc lộ 1A.

Quyết bảo vệ bằng được cầu Phú Long để cơ giới của chủ lực Bộ đánh vào Phan Thiết, từ ngày 14 đến 18-4-1975, Tiểu đoàn 840 và Tiểu đoàn 15 đã chịu đựng bom, đạn ác liệt, bám trụ kiên cường, bắn máy bay địch và đẩy lùi tất cả các đợt phản kích của chúng, giữ vững cầu.

Phía tỉnh lộ 8, Tiểu đoàn 482 và Tiểu đoàn 200c đã giành giật với địch cầu Trắng, chiếc cầu nối giữa 2 ấp Tân Điền và Tân An. Đến đêm 17 rạng 18-4, ta đẩy địch lùi khỏi cầu Trắng, phát triển đánh chiếm đồn và giải phóng luôn ấp Tân An (cách Phan Thiết 3 km).

Ở xung quanh Phan Thiết, từ đêm 11-4 trở đi, Tiểu đoàn 130 của Quân khu đã dùng pháo 105 ly, H12 và ĐKB liên tục bắn vào tiểu khu Bình Thuận, kìm chế các cụm pháo địch ở Lầu Ông Hoàng và Cảng Esépíc làm

bọn chúng rất căng thẳng, khốn đốn. Cũng trong thời gian này, lực lượng vũ trang thị xã và Hàm Thuận lần lượt đánh chiếm các ấp Phú Hội, Đại Năm, Xuân Phong, dồn địch vào sát Trinh Tường (cách trung tâm thị xã 1km).

Ở nội thị, các đảng viên bí mật và cơ sở ta đã hướng dẫn cho quần chúng sẵn sàng nổi dậy phối hợp với lực lượng bên ngoài giải phóng thị xã. Đồng bào ở Bình Hưng, Đức Thắng, Đức Long, Đức Nghĩa, Lạc Đạo, Phú Thủy và Phú Trinh, nhiều nhà đã may sẵn cờ giải phóng.

Ở vùng ven, vùng tranh chấp, nhân dân đã bàn bạc đưa người ra thành lập các Ủy ban khởi nghĩa cơ sở, may sẵn cờ và kẻ biểu ngữ. Riêng xã Tiến Lợi đã hình thành được Ban khởi nghĩa của thôn 1, thôn 2 và thôn 4. Các ấp như Phú Hưng, Phú Mỹ mỗi nơi đều thành lập 1 tổ tự vệ để sẵn sàng phối hợp với lực lượng cấp trên.

Tuy nhiên, vào những ngày cuối cùng này, bọn địch ở Phan Thiết đã tỏ ra rất hung hăng và tàn bạo. Chúng thẳng tay bắn giết và đàn áp dã man bất kỳ ai nói đến “Việt cộng”, đồng thời ra lệnh thiết quân luật cả ngày lẫn đêm. Do đó, mọi hoạt động của ta cũng rất khó khăn.

Để chuẩn bị đón chủ lực của Bộ vào, đêm 16-4, Đại đội 5 đặc công dưới sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Thiếu tá Nguyễn Cang – Trưởng ban Quân khu 6 – tập kích điểm cao Tà Dôn nhưng không thành. Đồng chí Nguyễn Cang và một số chiến sĩ hy sinh. Đến đêm 17, ta tập kích bằng hỏa lực mạnh vào điểm cao Tà Dôn

(điểm cao 380) gây cho địch nhiều thiệt hại. Đến 9 giờ ngày hôm sau, chúng dùng trực thăng bốc 1 đại đội về tiểu khu, số còn lại tháo chạy về Mũi Né, bỏ lại 2 khẩu pháo 105 ly.

Ở các huyện phía bắc tỉnh, bộ đội địa phương và du kích cùng các đội công tác liên tục chặn đánh bọn địch rút chạy trên Quốc lộ 1A, đồng thời bao vây các đồn bót lẻ. Ngày 13-4, Đại đội 490 Tuy Phong đánh chiếm đồn Tuy Tịnh. Tại các ấp Lâm Lộc, Liêm Bình, Hiệp Hòa, Hiệp Hưng, Hiệp Thành, Hiệp An, Cầu Queo, xóm Ruộng (ven Quốc lộ 1A), Long Phước, Long Lễ, Bình Thạnh, Duồng và Phan Rí Cửa (ven biển), cơ sở của ta đã nắm được lực lượng phòng vệ dân sự và sẵn sàng chờ thời cơ nổi dậy tham gia giải phóng xã, ấp.

Ở các xã phía đông nam Hàm Thuận như Hàm Thắng, Hàm Nhơn, v.v. đồng bào đã vận động được khá nhiều binh lính địch bỏ súng về với cách mạng.

Sau khi giải phóng tỉnh Ninh Thuận, trên đường tiến quân từ Phan Rang vào Phan Thiết, cánh quân Duyên Hải của Bộ đã nhiều lần bị địch dùng bộ binh, máy bay và pháo biển ngăn chặn.

Tại vùng giáp ranh giữa Ninh Thuận và Bình Thuận, các chiến sĩ phòng không và pháo binh đã phải hạ càn pháo ngay trên mặt Quốc lộ 1A đánh trả quyết liệt, bắn bị thương một số máy bay và bắn cháy một số tàu chiến của địch trên cửa biển Cà Ná - Vĩnh Hảo.

Lợi dụng địa hình hiểm trở, một đại đội biệt kích địch phục tại khu vực Đá Chẹt nổ súng ngăn chặn nhưng

xe tăng T54 của ta vẫn cứ tràn qua, dùng pháo và trọng liên trên nóc xe quét gần hết những tên ngoan cố, số sống sót tháo chạy thực mạng.

Bộ binh, máy bay và pháo từ biển của địch không cản nổi tốc độ tiến quân của ta, địch vội vàng phá sập các cầu Vĩnh Hảo, Phan Rí và sông Cạn nhưng công binh của ta đã khắc phục được ngay và đoàn quân vẫn rập rập tiến lên.

Chủ lực của Bộ tiến đến đâu thì quần chúng ở đó lập tức nổi dậy, kết hợp với lực lượng vũ trang diệt đồn, truy bắt bọn tề điệp, ác ôn, tự giải phóng xã, ấp mình.

Sáng ngày 18-4-1975, các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý và Hải Ninh đã hoàn toàn giải phóng.

Biết được tin lúc 13 giờ ngày 18-4, lực lượng đi đầu cùng Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 (cánh quân Duyên Hải) đã đến và đang tạm dừng chân tại khu vực Gộp, đồng chí Bùi Văn Mỹ-Phó Tư lệnh Quân khu 6 và đồng chí Đỗ Phú Đáp-Tham mưu trưởng Quân khu-Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy giải phóng Bình Thuận cùng đến gặp, báo cáo tình hình và nhận kế hoạch hiệp đồng tác chiến.

Sau khi nghe hai đồng chí Bùi Văn Mỹ và Đỗ Phú Đáp báo cáo tình hình, biết được bọn địch ở Phan Thiết đang hoang mang, rối loạn và cầu Phú Long vẫn còn nguyên vẹn, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 liền quyết định cho Lữ đoàn tăng và Trung đoàn 18 bộ binh phối hợp với Trung đoàn 812 cùng lực lượng địa phương Bình Thuận tiến công vào Phan Thiết theo Quốc lộ 1A ngay trong đêm 18-4-1975.

Mặc dù bị pháo địch ngăn chặn suốt dọc đường nhưng lúc 19 giờ ngày 18-4, Lữ đoàn tăng và Trung đoàn 18 bộ binh đã có mặt tại phía bắc Phú Long. Sau khi bắt liên lạc với Tiểu đoàn 15, đúng 20 giờ ngày 18-4-1975, không thực hành pháo hỏa chuẩn bị, quân ta bắt đầu tiến công vào Phan Thiết.

Lữ đoàn tăng có các đồng chí cán bộ tác chiến của Quân khu 6 và chiến sĩ trinh sát của Bình Thuận ngồi chung xe với Lữ trưởng, Tiểu đoàn trưởng để dẫn đường và chỉ mục tiêu. Toàn bộ đội hình tiến công chia thành 3 mũi: Mũi chủ yếu theo Quốc lộ 1A đánh vào tiểu khu, tòa hành chính rồi theo đường Bình Hưng (Võ Thị Sáu ngày nay) thọc xuống chặn cửa biển Thương Chánh; mũi vu hồi từ ngã 3 Phú Long theo đường Phước Thiện Xuân thọc xuống Phú Hải đánh chiếm khu vực Lầu Ông Hoàng và chặn địch rút chạy về Mũi Né; mũi thứ 3 lách tất cả các mục tiêu trong thị xã thọc thẳng lên đánh chiếm Cảng Esépíc.

Phối hợp với chủ lực của Bộ, Tiểu đoàn 482 và Tiểu đoàn 200c từ Tân An theo liên tỉnh lộ 8 thọc xuống đánh vào Trinh Tường.

Lợi dụng đêm tối và tiếng rền của đạn pháo, những chiếc xe tăng thọc sâu và vu hồi của ta mở máy lao nhanh về phía địch.

Phát hiện quân ta đang tiến vào Phan Thiết, tên Tiểu khu trưởng Bình Thuận Ngô Tấn Nghĩa liền tung 1 đại đội xe bọc thép M113 ra án ngữ. Bọn này chưa ra đến ngoại vi thì xe tăng ta đã vượt qua cầu Sở Muối và

đang âm âm lao tới. Quá khiếp đảm, chúng vội quay đầu tháo chạy. Không bỏ lỡ thời cơ, chiếc xe tăng E146 đi đầu của ta lập tức đuổi theo và húc mạnh vào sườn chiếc M113 chạy sau cùng, làm nó quay ngang và lúi thảng vào lề đường. Ngay tức khắc, các chiến sĩ bộ binh đang ngồi trên xe tăng đã nhảy xuống bắt gọn xe và cả toán lính địch.

Thừa thắng, xe tăng và bộ binh ta xông thẳng vào chặn ngay trước cổng Sở chỉ huy tiểu khu và tòa hành chính. Bọn địch hoảng hốt chỉ kịp kêu lên: “...Ôi! Xe tăng cộng sản!” rồi tháo chạy toán loạn. Bản thân Ngô Tấn Nghĩa, mặc dù vừa mới được thăng hàm Chuẩn tướng, nhưng vừa thấy xe tăng ta xuất hiện cũng hốt hoảng bỏ chạy. Ý không dám ra trực thăng đã chuẩn bị sẵn mà vội lúi ra cửa sau xuống bờ sông Cà Ty và lên một chiếc xuồng con trốn ra biển.

Sau hai giờ chiến đấu, quân ta làm chủ hoàn toàn thị xã, chiếm lĩnh Sở chỉ huy tiểu khu, tòa hành chính, Cảng Esépic, Lầu Ông Hoàng, đồn Trinh Tường và các mục tiêu quan trọng khác, phá nhà lao giải thoát cho hơn 400 đồng bào và chiến sĩ đang bị địch giam giữ.

Cũng trong thời gian này, đồng bào ở vùng ven và các vùng nông thôn lân cận đã cùng với đội công tác, dân quân du kích nổi dậy phá các đồn bót lẻ, truy diệt bọn tề điệt, ác ôn, tự giải phóng xóm, ấp mình.

Để giải quyết dứt điểm những mục tiêu còn lại, ngay trong đêm 18 rạng ngày 19-4, Ban chỉ huy giải phóng Bình Thuận đã cho Đại đội 3/430 Hàm Thuận tiến đánh

chi khu Ngã Hai và cho Đại đội 1 của Tiểu đoàn 840 ra giải phóng chi khu Thạch Long-Mũi Né. Tại chi khu Ngã Hai, vừa thấy lực lượng ta xuất hiện bọn địch đã bỏ đồn tháo chạy, bỏ lại hai khẩu 105 ly và trên 200 súng các loại cùng nhiều phương tiện chiến tranh khác. Ở chi khu Thạch Long - mũi Né tình hình cũng diễn ra tương tự.

Nhằm vớt vát một chút gì đó gọi là “Uy danh của quân lực Việt Nam cộng hòa”, lúc 8 giờ sáng ngày 19-4-1975, Tổng thống ngụy Sài Gòn Nguyễn Văn Thiệu đã hạ lệnh cho không quân dùng 3 phần lực F5 đến ném bom xuống cầu giữa (cầu treo Lê Hồng Phong ngày nay) và xóm Cồn Cỏ phường Đức Nghĩa. Khi bọn F5 vừa đến liền bị hỏa lực phòng không của quân ta bắn lên mảnh liệt, chúng buộc phải vội vã bay đi, trong đó có một chiếc bị thương rơi ở khu vực Nhà Bè, chưa kịp về đến Tân Sơn Nhất.

Đúng 09 giờ sáng ngày 19-4-1975, Ủy ban quân quản vào tiếp quản thị xã Phan Thiết. Đến 13 giờ cùng ngày, tỉnh Bình Thuận (trừ đảo Cù Lao Thu-huyện Đảo Phú Quý ngày nay) đã hoàn toàn giải phóng. Ta diệt và đánh tan rã 8 tiểu đoàn, 18 đại đội, 13 trung đội bao gồm các sắc lính cộng hòa, bảo an, biệt kích và dân vệ, thu 18 khẩu pháo, 2 trực thăng, toàn bộ xe quân sự và kho tàng của địch. Toàn bộ hệ thống kìm kẹp của địch từ tỉnh đến cơ sở đều sụp đổ hoàn toàn¹.

1. Đã có 14.000 tên sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ địch ra trình diện.

Từ sáng 20-4-1975 trở đi, các cơ quan tỉnh, huyện của tỉnh Bình Thuận đã triển khai đứng chân tại các công sở tỉnh lỵ, huyện lỵ và bắt đầu thực hiện quyền lực của chính quyền cách mạng.

Cũng trong ngày 20-4-1975, để giải phóng luôn phần đất còn lại, Bộ Tư lệnh Quân khu 6 quyết định thành lập Ban chỉ huy giải phóng tỉnh Bình Tuy gồm các đồng chí: Đỗ Phú Đáp – Tham mưu trưởng Quân khu làm Chỉ huy trưởng, Lê Khắc Thành – Bí thư Tỉnh ủy Bình Tuy làm Chính ủy. Các đồng chí Phạm Hoài Chương – Phó Chủ nhiệm chính trị Quân khu, Nguyễn Thanh Đức – Tỉnh đội trưởng và Võ Như Loan – Chính trị viên Tỉnh đội Bình Tuy cùng làm Chỉ huy phó. Mặc dù, Ban chỉ huy giải phóng Bình Tuy được thành lập song do tình hình diễn biến quá khẩn trương, Ban chỉ huy chưa gặp nhau để bàn bạc lần nào thì Quân đoàn 2 cánh quân Duyên Hải của Bộ đã tiến công theo đường 1A đã vào đến Bình Tuy.

Được tin Phan Thiết thất thủ, bọn địch còn lại ở Bình Tuy vô cùng hoang mang, dao động. Lũ tàn quân thua trận từ các nơi chạy về đang dồn vào các khu vực xung quanh thị xã La Gi, quận lỵ Hàm Tân, cửa biển Tân Lý, sân bay Láng Gòn, cả trên Quốc lộ 1A và liên tỉnh lộ 23. Tăng, lều, xe, pháo, súng đạn, ngổn ngang chen chúc. Trong bước đường cùng không còn nghĩ gì đến đồng loại, chúng cướp giết, bắn giết lẫn nhau giành lấy tiền và sự sống, gây ra cảnh cực kỳ hỗn loạn làm cho đồng bào ở khu vực này hết sức khổ sở.

Ngay từ sau khi giải phóng Hoài Đức vào cuối tháng

3-1975, Đại đội 88 đã xuống phối hợp với lực lượng địa phương Nghĩa Lộ, Hàm Tân chuẩn bị mở mả ở khu vực Quốc lộ 1A. Từ ngày 16 đến 20-4, Đại đội 88 phối hợp với bộ đội địa phương và đội công tác đánh chiếm Căn cứ 6 giải phóng các ấp dọc Quốc lộ 1A từ Căn cứ 6 đến km 46 và từ km 46 theo liên tỉnh lộ 2 đến Đá Mài - Láng Gòn. Trong hai ngày 17 và 18-4, Đại đội 460 Hàm Tân đã giải phóng dọc Quốc lộ 1A từ km 26 đến km 46 nối liền giữa Bình Tuy và Bình Thuận. Chiều ngày 21-4, Đại đội 88 cùng bộ đội địa phương tiếp tục đánh chiếm ấp Đông Hà, áp sát và dùng hỏa lực tập kích vào sân bay Phước Thành diệt một số tên, cháy 1 máy bay c130.

Phối hợp với lực lượng vũ trang tỉnh, huyện, các đại đội vũ trang công tác và cơ sở đã bố trí lực lượng thanh niên nòng cốt canh giữ các ấp Văn Kê, Thạnh Mỹ, Hiệp Trí, Hiệp An, chuẩn bị sẵn sàng để cùng quần chúng nổi dậy giải phóng khu vực Hàm Tân. Trước đó, ngày 20-4, lợi dụng lúc địch đang hoang mang, rối loạn, những chiến sĩ và đồng bào bị địch bắt đang giam giữ tại nhà lao La Gi đã áp đảo bọn cai ngục, buộc chúng phải mở cửa nhà lao để anh em thoát ra ngoài.

Sau khi đồng ý với Bộ Tư lệnh Quân khu 6 và Ban chỉ huy giải phóng Bình Tuy, chiều ngày 21-4-1975, trên đường tiến vào Sài Gòn, Bộ Tư lệnh cánh quân Duyên Hải (Quân đoàn 2) đã quyết định để lại 1 trung đoàn bộ binh cùng pháo 130 của Sư đoàn 304 và 1 đại đội tăng T54 của Sư đoàn 325 phối hợp với lực lượng địa phương tiến đánh giải phóng La Gi.

Phát hiện thấy lực lượng ta đang triển khai, lúc 18 giờ ngày 22-4, bọn địch ở Láng Gòn vội vã phá sập cầu rồi tháo chạy. Đến 19 giờ cùng ngày, pháo binh ta đã chiếm lĩnh xong trận địa ở khu vực Láng Gòn và bắt đầu bắn chuẩn bị. Lửa đạn trùm lên các khu vực: nhà tỉnh trưởng, tòa hành chính, nhiều mục tiêu trong thị xã La Gi và ngoài cửa biển Tân Lý. Phản ứng lại, địch dùng pháo 105 ly đặt ở Động Đền phản pháo. Cùng lúc, một chiếc C 47 từ Sài Gòn ra lượn 1 vòng trên trận địa pháo ta và tung ra 1 chùm pháo sáng nhưng bị cao xạ 37 ly của các chiến sĩ phòng không bắn lên, buộc nó phải chווn thẳng. Cũng vào thời điểm ấy, Đại đội 88 – đơn vị thọc sâu của tỉnh Bình Tuy đang ở phía tây nam La Gi, đã tiếp cận Động Đền và tập kích cối 60 vào trận địa pháo địch. Kho đạn bốc cháy và nổ dữ dội làm pháo địch câm họng.

Phối hợp với chủ lực cấp trên, các lực lượng vũ trang Hàm Tân gồm: 1 trung đội của Đại đội 460 do đồng chí Lê Minh Kính chỉ huy, Đội vũ trang công tác Tân Thuận do đồng chí Lý Việt Hoa làm Đội trưởng cùng một số cán bộ nhân viên của Huyện ủy và Huyện đội vào chiếm chùa Bửu Hùng (Tân Thuận) làm Sở chỉ huy để điều khiển cuộc Tiến công và nổi dậy của toàn huyện. Đồng thời, ta tổ chức lực lượng bao vây chi khu Hàm Tân. Vì quá hoang mang, dao động nên khi thấy lực lượng ta xuất hiện và nghe tiếng loa kêu gọi, tên quận trưởng đã cùng đồng bọn dẫn đạp lên nhau tháo chạy về La Gi. Cùng với lực lượng vũ trang, đồng bào ở các ấp xung quanh đã nổi dậy truy lùng bọn tề điệp, ác ôn, kêu gọi binh lính địch đầu hàng. Một số khác cùng bộ đội xông

vào chiếm chi khu, quận lỵ. Toàn bộ lực lượng địch ở Hàm Tân đều bị tiêu diệt và tan rã, huyện Hàm Tân đã hoàn toàn giải phóng ngay trong đêm 22-4-1975.

Giữa lúc pháo binh ta đang tiếp tục áp chế từng mục tiêu địch, Đại đội 81 đặc công của Bình Tuy đã phối hợp với lực lượng Quân đoàn 2 vượt Sông Dinh, thọc thẳng xuống tiểu khu và thị xã La Gi. Bọn địch ở đây còn rất đông nhưng vừa thấy xe tăng và bộ binh ta ập vào thị xã thì chúng đã cuống cuống tháo chạy ra biển, bỏ lại xe, pháo, súng đạn ngổn ngang suốt cả dọc đường. Tên đại tá Trần Bá Thành (Tiểu khu trưởng kiêm Tỉnh trưởng Bình Tuy) cùng nhiều tên đầu sỏ khác cũng hốt hoảng, vội vàng lui theo cửa sau ra biển trốn chạy.

Từ hướng nam, Đại đội 88 đã thọc vào thị xã bắt được liên lạc với quân chủ lực ở khu trung tâm. Đến 23 giờ, quân ta đã hoàn toàn làm chủ thị xã La Gi, chốt giữ những mục tiêu quan trọng như tiểu khu, tòa hành chính và ty cảnh sát. Do hành quân bộ, đường xa nên Tiểu đoàn 15 của Trung đoàn 812 đến chậm. Khi đến nơi, tiểu đoàn cùng với lực lượng vũ trang Bình Tuy tiếp tục truy quét bọn tàn quân địch ở các khu vực Đồi Dương, cửa biển Tân Lý và bắt được tên trung tá Nguyễn Ngọc Giao (Quận trưởng quận Hàm Tân) cùng một số sĩ quan và binh lính đang trên đường chạy trốn. Cũng trong thời gian này, một bộ phận của lực lượng Bình Tuy đã dùng thuyền máy vượt biển ra kiểm soát Hòn Bà - một đảo nhỏ cách đất liền khoảng 2km.

Đến 12 giờ trưa ngày 23-4-1975, tỉnh Bình Tuy - phần đất còn lại của Khu 6 đã hoàn toàn giải phóng. Ta

diệt và làm tan rã 5 tiểu đoàn, 9 đại đội địa phương quân, 2 chi đội cơ giới, 5 trung đội pháo binh, 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 1 đại đội chiến tranh tâm lý, 1 đại đội công binh, 1 trung đội hải quân kỹ thuật, 81 trung đội nghĩa quân và hơn 500 tên phòng vệ dân sự. Toàn bộ hệ thống nguy quyền từ tỉnh đến cơ sở dã hoàn toàn tan rã. Sau đó, chúng đã ra trình diện 10.543 tên từ cấp tá đến binh nhì (trong đó có một số tàn quân từ các nơi chạy về).

Để giải phóng phần đất cuối cùng của tỉnh Bình Thuận, đêm ngày 26-4-1975, một bộ phận lực lượng của Đại đội 490 và một số cán bộ của huyện Tuy Phong phối hợp với Đoàn 382 Hải Quân vượt biển tiến đánh ra đảo Cù Lao Thu (cách đất liền khoảng 60 hải lý - bằng 102km). Đúng 4 giờ sáng ngày 27-4, quân ta bất ngờ đổ bộ lên đảo. Sau hơn 1 giờ chiến đấu, toàn bộ quân địch trên đảo đã hạ vũ khí đầu hàng. Ta thu 1.890 súng các loại. Đảo Cù Lao Thu (huyện đảo Phú Quý ngày nay) - một vị trí tiền tiêu ở biển Đông rất quan trọng của tỉnh Bình Thuận nói riêng và của đất nước nói chung, đã hoàn toàn giải phóng.

Như vậy, sau 43 ngày đêm (từ 16-3 đến 27-4-1975), liên tục tiến công và nổi dậy, quân dân Bình Thuận và Bình Tuy (Bình Thuận cũ) đã nỗ lực vượt bậc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, phối hợp chủ lực cấp trên giải phóng hoàn toàn địa phương mình, góp phần cùng quân dân toàn miền Nam và cả nước làm nên kỳ tích "Đại thắng Mùa Xuân".

Từ tiền tuyến trở thành hậu phương, Bình Thuận và

Bình Tuy sau khi giải phóng đã trở thành một trong những hậu phương trực tiếp chi viện sức người, sức của cho Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

KẾT LUẬN

Tính từ ngày 12-11-1945 (ngày Nhật đổ bộ vào Phan Thiết) đến ngày 27-4-1975 (ngày giải phóng đảo Phú Quý, phần lãnh thổ cuối cùng của Bình Thuận), quân và dân Bình Thuận đã liên tục chiến đấu suốt 10.768 ngày đêm với hết tên đế quốc này đến tên đế quốc khác để giải phóng quê hương.

Thật vậy, Cách mạng Tháng Tám thành công chưa được bao lâu, thì quân Nhật bại trận theo lệnh quân Anh quay lại Phan Thiết đòi tước vũ khí của lực lượng vũ trang ta, buộc ta phải đánh trả để bảo tồn lực lượng và bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ. Nhật chạy, Pháp lại đến. Sau khi tái chiếm Sài Gòn, chúng liền đưa quân ra Đà Lạt, xuống Phan Rang, rồi tràn vào Phan Thiết.

Trước sức tiến công ô ạt của quân thù, lực lượng vũ trang Bình Thuận tuy còn nhỏ bé, trang bị vũ khí thô sơ nhưng đã ngoan cường chiến đấu, từng bước ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu mở rộng vùng chiếm đóng của chúng, giữ vững những địa bàn quan trọng tạo điều kiện cho kháng chiến lâu dài.

Càng đánh lực lượng ta càng mạnh, càng chiến đấu càng trưởng thành, những đội quân tuy nhỏ nhưng ngoan

cường đã dùng cảm thọc sâu, đánh hiểm trong thế trận chiến tranh nhân dân, du kích chiến tranh và có những cú đánh táo bạo khiến cho quân thù bạt vía kinh hồn như ở Lầu Ông Hoàng, nhà hàng Liên Thành, Cảng Esépíc và Ngã Hai... Đặc biệt trong đông-xuân 1953 - 1954, phối hợp với chiến trường chính Liên Khu 5 và Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, quân và dân Bình Thuận đã mở đợt tiến công toàn diện và giành được thắng lợi to lớn: Diệt và bức rút 20 cứ điểm lớn nhỏ, giết, bắt sống và làm tan rã hơn 4.500 tên địch, thu hơn 1.000 súng các loại, giải phóng hai phần ba đất đai của tỉnh Bình Thuận và một phần đất đai của tỉnh Đồng Nai Thượng (thuộc Lâm Đồng ngày nay) góp phần cùng cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Pháp thua, Mỹ nhảy vào và Bình Thuận cũng là một trong những trọng điểm đánh phá của chúng. Ngay từ đầu, bọn Mỹ-ngụy đã phá hoại Hiệp định Giơnevơ, thực hành âm mưu "tố cộng, diệt cộng" và ban hành Luật 10/59 để lê máy chém đi khắp vùng nông thôn, rừng núi giết hại các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước. Dùng thủ đoạn "tát nước bắt cá", chúng dồn hết dân vào các ấp chiến lược mà thực chất là trại tập trung, nhà tù trá hình để kìm kẹp hòng dập tắt phong trào cách mạng của quần chúng và tiêu diệt những người kháng chiến cũ, nhưng không thành. Để cứu vãn tình thế ngày càng thất bại, đế quốc Mỹ lập tức tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, đồng thời ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam Việt Nam.

Cũng như thời kháng chiến chống thực dân Pháp, trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bình Thuận vẫn là một địa bàn quan trọng nối liền giữa Nam Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ, đồng thời cũng là chiến trường nằm sâu trong lòng địch, xa sự chỉ đạo của Trung ương và sự chi viện của hậu phương nên đã chiến đấu trong điều kiện vô vàn khó khăn và gian khổ.

Tuy quân Mỹ đổ vào Bình Thuận sau so với một số nơi khác, nhưng cũng không thiếu một sắc lính nào: lính thủy đánh bộ, lính dù, kỵ binh không vận, kỵ binh thiết giáp, không quân và lục quân, v.v.. Nếu tính cả lính cộng hòa, bảo an và dân vệ thì có lúc đã lên đến hàng chục ngàn tên. Để thực hiện mục tiêu chiếm đất, giành dân và tiêu diệt lực lượng cách mạng, ngoài biện pháp lừa hết dân vào các ấp chiến lược, các trại tập trung, chúng còn tiến hành hàng trăm, hàng ngàn cuộc hành quân càn quét lớn nhỏ, mà tiêu biểu là các cuộc hành quân Sơn Dương 1, Sơn Dương 2, Bình Lâm 1, Bình Lâm 2, v.v.. Đi đôi với bình định và tìm diệt, chúng còn sử dụng bom pháo, máy bay và xe tăng để triệt hạ xóm làng, sử dụng các tôn giáo và dùng chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lý để mua chuộc, dụ dỗ và ra sức vơ vét sức người, sức của cung cấp cho cuộc chiến tranh xâm lược.

Ngoài các âm mưu thủ đoạn trên đây, Bình Thuận cũng là chiến trường Mỹ-ngụy thực hiện thí điểm các thủ đoạn chiến thuật như: “Trực thăng vận”, “Bủa lưới phóng lao”, trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”,

“Tìm diệt và bình định”, “Quét và giữ” trong “Chiến tranh cục bộ”, “Bình định đặc biệt”, “Bình định cấp tốc” trong “Việt Nam hóa chiến tranh”, v.v.. Mỗi bước leo thang chiến tranh, âm mưu của chúng càng sâu, thủ đoạn của chúng càng thêm tàn bạo và xảo quyệt. Và, khi hành động dã man của chúng đã lên đến đỉnh cao thì cũng là lúc báo hiệu sự sụp đổ tất yếu của chúng.

Về phía ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Bình Thuận là cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Suốt 21 năm là một quá trình đấu tranh liên tục: Từ đấu tranh chính trị lên khởi nghĩa vũ trang, phát triển thành chiến tranh cách mạng, chiến tranh cách mạng với tiến công và nổi dậy, tiến công tiêu diệt sinh lực địch nhằm thực hiện nhiệm vụ chiến lược cơ bản thường xuyên của chiến trường là đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của địch qua từng giai đoạn chiến tranh để giành dân, giành quyền làm chủ, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng. Đó là một quá trình, liên tục tiến công đánh bại địch từng bước, giành thắng lợi từng phần và tiến tới giành thắng lợi quyết định, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng địa phương mình. Góp phần cùng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước.

Bằng các chiến thắng Hoài Đức – Tánh Linh, Ma Lâm-Thiện Giáo, giải phóng thị xã Phan Thiết và La Gi, Đảng bộ và quân dân Bình Thuận (Bình Thuận và Bình Tuy) đã góp phần xứng đáng vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 giành thắng lợi

trọn vẹn, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc.

Với thắng lợi này, nhân dân ta đã hoàn thành cuộc kháng chiến cứu nước suốt gần 30 năm để giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, thực dân cũ và mới, mở đường cho đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới, “kỷ nguyên phát triển rực rỡ của nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, kỷ nguyên nhân dân lao động hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, đồng tâm hiệp lực xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc cho mình và cho muôn đời con cháu mai sau...”¹.

Song, con đường dẫn đến thắng lợi không phải chỉ có thuận buồm xuôi gió, không phải chỉ có chiến thắng mà phải trải qua những bước thăng trầm, quanh co khúc khuỷu, cũng có những sai lầm và khuyết điểm, thậm chí có những thất bại và khó khăn tưởng chừng không vượt qua được. Nhưng nhờ nắm vững đường lối của Đảng, đoàn kết nhất trí nội bộ, tin tưởng và dựa vào quần chúng nên Đảng bộ và quân dân Bình Thuận đã giải quyết thành công những vấn đề cơ bản đặt ra trong cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù để giành thắng lợi vẻ vang.

*

* *

Từ thực tiễn sinh động của cuộc kháng chiến 30 năm, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu

1. Lê Duẩn: *Sđd*, tr.7 và 8.

sau đây:

1. Nắm vững đường lối cách mạng, quan điểm bạo lực và nhiệm vụ chiến lược của Đảng, vận dụng sát đúng với thực tiễn địa phương và đề ra những chủ trương biện pháp thích hợp

Cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là một cuộc chiến tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp và quyết liệt. Trong cuộc chiến tranh lâu dài đó, có nắm vững đường lối, quan điểm bạo lực và nhiệm vụ chiến lược của Đảng, mới thấy rõ con đường và phương hướng tiến lên của cách mạng. Do đó, việc quán triệt sâu sắc, kiên quyết chấp hành và thực hiện đầy đủ mọi chủ trương, đường lối của Trung ương Đảng là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi.

Nhìn lại thực tiễn chiến trường qua 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xâm lược, rõ ràng đường lối, chủ trương của Trung ương Đảng là hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với tình hình chung trong từng giai đoạn. Đảng bộ Bình Thuận đã nghiên cứu và vận dụng sát hợp đường lối ấy vào tình hình ở địa phương; đồng thời đề ra nghị quyết đúng đắn, tạo được niềm tin trong nội bộ và biết phát huy tối đa sức mạnh của quần chúng để giành thắng lợi to lớn qua các thời kỳ của chiến tranh.

Thật vậy, sau Cách mạng Tháng Tám thành công trên cơ sở nắm vững đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện và tự lực, tự cường, Đảng bộ Bình Thuận đã lãnh đạo, động viên và tổ chức cho các tầng

lớp nhân dân, các dân tộc trong tỉnh đoàn kết đứng lên đánh giặc, biến toàn tỉnh thành một mặt trận, mỗi xóm thôn buôn làng thành những pháo đài, mọi người dân đều là chiến sĩ. Sức mạnh vô địch đó đã góp phần cùng cả nước kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sau Hiệp định Giơnevơ, cũng trên cơ sở nắm vững những mục tiêu của cách mạng miền Nam, với ý thức chuẩn bị cho địa phương mình một lực lượng sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù mới, Đảng bộ Bình Thuận đã cử những cán bộ, chiến sĩ, đảng viên trung kiên ở lại tiếp tục lãnh đạo quần chúng. Bản thân những người ở lại đã coi việc bám dân, bám địa bàn là một chủ trương "sinh tử" của cách mạng nên xác định nhiệm vụ và phương thức đấu tranh trước mắt là chính trị, nhưng phải nắm chắc quan điểm bạo lực cách mạng của Đảng. Từ đó, cán bộ, đảng viên ta đã lợi dụng các tổ chức công khai, bán công khai để tập hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh, đồng thời tổ chức lực lượng nòng cốt, bí mật rút người xây dựng lực lượng vũ trang và chuẩn sẵn sàng nổi dậy khi có thời cơ. Khi có Nghị quyết 15 Trung ương, Đảng bộ Bình Thuận đã nhanh chóng tổ chức quán triệt, vận dụng sát đúng với tình hình địa phương và kiên quyết hành động bằng trận đánh diệt chi khu quân sự Hoài Đức, phá khu dinh điền Bắc Ruộng mở đầu cho phong trào đấu tranh vũ trang, làm đảo ngược tình thế tạo nên một cục diện mới hết sức thuận lợi cho quân dân toàn tỉnh bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây chính là bài học sinh động về nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng và vận dụng sát đúng đường lối khởi nghĩa vũ trang, phương châm vũ trang hỗ trợ chính trị

của Đảng ở địa phương.

Và, trong các giai đoạn kháng chiến tiếp theo, việc vận dụng và nắm vững quan điểm, đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng cũng có nhiều bài học cụ thể, sinh động và phong phú. Song, vấn đề nổi bật, xuyên suốt đó là: Đảng bộ và quân dân Bình Thuận đã biết phát huy tinh thần tự lực, tự cường, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, liên tục tiến công cả 3 mặt: quân sự, chính trị và binh vận, trên cả 3 vùng: rừng núi, đồng bằng và đô thị; kết hợp giữa tiêu diệt địch với giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng. Qua 30 năm kháng chiến cũng có nhiều cuộc tiến công quân sự mà nổi bật là: đông-xuân 1953 - 1954, trận Hoài Đức-Bắc Ruộng năm 1960, đợt hoạt động đông-xuân 1964 - 1965, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968 ở thị xã Phan Thiết, Chiến dịch Hoài Đức - Tánh Linh, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 giải phóng toàn tỉnh, góp phần giải phóng toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc đã chứng minh rất rõ điều này.

Thực tiễn ở chiến trường Bình Thuận còn chỉ rõ là: Trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, mặt dù có lúc thuận lợi có lúc gặp khó khăn, nhưng bất cứ lúc nào và bất cứ trong hoàn cảnh nào cũng phải khẳng định lòng tin tất thắng vào sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ, luôn luôn kiên trì thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên một cách nghiêm túc, sáng tạo và quyết tâm khắc phục khó khăn thì nhất định sẽ giành được thắng lợi.

Tuy nhiên, có lúc Đảng bộ Bình Thuận cũng chưa nắm chắc được chủ trương của cấp trên, hoặc không đánh giá đúng tình hình tại chỗ, vận dụng không kịp thời và không thích hợp nên không chuyển được phong trào lên. Để làm rõ vấn đề này xin nêu lại mấy sự kiện sau đây:

- Đó là những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, khi kẻ địch xua quân càn quét chiếm đất giành dân, thì ta lại cử người đi thương lượng với chúng mà không kịp thời củng cố thế trận chiến tranh nhân dân để sẵn sàng chiến đấu. Do đó, lúc chúng lật lọng, ta không kịp trở tay nên bị tổn thất phải mất một thời gian sau mới vươn lên được.

- Đó là thời kỳ những năm 1960 – 1961, khi phong trào cách mạng đã phát triển sang giai đoạn mới, nhưng ta vẫn còn lúng túng trong việc vận dụng phương châm đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị nên chưa mạnh dạn và linh hoạt.

- Đó là sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, địch đã khôi phục lực lượng, tăng cường phương tiện chiến tranh và phát triển kế hoạch bình định nông thôn gây cho ta nhiều tổn thất, lòng tin bị xói mòn, phong trào bị giảm sút, nhưng ta vẫn còn ảnh hưởng tư tưởng “giành thắng lợi quyết định” mà không kịp thời củng cố thế trận ở cơ sở để chống lại âm mưu thâm độc của kẻ thù.

- Đó là thời gian sau Hiệp định Pari, do chưa đánh giá đúng bản chất ngoan cố, xảo quyệt của kẻ thù nên

khi chúng bung ra lấn đất, giành dân, ta lại co lại vì sợ phạm Hiệp định. Và ta đã dần dần mất đất, mất dân.

Nhờ kịp thời khắc phục sửa chữa sai lầm, đánh giá đúng mức hơn về thủ đoạn của địch, xác định rõ hơn về tư tưởng chiến lược tiến công và kiên quyết phản công quân địch, nên cục diện chiến trường từng bước thay đổi ngày càng có lợi cho ta-thế và lực của cách mạng đã phát triển đều trên cả 3 vùng và cả 3 vùng đều giành được thắng lợi.

2. Tin dân và dựa vào dân xây dựng thực lực cách mạng bao gồm lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận và các lực lượng khác, hình thành sức mạnh tổng hợp đánh bại kẻ thù

Từ nhận thức cách mạng là sự nghiệp của quần chúng và thấm nhuần quan điểm bạo lực cách mạng, đường lối kháng chiến toàn dân toàn diện của Đảng, trong gần 30 năm chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng bộ Bình Thuận đã ý thức được rằng: Muốn giành thắng lợi trong chiến tranh, muốn đạt được mục tiêu chính trị của chiến tranh thì nhất định phải tin dân và dựa vào dân; phải tổ chức tập hợp quần chúng và giáo dục quần chúng để từng bước hình thành sức mạnh bạo lực của cách mạng, sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân một sức áp đảo. Chính vì vậy, mà lực lượng vũ trang Bình Thuận đã kiên trì bám trụ luôn giữ mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân, giữa quân và dân như "cá với nước", thường xuyên chăm lo giải quyết những lợi ích trước mắt và lâu dài cho dân; đồng thời động viên, lãnh đạo và tổ chức cho mọi người cùng đứng lên

đánh giặc và đã tập hợp được sức mạnh tổng hợp vô địch của chiến tranh, nhân dân địa phương.

Kẻ địch cũng biết rất rõ điều này nên cả thực dân Pháp lẫn đế quốc Mỹ khi đặt chân lên đất Bình Thuận, chúng đều tập trung đánh vào dân, kìm kẹp dân và đàn áp dân với mọi thủ đoạn hòng tách cách mạng ra khỏi quần chúng, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm suy giảm và tan rã lực lượng cơ bản của sức mạnh nhân dân du kích chiến tranh, nhưng chúng không làm được.

Dưới sự lãnh đạo và giáo dục của Đảng bộ Bình Thuận, đồng bào các dân tộc trong tỉnh đã nhận thức được là: muốn tồn tại, phát triển và thoát khỏi cuộc đời nô lệ thì không còn con đường nào khác là phải đấu tranh, phải cầm súng đứng lên chiến đấu một mất một còn với mọi kẻ thù xâm lược. Độc lập dân tộc, hạnh phúc gia đình và cuộc sống ấm no là động cơ thúc đẩy mọi người dân yêu nước từ già đến trẻ, từ miền xuôi đến miền ngược đều tự nguyện hy sinh “thà chết chứ không chịu làm nô lệ” quyết xông lên đánh thực dân Pháp, đế quốc Mỹ bằng tất cả các loại vũ khí có trong tay. Và đó cũng chính là phong cách của con người Bình Thuận: cần cù, dũng cảm trước thiên nhiên khắc nghiệt, bất khuất và hiên ngang trước mọi cực hình dã man và thủ đoạn thâm độc của kẻ thù.

Trong những năm đầu khi mới trở lại xâm lược nước ta, thực dân Pháp đã gây ra biết bao vụ thảm sát ở Phú Long, Xóm Mía, Bình Thạnh, Cát Bay và nhiều nơi khác. Tương tự như thực dân Pháp, trong những năm Mỹ-ngụy thực hiện âm mưu “tố cộng, diệt cộng”, chúng dùng

Luật 10/59 và lê máy chém đi khắp miền Nam để trả thù những người kháng chiến cũ hòng dập tắt phong trào cách mạng. Song, nhân dân ta vẫn giữ vững lòng tin, vẫn nuôi dấu đùm bọc cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Cả thực dân Pháp lẫn đế quốc Mỹ đều dùng thủ đoạn “tát nước bắt cá” bằng những hành động cào nhà, ủi đất, dồn dân vào các khu tập trung, áp chiến lược và tổ chức thêm cái gọi là “Ngũ gia liên bảo” để kèm chặt hàng ngày, nhưng chưa bao giờ chúng kiểm soát được lòng dân và cũng không thể nào tách được lực lượng cách mạng ra khỏi dân. Ngược lại, chúng càng lún sâu vào thế trận toàn dân đánh giặc.

Suốt 30 năm kháng chiến, dù bất cứ ở nơi đâu, tiền tuyến hay hậu phương, vùng căn cứ kháng chiến hay vùng địch tạm chiếm, trong nhà tù hay trong áp chiến lược, những người dân yêu nước ở Bình Thuận đều luôn luôn tin Đảng, theo cụ Hồ và tìm cách đóng góp phần mình cho cách mạng. Có một điều mà bất cứ ai đã từng tham gia kháng chiến ở Bình Thuận cũng đều nhận thấy rằng: Chỗ nào có dân là có bộ đội, có du kích, có cán bộ và có lương thực để ăn tiếp tục chiến đấu. Có những gia đình đã nhường đến hạt gạo cuối cùng cho kháng chiến, có những bà mẹ đã bảy tám lần tiễn con cháu ra mặt trận nhưng chưa một lần được nhìn thấy mặt con cháu trở về. Đó là tấm lòng của đồng bào các dân tộc ở Bình Thuận đối với Đảng và Bác Hồ.

Lịch sử kháng chiến 30 năm đã chứng minh: Không có trận địa nào vững chắc bằng “trận địa lòng dân”. Chỉ có tin dân, dựa vào dân và cùng nhân dân chiến đấu thì

mới thực hiện được các nhiệm vụ của cách mạng. Giữ dân, giành quyền làm chủ về tay nhân dân và phát triển phong trào toàn dân đánh giặc, Đảng bám dân, dân bám đất, lực lượng vũ trang bám địch, bám địa bàn, cấp trên sâu sát cấp dưới là bài học hết sức sinh động.

Nhờ tin dân và dựa vào dân nên Đảng bộ Bình Thuận đã xây dựng được thực lực chính trị ngày càng lớn mạnh, vững chắc ở các xóm, thôn, buôn làng. Đó là nguồn gốc của mọi chiến thắng, là nền tảng để thực hiện cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân toàn diện. Tuy nhiên, không chỉ có thực lực chính trị, chiến tranh là sự kế tục của chính trị bằng thủ đoạn bạo lực, là cuộc đọ sức giữa 2 bên tham chiến, là quy luật nghiệt ngã “mạnh được, yếu thua”. Quyết định thắng bại của chiến tranh là ở chiến trường. Do đó, nếu chỉ có lực lượng chính trị thì dù có đông đảo bao nhiêu cũng không thể nào tiêu diệt được lực lượng quân sự của địch, mà nhất thiết phải có lực lượng vũ trang để làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc. Chính vì vậy, trên cơ sở của lực lượng chính trị mạnh mẽ, Đảng bộ Bình Thuận đã tổ chức xây dựng được lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân: Chủ lực tỉnh, địa phương huyện và dân quân du kích ở khắp các thôn xã, đã phát triển từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn, từ đánh du kích phân tán đến đánh tập trung, từ đánh nhỏ, đánh vừa và phối hợp với chủ lực cấp trên đánh lớn. Từ các đội dân quân ở các làng xã đến lực lượng bảo an binh của địch được Đảng và Mặt trận Việt Minh giác ngộ, đến Chi đội 1 giải phóng quân, Trung đoàn 81, 82, Liên Trung đoàn 81-82 là Trung đoàn 812-chủ lực của Miền cực Nam Trung Bộ trong thời kỳ kháng chiến

chống thực dân Pháp. Từ một trung đội đầu tiên được thành lập vào ngày 02-9-1959 trong thời kỳ chống Mỹ, đến năm 1961 đã phát triển thành 2 đại đội và đến tháng 10-1965 đã hình thành tiểu đoàn chủ lực của tỉnh (Tiểu đoàn 482). Hầu hết các huyện, thị xã, đều có từ 1 đến 3 đại đội bộ binh và đặc công, các đội vũ trang công tác ngày đêm lặn lội với phong trào, bám sát dân, quần sát địch, diệt ác, phá kìm làm công tác địch vận và xây dựng thực lực cách mạng bên trong. Hàng ngàn dân quân tự vệ trên cả 3 vùng rừng núi, đồng bằng và đô thị được xây dựng và không ngừng trưởng thành. Thế trận trên địa bàn toàn tỉnh đã có lực lượng tại chỗ đủ sức tiêu hao, tiêu diệt địch, kìm chế lực lượng địch ở địa phương, giữ vững vùng căn cứ giải phóng, vùng làm chủ của nhân dân, phá các âm mưu dồn dân, bình định của địch, đồng thời. Có lực lượng cơ động phối hợp với chủ lực quân khu đánh tiêu diệt những mục tiêu quan trọng, làm cho phong trào chiến tranh nhân dân trong tỉnh lớn mạnh không ngừng.

Cùng với lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, lực lượng binh vận cũng ngày càng được củng cố và phát triển theo nhiệm vụ chính trị, theo yêu cầu chiến đấu từng lúc từng thời kỳ. Từ tiến công chính trị vào binh lính địch đến phá rã các tổ chức và xây dựng cơ sở của ta trong hàng ngũ địch để đánh địch. Kết quả của công tác binh vận đã đạt được từ lẻ tẻ đến tập thể từng tiểu đội, trung đội (Trung đội dân vệ 31), cả dân vệ, phòng vệ dân sự và chủ lực ngay đều có người mang súng về với cách mạng. Đặc biệt trong kháng chiến chống thực dân pháp đã có nhiều lính viễn chinh tình nguyện bỏ hàng ngũ

dịch theo ta chiến đấu trong suốt 9 năm kháng chiến.

Trong xây dựng lực lượng, Đảng bộ Bình Thuận cũng rất coi trọng các lực lượng khác, đặc biệt là lực lượng phụ nữ. Ngoài vai trò nòng cốt trong đấu tranh chính trị và binh vận, chị em còn có mặt trong lực lượng vũ trang như Đại đội 145, Trung đội 483, Trung đội 475, Trung đội cối 82 (Bình Tuy) các đoàn vận tải của quân khu, của tỉnh và trong các ngành giới cách mạng tại địa phương, vừa tiến công ở phía trước, vừa đảm đương mọi công tác ở hậu phương và đã hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Tin dân, dựa vào dân, tổ chức xây dựng thực lực cách mạng bao gồm lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận và các lực lượng khác để hình thành sức mạnh tổng hợp đánh bại kẻ thù là những vấn đề có liên quan chặt chẽ với nhau trong suốt quá trình thực hiện đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện của Đảng trong suốt 30 năm chiến đấu và chiến thắng.

3. Xây dựng căn cứ địa vững mạnh phát huy tinh thần tự lực, tự cường và giải quyết tốt hậu cần tại chỗ

Suốt cuộc kháng chiến 30 năm, lúc nào Bình Thuận cũng là một vùng đất nằm sâu trong lòng địch, xa sự chỉ đạo và chi viện của Trung ương. Do đó, việc xây dựng căn cứ địa tại chỗ vững mạnh để đảm bảo cho cuộc kháng chiến của toàn dân không chỉ là một vấn đề cơ bản lâu dài mà còn là vấn đề sống còn hết sức cấp bách trước mắt. Nhận thức được tầm quan trọng đó nên ngay

từ đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, dưới sự chỉ đạo của ban cán sự Đảng cực Nam Trung Bộ, Đảng bộ Bình Thuận đã gắn chặt việc xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang với xây dựng căn cứ địa cách mạng nên nhiều khu căn cứ như: khu Lê Hồng Phong, khu du kích Tam Giác, miền Tây Hàm Thuận, miền Tây Bắc Bình, miền Đông Tánh Linh, Hàm Tân và một số căn cứ lồi ở Xoài Quỳ (Hàm Thắng), Bình Thạnh, Tiến Lợi, v.v. lần lượt ra đời đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho các lực lượng chiến đấu và tồn tại, trở thành hậu phương trực tiếp cung cấp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến toàn tỉnh càng đánh, càng mạnh. Đặc biệt khu Lê Hồng Phong đã có một thời (chống Pháp) được mệnh danh là “thủ phủ kháng chiến” của cả miền cực Nam Trung Bộ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, vùng đông Tánh Linh (Núi Ông), Dinh Linh và các vùng căn cứ nói trên (trừ Hàm Tân) vẫn được tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò trung tâm then chốt cho chiến trường toàn tỉnh, cả Nam Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ. Dưới sự chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy 3 và sau này là Khu ủy Khu 6, Đảng bộ Bình Thuận đã coi nhiệm vụ xây dựng các vùng căn cứ ngày càng vững mạnh là một trong những nhiệm vụ chính trị, quân sự lâu dài. Chính vì vậy nên khu Cà Dòn đã trở thành là nơi đứng chân, là chỗ dựa vững chắc của cả huyện, tỉnh và khu.

Thực tiễn xây dựng các vùng căn cứ miền núi trong suốt 30 năm chiến tranh cho thấy: vấn đề quan trọng hơn cả là phải thực hiện đúng đắn và đầy đủ các chính